Cecil B. Currey



CHIẾN THẮNG BẰNG MỌI GIÁ

Thiên tài quân sự Việt Nam: Đại tướng

Võ Nguyên Giáp

THAIHABOOKS
NHÀ XUẤT BẢN THẾ GIỚI

Cecil B. Currey



CHIẾN THẮNG BẰNG MỌI GIÁ

Thiên tài quân sự Việt Nam: Đại tướng

Võ Nguyên Giáp

Cecil B. Currey

CHIẾN THẮNG BẰNG MỌI GIÁ

Thiên tài quân sự Việt Nam: Đại tướng

Võ Nguyên Giáp

Người dịch: Nguyễn Văn Sự

NHÀ XUẤT BẢN THẾ GIỚI

THAIHABOOKS
Phụng sự để dẫn đầu

CHIẾN THẮNG BẰNG MỌI GIÁ

THIÊN TÀI QUÂN SỰ VIỆT NAM: ĐẠI TƯỚNG VÕ NGUYÊN GIÁP

Cecil B. Currey

Nguyễn Văn Sự *dịch*

Phát hành bởi

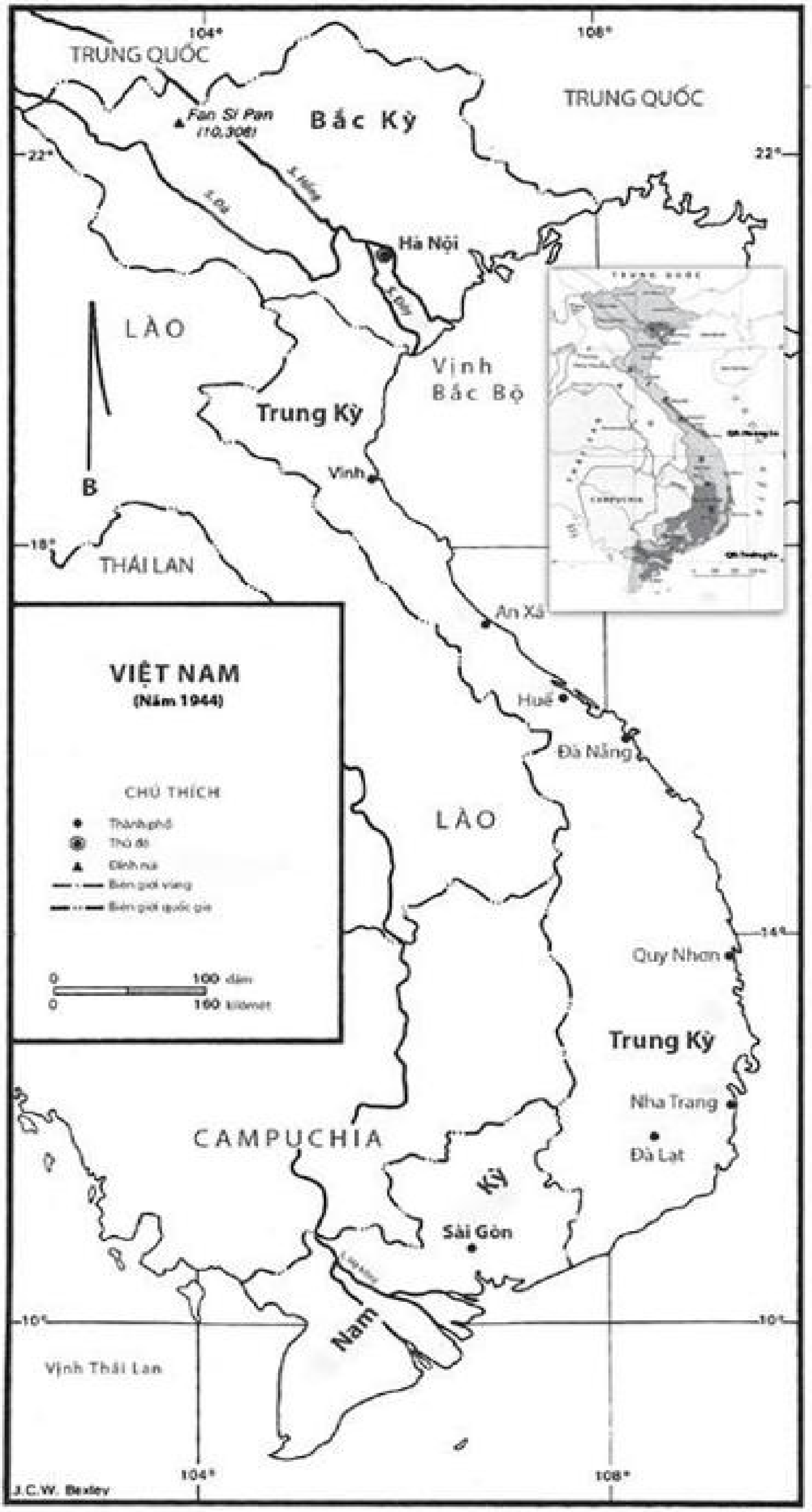
PHUONG NAM BOOK

Tái bản lần thứ hai

Cuốn sách này được Công ty Sách Thái Hà và Nhà xuất bản Thế Giới hoàn thành với sự giúp đỡ nhiệt tình của nhiều cá nhân và tổ chức.

Trước hết chúng tôi xin chân thành cảm ơn dịch giả Nguyễn Văn Sự - người đã giúp chúng tôi liên hệ để có được bản quyền tiếng Pháp của cuốn sách và đã chuyển ngữ cuốn sách sang tiếng Việt. Chúng tôi xin gửi lời cảm ơn đặc biệt tới gia đình và Văn phòng Đại tướng Võ Nguyên Giáp: ông Võ Điện Biên, ông Võ Hồng Nam, Đại tá Trịnh Nguyên Huân đã giúp hiệu đính cho nội dung cuốn sách. Chúng tôi xin được gửi lời cảm ơn tới hai nhà sử học nổi tiếng, nhà sử học Pháp Alain Ruscio và nhà sử học Dương Trung Quốc đã viết lời giới thiệu cho cuốn sách trong lần xuất bản tiếng Việt đầu tiên.

Chúng tôi mong nhận được những ý kiến đóng góp của quý độc giả để cuốn sách được hoàn chỉnh hơn trong những lần in sau.



VIỆT NAM
(Năm 1944)
CHÚ THÍCH
TRUNG QUỐC
TRUNG QUỐC
Fan Si Pan
(10,308)
Bắc Kỳ
Hà Nội
LÀO
B
Vịnh
Bắc Bộ
Trung Kỳ
Vinh
THÁI LAN
An Xá
Huế
Đà Nẵng
LÀO
Quy Nhơn
Trung Kỳ
Nha Trang
Đà Lạt
CAMPUCHIA
Kỳ
Sài Gòn
Nam
Vịnh Thái Lan
104°
108°
22°
18°
14°
10°
J.C.W. Bexley

Lời nhà xuất bản

Cuốn sách này là một trong số những tác phẩm do các tác giả nước ngoài viết về Đại tướng Võ Nguyên Giáp, người Anh Cả vô cùng kính mến của Quân đội nhân dân Việt Nam. Bằng những tư liệu phong phú từ nhiều nguồn khác nhau, tác giả Cecil B. Currey đã dựng lại một cách sinh động những chặng đường lịch sử mà Đại tướng đã trải qua trong đời, từ thuở thiếu thời, khi tham gia cách mạng và sau này khi trở thành vị Tổng tư lệnh quân đội. Là một trong những học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, với tư duy và tài năng quân sự bẩm sinh, kết hợp với học hỏi từ sách vở, truyền thống và thực tiễn, Đại tướng đã góp phần xây dựng và phát triển học thuyết quân sự đặc sắc của Việt Nam, làm cơ sở cho mọi thắng lợi của lực lượng quân sự cách mạng Việt Nam trong hai cuộc kháng chiến giành và bảo vệ độc lập - tự do dân tộc. Hơn thế nữa, những thắng lợi vang dội đó đều gắn liền với sự chỉ đạo, chỉ huy trực tiếp của Đại tướng, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và của Bác Hồ kính yêu. Tác giả cuốn sách đã dày công sưu tầm và nghiên cứu nguồn tư liệu thu thập được để khắc họa lên chân dung một trong những vị Tướng xuất sắc nhất của lịch sử Việt Nam và thế giới.

Tuy nhiên, độc giả có thể bắt gặp đây đó trong cuốn sách cách nhìn nhận, đánh giá, diễn dịch một số sự kiện và nhân vật lịch sử khác biệt với quan điểm chính thống của chúng ta cũng như một số chi tiết chưa chính xác. Điều đó cũng dễ hiểu bởi lẽ, bất kỳ công trình nghiên cứu nào cũng đều mang dấu ấn suy nghĩ cá nhân của tác giả. Và phải chăng, chính dấu ấn cá nhân ấy làm nên nét khác biệt cho cuốn sách này, giữa vô vàn ấn phẩm viết về Đại tướng Võ Nguyên Giáp và lịch sử hiện đại Việt Nam.

Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

Hà Nội, tháng 07 năm 2013

Lời giới thiệu cho bản tiếng Việt

Có thể nói *Chiến thắng bằng mọi giá* là một trong những cuốn sách đầy đủ, chi tiết nhất viết về Đại tướng Võ Nguyên Giáp của người nước ngoài. Cecil B. Currey - một sử gia quân sự - đã giúp người Việt Nam chúng ta làm một công việc cần thiết và vô cùng đáng trân trọng: đó là khiến thế giới hiểu về lịch sử - truyền thống Việt Nam, hiểu về đất nước - con người Việt Nam, hiểu về vị tướng lĩnh tài ba của Việt Nam - Đại tướng Võ Nguyên Giáp - mà theo đánh giá của ông là "thiên tài quân sự vĩ đại nhất thế kỷ XX và là một trong những vĩ nhân của mọi thời đại".

Ngay trong *Lời mở đầu* cuốn sách, Currey đã khẳng định một cách chắc chắn: "Võ Nguyên Giáp là một thiên tài quân sự. Trong suốt sự nghiệp của mình, ông vạch ra chiến lược, chiến thuật và nghệ thuật quân sự đã giúp đất nước ông chiến thắng những kẻ thù mạnh nhất. Nghiên cứu những hoàn cảnh, yếu tố nào đã giúp ông bộc lộ, phát triển tài năng hiếm có ấy chính là chủ đề của cuốn sách này." Dù tác giả đã nói trước với độc giả như vậy, nhưng khi đọc cuốn sách chúng ta lại thấy nội dung cuốn sách đã làm được nhiều hơn những gì tác giả mong đợi. Ngoài việc khắc họa, làm nổi bật những sự kiện lịch sử tiêu biểu, những bước ngoặt trong cuộc đời Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Currey đã có những phân tích khá sắc sảo, thấu đáo để trả lời cho câu hỏi: Tại sao Võ Nguyên Giáp lại trở thành một thiên tài quân sự của thế kỷ XX? Tác giả đã phân tích, mổ xẻ theo nhiều quan điểm, nhiều đánh giá khác nhau, từ những người trong cuộc đến những người ngoài cuộc, từ những người thân, những người "cùng tuyến" đến những người đối đầu, "khác tuyến" với Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Currey đã thẳng thắn phân tích những thất bại trong cuộc đời binh nghiệp của Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Và tất cả những điều đó để cuối cùng, Currey đi đến sự đánh giá về người Anh Cả của Quân đội nhân dân Việt Nam: "Những thử thách mà Tướng Giáp phải vượt qua đã khiến ông trở thành bậc thầy chiến lược, chiến thuật và nghệ thuật quân sự… Tướng Giáp là chuyên gia hiện hữu vĩ đại nhất về chiến tranh nhân dân..."

Đó là những đánh giá của một học giả nước ngoài dành cho vị Tướng lĩnh vô cùng kính yêu của chúng ta. Còn bản thân tôi cũng như bất kể người lính nào đã từng trải qua hai cuộc chiến tranh của dân tộc, thì những gì mà Đại tướng đã làm có lẽ sẽ không bao giờ kể hết được. Còn nhớ trong chiến dịch Tổng tiến công mùa xuân năm 1975, khi đơn vị của tôi và các đơn vị bạn hành quân đến đèo Ăng-Bun (trên đường Trường Sơn) thì nhận được

bức điện của Đại tướng Võ Nguyên Giáp qua đài: "Thần tốc, thần tốc hơn nữa, táo bạo, táo bạo hơn nữa, tranh thủ từng phút, từng giờ, xốc tới miền Nam. Quyết chiến và toàn thắng!" Sau khi nghe xong mệnh lệnh đó của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, các chiến sĩ đều quên hết mệt mỏi, như được tiếp thêm ý chí để hăng hái tiến về tiền tuyến. Thời điểm cuộc hành quân diễn ra là vào mùa hanh khô, khói bụi mịt mù, đất đỏ phủ lên người như "tuyết", có đoạn bụi lầy gần một mét… Thế nhưng, khí thế sục sôi của những người lính vẫn hừng hực, đoàn quân trùng trùng tiến ra tiền tuyến. Một chút kỷ niệm nhỏ đó để thấy rằng Đại tướng Võ Nguyên Giáp không chỉ là vị Tổng tư lệnh của quân đội nhân dân Việt Nam, mà hơn thế, cùng với Chủ tịch Hồ Chí Minh và những nhà lãnh đạo tài ba khác của Đảng Cộng sản Việt Nam, ông chính là nguồn động viên tinh thần cho toàn quân, toàn dân ta vượt qua những năm tháng chiến tranh khốc liệt nhất.

Tên sách là *Chiến thắng bằng mọi giá*, nhưng không có nghĩa là cố gắng giành thắng lợi bằng bất cứ giá nào, mà phải chiến thắng bằng sự khéo léo, khôn ngoan nhất, chiến thắng với sự hy sinh, tổn hại ít nhất. Đó cũng chính là nghệ thuật quân sự của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, bởi trước hết và trên hết ông là "một vị Tổng tư lệnh biết đau với từng vết thương của mỗi người lính, biết tiếc giọt máu của mỗi chiến binh" (trích lời của Thượng tướng Trần Văn Trà).

Trong cuốn *Chiến thắng bằng mọi giá*, độc giả sẽ không ít lần bắt gặp những cách nhìn nhận, đánh giá khác biệt của Currey về lịch sử so với những gì trước đây chúng ta vẫn nghĩ. Sẽ có không ít những tư liệu và quan điểm mới mẻ mà chúng ta chưa biết. Và tất nhiên sẽ có không ít những nhầm lẫn, những sự kiện thiếu tính chính xác, mà trong quá trình tiếp cận nguồn tư liệu, bản thân tác giả cũng chưa kiểm chứng hết được. Vì thế, chúng ta nên đọc cuốn sách với thái độ cởi mở tiếp nhận cái mới, song cũng hết sức cẩn trọng trước mỗi đánh giá của tác giả.

Đây là một cuốn sách giá trị về lịch sử Việt Nam nói chung và về Đại tướng Võ Nguyên Giáp nói riêng.

Một lần nữa xin được cảm ơn tác giả và xin trân trọng giới thiệu tới bạn đọc.

NGUYỄN HUY HIỆU

Thượng tướng, Viện sĩ, Tiến sĩ Khoa học Quân sự

Lời giới thiệu cho bản tiếng Anh

Tôi rất quan tâm đến đề tài chiến tranh và đã viết về chiến tranh, vì vậy tôi thấy cuốn sách của Cecil B. Currey: **Chiến thắng bằng mọi giá** vừa gây ấn tượng vừa là một công trình quan trọng đối với tôi. Đây là một cuốn sách về tiểu sử danh nhân đáng đọc, giúp người đọc khám phá và hiểu được những phẩm chất quân sự của vị Tổng tư lệnh quân đội Bắc Việt, Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Tác giả giúp chúng ta hiểu được tại sao Tướng Giáp được xếp vào hàng các danh tướng của thế kỷ XX. Cuốn sách miêu tả về cuộc sống phong phú đầy ắp sự kiện với những bằng chứng sâu kín và riêng tư nhất của ông từ khi sinh ra cho đến khi rút về cuộc sống lặng lẽ hiện nay tại Hà Nội.

Tác giả Cecil B. Currey là một sử gia quân sự đáng kính. Cuốn sách này của ông chứa đựng những kinh nghiệm quân sự và kiến thức có được trong khi viết hai cuốn sách về Việt Nam trước đó: một cuốn tiểu sử của Tướng Lansdale - một chiến binh nổi tiếng về chống chiến tranh du kích và cuốn còn lại đưa ra mô tả gây tranh cãi về sự tự hủy diệt của quân đội Mỹ ở Việt Nam.

Cuốn sách thứ ba này là kết quả của 5 năm nghiên cứu, tìm tòi, đi sâu vào các bài phát biểu, huấn thị, diễn từ, luận văn quân sự đồ sộ của vị danh tướng, tìm đọc các sách báo phong phú của Việt Nam và Mỹ liên quan đến vấn đề, cũng như các chồng hồ sơ lưu trữ. Chính qua sự sàng lọc các cuộc phỏng vấn với Đại tướng Võ Nguyên Giáp và các thành viên trong gia đình ông, những đồng nghiệp, bạn bè chiến đấu của ông và cả những cựu địch thủ người Mỹ của ông, Currey khắc họa chân dung một nhà lãnh đạo quân sự mà tài năng khác thường ở chỗ biết tổ chức, biết kiên nhẫn nhưng có một ý chí bất khuất, ở khả năng học hỏi và tài khéo thuyết phục hàng triệu đồng bào cần phải chịu đựng để giành thắng lợi bằng mọi giá. Trải qua ba thập kỷ, Võ Nguyên Giáp trước hết tạm thời liên minh với người Pháp đuổi người Nhật ra khỏi Đông Dương rồi đánh bại các lực lượng hùng mạnh của Pháp và cuối cùng là Hoa Kỳ. Vào cuối những năm 1970, quân đội của Võ Nguyên Giáp đã đánh đuổi đội quân xâm lược phía Bắc.

Quân đội do Tướng Giáp thành lập bắt đầu từ con số 0 đã giành được những chiến công đặc biệt đó. Ông đã sát cánh cùng với Hồ Chí Minh lật đổ ách đô hộ nước ngoài, từ đó ông lập ra một đội quân lúc đó chỉ là một nhóm nhỏ những người mới cầm súng không lâu, thiếu thốn trang bị và vũ khí. Bản

thân ông cũng chỉ được đào tạo sơ qua về quân sự nhưng ông cố tìm hiểu lĩnh vực mới mẻ này từ những nguồn sách vở… Napoleon và các chiến dịch của Napoleon đã gây cho ông niềm hứng thú nghiên cứu, giúp ông hoàn thành chiến lược "phương Đông" của mình, tận dụng thiên thời, địa lợi, nhân hòa và tiến hành những trận giao tranh liên tục để đánh bại các lực lượng phương Tây đông quân hơn, trang bị mạnh hơn, có phản ứng mau lẹ dựa trên một nền công nghệ tiên tiến.

Ở một số phương diện, người ta có thể nói Tướng Giáp đã biết cách vận dụng chiến lược Nga khá hiệu nghiệm chống Napoleon. Thời đó, Napoleon, chỉ nói riêng về mặt quân sự, là người chỉ huy, một thiên tài quân sự có tầm vóc khổng lồ. Nhưng rút cục, ông đã thua trận, để lại đằng sau một nước Pháp kiệt quệ và bại trận. Cuốn sách của Cecil B. Currey tỏ ra trung thực ở chỗ tác giả đã chỉ đích danh những sai lầm của Tướng Giáp, với tư cách là vị tướng cầm quân nhưng đôi khi phải thực hiện những quyết định của những người có trách nhiệm trái với ý kiến của ông. Cuốn sách cũng khẳng định một cách mạnh mẽ sự đánh giá của tác giả: Vị Tướng soái tối cao của quân đội Việt Nam Võ Nguyên Giáp là một trong những tướng lĩnh vĩ đại trong lịch sử. Đúng như tác giả đã ghi vắn tắt: *"Giáp đã thắng"*. Rõ rõ ràng là lý do chủ yếu khiến Hoa Kỳ không thể thắng được ở Việt Nam, chính vì Tướng Giáp không bao giờ cho phép Hoa Kỳ làm được điều đó.

JOHN KEEGAN

Sử gia quân sự người Anh

Lời mở đầu

Chiến thắng bằng mọi giá là cuốn cuối cùng của bộ ba cuốn sách viết về Việt Nam mà tôi đã bắt đầu viết từ hơn 15 năm trước. Cuốn đầu tiên, *Tự hủy diệt* (Self-Destruction, 1981) chỉ ra Hoa Kỳ đã thất bại trong nỗ lực biến Việt Nam Cộng hòa thành một quốc gia độc lập không cộng sản. Thất bại này phần lớn do thái độ và những thực hiện trong nội bộ quân đội Hoa Kỳ. Quân đội đó không hiểu đối thủ, do đó không tìm thấy một chiến thuật thích hợp để đương đầu. Đường lối quân sự của Hoa Kỳ phiến diện một cách đáng xấu hổ và sai lầm rõ ràng. Quân đội Mỹ đã quá dựa vào công nghệ tiên tiến và sử dụng một cách lố lăng hỏa lực của mình. Quân đội ấy hoạt động giống như khi nó truy kích các đơn vị kẻ thù của các nước trong khối Warzaw qua vùng đồng bằng trung tâm châu Âu. Quân đội ấy đã phớt lờ những lời kêu gọi thay đổi từ nội bộ.

Những người chịu trách nhiệm về quân sự Mỹ, khi đó cũng như sau này, không chịu thừa nhận mắc phải sai lầm ở Đông Nam Á. Người ta thường giải thích về thất bại ở Việt Nam bằng một từ đã được quân đội Đức sử dụng để nói về sự bại trận của mình trong Thế chiến thứ nhất 1914 - 1918 là *Dolchstosslegende* tức là "đánh sau lưng", có nghĩa quân đội thua ở mặt trận là do những can thiệp chính trị vào đường lối chiến tranh và những rối loạn trong nội bộ đất nước. Thực tiễn đơn giản hơn: thảm họa quân sự ở Việt Nam là do sự ngu ngốc của các sĩ quan cao cấp nhất ở chiến trường. Nó đã trở thành công cụ dễ bị phá vỡ của chiến tranh.

Khi tôi viết về sự can thiệp quân sự thất bại của Mỹ ở Việt Nam, sự thất bại càng trở nên rõ ràng hơn tất cả những gì nó vẫn được nói. Trong quá trình tìm tư liệu để viết cuốn *Tự hủy diệt,* tôi thường xuyên bắt gặp dấu vết hoạt động của một cá nhân bí hiểm, mơ hồ tại Đông Nam Á, Edward Geary Lansdale. Ông ta đã gợi ý những cách tiếp cận khác tại Việt Nam có thể sẽ đem lại sự thấu hiểu sâu sắc và giá trị: Lansdale thường chứng minh rằng Hoa Kỳ, nếu đi theo một chiến lược khác, thích nghi hơn ở Phương Đông sẽ có thể thắng. Đó là điều đã làm tôi say mê không dứt ra được. Tôi muốn biết nhiều hơn nữa. Chúng ta có thể làm được gì khác ở Việt Nam để làm cho chính sách của Hoa Kỳ ở Việt Nam giành được thắng lợi. Có thể Lansdale sẽ tiết lộ cho tôi biết. Những cố gắng của tôi lên tới tột đỉnh trong cuốn sách về Edward Lansdale nhan đề *Người Mỹ lo lắng* (The Unquiet American, 1988).

Khi Lansdale đề cập đến các nước thuộc thế giới thứ ba, ông thường

đưa ra ý kiến nên mở cửa và tạo nên sự tin cậy để chống lại cuộc nổi loạn của cộng sản. Ông khuyên rằng mục tiêu chủ yếu của Hoa Kỳ là phải tranh thủ những người địa phương. Một dân tộc bị cuộc cách mạng đe dọa không thể tự cho phép chỉ dựa vào các cuộc hành quân. Chỉ với các cuộc hành binh, sẽ không đủ sức đánh bại một kẻ thù quả quyết và dũng cảm. Lansdale là một trong số rất hiếm người Mỹ trong thời của ông hiểu được bản chất kẻ thù của mình.

CIA phái ông đến miền Nam Việt Nam từ năm 1954, tin tưởng vào khả năng của ông có thể thiết lập được mối quan hệ với người châu Á. Ông đã giúp đỡ, cố vấn cho Ngô Đình Diệm từ năm 1954 đến năm 1956 để đi những bước đầu tiên hướng tới thành lập một chính phủ ổn định không cộng sản ở miền Nam Việt Nam. Công việc sắp thành công đến nơi. Lansdale quả là người khổng lồ đúng nghĩa trong hành động của các cuộc xung đột thời hiện đại.

Không thể nghiên cứu con đường công danh của Lansdale nếu không đối lập nó với những quan điểm của người lãnh đạo trứ danh ở miền Bắc là Võ Nguyên Giáp mà chiến thuật, chiến lược của ông đã giúp đất nước ông đánh thắng cả hai lực lượng mạnh nhất là thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Đây chính là nền tảng cho cuốn sách cuối cùng này trong bộ ba cuốn sách về Việt Nam.

Võ Nguyên Giáp là một thiên tài quân sự. Trong suốt sự nghiệp của mình, ông vạch ra chiến thuật, chiến lược đã giúp đất nước ông chiến thắng những kẻ thù mạnh nhất. Nghiên cứu những hoàn cảnh, yếu tố nào đã giúp ông bộc lộ, phát triển tài năng hiếm có ấy chính là chủ đề của cuốn sách này. Độc giả sẽ không tìm thấy ở đây những chi tiết về lịch sử Việt Nam cũng như nhận thức của Mỹ về chiến tranh, hay bất kỳ phân tích nào về những xung đột trong lòng xã hội Hoa Kỳ. Nhiệm vụ của tôi là điều chỉnh lại hồ sơ và đưa ra quan điểm của người Việt Nam về cuộc xung đột ở Đông Nam Á cũng như về vai trò của Tướng Giáp trong cuộc chiến đấu đánh bại người Pháp rồi người Mỹ. Chỉ với sự đào sâu đó chúng ta mới hiểu được đầy đủ kết cục của cuộc chiến cũng như hình thức chiến tranh mà Võ Nguyên Giáp đã sử dụng hiệu quả.

Vị tướng tự học đó đã học nghệ thuật quân sự ngay trong thực tế khói lửa của chiến trường. Trong suốt cuộc đời binh nghiệp của mình, ông đã chạm trán với binh sĩ của Pháp, Nhật, Hoa Kỳ, Việt Nam Cộng hòa (chính họ là những đồng bào, anh em ruột thịt ở miền Nam), Campuchia và Trung Quốc. Có lẽ, không một vị tướng lĩnh nào đã chiến đấu chống lại nhiều kẻ

thù khác nhau và đã giành được nhiều thắng lợi như thế. Tuy nhiên ở phương Tây, ông là con người tương đối bí hiểm. Bất kể ai nghiên cứu về Tướng Giáp đều nhanh chóng phát hiện ra rằng gần như ông không được nhắc đến tại Hoa Kỳ dù nhiều năm qua ông là kẻ thù chính của họ. Hầu như không có bài viết nào về 20 năm quan trọng trong cuộc đời ông từ năm 1944 đến 1964, khi ông thành lập một lực lượng vũ trang sẽ làm lung lay nền thống trị của Pháp ở Đông Dương và mở cuộc tiến công, giành thắng lợi ở Điện Biên Phủ, tiếp đó sử dụng du kích để tiến công chính phủ được Mỹ ủng hộ ở phía nam vĩ tuyến 17 và chuẩn bị đối mặt với quân đội hùng mạnh của Hoa Kỳ. Về cuộc đời trước đó của ông, còn ít nguồn tài liệu hơn. Tệ hơn nữa là có nhiều điều khẳng định sai lầm có mục đích hơn là đưa ra những đánh giá đúng đắn, đầy đủ về Tướng Giáp. Cuốn sách này sẽ đưa ra sự thẩm định chính xác và đầy đủ hơn về con người phi thường này.

Thật khó để mổ xẻ các chi tiết trong cuộc đời của Võ Nguyên Giáp, ngay cả khi trò chuyện với những người quen biết ông cũng không cung cấp được gì quan trọng. Như là một nét văn hóa, người Việt thường có thái độ nghiêm mật một cách quá đáng. Họ thường giữ kín cuộc sống riêng tư của mình, tránh để lộ thông tin với những người không quen biết và những ai tò mò. Có lẽ họ nhớ lại những năm dài dưới ách thống trị thực dân và Phòng Nhì của Sở Mật thám Pháp sục sạo khắp nơi dò la mọi chốn về những tin tức của những ai gây nguy cơ cho nền đô hộ đó…

Tuy nhiên, một khối lượng thông tin vẫn có thể sẵn sàng được cung cấp, những tài liệu Việt Nam xuất bản bằng tiếng Anh, nhiều bài viết khác được bạn bè dịch giúp tôi, những văn kiện chính thức của chính phủ, những công trình nghiên cứu dù gián tiếp nhưng hữu ích đã hướng tôi đến những nguồn có thể sử dụng được, đó là không kể những người Việt Nam biết rõ Tướng Giáp đã kể cho tôi nghe nhiều kỷ niệm về ông, những người Mỹ mà tôi đã phỏng vấn về quá khứ từng dính líu đến tình báo Mỹ hay các cơ quan của chính phủ mà hồ sơ của họ về thời kỳ đó đã bị lưu trữ suốt nửa thế kỷ qua, cho tới những học giả trong lĩnh vực này đã vui lòng chia sẻ với tôi những hiểu biết của họ.

Có lẽ, hữu ích nhất cho việc viết cuốn tiểu sử này là sự giúp đỡ của chính Tướng Giáp, ông đã vui lòng cung cấp cho tôi nhiều thông tin dù còn hạn chế về cuộc đời hoạt động cách mạng của mình. Tháng 12/1988 ông đã đồng ý gặp tôi và cho phép tôi phỏng vấn ông. Khi trở về, tôi đã quyết định viết cuốn sách này. Tôi trở lại Hà Nội vào tháng 12 năm sau. Đây là chuyến đi thứ ba của tôi đến Việt Nam, dự định sẽ có những cuộc trò chuyện thường xuyên với Tướng Giáp. Nhưng tôi đã không thể thực hiện được dự định này.

Mặc dù trong lời khai xin thị thực nhập cảnh tôi ghi rõ mục đích của chuyến viếng thăm Việt Nam là phỏng vấn Tướng Giáp, ông Đào Huy Ngọc, Giám đốc Học viện Quan hệ quốc tế của Bộ Ngoại giao cho tôi biết khi mới đến là theo một “người có trách nhiệm ở cấp cao” - ông Ngọc không nói rõ tên - thì không phải là dễ dàng được Tướng Giáp trả lời phỏng vấn. Sau cuộc gặp gỡ với ông Ngọc, tôi rất khó khăn mới có thể gặp lại chính những người bạn mà tôi đã được gặp trong các chuyến viếng thăm trước.

Tôi đã viết cho Tướng Giáp nhiều lần, các thư từ của tôi gửi đi đều không có hồi âm. Tôi không biết có nên khiếu nại Bưu điện Việt Nam không, hay người nhận thư của tôi được lệnh lờ đi không trả lời, coi như không nhận được! Sau này tôi được biết thư từ của tôi đã không đến tay ông. Nhưng cuối cùng tôi cũng cho ông biết được ý định của tôi. Ông nhớ ra và biểu thị sự vui mừng vì theo lời ông, ông muốn mọi cuốn sách viết về ông ở phương Tây phải được viết trung thực và nghiêm túc bởi một “nhà sử học có lương tâm”.

Ông trả lời những câu hỏi của tôi và ông còn gửi cho tôi nhiều tấm ảnh của ông cùng vợ và các con. Trên các trang viết mà tôi nhận được, ông kể cho tôi nghe về gia đình, dòng tộc, quê hương, về những năm tháng đi học, về niềm say mê với chủ nghĩa cộng sản từ rất sớm, về chuyện ông bị kết án tù, chuyện ông làm nghề báo, về người vợ đầu và đứa con gái đầu lòng của ông, thời gian ông dạy ở một trường trung học tư thục tại Hà Nội, lòng căm thù thực dân Pháp khôn nguôi, ý chí quyết tâm đấu tranh cho nền độc lập của Việt Nam, lúc ông bí mật sang Trung Quốc khi Chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ và cuộc sống của ông tại vùng đồi núi phía bắc trong thời gian kháng chiến chống Pháp.

Ông kể cho tôi nghe về chuyện thành lập đội quân đầu tiên, Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân, chuyện những người của OSS (Office of Strategic Services - Cơ quan tình báo chiến lược) trong những ngày cuối của chiến tranh đã đến để làm việc với binh sĩ Việt Minh. Ông kể về người vợ thứ hai và những đứa con của mình, về thôn xóm và cha mẹ ông. Ông kể với ngôn ngữ giản dị đời thường chứ không phải như một người học vẹt về ý thức hệ. Ông đưa ra một câu trả lời hóm hỉnh khi người ta nói đùa ông về bí danh cũ. Ông nói về những đứa cháu nội, cháu ngoại.

Thế rồi, quên rằng ông đã thỏa thuận trước đó với tôi, ông từ chối không trả lời thẳng những câu hỏi mà tôi đã nêu ra. Ông luôn ngỏ lời xin lỗi. Ông cho biết ông đã đi thăm chỗ này chỗ khác, tham dự nhiều buổi lễ lạt, nhiều buổi họp kỷ niệm lịch sử, để tang một người em. Cuối cùng ông thẳng

thắn giảng giải cho tôi. Ông đã cung cấp không ít tư liệu và dù sao những câu hỏi mới của tôi đã "xuất phát từ những tư liệu không nghiêm túc, thậm chí sai lạc và phản động". Tuy nhiên ông vẫn tiếp tôi, đề ngày tự tay ký tên vào bản thảo của cuốn sách này.

* * *

Tôi xin được bày tỏ lòng biết ơn đối với vị thống soái Võ Nguyên Giáp. Ông, tất nhiên, là một trong nhiều người đã tham gia vào việc tạo nên cuốn tiểu sử này. Tôi cũng xin cảm ơn những người, khá nhiều, đã tham gia vào việc soạn thảo cuốn tiểu sử này. Bộ phận đỡ đầu việc nghiên cứu của trường Đại học Nam Florida và Tiến sĩ Julia Davis, Trưởng khoa tiền nhiệm của trường Đại học Khoa học Hành vi và Xã hội đã phái một trợ lý nghiên cứu giúp tôi năm 1990. Các cơ quan lưu trữ Đông Dương ở Berkeley, California, đã giúp tôi tìm hiểu thêm về thân thế và sự nghiệp của Tướng Giáp qua hồ sơ lưu trữ của họ. Françoise Jean và Pascuele Lavendaire đã thẩm định một số bản dịch. Virginia Gift đã giải đáp cho tôi nhiều thắc mắc, nghiên cứu các tập lưu trữ và tìm cách để tôi gửi những câu hỏi đến tướng Võ Nguyên Giáp.

Rất nhiều người Việt Nam, hiện đang sinh sống ở Việt Nam và Hoa Kỳ đã giúp tôi đi đến tận cùng dự định này, trong số đó phải kể ra Hồ Thị Quang, Kim Dung Trần - Ngọc, hai chị em Hà Xuyên - Hà Mai, Trịnh Xuân Lãng, Nguyễn Đăng Quang, Trần Minh, Đỗ Tín Nhâm, Nguyễn Đăng Thuyên, Phạm Bình, Châu Phong, Bùi Tín, tướng Cao Pha, tướng Trần Công Mân, Đinh Miên, Nguyễn Thăng Long, Nguyễn Quốc Hải và vợ, bà Hồ Thị Xuân Hồng và người phiên dịch của tôi, người bạn đồng hành trong suốt hành trình ở Việt Nam, người bạn và "em út" Lê Hồng Lâm đã làm việc tích cực để cho cuộc viếng thăm thứ nhất và thứ hai của tôi ở đất nước Việt Nam trở thành chuyện đáng ghi nhớ mãi. Ở cả Thái Lan và Việt Nam, tôi nhận được sự giúp đỡ của nhiều người Thái có thiện chí như các ông Pradorn Ucharatna, Yothin Piraphatanapong (Peter Johnson) và Vudhi Lenbury.

Tại Mỹ, các ông T. Edward Henley ở Tigard bang Oregon, Will Brownell, Giám đốc Dự án Thư mục về Việt Nam tại Trường Đại học Columbia và Đại tá John K. Brier, Giám đốc Điều hành phụ trách đón tiếp khách quốc tế của Hội đồng Tampa Bay. Đặc biệt, Đại tá Brier đã giúp tôi một việc vô cùng giá trị khi ông giúp tôi tiếp xúc với chuẩn tướng Vĩnh Lộc của quân đội Việt Nam Cộng hòa (cũ). Tất cả họ đều góp cho tôi những ý kiến bổ ích và mang lại những thảo luận đầy hào hứng.

Làm việc tại nhà ở California, tướng Vĩnh Lộc đã tham khảo nhiều bạn

bè, hội đồng hương Quảng Bình, đi hàng cây số để tìm tư liệu và bằng những kiến thức rộng rãi của mình, ông đã giúp tôi hoàn thành cuốn sách. Ông bỏ nhiều thời giờ để ghi lại trên giấy những hồi ức của ông, cuộc sống ở Việt Nam đầu thế kỷ XX, phong tục tập quán và các truyền thống của triều đình, những cuộc biểu tình vào ngày 1/5/1930, những biện pháp của cảnh sát Pháp, thái độ của người Việt Nam đối với thực dân Pháp trước Chiến tranh thế giới lần thứ hai, giáo dục tiểu học ở Việt Nam cách đây bảy thập kỷ, việc xây dựng cơ sở vật chất và chương trình đào tạo ở Trường Quốc học Huế - ngôi trường mà Võ Nguyên Giáp đã từng theo học, cảnh quan An Xá - quê hương của Tướng Giáp, những kỷ niệm của chính bản thân ông về Tướng Giáp và nhiều chi tiết khác nữa. Sự giúp đỡ của tướng Vĩnh Lộc đã vượt xa mọi điều mong đợi và tôi chịu ơn ông nhiều lắm.

Sheila Simon-Derrwaldt, nữ trợ lý nghiên cứu của tôi đã giúp tôi nhiều việc, đều đặn và mang tính chuyên nghiệp. Jennifer Bexley đã vẽ những tấm bản đồ giúp độc giả hiểu dễ dàng hơn việc nghiên cứu về cuộc đời của Tướng Giáp. Rồi những người đã đọc bản thảo của tôi như Carl Heymann, Allison Kent Thomas, Earl H. (“Butch”) Tilford Jr., bác sĩ Libby Allison-West và thiếu tướng Phillip B. Davidson và cả David G. Marr [một sử gia nổi tiếng về Việt Nam] đã đọc và cho nhận xét về một số phần của cuốn sách. Họ đã giúp tôi chỉnh lý cách viết để có một giọng điệu phù hợp. Những nghi vấn đậm chất chuyên môn của họ đối với những ý kiến của tôi đã buộc tôi phải suy nghĩ lại về nhiều vấn đề, thậm chí toàn bộ một chủ đề nào đó, qua đó giúp tôi tránh mắc phải nhiều sai lầm. Nếu có những điều họ muốn tôi nói đến nhưng lại không có trong cuốn sách, đó không phải vì tôi không đánh giá cao những ý kiến đó hoặc không tôn trọng những điều họ đã nói ra, mà rút cục chỉ chứng tỏ là chúng tôi đã thấy rằng giữa chúng tôi đã có sự bất đồng quan điểm trên vấn đề này hay vấn đề khác.

Tôi cũng cảm ơn Joshua Bilmes của JABberwocky Literary Agency, và Franklin D. Margiotta là người biên tập và Giám đốc của Nhà xuất bản Brassey’s Inc. đã không tiếc công sức và thời gian để cho chất lượng cuốn sách được bảo đảm và ra mắt độc giả đúng thời hạn. Sau tất cả những giúp đỡ tận tình kể trên, nếu cuốn sách còn bất kì thiếu sót gì thì đều chỉ do riêng cá nhân tôi.

Cuối cùng tôi xin được nhắc tới với lòng yêu mến tha thiết và biết ơn vô hạn đối với Laura Gene Currey, người vợ yêu quý của tôi đã khuyến khích, cổ vũ tôi, tạo ra một môi trường thuận lợi, đầy tình mến thương trong mấy năm ròng, để tôi hoàn tất cuốn tiểu sử này. Tôi thường xa lánh mọi người xung quanh để vùi đầu vào công việc nghiên cứu, tìm tòi trong hàng đống tư

liệu sổ sách ghi chép và hay phải đi vắng luôn để rà soát, tra cứu, xử lý tài liệu cho kịp thời hạn đã quy định. Laura không tiếc sức để giúp tôi khi có thể. Khi không giúp được gì cho tôi, cô để tôi yên lặng làm việc. Đôi khi cô còn chia sẻ với tôi biết bao nỗi lo toan buồn phiền vì chúng tôi hoàn toàn thông cảm và gắn bó với nhau.

CECIL B. CURREY

Lutz, Florida

Tháng 10 năm 1995

PHẦN MỘT

An Xá
1911 - 1940

“Trở thành nhà cách mạng”

Người lính già ngồi ở hàng ghế sau, trên chiếc ôtô cũ kỹ sản xuất từ thời Liên Xô (cũ), đưa mắt nhìn ra ngoài qua ô cửa kính khi người lái xe đi chậm lại vì những ổ gà trên con đường lầy lội. Mặt ông bình thản, không lộ chút cảm giác khó chịu nào vì đường xấu, tâm trí ông dường như đắm chìm vào kí ức. Vị cựu Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp đang trở lại Pắc Bó, một địa điểm vùng cực bắc Việt Nam, chỉ cách biên giới Trung Quốc vài cây số. Đây là nơi lần đầu tiên, chính ông và Hồ Chí Minh cùng làm việc với nhau vào thời kỳ đất nước còn phải đấu tranh giải phóng khỏi ách thống trị của đế quốc Pháp. “Những kí ức đó”, sau này ông viết, “không thể phai mờ”.

Sau chuyến đi xa khỏi biệt thự rộng rãi ở Hà Nội, ông nghỉ lại một đêm tại thị xã Cao Bằng nhỏ bé. Người ta nghe thấy ông phàn nàn với giọng nhỏ nhẹ. Ngày ngắn, chóng tối, đường xấu xe đi chẳng được bao nhiêu, chứ nếu không có lẽ chuyến đi dễ chịu biết mấy! Buổi sáng lúc mọi người chuẩn bị lên đường, sương mù mùa đông hãy còn phủ kín các triền núi cao, xe tới Hòa An mà sương mù vẫn chưa tan hết. Giống như những kim tự tháp, các dãy núi đá vôi vượt lên khỏi làn sương mù nhô lên trời cao.

Vị tướng già ngước mắt nhìn lên phong cảnh xung quanh. Ông kể lại: “Có thể nói tôi thuộc từng ngọn núi, từng con thác, dòng sông, thị trấn xóm làng vùng này. Phía trước là Phia But, ngọn núi cao nhất. Trên đỉnh có một cái hồ tự nhiên. Theo truyền thuyết từ lâu lắm rồi có một nàng tiên giáng trần đã đến tắm ở đây. Không may, người hạ giới nhìn thấy và nàng tiên không thể quay về trời. Hàng năm trong mùa mưa, khi nước xuống, người dân trong vùng quả quyết đã nhìn thấy một cô gái đẹp tuyệt trần cưỡi ngựa tay cầm quạt”.

Xe ôtô dừng lại ở thôn Phai Khắt - nơi những chiến sĩ của ông đã đánh trận đầu tiên với quân Pháp. Làng xóm không mấy đổi thay. Năm 1944 cả thôn có khoảng hơn chục ngôi nhà, ngày nay chắc là gấp đôi. Tin người chỉ huy năm xưa trở về thăm bà con chẳng mấy chốc lan ra khắp làng. Đây là nơi khởi đầu binh nghiệp của ông. Bạn bè cũ ở rải rác các thôn xóm quanh vùng Nguyên Bình, Minh Tâm, Hoàng Hoa Thám và Trần Hưng Đạo đều tề tựu về đây để gặp ông.

Thời đó, nhiều người cho rằng Phai Khắt chỉ là trận giao chiến đầu tiên như mọi trận khác, nhưng sau này tướng Giáp nói: “Đối với tôi, nó còn hơn

thế. Năm 1941 người Pháp đến vùng này và biến ngôi nhà mới xây của đồng chí Lạc thành nơi đóng quân của quan đồn.” Ngày đó và cho đến cả hôm nay, ngôi nhà của đồng chí Lạc là ngôi nhà to nhất và kiên cố nhất. “Chính vì lẽ đó chúng tôi đã quyết định đánh trận mở màn”. Bây giờ, ở chỗ này người ta dựng một tấm bia có dòng chữ: “Phai Khắt: Khởi đầu của cuộc cách mạng. 24-12-1944”.

Võ Nguyên Giáp mỉm cười và vẫy tay qua cửa xe chào những người đến đón ông, nhiều người mặc những bộ quần áo ngày hội, màu sắc rực rỡ. Sau khi thận trọng cho xe đi qua xóm, người lái xe cho xe dừng lại trước trụ sở Ủy ban nhân dân xã. Khi ông thong thả bước xuống qua cửa xe phía sau, hai phụ nữ tiến lại gần tay ôm hoa. “Đúng là một ngày hội”. Ông tươi cười nói với mọi người xung quanh.

Nhìn kỹ đám đông, vị đại tướng cố nhìn vào khuôn mặt của những người già, hy vọng tìm được những người bạn chiến đấu năm xưa cùng mình. Ông đã trông thấy Đông Phương Quy ở vùng Dao Truyền trước đây là tiểu đội trưởng đội 3. Có cả Thu Sơn trước đây là tiểu đội trưởng đội 1 người đã chỉ huy hạ đồn Phai Khắt. Đứng gần đấy là Tiến Lực và Lê Lợi trùng tên với vị anh hùng dân tộc thế kỷ XV. Tất cả nay đều 60 - 70 tuổi và đã trở về với cuộc sống đời thường yên bình. Ông tâm sự: “Gặp lại họ, tôi không nén nổi xúc động, nước mắt trào ra vì vui sướng.” Họ nhắc lại những năm hào hùng và hy sinh cho cách mạng: “Đằng kia,” tay ông chỉ chuồng trâu liền kề ngôi nhà của Lạc, “chỗ kia là chỗ chúng ta đã giết tên đồn trưởng Pháp”. Một lát sau, ông quay ra xe và người lái xe lại rong ruổi trên đường đi Pắc Bó. “Không có chuyến đi này,” ông nói, vẻ trầm ngâm, “có lẽ chẳng bao giờ có dịp gặp lại tất cả anh em chiến đấu cũ”.

Khi xe đến gần Pắc Bó, lái xe nhấn ga lượn qua một vòng dọc địa điểm trong tương lai sẽ xây dựng một bảo tàng quốc gia ở đây. Khi xây xong, nơi này sẽ là nơi tưởng nhớ Hồ Chí Minh. Đây là lần thứ ba từ khi đất nước hoàn toàn giải phóng năm 1975, Võ Nguyên Giáp trở lại hang Pắc Bó. Trong cuộc viếng thăm nơi này lần thứ nhất vào tháng 4/1975, ông đã trồng cây lưu niệm để nhớ lại những năm tháng đồng bào cả nước đã biết bao cố gắng, hy sinh để giành lại độc lập và thống nhất. Lát nữa, ông sẽ trồng một cây thứ hai ở đây: ông đã mang từ vườn cây Bác Hồ trong Phủ Chủ tịch, một cây con được bọc kỹ trong giấy bóng để trồng tại nơi này.

Cuối cùng, người lái xe cho dừng xe lại. Họ đã đến nơi. Vị tướng già nhìn ra xung quanh, vẻ thân thuộc của phong cảnh nơi đây làm ông vui sướng. Chế ngự cả một vùng là núi Các Mác phủ một màu xanh tươi và gần

đó tiếng róc rách của con suối được Hồ Chí Minh đặt tên là suối Lênin. Ánh nắng mặt trời vàng óng hình như chiếm cả một vùng và ánh sáng ban mai chiếu xuống suối nước trong vắt càng làm cho các tia nắng rực lên tươi rói, khiến đứng trên bờ người ta trông thấy rõ cả đàn cá tung tăng bên cạnh các hòn đá phủ rêu xanh.

Một đơn vị bộ đội đóng ở Pắc Bó chạy ùa lại chỗ xe đậu, và đi theo vị lão tướng lên hang Pắc Bó là nơi cách đây nhiều thập kỷ Hồ Chí Minh đặt đại bản doanh của cách mạng và trở thành đất thánh của Hồ Chủ tịch, Võ Nguyên Giáp và nhiều đồng chí khác. Cũng như mọi lần ông quả quyết rằng lối vào hang giống tựa tai mèo. Vừa đi vừa hồi tưởng lại quá khứ, nhớ đến Bác Hồ, ông trầm ngâm nghĩ lại thấy đời hoạt động của Hồ Chí Minh cứ mười năm một lại đánh dấu bằng những sự kiện quan trọng. Năm 1911, 20 tuổi, chàng trai Nguyễn Tất Thành - sau này là Chủ tịch Hồ Chí Minh - rời bến Nhà Rồng ở Sài Gòn, xin một chân rửa bát rồi phụ bếp trên một chiếc tàu chở hàng của Pháp. Mười năm sau, 30 tuổi Nguyễn Tất Thành trở thành Nguyễn Ái Quốc, tham gia Đại hội Tours thành lập Đảng Cộng sản Pháp và kiên quyết đấu tranh để chấm dứt chế độ thuộc địa ở Việt Nam. Lại mười năm sau nữa, 40 tuổi, Nguyễn Ái Quốc với cái tên mới Hồ Chí Minh thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương. Ở tuổi 50, từ Trung Quốc trở về Việt Nam và sau khi cách mạng thành công vào tháng Tám năm 1945, Hồ Chí Minh lãnh đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Chính ở thời kỳ này, hai người: Hồ Chí Minh và Võ Nguyên Giáp gặp nhau. Giờ đây, bước đi trong ánh nắng ấm áp, nhìn bất kể nơi đâu cũng khiến vị đại tướng nhớ tới Bác Hồ.

Đi qua cây lưu niệm do chính tay ông trồng trong chuyến viếng thăm năm 1975 nay cành lá sum suê tươi tốt, ông nhớ lại lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Trồng cây nào phải chăm sóc cây ấy thì cây mới phát triển". Ông nhìn sang bên kia con suối, chỗ kia là bụi cây nơi Hồ Chí Minh thường ngồi câu cá. Hiếm khi cá cắn câu, nhưng khi câu được cá Bác Hồ thường thả xuống nước.

Võ Nguyên Giáp bước lên cây cầu nhỏ qua suối Lênin và tiến dần đến cửa hang, ông nhớ lại: "Chúng ta đã chọn hang này vì nó biệt lập hẳn với xóm làng và kín đáo." Năm 1979, đất đá sạt lở lấp kín lối đi vào hang nhưng người ta vẫn đọc được dòng chữ "8/2/1941" đánh dấu ngày Bác Hồ từ Trung Quốc trở về nước sau thời gian dài bôn ba đầy hiểm nguy.

Võ Nguyên Giáp kể lại: thuở ban đầu đó, ông nóng lòng sốt ruột như thế nào muốn bắt đầu ngay cuộc đấu tranh cách mạng chống lại thực dân Pháp. Ông nhớ lại một đêm giá lạnh, Hồ Chí Minh mặc bộ đồ chàm như ông

già miền sơn cước, ngồi bên bếp lửa cùng với những người khác: Phùng Chí Kiên, Vũ Anh, Phạm Văn Đồng nói về tương lai. Ông nhớ như in những lời dạy của Bác Hồ: "Trong khoảng 5 năm nữa, cách mạng sẽ thành công và tiền đồ sẽ tỏa sáng. Tôi chỉ muốn một điều: giải phóng hoàn toàn đất nước và mọi người sẽ có cuộc sống no đủ".

Với những lời lẽ mộc mạc, Hồ Chí Minh đã làm cho ai cũng hiểu được những mục tiêu phức tạp của cách mạng. Một trong những người có mặt hôm đó - Võ Nguyên Giáp không nhớ chắc chắn là ai - đã hỏi ông Hồ: "Làm sao có thể tiến hành cuộc cách mạng mà không có vũ khí và chúng ta kiếm đâu ra súng?" Bác Hồ đã trả lời: "Phải dựa vào sức mình là chính cộng với một số viện trợ từ bên ngoài. Tất cả đều do dân, vì dân. Dân trước, súng sau. Có dân là có tất cả". Đó là một chủ đề mà Hồ Chí Minh sau đó là Võ Nguyên Giáp luôn luôn nhấn mạnh: "Phải dựa chắc vào dân. Dựa chắc vào dân thì không kẻ địch nào tiêu diệt được ta". Bây giờ trở lại thăm Pắc Bó, Võ Nguyên Giáp vẫn nhớ những câu nói của Bác Hồ. "Đó là một ý tưởng giản dị nhưng không dễ gì mà theo được".

Lần cuối cùng đứng trên mảnh đất Pắc Bó, Võ Nguyên Giáp nhớ lại toàn bộ cuộc đời đã đi qua. Sau này ông viết: "Đi theo con đường Bác Hồ đã vạch ra, chúng ta đã đánh bại bọn xâm lược và giành được độc lập thống nhất. Đi theo con đường đó chúng ta sẽ có văn minh, hạnh phúc, trở thành một nước hùng mạnh và xây dựng một xã hội trong đó sự phát triển tự do của con người là sự phát triển của tất cả mọi người. Con suối Pắc Bó mang tên Lênin tiếp tục chảy."

Trong Kinh Thánh, Luke đã viết: "… khi trẻ người ta sẽ thấy tầm nhìn, khi già người ta sẽ mơ những giấc mơ." Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã sống một cuộc đời làm được trọn vẹn hai điều đó. Khi còn trẻ, tiềm năng của đất nước đã khơi dậy cảm hứng cho ông và ông trở thành một phần tầm nhìn đó. Trở lại Pắc Bó lúc về già, ông mơ về những năm tháng hào hùng đã qua đi từ lâu. Không có những cố gắng của ông có lẽ sẽ không bao giờ có được những thành tựu như hôm nay. Trong suốt thời gian dài từ năm 1944 đến năm 1980, bản thân ông đã chống Nhật, chống Pháp rồi chống Mỹ, đánh tan đội quân tay sai Mỹ ở miền Nam Việt Nam, chống trả quân phản động Campuchia và cuộc xâm lược biên giới phía Bắc. Ông thử nghiệm các ý tưởng về chiến tranh và cách tiến hành cuộc chiến chống lại hai thế lực nước ngoài hùng mạnh đã lần lượt chiếm đóng đất nước. Trong cả hai lần, ông bước ra khỏi cuộc chiến đều với tư thế của người chiến thắng. Tuy nhiên, trước đó ông không hề được đào tạo để làm nhiệm vụ chỉ huy quân đội. Chỉ nghiên cứu kỹ lưỡng lịch sử quân sự và những trải nghiệm thực tiễn của bản thân đã dẫn dắt

ông trở thành người có vai trò nổi bật trong các sự kiện lớn của thế giới hiện đại và lịch sử Việt Nam.

Võ Nguyên Giáp bắt đầu thấy những biến đổi xuất hiện tại Việt Nam. Đầu thế kỷ XX, trong ba miền của Việt Nam là Trung Kỳ, Bắc Kỳ và Nam Kỳ, Trung Kỳ là nơi chịu ảnh hưởng của tàn dư phong kiến, nhưng lại là vùng vất vả nhất đối với người Pháp, đặc biệt nặng nề hơn cả là một số tỉnh miền Trung. Đáng lo ngại nhất là tỉnh Quảng Bình với lịch sử kháng chiến dai dẳng nhất thời kỳ Cần Vương chống Pháp. Trong lúc chính quyền thuộc địa tưởng rằng có thể duy trì mãi mãi sự kiểm soát của họ thì người Việt lặng lẽ theo dõi, chờ đợi thời cơ thuận tiện để vùng lên.

Tại miền trung Trung Kỳ, đúng hơn ở phía bắc vĩ tuyến 17, tỉnh lộn xộn nhất là Quảng Bình. Tại tổng Đại Phong, huyện Lệ Thủy có một làng không lớn, dân không đông là An Xá. Ngày 25/8/1911 một phụ nữ trong làng là bà Nguyễn Thị Kiên sinh hạ được một bé trai đỏ hỏn và được chồng là Võ Quang Nghiêm đặt cho cái tên Võ Nguyên Giáp. Như tất cả những người Việt Nam khác, cậu bé đó được gọi bằng cái tên cha mẹ đặt cho mình: Giáp.

Ông là con thứ sáu trong gia đình, nhưng lại coi như con trai cả vì hai người anh trai sinh trước đều không nuôi được, tiếp đó là ba người chị gái thì một chị cũng mất sớm vì bệnh kiết lỵ, chỉ còn hai người chị được cha mẹ đặt tên là Diễm và Liên. Tiếp sau Giáp là một người con trai nữa, Võ Thuần Nho và kế đến là cô con út trong gia đình được đặt tên là Võ Thị Lài.

Ông Võ Quang Nghiêm đã đặt cho con trai cái tên Giáp, hẳn là một cái tên nhiều ý nghĩa. Họ Võ có nghĩa là sức mạnh, là võ lực, còn *Giáp* có nghĩa là một vật che chắn ngực khi xung trận.

Quảng Bình, sinh quán của ông cùng với hai tỉnh liền kề Hà Tĩnh và Nghệ An chiếm phần lớn diện tích của dải đất hẹp nhất nước và từ xa xưa vẫn là những vùng nghèo nhất. Đa số dân trong làng An Xá nhỏ bé là nông dân nghèo. Trừ ba bốn gia đình là địa chủ có nhiều đất đai cày cấy, còn phần lớn là những mảnh ruộng con con nhưng người ta không bắt buộc phải thuê thêm để trồng trọt. Đất đai để canh tác chạy quanh làng là đất sỏi, đất cát, ít màu mỡ, chỉ trồng được lúa và khoai lang. Dân làng vất vả sống lần hồi qua ngày tháng. Nhưng những phong cảnh đặc biệt vùng Quảng Bình khiến họ rất tự hào, có ba con sông lớn: sông Gianh, Nhật Lệ và Kiến Giang. Hồ Bầu Tró nằm cách phía bắc Đồng Hới một cây số có hình dáng tựa như cái nghiên mực. Rồi một cái hồ thiên nhiên lớn hơn gọi là Hạc Hải cũng có hình dáng tương tự. Nước hồ thất thường khi đầy khi vơi, ăn thông sang các sông

lớn đủ cung cấp cá làm phong phú bữa ăn vốn đạm bạc của người Việt từ bao đời nay. Trên bờ hồ Hạc Hải trồng các giống dưa đỏ nổi tiếng mà xưa kia những quả ngon nhất được đưa đi tiến vua. Không xa là đỉnh Đầu Mầu có nhiều hang động ở sườn núi làm chỗ chơi cho bọn trẻ.

Dân Quảng Bình không những tự hào về ruộng, rừng kề bên, về các ngọn núi ẩn hiện trong sương mù ở chân trời mà họ còn tự hào về những người con sinh trưởng nơi đây đã là những quan lại đầu triều, những nhà nho học lỗi lạc, những quan võ cận thần của vua, những nhà thơ, những bậc hiền triết được vua vời vào cung dạy dỗ hoàng tử trưởng chuẩn bị làm người kế nghiệp ngôi báu. Người dân An Xá là những nông dân nghèo đầy kiêu hãnh và tự hào dân tộc, là những người rất ương ngạnh, ngang bướng dưới chính quyền cai trị của thực dân Pháp. Họ không dễ dàng chịu sự kiểm soát và ít kiêng nể giới cầm quyền dù là quan lại Trung Hoa thời Bắc thuộc xưa kia hay người Pháp sau này, kể cả quan lại người Việt được triều đình bổ nhiệm. Họ đã nổi dậy chống lại nền đô hộ thời Bắc thuộc và chống thực dân Pháp trong phong trào Cần Vương những năm 1880 (và về sau là phong trào năm 1930). Khi còn bé, cậu bé Giáp đã được nghe kể nhiều về tấm gương đấu tranh của nông dân trong vùng hãy còn tươi rói trong tâm trí người dân.

Ở An Xá trừ một số ít nhà lợp ngói, còn lại đa số là nhà mái gianh, tường bằng phên đan trát bùn. Mỗi nhà có một mảnh đất phía sau và một sân hẹp phía trước làm chỗ phơi thóc và khoai lang. Ông Võ Quang Nghiêm, thân sinh ra Giáp là một trong số ít gia đình sung túc có đủ ruộng cày cấy, có nhà mái ngói khá tiện nghi theo tiêu chí địa phương. Ngôi nhà của ông dễ nhận ra vì trước sân có một cây chè dại mà ông sửa sang, tỉa tót theo dáng một con hổ rất lớn. Ban ngày lũ trẻ đi qua trước sân chỉ thấy một cây to có hình dáng khác lạ, nhưng khi sẩm tối hay ban đêm hình dáng con vật bằng cây trở nên sinh động đến mức các cô, các cậu phải rảo bước khi lượn qua hay đi đường vòng xa hơn để tránh.

Ông Nghiêm là người sùng đạo Khổng nên rất coi trọng việc thờ cúng tổ tiên. Gian giữa nhà để bàn thờ bày các bài vị có hình ảnh các cụ nội ngoại. Gần nhất là chiếc mâm bằng gỗ có khắc tên ông bà tổ tiên. Hai bên có lọ lộc bình cắm hoa và trên cao hơn cả là một lư hương bằng đồng đựng cát cắm hương thắp hàng ngày lấy từ trong các ống đựng các thẻ hương ở bên cạnh. Mùi hương thơm trong không khí trầm lắng tỏa khắp gian thờ. Hai trái đầu hồi dành cho bếp và buồng ngủ.

Ông Võ Quang Nghiêm (chữ Hán có nghĩa là nghiêm túc, đứng đắn) thuộc tầng lớp trung lưu ở An Xá. Đó là một nông dân bậc trung tự mình cày

cấy và thuê thêm một mảnh ruộng nhỏ nữa nhưng từ nhiều năm ông đã dùng thời gian nông nhàn để hành nghề thuốc Nam cổ truyền. Sau khi không chữa khỏi cho con gái bị bệnh kiết lỵ, ông bỏ nghề bốc thuốc và chọn nghề dạy học cho lũ trẻ trong làng. Nhờ sự chỉ bảo của ông, chúng học cách nhận mặt chữ Nho (chữ Hán đọc theo âm Việt). Các tập sách ông dạy chúng phần lớn là tác phẩm văn học, là lịch sử dân tộc, ngoài ra là học vần Quốc ngữ tức là tiếng Việt viết theo mẫu tự La-tinh do cố đạo Alexandre de Rhodes nghĩ ra rất có lợi cho việc truyền bá văn hóa của người Pháp. Từ nhỏ ông Nghiêm đã được giáo dục theo khuôn mẫu đạo Nho. Ông được dân làng An Xá kính trọng coi ông như một người lỗi lạc, vì ông là một sĩ phu, một người có học vấn uyên thâm, một bậc túc nho có nhiều ảnh hưởng trong xã hội Việt Nam truyền thống.

Dân làng khi nói đến ông thường gọi là Cửu Nghiêm - ông Nghiêm giữ bậc quan thấp, ở hàng thứ chín trong hàng ngũ quan chức (cửu phẩm). Ông đã làm thư lại trong dinh quan tuần phủ tỉnh Quảng Bình và do đó ông có dịp qua lại nhiều lần Đồng Hới là thủ phủ của tỉnh. Chức trách của ông là tổng thư văn, chỉ là một viên chức cấp dưới, giải quyết các công việc sự vụ, gửi các văn thư, nhưng đã tạo cho ông một sự khác biệt so với người dân làng An Xá.

Ông Cửu Nghiêm là một nhà yêu nước đáng tự hào. Cụ thân sinh ra ông đã từng tham gia phong trào Cần Vương chống Pháp bắt đầu từ tháng 7 năm 1885 lúc vua Hàm Nghi xuất bôn rời bỏ kinh thành Huế thoát khỏi sự kiểm soát của người Pháp để kêu gọi nhân dân đứng lên cứu nền quân chủ khỏi sự kiềm chế của Pháp. Tuy nhiên, do thiếu vũ khí, không có sự liên kết với các nơi nên phong trào tan rã năm 1896. Cửu Nghiêm luôn nhớ cuộc nổi dậy đó và rất tự hào rằng gia đình ông đã tham gia vào cuộc kháng chiến chống Pháp đầu tiên.

Trong lúc ông Cửu Nghiêm lo hoàn thành bổn phận của một viên chức thì chính bà Nguyễn Thị Kiên phải đảm nhiệm thêm một phần công việc đồng áng ngoài công việc nội trợ của một phụ nữ trong gia đình. Thân sinh của bà cũng là một thủ lĩnh trong phong trào Cần Vương đứng đầu một tỉnh. Giống như chồng, bà luôn nhớ cuộc đấu tranh chống Pháp và thường hay kể lại cho con cháu nghe về chuyện cha bà đã chiến đấu chống lại bọn cướp nước như thế nào.

Say mê quá khứ hào hùng của cha ông, bà Kiên có một trí nhớ tuyệt vời, nên tuy không biết chữ nhưng bà có thể kể vanh vách, đọc thuộc lòng những bài thơ và những truyện rất nổi tiếng bằng văn vần *Kim Vân Kiều, Nhị*

Độ Mai, Tống Trân Cúc Hoa và nhiều truyện khác. Võ Nguyên Giáp đã nhận xét: “Bà cụ thân sinh ra tôi nhớ như in những chuyện kháng chiến chống xâm lăng. Mỗi buổi tối dưới ánh đèn dầu, bà thường kể cho tôi nghe các vụ án rất tàn bạo mà quân Pháp xử các nghĩa quân Cần Vương trong đó có ông ngoại, ông nội tôi. Tuổi thơ tôi đã đượctắm mình trong những tình cảm yêu nước sâu sắc”. Nhiều đêm, trước khi đi ngủ, cha lại đọc cho cậu bé Giáp nghe những bài thơ yêu nước như vè *Thất thủ kinh đô* nói về việc người Pháp đã lấy được kinh đô năm 1883 như thế nào. Ngay từ tấm bé Giáp đã tắm mình trong tinh thần yêu nước sục sôi và những tình cảm ấy không bao giờ xa rời ông.

Lên 4, 5 tuổi cậu bé Giáp đã được cha dạy đọc chữ Nho. Ông rất thích học và cha ông khuyến khích, cổ vũ ông bằng cách để bên cạnh một lọ thủy tinh đựng đầy các thứ kẹo mà trẻ con thích. Mỗi khi Giáp học có kết quả tốt, cha ông lại lấy kẹo trong lọ thưởng cho. Cuốn sách đầu tiên Võ Nguyên Giáp được dạy là cuốn *Ấu học tân thư* trong đó viết về nhiều tấm gương yêu nước. Sau này cuốn sách đã được xuất bản dưới thời vua Duy Tân (1907 - 1916) - Người đã ngầm kêu gọi binh lính Việt phản đối việc bị đưa đi Pháp tham gia Chiến tranh Thế giới lần thứ nhất cũng như chống lại sự đô hộ của người Pháp. Võ Nguyên Giáp nhớ lại ảnh hưởng của cuốn sách thời thơ ấu đó đối với mình: “Tôi khám phá ra rằng các bậc cha anh mình đã anh dũng hy sinh rửa nhục cho đất nước”. Ông học được rằng dù đất nước mình, như Caesar đã từng viết, bị chia thành ba miền với ba chế độ cai trị khác nhau, nhưng: “Tổ tiên của chúng ta không phải là người Gaulois”.

Cũng như bọn trẻ tinh nghịch trong làng, cậu bé Giáp rất ham chơi, đi chân đất chạy khắp làng để đánh đáo, đánh bi, chơi quay, đánh lộn nhau, đi theo đàn ngỗng, đàn vịt rồi lấy sỏi ném khiến chúng chạy tán loạn rồi reo ầm lên và cười ngặt nghẽo… Những đứa trẻ lớn hơn thì chơi đá bóng, nhưng trò chơi phổ biến nhất là đá cầu, đòi hỏi cả kỹ năng và sự kiên nhẫn. Các cậu bé dùng chân, cả ngón lẫn gót và mắt cá chuyền cho nhau quả cầu làm bằng đồng xu nhỏ, có lỗ vuông ở giữa được buộc vài túm lông hay túm dây, ai không đỡ kịp hoặc đá trượt để cầu rơi xuống đất là thua cuộc. Chỉ cần hai cậu bé cũng có thể chơi được trò này, chúng đá qua đá lại cho nhau. Chúng còn tổ chức thi đấu bóng đá với số lượng người chơi không hạn chế, càng đông càng vui, luật chơi đơn giản, quả bóng chỉ là quả bưởi xanh, to, bọc ngoài bằng những mụn vải hay manh áo rách.

Mỗi tuổi mỗi lớn chúng tham gia công việc đồng áng với cha mẹ, anh chị lớn trong gia đình. Giáp cũng vậy, cậu đi chăn vịt ngoài ruộng, cưỡi trâu gặm cỏ quanh gốc đa, đến mùa gặt thì đập lúa, hát “hò giã gạo” để giữ nhịp

đập cho đều.

Từ 5 đến 8 tuổi, Giáp đi học ở trường làng An Xá. Tuy đã già những mỗi khi nhắc lại những ngày đầu đến trường, ông hạ giọng nhẹ nhàng nói: "Đó là lần đầu tiên xa mẹ, cả hai mẹ con đều khóc". Quần áo mặc đi học là chiếc áo dài, dài quá đầu gối, mùa nóng là màu trắng, còn thu đông là áo thâm, bên trong áo dài là chiếc quần trắng chỉ dài đến mắt cá chân quanh năm xuân hạ thu đông đều màu trắng, đi giày đen, đầu quấn khen đen. Buổi sáng lớp học bắt đầu từ 7 giờ 30 phút và tan học lúc 11 giờ 30 phút để đến chiều lại học từ 2 giờ 20 phút đến 5 giờ. Buổi trưa Giáp trở về nhà ăn cơm với gia đình và mặc dù còn bé, nhưng cậu cũng làm một giấc ngủ trưa trước khi đi học buổi chiều. Hôm nào không thuộc bài, thầy giáo dùng roi tre dài lúc nào cũng lăm lăm trên tay quật vào mông, vào lưng hoặc bàn tay úp sấp của học trò. Lớn hơn một chút, sau giờ học, Giáp cũng chơi nhiều hơn với bọn trẻ trong làng.

Ở trường tiểu học mặc dù người Pháp giám sát kỹ chương trình học nhưng các bài giảng đều được dạy bằng tiếng Việt, bắt đầu lên lớp ba trẻ mới bắt đầu học tiếng Pháp mỗi tuần vài giờ.

Trong nhiều thế kỷ, xã hội Việt Nam chịu ảnh hưởng của Nho học. Nền tảng học vấn cơ bản của Giáp là theo tinh thần Khổng giáo. Các bài học mà cậu bé Giáp được học đều tập trung dạy về cách xử thế trong gia đình và xã hội: kính trọng ông bà cha mẹ, trên kính dưới nhường, em đối với anh, nhất là con trưởng đối với cha mẹ, gia đình đối với làng nước và xã thôn, đối với vua, vua đối với Trời. Trong thế giới quan của người Việt, cá nhân và gia đình hòa quyện với nhau. Đồng thời Giáp cũng học lịch sử, địa lý, văn chương, số học và vạn vật. Ban đầu học địa lý chủ yếu là địa lý Việt Nam, sau đó lên lớp ba mới dần dần học địa lý các nước bên ngoài biên giới Việt Nam.

Về lịch sử Giáp thấm nhuần các bài học về cuộc đời các anh hùng trong quá khứ: Lê Lợi chống quân Minh năm 1428, Trần Hưng Đạo đánh quân Mông - Nguyên năm 1283 và 1287, Phan Đình Phùng tham gia phong trào Cần Vương, Lý Thường Kiệt dẫn quân đánh Chiêm Thành năm 1069 rồi tiến hành chiến tranh chống Tống, Nguyễn Huệ chống nhà Thanh xâm lược miền Bắc rồi lên ngôi lấy hiệu là Quang Trung… Từ bậc tiểu học cậu bé Giáp đã biết và rất tự hào về các câu chuyện của cha ông trong quá khứ. Cậu biết được có nhiều hoàng đế Việt Nam đã kêu gọi toàn dân dốc lòng, dốc sức chống giặc ngoại xâm. Cậu rất am hiểu những bài học đó.

Lên 8 tuổi học xong bậc tiểu học ở trường làng An Xá, Giáp được ông Cửu Nghiêm xin cho vào học trường tổng trong thị trấn Đại Phong gần làng. Giáp học ở trường tổng hai năm, tương đương với lớp bốn, lớp năm sau này. Lên 9 tuổi Giáp học trường huyện, đến năm 11 tuổi bắt đầu vào trường tỉnh.

Năm 1923, 12 tuổi Giáp thi lấy chứng chỉ tốt nghiệp bậc tiểu học. Đối với một thiếu niên Việt Nam hồi ấy đạt đến trình độ học vấn đó không dễ dàng chút nào, vì các nhà cầm quyền Pháp hạn chế việc mở trường học và muốn duy trì nạn mù chữ để họ dễ cai trị. Năm sau, Giáp dự thi vào trường học tại Huế nhưng bị trượt. Những ngày tháng tiếp theo, Giáp miệt mài học ôn hy vọng đỗ vào kỳ thi tuyển thứ hai. Quả nhiên trong kỳ thi thứ hai năm 1925 Giáp đỗ với kết quả xuất sắc, xếp hạng nhì trong tổng số thí sinh trúng tuyển.

Ông Cửu Nghiêm được một người bạn là cố đạo René Morinot, một cha xứ rất được kính trọng trong vùng, nhiệt tình giúp đỡ Giáp trong những ngày xa nhà học tại Huế. Hai ông bà Cửu Nghiêm rất sung sướng có con học trường Quốc học Huế, trường học bằng tiếng Pháp và là vườn ươm những hạt giống cách mạng. Giáp đã sớm bộc lộ tư chất của một nhà lãnh đạo. Được học trường Quốc học là một vinh dự và cũng là phù hợp với khả năng của Giáp. Ông tỏ ra rất thông minh và đặc biệt xuất sắc về văn chương và lịch sử. Cuối mỗi tháng ban giám hiệu nhà trường công bố trên bảng kết quả học tập của học sinh. Trong hai năm học trường Quốc học Huế, Giáp luôn luôn đứng đầu trong lớp chỉ trừ có một tháng rớt xuống hạng nhì.

Ở Trung Kỳ chỉ có ba trường cùng một loại như thế là Quốc học Huế, trường Vinh (Nghệ An) và Quy Nhơn (Bình Định). Ngô Đình Khả, quan đại thần triều Nguyễn và là thân sinh ra Tổng thống Ngô Đình Diệm, đã có công lập ra Trường Quốc học Huế năm 1909. Ông muốn lập ra một trường học đào tạo theo cả lối giáo dục truyền thống và giáo dục hiện đại đồng thời mong muốn thoát ra khỏi ảnh hưởng của Pháp. Nhà trường nhận học sinh học xong bậc tiểu học sau khi qua được kỳ thi tuyển.

Rất nhiều nhà giáo dạy trong Trường Quốc học Huế là những nhà trí thức nổi tiếng. Ưng Quả dạy văn học Pháp cũng là người giám hộ Thái tử Bảo Long, con trai vua Bảo Đại, Phạm Đình Ái dạy vật lý và hóa học sau này là chuyên gia về đạn dược trong quân đội của Võ Nguyên Giáp những năm kháng chiến chống Pháp từ 1948 đến 1954. Sau đó ông vào Nam và từng được bầu là Thượng nghị sĩ Quốc hội đứng đầu nhóm xã hội đối lập tại Quốc hội Sài Gòn 1966 - 1975. Nguyễn Dương Đôn, dạy toán và hình học sau này là Bộ trưởng Giáo dục thời Ngô Đình Diệm từ 1954 đến 1963,

Nguyễn Huy Bảo dạy triết học, sau này là Trưởng khoa Mỹ thuật Đại học Sài Gòn, Mai Trung Thứ dạy vẽ là một nghệ sĩ tài danh đã có nhiều tác phẩm được trưng bày nhiều lần ở Paris trong những năm 1930, Nguyễn Thiệu Lâu dạy lịch sử và địa lý, là tác tác giả của nhiều công trình nghiên cứu lịch sử đã được xuất bản. Một giáo sư sử học nữa là Nguyễn Lân, người biên soạn từ điển về các tác phẩm kinh điển của Việt Nam.

Những giáo sư xuất sắc đã đào tạo nên những người học trò đặc biệt. Một số sau này là những nhân vật quan trọng trong lịch sử Việt Nam, trong số đó có Hồ Chí Minh, Võ Nguyên Giáp, Phạm Văn Đồng (sau này là Thủ tướng Việt Nam Dân chủ Cộng hòa từ 1958 đến 1968) và Ngô Đình Diệm.

Chương trình học ở Trường Quốc học Huế cũng giống như ở các trường khác do người Pháp làm hiệu trưởng và cũng gần giống với các trường của Pháp đào tạo tú tài. Tất cả các môn học đều học bằng tiếng Pháp trừ các môn ngoại ngữ. Tiếng Việt là "ngoại ngữ" thứ nhất bắt buộc, tiếng Anh là ngoại ngữ thứ hai. Học sinh học văn học Pháp từ thế kỷ 16 đến thế kỷ 20, lịch sử nước Pháp từ thời thượng cổ đến hết Chiến tranh Thế giới lần thứ nhất. Môn địa lý dạy địa dư các "quận" của nước Pháp (tương đương với tỉnh ở Việt Nam), học sinh học toán, vật lý, hóa học. Đó là chương trình học khá nặng.

Sau bốn năm học, học sinh sẽ thi lấy bằng tốt nghiệp cao đẳng tiểu học Đông Dương gọi tắt là DEPSI (Diploma des études primaires supérieures indochinoises). Những học sinh nào hoàn tất bảy năm học sẽ thi lấy bằng tú tài. Trường có cả học sinh nam và học sinh nữ nhưng học sinh nữ chiếm số đông, cứ sáu nữ mới có một nam. Đa số các nữ sinh Quốc học Huế đều đã tốt nghiệp trường kế bên là trường nữ học Đồng Khánh và chỉ dự lớp vào ba năm cuối ở Quốc học (bậc trung học). Khi Võ Nguyên Giáp đỗ vào trường năm 1925, Quốc học Huế đã có khoảng 1.200 học sinh.

Tại Huế, Giáp thuê phòng trọ ở một ký túc xá tư nhân, chỉ nhận năm, sáu học sinh Quốc học. Giáp rất háo hức bắt đầu kỳ học của mình. Giáp nhận ra rằng đội ngũ giáo sư phần lớn là người Việt, chỉ có một vài giáo sư là người Pháp. Một người bạn học với Giáp, Lê Sĩ Ngạc nhớ lại: "Đó là một thanh niên tốt bụng, sáng sủa, thông minh, học rất giỏi. Chúng tôi học cùng một lớp. Cậu là một học sinh xuất sắc. Có thời gian chúng tôi đã ở chung với nhau trong ký túc xá tư nhân nhỏ bé ấy".

Lê Sĩ Ngạc, một người đã có tuổi, hiện đang sống cùng con trai ở McLean, bang Virginia kể lại: "Người ta dạy chúng tôi bằng tiếng Pháp, trừ có một môn. Chúng tôi được học nhiều về lịch sử Pháp, còn lịch sử Việt

Nam thì được học rất ít. Thời đó khi đỗ tốt nghiệp DEPSI rồi, bọn tôi hiểu về lịch sử Pháp nhiều hơn lịch sử Việt Nam".

Có thể không được học chính thức trên lớp nhưng có nhiều cách khác nhau để thanh nhiên thời đó biết những câu chuyện và truyền thuyết về quá khứ của đất nước mình. Sau một thời gian ngắn vào học Trường Quốc học Huế, Giáp chịu ảnh hưởng của một nhà cách mạng quốc gia nổi tiếng là chí sĩ Phan Bội Châu bị giam lỏng ở Huế. Giáp không phải là người duy nhất trong số học sinh Trường Quốc học coi cụ Phan Bội Châu là người anh hùng của mình. Võ Nguyên Giáp nhớ lại: "Học sinh Quốc học Huế ngoài việc học tập chăm chỉ và nghiêm túc, còn rất quan tâm đến chính trị."

Lê Sĩ Ngạc, ở cùng phòng trọ với Giáp kể lại: "Hôm đó Phan Bội Châu đến thăm Trường Quốc học, sau khi được Pháp thả tự do. Ông đọc một bài diễn văn công kích hệ thống thuộc địa Pháp nên về mặt chính trị ông đã ảnh hưởng lớn đến chúng tôi. Khi các anh buộc phải sống dưới chính thể Pháp thì các anh hãy căm ghét chế độ đó, hãy biết căm thù. Nước Việt Nam nào khác một con rối do người Pháp giật dây điều khiển. Mọi người ai cũng biết điều đó và các anh phải biết căm thù bọn xâm lược. Giáp cũng như nhiều học sinh khác chăm chú nghe… Giáp quyết định phải làm điều gì đó."

Năm 1903[1], Phan Bội Châu thành lập *Duy Tân hội* có xu hướng dân tộc chủ nghĩa. Hai năm sau, ông sang Nhật, nơi trú ẩn quen thuộc của người Việt Nam yêu nước thời đó. Tại đây ông viết những lời kêu gọi yêu nước, cổ vũ tinh thần chống thực dân Pháp, kêu gọi mọi người đoàn kết đấu tranh để thành lập một nhà nước hiện đại, xây dựng nền giáo dục Âu Tây và khoa học để thay thế hệ thống Nho giáo cổ truyền.

Buộc phải rời khỏi Nhật Bản năm 1908, Phan Bội Châu đi Trung Quốc. Tại đây, năm 1912, Phan Bội Châu lập ra *Việt Nam Quang phục hội* phỏng theo mô hình "Trung Hoa dân quốc" của Tôn Dật Tiên. Bị tù giam ở Trung Quốc một thời gian sau đó đến năm 1917, Phan Bội Châu đã gặp Hồ Chí Minh đang hoạt động ở Trung Quốc dưới cái tên Lý Thụy. Tháng 6/1925, Phan Bội Châu bị bắt khi đi qua tô giới quốc tế ở Thượng Hải. Bị giải về Hà Nội dưới sự canh giữ chặt chẽ, Phan Bội Châu bị đưa ra Tòa đại hình xử về tội chống lại nhà nước bảo hộ và bị kết án tù khổ sai chung thân. Sau đó, dưới áp lực của phong trào đấu tranh đòi ân xá Phân Bội Châu của những người Việt Nam yêu nước, Toàn quyền Đông Dương Alexandre Varenne (1925 - 1928) buộc phải giảm án hình phạt từ khổ sai xuống quản thúc chung thân tại nhà ở Huế. Ông sống 14 năm cuối đời còn lại tại Huế trong sự ngưỡng vọng của nhân dân như một gương mặt tiêu biểu của tinh thần yêu

nước cho đến ngày mất (29/10/1940).

Vì một lý do nào đó, người Pháp đã cho phép Phan Bội Châu được tiếp khách và năm này qua năm khác ngoài những bậc chí sĩ khác, còn có từng đoàn học sinh trong đó có cậu học sinh Giáp đến thăm, để nghe cụ Phan sôi nổi giảng giải về tiền đồ sáng lạn của đất nước. Ngày Chủ nhật hàng tuần là ngày cậu học sinh Giáp yêu thích nhất, đó là ngày cậu cùng các bạn học đến thăm nhà cách mạng lão thành. Võ Nguyên Giáp kể lại: "Cụ thường kể cho chúng tôi điều gì đang diễn ra trên thế giới. Trên tường, cụ treo chân dung Tôn Dật Tiên, Lênin và Đức Phật Thích Ca. Bọn trẻ chúng tôi lúc đó rất say mê đi tìm chân lý".

Dù nói chuyện ở đâu, Trường Quốc học hay ở nhà, nói với người lớn hay thanh thiếu niên, câu chuyện Phan Bội Châu kể bao giờ cũng xoay quanh các vấn đề lòng yêu nước, những lời tiên tri về tương lai, tinh thần kiên quyết chống Pháp và sự cần thiết phải hành động. Cụ nói chuyện không dứt với Giáp về nền dân chủ, về các vấn đề của Việt Nam và sự lộng hành của chính quyền thuộc địa Pháp. "Gà đang gáy, hãy đứng lên các bạn trẻ, đứng lên và chuẩn bị hành động". Giáp kể lại, có một lần cụ Phan sảng khoái tuyên bố: "Một ngày kia nhân dân bị áp bức sẽ nổi dậy chiến đấu cho nền độc lập. Ngày đó sẽ là tai họa cho bọn thực dân Pháp."

Như vậy từ khi vào học Quốc học Huế năm 1925, sự giác ngộ chính trị của Giáp đã được khẳng định. Chẳng bao lâu sau, cậu mời các bạn học tập trung đến phòng trọ của mình, lúc đầu là để trao đổi với nhau về bài tập trên lớp và khi đã xây dựng được lòng tin với nhau, họ thì thầm bàn về những vấn đề của thế giới, của thực dân Pháp ở Việt Nam. Những người đến tụ tập đều mến phục Giáp về học lực và tinh thần cách mạng. Trong thời gian rảnh rỗi, đôi khi Giáp sang bên kia sông, đi bộ đến Kinh thành Huế, nằm dài trên nòng súng đại bác cổ đặt dưới bóng cây bên cạnh Ngọ Môn. Ở đó Giáp tiếp tục suy nghĩ về sự đời, về những điều đã học được, về tương lai cuộc sống trong những năm tới. Lúc đó, chàng thanh niên Võ Nguyên Giáp nghĩ có lẽ sau này mình sẽ đi dạy học, sẽ dần dần gieo vào đầu óc bọn trẻ lòng yêu nước, yêu tự do là những thứ đang bị thực dân nước ngoài chà đạp.

Theo Giáp nói, Trường Quốc học Huế chính là cái nôi của phong trào yêu nước của học sinh Trung Kỳ. Chẳng hạn, một số giáo sư dạy ở đó có thể hoàn toàn chia sẻ những ý tưởng chống thực dân với học trò. Nghe những lời lẽ như thế từ các giáo sư và nhà yêu nước Phan Bội Châu, Giáp và các bạn càng tin chắc rằng một ngày kia Việt Nam sẽ thoát khỏi ách nô lệ. Họ truyền tay nhau đầy tự hào những áng văn thơ yêu nước. Khi đó Võ Nguyên Giáp

đã tìm ra những tờ báo theo xu hướng dân tộc như *Le Paria* (Người cùng khổ), *Việt Nam hồn*, và anh đọc rất kỹ.

Năm 1926, bước vào năm học thứ hai, Hải Triều - một người bạn thân - cho Giáp mượn cuốn sách nhỏ và cuốn sách ấy đã làm thay đổi cuộc đời anh. Được bọc bên ngoài bằng cái bìa giả mang dòng chữ Ả-rập, cuốn sách là một bài tiểu luận đả kích chế độ thuộc địa do Hồ Chí Minh lúc đó dùng bút danh Nguyễn Ái Quốc viết với nhan đề *Lên án chủ nghĩa thực dân Pháp*. Cuốn sách khiến Giáp vô cùng tò mò. Anh chạy ngay ra cánh đồng và trèo lên một cây cao đọc để không bị ai quấy rầy. Võ Nguyên Giáp kể lại: “Bản luận văn của Nguyễn Ái Quốc đã gây cho chúng tôi một lòng căm thù sâu xa như một luồng điện chạy qua”. Đó là sợi dây đầu tiên nối liền số phận của Võ Nguyên Giáp với Hồ Chí Minh và sự nghiệp cách mạng Việt Nam. Bị lôi cuốn bởi tư tưởng của các nhà cách mạng khác trên thế giới, Giáp đọc ngấu nghiến những bài viết bằng tiếng Pháp của Nguyễn Ái Quốc và bắt đầu nghiên cứu những tác phẩm của Mác và Lênin.

Các cậu học trò Trường Quốc học càng thảo luận và nghiên cứu các vấn đề của đất nước dưới ách thống trị thực dân thì những tình cảm yêu nước của họ càng nồng cháy. Đã đến lúc họ thấy chỉ bàn luận thôi chưa đủ mà phải đi vào hoạt động thực sự, thể hiện tinh thần chống Pháp của mình. Giáp nhớ lại: “Chúng tôi nổi dậy bất cứ khi nào thời cơ đến” và khi đó thời cơ không thiếu. Họ biểu tình khi người Pháp từ chối không chấp nhận yêu cầu của Phan Bội Châu xóa án quản thúc tại nhà, thực tế là giam lỏng. Nỗi tức giận của họ càng sục sôi khi được tin Phan Chu Trinh tạ thế. Phan Chu Trinh là người chủ trương làm cách mạng theo xu hướng cải cách, bị kết án tù năm 1908 vì đã ủng hộ phong trào nông dân đề xướng cắt bỏ búi tóc[2]. Người ta còn gọi đó là cuộc nổi dậy của “những người để tóc dài” ở Trung Kỳ. Sau một thời gian bị giam giữ ở nhà ngục Côn Đảo, Phan Chu Trinh được thả về nhưng phải đi biệt xứ ở Pháp. Năm 1925, được trở về Việt Nam, ông lâm bệnh và năm sau, ông mất tại quê nhà.

Đám tang Phan Chu Trinh là một dịp để những tình cảm yêu nước bùng nổ gần như khắp nơi trong nước. Ở Trường Quốc học Huế, để tưởng nhớ Phan Chu Trinh, từng đoàn học sinh mặc tang phục quần trắng, áo dài trắng và chít khăn trắng. Theo Võ Nguyên Giáp kể lại, hành động đó làm cho viên Hiệu trưởng người Pháp tức điên. Được sự giúp đỡ của giám thị, ông này tỏ thái độ cứng rắn và dò xét đối với học sinh. Cũng gần vào thời điểm này, Giáp tổ chức quyên tiền để giúp đỡ những chính trị phạm bị giam trong các nhà tù.

Đối với Giáp, điểm mốc đánh dấu sự tan vỡ quan hệ với Ban giám hiệu nhà trường là vào năm 1927. Viên Hiệu trưởng được Giáp mệnh danh là "tên bạo chúa" Trường Quốc học cáo buộc một học sinh là Nguyễn Chí Diểu đã gian lận trong lúc làm bài thi. Ai cũng biết Diểu có tư tưởng chống Pháp và là bạn thân của Võ Nguyên Giáp. Giáp nghĩ rằng viên Hiệu trưởng chỉ bịa ra cái cớ gian lận thi cử để đuổi khỏi trường một trong những người có hoạt động bài Pháp trong nhà trường. Đó là một bất công mà Giáp không thể bỏ qua.

Giáp và Diểu kể chuyện đó cho những người bạn thân thiết nhất trong lớp. Lập tức, bạn bè của hai người đi rải truyền đơn phản đối viên Hiệu trưởng và phát động phong trào: Bãi khóa! Hai cậu học trò Diểu và Giáp đã rất ngạc nhiên trước quy mô lan tỏa của làn sóng đấu tranh. Cuộc bãi khóa trước hết là từng lớp rồi lan ra toàn trường, rồi lan đến cả trường nữ học Đồng Khánh ở bên cạnh, lan đến cả các Trường dòng Thiên Chúa giáo rồi khắp các tỉnh xứ Trung Kỳ.

Phong trào bãi khóa nhanh chóng bị dập tắt, Ban giám hiệu nhà trường thẳng tay đuổi học Võ Nguyên Giáp. Giáp không chút ngạc nhiên vì đã lường trước những kết quả của hành động có suy nghĩ của mình, nhưng việc bị đuổi học vẫn khiến anh vô cùng tức giận. Để tự an ủi, Giáp viết một bài báo bằng tiếng Pháp nhan đề *Đả đảo tên bạo chúa Trường Quốc học* và gửi cho Phan Văn Trường chủ tờ báo *Annam*, một tờ báo tiếng Pháp xuất bản tại Sài Gòn. Vào thời đó, đây là tờ báo duy nhất dám công khai phê phán chính sách thuộc địa Pháp và được nhiều người đọc kể cả ở Huế và Bắc Kỳ. Chủ báo Phan Văn Trường liền đăng ngay sau khi nhận được bài báo của Giáp. Đó là lần đầu tiên Giáp xông vào địa hạt báo chí, lúc đó mới ở tuổi 16.

Sau khi rời khỏi Trường Quốc học, Võ Nguyên Giáp vẫn ở lại Huế và tổ chức một thư viện đọc sách bí mật. Đa số các tài liệu sưu tập được đều do các tổ chức cộng sản Pháp gửi cho. Khi đó Võ Nguyên Giáp và Nguyễn Chí Diểu tính đến khả năng trốn ra nước ngoài. Có thể họ phải đi ra nước ngoài để gặp gỡ những người xa xứ khác. "Nhưng khó khăn đã ngăn cản chúng tôi", ông thú nhận, "tuy nhiên chúng tôi vẫn tiếp tục hy vọng và chờ đợi thời cơ thuận lợi".

Trong những ngày tiếp theo, việc học tập bị dang dở, anh thỉnh thoảng quay về An Xá thăm cha mẹ. Anh vốn là người của hoạt động nhưng cuộc sống thanh bình ở nông thôn cũng giúp anh lấy lại sự bình thản trong chốc lát. Trong một chuyến về thăm gia đình, Võ Nguyên Giáp gặp lại Nguyễn Chí Diểu, Diểu đã kể cho anh nghe về một tổ chức cách mạng mới ra đời là

Tân Việt Cách mạng Đảng, gọi tắt là *Tân Việt*. Tổ chức bí mật này đòi cải cách xã hội và chính trị. Diểu đã gia nhập đảng này. Điều đó không thể không làm cho Võ Nguyên Giáp suy nghĩ…

---

[1] Duy Tân hội thành lập tháng 5/1904 (BT).

[2] Từ các năm 1906 - 1908, tại Trung Kỳ, Phan Chu Trinh đã vận động các phong trào đổi mới trên lĩnh vực tư tưởng, sinh hoạt như để răng trắng, cắt tóc ngắn, ăn mặc theo lối mới… Từ *phong trào cắt tóc ngắn*, khi lan xuống nông thôn đã dần biến thành *phong trào kháng thuế* của nông dân. Đây là một phần trong phong trào Duy Tân mà Phan Chu Trinh trực tiếp lãnh đạo. Do những ảnh hưởng của phong trào này, nên năm 1908 thực dân Pháp đã bắt Phan Chu Trinh (BT).

“Chúng tôi không biết phải đấu tranh như thế nào?”

Trong khi chàng trai trẻ Võ Nguyên Giáp đang băn khoăn tự hỏi có nên gia nhập *Tân Việt* hay không, thì những thay đổi lớn lao đang diễn ra trên khắp thế giới, làm đảo lộn cuộc đời ông trong nhiều thập kỷ tiếp theo. Kỷ nguyên của chủ nghĩa thực dân đã gần đến ngày tận số.

Các quốc gia châu Âu đã kiểm soát từng vùng rộng lớn của châu Á và châu Phi. Đến thập kỷ thứ hai của thế kỷ 20, cơ cấu hệ thống thuộc địa đó đã có những dấu hiệu suy yếu. Hàng triệu người Nhật quyết tâm xây dựng một xã hội hiện đại đã tận dụng thắng lợi trong cuộc chiến tranh Nga - Nhật (1904 - 1905) và đế quốc Nga đang bắt đầu lùi bước. Chẳng bao lâu cuộc cách mạng Nga lật đổ chế độ Sa hoàng và thành lập chính phủ mới do Vladimir Ulanov, được biết đến dưới tên Nikolai Lenin, đứng đầu. Phong trào cách mạng lan sang cả đất nước Trung Hoa rộng lớn. Năm 1911, Tôn Dật Tiên rời khỏi cuộc sống lưu vong ở Hawaii trở về nước, đem theo ý tưởng cách mạng.

Cuộc đại chiến thế giới (1914 - 1918) khiến các nước châu Âu suy yếu dần về mặt kinh tế và xã hội, đã vẽ lại bản đồ chính trị của châu lục. Ba Lan, Tiệp Khắc, Nam Tư và các nước Bắc Âu trên bờ biển Baltic cùng Phần Lan đã giành lại độc lập sau hàng thế kỷ bị nước ngoài đô hộ. Rất nhiều người dân các nước thuộc địa ở Á Đông và châu Phi tự hỏi: Tại sao chúng ta không thể giành được độc lập như nhiều nước châu Âu bị lệ thuộc? Có lẽ đây là lần đầu tiên họ bắt đầu ý thức rằng những người chủ của họ không phải là không thể đánh bại và họ bắt đầu ước mơ về tương lai đất nước không còn ách nô lệ nước ngoài.

Mối đe dọa tiềm tàng đối với hệ thống thuộc địa trở nên trầm trọng hơn vào năm 1919 khi Lenin thành lập Quốc tế Cộng sản thứ III (Comintern). Không dừng lại trước tình trạng hỗn loạn của xã hội nước Nga sau khi lật đổ chế độ Sa hoàng cũng như trước thắng lợi của cách mạng vô sản chưa thật bảo đảm chắc chắn, Lenin đã chuyên tâm vào việc lật đổ chủ nghĩa tư bản trên phạm vi toàn thế giới cũng như tại các quốc gia ủng hộ chủ nghĩa tư bản. Vào cuối những năm 1920, những phái viên của Quốc tế Cộng sản (trong số đó có một chàng trai An Nam sau này rất nổi tiếng là Hồ Chí Minh, lúc ấy có tên là Nguyễn Ái Quốc) hoạt động lặng lẽ trong vòng bí mật, tuyên truyền giác ngộ nhân dân các nước thuộc địa cũng như các nước khác trên thế giới, cổ vũ họ nổi dậy chống lại chính quyền. Khi các dân tộc này chỉ

mới đòi hỏi cải thiện chút ít điều kiện sống của họ thì người Hà Lan, người Pháp và người Anh đã phản ứng mạnh mẽ, ra sức tăng cường bộ máy đàn áp của họ ở các nước thuộc địa, những sợi dây đơn giản trói buộc dân bản xứ trở thành những đai thép để duy trì sự thống trị thuộc địa.

Ở An Nam, vua Khải Định mất ở tuổi 43 vào tháng 11/1925, chính là năm Võ Nguyên Giáp vào học Trường Quốc học. Rất nhiều người Việt Nam lên tiếng nhưng không phải đòi giành độc lập mà chỉ là yêu cầu cải thiện điều kiện kinh tế và thực hiện các điều khoản về chính trị đã được thừa nhận trong hiệp ước Harmand năm 1883. Người Pháp chọn thời điểm này để xiết chặt sự kiểm soát của mình với triều đình Huế. Họ muốn người thay thế Khải Định phải là Hoàng tử Bảo Đại, khi đó mới 12 tuổi và đang học ở Paris. Trong khi chờ đợi vị vua trẻ đủ tuổi trưởng thành để trị vì thì người Pháp sẽ cai trị đất nước dưới danh nghĩa nhà vua. Trong thời kỳ đó, viên Khâm sứ Pháp tại Huế ngạo mạn nắm trong tay những quyền lực cuối cùng còn sót lại của triều Huế, và phủ Khâm sứ đã sắp xếp để Bảo Đại tiếp tục học ở Paris 7 năm nữa.

Những hành động đó làm gia tăng mạnh mẽ tinh thần bài Pháp của người Việt Nam. Cuộc đại khủng hoảng kinh tế năm 1929 làm giá gạo - một nguồn lợi kinh tế quan trọng ở Nam Kỳ - sụt ghê gớm. Khó khăn và nghèo đói gia tăng. Những người Việt Nam, kể cả người theo chủ nghĩa quốc gia và người theo chủ nghĩa cộng sản, đã từng biết đến những hoạt động cách mạng của Tôn Dật Tiên và Mao Trạch Đông tại Trung Quốc và cũng phải đối mặt với những vấn đề của đại khủng hoảng kinh tế thế giới, bắt đầu tự tổ chức nhau lại.

Những người theo chủ nghĩa dân tộc lập ra các nhóm nhỏ tập hợp những trí thức đã hoàn toàn mất niềm tin, chỉ biết bàn tán mãi không ngừng về thời thế. Những người theo chủ nghĩa cộng sản hoạt động có nguyên tắc và xây dựng được nền tảng vững chắc hơn, họ tìm đến lực lượng to lớn hơn đó là những người nông dân không có ruộng đất và những phu đồn điền cao su, hầm mỏ.

Điều kiện làm việc trong các đồn điền cao su chính là minh họa cho sự bóc lột dã man mà hàng triệu người Việt Nam phải chịu đựng dưới sự cai trị của các chủ đồn điền người Pháp. Phu đồn điền làm việc đến kiệt sức từ trước khi mặt trời mọc cho đến khi tối mịt trong các khu rừng mà không khí như đặc quánh lại cùng với hơi nóng. Bữa trưa của họ là chiếc cặp lồng dính cơm. Nước uống và nước họ dùng để nấu ăn lấy từ những con suối nước lợ, nhiễm khuẩn, đầy muỗi bọ. Bất kể lúc nào, ngày hay đêm họ cũng có thể bị

đánh bởi tính khí thất thường của những *cai* phu - thường là người Việt Nam phục dịch cho Pháp.

Một công cụ mà *cai* phu thường dùng để đánh vào gót chân phu đồn điền là roi tre, sau khi đánh xong chúng bắt nạn nhân xấu số đó chạy cho tới khi gục ngã mới thôi. Cai có thể đánh phu đồn điền đến chết, và phu đồn điền đó có thể dễ dàng được thay thế với giá thuê rất rẻ mạt. Mỗi đồn điền là một tế bào độc lập, trong đó từ người hay gây rối đến người ôn hòa đều có thể bị đánh đập và ném ra ngoài. Phu đồn điền sống trong những căn nhà lá rách nát, vào những ngày mưa thì nước xối thẳng vào nhà và trong những khoảng trống chật hẹp đó, nhiều người phải ngủ ngồi, nhiều người run lên bần bật bởi những trận sốt rét. Với những bộ quần áo rách rưới, với những vết lở loét bao trùm khắp cơ thể gầy mòn, những phu đồn điền chịu đựng sự đau đớn từ ngày này qua ngày khác và họ đã nghe thấy những lời thì thầm bàn tán về một tổ chức bí mật mới, Việt Nam Quốc dân Đảng, bao gồm những người theo chủ nghĩa quốc gia và những người yêu nước làm việc tự do.

Việt Nam Quốc dân Đảng thành lập năm 1927 do Nguyễn Thái Học đứng đầu, theo mô hình đảng chính trị của Tôn Trung Sơn tại Trung Quốc. Sinh ra tại Đồng bằng Sông Hồng, Nguyễn Thái Học là nhà cải cách ôn hòa đầu tiên, nhưng ông đã trở nên giận dữ hơn bao giờ hết khi Pháp liên tục bỏ qua những yêu cầu chính đáng đòi thay đổi ở mức vừa phải. Việt Nam Quốc dân Đảng chủ trương theo con đường bạo lực đánh đổ chế độ thuộc địa và khôi phục nền độc lập của Việt Nam.

Những năm 1927 - 1929 chính là thời kỳ cậu học sinh Quốc học Võ Nguyên Giáp gia nhập tổ chức chính trị bí mật đầu tiên. Võ Nguyên Giáp biết có nhiều tổ chức chính trị bí mật đối lập nhau nhưng đều có chung mục tiêu là giành lại độc lập cho Việt Nam. Giáp cũng biết hoạt động của họ không mấy hiệu quả vì họ để quá nhiều thì giờ vào những cuộc tranh cãi triền miên, hội họp, thảo luận nhiều, nhưng các nghị quyết không bao giờ được đưa ra thực hiện. Và chính người bạn thân của Giáp là Nguyễn Chí Diểu đã tạo cơ hội để Giáp gia nhập đảng Tân Việt năm 1927.

Mặc dù là tổ chức không cộng sản, nhưng cương lĩnh của Tân Việt mang màu sắc Mác-xit rất rõ: trước hết là làm cách mạng quốc gia, sau đó làm cách mạng thế giới. Theo chỉ thị của trên, Võ Nguyên Giáp ở lại Huế bí mật hoạt động theo đường lối của đảng. Trong một năm, Tân Việt cũng chia ra nhiều phe phái và Giáp đi với phái có khuynh hướng cộng sản rõ ràng nhất. Ông tự cho mình có công tổ chức ra nhóm cộng sản trong Tân Việt.

Ông viết: “Nguyễn Chí Diểu và tôi (Giáp) đặt nền móng đầu tiên cho chi bộ cộng sản trong Tân Việt”. Ông không đi theo các cuộc tranh luận triền miên mà hướng về tính tổ chức, tính kỷ luật và hoạt động có hiệu quả của một đảng cộng sản.

Phấn khởi với nhiệm vụ mới, Giáp hoạt động cho Tân Việt dưới vỏ bọc nhận giúp việc trong tòa soạn báo *Tiếng Dân* do Huỳnh Thúc Kháng sáng lập ở Huế. Đó là tờ báo quan trọng nhất ở Trung Kỳ theo xu hướng cải lương. Mặc dù Phòng Nhì theo dõi sát sao Huỳnh Thúc Kháng và những người làm việc cùng, kiểm soát chi ly từng dòng chữ trong mỗi bài báo nhưng vẫn để tờ báo hoạt động trong một thời gian.

Võ Nguyên Giáp lao vào công việc mới và nhanh chóng nắm bắt được các công đoạn của một tờ báo cũng như các ngóc ngách của nghề báo. Ông đọc mọi vấn đề, từ các bài bình luận về thời cuộc trên thế giới cho đến các bài phân tích về vấn đề xã hội. Ông sắp trang xếp mục một cách rất chu đáo tỉ mỉ, bỏ công sức tìm câu chữ chính xác phản ánh đúng những gì mình muốn nói.

Ông đã viết một bài điều tra về sự bóc lột tư bản chủ nghĩa Pháp ở Việt Nam có nhan đề *Những xí nghiệp có vốn trên một triệu đồng*. Bài báo bị nhà đương cục Pháp kiểm duyệt rất kỹ. Chính tư cách tác giả bài báo cùng cách thức kiểm duyệt đã có ảnh hưởng lâu dài đối với chiến thuật mà ông vận dụng sau này.

Võ Nguyên Giáp biết mình bị Phòng Nhì thường xuyên theo dõi, giám sát chặt chẽ và biết Phòng Nhì có thể chấm dứt công việc làm báo cũng như nhiệm vụ của mình với Tân Việt bất cứ lúc nào, nên để che giấu mọi hoạt động, Giáp dùng nhiều bút danh khác nhau khi ký tên vào các bài báo. Sau này ông nhớ được hai bút danh khi làm việc ở báo *Tiếng Dân*: Vân Đình và Hải Thanh. Ông tìm cách kéo dài thời gian làm việc ở tòa soạn báo *Tiếng Dân,* tránh mọi khó khăn với nhà cầm quyền, và nghe ngóng mọi tin đồn về quan hệ ngày càng căng thẳng ở Việt Nam giữa người dân và nhà cầm quyền thuộc địa. Ông cố nén lòng chờ đợi một ngày kia sẽ có lúc dòng máu cách mạng ào ào tuôn chảy.

Sắp đến ngày Việt Nam Quốc dân Đảng ấn định thời gian khởi sự cuộc nổi dậy năm 1930, Nguyễn Thái Học ra lệnh cuộc tiến công sẽ nổ ra đồng thời ở Hưng Hóa, Lâm Thao và Hà Nội, đòn đầu tiên sẽ nhằm vào một đồn binh đóng gần tỉnh lỵ Yên Bái trên một khúc quanh của sông Hồng cách Hà Nội một trăm cây số. Đây là một trong ba đồn lũy đóng trên núi, xung quanh

có rừng che phủ và là đồn tiền tiêu của phòng tuyến bảo vệ miền đồng bằng sông Hồng chống lại sự xâm lược của Trung Quốc.

Nghĩa quân của Quốc dân Đảng trang bị vũ khí thô sơ, hy vọng có thể thuyết phục được số binh lính người Việt trong hàng ngũ đối phương sẽ giao nộp vũ khí cho nghĩa quân hoặc tốt hơn nữa thì đứng về phía nghĩa quân quay súng bắn vào bọn sĩ quan và hạ sĩ quan Pháp. Cơ mưu bại lộ nên cuộc tiến công bị dập tắt ngay từ trước khi bắt đầu như dự định. Khi một vài quả đạn tự chế và được giấu kín phát nổ một cách ngẫu nhiên, nhà đương cục Pháp nhận ra cuộc khủng hoảng mình phải đối mặt, họ liền cho lùng bắt những người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa. Thấy kế hoạch bị bại lộ, Nguyễn Thái Học gửi cho đảng bộ các nơi lệnh khởi nghĩa vào ngày 9/2/1930, sớm hơn dự định kẻo nếu cứ đợi đến đúng ngày khởi sự theo kế hoạch thì cơ sở đảng sẽ bị Pháp phá và bắt hết. Rồi ông lại thay đổi ý kiến hoãn đến 15/2. Các đảng viên Việt Nam Quốc dân Đảng ở Yên Bái không nhận được lệnh hoãn. Cuộc tiến công vẫn nổ ra một cách đơn độc trong lúc các nơi khác vẫn không động tĩnh gì vì đều nhận được lệnh hoãn đến ngày 15 trong tháng.

Đêm mùng 8 rạng ngày 9/2/1930, nghĩa quân Việt Nam Quốc dân Đảng tập hợp trong đêm tối bên ngoài thành phố Yên Bái, đầu quấn khăn lụa đỏ - vàng, đỏ là màu cách mạng, vàng là chỉ dân tộc Việt Nam, cánh tay đeo băng có đề chữ: Việt Nam cách mạng quân.

Rạng sáng ngày 9, lợi dụng binh lính trong đồn còn đang say giấc nồng, nghĩa quân nổ súng tiến công. Thiếu phối hợp với nội ứng của binh lính yêu nước người Việt trong quân đội Pháp và do sự kháng cự mãnh liệt của quân Pháp nên đồn không hạ được và nghĩa quân phải rút lui nhanh chóng. Quân Pháp tiến theo đường xe lửa xuôi sông Hồng để chặn đường rút của nghĩa quân nhưng cũng không ngăn được một số chạy thoát lẩn trốn về Hà Nội.

Tiếp theo là làn sóng khủng bố lùng bắt gắt gao tất cả những phần tử khả nghi, có cảm tình với mục tiêu của Việt Nam Quốc dân Đảng. Mấy ngày sau đó, Nguyễn Thái Học hạ lệnh tiến công vào một đồn Pháp ở nam sông Hồng nhằm hưởng ứng gây thanh thế hơn là nằm trong một kế hoạch đại quy mô lật đổ chính quyền thuộc địa. Lần đầu tiên ở Đông Dương một phi đội máy bay được huy động đối phó với nghĩa quân. Các phi công ngồi trên 5 chiếc Potez - 35 thả bom và bắn súng trường vu vơ vào những làng xóm khả nghi nằm chơ vơ giữa cánh đồng. Khi bay khỏi, chúng để lại trên 200 xác chết đàn ông, phụ nữ và trẻ em.

Sau đó ít ngày Nguyễn Thái Học bị bắt trong lúc ông đang tìm đường

trốn sang Trung Quốc. Cùng với 12 đảng viên Quốc dân Đảng khác, giữa tháng 6 Nguyễn Thái Học bị giải lên Yên Bái và bị xử chém ở đó. Sau các cuộc khủng bố trả thù của Pháp, các cơ sở đảng hoàn toàn tan rã, những người sống sót lẩn trốn sang các tỉnh phía nam Trung Quốc họp thành một tổ chức "ma" cũng lấy tên là Việt Nam Quốc dân Đảng và mưu tính một cuộc trở về Việt Nam vào năm 1945 - 1946.

Cuộc khởi nghĩa Yên Bái thất bại nhưng cuộc đàn áp của Pháp vẫn chưa kết thúc. Các đảng viên cộng sản xúc động trước tinh thần yêu nước đang lên sau cuộc nổi dậy của Việt Nam Quốc dân Đảng. Họ đã không bỏ lỡ thời cơ để lợi dụng tình hình này. Đảng hy vọng phá tan bộ máy chính quyền địa phương và thay thế bằng các nông hội Xô Viết do cộng sản lãnh đạo. Các đảng viên cộng sản kêu gọi nổi dậy, tiếp theo là các cuộc đình công trong các nhà máy và bạo loạn ở các đồn điền cao su. Nông dân hưởng ứng mạnh mẽ. Đối với họ không có gì tệ hại hơn là nạn đói đang đe dọa 1/3 số dân ở Trung Kỳ. Ngày 1/5/1930 những người "da vàng" do đảng viên cộng sản dẫn đầu giương cao ngọn cờ búa liềm đi biểu tình suốt các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Ngãi và phía bắc Trung Kỳ. Biểu tình nhanh chóng biến thành bạo loạn. Phong trào lan rộng ở các tỉnh Nam Kỳ: Bến Tre, Trà Vinh, Vĩnh Long và Kiên Giang.

Ở cả hai bên bạo lực bùng lên như một ngọn lửa. Người Pháp gọi thời kỳ này là "khủng bố đỏ" trong khi người Việt cả người theo chủ nghĩa quốc gia lẫn người theo chủ nghĩa cộng sản đều gọi là "khủng bố trắng". Nông dân vác thuổng, cuốc, dao đi biểu tình đòi giảm thuế, trừng trị quan lại tham nhũng. Họ đốt các công đường của huyện, giết địa chủ và viên chức thân Pháp. Rất nhiều người phục vụ cho Pháp phải trốn về Vinh - thủ phủ tỉnh Nghệ An.

Trong rừng núi, trên đồng ruộng, tại các đồn điền ở Trung Kỳ, tình hình đều hỗn loạn. Suốt mùa hè và mùa thu năm 1930, người Việt giận dữ nổi lên làm chủ hàng trăm làng mạc Trung Kỳ, thành lập Xô Viết địa phương, tuyên bố giảm thuế, giảm tô, tịch thu ruộng đất chia cho dân cày không có ruộng hoặc thiếu ruộng. Họ xua đuổi các địa chủ tham lam khiến chúng không làm gì được hơn là phải bỏ trốn lẩn tránh nông dân nổi dậy. Một số người không gia nhập phong trào, phạm nhiều tội ác với nông dân hoặc ngoan cố chống đối đều bị trừng trị, tra tấn, nhổ răng, cắt mũi, đốt râu, cắt tai trước khi bị treo cổ xiết họng hoặc trôi sông.

Tháng 9/1930, những người cộng sản tổ chức một cuộc biểu tình của nông dân không trang bị vũ khí kéo về thành phố Vinh để đưa yêu sách cải

thiện điều kiện sống và yêu cầu công sứ Pháp giúp đỡ. Máy bay của không quân Pháp can thiệp, uy hiếp đoàn biểu tình, nhưng họ vẫn tiếp tục tiến bước trên con đường dẫn về thành phố Vinh giữa hai hàng cây và những thửa ruộng ngập nước. Đoàn người không nao núng, không chịu giải tán phải hứng chịu những chuỗi bom và súng liên thanh xả xuống. Những người sống sót chạy tán loạn không nơi ẩn nấp. Kết quả trận thảm sát làm 200 người chết và bị thương.

Ở cái thời mà những nhà cầm quyền không mảy may run sợ trước dư luận thế giới, người Pháp đã hành động nhanh chóng để diệt tận gốc sự uy hiếp của các phong trào quần chúng đối với chính quyền thuộc địa. Họ triệt hạ một cách có hệ thống các làng đã ủng hộ vật chất hoặc tài chính cho những người nổi dậy. Sau đó đến lượt quân lính tràn vào các làng xóm tan hoang giết nốt trâu bò, lợn gà còn sót lại, đốt phá các vựa thóc. Các lũy tre bao bọc quanh làng đều bị phá sạch và san phẳng.

Một nhân chứng kể lại: "Cái năm 1930 khủng khiếp đó, tôi là học sinh tiểu học trường làng, tôi còn nhớ đã nhìn thấy nhiều biểu ngữ Pháp dán trên tường khắp đường cái trong làng minh họa những người khởi nghĩa như những kẻ sát nhân đốt phá nhà cửa, chặt đầu trẻ em, hãm hiếp đàn bà con gái công khai giữa chợ." Ngay cả những người có họ hàng xa với những người nổi dậy cũng bị kết án như kẻ phạm tội nặng, cấm không được đi làm, đi học. Chính quyền thuộc địa bỏ tù hoặc đày đi biệt xứ khoảng 70.000 người cả cộng sản lẫn quốc gia, xử tử 700 người khác không qua xét xử tại tòa dù chỉ là giả tạo. Cuộc khủng bố đàn áp dã man đó không làm Pháp bị thiệt hại gì. Chỉ có hai người Pháp bị thiệt mạng trong các cuộc bạo loạn. Trong có vài tháng, sức mạnh và hy vọng của những người theo xu hướng quốc gia của Việt Nam Quốc dân Đảng và những người cộng sản đã bị dập tắt.

Bộ phận chủ chốt trong ban lãnh đạo đảng đều bị bắt. Rất nhiều người bị bắt giam, đi đày hoặc xử tử. Nhiều cơ sở địa phương gần như bị triệt tiêu hoàn toàn. Số sống sót còn lại phải chuyển vào bí mật cho đến khi có phái đoàn của Mặt trận bình dân Pháp sang Đông Dương năm 1936. Một bài học mà nhiều người nhận ra là: nông dân các vùng nông thôn thật sự là một sức mạnh chính trị và quân sự tiềm ẩn đối với những ai muốn bảo vệ nhu cầu và lợi ích của họ và muốn sử dụng họ. Những người theo chủ nghĩa cộng sản đã biết rút ra bài học đó và đã vận dụng trong và sau Chiến tranh thế giới thứ hai, nhưng những người theo xu hướng quốc gia thì không biết điều này.

Võ Nguyên Giáp tiếp tục cuộc sống "hai mặt", ông không còn sự lựa chọn nào khác, vì cuộc khủng bố trắng của Pháp đã lan khắp nước. Trong lúc

công khai làm việc nhiều giờ trong ngày cho báo *Tiếng Dân* thì ông cũng ngày càng tham gia sâu vào hoạt động bí mật của đảng Tân Việt. Đây là một cuộc sống khó khăn và nguy hiểm đối với một thanh niên mới vào tuổi 19. Giáp phải luôn luôn cảnh giác đề phòng, nhận ra bất kỳ ai theo mình để kịp thời đối phó. Ông biết mình là đối tượng điều tra của bọn nhân viên Phòng Nhì Pháp, bọn này không bỏ qua một chi tiết nào trong việc quan sát, theo dõi con mồi và báo cáo đều đặn lên đại bản doanh Sở Mật thám Đông Dương tại Hà Nội.

Đúng gần thời gian này, một nhân vật lạ lùng, như một cái bóng bước vào cuộc đời Giáp chỉ qua một mùa, cuối cùng đã đem đến cho ông một phần thưởng ngoài mong đợi. Người đó chính là trùm mật thám Louis Marty, Giám đốc Nha chính trị Sở Mật thám Đông Dương. Là một người kỳ cựu thông thuộc tình hình châu Á, nói thạo tiếng Hoa và tiếng Việt, Marty đến vùng này từ đầu thế kỷ 20 và đã phục vụ nhiều đời Toàn quyền Đông Dương kế tiếp với vai trò là giám đốc tình báo và an ninh. Mặc dù khá tàn bạo khi cần thiết, song Marty lại hy vọng rằng chính quyền Pháp ở Đông Dương sẽ tháo ngòi nổ thái độ chống Pháp của người Việt bằng cách khuyến khích "thực dân hóa bằng sách", vì vậy ông tạo thuận lợi cho việc ấn hành các tác phẩm và báo chí bằng quốc ngữ hơn là bằng chữ Nho truyền thống. Trong số này có tờ *Nam Phong* do Phạm Quỳnh làm chủ bút một thời gian và Marty tin rằng những nỗ lực này sẽ cung cấp cho các trí thức Việt Nam, đặc biệt là lớp trẻ, về những lựa chọn cho các hoạt động chính trị có nguy cơ gây đe dọa sự ổn định của chế độ thực dân. Đó là chính sách "chinh phục người dân về tinh thần, sau khi chinh phục đất nước về vật chất."

Trong văn phòng ở Hà Nội bên cạnh vườn Bách thảo, liền kề với văn phòng Phủ Toàn quyền Đông Dương, có lẽ Marty đã có đầy đủ hồ sơ về chàng thanh niên Võ Nguyên Giáp nhờ những tin tức do Martin, chánh cẩm thành phố Vinh cung cấp. Tại sao không? Đáng bỏ công để giám sát Giáp chặt chẽ, bởi đây là người đã từng cầm đầu đám học sinh Trường Quốc học Huế, đã thách thức Ban giám hiệu nhà trường, đã tham gia vào phong trào bãi khóa, đã thường xuyên đến thăm Phan Bội Châu, đã tham gia các cuộc tổng đình công phản đối hành hình các nghĩa quân Quốc dân Đảng sau vụ Yên Bái, đã viết những bài báo chỉ trích chính quyền thuộc địa. Chắc hẳn đây phải là một đảng viên của đảng Tân Việt và cũng có thể là đảng viên cộng sản. Vì vậy phải luôn để mắt tới nhân vật này.

Khoảng cuối năm 1930, trong các hoạt động nhằm ngăn chặn làn sóng phản kháng của đám trí thức trẻ, cảnh sát Pháp tiến hành hàng loạt vụ vây ráp trong xứ Trung Kỳ và tung mẻ lưới này để bắt một số đối tượng tình

nghi: người làm công, thợ thuyền, trí thức, nông dân cả già lẫn trẻ. Trong số người bị bắt có Võ Nguyên Giáp và em trai là Võ Thuần Nho. Nhà đương cục cũng bắt một người quan trọng khác nữa, đó là Đặng Thai Mai, Giáo sư dạy văn chương Trường Quốc học, một trong số các giáo sư dạy Võ Nguyên Giáp, người bạn đường của Tân Việt. Pháp cũng bắt được Nguyễn Thị Quang Thái, một cô gái mới 15 tuổi, học sinh trường nữ học Đồng Khánh ở Huế. Giáp còn chưa biết Thái và chính trong những ngày cùng bị giam, họ đã quen biết và gắn bó với nhau.[1]

Ngoài Giáo sư Đặng Thai Mai, cảnh sát Pháp còn bắt nhiều giáo sư khác của Trường Quốc học, và sau vụ xét xử, phần lớn trong số họ bị kết án sáu, bảy năm tù giam nhưng Giáo sư Mai chỉ bị kết án bốn năm tù, còn Nguyễn Thị Quang Thái chịu hình phạt ba năm. Ban đầu Võ Nguyên Giáp bị kết án hai năm án treo vì ông đã đủ thận trọng trong hoạt động nên người ta chỉ thu thập được ít chứng cớ. Nhưng công tố viên đã can thiệp để hai năm án treo trở thành hai năm tù khổ sai.

Trong câu chuyện kể về đời ông, Đại tướng Võ Nguyên Giáp im lặng không nói đến thời gian hai năm 1930 - 1932. Ông bị giam, còn gì khác để mà nói. Người em trai Võ Thuần Nho, Quang Thái và Giáo sư Đặng Thai Mai hiểu rằng họ phải đưa lên thụ án ở nhà tù Lao Bảo[2] trong vùng rừng núi sát biên giới với Lào. Tuy nhiên, họ lại là những người may mắn. Nhiều người lên đấy rồi không trở về nữa. Ngay cả những tù nhân có thể chịu được những biện pháp kỷ luật khắc nghiệt tại Lao Bảo nhưng lại bỏ xác vì nạn sốt rét hoành hành.

Tuy nhiên đối với Giáp, bị giam ở đây không phải chỉ đem lại nỗi ưu phiền vô vọng. Trong nhà tù Lao Bảo, Giáp đã có cơ hội tìm hiểu Quang Thái kỹ hơn. Lớn hơn Quang Thái 4 tuổi, Võ Nguyên Giáp thấy cô gái có duyên và sớm nhận ra bản chất của những tình cảm quyến luyến của mình đối với cô gái. Mười ba tháng sau khi bị giam trong nhà lao, Giáp được tin chính quyền thuộc địa đã quyết định giảm án cho những ai bị kết án dưới bốn năm. Những ai được tha trước thời hạn đều phải trở về quê quán chịu quản thúc cho đến khi mãn hạn tù. Giáp cảm thấy thực sự vui mừng khi cùng với Thái bước qua ngưỡng cửa nhà giam năm 1932.

Đáng lẽ phải tuân lệnh trở về An Xá, nhưng Giáp quay về Huế. Tại đây, Giáp trở lại với bổn phận đối với đảng Tân Việt và hy vọng tìm lại được chỗ làm việc ở tòa soạn báo *Tiếng Dân*. Nhưng về Huế được vài ngày, viên Khâm sứ Trung Kỳ nhận thấy Giáp đã vi phạm điều lệ tha bổng, nên buộc Giáp phải rời khỏi Huế và trở về An Xá.

Khi trở về nhà, Giáp quyết định ngay lập tức là phải đến thành phố Vinh. Lý do của sự lựa chọn đó là ông cần một chỗ làm và hy vọng sẽ tìm được việc làm ở đây. Giáo sư Đặng Thai Mai cũng vừa ra khỏi nhà tù, được phép trở về Vinh sinh sống. Giáp hy vọng sẽ được Giáo sư Mai giúp đỡ bằng cách này hay cách khác. Quan trọng hơn là tại Vinh có gia đình cụ Nguyễn Huy Bình là cha đẻ của Nguyễn Thị Quang Thái. Vốn quê gốc ở Hà Đông[3], cụ Bình làm việc trong ngành đường sắt tại nhà ga Vinh. Hai người con nhỏ nhất của cụ là Nguyễn Thị Minh Khai, sinh năm 1910 và Nguyễn Thị Quang Thái sinh năm 1915.[4]

Giáp đến Vinh được Giáo sư Mai cho ở nhờ và lần đầu tiên Giáp biết sáu người con của ông, trong số đó có Đặng Bích Hà sinh năm 1929, kém ông 18 tuổi[5]. Năm đó, 1932, cô bé đang còn lon ton chạy trong nhà, coi Giáp như em út của cha mình và thường gọi Giáp bằng chú.

Ít lâu sau, Võ Nguyên Giáp tìm được chân kế toán cho một hiệu buôn ở phố Thống chế Foch, ông còn mở lớp dạy toán và tiếng Pháp. Một thời gian ngắn sau đó, Giáp nhận ra rằng nhà ông Bình cách không xa nhà Giáo sư Mai. Và Quang Thái trở thành một trong số những học trò của ông. Theo thời gian tình cảm của ông đối với cô học sinh ngày càng trở nên thắm thiết.

Giáp đã biết chị gái của Quang Thái là Nguyễn Thị Minh Khai hơn Giáp gần một tuổi. Mặc dù cả hai cô con gái ông Bình đều là những người hoạt động cách mạng, đều muốn ách thống trị thực dân sớm chấm dứt nhưng Minh Khai xem ra sớm có tinh thần cách mạng hơn. Cô bắt đầu dấn thân vào con đường cách mạng khi còn là một nữ sinh trường trung học Cao Xuân Dục ở Vinh. Năm 1926, khi mới 16 tuổi, Minh Khai đã cùng bạn bè tham gia các buổi lễ tưởng niệm nhà yêu nước Phan Chu Trinh. Trong lúc Minh Khai tham gia biểu tình ở Vinh thì Giáp cũng làm như vậy khi còn đang học Trường Quốc học Huế.

Năm 1927, cả Võ Nguyên Giáp và Nguyễn Thị Minh Khai đều xin gia nhập đảng Tân Việt và cả hai đều hướng về cánh có tính chiến đấu trong đảng. Nhận ra phẩm chất lãnh đạo của Minh Khai, các đồng chí đã bầu cô vào ban chấp hành đảng bộ tỉnh. Hoạt động chính trị đã thu hút toàn bộ sức lực, tâm huyết của cô. Mùa hè năm 1930, chỉ mấy tuần trước khi Giáp bị bắt ở Huế, Minh Khai đã đáp tàu đi Hồng Kông. Tại đây cô làm việc cho Ban Á Đông của Quốc tế Cộng sản. Thỉnh thoảng cô trở về Vinh, rồi lại rút vào hoạt động bí mật. Cô ở nhà vài ngày trước khi lại trốn sang Hồng Kông.

Minh Khai có thể coi là người phụ nữ có đầu óc phóng khoáng nhất thời

bấy giờ. Cô thích thể thao, kể cả bơi lội, hoạt động ít thấy ở phụ nữ Việt Nam thời đó. Cảnh sát Anh bắt cô ở Hồng Kông ngày 29/4/1931 về tội hoạt động chính trị và cô bị tù giam đến năm 1932. Các nhà đương cục Anh giao cô cho nhà đương cục Trung Hoa ở Quảng Châu và cô tiếp tục bị giam ở đây cho đến năm 1934. Trong một thời gian ngắn trở về Vinh, Minh Khai lại trở lại Hồng Kông. Tại đây cô gặp Lê Hồng Phong là người sau này cô đã kết hôn. Ít lâu sau cô đến Matxcova theo học lớp đào tạo chính trị tại trường Đại học Phương Đông.

Tháng 7/1935, Minh Khai tham gia đoàn đại biểu Việt Nam tại Đại hội lần thứ VII Quốc tế Cộng sản tại Matxcova. Cuối cùng cô trở lại Việt Nam năm 1937 và hoạt động ở Sài Gòn cùng với Lê Hồng Phong và tại đây họ đã nên duyên vợ chồng. Minh Khai cũng đảm nhiệm công tác liên lạc giữa Đảng bộ Vinh và Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Hà Nội. Tháng 9/1939, cảnh sát Pháp càng ngày càng xiết chặt vòng vây và một lần nữa cô chuyển vào hoạt động bí mật. Dù cô thường xuyên trong tình trạng phải lẩn trốn, nhưng những hoạt động chính trị đã tạo cơ hội cho Võ Nguyên Giáp và Nguyễn Thị Minh Khai gặp nhau nhiều lần, bắt đầu từ năm 1937 cho đến 1940, là năm Võ Nguyên Giáp sang Trung Quốc hoạt động.

Cô em gái Nguyễn Thị Quang Thái cũng bị những hoạt động của Minh Khai cuốn hút. Quang Thái hoạt động tích cực đến mức cảnh sát Pháp phải mở hồ sơ về cô khi cô chưa đầy 15 tuổi. Được Võ Nguyên Giáp ủng hộ, cô càng hoạt động tích cực. Năm 1933, Giáo sư Đặng Thai Mai ra Hà Nội nhận chức Hiệu trưởng Trường tư thục Thăng Long. Giáp quyết định ra Hà Nội với gia đình giáo sư, để lại Quang Thái ở Vinh. Trước khi ra đi, Giáp còn hứa là không bao giờ quên cô. Sau này tại thủ đô Bắc Kỳ, Võ Nguyên Giáp tiếp tục sống trong gia đình giáo sư Đặng Thai Mai.

Louis Marty, Giám đốc Sở Mật thám theo dõi Giáp từ lâu, giờ đây có mối quan tâm mang tính cá nhân nhiều hơn đối với Giáp và tìm cách giúp Giáp tiếp tục việc học. Không ai có thể thấy được những bí mật trong thời kỳ này. Được hỏi, Võ Nguyên Giáp bao giờ cũng từ chối bình luận về Marty.

Dù hoàn cảnh thực tế như thế nào, Marty đã biết được rất rõ về con người hoạt động cách mạng trẻ tuổi vừa xuất sắc vừa gây tranh cãi đó. Rất khó để có thể giải thích lý do tại sao Marty lại đối xử "tốt" với Võ Nguyên Giáp như vậy. Có lẽ Marty chỉ nghĩ đơn giản rằng cai trị một thuộc địa có những người sẵn sàng hợp tác dễ hơn cai trị một thuộc địa có nhiều người đối kháng. Có lẽ ông ta nghĩ rằng không nên bỏ rơi một con người có tư chất thông minh thiên phú, con đường công danh rộng mở, một con người có thể

phục vụ tốt cho nước Pháp sau này còn hơn là biến người đó trở thành đối thủ công khai của mình? Đối với Marty, Giáp hình như biết thuộc bài và bây giờ là lúc nên thuần hóa, vô hiệu hóa chàng trai trẻ. Có thể là phần mình Giáp đã làm dịu đi mối nghi ngờ của chính phủ Pháp đối với những ai có thể uy hiếp sự thao túng của Pháp ở Đông Dương. Võ Nguyên Giáp có lẽ không phải là người Việt đầu tiên được "phục quyền". Nhưng Marty đã phạm sai lầm lớn nhất trong sự nghiệp của mình khi chìa bàn tay cho Giáp. Với hành động đó, ông ta đã góp phần khai tử nền cai trị của thực dân Pháp ở Việt Nam.

Trong nhiều cuộc gặp gỡ diễn ra trong năm 1933, Marty khuyến khích Võ Nguyên Giáp nên tự học và chuẩn bị thi lấy bằng tú tài phần thứ nhất. Như vậy, Giáp sẽ có một tấm bằng được bảo đảm. Nếu Võ Nguyên Giáp đỗ tú tài, Marty nói ông ta sẽ ủng hộ để Giáp được vào trường trung học nổi tiếng tại Hà Nội là Trường Albert Sarraut, lấy tên một trong những vị toàn quyền tiến bộ nhất gần đây (1911 - 1914, 1917 - 1919). Hầu hết các trí thức Việt Nam đều học tại Hà Nội. Đó là trung tâm của hoạt động trí thức. Trường Trung học Albert Sarraut là trường tốt nhất, không phải nói gì hơn nữa.

Có hai trở ngại đối với đề nghị của Marty: một trong những điều cấm mà quy chế của Pháp áp đặt cho người Việt là ngăn cấm đa số thanh niên học lên bậc đại học, cao đẳng, không cho xin việc bằng thi tuyển ở các cơ quan chính phủ. Người Pháp khẳng định những điều cấm đó là cần thiết để tránh cho các trường học bị quá tải và để cho những kẻ phá rối không gây khó cho chính quyền thuộc địa. Đây là một đặc ân ngay cả với những gia đình thân Pháp khi đột xuất nhận được hộ chiếu cho phép con em họ sang Pháp du học.

Cả Bắc Kỳ chỉ có một nơi học sinh có thể thi lấy bằng tú tài, đó là Hà Nội. Ở Trung Kỳ, sau năm 1937 chỉ có ở Huế. Và đa phần số người đăng ký dự thi đều trượt. Tại Huế năm 1943, trên ba nghìn học sinh dự thi thì chỉ có 61 người đỗ.

Trở ngại thứ hai là, dưới chính quyền thuộc địa người ta không bao giờ dành cho những kẻ gây rối người Việt còn ít tuổi có được cơ hội thứ hai. Nếu họ bị đuổi khỏi trường thì con đường học tập của họ coi như chấm dứt. Họ không còn trông cậy vào đâu. Nếu Võ Nguyên Giáp muốn học cao hơn nữa thì bắt buộc phải có sự giúp đỡ, và Marty rất sẵn sàng.

Trong khi học tập, Võ Nguyên Giáp cũng cần tìm một công việc nhỏ để

đủ tiền nuôi sống mình. Trong một thời gian, Võ Nguyên Giáp làm trợ lý nghiên cứu cho Pierre Gourou - một nhà địa lý người Pháp quan trọng bậc nhất ở Đông Dương lúc bấy giờ. Ông là tác giả nhiều bộ sách quý như *Người nông dân đồng bằng Bắc Bộ* và *Nông nghiệp trong xứ Đông Dương thuộc Pháp*. Khi Giáp được giải phóng mọi nghĩa vụ, ông lao tâm vào học. Và ông qua các kỳ thi tú tài một cách dễ dàng. Ông xin vào học Trường Albert Sarraut ở Hà Nội và với sự ủng hộ của Marty, ông được nhập học ngay.

Phải chăng đối với Marty, đó là một sự "cho và nhận"? Có thể nghĩ như thế lắm. Tại Sở Lưu trữ Đông Dương có một tài liệu đánh máy kỳ lạ không đề ngày tháng (chỉ được lưu vào năm 1972) và người ta không rõ gán cho ai tài liệu này (nó phải là một phần của một tập tài liệu dày hơn bởi vì ba trang có liên quan đều được đánh số 14, 15 và 16). Tài liệu này nêu những việc nổi bật trong cuộc đời của Võ Nguyên Giáp, trong đó viết là từ năm 1936 đến 1939, Giáp "hành động như một người trung gian của Đảng Cộng sản Đông Dương […] ở Hà Nội khi ông Giáp tiếp xúc với Marty, Giám đốc Chính trị của Sở Mật thám Đông Dương". Không có một chỉ dẫn nào khác về tính chất các cuộc tiếp xúc đó hoặc những cuộc tiếp xúc đó là cần thiết cho ai?

Marty đã thu được gì qua các cuộc tiếp xúc đó? Có thể là tin tức về các kế hoạch, chính sách, hay các thành viên của đảng kình địch với Đảng Cộng sản Việt Nam. Thế còn Võ Nguyên Giáp tìm được gì? Không chỉ là thuận lợi về con đường học tập. Một giáo sư Việt Nam đã gợi ý với Giáp "bằng sự thông minh và khôn khéo hãy đánh lừa con cáo già Marty bằng cách vận dụng chiến thuật *tương kế tựu kế* làm Marty tưởng là đã lừa được Giáp để đến lượt mình cho đối phương vào bẫy. Hãy sử dụng người đỡ đầu của mình để đến một lúc nào đó, có thể đạt được mục tiêu của mình dễ dàng hơn."

Dù thế nào, hình như Võ Nguyên Giáp đã có cuộc sống khá an toàn vào cuối những năm 1930 trong lúc những người khác đang thật sự lâm nguy. Xung quanh ông, nhiều đảng viên, nhiều đồng chí bị bắt hoặc phải đi đày biệt xứ, bị giam giữ nhiều năm tại những địa ngục trần gian nổi tiếng như Côn Đảo, thậm chí lên máy chém. Những quan hệ của ông với trùm mật thám Marty đã chấm dứt năm 1939, khi nổ ra Chiến tranh thế giới lần thứ hai.

Tháng 9/1932, là năm Võ Nguyên Giáp ra khỏi nhà tù, cũng là năm người Pháp cho phép Thái tử kế nghiệp Bảo Đại từ Paris trở về Việt Nam và làm lễ tấn phong hoàng đế cho ông. Mới 18 tuổi, Bảo Đại cảm thấy hoàn toàn lạc lõng giữa triều đình. Ông hoàn toàn xa lạ với việc trị vì. Hoàng Thái hậu đối xử rất nghiệt ngã và độc đoán, được thực dân Pháp mệnh danh

là "hổ cái". Bảo Đại cảm thấy suy sụp về tinh thần và bắt đầu tổ chức những cuộc đi săn đơn độc, dài ngày trong rừng. Tuy nhiên, nhà vua cũng quyết tâm khôi phục một vài quyền tự chủ còn sót lại và tiến hành cuộc cải cách nhỏ thật sự cần thiết. Trong lúc Giáp học để thi tú tài và hy vọng vào Trường Albert Sarraut thì nhà vua đi những bước đầu tiên của công cuộc cải cách. Không có quyền lực, cô đơn và hụt hẫng nhưng ông tỏ ra độc lập suy nghĩ khiến người Pháp phải ngạc nhiên. Họ tưởng đã nhào nặn được ông thành một vua ngoan ngoãn chỉ biết cúi đầu tuân lệnh trước khi để ông trở về trị vì.

Bảo Đại không phải con người có tinh thần đấu tranh, ông hy vọng có thể thúc đẩy liên minh Pháp - Việt trên cơ sở hiệp ước 25/8/1883 nhưng rốt cuộc ông không thuyết phục được người Pháp cũng như không thu phục được nhân dân trong nước. Ông ban "dụ" khi vào chầu ở điện Thái Hòa, các quan không phải sụp lạy. Theo truyền thống, các hoàng đế rất ít tiếp xúc với dân. Phần lớn người dân chỉ nhìn thấy vua qua các tấm ảnh chân dung. Bảo Đại có tính rụt rè, ông muốn xóa bỏ những nghi thức rườm rà và muốn gần gũi hơn với nhân dân. Ngoài việc xóa bỏ việc quỳ lạy của các quan khi vào chầu, ông cũng xóa luôn chế độ "nạp phi" (chọn gái đẹp trong dân gian làm cung tần mỹ nữ), và chọn ra một nội các mới trong đó lần đầu tiên có một người không phải là quan lại.

Ông tỏ ý tức giận khi thấy lương trả cho người Việt giữ chức quan trọng không bằng những viên chức Pháp. "Người đứng đầu một tỉnh như người anh của Ngô Đình Diệm ở tỉnh Quảng Nam lĩnh lương không bằng một cảnh sát Pháp ở Hà Nội," ông viết. Đó là chuyện thường tình ở Việt Nam thời đó. Dù là quân nhân hay dân sự, người Pháp sang Đông Dương là một cơ hội cải thiện đời sống và làm giàu, như ở chính quốc người ta truyền cho nhau câu ngạn ngữ "phải là con Tổng giám mục mới được bổ nhiệm sang Đông Dương".

Trường hợp Hoàng Xuân Hãn là một ví dụ. Ông tốt nghiệp trường Bách khoa ở Pháp, sau đó là Bộ trưởng Giáo dục Việt Nam. Trong những năm 1930, ông là giáo sư khoa học ở Trường Albert Sarraut tại Hà Nội. Có bằng cấp, có trình độ chuyên môn giảng dạy như vậy mà lương của ông chỉ bằng một nửa người Pháp gác cổng ở ngay trong trường chỉ có bằng sơ học (Brevet Elementaire)[6]. Không có gì đáng ngạc nhiên khi Bảo Đại muốn chấm dứt cách đối xử bất công đó. Sau 18 tháng đối mặt với sự cứng rắn của người Pháp, Bảo Đại cảm thấy mất hết hy vọng.

"Tất cả đều hão huyền," ông viết, "bây giờ tôi mới hiểu rằng những người theo chủ nghĩa quốc gia có lý. Và không phải chỉ có một mình tôi nghĩ

như vậy. Ngay ở Pháp cũng có nhiều người chia sẻ ý kiến với tôi”. Mới đây, ông nói: “Tôi đã đọc thấy câu của André Malraux: Khó mà quan niệm rằng một người Việt Nam can đảm lại không đi theo cách mạng”. Bảo Đại nhớ lại Phạm Quỳnh - Bộ trưởng Giáo dục của ông, đã viết 10 năm trước: “Người Việt Nam cảm thấy như là người nước ngoài điều chỉnh đất nước của họ”. Chính Bảo Đại cũng có những phản ứng bực bội như thế: “Tôi cũng cảm thấy điều đó”, ông viết trong một chuyến du hành ra miền Bắc, “tôi như một vị quân vương ngoại quốc. Đó là vì người Pháp đã đặt tôi vào hoàn cảnh như vậy. Tôi sống trong nước tôi mà như một nhà vua nước ngoài đi đày ở xứ này, cũng như các tiên đế trước đây. Nhưng đi đày ở trong chính nước mình, trong lòng nhân dân nước tôi cũng đang bị ở tình cảnh đi đày”.

Trong lúc Hoàng đế Bảo Đại vật lộn để có một chút ảnh hưởng dù nhỏ nhoi đối với chính sách thuộc địa của người Pháp thì Võ Nguyên Giáp được Marty động viên, khuyến khích chuẩn bị vào học Trường Albert Sarraut. Năm 1933, ông đỗ tú tài phần thứ nhất [tức tú tài đại cương - ND]. Ông nghĩ đến đỗ cho được tú tài toàn phần.

Phần lớn chỗ học ở năm cuối cùng của Trường Albert Sarraut là dành cho con em những công chức thực dân người Pháp. Còn thanh niên Việt Nam muốn vào thì phải qua một kỳ thi tuyển đặc biệt. Khi Ban giám hiệu nhà trường thông báo còn một số chỗ cho thí sinh tự do, Võ Nguyên Giáp liền đệ đơn dự thi và ông đã đỗ. Ông cũng nhận được sự giúp đỡ của một Giáo sư đại học Hà Nội, đảng viên lâu năm của Đảng Cộng sản Pháp tên là Marcel Ner để được miễn lệ phí nhập học. Được hỏi về quá trình của Võ Nguyên Giáp tham gia phong trào chống đối của học sinh, Ner đã thay mặt Giáp xin lỗi vì lầm tưởng rằng làm như thế là đi theo lý tưởng của cách mạng Pháp năm 1789, có trong chương trình giảng dạy trong các nhà trường của Việt Nam.

So với những sinh viên có thái độ phản đối chính sách thống trị của người Pháp, Võ Nguyên Giáp đặc biệt nổi bật, ông quyết tâm hơn ai hết trong số bạn cùng học với ông, đấu tranh cho tự do, nhưng việc ông tham gia đảng Tân Việt, những rắc rối trước đây với Phòng Nhì và thời gian ở tù đã dạy ông khá nhiều điều. Ông biết phải khép mình vào kỷ luật như thế nào, che giấu cảm xúc ra sao, làm thế nào để tránh đụng phải các vấn đề gây rắc rối. Không có một yếu tố nào khiến ta nghĩ rằng khi ông học ở Trường Albert Sarraut, Phòng Nhì đã đặc biệt để ý đến ông. Bề ngoài ông học tập chăm chỉ, tỏ ra là một người ngoan ngoãn. Miệt mài học tập khiến ông nhanh chóng đứng đầu lớp, ban Triết học. Một học sinh của của Trường Albert Sarraut, Nguyễn Đình Tú nhớ lại: “Vượt qua được trở ngại ban đầu là thi đỗ

vào trường, chúng tôi còn phải viết tiểu luận bằng tiếng Pháp để được đánh giá trình độ học vấn và chính tả nữa. Sau đó là phải giải các bài toán. Cuối cùng là một bài thi hát bằng tiếng Pháp… Tôi chỉ nhớ lờ mờ có một bài.” Ông Tú cười khi nhớ lại chuyện cũ: “Một ngày thi viết, một ngày thi vấn đáp. Ban giám khảo toàn người Pháp.”

Ông Tú năm nay đã 80, nhớ lại tất cả chỉ có hai người Việt Nam được vào học trong số 1.000 người dự thi tuyển vào Albert Sarraut đầu những năm 1930.

“Các lớp học buổi sáng từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút và buổi chiều từ 14 giờ 30 phút đến 17 giờ 30 phút. Các học trò học “gạo” lắm nhưng chúng tôi vẫn có thì giờ đi “bát” phố (theo lối nói bây giờ gọi là học rất chăm những vẫn có thì giờ đi dạo phố), cùng ngồi với nhau bên vệ cỏ bờ hồ Hoàn Kiếm, tổ chức các đội bóng đá và thi đấu với nhau.” Và ông còn dành thời gian để suy nghĩ về đất nước mình. “Tôi luôn luôn nghĩ đến ngày đất nước thoát khỏi sự thống trị của người Pháp. Nhiều bạn học chia sẻ ý kiến này với tôi. Có cả những bạn học các trường khác thường ngồi với nhau bàn bạc chiến đấu thế nào để giải phóng đất nước. Ý tưởng chính của chúng tôi là yêu nước như thế nào. Chúng tôi thường nói với nhau những đề tài ấy bên ngoài nhà trường. Chúng tôi nói theo cách riêng của bọn học trò chúng tôi. Chúng tôi còn non nớt, thơ ngây lắm, không biết phải chiến đấu như thế nào”. Đó là những lời than vãn nói lên tình cảnh chung của mọi người hoạt động cách mạng ở Việt Nam. Quả thật họ không biết phải chiến đấu ra sao.

Khoảng cuối năm 1934, Giáp đỗ tú tài phần thứ hai hay còn gọi là tú tài toàn phần. Có được bằng cấp nên không phải mất nhiều thì giờ để kiếm việc làm. Ông đã xin được một chân dạy Lịch sử và Pháp văn ba giờ một ngày tại Trường tư thục Thăng Long. Trường này do Huỳnh Thúc Kháng làm hiệu trưởng[7]. Trường Thăng Long thực sự là nơi hun đúc tình cảm yêu nước và hoạt động cách mạng, tạo cho Giáp niềm say mê háo hức. Có việc làm, có thu nhập, ông muốn tiếp tục học lên nữa. Càng ngày ông càng cảm thấy đảng Tân Việt hoạt động thiếu kỷ luật, ông không còn hăng hái với hoạt động của Tân Việt và ngày càng quan tâm hơn đến chủ nghĩa cộng sản thuần túy. Ông muốn biết nhiều hơn về kinh tế và chính trị. Vì vậy, ông xin vào học khoa Luật Trường Đại học Hà Nội và được nhận vào học. Nhưng công việc dạy học ở trường Thăng Long và việc học ở khoa Luật chưa thỏa chí. Ông cho xuất bản tờ báo riêng của ông. Ít lâu sau ông thấy quá bận rộn vì công việc mà trước đây ông không thể tưởng tượng nổi.

[1] Thực ra Võ Nguyên Giáp và Nguyễn Thị Quang Thái đã quen nhau từ trước. Năm 1928, lần đầu tiên hai người gặp nhau khi Quang Thái đến nhờ Võ Nguyên Giáp giới thiệu vào hoạt động trong phong trào học sinh ở Huế (BT).

[2] Võ Nguyên Giáp, Đặng Thai Mai, Võ Thuần Nho, Nguyễn Thị Quang Thái bị giam tại nhà lao Thừa Phủ - Thừa Thiên Huế, chứ không phải nhà tù Lao Bảo ở Quảng Trị (BT).

[3] Quê gốc của gia đình cụ Nguyễn Huy Bình ở làng Mọc, Nhân Chính, Hà Nội (BT).

[4] Nguyễn Thị Minh Khai là con cả, Nguyễn Thị Quang Thái là con thứ trong gia đình có tám người con (BT).

[5] Bà Đặng Bích Hà sinh năm 1928, kém Đại tướng Võ Nguyên Giáp 17 tuổi (BT).

[6] Tương đương với tốt nghiệp trung học cơ sở của Việt Nam hiện nay (ND).

[7] Có lẽ tác giả nhầm, Hoàng Minh Giám làm hiệu trưởng Trường tư thục Thăng Long (BT).

“Họ đặt hy vọng vào một sự nghiệp chung”

Thời gian dạy học ở trường Thăng Long và học Luật, Võ Nguyên Giáp tiếp tục ở trọ nhà giáo sư Đặng Thai Mai. Ông được học sinh kính trọng và được ca ngợi là dạy giỏi. Một trong những học trò của ông, Tôn Thất Bình bắt đầu có những ý nghĩ tốt về ông. Ông hoàn toàn thích hợp với tâm thức của nhà trường mà ai đó đánh giá là nơi vun đắp tình cảm chống thực dân và nơi diễn ra các cuộc thảo luận về tương lai nước Việt Nam. Học sinh ở độ tuổi từ 14 đến 18, chương trình học của nhà trường tương đương với chương trình của học sinh trung học phổ thông. Võ Nguyên Giáp sử dụng lịch sử để đạt được mục tiêu chính trị của mình. Ông nghĩ rằng dạy môn lịch sử sẽ giúp ông làm cho học sinh thấm nhuần chủ nghĩa yêu nước.

Sau này, nhiều học trò cũ vẫn nhớ những buổi dạy của thầy giáo Giáp. Ông Nguyễn Đình Tú kể lại: “Thầy Giáp được học sinh thật sự kính trọng. Đó là một người yêu nước vững vàng rất tận tụy, trung thành. Thầy luôn luôn nói cần phải hất cẳng người Pháp. Dĩ nhiên thầy không bao giờ nói về chủ nghĩa cộng sản, mà chỉ nói chủ nghĩa quốc gia. Vì vậy, trong mắt chúng tôi khi đó thầy là một nhà yêu nước, chứ chúng tôi không nghĩ thầy là một người cộng sản”. Võ Nguyên Giáp là một người cộng sản nhiệt thành đã biến những giờ dạy lịch sử thành một diễn đàn chính trị.

Một học sinh khác, sau này cũng đi theo chủ nghĩa cộng sản và di cư vào Nam năm 1954 đã nói ông nổi tiếng trong đám học sinh là diễn giảng rất giỏi về các đề tài lịch sử, đặc biệt là lịch sử quân sự. Nhiều học sinh cũ của ông nhớ về ông như một “chiến binh cuồng tín, không mấy khi mỉm cười và không để ai thuyết phục được ông trong bất cứ lĩnh vực nào”. Ông còn nhớ “thầy Giáp có thể vẽ trên bảng đen những chi tiết cụ thể nhất về từng trận đánh của Napoleon.” Ông Bùi Diễm, cựu đại sứ của Ngô Đình Diệm tại Mỹ, thời đó là một cậu bé 13 tuổi, đã nhớ về Võ Nguyên Giáp như hình ảnh của một con người bị “qủy thần ám ảnh về cách mạng và các trận chiến.”

Thầy giáo Giáp dạy về lịch sử nước Pháp từ năm 1789 đến giữa thế kỷ 19. Ông trình bày vấn đề theo cách riêng của mình. Bắt đầu buổi học, ông đứng trước lớp nhìn thẳng vào học sinh và nói: “Có rất nhiều sách nói về lịch sử nước Pháp thời kỳ này. Nếu muốn tìm hiểu, các em có thể tham khảo. Tôi sẽ chỉ nói với các em về hai chủ đề: Cách mạng Pháp và Napoleon.”

Nửa thế kỷ đã qua, ông Bùi Diễm không bao giờ quên được phương

pháp sư phạm của thầy Giáp: “Sự miêu tả chi tiết về mức độ xa hoa cũng như đồi bại của Marie Antoinette đã đưa học trò đến một nhận định không chút nghi ngờ về số phận dành cho nền quân chủ Pháp. Thầy Giáp sôi nổi kể về Ủy ban Cứu quốc, Công xã Paris, về cuộc sống và cái chết của Danton và Robespierre.” Võ Nguyên Giáp như bị hút hồn về cuộc Cách mạng Pháp và những nhân vật thời đó. Ông Bùi Diễm nhớ lại: “Võ Nguyên Giáp không phải chỉ là nhà sử học đơn thuần, ông còn là một trạng sư say mê, bênh vực chính nghĩa của lịch sử.”

Đi đi lại lại một cách mạnh mẽ trong lớp, Giáp “mô tả lại từng hành động cho thấy rõ sự phát triển trong chiến thuật và chiến lược của Napoleon”. Từng trận đánh lớn khi Napoleon dẫn quân lính xông thẳng vào đội hình của quân đội các nước châu Âu hay từng cuộc giao tranh của các đơn vị nhỏ, Võ Nguyên Giáp đều nhớ chi tiết. Ông muốn học trò của ông hiểu “tại sao một đội long kỵ binh (kỵ binh cận vệ của nhà vua) lại được bố trí ở vị trí chính xác như thế hay đội cận vệ của Napoleon đã nổ súng đúng lúc như thế nào để giành chiến thắng”. Lớp học im phăng phắc, đám học trò thiếu niên đang ở tuổi hiếu động bị cuốn hút vào những câu chuyện kể hết sức hấp dẫn như sống lại đến từng chi tiết võ công hiển hách của Napoleon.

Võ Nguyên Giáp nói rằng ông giảng giải kỹ về các trận đánh của Napoleon đơn giản vì ông có trách nhiệm phải giảng về Cách mạng Pháp. Vì vậy, ông phải nghiên cứu kỹ chiến lược và chiến thuật của Napoleon.

Có một thời gian ngắn, đám học trò hay gọi ông với biệt danh “ông tướng” hay “Napoleon” vì ông say sưa giảng về chủ đề quân sự trong Cách mạng Pháp (56 năm sau, được hỏi về các biệt danh đó, vị “tướng về hưu” đã lâu chỉ phá lên cười với sự vui vẻ).

Theo lời đồn đại, “dáng đi và cách nói của Giáp giống hệt Napoleon, nói những câu ngắn gọn, đầu hơi cúi, tay thọc vào túi áo vét.” Theo miêu tả của các bạn đồng nghiệp, ông là “một con người có vẻ mặt điềm tĩnh, lạnh lùng như một người chơi poker đang suy nghĩ nên hạ con bài nào, nhưng lại hay giận dữ giữa những phút im lặng như hòn đá.” Người ta kể lại, một hôm một giáo sư hỏi ông: “Không chơi kiểu Napoleon à?” Giáp trả lời: “Mình *sẽ là* một Napoleon!” Có thể ông đã nghĩ đến điều đó, vì khá lâu sau, trong những cuộc trả lời phỏng vấn, ông hay có điệu bộ như hoàng đế Napoleon đang độc thoại trước các nhà báo.

Giáp quan tâm đến học sinh không phải chỉ trong các giờ lên lớp mà cả trong các buổi gặp gỡ bên ngoài. Thỉnh thoảng đám học sinh đến nhà ông trò

chuyện sau những buổi lên lớp và ông luôn cố gắng tác động vào quan điểm chính trị của họ. Ông Bùi Diễm nhớ lại Giáp có bộ *Tư bản luận* bằng tiếng Pháp trên giá sách. Giáp giục ông (Diễm) nên đọc Marx và các tác phẩm có xu hướng xã hội khác "*nhưng* tôi không mảy may quan tâm và còn nghi ngờ mô hình Mác-xit mà Giáp đưa ra."

Giáp muốn học trò của mình phải học thật giỏi. Bản thân ông đã chăm chỉ miệt mài học tập trong những năm ở Trường Quốc học Huế, nên ông muốn họ theo gương ông cũng hăng say học tập như thế. Khi học ở Đại học Luật cũng thế. Ông đòi hỏi mình phải học giỏi. Vì vậy, ông để lại nhiều ấn tượng sâu sắc trong các giáo sư dạy ông. Ông ưa thích luật và kinh tế chính trị. Đó là những môn học ông quan tâm từ khi còn làm báo *Tiếng Dân*.

Năm 1947, giáo sư của Giáp ở trường Đại học Luật Hà Nội là Marcel Ner, một đảng viên cộng sản khi nói về Giáp đã nhớ lại "đó là một con người yêu mến tha thiết đất nước mình, say mê chủ nghĩa cộng sản." Một giáo sư khác thì đánh giá: "Giáp là sinh viên xuất sắc nhất ở trường Đại học Hà Nội lúc bấy giờ […], một con người khao khát học hỏi" nhưng "lại là người hướng nội".

Một giáo sư người Pháp khác của Võ Nguyên Giáp là Gregoire Kherian. Năm 1945, khi Nhật đảo chính Pháp, bọn cầm đầu hiến binh Nhật ra lệnh bắt giữ các giáo sư, nhân viên người Pháp của trường Đại học Hà Nội. G. Kherian lúc này là Trưởng bộ môn Kinh tế Chính trị của khoa Luật được người Nhật cho về trường thu dọn các giấy tờ sổ sách. Ông tìm thấy được hồ sơ của một sinh viên duy nhất - đó là Giáp mà ông muốn che chở. Kherian nói: "Đó là anh sinh viên tôi thích nhất, anh ta học rất giỏi và can đảm". Khi một nhà báo phỏng vấn năm 1972, Kherian nói: "Tôi còn giữ được hồ sơ của Giáp và một bài báo của Giáp với nhan đề *Cán cân thanh toán ở Đông Dương*." Kherian ghi nhận đó là "một bài xuất sắc viết về một đề tài khó. Bài viết trình bày sáng sủa, xuất sắc, có phương pháp và độc đáo".

Tuy nhiên, kỷ niệm kỳ lạ mà Kherian còn giữ được về Giáp là cuối thời gian học đại học, Giáp có cơ hội được rời khỏi Việt Nam để sang Pháp du học. Ông ghi lại: "Giáp đỗ đầu môn Kinh tế Chính trị năm 1938. Hàng năm có một giáo sư nổi tiếng từ Paris sang Việt Nam tự mình chọn lựa sinh viên giỏi, có triển vọng để cho đi học tại Pháp qua một kỳ thi tuyển. Năm đó, là Giáo sư M. Gaeton Pirou. Ông chính là chánh văn phòng của Thủ tướng Paul Doumer. Ông nói với tôi là ông có ấn tượng về kết quả học tập của Giáp và đặt cho tôi nhiều câu hỏi về Giáp. Tôi trả lời anh ta (Giáp) đang có vấn đề

với nhà cầm quyền, và đó là con người luôn luôn sôi nổi. Ông Pirou nói: “Phải đưa anh ta ra khỏi môi trường thuộc địa. Hãy tìm cách cho anh ta đến Paris. Anh ta có thể học bất cứ ngành nào theo ý muốn. Người ta sẽ chu cấp cho anh ta ăn học.”

Kherian đã chuyển lời đề nghị của Pirou tới Giáp. Anh yêu cầu có thời gian để suy nghĩ. “Ngày hôm sau Giáp trở lại nói anh ta không thể bỏ rơi bạn bè và hành xử như một người ích kỷ”. Học bổng dành cho người khác là Vũ Văn Hiền sau này là một luật gia nổi tiếng. Võ Nguyên Giáp đã từ chối khoản học bổng đặc cách này dành cho ông cơ hội đi Pháp học ngành nào tùy ý. Sự nhiệt tình của ông đối với đất nước khiến ông khước từ mọi nỗ lực của người Pháp muốn tuyển lựa những thanh niên học tập xuất sắc để đem về Pháp “giáo dục lại” mà người ta hy vọng có thể tác động để họ đi theo con đường không có hại cho đế quốc.

Nhờ sự giúp đỡ của giáo sư G. Kherian, Giáp đã đỗ cử nhân Luật khoa năm 1937 mặc dù điểm môn Luật hơi kém nhưng bù lại môn Kinh tế Chính trị được điểm xuất sắc. Được hỏi về cảm tưởng của ông lúc đó, Giáp trả lời: *“Rất hài lòng”*. Trong các môn tự chọn, ông tránh không học Luật thuần túy để sau này chỉ trở thành luật gia. Hơn 50 năm sau được hỏi về tại sao ông không trở thành một luật sư, ông trả lời thẳng thắn: “Tôi không bao giờ mong muốn trở thành một luật sư”.

Trong năm 1938, Võ Nguyên Giáp tiếp tục theo học ở trường Đại học Luật Hà Nội, tập trung vào luận án kinh tế chính trị, hy vọng một ngày kia có được học vị tiến sĩ. Là người khao khát đọc sách, ông tận dụng mọi cơ hội thuận lợi để đọc sách tại thư viện, bổ sung vốn kiến thức về lịch sử và chủ nghĩa cộng sản. Ông tham gia ngày càng nhiều vào lĩnh vực hoạt động mới và các kỳ thi đã làm ông đuối sức. Cuối cùng, không thể đồng thời vừa đi học vừa tham gia nhiều hoạt động khác làm ông bận bịu và có những mối quan tâm cấp bách hơn, ông đã bỏ học và không bao giờ đỗ được bằng tiến sĩ Luật hay Kinh tế Chính trị như nhiều tác giả phương Tây khác đã viết.

Phải tìm lý do bỏ học này từ hai năm trước đó. Hàng ngày phải đi từ nhà đến Trường Thăng Long dạy học qua phố Tràng Tiền, Võ Nguyên Giáp thường dừng lại ở ngã tư để đọc các bảng tin dán trên tường. Một buổi chiều tháng 5/1936, trên đường trở về nhà, ông đọc được trên bảng tin một mẩu tin về sự kiện quan trọng vừa xảy ra ở Pháp. Mặt trận Bình dân tập hợp nhiều đảng chính trị trong đó có cộng sản và xã hội vừa thắng cử. Giáp thấy như bị kích động. Chính phủ của Mặt trận Bình dân lên cầm quyền ở Pháp nhất định sẽ nới lỏng sự o ép ở thuộc địa. Phải nhanh chóng nắm lấy thời cơ: đã

đến lúc phải ra một tờ báo để bày tỏ quan điểm chống thực dân.

Võ Nguyên Giáp đem ý kiến đó ra bàn với nhóm bạn bè đều dạy học ở Trường Thăng Long và thuyết phục họ giúp mình thực hiện ý định. Giáp biết có một tờ báo hàng tuần sắp vỡ nợ mà ông chủ báo muốn bán lại. Mọi người chung nhau các khoản tiền tiết kiệm của mình cùng với các thầy giáo Trường Thăng Long mua lại tờ báo *Hồn trẻ*. Tờ báo đã có giấy phép của nhà đương cục nên Giáp và các đồng sự không phải mất nhiều thì giờ vượt qua những thủ tục hành chính rườm rà để ra một tờ báo mới.

Ngày 4/6/1936, Léon Blum, người của Đảng Xã hội Pháp lên làm Thủ tướng. Hai ngày sau, được sự giúp đỡ của bạn bè, tờ *Hồn trẻ* với ban biên tập mới ra mắt bạn đọc với cái tên *Hồn trẻ Tập mới*. Đó là tờ báo tiếng Việt đầu tiên kêu gọi dân chủ, ân xá chính trị phạm và biểu thị sự ủng hộ với chính phủ mới của Mặt trận Bình dân Pháp. Đó là một thắng lợi rất lớn. Giáp và các bạn không đủ tiền để in báo với số lượng lớn đủ thỏa mãn yêu cầu của bạn đọc. Tuy nhiên, ra đến số 5, tờ báo bị chính quyền thuộc địa ra lệnh đình bản.

Không nản chí, Giáp quyết định không nhượng bộ trước đòi hỏi của nhà cầm quyền. Người ta nói với ông không được ra báo tiếng Việt nhưng không ai ngăn cản ông ra báo tiếng Pháp. Báo *Hồn trẻ Tập mới* phải đóng cửa, nhưng ngày 16/9/1936, báo *Le Travail* (Lao động) bằng tiếng Pháp ra mắt độc giả, do Võ Nguyên Giáp làm chủ bút. Hai tuần sau, một người bạn của Giáp đến tòa soạn. Đó là Đặng Xuân Khu, lấy bí danh là Trường Chinh, người rất có ấn tượng về hoạt động của Mao ở Trung Quốc. Ông vừa mới ra khỏi nhà tù Sơn La nơi ông bị giam giữ từ năm 1930 vì hoạt động chống thực dân Pháp. Ông về Hà Nội làm báo, lấy bút danh là Qua Ninh. Giáp tiếp nhận ngay vào tòa soạn *Le Travail*. Con người này sẽ trở thành một trong số những nhân vật có trọng trách trong Đảng và là ủy viên Bộ Chính trị dưới cái tên Trường Chinh.

Đầu năm 1937, thành phần ban biên tập tờ *Le Travail* được mở rộng khi có thêm Phạm Văn Đồng sau này sẽ là Thủ tướng trong suốt 30 năm. Đồng cũng như Giáp đã học Trường Quốc học Huế. Năm 1931 Phạm Văn Đồng bị Pháp bắt và đưa đi đày ở Côn Đảo đến năm 1937. Từ đó, Phạm Văn Đồng, Trường Chinh, Võ Nguyên Giáp làm việc cùng nhau tại tòa soạn báo *Le Travail*.

Võ Nguyên Giáp rất tò mò về những câu chuyện mà Trường Chinh và Phạm Văn Đồng kể. Họ là những người cộng sản có quá trình thâm niên hoạt

động cách mạng, và những câu chuyện của họ về lòng tận tụy hy sinh, về kỷ luật và trật tự, về mục tiêu và phương pháp của Đảng đã cuốn hút Giáp. Giáp càng nghe họ nói càng thấy đảng Tân Việt không thỏa mãn được mong muốn của mình. Ngay cả cánh cộng sản trong đảng Tân Việt có thời gian ông đã giúp sức tổ chức cũng thấy không còn mấy hấp dẫn đối với ông.

Võ Nguyên Giáp muốn hoạt động một cách tích cực chống lại người Pháp, và Trường Chinh, Phạm Văn Đồng sẽ đem lại cơ hội cho ông nếu ông gia nhập Đảng Cộng sản Đông Dương. Thành lập tháng 2/1930 dưới cái tên Đảng Cộng sản Việt Nam, đảng đã đổi tên theo chỉ thị của Quốc tế Cộng sản ở Matxcova bởi lẽ những người cộng sản Xô Viết nghĩ rằng người cách mạng Việt Nam không đủ mạnh để lật đổ chế độ thuộc địa Pháp. Họ cần phải liên minh với những người cộng sản Lào và Campuchia để lập ra một đảng cộng sản đại diện cho toàn bán đảo Đông Dương. Bị đàn áp khốc liệt, gần như bị hủy diệt sau phong trào Xô Viết năm 1930 - 1931, những người cộng sản Việt Nam còn sống sót trong thời kỳ Mặt trận Bình dân lên cầm quyền ở Pháp từ 1936 đến 1939 đã cơ cấu lại tổ chức đảng và lấy lại vị trí hàng đầu trong công cuộc chống lại ách thuộc địa ở Việt Nam. Năm 1937, sự lựa chọn mới đến với Giáp, ông hăng hái gia nhập hàng ngũ đảng cộng sản.

Quá khứ đã giúp Võ Nguyên Giáp có niềm hi vọng về tương lai. Nhờ đọc cuốn sách của Pierre Gourou về người nông dân xứ Bắc Kỳ, Võ Nguyên Giáp đã nghiên cứu và hiểu được điều kiện cũng như cách hành xử của nông dân Việt Nam. Ban đầu là sinh viên, sau là thầy giáo dạy sử, ông hiểu thấu đáo lịch sử và nhân dân nước ông. Suy nghĩ về cuộc nổi dậy của Tây Sơn năm 1771 và mới đây là cuộc nổi dậy không thành của Việt Nam Quốc dân Đảng ở Yên Bái, ông hiểu rõ cuộc nổi dậy chỉ có thể thành công khi kết hợp được việc ủng hộ chính trị của quần chúng với chiến thuật bất ngờ, linh hoạt, cùng lực lượng quân sự chiến lược.

Khi quan điểm chính trị đã được xác định rõ ràng, Võ Nguyên Giáp làm việc ở tòa soạn báo Le Travail một cách thận trọng và nghiêm túc, ngày càng có hiệu quả hơn. Một lần ông rong ruổi đạp xe đi từ Hà Nội đến Cẩm Phả phía bắc Hải Phòng để lấy tài liệu viết phóng sự về cuộc đình công của thợ mỏ. Cùng với Trường Chinh (Đảng Cộng sản đã phái Phạm Văn Đồng lấy bí danh Lâm Bá Kiệt đi Hoa Nam), Võ Nguyên Giáp lập thêm nhiều tờ báo khác ra bằng tiếng Việt hoặc tiếng Pháp. Nhờ ảnh hưởng của Mặt trận Bình dân lên cầm quyền ở Pháp lan rộng sang tận Đông Dương, nên nhà cầm quyền thuộc địa buộc phải nới lỏng chính sách kìm kẹp, các hoạt động chính trị được phép hoạt động công khai tuy còn hạn chế, trong đó có việc xuất bản nhiều tờ báo có xu hướng quốc gia.

Võ Nguyên Giáp dành nhiều thời gian hơn cho việc viết báo. Ai mà biết còn được tự do ra báo, ra sách đến bao giờ? Ít nhất đã có 11 tờ báo hàng tuần được Võ Nguyên Giáp và Trường Chinh cho ra mắt để rồi đình bản khi nhà cầm quyền cảm thấy bị khiêu khích. Võ Nguyên Giáp còn viết bài cho ba tờ báo khác và ít nhất tham gia vào ban biên tập của hai tờ nữa. Vào thời "tự do" của năm 1937, Võ Nguyên Giáp được cử làm đại biểu tại Đại hội Báo chí Trung Kỳ và Chủ tịch Đại hội Báo chí Bắc Kỳ lần thứ nhất. Không có gì đáng ngạc nhiên khi ông cảmthấy bị chìm ngập trong hàng đống công việc.

Trong 7 tháng tồn tại, báo *Le Travail* của Võ Nguyên Giáp ra được 30 số. Đến thời điểm đó, ông đã hiểu rõ mọi mặt của nghề báo. Ông viết xã luận và viết bài về các sự kiện quan trọng đang diễn ra rồi ông lại đăng lại các mẩu tin ngắn để viết bình luận, tiến hành điều tra và viết phóng sự về các đề tài khác nhau có liên quan đến chủ nghĩa thực dân, đi từ in đá đến in máy quay, rót mực vào rulô rồi quay cho máy chạy, nhiều lần ông tự tay dập các bản mẫu các trang báo.

Cáng đáng tất cả các công việc quả là quá sức một con người. Khi ban lãnh đạo Đảng giao công việc khác cho Trường Chinh và Phạm Văn Đồng, họ phải đi xa Hà Nội một thời gian thì chỉ còn một mình Võ Nguyên Giáp đảm nhận mọi công việc ở tòa báo. Ông làm việc từ 6 giờ tối đến 6 giờ sáng, viết và sắp bài cho các báo hàng tuần đôi khi dày tới 48 trang. Ngủ ít, ăn qua loa bữa điểm tâm, rồi ông chạy vội đến Trường Thăng Long cho kịp giờ lên lớp. Tại đây ông truyền bá không biết mệt những ý tưởng của chủ nghĩa Mác-Lênin qua các bài giảng trên lớp, trong các buổi trò chuyện với học sinh, với đồng nghiệp. Đúng là một con người năng động hiếm có! Hàng chuỗi công việc trải nhiều ngày liền như thế khiến ông cạn kiệt sức lực.

Ngày 16/4/1937, nhà cầm quyền ra lệnh đóng cửa tòa soạn báo *Le Travail*. Năm 1938, Trường Chinh và ông, với nhịp điệu làm việc hợp lý hơn, cùng lao vào một công việc quan trọng khác đó là viết một công trình nghiên cứu gồm 2 tập về nông thôn Việt Nam được xuất bản với nhan đề *Vấn đề dân cày 1937 - 1938.* Cả hai tác giả đều ký bút danh, Võ Nguyên Giáp lấy bút danh Vân Đình và Trường Chinh lấy bút danh Qua Ninh. Cả hai người đều cho rằng cuộc cách mạng cộng sản phải dựa trên nền tảng giai cấp nông dân đồng thời là giai cấp vô sản. Tác giả William Burchett, một người luôn bênh vực mọi luận thuyết cộng sản, miêu tả cuốn *Vấn đề dân cày 1937 - 1938* là sự "phân tích bậc thầy", "một công trình nghiên cứu xuất sắc", trở thành "nền tảng cho chính sách của Đảng Cộng sản, sau đó là của Việt Minh đối với giai cấp nông dân".

Khoảng năm 1939, Võ Nguyên Giáp đã có vị trí nhất định trong hàng ngũ lãnh đạo của tổ chức cộng sản. Các đảng phái khác đang tan rã, đảng viên tan tác, những người lãnh đạo bị bắt, bị tra tấn hoặc bị xử tử. Nhờ các trung tâm đào tạo ở Liên Xô cũng như ở Trung Quốc, những người cộng sản có thể thay thế người lãnh đạo của họ dễ dàng hơn so với các đảng phái khác không có được sự giúp đỡ từ bên ngoài như vậy.

Ngoài Hồ Chí Minh, còn có tên khác là Nguyễn Ái Quốc hiện đang ở Liên Xô, còn lại chỉ có hai người có thể khẳng định họ chiếm các vị trí then chốt trong bộ máy tổ chức của Đảng. Một là Phạm Văn Đồng, là người nhiều hơn Võ Nguyên Giáp 6 tuổi. Người kia là Trường Chinh có nhiều năm thử thách trong nhà tù. Nếu không rơi vào tay nhà đương cục Pháp một lần nữa, Võ Nguyên Giáp hẳn có tương lai rất nổi bật.

Việc Võ Nguyên Giáp nhanh chóng khẳng định được vị trí của mình là nhờ vào những nỗ lực vượt bậc của ông, bên cạnh đó là một chút may mắn. Ông đang ở tuổi cường tráng và đã qua con đường học vấn trong những năm tạm lắng, không bị trở ngại vì những cuộc nổi dậy, vì sự chiếm đóng của Nhật hay vì sự đàn áp của Pháp. Ông vừa tham gia công tác cho Đảng lại vừa đi học. Ông kiếm sống bằng những bài viết của mình cho Đảng, qua đó được các cấp bộ đảng đánh giá cao.

Những đảng viên khác không được sáng suốt như thế trong việc phân tích những yêu cầu của Việt Nam. Trong cương lĩnh chính trị của họ không có điểm nào nói về vai trò của giai cấp nông dân trong khi những người cộng sản đã biết bài học từ cuộc nổi dậy của nông dân Nghệ Tĩnh từ những năm 1930. Những người cộng sản biết dựa vào các tổ chức quần chúng trong cả nước, biết được thời điểm nào là thuận lợi để có thể giành được sự ủng hộ của quần chúng cần thiết cho sự nghiệp của họ. Vì vậy, trong lúc Võ Nguyên Giáp và Đảng Cộng sản làm việc để chuẩn bị cho tương lai, ông không ngừng tranh thủ sự tín nhiệm của tổ chức.

Suốt một thời gian dài, ông chểnh mảng với cuộc sống riêng của mình. Tranh thủ lúc bớt bận rộn, ông đã nghĩ đến chuyện xây dựng hạnh phúc riêng. Đó là vào năm 1939 ở tuổi 28, Võ Nguyên Giáp trở lại Vinh và xin cưới Quang Thái làm vợ. Trên nhiều phương diện, họ tìm hiểu và yêu nhau vì có chung một lý tưởng. Theo Võ Nguyên Giáp kể lại, "cả hai cùng chung một niềm tin, cùng đặt hy vọng vào một sự nghiệp chung". Giáo sư Đặng Thai Mai, ân nhân của Võ Nguyên Giáp tán thành việc hôn nhân này. Tháng 3/1939 hai người làm lễ thành hôn. Cô dâu Quang Thái, người nhỏ nhắn, trong ngày cưới mặc chiếc áo dài màu đỏ thêu, chiếc quần dài trắng, đầu vấn

khăn vành dây truyền thống gắn vòng kim tuyến vàng óng.

Ở thời đó cũng như bất cứ thời nào về sau, Võ Nguyên Giáp không nói ra ngoài với ai cuộc sống của ông với Quang Thái ra sao. Cũng giống như mọi người khác, thường dè dặt ít kể về việc riêng tư của mình. Tuy nhiên, các bạn thân của ông trong những năm sau đó thường nhận xét rằng thời kỳ tiếp theo cuộc hôn nhân đó là thời kỳ hạnh phúc nhất trong đời ông. Không kể những ngày dạy học ở Trường tư thục Thăng Long, ông gắn bó cuộc sống của mình với Đảng cũng như với Quang Thái. Ngôi nhà riêng của đôi vợ chồng trẻ ở ngay cạnh Trường Thăng Long, thường là nơi gặp gỡ chung của các đồng chí trong Đảng để bàn công việc của Đảng. Giáp và vợ thường đóng vai trò chủ tiệc mỗi khi có cuộc gặp gỡ các đồng chí phụ trách của Đảng.

Các điều kiện hoạt động chính trị cũng không phải lúc nào cũng như thế. Khi Leon Blum làm Thủ tướng cùng với Mặt trận Bình dân nắm quyền ở Pháp, những người yêu nước có xu hướng quốc gia đủ các màu sắc đều có nhiều thuận lợi để hoạt động. Jules Brevié được Leon Blum cử làm Toàn quyền ở Đông Dương (1937 - 1939) đã thả chính trị phạm, tự do hóa luật báo chí và cho các đảng quốc gia được hoạt động hợp pháp hoặc ít nhất cũng là bán hợp pháp. Đầu năm 1939 nhiều người chống lại chính quyền thuộc địa khấp khởi hy vọng tương lai sẽ còn đem lại cho họ nhiều cơ hội khác để thúc đẩy sự nghiệp của họ tiến lên. Nhưng họ sẽ thất vọng.

Mùa hè năm 1939, chính phủ Blum đổ, Daladier lên thay và tại Đông Dương Georges Catroux, một sĩ quan nhà nghề thay Brevié từ tháng 8/1939. Ngày 1/9, Đức chiếm Ba Lan và những ngày hòa bình ở châu Âu nhường chỗ cho cuộc chiến tranh kéo dài sáu năm và lan rộng khắp thế giới. 25 ngày sau, ngày 26/9 chính phủ Pháp cấm Đảng Cộng sản hoạt động ở Pháp cũng như ở hải ngoại và phát lệnh bắt giữ hầu hết những người lãnh đạo quan trọng nhất của đảng. Tại Việt Nam trên một nghìn đảng viên cộng sản không kịp rút vào bí mật, bị bắt trở lại nhà tù.

Võ Nguyên Giáp, Quang Thái, Phạm Văn Đồng lo ngại tự hỏi rằng chính họ có thoát được cuộc vây ráp của cảnh sát không? Họ cố không làm gì để mật thám để ý. Võ Nguyên Giáp kể lại: “Mỗi một động thái của tôi đều bị mật thám giám sát chặt chẽ như hồi trước đây khi chúng tôi còn hoạt động báo chí công khai cho Đảng ở Hà Nội”. Có thể cặp vợ chồng mới cưới này phải tạm lánh xa Hà Nội hoặc quay về Trung Kỳ để tránh mọi sự dò xét của cảnh sát.

Lực lượng Đức thay đổi nhanh chóng bộ mặt châu Âu. Cuộc xâm lăng Ba Lan mau chóng trở thành thắng lợi của bọn quốc xã. Chỉ trong vòng ba tháng, chính phủ Warsaw sụp đổ. Rồi mấy tháng sau cuộc chiến tranh chớp nhoáng trở thành cuộc chiến tranh kỳ cục, một cuộc chiến tranh bao vây chống lại các nước dân chủ phương Tây trong khi các hoạt động quân sự thu hẹp thành các cuộc giao chiến bằng tàu ngầm, các cuộc bắn phá bằng máy bay tiến công các căn cứ hải quân hay các trận giao chiến ngẫu nhiên giữa các hạm đội hai bên. Mùa xuân năm 1940, một lần nữa Đức lại tiến công. Lần này là Na Uy, Đan Mạch, Bỉ, Hà Lan và Pháp bị đè bẹp. Pháp đề nghị ngừng bắn. Đức nhận ngừng chiến với điều kiện để lại một phần nước Pháp không bị chiếm đóng. Thống chế Pétain, người anh hùng dân tộc của Pháp thời Chiến tranh Thế giới thứ nhất, thành lập ở Vichy một chính phủ trung thành với Berlin.

Đồng minh của Đức ở Thái Bình Dương không án binh bất động. Tháng 11/1939 đế quốc Nhật tấn công Trung Hoa đang chao đảo mà Tưởng Giới Thạch thấy chỉ còn hai con đường tiếp nhận viện trợ từ bên ngoài: một là đường Burma[1], hai là đường sắt Hà Nội - Côn Minh. Sau khi Paris thất thủ, nước Pháp sụp đổ và Chính phủ Vichy thành lập, Toàn quyền Catroux cố giữ vẻ ngoài Đông Dương vẫn nằm dưới sự kiểm soát của Pháp.

Trước sức ép của Nhật đòi những đặc quyền về quân sự cho quân đội của chúng ở Đông Dương, Catroux cố thuyết phục Hoa Kỳ gửi quân sang Đông Dương can thiệp. Franklin D. Roosevelt từ chối. Một lần nữa Nhật lại lấn tới. Cuối tháng 9 chúng đòi quyền cho quân đội đi qua Bắc Kỳ để đánh Trung Quốc từ phía nam. Cuối cùng Catroux phải nhượng bộ trước yêu sách của Nhật vì lúc đó ông ta không còn sự lựa chọn nào khác. Ông ta ít nhiều bị Chính phủ Vichy chỉ trích mặc dù chính phủ này đã đầu hàng Đức Quốc xã. Catroux bị triệu hồi về Pháp. Ông rời khỏi Đông Dương tháng 7/1940 nhưng không về Vichy chịu tội mà chạy theo phái De Gaulle đang kêu gọi chống Đức, rồi Jean Decoux, tư lệnh hạm đội Thái Bình Dương của Pháp, thay thế Catroux làm Toàn quyền Đông Dương từ năm 1940 đến 1945.

Bộ trưởng Ngoại giao của Chính phủ Vichy ra lệnh cho Decoux cho phép Nhật lập ba căn cứ không quân ở Việt Nam với 6.000 quân đồn trú. Cùng ngày, mặc dù thỏa thuận đã ký, nhưng Nhật vẫn tấn công hai đồn binh của Pháp ở Đồng Đăng và Lạng Sơn. Hai ngày sau, Lạng Sơn đầu hàng và hôm sau toàn cuộc kháng cự của Pháp nhanh chóng tan vỡ. Không phải 6.000 quân như hiệp định đã ký mà là 35.000 quân Nhật được gửi sang Đông Dương nhưng vẫn duy trì sự kiểm soát “ảo” của Pháp với các viên chức thực dân và bộ máy cai trị thuộc địa, song tất cả đều đặt dưới sự giám sát chặt chẽ

của quân Nhật. Như vậy, trong suốt cuộc chiến tranh, các nhà cầm quyền Pháp ở Đông Dương đã hợp tác với người Nhật. Pháp cung cấp cho Nhật một số lượng lớn gạo, than, cao su và nhiều nguyên liệu khác.

Decoux cố gắng nuôi dưỡng ảo tưởng rằng nước Pháp nắm quyền cai trị Đông Dương, nhưng những người dưới quyền đều sớm nhận ra có một nước châu Á đã làm mất mặt nước Pháp. Chính điều này hoàn toàn thủ tiêu câu chuyện hoang đường về tính không thể thất bại của người da trắng, huyền thoại ấy đã đứng vững gần một thế kỷ ở Việt Nam. Tại miền Nam Việt Nam càng ngày càng có nhiều người có tình cảm thân Nhật, trong khi tại miền Bắc nhiều người bị cuốn hút vào hoạt động của những người yêu nước theo xu hướng quốc gia hoặc cộng sản. Nhưng thời gian qua đi, ngay ở miền Nam, phần lớn người dân cũng từ chối đứng về phía Nhật Bản.

Võ Nguyên Giáp và Quang Thái tỏ ra kín đáo, thận trọng, cố gắng sống bình thường như mọi người. Tháng 5/1939, bốn tháng trước khi chiến tranh nổ ra trên cánh đồng Ba Lan, Quang Thái có thai. Càng gần đến ngày sinh, vào mùa xuân năm 1939 hai vợ chồng thường nói với nhau về đứa con sắp sinh và về tương lai của nó sau này. Ngày 4/1/1940, Quang Thái sinh hạ một bé gái và họ đặt cho con cái tên xinh đẹp là Hồng Anh. Như mọi cặp vợ chồng trẻ khác, cả hai đều rất hài lòng và hạnh phúc.

Những ngày thanh bình đó chỉ kéo dài vài tháng. Tháng 9/1939, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã quyết định thành lập Mặt trận Thống nhất phản đế và đặt ưu tiên vào việc giải phóng Việt Nam khỏi ách thuộc địa. Nguyễn Ái Quốc sau này trở thành Hồ Chí Minh hiện đang ở Trung Quốc và đã bắt đầu liên lạc với Ban chấp hành Trung ương Đảng. Mặc dù Quốc Dân đảng Trung Hoa của Tưởng Giới Thạch kiểm soát về danh nghĩa nước Trung Hoa, nhưng đất nước rộng lớn này đang ở trong tình trạng gần như vô chính phủ - một vùng đất thu hút những người cách mạng và bọn phản động đủ loại. Cũng vì vậy Nguyễn Ái Quốc ở đây còn cảm thấy tương đối an toàn. Theo lời khuyên của Nguyễn Ái Quốc, tháng 4/1940, Ban Chấp hành Trung ương quyết định cử Võ Nguyên Giáp và Phạm Văn Đồng sang Trung Quốc. Bí thư Xứ ủy Bắc Kỳ Hoàng Văn Thụ gặp riêng Võ Nguyên Giáp để ra lệnh lên đường. Họ tính đến khả năng sẽ phát động một phong trào du kích bên trong Việt Nam.

Võ Nguyên Giáp cho Quang Thái biết dự định của mình. Cô rất phấn khởi đòi được đi với chồng sang Trung Quốc. Võ Nguyên Giáp phản đối, cho rằng như vậy càng gây thêm khó khăn, chuyến đi phải giữ hoàn toàn bí mật. Nếu chỉ có hai người, chuyến đi có thể không gặp nguy hiểm nhưng nay

nếu đi cả bốn người thì tình hình sẽ khác. Có thể gây nguy hiểm cho bé Hồng Anh và điều gì sẽ xảy ra nếu khi đi đường bé bị ốm. Đảng đã quyết định cho họ. Quang Thái và chị là Minh Khai sẽ ở lại Việt Nam tiếp tục giữ liên lạc. Chỉ có Phạm Văn Đồng và Võ Nguyên Giáp lên đường. Tình hình càng phức tạp vì lúc đó Phạm Văn Đồng đang ốm và Võ Nguyên Giáp biết rằng sẽ khó mà đi tự do, theo con đường công khai mà không bị mật thám phát hiện. Họ chuẩn bị hành trang rất kỹ và hoàn toàn bí mật. Họ cũng hy vọng Quang Thái sẽ nhanh chóng tìm được một nơi chắc chắn để nhờ trông giữ cháu Hồng Anh để Thái có thể toàn tâm, dốc sức vào hoạt động bí mật.

Võ Nguyên Giáp và Quang Thái chia tay nhau trên bờ hồ Tây vào một buổi chiều thứ Sáu, ngày 3/5/1940. Nếu đợi dạy đến hết tuần ở Trường Thăng Long thì Võ Nguyên Giáp sẽ có cả ngày thứ Bảy và Chủ nhật để đi lên biên giới phía bắc. Đợi đến sáng thứ Hai khi Giáp vắng mặt ở trường, người ta mới bắt đầu đặt vấn đề và ngay cả lúc đó, cũng phải mất vài tiếng nữa cảnh sát mới biết tin và ra lệnh báo động thì lúc đó Giáp đã đi xa rồi.

Võ Nguyên Giáp rời khỏi trường học như thể đi chơi cuối tuần như thường lệ. Ông kể lại: "Quang Thái, bé Hồng Anh đợi tôi ở đường Cổ Ngư, ngày nay là đường Thanh Niên". Bế con trên tay hai người sóng đôi theo hồ như mọi người đi dạo mát. Võ Nguyên Giáp đeo kính đen để học trò không nhận ra. Hai người thong thả bước bên nhau, cố giữ thái độ ung dung bình thường như một cặp tình nhân. Điều này đối với Võ Nguyên Giáp không khó nhưng với Quang Thái hẳn là không dễ.

"Em hãy ráng tìm người tin cậy gửi con, để có thể rút vào bí mật". Võ Nguyên Giáp tâm sự với vợ, đặt lên hàng đầu yêu cầu của Đảng. Quang Thái trong tâm trạng bị giằng xé giữa cơn xúc động làm mẹ và sự trung thành với Đảng, cô không cầm được nước mắt, bật tiếng khóc. Một mặt xa chồng mà cô đã tỏ ý muốn đi theo để cùng hoạt động chống Pháp, mặt khác phải ở lại tìm nơi gửi con. Vừa là mẹ lại vừa là người cách mạng, đó là một trách nhiệm quá nặng nề đối với một phụ nữ trẻ tuổi. Họ thong thả quay trở lại đi theo đường Cổ Ngư rồi chia tay nhau xa dần, mỗi người một con đường. Võ Nguyên Giáp bước sang một khúc quanh lớn trong cuộc đời đầy gian lao nguy hiểm. Còn Quang Thái gạt nước mắt quay về nhà với ý định đi tìm nơi ẩn náu chắc chắn cho bé Hồng Anh. Họ sẽ không bao giờ gặp lại nhau nữa.

Võ Nguyên Giáp và Quang Thái đã hi sinh hạnh phúc riêng của mình vì lòng yêu nước và lý tưởng chung. Sau khi Võ Nguyên Giáp đi xa và gửi được con, Quang Thái cùng với Minh Khai vội vã đi khỏi Hà Nội trở về làng ở Vinh. Bị cảnh sát truy lùng, Minh Khai bị bắt tháng 7/1940. Trong tù cô bị

tra tấn một cách dã man để ép khai ra những tin tức về Đảng Cộng sản và hoạt động của Đảng. Tuy vô cùng đau đớn nhưng cô không hề hé ra nửa lời. Bọn cai ngục đã bịt mắt cô và đem bắn tại Hóc Môn gần Sài Gòn, ngày 25/4/1941. Lời nói cuối cùng của cô là "Đảng Cộng sản Đông Dương muôn năm! Cách mạng Việt Nam thắng lợi muôn năm!"

Quang Thái trốn thoát được sự truy lùng của cảnh sát cho đến tháng 5/1941 thì cũng bị mật thám Pháp bắt tại Vinh, thành phố quê hương cô, trong lúc cô đang đợi giờ phút chót chia tay bé Hồng Anh. Trước khi bị bắt, cô đã kịp giao con gái mới một tuổi rưỡi cho cô em, để thu xếp gửi bé về cho ông bà nội ở An Xá trông hộ. Trong nhiều năm ông bà đã nuôi dưỡng chăm sóc cháu nội như cha mẹ nuôi con. Người Pháp đưa Quang Thái về giam tại nhà tù Hỏa Lò ở Hà Nội. Nhiều năm sau, chính nơi này được phi công Mỹ bị bắt đặt biệt danh là Khách sạn Hilton Hà Nội. Quang Thái bị đem ra xử ở tòa án binh vì âm mưu chống lại an ninh của nước Pháp và bị kết án khổ sai chung thân. Điều bọn ác ôn đã làm với người chị cũng được đem ra thi hành với người mẹ trẻ dũng cảm này. Bị tra tấn đến tận cùng, không chịu nổi đau đớn lâu hơn nữa, Quang Thái đã tự tử, theo một số người kể lại, bằng cách nuốt một dải lụa mềm đến nghẹt thở.[2] Theo một báo cáo khác của mật vụ Mỹ thì có một kết cục khác. Người Pháp đã buộc hai ngón tay cái treo người cô lên và đánh cho đến chết. Dù giải thích như thế nào thì Quang Thái đã hy sinh năm 1941 chỉ vài tuần sau khi Minh Khai bị xử bắn.

Trong nhiều năm gia đình Võ Nguyên Giáp còn phải chịu nhiều nỗi đau đớn do người Pháp gây ra. Hồng Anh còn nhớ cái chết của ông nội Cửu Nghiêm. Năm 1947, khi Pháp trở lại chiếm đóng tỉnh Quảng Bình, nhiều người dân chạy trốn, Hồng Anh viết: "Ông tôi không chạy đi đâu cả…, ông nói tao già rồi, tao không làm điều gì phi pháp hay có hại cho ai. Ông còn nói ông còn rất nhiều việc phải làm". Hồng Anh cũng kể lại cô cũng đã phải chạy trốn như thế nào: "Bọn trẻ chúng tôi được người lớn để vào trong thúng rồi gánh đi". Cô cũng nhớ cái thúng đong đưa theo nhịp chân bước của người gánh.

Cô ghi lại: "Tôi không bao giờ gặp lại ông nội nữa". Mặc dù Hồng Anh không gặp lại ông nội được nữa nhưng Giáp đã cố gắng để gặp cha mình. Năm 1946, trong một dịp đi họp qua An Xá, Võ Nguyên Giáp rẽ về thăm nhà để đoàn tụ với gia đình.

Tháng 8/1947 ông Cửu Nghiêm bị Pháp bắt trong cuộc hành quân mở rộng sự kiểm soát ra toàn xứ Trung Kỳ sau khi đã tái chiếm Huế. Ông Cửu bị giam ở nhà lao Huế không xa Trường Quốc học. Bọn cai ngục yêu cầu

ông công khai tố cáo hoạt động của con trai. Ông cụ từ chối, Hồng Anh kể lại: "Ông bị chúng tra tấn. Một trong những nhục hình là dùng dây thừng buộc vào cái thanh đỡ va chạm sau xe ôtô rồi cho xe kéo lết đi". Cuối cùng bị kiệt sức vì những đối xử tàn bạo, ông mất tháng 11/1947. Võ Nguyên Giáp không có cách gì để cứu cha. Lúc này Võ Nguyên Giáp đang ở Việt Bắc, như Hồng Anh đã nhận xét, thi thể ông Cửu bị vùi chung trong một cái hố, gia đình không biết chắc ở chỗ nào mà tìm. "Mãi về sau này nhờ các chú rất dũng cảm (những người Võ Nguyên Giáp cử về) gia đình mới tìm thấy hài cốt đem về mai táng trong nghĩa trang liệt sĩ ở quê nhà". Nếu phải biết vì sao Võ Nguyên Giáp hun đúc chí căm thù chống thực dân đến như thế thì chuyện người cha bị tra tấn đến chết cũng đủ để lý giải.

Mọi cách cư xử của người Pháp đối với Võ Nguyên Giáp và gia đình ông không có gì là khác thường, là ngoại lệ. Cảnh sát và bọn cai ngục Pháp sẵn sàng dùng bất kể phương pháp gì để thuyết phục tù nhân của họ phải nói, kể cả bắt uống no nước rồi giẫm chân lên bụng cho nước bắn ra qua mũi, tai, v.v…, tra điện, nhổ móng tay, móng chân và các hành động man rợ khác. Đối với phụ nữ, họ dùng dòng điện cắm vào chỗ kín mà nhiều người khi ra tù không ai không chịu di chứng, ảnh hưởng đến thiên chức của nữ giới. Bọn cai ngục còn dùng lươn là loài vật có răng nhọn đưa vào họng hay âm đạo họ. Trong các vùng mềm và ẩm đó, con lươn cố vẫy vùng để thoát ra ngoài bằng cách cắn vào thịt nạn nhân. Bọn ác ôn nhìn nạn nhân quằn quại vì những vết cắn và luồng điện giật mạnh. Một lúc sau chúng rút các con lươn ra và bắt đầu cuộc thẩm vấn. Đôi khi có những sự kháng cự rất anh hùng. Một nữ tù nhân hấp hối để giữ vững khí tiết, không khai, đã cắn lưỡi tự vẫn và theo như mọi người kể lại chị đã nhổ cái lưỡi đỏ lòm máu vào bọn thẩm vấn.

Năm 1982, Will Brownell, Giám đốc dự án Thư mục về Việt Nam ở Trường Đại học Colombia đã phỏng vấn tướng Raoul Salan - một trong những tổng chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp ở Đông Dương. Ông viết: "Những đòn tra tấn đối với người vợ (của Giáp) đã được khẳng định trong cuộc trò chuyện với Raoul Salan. Ông ta không ưa Tướng Giáp và không khâm phục Tướng Giáp, nhưng ông ta thừa nhận những tội ác chống lại Giáp. Ông ta thừa nhận có áp dụng tra tấn nhưng ông ta cố lẩn tránh bằng cách ghi nhận có áp dụng các tra tấn nhưng do thuộc quyền người Việt tiến hành chứ không phải do người Pháp... Tướng Massu cũng thừa nhận như thế trong cuộc nói chuyện tháng 6/1974".

Lúc đầu khi người Pháp bắt vợ và chị vợ, Võ Nguyên Giáp không biết các hiểm nguy mà hai người phụ nữ đã phải chịu. Lúc này ông đang lên

đường đi Trung Quốc, vừa mới rời bỏ công việc dạy học và từ biệt gia đình theo lệnh của Đảng Cộng sản để đi vào một nhiệm vụ lớn lao trong cuộc đời. Rất lâu sau đó ông mới biết tin về việc Quang Thái và Minh Khai bị bắt rồi hy sinh. Ông cũng không biết cả tình cảnh khó khăn mà cô con gái đầu lòng của ông - Hồng Anh - đã phải trải qua. Hồng Anh vừa chịu nỗi đau mất mẹ, vừa đau đớn khi phải nghe tin cha mình bị tra tấn đến chết trong nhà lao Huế. Theo nhiều người đã từng quen biết Võ Nguyên Giáp từ trước thì việc ông trở thành con người sắt đá cương nghị những năm sau không phải chỉ vì ông có tinh thần quốc gia dân tộc hoặc nhiệt tâm tin vào chủ nghĩa cộng sản mà còn do ý muốn trả thù cho những người thân của mình. Hồng Anh đã từng nói về người cha của mình với những lời lẽ đầy thương yêu: "Ông mang trong tâm hồn những vết thương mà thời gian không bao giờ có thể xóa nhòa được."

---

[1] Đường Burma (Burma Road) dài hàng trăm cây số, nối Trung Quốc với tây bắc Myanmar (BT).

[2] Năm 1942, Quang Thái bị Pháp bắt và kết án 16 năm tù. Do sức yếu, đồng thời bị nhiễm dịch thương hàn trong nhà tù Hỏa Lò, nên chị đã mất ngày 21 tháng Giêng năm Giáp Thân tức ngày 14/2/1944 (BT).

PHẦN HAI

Hà Nội
1941 - 1946

“Không mềm, không ấm”

Buổi sáng thứ Hai, khi học sinh tập hợp trước giờ vào lớp ở Trường Thăng Long, học trò của thầy Giáp ngạc nhiên không thấy ông đâu. Trong hành lang, từng nhóm học sinh bị kích động mạnh, xì xào kể lại cho nhau nghe những tin đồn về sự ra đi đột ngột của ông. Một vài người rỉ tai cho nhau nghe tin đồn có máy bay Nga đã đến đón ông. Một vài người khác tin rằng ông ra đi để chỉ huy một đội quân Trung Quốc mới ở vùng biên giới Việt - Trung. Một sự giải thích được nhiều người tán đồng: Ông trốn lên vùng núi ở biên giới Việt - Trung để tránh bọn Phòng Nhì. Được an toàn trong vùng núi hoang sơ này, Võ Nguyên Giáp sẽ tổ chức “hoạt động du kích” chống lại bọn Pháp mà mọi người chán ghét lắm rồi. Giải thích thế là đúng nhưng hãy còn quá sớm.

Sau khi chia tay với Quang Thái và Hồng Anh trên đường Cổ Ngư, Võ Nguyên Giáp vội vã rảo bước đi xa dần. Đến chỗ hẹn, một phu kéo xe tên là Minh, người của tổ chức bí mật chạy theo một quãng. Võ Nguyên Giáp nhanh chóng bước lên xe, ngồi lọt thỏm trong thùng xe và Minh kéo xe đi loanh quanh, vòng vèo một đoạn rồi lên thẳng Chèm ở ngoại ô, một nơi an toàn để qua đêm. Ở đó Võ Nguyên Giáp gặp Phạm Văn Đồng và một đồng chí nữa lo tổ chức chuyến đi. Họ phải tách ra đi riêng từng người một và không mang theo hành lý. Hôm sau Phạm Văn Đồng và Võ Nguyên Giáp ra ga Đầu Cầu lấy vé đi Lào Cai, thị xã biên giới trên đường đi Côn Minh ở Trung Quốc để gặp Nguyễn Ái Quốc.

Chuyến đi của hai người sang Trung Quốc thật mạo hiểm. Nguy hiểm ở chỗ máy bay Nhật hồi này oanh tạc dữ dội tuyến đường sắt được xây dựng thời toàn quyền Paul Doumer cai trị từ năm 1897 đến 1902. Đường ray đi dọc theo thung lũng sông Hồng xuyên qua nhiều núi cao miền thượng du Bắc Kỳ, có ngọn cao tới 3.000 m. Lúc này đang mùa mưa, con sông đổ ra sông Hồng đầy nước, lũ sông Hồng bắt đầu dâng lên, nước cuồn cuộn chảy, đục ngầu, mấp mé thành cầu. Thường thường cảnh sát hay lên tàu xét hỏi giấy tờ, truy lùng những kẻ vượt biên giới trốn sang Trung Quốc. Vì vậy, Phạm Văn Đồng và Võ Nguyên Giáp phải hai lần xuống tàu rồi lại lên, tránh mặt bọn cảnh sát đứng ở sân ga và bậc lên xuống nhìn chằm chặp vào khách đi tàu để phát hiện những cặp mắt lo âu sợ hãi hay hoảng hốt. Hai người xuống cách Lào Cai một ga rồi lại tiếp tục đi bộ lên biên giới. Trước khi đến Lào Cai, hai người vượt qua sông Nậm Ti bằng mảng làm bằng những cây nứa ghép lại ở một bến vắng vẻ. Cuối cùng họ đã đặt chân lên đất Trung

Quốc, đoạn đường cuối cùng của chuyến đi cũng không kém phần nguy hiểm so với đoạn đầu tiên. Họ lại đi về phía đường sắt đón tàu đi Côn Minh. Võ Nguyên Giáp nhớ lại cứ mỗi lần nhìn thấy nhân viên đường sắt hay bọn mật thám lên tàu tra xét giấy tờ từng người một trên toa, hai người lại phải lẩn tránh đôi mắt cú vọ của chúng. Cuối cùng họ đã đến Côn Minh.

Một đảng viên của đảng bộ Côn Minh đón họ ở phía ngoài ga xe lửa và dẫn họ đến nhà một cơ sở người Việt và dặn họ đợi ở đây, đồng chí Vương sẽ đến gặp. Tuy người ấy không cho biết rõ lai lịch đồng chí Vương là ai nhưng Võ Nguyên Giáp đoán chắc đó là Nguyễn Ái Quốc và rất nóng lòng được hội ngộ. Số lượng người Việt làm ăn sinh sống ở Côn Minh khá đông, Võ Nguyên Giáp có thể hòa nhập dễ dàng với họ mà không bị ai để ý. Ông cũng chỉ là một người Việt như bao người khác. Lực lượng Trung Hoa Quốc dân Đảng thì quá bận bịu với sự xâm lược của Nhật, chẳng còn hơi sức đâu mà truy lùng những người cộng sản Việt Nam được che giấu trong số hàng vạn người Việt ở vùng biên giới phía nam này. Một vài lính hồng quân của Mao Trạch Đông cũng thấy xuất hiện trong vùng và có thể dĩ nhiên giúp đỡ ít nhiều cho họ. Còn người Nhật thì không có gì đặc biệt đáng phải bận tâm. Chúng phần lớn tập trung ở các thành phố hoặc trên các phòng tuyến, còn hậu phương của họ thì rất lộn xộn, ở đó các phe nhóm quân phiệt tha hồ tung hoành như không ai trừng phạt.

Mùa xuân qua, mùa hè đã đến, nhưng đồng chí Vương vẫn chưa thấy đâu. Từ cuối năm 1939, ông lúc nào cũng bận rộn lo việc xây dựng cơ sở, thiết lập đường dây liên lạc với tổ chức cách mạng của mình trong các vùng phía nam Trung Quốc, chuẩn bị thời cơ thuận lợi để về nước. Trong thời gian này Võ Nguyên Giáp cũng không cho mình có thời gian rảnh rỗi, ông đọc sách và ghi chép lại các tài liệu. Cuộc sống khi đó lúc nào cũng náo nhiệt. Võ Nguyên Giáp kể lại: “Chúng tôi tự đi chợ và tự chia nhau nấu nướng. Đến lượt tôi do không thạo việc bếp núc, anh em phân công tôi rửa bát. Trong thời gian rảnh rỗi tôi tự đề ra nhiệm vụ học tiếng Hoa. Lúc nào ra khỏi nhà cũng phải cảnh giác vì nơm nớp sợ bọn Trung Hoa Quốc dân Đảng có thể ám sát hoặc trấn lột tống tiền”.

Rồi một hôm vào đầu tháng 6 một người của tổ chức đảng đến tìm Võ Nguyên Giáp, Phạm Văn Đồng và đưa họ đến bờ sông Thúy Hồ. Đồng chí Vương đã ngồi sẵn trong thuyền đợi họ. Võ Nguyên Giáp nhận ra ngay đó là đồng chí Nguyễn Ái Quốc. Đồng chí Vương cất tiếng chào và nói: “Chú Đồng không già đi bao nhiêu nhỉ”, còn với Võ Nguyên Giáp, đồng chí Vương cười nói: “Còn như chú Giáp thì trông tươi như con gái”.

Trong những ngày sau đó, ba người thảo luận về các vấn đề hệ trọng, về tương lai của Việt Nam. Đồng chí Vương nói từ nay đồng chí lấy tên mới là Hồ Chí Minh. Võ Nguyên Giáp thấy ở Hồ Chí Minh toát lên một tác phong bình dị, suy luận sáng suốt mà rất hấp dẫn. Ngay từ buổi gặp đầu tiên đó, Võ Nguyên Giáp viết: "Chúng tôi tưởng như đã quen nhau từ lâu".

Hồ Chí Minh thường xuyên gặp gỡ, trao đổi với Võ Nguyên Giáp và cũng coi Võ Nguyên Giáp như người em ít tuổi hơn, đồng thời đánh giá cao khả năng của Võ Nguyên Giáp. Đó là một con người có thể làm được những chuyện lớn cho chủ nghĩa cộng sản và cho đất nước. Chắc là không ai có thể biết giữa hai mục tiêu: xây dựng chủ nghĩa cộng sản và giải phóng đất nước, cái nào là ưu tiên hơn đối với Hồ Chí Minh! Rất nhanh ông nói như ra lệnh: "Chú Giáp sẽ đi Diên An học trường đảng. Nhiệm vụ là học cả quân sự". Đối với Võ Nguyên Giáp, cuộc gặp hôm đó có mục đích giao nhiệm vụ cho ông là phải nhanh chóng học về công tác đảng đồng thời kết hợp với sinh hoạt nội trú để được đào tạo về quân sự.

Sau buổi nói chuyện hôm đó, Hồ Chí Minh rời Côn Minh để đi thăm cộng đồng người Việt ở dọc con đường sắt Việt Nam. Võ Nguyên Giáp thu xếp hành lý và cùng với Phạm Văn Đồng cùng một cán bộ nữa của đảng là Cao Hồng Lĩnh rời Côn Minh đi trọn ba ngày đến Quế Dương. Cả ba người đi trên một chiếc xe tải mang dấu chữ thập đỏ của Trung Hoa Quốc dân Đảng do một đảng viên cộng sản Trung Hoa lái. Cả ba lèn chặt ở phía sau thùng xe trong đống hàng hóa, trên phủ bạt. Thời tiết bên ngoài rất nóng, không khí trong xe ngột ngạt, xe nhảy chồm chồm trên con đường đầy ổ gà và vết bánh xe. Vải bạt phủ hàng ngăn khiến họ không nhìn thấy người lái xe tải trên con đường hẹp, ngoằn ngoèo không có cọc chắn bên lề. Hai bên là rặng núi cao chênh vênh ven các vực thẳm. Đó là một chuyến đi không bao giờ phai mờ trong ký ức của Võ Nguyên Giáp.

Người lái xe để người ở Tổng hành dinh của Bát lộ quân - tên gọi của Hồng quân Trung Hoa tham gia chống Nhật bên cạnh lực lượng Quốc dân Đảng. Họ đợi xe đò đi tiếp đến Quế Dương. Võ Nguyên Giáp nhớ lại: "Chúng tôi phải đợi lâu đến hàng tuần, trong lòng nóng như lửa đốt". Trong những ngày chờ đợi Võ Nguyên Giáp sống cùng với binh sĩ hồng quân trong Bát lộ quân và rất sung sướng thấy rằng tất cả mọi người từ người phụ trách ở bàn giấy đến chiến sĩ nuôi quân dưới bếp ai nấy đều biết rõ đồng chí Hồ Quang (một bí danh khác của Hồ Chí Minh). Lương thực hiếm, tiền đi chợ mua thức ăn không nhiều, Võ Nguyên Giáp học trồng rau cải thiện bữa ăn. Trong lúc chờ đợi, Võ Nguyên Giáp dành thời giờ học tập, thường dùng trụ sở của cơ sở đảng địa phương có tên gọi là Việt Nam Giải phóng quân Đồng

minh. Ông say mê sách, làm công tác tuyên truyền và đi thăm nhiều đơn vị vũ trang của hồng quân Trung Hoa. Thời gian chờ đợi dài, ăn uống đạm bạc nhưng nhóm cố gắng thích nghi với ý tưởng sớm trở về Việt Nam để bắt đầu cuộc đấu tranh chống Pháp. Nhiều lần khi gặp nhau họ cất tiếng chào hô lớn: "Thời cơ đã đến".

Võ Nguyên Giáp chăm chỉ nghiên cứu chiến thuật, chiến lược, các vấn đề trang thiết bị, huấn luyện, tuyển quân. Năm 1941, theo một nguồn tin ông đã có dịp đến thăm Mao Trạch Đông ở Nam Trung Quốc và rất ấn tượng với những gì mắt thấy tai nghe. Võ Nguyên Giáp đã tự đào tạo về chiến lược, chiến thuật qua nghiên cứu một đội quân cũng chỉ được trang bị yếu kém, thiết bị lạc hậu và chỉ huy là những người không tên tuổi: những người chăn ngựa, những người trí thức không qua trường lớp quân sự, nhưng đội quân đó đã đủ sức chống chọi với lực lượng quân đội của những nước lớn, đó chính là đội quân của những người cách mạng Pháp xuất thân từ nông dân nghèo khổ trong những chiến dịch đầu tiên của Napoleon.

Giờ đây Võ Nguyên Giáp lĩnh hội được nhiều điều về Mao Trạch Đông và quân đội cách mạng. Ông như bị thôi miên về các trước tác quân sự của Mao Trạch Đông như cuốn *Các vấn đề chiến lược của chiến tranh chống Nhật* viết năm 1938. Ông thấy những vấn đề mà Mao Trạch Đông nêu ra và giải quyết cũng là những vấn đề của người Việt Nam. Võ Nguyên Giáp cũng đọc *Cuộc đấu tranh ở Tỉnh Cương Sơn* xuất bản năm 1928 trong đó vấn đề xây dựng lực lượng du kích đã được giải quyết như thế nào ở Trung Quốc. Võ Nguyên Giáp còn đọc *Chiến tranh du kích* do Mao Trạch Đông viết năm 1937. Những kinh nghiệm trước đây của Mao Trạch Đông đã ảnh hưởng không nhỏ đến Võ Nguyên Giáp. Dĩ nhiên là cần phải học hỏi từ cuộc cách mạng vô sản ở Trung Quốc để áp dụng những bài học đó trong hoàn cảnh cụ thể ở Việt Nam.

Qua nguồn thông tin đó, Võ Nguyên Giáp đã thấy được hai quan điểm về chiến tranh nhân dân mà ông sẽ phải bổ sung bằng những quan sát và cảm nhận của riêng mình. Rút cục, ông đã sáng tạo ra một hình thức mới của chiến tranh du kích nông dân. Cuộc chiến tranh này tất yếu sẽ dần dần lan rộng khắp vùng nông thôn Việt Nam, đồng thời tiến hành những cải cách cần thiết mà không làm chậm thắng lợi cuối cùng. Ông cho rằng những quan điểm của mình không phải lặp lại nguyên xi những lý thuyết của Mao Trạch Đông dứt khoát cho rằng không thể phát động một cuộc khởi nghĩa ở các vùng đô thị bị địch chiếm đóng. Trái lại, ông cho rằng: "Tại các vùng đô thị, đấu tranh chính trị chiếm ưu thế còn ở vùng nông thôn thì đấu tranh vũ trang phải là chủ đạo… Chúng ta đã kết hợp đấu tranh chính trị, quân sự, ngoại

giao". Ông đã lấy nghệ thuật tiến công kiểu Napoleon làm của mình, tức là biết tiến công địch trên nhiều mặt trận, quan tâm đến việc chia cắt lực lượng địch rồi lần lượt đánh bại từng bộ phận lực lượng đối phương bằng những cuộc tiến công chớp nhoáng. Ông tập trung người và phương tiện chiến đấu đánh vào trung tâm của địch. Và ông đã chiến thắng!

Khi thế lực của người Nhật ngày càng gia tăng ở Đông Dương, thì trong con mắt những người theo xu hướng quốc gia và những người cộng sản, nước Pháp chỉ còn duy trì ở Việt Nam quyền lực trên danh nghĩa. Võ Nguyên Giáp tin rằng kẻ thù chính không phải là quân đội chiếm đóng của Nhật Bản. Ông tin rằng cuối cùng lực lượng Đồng minh sẽ đè bẹp lực lượng phe Trục (Đức, Ý, Nhật) và người Pháp sẽ trở lại tái chiếm Đông Dương, đặt lại nền thống trị của họ. "Không ai thấy sói bỏ đàn cừu chừng nào chúng chưa no nê hoặc chừng nào người ta không lấy súng đánh đuổi chúng". Đó là câu tục ngữ luôn luôn trở lại trong trí nhớ Võ Nguyên Giáp trong những ngày gian khổ sống lưu vong ở Trung Quốc và tiến hành công việc chuẩn bị đón thời cơ cách mạng.

Hồ Chí Minh ý thức được rằng thất bại của quân đội Pháp ở Pháp và Đông Dương tạo điều kiện thuận lợi cho công cuộc giải phóng khỏi ách thực dân. Vì vậy, đến tháng 10/1940, tiếp sau cuộc tiến công của quân Nhật ở Lạng Sơn và Đồng Đăng ở Bắc Kỳ, ông cho Võ Nguyên Giáp và Phạm Văn Đồng biết ông muốn gặp lại họ lần này ở Quế Lâm để nối lại các cuộc trò chuyện và hoạch định tương lai. Khi ba người gặp lại nhau, họ có những biện pháp cơ bản để phòng bọn gián điệp. Cải trang thành những người đi dạo trong những lúc rảnh rỗi tại các vùng ngoại ô Quế Lâm hoặc ngồi trên vệ cỏ dưới bóng cây, họ bàn với nhau về công việc sắp tới. Sau này Võ Nguyên Giáp viết: "Bác ngồi nghe chúng tôi báo cáo và cho ý kiến, gợi ý chúng tôi suy nghĩ về công việc sắp tới".

Trong một cuộc gặp gỡ, Hồ Chí Minh nói: "Trước tình hình mới, thống nhất dân tộc trở thành điều quan trọng bậc nhất. Chúng ta phải nghĩ đến tổ chức một mặt trận dân tộc thống nhất với hình thức tổ chức và cái tên thích hợp… có thể gọi là Việt Nam Độc lập Đồng minh hội. Nhưng như thế thì dài quá, chúng ta gọi tắt là Việt Minh. Mọi người sẽ dễ nhớ".

Hồ Chí Minh nói tiếp về nhiều công việc khác cho nhiệm vụ sắp tới. Ông đã nghĩ đến việc Võ Nguyên Giáp sẽ lo về quân sự vì ông biết người thầy giáo dạy sử này có những kiến thức vững vàng về mặt lý thuyết nhưng phải có công tác thực tế trong nghệ thuật chiến tranh. Lúc này có một nhóm

thanh niên Cao Bằng chạy thoát khỏi các cuộc vây ráp của địch vừa mới tới Trung Quốc. Hai sĩ quan người Việt phục vụ trong quân đội Quốc dân Đảng là Trương Bội Công và Hồ Ngọc Lãm đang tìm cách tổ chức họ thành một lực lượng nhỏ có thể hành động chống Nhật. Hồ Chí Minh giao cho Võ Nguyên Giáp đi gặp gỡ số thanh niên này, tổ chức cho họ một lớp huấn luyện quân sự. Khi quay lại Cao Bằng, họ sẽ trở thành lực lượng củng cố, phát triển phong trào, tổ chức hậu cần và đường dây liên lạc.

Hồ Chí Minh quyết định Cao Bằng sẽ trở thành căn cứ cho cách mạng Việt Minh chống Pháp. Có lẽ không phải là tình cờ khi truyền thống cách mạng của Cao Bằng từ trước đến thời kỳ này và Cao Bằng vẫn là trung tâm của phong trào. Ở gần biên giới, Cao Bằng vừa là nơi ẩn nấp vừa là đầu cầu cho các lực lượng vũ trang cách mạng được huấn luyện và sửa soạn ở Trung Quốc tiến về nội địa.

Võ Nguyên Giáp nhận lệnh và lên đường đi Tĩnh Tây. Tại đây ông bắt liên lạc với những người Việt Nam và nói cho họ thời cơ đấu tranh giải phóng đất nước đã tới, thuyết phục được gần bốn chục người bỏ hàng ngũ Quốc dân Đảng Trung Hoa về với mình, thành lập đội vũ trang đầu tiên. Võ Nguyên Giáp chọn làng nhỏ Ca Ma làm căn cứ, nơi này gần biên giới ở phía bắc thị xã Cao Bằng.

Dường như Võ Nguyên Giáp không bao giờ cho rằng có phương pháp nào khác có thể làm suy yếu sự thống trị của Pháp - Nhật ở Việt Nam. Ngay từ đầu ông đã đề ra nội dung và phương pháp luyện tập đánh du kích theo từng đơn vị nhỏ. Trong khi Võ Nguyên Giáp ra sức huấn luyện số thanh nhiên đó thành một đơn vị vũ trang thì Hồ Chí Minh cử thêm một người khác là Vũ Anh về Bắc Kỳ để xây dựng căn cứ địa sâu trong nội địa gần Cao Bằng. Vũ Anh tìm thấy một cái hang thuận tiện nằm ở sườn núi trong vùng Pắc Bó cách thị xã Cao Bằng 30 km về phía đông bắc và cách Ca Ma khoảng 15 km. Hồ Chí Minh theo dõi chặt chẽ chương trình đào tạo huấn luyện của Võ Nguyên Giáp. Sau này, Võ Nguyên Giáp kể lại: "Người chú ý rất nhiều đến nội dung chính trị cũng như yêu cầu bài giảng phải cô đọng, sáng sủa, rõ ràng và dễ hiểu. Lần đầu tiên làm việc với Người, tôi có ấn tượng sâu sắc về phương pháp. Người đề ra: cụ thể, thận trọng đến cùng. Tác phong làm việc của Người trong lớp huấn luyện đã có ảnh hưởng lớn và hướng dẫn tôi trong công tác quân sự sau này…" Lớp học kết thúc, tất cả học viên đều được lệnh trở về Cao Bằng để gánh vác nhiệm vụ vẻ vang của họ là chống Pháp.

Trong những ngày cuối năm 1940, Võ Nguyên Giáp đi đi về về nhiều lần giữa Trung Quốc và Việt Nam để hoàn thành công việc được Hồ Chí

Minh giao phó. Ông tự đặt cho mình một bí danh mới: Văn. Và các đồng chí của ông thì gọi một cách thân mật là Anh Văn. Một trong những nhiệm vụ ông được giao phó là quyết định xem những người cách mạng có thể tin tưởng vào sự ủng hộ của đồng bào các dân tộc miền núi phía bắc Bắc Kỳ hay không. Có thể nhờ kiến thức quân sự ngày càng phong phú, có thể còn theo bản năng, Võ Nguyên Giáp hiểu rằng ít có khả năng phát động khởi nghĩa ở vùng nông thôn đồng bằng. Do đó phải xây dựng khối đại đoàn kết giữa các dân tộc ở miền núi: Nùng, Thổ, Mán…

Họ có cuộc sống tự cấp tự túc về mặt kinh tế, có nhiều nét khác biệt về văn hóa, xã hội và tổ chức hành chính so với cư dân vùng đồng bằng. Dân số khoảng một triệu và theo lời kể của Võ Nguyên Giáp, "họ hầu như chưa bao giờ biết đến cách mạng. Họ luôn sống trong sự cai trị của thực dân." Họ có tiếng nói riêng, đôi khi mỗi nhóm lại có thổ ngữ riêng, mặc dù cùng một dân tộc. Đa số phụ nữ không nói tiếng phổ thông và Võ Nguyên Giáp bắt buộc phải học tiếng địa phương, sử dụng hình vẽ để nói chuyện với họ. Dần dần Võ Nguyên Giáp học nói tiếng Tày, tiếng Dao, Hmông, Thổ, Dao trắng và Dao tiền để nói chuyện với những đội viên mới được kết nạp vào các đội tự vệ. Nhờ đó, ông thâm nhập dễ dàng hơn vào cuộc sống của họ, thực hiện chỉ thị của Hồ Chí Minh là cùng ăn, cùng ở, cùng làm với họ để làm công tác tuyên truyền, nâng cao trình độ giác ngộ để họ dần dần đi theo cách mạng.

Một tác giả khác đã để lại một báo cáo về công việc của Võ Nguyên Giáp trong thời kỳ này: "Giữa hàng trăm thung lũng ngăn cách nhau, Văn đã mở ra con đường (cách mạng) về phía nam, tự mình hoạt động theo phương pháp ông thường áp dụng: ông đến từng bản làng, đóng vai một nhà nông nghèo tha phương cầu thực, đi xin việc trong những gia đình thiếu người làm mùa vụ để kiếm ăn qua ngày. Ngày ngày qua đi, lúc đầu người ta cũng làm ngơ, không nghi ngờ hay trình báo gì với chức dịch trong bản. Sau một thời gian ông vào làm thì mọi người đã nghe theo ông, thế là ông có chỗ dựa vững chắc. Từ lúc này ông chiếm được cảm tình của dân làng. Họ cung cấp những tin tức cần thiết và lương thực cho đội công tác và ông còn học được tiếng địa phương."

Hồ Chí Minh giao cho Võ Nguyên Giáp dịch các tài liệu tuyên truyền của Việt Minh sang tiếng Pháp, tiếng Dao và tiếng Hmông. Võ Nguyên Giáp rất phấn khởi về công việc này, đã soạn một bài văn vần bằng thổ ngữ trong đó nội dung cốt yếu là tuyên truyền Việt Minh viết dưới dạng dễ hiểu để nhớ. Đó là bài *Việt Minh ngũ tự kinh*, gồm những câu thơ năm chữ xếp thành vần, thành điệu là một công cụ tuyên truyền đắc lực, đặc biệt thích hợp với đồng bào vùng núi không biết đọc biết viết. Trong bút ký của ông, Võ

Nguyên Giáp viết rằng khi đi qua các vùng núi phía bắc đôi khi có thể nghe thấy các bà các chị hát bài ca Việt Minh mà nội dung rút ra từ các câu thơ năm chữ của ông. Điều đó khiến ông rất cảm động. Trong một lần đến khai hội ở một xóm mới tổ chức được cơ sở Việt Minh, ông đã thấy phụ nữ đọc thuộc lòng những câu thơ năm chữ trong lúc giã gạo hay kéo sợi.

Tháng 12 năm 1940 Võ Nguyên Giáp đi gặp một người thuộc dân tộc Nùng. Đó là Chu Văn Tấn, sinh năm 1909 ở Thái Nguyên trong một gia đình nông dân nghèo đông con. Chu Văn Tấn trở thành một thanh niên giác ngộ cách mạng và được kết nạp Đảng Cộng sản Đông Dương năm 1934 sau khi được gia nhập Việt Minh ở chính làng ông. Võ Nguyên Giáp và Chu Văn Tấn coi nhau như "những cốt cán", có cảm tình với nhau và làm việc với nhau rất ăn ý. Chẳng bao lâu Chu Văn Tấn trở thành một người chỉ huy đội vũ trang cứu quốc quân. Năm 1944, Cứu quốc quân thống nhất với lực lượng quân sự mới của Võ Nguyên Giáp. Chu Văn Tấn từng giữ chức Bộ trưởng Quốc phòng đầu tiên của Việt Minh sau ngày Tuyên bố độc lập 2/9/1945, và sau này được phong quân hàm thượng tướng. Võ Nguyên Giáp trở thành nhà chiến lược, còn Chu Văn Tấn trở thành một trong những chỉ huy chiến dịch tốt nhất.

Họ dạy cho nông dân miền núi biết kết hợp hoạt động quân sự với hoạt động chính trị - một nguyên tắc vẫn thường xuyên được áp dụng trong lịch sử Việt Nam - là một bước cần thiết để tạo ra quân đội vững chắc. Võ Nguyên Giáp quyết định chọn khoảng 40 thanh niên chưa đến 30 tuổi là người dân tộc Nùng[1] để huấn luyện thành nhóm cán bộ Việt Minh đầu tiên.

Nhóm thanh niên đó theo học một lớp đào tạo cấp tốc trong 10 ngày giữa một thung lũng yên tĩnh, trong một làng của người Nùng gần biên giới Trung Quốc. Thức ăn chủ yếu là ngô, đêm ngủ ngoài trời. Một ngày bắt đầu bằng việc kiếm củi cho dân bản. Sự giúp đỡ nhân dân ở địa phương chính là cơ sở đào tạo về chính trị và cũng là cách để tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân.

Những thanh niên đó hiểu rằng muốn duy trì hoạt động lâu dài phải triệt để giữ bí mật mọi hoạt động của mình. Do đó, ở những nơi đông người và trong mọi tình huống, họ phải tuân theo 4 quy định: 1/ Ban ngày tuyệt đối không đi lại. 2/ Đi chân đất để không để lại dấu vết. 3/ Leo núi không dùng gậy chống để không để lại dấu chân và đầu gậy trên đá hay rêu. 4/ Đêm đến không được vào ngủ trong làng sẽ dễ bị phục kích hoặc gây nguy hiểm cho dân làng. Kết thúc khóa học bao giờ cũng có tổ chức lễ tuyên thệ dưới lá cờ đỏ sao vàng năm cánh. Sau đó nhiều thanh niên trở về làng cũ để giác ngộ

người thân trong gia đình, bạn bè, hàng xóm đi theo con đường cách mạng.

Võ Nguyên Giáp khá hài lòng về kết quả công tác của nhóm mình. Tuy số lượng không đông, chỉ khoảng mười người, nhưng họ đã được đào tạo, có lập trường và thái độ kiên định. Từ đó những cơ sở bí mật được nhen nhóm và ngày càng được mở rộng ở vùng núi phía bắc, tổ chức dọc biên giới những làng "hoàn toàn", nói cách khác là toàn bộ dân làng đi theo Việt Minh. Phong trào mở rộng từ những làng "hoàn toàn" tiến tới những tổng hoàn toàn, huyện hoàn toàn… Vài tháng sau Võ Nguyên Giáp đã có thể báo cáo phong trào Việt Minh đã lan rộng ra ba huyện trong tổng số chín huyện thuộc tỉnh Cao Bằng. Cuối năm 1944, Võ Nguyên Giáp khẳng định với Hồ Chí Minh: Trong tỉnh Cao Bằng đã xây dựng được nhiều căn cứ cho các đội tự vệ vũ trang.

Cùng với việc phát triển ảnh hưởng của cách mạng, các hình thức chính quyền của nhân dân được hình thành ở nhiều nơi. Các cán bộ Việt Minh thực hiện quyền tự trị về hành chính ở nhiều làng, rồi nhiều huyện. Chính quyền thuộc địa Pháp không làm gì được, chỉ còn biết lo ngại nhìn bộ máy chính quyền suy sụp ở vùng biên giới.

Võ Nguyên Giáp cho rằng một trong những nhân tố quan trọng để phát triển phong trào là báo chí, được dùng để công khai sự nghiệp của Việt Minh. Theo lệnh của Hồ Chí Minh, Võ Nguyên Giáp ra sức mở rộng ảnh hưởng của *Việt Lập* (viết tắt của *Việt Nam độc lập*). Theo ông kể lại, các bài báo không được quá dài dung lượng khoảng từ 50 đến 100 từ, để người đọc là nông dân ít chữ dễ đọc, dễ nhớ. Ông thừa nhận: "Nhiệm vụ không dễ dàng chút nào, nhiều khi rất lúng túng". Dù số lượng báo phát hành hạn chế, nhưng "nhờ cách viết sáng sủa rõ ràng và cô đọng, tờ báo đã chuyển tải tư tưởng chính sách của cách mạng đến với mọi tầng lớp nhân dân."

Tờ báo sớm phát huy tác dụng, được đưa đến từng làng có phong trào, đến từng tổ cứu quốc. Báo được phổ cập rộng rãi "nhờ cách viết giản dị, ngắn, nội dung chính trị phù hợp với trình độ của quần chúng […] góp phần làm quần chúng nâng cao trình độ giác ngộ và giúp họ tiến bộ." Trong mấy số đầu, mỗi kỳ báo *Việt Lập* chỉ ra có hai trang, nhưng sau đó Võ Nguyên Giáp đã nhanh chóng tăng lên bốn trang và ra đều hai kỳ mỗi tuần. Các bài báo của Võ Nguyên Giáp đều nhấn mạnh đến công tác tự vệ, vận động phụ nữ và tố cáo tội ác của Pháp, Nhật đối với nhân dân Việt Nam.

Dù Võ Nguyên Giáp cho rằng khả năng làm báo của mình không đến nỗi tồi nhưng Hồ Chí Minh lại không đồng ý với ông. Khi còn ở Trung

Quốc, Hồ Chí Minh thường nhận được những số báo có bài của Võ Nguyên Giáp từ trong nước gửi ra. Sau này Bác phê bình văn xuôi của Võ Nguyên Giáp khó hiểu. Bác vừa cười vừa nói với Võ Nguyên Giáp: "Báo của chú gửi ra Bác không đọc, các đồng chí khác cũng vậy. Nói chung các bài viết dài và khó hiểu". Một lần khác, Phạm Văn Đồng và Võ Nguyên Giáp cả hai đều đã viết báo từ những năm 1930, cho Bác Hồ xem những mẩu tin cắt từ báo ra. Bác Hồ bình luận rằng những bài họ viết chỉ những đảng viên trong đảng mới hiểu được, còn quần chúng bình thường sẽ không thể hiểu. Võ Nguyên Giáp đã cố gắng rất nhiều để những bài báo của mình có thể đến với mọi tầng lớp nhân dân.

Ngày 8/2/1941, Hồ Chí Minh nhận định thời cơ đã chín muồi, ông tìm cách về nước, ở trong hang Pắc Bó. Hang nằm ở vị trí rất phù hợp cho một đại bản doanh bí mật. Thuộc địa phận huyện Hà Quảng tỉnh Cao Bằng, hang Pắc Bó nằm trên một vùng cao rộng 3 km, dài 6 km, rất gần biên giới Trung Quốc. Lối vào hang được hoàn toàn che giấu bằng một lùm cây săng và cỏ dại ở ngoài rất khó phát hiện dù đứng gần. Dưới chân núi đá dốc đứng có nhiều động nhỏ, một con suối nhỏ chạy ngoằn ngoèo, có những chỗ lại nở rộng gần như một cái hồ. Võ Nguyên Giáp viết: "Bác Hồ đặt tên con suối đó là suối Lênin". Núi cao, tiết trời lạnh và thiếu không khí khiến cuộc sống ở Pắc Bó khá gian khổ, cuộc sống chỉ được duy trì ở mức tối thiểu. Sáng dậy sớm, tập thể dục, tắm suối Lênin rồi trở vào hang bắt đầu làm việc theo một chương trình dày đặc: tiếp cán bộ cơ sở, đại biểu các nơi đến báo cáo xin chỉ thị, họp bàn công việc sắp tới, tổ chức các lớp huấn luyện chính trị, dạy chữ cho trẻ em địa phương…

Võ Nguyên Giáp và các cán bộ thường kết thúc một ngày làm việc bằng bữa cơm tối thịnh soạn hơn một chút với một vài lát thịt muối hoặc cá câu được dưới suối. Ban đêm họ ngủ trên giường làm bằng thân cây ghép lại, lấy lá rừng làm đệm chống khí lạnh trong hang đá, đầu gối lên những khúc gỗ. Những loại giường như thế Võ Nguyên Giáp miêu tả: "Không mềm, không ấm." Đôi khi có những đêm quá lạnh khiến họ không sao ngủ được. Lúc đó họ phải ngồi dậy đốt lửa sưởi, ngồi nép vào nhau cho ấm, đợi trời sáng.

Theo lời kể của Võ Nguyên Giáp, đồng bào Nùng ở địa phương rất có thiện cảm, tính tình chất phác. Họ sống rải rác trong thung lũng hay bên sườn núi cheo leo, mỗi xóm chỉ có hai ba gia đình. Xóm to nhất cũng chỉ có mươi nóc nhà. Hồ Chí Minh biết đa số người dân sống trong thung lũng Pắc Pó đều mù chữ, vì vậy Người ra lệnh cho các cán bộ phải đọc và viết tiếng Kinh. Trong các buổi họp với cán bộ cấp dưới, Người yêu cầu họ phải dạy cho dân biết đọc, biết viết. Người chăm chú lắng nghe ý kiến của mọi người

trong khi bàn luận công việc, sẵn sàng tiếp thu những nhận xét, phê bình kể cả những ý kiến khác với mình. Võ Nguyên Giáp nhớ lại Bác Hồ không bao giờ cao giọng tranh cãi hoặc phàn nàn khi người khác nói trái ý mình. Nếu đa số quyết định một chủ trương mà Bác cho là không phải thì Bác sẵn sàng làm thử rút kinh nghiệm để lấy kết quả thực tế chứng minh ý kiến của mình là đúng hoặc cần phải điều chỉnh cho hoàn hảo hơn. Đó là cách Người thường phân tích và tổng hợp những ý kiến, mong muốn, hy vọng của người khác để đưa vào nội dung phát biểu của mình. Chính vì vậy, ý kiến của Bác Hồ dễ được mọi người nhất trí và đánh giá cao. Tuy ở cách xa đồn bốt địch nhưng từ Sóc Giang địch vẫn có thể phái các đội tuần tra sục sạo đi sâu vào vùng căn cứ mỗi khi phải truy bắt một tên buôn lậu nguy hiểm, hoặc thường xuyên lùng sục các làng tình nghi để truy tìm Việt Minh. Dù phong trào cách mạng đã phát triển sâu rộng, có những bước tiến vững chắc nhưng cả Pháp và Nhật vẫn chỉ coi Việt Minh như là giặc cỏ và bọn khủng bố hơn là mối nguy hiểm đe dọa nghiêm trọng quyền lợi của chúng. Song ở thời điểm này, lực lượng của Việt Minh vẫn chưa đủ sức đề kháng nếu bọn Nhật và Pháp quyết tâm tiến hành một cuộc vây quét thật sự.

Những người hoạt động cách mạng được an toàn trước hết là do thái độ thờ ơ của nhà cầm quyền đã tạo điều kiện cho cán bộ Việt Minh đi lại dễ dàng, tự do tuyên truyền đường lối, chương trình và chính sách của cách mạng mà không hề bị ngăn trở. Không một lực lượng vũ trang nào của Pháp quan tâm đến tổ chức mới hình thành cho nên cuộc đụng độ chỉ diễn ra lẻ tẻ khiến hai bên đều bất ngờ. Điều đó có thể xảy ra khi một đội tuần tra của Pháp về các làng lùng sục để truy đuổi hay tiêu diệt giặc cướp. Chúng chặn bắt bất cứ ai tình nghi là cộng sản hay có cảm tình với cộng sản. Bọn Pháp có thể bất ngờ bị chống trả, một hay hai tên trong đội tuần tra có thể bị thiệt mạng. Thế là chúng lùng sục vào các làng, đốt phá nhà cửa, bắn giết dân làng để trả thù. Khi đó Võ Nguyên Giáp và các đồng chí của ông phải rút sâu vào căn cứ, phân tán lực lượng trong các cánh rừng rậm rạp hoặc trên sườn núi cao để ẩn nấp.

Võ Nguyên Giáp nhớ lại: "Mỗi khi cảm thấy không an toàn, chúng tôi di chuyển cơ quan, phân tán ngay kho tàng lương thực, vũ khí, đôi khi tìm địa điểm mới ở ngay giữa rừng có nhiều thác nước, có lối vào rất khó và kín đáo ít ai có thể ngờ được, muốn tới đó phải lội qua con suối Lênin, vượt qua những tảng đá lớm chởm hình tai mèo rồi lại leo tiếp lên đỉnh các triền núi cao dốc đứng".

Giữa các khe núi, trong các hang động tối tăm, ẩm thấp sâu trong rừng cây rậm rạp, Hồ Chí Minh, Võ Nguyên Giáp và các cán bộ của Việt Minh bố

trí nơi làm việc, cất giấu tài liệu, vũ khí. Võ Nguyên Giáp kể lại những nơi thoát hiểm đó như sau: "Khi cảm thấy địch đang đi lùng, chúng tôi phải phân tán ra ở nhiều hang khác nhau. Có một hôm đi công tác ở cơ sở về trời vừa mưa xong nhìn vào hang thấy đầy côn trùng, rắn rết…". Trong những điều kiện như thế, mỗi khi chạy giặc đi càn, cuộc sống thật đáng sợ. Chúng ta hãy nghe ông kể tiếp: "Chúng tôi phải uống nước từ trên thác đổ xuống. Tìm được cái ăn là một chiến công. Chúng tôi chia nhau từng củ sắn, bắp ngô […]. Đôi khi cả tháng chỉ ăn ngô và thân cây chuối rừng".

Ẩn nấp trong hang sâu, họ bỏ hàng giờ để bàn về tương lai đất nước. Võ Nguyên Giáp không quên niềm tin sắt đá của Hồ Chí Minh: "Trong khoảng 5 năm nữa cuộc cách mạng sẽ thắng lợi và điều mong đợi sẽ tỏa sáng. Mình chỉ ước nguyện có một điều: đất nước thoát khỏi ách nô lệ, dân ta có đủ cơm ăn". Tất cả họ đều biết rằng tương lai của cách mạng thật khó khăn, phức tạp, khiến Võ Nguyên Giáp và các đồng chí của ông đã có lúc cảm thấy bối rối không biết đối phó như thế nào trước những khó khăn gặp phải. Khi đó Hồ Chí Minh đã bình tĩnh giải thích những triển vọng của cách mạng bằng những lời lẽ hết sức bình dị, dễ hiểu.

Một hôm có cán bộ thắc mắc hỏi Hồ Chí Minh: "Làm thế nào thực hiện được cuộc cách mạng nếu không có súng và lấy đâu ra súng?" Người bình thản trả lời: "Chúng ta phải dựa vào sức mình là chính rồi có thêm một ít viện trợ từ bên ngoài. Một khi nhân dân hiểu được ý tưởng tốt đẹp của cách mạng thì họ sẽ tạo ra sức mạnh không thể nào cưỡng lại được. Mọi việc đều do nhân dân làm nên. Tất cả vì nhân dân. Người trước, súng sau. Có nhân dân là có tất cả". Đó là một bài học mà Võ Nguyên Giáp không bao giờ quên.

Năm 1941, ngoài việc chuẩn bị vũ trang, Võ Nguyên Giáp mở rộng hoạt động sang các lĩnh vực khác. Tháng 5 ở Pắc Bó, Võ Nguyên Giáp tham gia Hội nghị lần thứ 8 mở rộng của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương. Chính qua hội nghị này, Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh quan điểm của Lênin về cách mạng chỉ hướng tới công nhân cần được thay đổi ở Việt Nam. Người cho rằng sự thay đổi của Việt Nam, thành công của cách mạng Việt Nam chỉ có thể xảy ra khi lấy cách mạng của giai cấp nông dân làm nền tảng. Tư tưởng chủ đạo trong chính sách của Đảng là cách mạng giải phóng dân tộc, vậy lực lượng trụ cột để đưa cách mạng đến thành công là nằm trong khối giai cấp nông dân ở nông thôn. Hồ Chí Minh chỉ đạo phương hướng - nghị quyết của hội nghị là: "Lúc này giải phóng dân tộc là nhiệm vụ trọng tâm, là trên hết […]. Mọi sự sửa soạn phải hướng về khởi nghĩa vũ trang".

Theo gợi ý của Hồ Chí Minh, Hội nghị còn thông qua việc thành lập mặt trận dân tộc thống nhất, lấy tên là *Việt Nam Độc lập Đồng minh hội* gọi tắt là Việt Minh - đúng như đã thảo luận với Võ Nguyên Giáp trước đây. Việt Minh sẽ kêu gọi mọi người yêu nước gia nhập không phân biệt giàu nghèo, tuổi tác, nam hay nữ, tôn giáo và xu hướng chính trị. Điều này sẽ giúp tập hợp được nhiều đảng phái khác nhau dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh.

Một trong các nhóm hưởng ứng lời kêu gọi đó là đảng Đại Việt, thường được gọi tắt là Đại Việt, một chính đảng theo xu hướng quốc gia thành lập ít lâu trước Chiến tranh thế giới thứ hai tập hợp những phần tử yêu nước xuất thân từ giai cấp trung lưu sống tại các thành phố ở Bắc Kỳ. Một trong những mục tiêu của họ là dựa vào lực lượng Nhật Bản đang chiếm đóng Việt Nam để giành độc lập từ tay Pháp. Những tàn dư của Việt Nam Quốc dân Đảng, một đảng quốc gia chủ nghĩa của Việt Nam bị tổn thất nặng sau vụ bạo động Yên Bái thất bại năm 1930, cũng tỏ ra nhạy cảm với lời kêu gọi của Hồ Chí Minh.

Nhưng có một tổ chức cách mạng bác bỏ mặt trận thống nhất của Việt Minh, đó là *Việt Nam Cách mạng Đồng minh hội*, người ta quen gọi là *Đồng minh hội* có xu hướng quốc gia, được Trung Quốc bảo trợ, thành lập cuối năm 1942 ở Liễu Châu, Trung Quốc. Đồng minh hội còn bao gồm cả *Việt Nam phục quốc đồng minh hội* do Cường Để sáng lập đầu Chiến tranh thế giới thứ hai, thường được gọi tắt là Phục quốc. Đó là một đảng chính trị thân Nhật bao gồm những phần tử theo xu hướng quốc gia chống Pháp và có thể gợi đến một sự phục hồi của tổ chức *Việt Nam Quang phục hội* của Phan Bội Châu năm 1912.

Tham gia Đồng minh hội còn có thành viên của một tổ chức đó là *Việt Nam Giải phóng Đồng minh hội* do Nguyễn Hải Thần, một người theo xu hướng quốc gia lãnh đạo. Nguyễn Hải Thần sống lâu năm ở Trung Quốc, được Quốc dân đảng Trung Hoa ủng hộ, đã giữ chân lãnh đạo trong Đồng minh hội.

Đồng minh hội từ chối hợp tác với Đảng Cộng sản, với Việt Minh và kình địch với Việt Minh trong cuộc chiến giành quyền lực. Còn nhiều phe phái và đảng chính trị khác tồn tại ở Việt Nam trong thời kỳ này. Điều đó nói lên tính phức tạp của nhiệm vụ mà Hồ Chí Minh và Việt Minh phải đương đầu vào tháng 5/1941 để thành lập một mặt trận thống nhất.

Hội nghị Trung ương lần thứ 8 ở Pắc Bó thảo luận về vấn đề vũ trang

khởi nghĩa và chọn Phùng Chí Kiên đứng đầu đội quân cứu quốc mới. Phùng Chí Kiên đã được đào tạo cơ bản về quân sự ở trường Hoàng Phố, được phong cấp thiếu tá trong một đơn vị của Mao Trạch Đông từ năm 1927 đến 1934. Nhìn bề ngoài, đó là con người đúng với nhiệm vụ. Không chờ đợi, Phùng Chí Kiên tổ chức các đội vũ trang ở phía bắc Việt Nam và mở các cuộc tiến công vào quân Pháp.

Hội nghị ở Pắc Bó cũng bầu Trường Chinh làm Tổng bí thư mới thay Nguyễn Văn Cừ bị Pháp bắt tháng 6/1940 và xử bắn ở Sài Gòn tháng 5/1941. Hội nghị cũng quyết định xây dựng cơ sở du kích từ Pắc Bó trở xuống phía nam, bởi lẽ hình như khó mà coi địa điểm Pác Bó đó là đại bản doanh của phong trào cách mạng đang lan rộng ra cả nước. Vài tháng sau, tổng hành dinh chuyển về dãy Lam Sơn cách trung tâm Cao Bằng khoảng năm mươi cây số. Hội nghị cũng nêu vấn đề bảo đảm an toàn bí mật vì Pháp tuần tiễu vùng này rất thường xuyên.

Các căn cứ địa được thành lập thêm sẽ thúc đẩy sự phát triển tinh thần cách mạng trong ba tỉnh chủ chốt là Cao Bằng, Bắc Cạn và Lạng Sơn được xem như các trung tâm sửa soạn khởi nghĩa vũ trang ở Việt Bắc. Trong thời kỳ đó, Võ Nguyên Giáp và các cán bộ khác chọn các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Cạn, Hà Giang, Lạng Sơn và Tuyên Quang để hoạt động và gây dựng phong trào.

Hang Pắc Bó và tỉnh Cao Bằng là điểm xuất phát tốt nhưng nay đã đến lúc cần phát triển phong trào. Theo đúng truyền thống Lenin-nít bằng cách sử dụng nòng cốt hiện có, duy trì liên lạc chặt chẽ với các trung tâm khác, Việt Minh đã phát triển phong trào xuống phía nam. Đó là một thời điểm lịch sử của cuộc Nam tiến, một phần của văn hóa Việt Nam từ khi khôi phục độc lập thế kỷ X và kéo theo các cuộc xung đột với Champa cũng như với Campuchia. Một lần nữa lại có các cuộc Nam tiến mới, lần này là chống thực dân Pháp.

Hội nghị Trung ương lần thứ 8 vừa kết thúc, cũng là lúc Hitler xóa bỏ hiệp ước trung lập không xâm phạm lẫn nhau ký hai năm trước với Liên Xô và mở cuộc tiến công chớp nhoáng vào lãnh thổ nước này. Một nghịch lý là việc phát xít Đức tiến công Liên Xô đã đánh dấu một bước ngoặt: Những người cộng sản Việt Nam cũng như nước Nga Xô Viết bỗng chốc trở thành đồng minh của các cường quốc phương Tây trong cuộc chiến đấu chống các nước phe Trục - Đức - Ý - Nhật. Cuối năm 1941, Nhật Bản sử dụng Đông Dương ngày càng nhiều làm bàn đạp chuẩn bị cho các cuộc tiến công ồ ạt trên không và trên bộ bắt đầu từ tháng 12/1941 chống Malaysia và

Singapore, Hồng Kông và vùng Đông Ấn thuộc Hà Lan, Guam, Philippines, v.v… Trong lúc các máy bay Nhật cất cánh hướng về Hawaii trong đêm 6/12/1941 thì các đơn vị quân đội Nhật Bản đã bao vây các trại quân Pháp ở Việt Nam để bóp chết từ trong trứng mọi mưu toan chống lại Nhật. Lính Pháp hoàn toàn không chống cự lại.

Chỉ ít phút sau buổi trưa ngày 8/12/1941, Tổng thống Franklin D. Roosevelt triệu tập Quốc hội Hoa Kì trong một phiên họp toàn thể, ông thông báo trên diễn đàn: Người Nhật đã oanh tạc Trân Châu Cảng (Pearl Harbor) và các công trình quân sự khác của Mỹ trên đảo Hawaii. Tổng thống yêu cầu Quốc hội cho phép tuyên bố chiến tranh. Rất nhanh chóng Mĩ đã đi về phe Hồ Chí Minh, Võ Nguyên Giáp và Việt Minh.

---

[1] Trên thực tế, các thanh niên được lựa chọn thuộc nhiều dân tộc khác nhau (BT).

“Mỗi người dân là một người lính”

Trong suốt mùa hè và mùa thu năm 1941, Hồ Chí Minh giao cho Võ Nguyên Giáp đi đi về về giữa Trung Quốc và miền Bắc Việt Nam trong lúc Võ Nguyên Giáp vẫn phụ trách huấn luyện cán bộ và mở đường Nam tiến phát triển phong trào cách mạng về xuôi. Trong quá trình hoạt động không tránh khỏi những cuộc đụng độ về quân sự với Pháp và Nhật, nhưng nguy hiểm đó không làm chùn bước Võ Nguyên Giáp và các cán bộ của ông.

Gần cuối năm 1941, sau khi trở về từ Trung Quốc, Võ Nguyên Giáp nhận thấy đội xung phong tuyên truyền đầu tiên của ông không quá mười người giờ đã xây dựng được mạng lưới cơ sở khắp tỉnh Cao Bằng, lực lượng Việt Minh được củng cố và xây dựng được nhiều cơ sở tin cậy ở khắp nơi làm chỗ dựa cho các hoạt động vũ trang sau này.

Những ngày cuối năm, Võ Nguyên Giáp cùng đội xung phong tuyên truyền trở về một bản của người Nùng gần hang Pắc Bó. Họ đã ăn Tết Nguyên đán năm 1942 tại đó để chuẩn bị cho công việc trong những tháng sắp tới. Trong những ngày Tết, Võ Nguyên Giáp nói với các đội viên tuyên truyền đến từng gia đình trong bản chúc Tết để thắt chặt quan hệ với nhân dân địa phương. Họ nhận rõ rằng càng sống chan hòa gần gũi với dân thì càng được dân quý mến, tin yêu.

Tuy đã đạt được nhiều thành tích xây dựng phong trào nhưng Võ Nguyên Giáp và các đồng chí của ông không quên lời căn dặn của Hồ Chí Minh là: “Không được chủ quan, tự mãn và phải luôn luôn cảnh giác cũng như không bao giờ nản chí khi phong trào cách mạng tạm lắng.”

Võ Nguyên Giáp không ngừng củng cố con đường liên lạc từ vùng rừng núi Việt Bắc xuống miền đồng bằng sông Hồng, tạo điều kiện đi lại thuận lợi cho cả các cán bộ tuyên truyền và các đội du kích vũ trang. Con đường liên lạc đó mở rộng dần trong các vùng dân tộc thiểu số. Bằng cách đó, các cán bộ Việt Minh có thể duy trì được mạng lưới liên lạc trong những khoảng thời gian địch khủng bố và các đội vũ trang có thể di chuyển dễ dàng.

Lực lượng Việt Minh tại Cao Bằng muốn liên lạc với cán bộ ở vùng đồng bằng phải đi qua các bản làng cư trú của người Thổ và Mán Tiền, qua vô số con đường, qua rừng núi, qua những cánh đồng, cuộc hành trình có thể kéo dài tới hơn 20 ngày. Người Thổ đã được Việt Minh giác ngộ cách mạng

từ sớm, giờ còn lại người Mán Tiền. Ban đầu họ còn tỏ thái độ dè dặt, chờ xem. Được cán bộ Việt Minh giác ngộ, người Mán Tiền dần dần hiểu ra và trở thành cơ sở tin cậy. Nhiều thanh niên người Mán Tiền tình nguyện gia nhập các đội xung phong Nam tiến, dựa vào tập quán cũ, tổ chức các lễ kết nghĩa, long trọng thề hy sinh chiến đấu chống Pháp, Nhật, cứu nước, cứu làng, thực hiện chương trình Việt Minh, trung thành đi theo cách mạng đến cùng.

Người Mán đầu tiên được kết nạp vào Việt Minh tên là Hoan và chỉ sau một thời gian ngắn đã trở thành cán bộ cốt cán của phong trào và công tác rất tích cực. Được đưa trở lại cơ sở hoạt động trong các xóm người Mán, anh được dân làng rất tín nhiệm. Hoan bị Pháp bắt, bị tra tấn mười một lần và cuối cùng bị xử tử. Anh hy sinh mà không hé răng cung cấp cho địch một tin tức nào về phong trào cách mạng. Trước lúc bị xử bắn, giặc đưa anh về làng gặp vợ, anh đưa cho vợ một gói thuốc làm bằng xương hổ luôn luôn giữ trong mình và dặn vợ chuyển cho Võ Nguyên Giáp: "Em hãy nói với đồng chí Văn rằng anh gửi lời thăm hỏi và hãy dùng thuốc này tẩm bổ cho khỏe để có sức làm việc". Người vợ đã làm đúng theo lời chồng dặn. Bà mẹ của Hoan còn nói với Võ Nguyên Giáp: "Dù con mẹ chết rồi, lúa năm nay không được mùa nhưng mẹ vẫn để dành được ít gạo nếp cho anh em đây! Mẹ coi anh em như con của mẹ, các con phải giết cho được nhiều Tây, nhiều Nhật để người Mán được sống!"

Phong trào Việt Minh mở rộng sang nhiều huyện. Võ Nguyên Giáp ra lệnh tổ chức các Hội cứu quốc ở mỗi làng. Ông theo dõi rất sát sao quá trình hình thành các chi bộ đảng. Chẳng bao lâu, đã có những huyện, những làng, những tổng "hoàn toàn", nghĩa là mọi người ai cũng tham gia hội cứu quốc.

Lúc này, trên phần lớn lãnh thổ phía bắc của Bắc Kỳ, Việt Minh đã thay thế chính quyền thuộc địa, chính thức xử lý các vụ việc dân sự, từ việc giải quyết các vụ xích mích, tranh chấp đất đai đến cấp giấy giá thú chứng nhận kết hôn. Muốn gây cơ sở cách mạng ở một làng nào đó, cán bộ được đào tạo từ trước đến tuyên truyền giải thích cho mọi người hiểu cách mạng cần gì ở họ. Sau này Võ Nguyên Giáp nhớ lại rằng cán bộ của ông không nói nhiều đến chủ nghĩa cộng sản: "Chúng tôi nói với dân làng để họ hiểu được sức mạnh của chính họ phải được tổ chức như thế nào, quan trọng ra sao để cứu nước, cứu làng, không để cán bộ rơi vào tình thế khó khăn, lúc địch khủng bố thì không được phản bội, không chỉ điểm cán bộ, không báo tin tức cho địch."

Các cán bộ Việt Minh được cử đến xây dựng phong trào phải tìm một

chỗ an toàn ở gần đó, ban ngày vào làng gặp gỡ đồng bào để tuyên truyền giải thích, ban đêm không được ngủ lại trong làng mà phải trở về nơi an toàn. Võ Nguyên Giáp căn dặn rất chu đáo, cán bộ phải có thái độ cư xử thận trọng, đúng mực đối với đồng bào miền núi, không được chủ mời thì không được vào nhà. Phải quét dọn sạch sẽ chỗ họ tạm trú. Hơn thế nữa, nếu đồng bào có nguy cơ thiếu ăn thì tuyệt đối không được nhận phần lương thực đồng bào nhường cho. Võ Nguyên Giáp cũng yêu cầu cán bộ phải cư xử đứng đắn với phụ nữ để họ tin tưởng cán bộ Việt Minh là những người đứng đắn.

Cán bộ phải cẩn thận không được đe dọa, uy hiếp những người đối lập với mình vì suy cho cùng mục tiêu của họ không phải là tranh thủ được sự đồng tình của tất cả mọi người mà là sự ủng hộ của đa số. Khi mục tiêu đó đã đạt được, cán bộ Việt Minh sẽ yêu cầu dân bản cho biết ai có thể là kẻ phản bội hay ai làm việc cho Pháp. Dân bản sẽ chỉ ra địa chủ giàu có, những người cho vay nặng lãi hoặc những người phục vụ cho Pháp. Hầu hết nông dân đều ủng hộ nhiệt thành cách làm này.

Một đội thi hành án được tuyển chọn ngay tại địa phương để trừng trị những đối tượng bị kết án phản cách mạng. Sau khi thanh toán những phần tử đối lập với mình, Việt Minh củng cố quan hệ hợp tác với dân làng và kết nạp những người tích cực nhất trong số họ vào đội du kích. Thế là có thêm một căn cứ địa cách mạng mới. Đội công tác tuyên truyền lại rút đi gây dựng cơ sở ở nơi khác.

Võ Nguyên Giáp rất hài lòng khi thấy Việt Minh phát triển ngày càng mạnh, ảnh hưởng ngày càng lớn. “Mỗi người dân là một người lính, mỗi làng xóm là một pháo đài, mỗi ủy ban Việt Minh là một bộ tham mưu”. Những cố gắng như thế đều đem lại kết quả rõ rệt. Các đội công tác đều kết nạp thêm nhiều đội viên mới, ngoài những thanh niên người dân tộc miền núi còn có người ở thành phố cả nam và nữ tránh các cuộc vây ráp ở các đô thị lên đây tìm nơi an toàn ở những vùng Việt Minh làm chủ. Họ tham gia các lớp học tập chính trị, quân sự và bổ sung vào các đội xung phong tuyên truyền Nam tiến. Võ Nguyên Giáp nhận thấy cần phải mở thêm các lớp học, hàng tháng mỗi lớp đông đến 50 học viên. Sau thấy mở lớp tập trung cũng không đủ đáp ứng nhu cầu của phong trào, nên Võ Nguyên Giáp cho mở lớp huấn luyện chính trị ở các làng có phong trào vững mạnh rồi cử người về giảng.

Phong trào Nam tiến của Việt Minh tiếp tục phát triển và Võ Nguyên Giáp không ngồi một chỗ để chỉ đạo phong trào từ xa. Ông thường xuyên đi về các làng để kiểm tra, thúc đẩy phong trào, nhiều đêm phải trải lá cọ làm

giường ngủ luôn ngoài trời ở bìa rừng.

Dưới sự kiểm tra gắt gao, chặt chẽ của ông, có thể có đội viên mới sau khi học tập thấy nhiệm vụ nặng nề quá, sợ không cáng đáng nổi, đã tự nguyện xin ra khỏi đội công tác quay về nhà làm ăn. Hãy tin ở lời ông kể, nếu không muốn cho là chuyện bịa đặt, có một hôm một đối tượng lâu nay vẫn được đánh giá là học tập chăm chỉ, đạt kết quả xuất sắc, thế mà hôm bế mạc lớp học anh ta lên đề nghị với ban phụ trách huấn luyện xin gạch tên khỏi danh sách học viên đã học xong chương trình huấn luyện. Được hỏi tại sao, anh ta thật thà nói: "Được học nhiều thứ quá nhớ không xuể, có thể phạm khuyết điểm vì không làm tròn nhiệm vụ". Rất xúc động trước thái độ thật thà tự phê bình của anh ta, Võ Nguyên Giáp đã nhân dịp đó động viên khuyến khích mọi học viên phát huy tinh thần phê bình và tự phê bình đồng thời cùng ban phụ trách lớp học rà soát lại chương trình huấn luyện sao cho đơn giản dễ học, dễ nhớ và dễ thực hành, hợp trình độ tiếp thu của học viên.

Võ Nguyên Giáp cùng Chu Văn Tấn ra sức mở rộng mạng lưới hoạt động bí mật ở khắp miền bắc xứ Bắc Kỳ. Hai ông cung cấp tin tức tình báo thu thập về những hoạt động của quân Nhật cho Quốc dân đảng Trung Hoa để đổi lấy sự viện trợ vũ khí và tài chính, mở rộng hoạt động cộng sản ở miền Bắc Việt Nam.

Một phần tài chính quyên góp được đã giúp Võ Nguyên Giáp theo chỉ thị của Hồ Chí Minh lập cơ quan Liên tỉnh ủy ở Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn vào năm 1942. Căn cứ mới đặt tại Lam Sơn là miền rừng núi có những núi đá đang phân hủy được hình thành từ trầm tích tổ ong màu đỏ chứa lượng lớn nhôm và hidroxit sắt. Võ Nguyên Giáp gọi đây là khu vực "Lô cốt đỏ". Họ quyết định chuyển vào Lam Sơn vì phong trào quần chúng đang phát triển vững mạnh.

Cơ quan làm việc được đặt trong vùng giáp ranh hai huyện Hòa An và Nguyên Bình. Cán bộ ở trong những ngôi nhà gỗ rải rác trên sườn núi cao. Ở đó có cả nhà họp, nhà ăn, những dãy nhà dài cho hàng trăm học viên của các lớp huấn luyện. Điều kiện sinh hoạt ở vùng Lô cốt đỏ xem ra khấm khá hơn ở Pắc Bó.

Đầu năm 1942, Hồ Chí Minh lên đường sang Trung Quốc, với mục đích tăng cường quan hệ với các đảng phái khác để phối hợp hành động đồng thời tranh thủ ngoại viện. Nhưng mới đặt chân đến đất Trung Quốc, Người đã bị nhà đương cục Quốc dân Đảng Trung Hoa bắt giữ. Chắc hẳn họ biết khá tường tận về sự phát triển đáng lo ngại của Việt Minh ở phần phía

bắc xứ Bắc Kỳ, vùng đất mà họ cũng đang dòm ngó. Chính phủ Quốc dân Đảng Trung Hoa thấy rằng vô hiệu hóa phong trào cách mạng của Việt Minh bằng cách bó hẹp phong trào đó vào trong một phạm vi có thể kiểm soát được là có lợi cho họ.

Trong lúc đi thanh tra cơ sở, Võ Nguyên Giáp nhận được thư khẩn cấp của Phạm Văn Đồng cho biết Hồ Chí Minh đã bị Quốc dân Đảng Trung Hoa bắt giữ, nên Võ Nguyên Giáp phải trở về Cao Bằng ngay. Phạm Văn Đồng kể cho Võ Nguyên Giáp nghe Hồ Chí Minh đã bị quân đội Tưởng Giới Thạch bắt giữ như thế nào. Sau đó lại nhận được tin dữ: Hồ Chí Minh đã mất trong nhà giam của quân Tưởng. Võ Nguyên Giáp bàng hoàng, sửng sốt. Sau này ông viết: "Tôi đã hết sức đau đớn."

Tất cả cán bộ Việt Minh đều tuyệt vọng. Hồ Chí Minh là sự động viên, là nguồn cảm hứng lớn đối với họ. Người đã đưa ra các ý tưởng tốt nhất và làm trung gian hòa giải mỗi khi có bất đồng. Mọi người tự hỏi nếu không có Hồ Chí Minh thì các mục tiêu cách mạng sẽ ra sao? Vài ngày sau Võ Nguyên Giáp đi Ngân Sơn. Để tránh các đội tuần tra của Pháp và các toán lính Nhật, ông chỉ đi về đêm, vượt qua những ngọn đồi hoang vắng mọc đầy cây dại, có lúc phải rẽ lá vạch đường khi vượt các triền núi cao hoang vu đầy cỏ voi. Quang cảnh quạnh hiu như hợp với tâm trạng đau buồn của ông. Đi trong đêm khuya, bóng tối tưởng như bao phủ khắp không gian chưa đủ, mà còn tràn vào tâm trạng ông. Ông không cầm được nước mắt, ngẩng lên nhìn trời đầy sao, thu mình trong nỗi cô đơn và đau khổ.

Mấy ngày sau, trong khi làm việc tại Ngân Sơn, Võ Nguyên Giáp nhận được một tờ báo do một liên lạc viên đem từ Trung Quốc về. Đọc lướt nhanh các tin, Võ Nguyên Giáp bỗng chú ý đến một dòng ghi chú ở ngoài lề một bài báo mà lúc đầu ông tưởng như không tin ở mắt mình, lập tức ông cho rằng không thể ai khác ngoài Hồ Chí Minh đã nhắn về qua dòng ngữ ngắn ngủi này. "Gửi lời thăm và chúc các anh em ở nhà mạnh khỏe, công tác tốt. Ở ngoài này tôi vẫn bình yên". Tiếp đó là một bài thơ. Làm sao Hồ Chí Minh có thể mất được khi những dòng chữ này chỉ có thể là do Người tự viết trên một tờ báo mới phát hành. Võ Nguyên Giáp nhìn ngày ấn hành ghi trên đầu báo. Đó là ngày sau ngày có tin đồn Hồ Chí Minh mất trong nhà ngục của Quốc dân Đảng. Một tia hy vọng lóe lên trong tim Võ Nguyên Giáp.

Trở về Cao Bằng, Võ Nguyên Giáp tìm cơ hội gặp lại người đầu tiên đã đưa tin đau đớn đó từ Trung Quốc về. Ông hỏi anh ta: "Đồng chí nghĩ gì về bài thơ và lời chú thích ngoài lề này?" "Tôi không biết", anh ta nói. "Khi tôi ở Trung Quốc, chính một viên quan Quốc dân Đảng đã thông báo cho tôi

biết Hồ Chí Minh đã mất".

Võ Nguyên Giáp yêu cầu anh ta cố nhớ lại thật chính xác xem viên quan Quốc dân Đảng ấy nói gì. Anh ta bóp trán tập trung suy nghĩ một lát rồi nói: "Chỉ nhớ được mấy tiếng si-le, si-le có nghĩa là *đã chết*. Võ Nguyên Giáp thấy lóe lên một tia sáng. Có thể anh ta đã hiểu sai cụm từ "shi-le, shi-le" phát âm gần giống nhau nhưng chỉ có nghĩa đơn giản là "phải, phải". Anh ta ngẩn người ra, ngập ngừng nói: "Có thể như thế." Sau này Võ Nguyên Giáp viết: "Chúng tôi sung sướng đến phát điên. Chỉ vì một sự nghe lầm đơn giản mà chúng tôi đã phải chịu đau khổ và lo lắng đến mấy tháng!"

Dịp Tết Nguyên đán năm 1943, Võ Nguyên Giáp trở lại Cao Bằng để ăn mừng những thắng lợi đạt được trong việc tổ chức cơ sở trong thời gian qua. Năm 1942, Võ Nguyên Giáp và các cán bộ Việt Minh đã đạt được nhiều thành tích. Nhiều đội tự vệ mới ra đời. Ba tỉnh phía bắc là Cao Bằng, Bắc Cạn và Lạng Sơn đã nằm dưới quyền kiểm soát chặt chẽ của Việt Minh, được gọi bằng một cái tên đơn giản là Cao-Bắc-Lạng. Nhân ngày Tết, Võ Nguyên Giáp và các thành viên trong Ban chấp hành Tổng bộ Việt Minh cùng đại biểu công nhân Cao-Bắc-Lạng đến thăm những hội viên mới gia nhập các đội xung phong Nam tiến, tặng cờ danh dự mang dòng chữ "Đánh thắng".

Võ Nguyên Giáp có quyền mãn nguyện về thành tích các phong trào Nam tiến. Năm 1941 mới có 1.053 hội viên Cứu quốc thì năm 1943, số hội viên đã tăng lên 3.096 người. Các lớp huấn luyện chính trị và quân sự từ 11 tăng lên 26, cứ mỗi tháng là có một lớp học mới được tổ chức. Học xong được cấp giấy chứng nhận tốt nghiệp. Ngoài ra còn tổ chức được 10 lớp xóa mù chữ cho dân trong vùng. Ở một số xóm sau buổi làm đồng, dân làng còn tình nguyện làm thêm các công việc trồng rau nuôi tằm, đốt than lấy tiền ủng hộ Việt Minh.

Ngược lại, Đảng dùng số tiền quyên góp ít ỏi ấy để nuôi cán bộ. Người ta làm kho chứa lương thực, xây hầm cất giấu vũ khí trong rừng có tường gạch bao che, có mái lợp bằng ván gỗ, trên cùng lại có cành cây và đất phủ kín. Căn hầm chứa vũ khí khá kín đáo nhiều lần có địch đi tuần qua lại bên trên mà không phát hiện được. Việt Minh còn phái người qua Trung Quốc tìm mua vũ khí đem về trong nước.

Võ Nguyên Giáp cũng cho xây dựng xưởng chế tạo vũ khí. Ông biết rằng dao găm, lựu đạn, giáo mác, súng kíp đã không còn đủ sức chống lại nhà cầm quyền Pháp. Không chịu bó tay trước sự trang bị không ngang sức,

Võ Nguyên Giáp huy động các thợ rèn từ dưới xuôi lên xây dựng một xưởng vũ khí ẩn sâu trong vùng "Lô cốt đỏ" để tiếng đe, tiếng búa không lọt được ra ngoài. Dân làng quyên góp chậu sắt, mâm đồng, chậu thau để làm nguyên liệu. Sau nhiều tháng thí nghiệm không kém phần nguy hiểm, công nhân xưởng vũ khí đã có thể chế tạo được địa lôi, các loại mìn chôn dưới đất.

Đây là sáng kiến hay của những công nhân quân giới đầu tiên của cách mạng, họ cố gắng chế tạo mìn hơn là súng. Mìn là vũ khí hữu dụng cho lực lượng du kích. Mìn dễ làm, ít tốn kém, lại nhiều công dụng hơn súng. Mìn có thể được một, hai người sử dụng và ít nguy hiểm. Sức công phá của mìn rất lớn. Chỉ một trái mìn chôn dưới đất cho nổ đúng lúc có thể lật đổ một đoàn tàu, đoàn xe cơ giới, chặn đứng cuộc hành quân, đánh sập lô cốt, tòa nhà trú quân hoặc sở bản doanh quân địch. Những vết thương để lại di chứng còn đáng sợ hơn là chết.

Võ Nguyên Giáp và khách đến tham dự các cuộc thử nghiệm vũ khí. Họ nấp sau các mô đất hoặc các tảng đá lớn để tránh những mảnh nổ văng vào người, vũ khí thử nghiệm được đặt trong các hốc đá ngoằn ngoèo buộc vào một đầu dây, người thợ rèn đứng xa hàng trăm mét cầm một đầu dây giật mạnh vào kíp nổ. Võ Nguyên Giáp và mọi người hồi hộp chờ. Đồng chí Cáp phụ trách việc thử nghiệm ra lệnh giật mạnh. Mọi người chăm chú nhìn các hốc đá nhưng chỉ thấy khói bốc lên rồi hết. Chẳng thấy nổ gì cả, cũng chẳng thấy có mảnh kim loại nào văng ra. Võ Nguyên Giáp nhớ lại: "Chúng tôi chờ một lúc lâu. Rồi một tiếng cười vang của một thanh niên người Thổ phá tan bầu không khí im lặng. Anh ta cười rúc rích: Chắc là trái mìn thối!"

Một chút bối rối, Võ Nguyên Giáp tuyên bố cuộc thử nghiệm không thành công nhưng mọi người vẫn không ngừng cố gắng. Đồng chí Cáp và các thợ rèn quay về xưởng miệt mài tìm tòi, suy nghĩ tính toán rồi cuối cùng cũng thành công. Xưởng vũ khí này tiếp tục sản xuất cho đến Cách mạng tháng 8/1945 được mở rộng thành công binh xưởng Lam Sơn. Chính nơi đây đã xuất xưởng một số vũ khí quan trọng mặc dù còn thô sơ để trang bị cho quân đội nhân dân Việt Nam sau này. Lò rèn ở "Lô cốt đỏ" như Võ Nguyên Giáp sau này thường nói có thể coi như công binh xưởng đầu tiên do Việt Minh thành lập, tiền thân của công nghiệp chế tạo vũ khí sau này.

Vùng "Lô cốt đỏ" không chỉ có một lò rèn mà còn có nhiều kho vũ khí được che giấu cẩn thận. Năm 1943, dưới sự chỉ đạo của Võ Nguyên Giáp, một số lớn nhân công đã tập trung xây dựng một trại huấn luyện trong rừng sâu. Doanh trại ẩn mình dưới các tán lá che kín mái, bám vào các sườn núi cheo leo, có nhiều lối vào. Có nhà họp, nhà ăn, chỗ để vũ khí. Lại còn một

bãi trống rộng để lấy chỗ tập hợp bế mạc lớp học, phát giấy chứng nhận tốt nghiệp hoặc làm bãi tập.

Năm 1943, người Pháp nhận ra rằng đối thủ Việt Minh của họ không phải là những phần tử gây rối lẻ tẻ mà là cả một phong trào rộng lớn sẽ tranh giành quyền lực với họ. Chúng tăng cường tuần tra canh gác. Tại Cao Bằng, các trụ sở của Ủy ban Việt Minh bị bao vây. Các cán bộ Việt Minh bị phục kích và truy sát. Quân Pháp dán bố cáo yêu cầu nhân dân không được giúp đỡ Việt Minh, không tham gia mọi hoạt động của Việt Minh. Các gia đình có con em theo Việt Minh phải tìm cách liên hệ để bắt chúng quay về nhà hoặc phải gánh chịu mọi hậu quả về việc làm của chúng.

Các đơn vị lính Pháp sục sạo tìm các nơi cất giấu vũ khí, trữ lương thực, phá hủy các kho tàng, hầm hào, san phẳng những xóm làng nghi chứa chấp cán bộ Việt Minh hoặc có hành động ủng hộ, cảm tình với cách mạng. Chúng còn dồn dân vào các khu tập trung để dễ bề kiểm soát. Khá nhiều làng trong tỉnh Cao Bằng trở nên hoang vắng, nhà cửa bị đốt phá tan hoang. Chính quyền thuộc địa còn ra lệnh giới nghiêm từ 6 giờ tối đến 6 giờ sáng. Ngày nào cũng vậy, chúng dùng loa kêu gọi những người theo Việt Minh hãy trở về với gia đình, không cho ai mang một hạt gạo nào ra khỏi làng để triệt đường tiếp tế cho cách mạng. Người Pháp hiểu rằng lúa gạo rất quý đối với Việt Minh. Họ dùng gạo thay tiền trong mua bán hay trao đổi hàng hóa. Không có lúa gạo, Việt Minh sẽ bị tiêu diệt về thể chất và kinh tế.

Nếu lính Pháp bắt được người nào mang tài liệu Việt Minh trong người thì người đó có thể bị đem ra xét xử qua loa rồi bị xử bắn ngay. Cán bộ Việt Minh và những người có cảm tình, ủng hộ Việt Minh sau khi bị tử hình còn bị bêu đầu giữa chợ để uy hiếp tinh thần những ai có dính líu đến Việt Minh. Tàn phá chết chóc, quang cảnh núi rừng tiêu điều thê thảm. Trong một thời gian, Võ Nguyên Giáp đi đâu cũng thủ trong người một quả lựu đạn phòng thân để nếu gặp địch vừa diệt được địch vừa được chết nhanh chóng, không để địch bắt sống. Sau này ông phát hiện điều đó chẳng giúp ích điều gì. “Tuy nhiên tôi vẫn thường mang theo lựu đạn để trấn an”.

Khi giành được thắng lợi, dù là nhỏ nhất họ cũng đều truyền bá rộng rãi để cổ vũ tinh thần và giữ hy vọng cho mọi người. Một lần, một đội tuần tra Pháp càn quét rất kỹ một cánh rừng để tìm Việt Minh. Một mình ẩn nấp kín đáo trong một bụi cây gần đó, một cán bộ trong đại bản doanh của Võ Nguyên Giáp bỗng nhiên lấy lại tinh thần xông thẳng ra ngoài hô lớn: “Xung phong!”. Bọn lính Pháp đã quá mệt mỏi về thần kinh vì lo sợ triền miên với cuộc phục kích, nên khi bất ngờ nghe tiếng hô lớn, chúng đã hoảng sợ vắt

chân lên cổ chạy thẳng.

Sức ép của Pháp vẫn tăng lên. Võ Nguyên Giáp đau buồn thấy nhiều gia đình có con em bí mật theo Việt Minh bị dọa nạt khủng bố và giết hại. Người ta tự hỏi không biết có nội gián chui vào nội bộ hàng ngũ cách mạng, làm lộ bí mật cho địch, lấy thưởng không? Chính quyền thuộc địa hứa thưởng rất hậu "hàng nghìn đồng và muối" cho những ai bắt và giết được cán bộ, mang thủ cấp về lấy thưởng.

Trong khi cuộc "Khủng bố trắng" lan rộng, Võ Nguyên Giáp và một cán bộ tên là Thiết Hùng đang tiến hành một khóa huấn luyện cho cán bộ mới gia nhập phong trào. Có dấu hiệu địch truy lùng, lớp học phải rời địa điểm. Ban đêm họ chuyển đến một địa điểm mới. Trời mưa nặng hạt làm mọi người bị ướt hết. Họ phải đốt lửa hong khô quần áo và ngủ trên lớp lá khô trải dưới đất. Lương thực chỉ còn ngô vì thóc chưa kịp giã. Thức ăn là củ chuối rừng nấu với muối. Càng ăn càng xót ruột, sức lực càng hư hao trong lúc cần tập trung nghị lực cho công tác.

Võ Nguyên Giáp bất ngờ nhận được lệnh quay về đại bản doanh. Ông không nỡ để lớp học tự mình đối phó với đội tuần tra Pháp vì đây là lực lượng dự bị quan trọng. Ông yêu cầu được ở lại với lớp học vì nếu ông đi có thể làm mọi người hoang mang, rối loạn. Cùng ngày một đội tuần tra Pháp xuất hiện, lùng sục vào căn cứ, Võ Nguyên Giáp và Thiết Hùng được hai người dân địa phương đưa đến nơi an toàn. Suốt đêm, dưới trời mưa tầm tã, cách ba bước không nhận ra nhau, Võ Nguyên Giáp chệnh choạng lúc nào cũng như sắp ngã, bước sau người dẫn đường trên con đường dốc trơn như mỡ qua những bìa rừng khe suối. Sáng hôm sau, sương mù cũng dày đặc đến mức đi cách nhau có mấy bước vẫn khó nhận ra để làm mốc. Gần nửa buổi sáng, sương tan, Võ Nguyên Giáp mới nhận ra mình đang ở trên một ngọn đồi trống, xung quanh chẳng có lùm cây nào để ẩn nấp. Thì ra sau một đêm lặn lội, họ cũng chỉ quanh quẩn không cách xa điểm xuất phát đêm qua là mấy. Dưới chân đồi tiếng giày đinh, tiếng gọi nhau í ới của bọn lính Pháp tuần tra vọng lên. Võ Nguyên Giáp và những người cùng đi đành nằm sấp, bò sát đất qua các ngọn cỏ thấp và cố lết đến cửa rừng. Họ cố lom khom đi tiếp. Khoảng đến trưa, Võ Nguyên Giáp và Thiết Hùng quá mệt, hai người dẫn đường phải vừa dìu, vừa kéo họ đi. Cuối cùng, đến chiều, mặt trời đã ngả về tây, bóng hoàng hôn đang phủ dần cây cỏ thì cũng là lúc họ đến nơi an toàn.

Mấy ngày sau, Võ Nguyên Giáp thoát khỏi sự nguy hiểm của lính Pháp thì lên cơn sốt rét rừng kéo dài gần hai tháng rưỡi. Ký ninh không có, một

thầy lang mang đến ít rễ cây rừng sắc lên cho ông uống. Mấy nữ cán bộ thấy sức khỏe của ông sa sút, bèn giấu mấy cái áo của ông đưa cho thầy cúng trong bản làm phép trừ tà chữa bệnh. Cuối cùng khi lính tuần tra Pháp rút khỏi khu rừng nghi vấn có cơ sở Việt Minh thì đồng chí Cáp (người chỉ huy việc cho nổ thử không thành công trái mìn tự tạo) từ cơ quan lãnh đạo trở về có đem theo một ít ký ninh. Mấy hôm sau Võ Nguyên Giáp đã gượng ngồi dậy được.

Chiến dịch khủng bố của Pháp hòng dập tắt phong trào Việt Minh kéo dài đến cuối năm 1943, rồi sau đó lại kéo dài đến cuối tháng 6/1944. Tuy nhiên, phong trào Việt Minh vẫn phát triển bất chấp mọi hành động khủng bố và đàn áp dã man của địch. Cuối năm 1943 ở một số vùng cán bộ của Việt Minh hoạt động gần như công khai đã tổ chức những cuộc biểu tình vũ trang có đông người dự, luyện tập trên những cánh đồng trống, đánh trận giả giữa ban ngày, đến năm, sáu chục người tham gia. Đôi khi hàng nghìn người được huy động đấu tranh chính trị kết hợp với hoạt động vũ trang chống khủng bố, bảo vệ dân làng rút vào rừng, ngăn chặn các đội tuần tiễu của địch. Chính quyền Pháp không chịu bó tay ngồi nhìn. Cuối tháng 9 gặt hái xong, quân Pháp tiến hành tuần tra đi sâu vào các vùng có phong trào mạnh vừa để cướp lúa, vừa triệt đường tiếp tế lương thực cho Việt Minh.

Ba tỉnh Cao - Bắc - Lạng đã thực sự trở thành chiến khu có cơ sở chính trị vững mạnh và lực lượng vũ trang bảo vệ. Trước “Khủng bố trắng” của Pháp, Võ Nguyên Giáp quyết tâm giữ vững cơ sở hạ tầng đã mất bao công sức xây dựng, duy trì cảm tình và lòng tin của quần chúng đối với phong trào. Để hoàn thành mục tiêu ấy, ông ra sức tổ chức các chi bộ cộng sản thành những đơn vị hoạt động riêng rẽ, gồm những hội viên trung kiên với cách mạng. Các đảng viên của chi bộ đều giữ kín hoạt động của mình, không cho đảng viên của chi bộ khác biết và cũng không tò mò tìm hiểu hoạt động của đảng viên khác, ở chi bộ khác. Làm như vậy bọn gián điệp và phản động tay sai có xông xáo tò mò đến đâu cũng chỉ có thể dò la được hành tung của một nhóm người trong chi bộ.

Mỗi chi bộ tự tạo ra cho mình một địa điểm liên lạc. Đó có thể là một hang đá hay một căn lán ẩn trong lùm cây bên sườn núi hoặc giữa rừng cây rậm rạp. Các đảng viên gặp nhau, trao đổi tình hình, nhận chỉ thị cấp trên, bàn công việc sắp tới. Võ Nguyên Giáp còn yêu cầu các chi bộ tổ chức nơi cất giấu lương thực đủ ăn ít nhất sáu tháng đến vụ gặt sau. Ngoài ra còn phải dự trữ sắn, ngô, củ mài để dự phòng lúc giáp hạt hay mùa màng thất bát.

Khi nhận được ám hiệu đã quy ước trước, các đảng viên chi bộ bí mật

lặng lẽ ra khỏi làng, đi bộ 3, 4 km đường núi hay qua rừng đến chỗ hẹn để sẩm tối gặp nhau ở chỗ hẹn, mở hầm chứa vũ khí và lương thực, chia nhau súng đạn hiếm hoi và khẩu phần lương thực ít ỏi cho từng người, phân công nhiệm vụ và lên đường. Quần chúng cảm tình ở các nơi họ đi qua bất chấp đe dọa của tuần đinh và lính Pháp vẫn cung cấp tin tức và đồ ăn thức uống cho họ.

Việt Minh hoạt động ở một vùng mà những chuyện ma quái thần linh đầy ắp trong văn học dân gian cũng như không thiếu trong những câu chuyện hàng ngày của người dân quê. Nhưng giờ đây cán bộ Việt Minh lúc ẩn lúc hiện, thoắt đến thoắt đi chẳng khác gì những bóng ma, nhưng có khác là sự có mặt và những hoạt động của họ để lại những chứng tích không ai có thể chối cãi. Đó là xác những tên lính bị tước hết vũ khí, một tên gián điệp mặt xạm đen vì bị treo cổ, một lão địa chủ keo kiệt thích cộng tác đắc lực với người Pháp còn hơn để mất ruộng đất cho nông dân đã bị Việt Minh trừng trị... Nhiệm vụ hoàn thành xong, những chiến sĩ bí mật đó lại trở về nơi xuất phát, có khi phải ngủ thiếp đi bên bờ suối hay một gò đất ngoài cánh đồng cho đến sáng bạch. May lắm thì họ về được đến nơi an toàn lúc trời còn mù sương.

Nhờ những hoạt động của các chi bộ, các tiểu tổ bí mật đó mà Võ Nguyên Giáp và các đồng chí của ông đã giữ vững được phong trào, tránh được những cuộc khủng bố càn quét của Pháp. Tuy nhiên, suốt mùa đông 1943 - 1944 là một thời kỳ cam go đối với ông. Địch giăng lưới bủa vây khắp các ngả rừng. Võ Nguyên Giáp và các bạn chiến đấu của ông phải sống nhờ gạo trộn ngô rang với muối. Có một lần Giáp và đồng chí của ông bị kẹt ba ngày liền trong một ngọn núi. Họ phải nấu cơm trong những ống tre non, ép các chùm nho rừng để lấy nước, hết gạo phải ăn củ chuối rừng. Không chỉ có thiếu lương thực, họ còn lo chống lại bom nổ hay cháy rừng do địch đốt để buộc họ phải xuất đầu lộ diện khỏi nơi ẩn nấp.

Tinh thần của họ có thể sẽ khá hơn nếu như không có chuyện Hồ Chí Minh lúc này đang bị cầm tù ở Trung Quốc, nóng lòng sốt ruột trong xà lim của bọn quân phiệt Quốc dân Đảng Trung Hoa. Sau nhiều tháng ngoan cường chống lại sự uy hiếp, dụ dỗ của bọn cai ngục Quốc dân Đảng Trung Hoa, cuối cùng Hồ Chí Minh buộc phải hứa hẹn để Việt Minh cộng tác với Chính phủ Tưởng Giới Thạch. Cuối năm 1943, Người được trả tự do ở Liễu Châu. Nhưng người Trung Quốc nhấn mạnh đây là tự do có điều kiện để giữ Người ở lại thành phố này làm việc cho họ. Do vậy, Hồ Chí Minh phải đợi đến cuối 1944 mới có thể trở về Việt Nam.

Dù sao Hồ Chí Minh vẫn có lý do để vui mừng. Không những Người thoát khỏi cảnh lao tù mà Võ Nguyên Giáp còn tìm cách gửi báo cáo cho Người biết: Việt Minh nay đang kiểm soát một phần lớn ba tỉnh Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn và phong trào Nam tiến đã thành công lớn. Cuối năm 1943, sau khi phát triển được cơ sở ở thôn Nghĩa Tá gần chợ Đồn, có thể nói trừ thị xã và thị trấn, Việt Minh đã làm chủ được hầu hết vùng nông thôn và rừng núi ba tỉnh, đặt dưới sự lãnh đạo thống nhất của Liên tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng. Bây giờ một cán bộ có thể đi suốt ba tuần qua rừng, qua núi từ Cao Bằng đến Thái Nguyên mà vẫn chưa hết "vùng đất" của Việt Minh. Nghĩa Tá được đặt tên là làng Thắng Lợi. Tại đây trong dịp Tết âm lịch năm 1944, Việt Minh đã mở hội lớn mừng thành công của phong trào.

Tết năm 1944, Võ Nguyên Giáp trở về Cao Bằng. Khi các cán bộ lãnh đạo của Liên tỉnh ủy có mặt để mừng năm mới, Võ Nguyên Giáp trịnh trọng giới thiệu lá cờ danh dự thêm dòng chữ "Xung phong, thắng lợi" tượng trưng cho công việc đã làm được trong năm cũ. Ông nói: "Phong trào Việt Minh vẫn tiếp tục tiến lên mặc cho địch tiến hành đàn áp liên miên từ năm 1941". Cuộc khủng bố trắng của quân Pháp - Nhật đã lên tới đỉnh cao chưa từng có vào tháng 6/1944. Võ Nguyên Giáp thừa nhận phong trào ủng hộ Việt Minh tạm thời lắng xuống, cơ sở cách mạng bị thu hẹp ở một số vùng.

Thực tế điểm tích cực duy nhất được Võ Nguyên Giáp ghi nhận trong báo cáo gửi cho Hồ Chí Minh ở Liễu Châu là "tinh thần chiến đấu của nhân dân chống khủng bố tiếp tục dâng cao và các tổ bí mật được dịp rèn luyện và trưởng thành về quân sự, nâng cao trình độ giác ngộ về chính trị trong bão táp cách mạng". Không phải đó là những lời lẽ sáo rỗng đến mức hiểu lầm. Quả thật bên cạnh những thắng lợi đạt được, Việt Minh cũng chịu những tổn thất không ít trong suốt thời kỳ từ tháng 9/1943 đến tháng 6/1944.

Các cán bộ Việt Minh đã nỗ lực phấn đấu để duy trì phong trào và kiên quyết đối phó với cuộc khủng bố trắng của địch. Ngoài công việc tuyên truyền, các đơn vị cũ trong địa phương đã tổ chức phục kích đánh lại các cuộc hành quân tuần tiễu của địch, bảo vệ khu căn cứ, đồng thời kiên quyết trừng trị những tên phản động chống phá cách mạng. Nhờ đó, các cuộc đàn áp liên miên của địch cuối cùng thất bại. Nhìn chung trong toàn miền Bắc, phong trào vẫn tiếp tục tiến lên. Giáp cử cán bộ xuống tận mũi Cà Mau ở miền Nam Việt Nam để xây dựng cơ sở cách mạng.

Tháng 3/1944 Trung Hoa Quốc dân Đảng bảo trợ cho một hội nghị đại biểu các đảng phái cách mạng Việt Nam ở Liễu Châu, có Hồ Chí Minh tham dự. Tuy đã ra khỏi chốn lao tù nhưng Hồ Chí Minh vẫn bị giám sát chặt chẽ,

phải làm việc theo ý muốn của bọn quân phiệt Quốc dân Đảng Trung Hoa, không được tự do công khai phát biểu chính kiến riêng của mình. Việt Minh cảm thấy như bị chỉ huy, nếu muốn Hồ Chí Minh được tự do hoàn toàn thì phải đầu hàng trước ý đồ của chúng là lập một mặt trận thống nhất dưới ngọn cờ của Việt Nam Cách mạng Đồng minh hội. Trong tổ chức mới, người Việt Nam từ trong nước ra chỉ có một ghế trong ban lãnh đạo. Điều đó có nghĩa là Việt Minh chấm dứt vai trò của mình. Sau khi hội nghị bế mạc, các đảng phái khác sẽ ở lại Liễu Châu để chờ quân Đồng minh tiến vào Đông Dương đánh Nhật và kết thúc chiến tranh thế giới. Đoàn đại biểu Việt Minh trở về miền thượng du Bắc Kỳ và đã có thể tuyên bố rằng họ là một thành phần của Đồng minh hội hoạt động dưới danh nghĩa Đồng minh hội, là đại biểu của Đồng minh hội và của chính phủ quốc gia lưu vong. Điều đó cũng có tác dụng thúc đẩy phong trào giành thêm được sự ủng hộ của những phần tử yêu nước không cộng sản trước đây còn đứng ngoài phong trào cách mạng.

Nhiều sự kiện xảy ra trên thế giới làm chính quyền thuộc địa Pháp lo ngại, bên cạnh sự đe dọa ngày càng lớn của Việt Minh. Các nước phe Trục chịu thêm nhiều thất bại trên chiến trường châu Âu. Tàn quân của Đức phải rút khỏi Stalingrad sau khi bị tổn thất nặng nề từ mùa hè 1942 đến tháng 2/1943. Quân đội Xô Viết liên tiếp tấn công quân đội phát-xít. Rồi đến ngày các quân đội Mỹ và Anh đổ bộ lên miền Bắc nước Pháp, lập một đầu cầu ở bán đảo Cotentin tức xứ Normandy và từ đây họ từ từ tiến sâu vào nội địa châu Âu. Tháng 7/1944, chính phủ Vichy[1] của Pháp sụp đổ và quân Đức chiếm đóng nốt tất cả những vùng trước đây do chính quyền Petain thân Đức cai quản. Quân Đồng minh giải phóng Paris và chính phủ lưu vong do De Gaulle lãnh đạo tuyên bố là chính quyền hợp pháp chính đáng của toàn nước Pháp. Võ Nguyên Giáp và các đồng chí của ông vô cùng phấn khởi khi nghe được những tin tức này. Họ tin rằng những thay đổi trên cục diện thế giới sẽ có ảnh hưởng tích cực đến tình hình Việt Nam.

---

[1] Vichy: một thị trấn bên bờ sông Loire ở miền Tây Nam nước Pháp, nơi đóng chính phủ thân Đức của Thống chế Petain (ND).

“Niềm vui vô hạn”

Lịch sử cuộc Chiến tranh Thế giới thứ hai đã ghi dấu ấn tên tuổi của nhiều vị tướng chỉ huy quân sự tầm cỡ ở nhiều nước. Tiếng tăm và vinh quang của họ gắn liền với các trận giao tranh ác liệt trên những chiến trường đẫm máu. Đó là binh đoàn châu Phi của Đức dưới quyền tướng Erwin Rommel đã quần nhau với quân Anh của tướng Bernard Law Montgomery trên sa mạc Bắc Phi. Trên cánh đồng cỏ phủ tuyết trắng ở Stalingrad, dưới gió rét cắt da cắt thịt, tướng Nga Georgi Zhukov đã cầm cự dai dẳng chống lại tướng Đức Friedrich Paulus. Trong vùng núi hoang vu dọc sông Irrawaddy ở Miến Điện, tướng Anh Orde Wingate chỉ huy đội quân người Ấn Độ đã chiến đấu ngoan cường chống lại quân Nhật. Còn tướng Mỹ Douglas MacArthur thì tuy bi quan trong Tổng hành dinh đặt ở Australia, nhưng vẫn lên kế hoạch mở những cuộc tiến công liên tiếp và mãnh liệt vào các đảo ở Tây Nam Thái Bình Dương để đánh bại các cuộc hành quân của phát-xít Nhật. Trên đường tiến về Rome ở bắc bán đảo Italia, quân Mỹ của tướng Mark Clark đã vấp phải cuộc kháng cự tuyệt vọng của quân Đức dưới sự chỉ huy của tướng Albert Kesselring. Trên đất Anh, tướng Mỹ Dwight Eisenhower xây dựng kế hoạch đổ bộ ồ ạt lên lục địa châu Âu, kế hoạch này được giao cho các tướng lĩnh dưới quyền thực hiện, mà tên tuổi không thể kể hết: Bradley, Patton, Hodges, Collins, Patch, Gerow, Simpson, Sutherland, Cota.

Những vị tướng lừng danh đó đã huy động hàng chục vạn con người trong các trung đoàn, sư đoàn, quân đoàn vào các cuộc hành quân. Họ dùng những xe jeep nhãn hiệu Willys, Overland, những xe bánh xích của hãng Chevrolet, những xe tăng Chrysler, xe tải Ford, những súng trường Springfield và Singer. Ngành công nghiệp đã được động viên toàn lực để phục vụ một cuộc chiến tranh quy mô chưa từng có trong lịch sử. Các máy bay chở hàng, các con tàu vừa mới hạ thủy, từng đoàn xe lửa, những xe có trọng tải gấp hai lần rưỡi mức bình thường, các tàu lượn và các cánh dù ném quân đội vào chiến trường. Trong kế hoạch tác chiến, các bộ tham mưu hai bên đã phải trù tính mức hao phí mỗi phút đến 80 tấn đạn các loại, hàng triệu thùng xăng dầu cho các phương tiện cơ giới. Nếu không đủ chất đốt, xe cộ sẽ bị nung đỏ và tê liệt, mọi cố gắng chiến tranh sẽ hoàn toàn vô ích.

Còn phải kể đến hàng triệu điếu thuốc lá cho quân lính, hàng trăm ngàn chuyến xe thư quân đội chuyển phát nhanh vô vàn thư từ của quân nhân gửi về gia đình, cha mẹ, vợ con, bạn bè, người yêu ở hậu phương. Quân lính còn

được cung cấp kẹo cao su, giấy vệ sinh, kẹo sôcôla và những túi lương khô có hàm lượng cao về năng lượng và calo. Phần lớn quân nhân, ít nhất cũng là đột xuất, được ăn thức ăn nóng sốt do các xe nấu ăn lưu động đem đến. Binh lính đi giày cao cổ, nặng nề, khi mòn đế lại được thay mới. Và họ có thể bỏ đi bất cứ thứ gì không cần thiết. Chiến trường và trên đường ra trận đầy ắp vật liệu phế thải sau khi được sử dụng một cách hết sức lãng phí. Và mỗi ngày qua đi, hiện tượng phung phí đó càng tăng lên gấp bội.

Thế nhưng không phải đội quân nào cũng được hưởng thụ thừa thãi như thế. Mấy năm đó, trong lúc từng đội quân hiện đại di chuyển trên những cánh đồng châu Âu hoặc từ đảo này sang đảo khác ở Thái Bình Dương, rồi được ban thưởng vô số huy chương và vinh dự thì Võ Nguyên Giáp lặn lội qua lại các khu rừng, hẻm núi ở Bắc Kỳ, chân đi dép lốp, đôi khi mặc bộ quần áo chàm giống như quần áo thường mặc của dân địa phương. Mỗi khi đi công tác một mình, đầu óc ông bận rộn toan tính những giải pháp cho các vấn đề tiếp tế cho bộ đội của ông đang gặp khó khăn. Tất cả mọi thứ đều phụ thuộc vào việc tự cung cấp. Không một quân đội nào có thể chiến đấu một mình… Quân đội cần súng, đạn, mìn, liên thanh, súng cối, pháo để tác chiến còn người lính thì cần lương thực, trang phục và nơi trú ẩn.

Võ Nguyên Giáp cân nhắc, suy nghĩ rất nhiều khi phải tính toán chi tiết các vấn đề về hậu cần cho quân đội. Nếu một dân công gánh được 25 kg gạo đi được 18 km ban ngày và 25 km ban đêm thì phải huy động bao nhiêu dân công để yểm trợ cho 400 người đang chiến đấu kéo dài 10 ngày để tiến công một mục tiêu cách xa 200 km? Đó là những tính toán cần thiết và bổ ích. Nhờ tìm ra những giải pháp hữu hiệu, sau này Võ Nguyên Giáp đã đối phó được với những đội quân hùng mạnh nhất của phương Tây lần lượt đến xâm lăng và đã rất vất vả để hòng đánh bại Việt Nam bằng quân sự, ngăn chặn làn gió cách mạng mà Hồ Chí Minh, Võ Nguyên Giáp và các bạn chiến đấu của ông đã gieo mầm từ sớm.

Tháng 7/1944, Chính phủ Vichy của Petain sụp đổ. Quân Đức bị dồn vào những vùng nước Pháp chưa được Đồng minh giải phóng. Tình hình đó đã đem lại cho Võ Nguyên Giáp chút hy vọng. Ông tính toán rằng sự thay đổi chính phủ ở Pháp sẽ tạo thuận lợi cho hoạt động của Việt Minh. Ông dự kiến cuộc "đảo chính Nhật" ở Đông Dương là không tránh khỏi. Người Nhật muốn xóa hết mọi thứ còn lại của bộ máy thống trị Pháp ở Đông Dương. Đây chính là thời cơ mới cho cách mạng.

Cuối tháng 7/1944, phấn khởi trước sự phát triển của phong trào, trong lúc Hồ Chí Minh vắng mặt, Liên tỉnh ủy Việt Minh Cao - Bắc - Lạng triệu

tập hội nghị để xem xét khả năng phát động khởi nghĩa vũ trang. Hội nghị diễn ra trang trọng trong hang Pắc Bó, được trang hoàng như ngày hội, có cổng chào kết lá và gần đấy trên đỉnh cột cờ phấp phới lá cờ lớn màu đỏ, sao vàng năm cánh ở giữa. Bên trong hang xếp những dãy bàn dài cho đại biểu ngồi làm việc. Nơi ăn, nghỉ đã sẵn sàng. Ba vòng bảo vệ liên tiếp nhau do các đội tự vệ vũ trang người Mán đảm nhiệm. Cứ mỗi hành lang đi vào địa điểm là có chòi canh nghiêm mật đảm bảo triệt để an ninh cho hội nghị. Ngoài ra, ở các điểm trọng yếu trên tuyến bảo vệ vòng ngoài còn có các lực lượng vũ trang của Việt Minh chốt giữ.

Võ Nguyên Giáp kể lại: "Một niềm vui vô hạn tràn ngập trong lòng mọi người. Đông đảo các đại biểu từ các cơ sở trong liên tỉnh tụ tập về đây để quyết định một chủ trương được mọi người mong muốn từ lâu sau nhiều tháng đấu tranh gian khổ chống khủng bố trắng của địch." Hội nghị ra nghị quyết: căn cứ vào tình hình thế giới, tình hình trong nước và sự phát triển của phong trào Việt Minh, thời cơ phát động khởi nghĩa đã đến. Trong vòng hai tháng, gặt hái xong sẽ hoàn tất mọi công việc chuẩn bị để chuyển sang hành động vào khoảng tháng 9/1944.

Giọng Võ Nguyên Giáp đầy say mê khi hào hứng kể lại: "Không khí tiền khởi nghĩa tràn đầy hy vọng và vô cùng phấn khởi bao trùm khắp thôn bản ba tỉnh Cao - Bắc - Lạng. Mọi người vui mừng reo lên khi được tin sắp có khởi nghĩa." Mọi việc chuẩn bị được tiến hành tích cực trong vòng bí mật. Để che mắt quân Pháp, người dân vẫn tỏ ra tiếp tục cam chịu số phận một cách thầm lặng. Đằng sau bề ngoài lặng lẽ đó là công việc chuẩn bị hết sức khẩn trương. Từ cuối tháng 7 và sang đến tháng 8, cán bộ Việt Minh đi khắp các thôn bản để mua sắm rèn chế vũ khí các loại. Lựu đạn cầm tay là thứ vũ khí đặc biệt phổ cập, ai cũng tìm cách có ít ra là một quả để phòng thân và đánh địch. Giáp ra lệnh mỗi khẩu súng có 150 viên đạn dự phòng.

Thóc được phơi khô, cất giữ trong các kho chứa kín đáo, ẩn sâu trong rừng. Lương thực người dân đóng góp nhiều hơn cả mức quy định mà Việt Minh đưa ra. Võ Nguyên Giáp kể lại, có một phụ nữ đứng tuổi đã bán đi một nửa tài sản để mua vũ khí trang bị cho mình và các con trong nhà. Tháng 9, vụ gặt sắp kết thúc, ở nhiều nơi đã nghe thấy những phát súng đầu tiên báo hiệu thời kỳ hành động vũ trang sắp tới.

Vừa lúc đó, Hồ Chí Minh từ Trung Quốc trở về. Sau khi nghe báo cáo về quyết định khởi nghĩa, ông yêu cầu đình chỉ mọi việc chuẩn bị. Ngày 19/11, Hồ Chí Minh gặp Võ Nguyên Giáp tại Pắc Bó. Võ Nguyên Giáp báo cáo: "Tất cả mọi người đã sẵn sàng. Phong trào Nam tiến giành chính quyền

đã được chuẩn bị chu đáo. Giờ tất cả chỉ còn chờ hiệu lệnh của Bác.” Hồ Chí Minh lắc đầu, nói với Võ Nguyên Giáp: “Giờ chưa phải là thời cơ. Trình độ giác ngộ của quần chúng chưa chín muồi. Sự đồng tâm nhất trí chưa cao. Một hành động “non” sẽ làm hại sự nghiệp chung”… Hồ Chí Minh cho rằng quyết định khởi nghĩa chỉ căn cứ vào tình hình địa phương ở Cao - Bắc - Lạng, chứ không căn cứ vào tình hình chung của cả nước… chủ trương như vậy là chỉ nhìn một bộ phận mà không xét đến toàn cục. Hồ Chí Minh giải thích cho Võ Nguyên Giáp về những khó khăn xảy ra nếu khởi nghĩa “non”. Phong trào đã phát triển rộng nhưng vẫn chưa lập được căn cứ địa vững chắc. Một khi phong trào bị đàn áp, cán bộ cách mạng và quần chúng có cảm tình sẽ bị kẻ địch truy lùng và tiêu diệt. Người nói: “Chúng ta sẽ giải quyết vấn đề bảo vệ quần chúng và sơ tán dân như thế nào khi địch xông vào từng làng, từng thôn bản, từng dãy núi, từng địa phương? Chúng ta sẽ tổ chức cuộc sống cho dân ra sao khi đưa họ vào rừng? Làm sao Việt Minh có thể tiếp tục sản xuất thêm vũ khí khi cuộc khủng bố đàn áp của địch kéo dài?”

Võ Nguyên Giáp im lặng chưa tìm được câu trả lời. Hồ Chí Minh nói tiếp: “Lúc này chúng ta cần phát triển những phương thức mới để đáp ứng với tình hình mới. Phong trào chính trị hiện thời đã phát triển nhưng gặp nhiều tổn thất. Đội quân của chúng ta còn thiếu kinh nghiệm. Chúng ta phải lựa chọn những người tốt nhất và tổ chức họ vào Đội quân giải phóng.”

Đêm đã về khuya. Trong câu chuyện bên bếp lửa kéo dài, Võ Nguyên Giáp lại thấy trong lòng phơi phới, lấy lại lòng tin vào tiền đồ cách mạng, xua đi tâm trạng thất vọng khi thấy phải hoãn khởi nghĩa vũ trang. Hồ Chí Minh khuyên ông biết kiên nhẫn, chờ thời cơ: “Thời kỳ phát triển hòa bình đã qua nhưng thời kỳ vũ trang khởi nghĩa chưa tới […] Do đó, chúng ta phải có phương thức hành động thích hợp để đẩy phong trào tiến lên”.

Hồ Chí Minh đã nghĩ đến việc thành lập đội quân vũ trang chủ lực đầu tiên của Việt Minh: “Đây là việc hệ trọng. Đoàn thể giao cho chú cáng đáng. Chú có làm được không? Chúng ta bây giờ còn yếu, địch lại đang mạnh nhưng chúng không thể tiêu diệt được ta. Có phải không?”.

Võ Nguyên Giáp trả lời ngay: “Thưa Bác, làm được!” Võ Nguyên Giáp nhớ lại: “Được Bác Hồ giao trách nhiệm mới tôi thấy rất vui. Tôi nghĩ đến ngày cắm cờ đỏ sao vàng lên đỉnh núi Phia-U-oác.” Biết rằng đánh du kích rất gian khổ và đầy nguy hiểm, Võ Nguyên Giáp đã nghĩ ông có thể bỏ mạng trong rừng núi Cao - Bắc - Lạng.

Đêm hôm đó, cùng nằm bên cạnh, Võ Nguyên Giáp nghe Hồ Chí Minh

nói chuyện đến 3 giờ sáng. Trong cái đêm lạnh giá đó, không một ánh lửa, đầu gối lên một khúc gỗ, hai người phác ra kế hoạch đánh du kích để lật đổ chính quyền thuộc địa. Hồ Chí Minh vạch ra những nét lớn về tổ chức và cách thức hoạt động của đội quân giải phóng. Ông cũng nói cả vấn đề tiếp tế lương và đạn dược. Hồ Chí Minh luôn luôn nhấn mạnh nếu chúng ta biết dựa vào quần chúng nhân dân thì kẻ địch sẽ không bao giờ tiêu diệt nổi chúng ta.

Từ hôm sau Võ Nguyên Giáp bắt tay ngay vào công việc. Ông tìm hai đồng chí tin cậy là Vũ Anh và Lê Quảng Ba, đưa họ đến sau hang Pắc Bó để thảo luận chi tiết cách thức tổ chức, lựa chọn cán bộ cho đội quân giải phóng. Họ chọn Hoàng Sâm[1] làm đội trưởng quân sự và Xích Thắng[2] làm chính trị viên. Lực lượng lúc đầu gồm một trung đội có ba tiểu đội chọn từ các đội tự vệ vũ trang ở các huyện Hà Quảng, Hòa An và Nguyên Bình. Trong lúc họ đang thảo luận thì Hồ Chí Minh đến ngồi nghe và khi ba người quay nhìn ông, ông gật đầu tỏ ý tán thành. Ông nhấn mạnh phải luôn luôn nhớ: "Tinh thần quần chúng bao giờ cũng phải mạnh hơn vũ khí. Nếu chúng ta có thể dựa vào dân thì không kẻ thù nào đánh bại được chúng ta."

Đêm hôm đó, Hồ Chí Minh và Võ Nguyên Giáp còn tiếp tục trao đổi, bàn bạc đến khuya về viễn cảnh của đội quân giải phóng. Hồ Chí Minh nói: "Trong một cuộc cách mạng, yêu cầu của nhân dân phải đặt lên hàng đầu".

Khi đó, Hồ Chí Minh gợi ý đặt tên cho đội quân tương lai là Đội quân Giải phóng Việt Nam. Ngày hôm sau, Hồ Chí Minh lại gọi riêng Võ Nguyên Giáp và nói thêm muốn đưa phong trào lên cao thì hoạt động của quân giải phóng lúc này là phải coi trọng chính trị hơn quân sự. Và đội quân giải phóng sẽ lấy tên là Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân có nhiệm vụ giác ngộ và tổ chức quần chúng, hoạt động chính trị phải đặt lên trên tác chiến và công tác tuyên truyền giác ngộ dân chúng phải quan trọng hơn tiến công quân sự.

Vậy là Võ Nguyên Giáp - một cựu giáo viên dạy sử ở trường trung học - giờ đã được giao chỉ huy một đội quân chưa hình thành. Cũng như trước đây Quốc hội Mỹ năm 1775 đã bổ nhiệm George Washington chỉ huy một đạo quân chưa hình thành ở châu Mỹ thì nay Võ Nguyên Giáp cũng được giao nhiệm vụ chỉ huy một lực lượng chưa có quân số, chưa được tổ chức và chưa được huấn luyện thành thục. Như vậy, trong một hang sâu được chiếu sáng bằng những ngọn đuốc, ông đã bắt đầu cuộc đời binh nghiệp của mình với tư cách là người chỉ huy quân sự đầu tiên của nước Việt Nam. Lúc đó ông mới 33 tuổi.

Tuy đã nói với Võ Nguyên Giáp chi tiết về cách thức tổ chức đội quân cách mạng nhưng Hồ Chí Minh vẫn viết nhiều chỉ thị liên quan đến tổ chức các đơn vị chính quy và trong nhiều lần gặp gỡ, hai người đều nghiên cứu xem xét chi tiết sức mạnh quân sự của Pháp và tình trạng thực tế của đối phương. Họ trao đổi về trình độ khả năng của cán bộ, về công tác hậu cần, tiếp tế cho bộ đội, về các vùng có thể ưu tiên lập căn cứ.

Hồ Chí Minh yêu cầu trong vòng một tháng phải xuất quân đánh một trận, một trận táo bạo, tấn công quyết liệt để giành phần thắng. Đánh thắng trận đầu đó sẽ có tác dụng rất lớn về mặt tuyên truyền gây thanh thế cho Việt Minh. Hồ Chí Minh nhấn mạnh: "Phải bí mật, nhanh chóng, tích cực. Một lần đánh ở tây, lần khác đánh ở đông, tạo thế bất ngờ khiến địch không kịp trở tay. Ra đi không trống giong, cờ mở, trở về không để lại dấu vết (Hồ Chí Minh nhắc lại câu trong Binh pháp của Tôn Tử: "Lai vô ảnh, khứ vô hình").

Võ Nguyên Giáp tổ chức gặp gỡ với những người chỉ huy trung đội ở Hà Quảng. Các buổi thảo luận diễn ra khá sôi nổi bởi sự có mặt của những người vừa học các lớp quân sự ở Trung Quốc trở về. Họ dùng một tảng đá lớn dưới một gốc cây cổ thụ trong khu rừng già làm bàn viết. Họ nên mở cuộc tiến công như thế nào là tốt nhất? Lựa chọn mục tiêu như thế nào? Làm thế nào để giành phần thắng mà không phải hy sinh quá nhiều sinh mạng và hao phí súng đạn? Đánh mục tiêu cố định hay mai phục đánh địch đang di chuyển? Súng đã hiếm, đạn còn hiếm hơn nữa. Mỗi khẩu chỉ có 20 viên đạn. Một ngày thảo luận sôi nổi kết thúc bằng bữa tiệc thịt khỉ mà họ bắt được trong rừng.

Cuối cùng Võ Nguyên Giáp chọn được 34 người để lập nên đơn vị đầu tiên của đội quân chủ lực của cách mạng. Ông đặt tên là Trung đội Trần Hưng Đạo[3] theo tên gọi của vị anh hùng dân tộc. Họ là người được lựa chọn trong số các tiểu đội trưởng, các chỉ huy trung đội hay những đội viên có phẩm chất tư cách đặc biệt xứng đáng và thành tích xuất sắc của các toán vũ trang địa phương trong thung lũng Đình Cả. "Quân đội" ấy ban đầu chỉ có hai khẩu súng lục, 17 khẩu súng trường, 14 cạc-bin và một trung liên, trong đó có những khẩu cổ lỗ đã có từ thời Chiến tranh Nga - Nhật năm 1905.

Ngày 22/12/1944, vào lúc 5 giờ chiều, Võ Nguyên Giáp chủ trì lễ thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân. Đó là một chiều mùa đông giá rét nhưng mọi người đều hết sức phấn khởi. Lần đầu tiên họ tập hợp đứng dưới ngọn cờ đỏ sao vàng năm cánh. Võ Nguyên Giáp đọc một bài diễn văn dài nhấn mạnh tầm quan trọng và trách nhiệm của mỗi người từ nay

phải gánh vác. Ông nói: "Chính trị trọng hơn quân sự, tuyên truyền trọng hơn tác chiến. Chúng ta sẽ đặt cao hơn hết thảy tinh thần hy sinh anh dũng."

Ông kêu gọi tinh thần hy sinh, chịu đựng gian khổ, triệt để tuân theo kỷ luật và tuyệt đối phục tùng mệnh lệnh cấp trên.

Tất cả mọi người đọc vang 10 lời thề:

1. Hy sinh tất cả vì Tổ quốc để Việt Nam trở thành một nước độc lập.

2. Tuyệt đối phục tùng mệnh lệnh của cấp chỉ huy, khi nhận được mệnh lệnh gì sẽ tận tâm, tận lực thi hành cho nhanh chóng và chính xác.

3. Bao giờ cũng kiên quyết chiến đấu, dù gian lao khổ sở cũng không phàn nàn, vào sống ra chết cũng không sờn chí, khi ra trận quyết chí xung phong, dù đầu rơi máu chảy cũng không lùi bước.

4. Lúc nào cũng khẩn trương hoạt bát, hết sức học tập để tự rèn luyện thành một quân nhân cách mạng, xứng đáng là một người chiến sỹ tiên phong giết giặc cứu nước.

5. Tuyệt đối giữ bí mật.

6. Khi ra trận nếu bị quân địch bắt được, thì không bao giờ cung khai phản bội.

7. Hết sức ái hộ bạn chiến đấu, hết lòng giúp đỡ nhau lúc thường cũng như lúc ra trận.

8. Hết sức giữ gìn vũ khí.

9. Khi tiếp xúc với dân sẽ làm đúng ba điều răn: "không lấy của dân" - "không dọa nạt dân" - "không quấy nhiễu dân" và ba điều nên: "kính trọng dân" - "giúp đỡ dân" - "bảo vệ dân", để gây lòng tin cậy đối với dân chúng, thực hiện quân dân nhất trí giết giặc cứu nước.

10. Nêu cao tinh thần tự phê bình và phê bình, giữ tư cách cá nhân mô phạm, không làm điều gì hại đến thanh danh Giải phóng quân và Quốc thể của Việt Nam.

Sau mỗi lời thề được Võ Nguyên Giáp dõng dạc đọc lên, mọi người hô

vang: “Xin thề!”.

Sau này Võ Nguyên Giáp kể lại những người có mặt trong buổi lễ chiều hôm đó đều chứa chan phấn khởi, tin tưởng vào tương lai, vào tiền đồ của đội quân giải phóng, sẵn sàng hy sinh cho cách mạng. Để kỷ niệm ngày thành lập đáng ghi nhớ, nêu cao truyền thống cách mạng, buổi lễ kết thúc bằng bữa cơm đạm bạc không rau không muối do đồng bào địa phương ủng hộ. Khi bóng đêm phủ hết tán rừng, giữa làn gió lạnh mọi người ngồi xung quanh đống lửa nói chuyện đến nửa đêm. Võ Nguyên Giáp kể lại: “Trong một đêm đông giá buốt, giữa rừng sâu, quân đội đã được khai sinh như thế đó”.

Hồ Chí Minh muốn có một thắng lợi đầu tiên sau khi thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân. Chỉ bốn ngày sau khi nhận nhiệm vụ và hai ngày sau lễ thành lập, ngày 24/12/1944 Võ Nguyên Giáp và đội quân mới ra đời đã tấn công liền hai đồn tiền tiêu của Pháp ở Phai Khắt và Nà Ngần, cách nhau 25 km trong vùng giáp ranh ba tỉnh Cao Bằng, Bắc Cạn và Lạng Sơn. Hai đồn tiền tiêu đó quả là lý tưởng. Tại đó lính Pháp đã chiếm những nhà ở của dân làng là đồng chí của Võ Nguyên Giáp để biến thành đồn trại. Giáp đã cử một trinh sát tên là Hồng mới 12 tuổi đi do thám nắm tình hình. Mỗi ngày Hồng đem rượu vang và bánh mỳ cho viên chỉ huy Pháp, trò chuyện với binh lính, quan sát kho chứa lương thực và vũ khí, nhà ăn, nhà ngủ của binh lính, quan sát vị trí, ghi chép giờ ăn, giờ nghỉ hay hội họp của chúng. Ban đêm cậu bé luồn ra ngoài, chui qua các bụi tre để báo cáo tình hình với Võ Nguyên Giáp.

Muốn lọt vào đồn phải có giấy tờ hợp pháp. Võ Nguyên Giáp đến cơ quan báo *Việt Nam Độc Lập* kiếm giấy và đánh máy giấy thông hành. Một chiến sĩ sẽ làm con dấu giả bằng củ mài cộp vào giấy thông hành trên chữ ký giả mạo. Võ Nguyên Giáp nhớ lại: “Vào thời đó giấy giới thiệu đánh máy có giá trị nhất.”

Đồn địch có sĩ quan, hạ sĩ quan Pháp và binh lính người Việt. Để đánh lừa Pháp, đồng chí Văn (bí danh của Giáp) và đồng đội mặc quân phục giả làm người ở đồn trên xuống đem theo lính dõng. Văn đội nón chóp bọc vải chàm, chân quấn xà cạp và một thắt lưng trắng to bản. Trước hết, Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân hạ đồn Phai Khắt rồi vượt qua nhiều cánh đồng trống tiến đánh luôn đồn Nà Ngần. Võ Nguyên Giáp kể lại người của ông, đơn vị của ông chiến đấu rất dày dạn và cực kỳ trung thành với cách mạng. Dù sao trong hai trận đánh đầu tiên đó có vẻ như việc chuẩn bị chưa được hoàn hảo. Những tên ngoan cố chống cự đều bị tiêu diệt ngay.

Súng ống, đạn dược bị tịch thu được trang bị luôn cho đội viên quân giải phóng. Những lính người Việt trong đồn ra hàng, được giải thích chính sách cách mạng và thả ngay cho về bởi lúc đó quân cách mạng ít người lại lưu động luôn không có điều kiện giam giữ tù binh. Phải có nhân mối ở trong đồn từ trước, trận đánh mới có thể đem lại thắng lợi giòn giã như vậy.

Đây là cách tốt nhất để quần chúng biết đến hoạt động của đội giải phóng quân là như thế nào. Đánh thắng ngay trận đầu ra quân khiến quần chúng vô cùng phấn chấn. Võ Nguyên Giáp sung sướng reo lên: "Chúng ta là những người lính cách mạng vô địch: một ngày một bữa cơm nhạt, hai trận thắng!"

Để đánh lạc hướng, không bị địch theo dõi, Võ Nguyên Giáp dẫn quân tiến lên phía bắc, tung tin giả bộ đội Việt Minh sắp tấn công Đồng Mu là một xã biên giới, cách Cao Bằng 50 km về phía tây bắc. Đó là mưu kế đầu tiên mà sau này ông còn áp dụng để đánh lại người Pháp. Khi Võ Nguyên Giáp tính rằng Pháp đã suy ra mục tiêu tấn công sắp tới của quân giải phóng thì ông cho quân dừng lại ở tại căn cứ Thiện Thuật và nghỉ ăn Tết 1945 tại đây. Tin thắng trận lan đi rất nhanh. Khi đội quân của Võ Nguyên Giáp đi về phía Thiện Thuật thì đồng bào ở ngay những thôn bản gần đồn địch cũng đốt đuốc, giương cao hoan nghênh quân giải phóng. Một số đồng bào còn dọn sẵn cỗ ngày Tết hai bên đường để đón chào bộ đội đi qua.

Tại căn cứ Thiện Thuật, Võ Nguyên Giáp phát triển đơn vị đến cỡ đại đội và bổ sung thêm những người từ các nơi xa đến xin gia nhập quân giải phóng. Đồng bào tại đây còn ủng hộ trâu bò lợn gà, bánh trái để làm lương thực cho bộ đội. Bây giờ Võ Nguyên Giáp đã bắt đầu nghĩ đến việc huấn luyện quân đội. Các hang động ở Cao Bằng là nơi đặt tổng hành dinh đầu tiên. Tại đây Võ Nguyên Giáp và khoảng bốn 40 cán bộ Việt Minh và 500 tự vệ miền núi say sưa nghiên cứu cách thức xây dựng lực lượng vũ trang. Võ Nguyên Giáp suy nghĩ, viết huấn lệnh, dự thảo phương án và kế hoạch phát triển. Ngoài ra, ông còn tiếp tục tìm hiểu những tri thức về chiến lược, chiến thuật quân sự và các mặt công tác tuyển mộ tân binh, đào tạo, huấn luyện, hậu cần và thu nhận vật tư chiến tranh.

Ngay từ đầu Võ Nguyên Giáp hiểu rằng chỉ tổ chức đơn vị chủ lực thôi thì không đủ. Phải có hai thứ quân nữa làm lực lượng hỗ trợ và phối hợp hoạt động với nhau. Đó là lực lượng vũ trang ở huyện, ở tỉnh và lực lượng tự vệ ở xã. Lực lượng vũ trang cấp huyện tổ chức thành đại đội 85 người, ở tỉnh thành tiểu đoàn 300 người sẽ yểm trợ đội tuyên truyền giải phóng và sẽ tạo thành các đơn vị địa phương. Một khi được trang bị đầy đủ, những lực lượng

này dụ quân Pháp vào những trận địa mai phục để quân chủ lực tiêu diệt. Lực lượng địa phương cũng có thể tiến hành phá hoại gây khiếp sợ cho địch, đánh quấy rối địch ăn không ngon, ngủ không yên tại các đồn tiền tiêu hoặc phải hao mòn lực lượng chia quân đi bảo vệ, làm nghi binh đánh lạc hướng để chủ lực đánh các trận lớn hơn.

Còn lực lượng tự vệ ở cấp xã tổ chức thành những trung đội 30 người lấy từ quần chúng giác ngộ ở cơ sở tạo nên cơ sở thật sự cho "chiến tranh toàn dân". Hoạt động trong phạm vi thôn xóm, các đơn vị dân quân này dành một phần thời gian tổ chức các trạm canh gác trong xóm, đánh tiêu hao các đội tuần tra của địch, chuẩn bị các công trình phòng thủ địa phương như gài, chôn mìn, rải chông, đào hào giao thông, hố chiến đấu và các cạm bẫy gác để đánh địch khi chúng càn vào làng. Đó chính là lực lượng dự trữ, sẵn sàng bổ sung quân số cho lực lượng địa phương cấp huyện và tỉnh hoặc cho các đơn vị chủ lực được tổ chức, trang bị tốt và trình độ tác chiến cao hơn. Với thời gian, ngay cả một thanh niên mới gia nhập tự vệ ở thôn, xã hiểu rằng rồi đây anh ta có thể trở thành lính chủ lực tương tự như một nhà văn đã miêu tả: "kiến thợ nuôi kiến chiến".

Phần lớn nguồn "dự trữ" đó ở mọi cấp tổ chức vũ trang của Võ Nguyên Giáp đều được học chính trị để nâng cao trình độ giác ngộ chính trị. Ngay từ đầu Võ Nguyên Giáp tin rằng người lính cần phải hy sinh tất cả cho sự nghiệp cách mạng. Chỉ như vậy họ mới chấp nhận chiến đấu và đủ quyết tâm hy sinh. Chỉ có sự trung thành đến cao độ mới tạo cho họ sức mạnh vượt qua những ngày chiến đấu gian khổ chống một kẻ thù mạnh hơn nhiều lần về trang bị kỹ thuật. Nếu chỉ có luyện tập quân sự đơn thuần thì không đủ để tạo nên cách ửng xử cao cả như thế. Vì vậy, Võ Nguyên Giáp dành hai phần ba thời gian huấn luyện bộ đội vào việc giáo dục chính trị.

Võ Nguyên Giáp phải nhanh chóng hạ bớt yêu cầu để phù hợp với khả năng tiếp thu của bộ đội. Lần đầu tiên khi ra lệnh cho bộ đội xếp hàng đi đều bước, ông đọc bằng tiếng Pháp un, deux, un, deux… Rất nhiều người nhìn ông tỏ vẻ ngạc nhiên không hiểu ông nói gì. Ngay lập tức ông nhận ra và hô lại bằng tiếng Việt: một, hai, một, hai. Bằng nhiều cách, Võ Nguyên Giáp huấn luyện quân đội theo một cách riêng, phù hợp với trình độ tiếp thu và yêu cầu của từng giai đoạn. Khi một người mới được đề bạt lên vị trí cao hơn, anh ta được dạy cho một vài động tác bổ sung hay những kiến thức thích hợp với trọng trách mới. Anh ta phải luyện tập cho đến khi ngấm vào người để có thể thực hiện một cách thuần thục.

Năm tháng trôi qua và cuộc chiến đấu chống Pháp vẫn tiếp tục. Những

ai còn sống đều lên chức một cách gần như đều đặn vì những cán bộ hy sinh phải được thay thế hoặc bổ sung để chỉ huy các đơn vị mới thành lập. Sau một trận đánh, tất cả những người còn sống đều phải trải qua các lớp quân sự và chính trị, học tập đúc rút kinh nghiệm thành những bài học để nâng cao trình độ. Những người có triển vọng đều được đề bạt lên cấp bậc cao hơn, trách nhiệm nặng nề hơn và họ phải được luôn luôn hoàn thiện. Vì thế, ngay những người bình thường nhất cũng có thể trở thành những người lãnh đạo. Có những đại tá mới chỉ biết đọc, biết viết ít nhiều nhưng hiểu rõ hoàn toàn công việc được giao và biết đối phó với mọi tình huống trên chiến trường.

Võ Nguyên Giáp không cho phép có một sự yếu kém nào. Mỗi người phải thừa nhận khuyết điểm, thiếu sót của mình, phải tỏ thái độ hối cải và hứa hẹn làm tốt hơn. Những ai không làm như thế hoặc không thể làm được sẽ bị trừng phạt trả về đơn vị, đưa đi học các lớp cải tạo hoặc nếu không có cách nào khác có thể bị xử tử.

Võ Nguyên Giáp kết hợp hoạt động của ba thứ quân nói trên và một mình ông nắm quyền chỉ huy thống nhất. Trong một thời gian dài, Võ Nguyên Giáp quan tâm trước hết đến việc huấn luyện cụ thể cho bộ đội biết vận dụng chiến thuật xung phong trong một trận đánh, biết cách di chuyển qua mọi địa hình rồi dần dần chuyển sang học chiến lược, biết tiến hành chiến tranh kết hợp với mục đích chính trị như thế nào. Cần phải có thời gian để có thể nghiêm chỉnh tổng kết thực tiễn chiến đấu nâng lên thành lý luận, nhưng đó là công việc sẽ phải làm ngày này sang ngày khác và những lý luận đó sẽ có tiếng vang mạnh mẽ đối với tiến trình các cuộc chiến tranh hiện đại ở nhiều vùng trên thế giới.

Trong một thời gian, hoạt động của Việt Minh có vai trò tích cực, đóng góp cho nỗ lực trong chiến tranh của Đồng minh. Từ năm 1942, bằng nhiều con đường khác nhau, Việt Minh đã cung cấp những tin tức quý báu cho cơ quan tình báo Đồng minh, nhóm GBT hoạt động trong nội địa Đông Dương dưới ách chiếm đóng của Nhật. Ba chữ GBT là chữ đầu ghép lại mang tên những người lãnh đạo cơ quan tình báo đó là: Gordon, Bernard và Tan.

Laurence Gordon là một người gốc Canada hoạt động lâu năm trong ngành khai thác dầu lửa, đã từng ở Ai Cập, Trung Quốc và Madagascar. Khi chiến tranh nổ ra năm 1939, Laurence Gordon là đại diện cho hãng dầu Cal-Texaco của Mỹ ở Hải Phòng, đã rời khỏi Đông Dương trở về California. Trùm gián điệp của Anh là William Stephenson đã bắt mối với Gordon và tuyển dụng ông ta làm nhân viên, phong chức đại tá và cho trở lại Đông Dương hoạt động dưới cái vỏ là doanh nhân kinh doanh dầu lửa độc lập.

Gordon móc nối với các cơ sở làm ăn của Cal-Texaco, đi lại giữa Hà Nội - Sài Gòn như cơm bữa. Chẳng bao lâu, ông ta móc nối được với Frank Tan, một người Trung Quốc mang quốc tịch Mỹ sinh ở bang Massachusetts, tốt nghiệp Trường Boston Latin School. Ngoài ra còn có Harry V. Bernard, một người Mỹ khác, trước đây cũng là nhân viên hãng dầu lửa Cal-Texaco ở Sài Gòn.

Nhóm bộ ba GBT tổ chức một mạng lưới đặc vụ quốc tế có cơ sở toàn Đông Dương, vừa thu lượm tin tức tình báo cho Chính phủ Quốc dân Đảng của Tưởng Giới Thạch, vừa cho phi đội Hổ bay thuộc Không đoàn 14 của tướng Mỹ Claire Chennault đóng căn cứ ở Côn Minh và không loại trừ với cả lực lượng 136 của Anh đóng ở Kandy thuộc Tích Lan (nay là Sri Lanka). Năm 1944, nhóm GBT gửi về Trung Quốc một bản báo cáo nói rằng có một trung úy phi công Mỹ tên là Shaw đã nhảy dù xuống miền núi rừng phía bắc do Việt Minh kiểm soát. Anh ta được một nhóm du kích của Võ Nguyên Giáp cứu thoát. Bản báo cáo nói rõ chính một người Việt Nam có tên là Hu Tze-ming [đúng ra là Hồ Chí Minh] đã ra lệnh cứu Shaw. Cuối cùng Shaw đã được đưa đến một đại bản doanh của Hồ Chí Minh ở Pắc Bó và trong một chuyến đi Trung Quốc cuối năm 1944, chính Hồ Chí Minh đã đưa Shaw sang Trung Quốc để giao cho lực lượng Mỹ[4].

Người phụ trách Cơ quan Tình báo Chiến lược Hoa Kỳ (Office of Strategic Service - OSS) ở Côn Minh (Trung Quốc), nơi nhận được bản báo cáo của nhóm GBT, đã tỏ ra rất quan tâm đến các tin tức có liên quan đến các phi công Mỹ nhảy dù xuống miền bắc sau khi máy bay của họ bị lực lượng phòng không Nhật Bản bắn hạ. Văn phòng OSS có một tập hồ sơ nói về hoạt động từ những năm 1940 của các tổ chức cách mạng sau này là Việt Minh. Đó là lần đầu tiên trong tài liệu của Mỹ có nói đến tên Hồ Chí Minh. Ngày 31/12/1942, Clarence E. Gauss - Đại sứ Mỹ tại Trung Quốc - báo cáo rằng người Trung Quốc đang giam giữ ở Liễu Châu trong tỉnh Quảng Tây từ ngày 2/12 “một người An Nam tên là Ho Chih-chi (?)”. Báo cáo của OSS cho biết trước đây người ta vẫn thỉnh thoảng gặp Hồ Chí Minh ở Côn Minh tại đại bản doanh của cơ quan tình báo chiến trường.

Nhân viên đầu tiên của OSS ở Côn Minh mà Hồ Chí Minh tiếp xúc là trung tá Paul L. E. Helliwell, giám đốc đặc vụ. Để tỏ lòng tôn trọng, Helliwell đã tặng Hồ Chí Minh sáu khẩu súng lục cỡ 38 và hai vạn viên đạn. Có ấn tượng rõ rệt về một người châu Á nhiệt tình sôi sục, Helliwell gửi một báo cáo lên cấp trên cho phép mình được tiếp xúc với Hồ Chí Minh nhiều hơn để tăng cường sự hợp tác, giúp đỡ.

Trong một lần đến Côn Minh ngày 17/3/1945, Hồ Chí Minh gặp Charles Fenn. Là phóng viên chiến tranh của Mỹ ở Trung Quốc, Fenn được OSS tuyển dụng và sau đó tham gia một lớp huấn luyện sĩ quan hải quân và nhận nhiệm vụ quay lại Trung Quốc, là trung úy biệt phái sang OSS. Ngoài ra, Fenn còn có nhiều nhiệm vụ khác trong đó có việc liên hệ với nhóm GBT ở Việt Nam. Trong một buổi trò chuyện với Hồ Chí Minh, Fenn hiểu rằng trước mắt mình là một người cần được hợp tác để làm việc góp phần vào nỗ lực chiến tranh. Vì vậy, khi Hồ Chí Minh hỏi có thể gặp tướng Claire Chennault không, Fenn nhận lời ngay. Bất kể là chuyện đó tốt hay xấu, Fenn chính là người đã "giới thiệu" Hồ Chí Minh với OSS. Ngày 29/3/1945 Hồ Chí Minh và tướng Chennault - Tư lệnh không đoàn 14 - gặp nhau.

Chennault cảm ơn Hồ Chí Minh đã cứu thoát trung úy phi công Shaw. Hồ Chí Minh trả lời ông rất sung sướng được giúp đỡ người Mỹ và đặc biệt là tướng Chennault mà ông tỏ lòng rất kính phục. Trong chốc lát hai người nói đến Phi đội Hổ bay dưới quyền tướng Chennault được thành lập với những tình nguyện viên người Mỹ từ đầu chiến tranh để hỗ trợ chính phủ Quốc dân Đảng của Tưởng Giới Thạch nhằm đánh bại ưu thế không lực của Nhật. Chennault rất hài lòng thấy một "ông già" An Nam (Hồ Chí Minh lúc đó 54 tuổi) biết đến phi đội máy bay đó. Không ai trong những người có mặt trong buổi trò chuyện đó đả động đến người Pháp, cũng không ai nói đến chính trị. Rồi Hồ Chí Minh hỏi: "Ngài có cái ảnh chân dung nào trong túi không?". Chennault lấy ra trong túi áo sơ mi ảnh chân dung in trên giấy bóng. Hồ Chí Minh chọn một chiếc và yêu cầu tướng Chennault ghi lời đề tặng. Chennault ghi bằng dòng chữ rất khó đọc: "Thân ái. Claire L. Chennault". Hồ Chí Minh cầm lấy ảnh và từ biệt.

Hồ Chí Minh rất hài lòng, ông có trong tay một kho vàng: chứng cớ xác thực và có thể đưa ra để chứng tỏ cho bất cứ ai nghi ngờ về việc được Mỹ ủng hộ. Chẳng bao lâu Hồ Chí Minh sẽ nhận được sự giúp đỡ cụ thể.

Tướng Pháp Eugène Mordant chỉ huy lực lượng Pháp ở Đông Dương từ năm 1940. Năm 1942, ông bỏ sang hàng ngũ người Pháp tự do của tướng De Gaulle nhưng vẫn được giao nhiệm vụ ở lại Đông Dương để chỉ huy quân Pháp ở đây và chuẩn bị đón quân Đồng minh đổ bộ. Mordant không phải là con người kín đáo, nên chẳng bao lâu người Nhật đã phát hiện ra và nắm được kế hoạch của ông. Họ kiểm soát chặt chẽ những hoạt động của ông. Tháng 8/1944, De Gaulle bổ nhiệm Mordant làm Tổng đại diện ở Đông Dương và Toàn quyền Decoux thấy rõ mình bị tước bỏ mọi quyền hành thực tế.

Người Nhật tổ chức lại lực lượng thống trị để bám giữ pháo đài của mình ở Đông Dương. Họ thay quân đồn trú ở các trại lính Nhật có mặt khắp nơi bằng những lực lượng ưu tú của quân đoàn 38 quân đội Hoàng gia do trung tướng Yuitsu Tsuchihashi chỉ huy. Từ tháng 12/1944 Yuitsu đã yêu cầu được phép hành động chống lại Mordant và các lực lượng Pháp ở Việt Nam. Cấp trên trả lời chưa đến lúc phải hành động.

Trong tháng 1 và tháng 2/1945, Mordant ra lệnh cho quân Pháp rời khỏi doanh trại và điều động họ lên vùng rừng núi phía bắc Bắc Kỳ. Ông cho rằng, trong trường hợp Nhật tấn công, quân Pháp sẽ không mắc bẫy, ở miền núi có thể tổ chức du kích đánh Nhật. Thêm nữa, Mordant còn làm người Nhật tức giận vì không chịu giao cho Nhật chín phi công Mỹ bị bắn rơi và có lẽ đang trong tay người Pháp. Mordant cũng trù tính một cuộc hành quân chống lại du kích Việt Minh bắt đầu từ ngày 10/3.

Người Nhật không chờ được nữa. Ngày 9/3 quân Nhật tước bỏ mọi quyền hành của Pháp, bắt giam các quan chức dân sự và quân sự của Pháp trong đó có cả tướng Mordant. Những người có cảm tình với De Gaulle đều bị lùng bắt và thẩm vấn. Nhiều sĩ quan và đơn vị quân đội bị tước vũ khí. Thật là trớ trêu của lịch sử, Pháp bị cầm tù tại chính thuộc địa của họ. Khoảng 12.000 quân Pháp đang hành quân dã chiến ở vùng rừng núi phía bắc cố gắng kháng cự gần Lạng Sơn và Đồng Đăng không xa biên giới Trung Quốc. Thừa quân nhưng thiếu đạn, cuối cùng hàng trăm quân Pháp đầu hàng và bị quân Nhật tàn sát hàng loạt. Những người sống sót liều lĩnh rút lui lên phía bắc và vượt biên chạy sang lãnh thổ Trung Quốc để thoát thân. Cuộc đảo chính ngắn ngủi này đã đảo lộn tình hình ở Việt Nam. Đế quốc Pháp già cỗi ở tuổi 80 chỉ một đêm là sụp đổ hoàn toàn, đồng thời cũng mãi mãi bị chôn vùi ý tưởng cho tới hôm đó vẫn còn bám sâu trong tâm trí người Việt cho rằng sức mạnh toàn năng của nước Pháp không bao giờ có thể bị đánh bại.

Không bỏ lỡ một cơ hội quá sức mong đợi, Vua Bảo Đại hành động nhanh chóng. Ngày 11/3/1945, hai ngày sau đảo chính, và cũng theo gợi ý của người Nhật, Bảo Đại tuyên bố bãi bỏ Hiệp ước bảo hộ năm 1884, tuyên bố Vương quốc An Nam từ nay hoàn toàn độc lập. Trong nhiều năm qua, Nhật Bản đã ra sức tuyên truyền về khối thịnh vượng chung Đại Đông Á dưới sự bảo trợ của Nhật Bản, với khẩu hiệu: “Châu Á là của người châu Á”. Nhưng việc người Nhật khăng khăng từ chối trao trả cho Bảo Đại nền độc lập hoàn toàn của Việt Nam chỉ làm cho thanh thế của Việt Minh thêm mạnh từ sau cuộc đảo chính và ngày càng phát triển nhanh chóng.

Tuy nhiên, thái độ của Bảo Đại là một bất ngờ đối với Hồ Chí Minh và Việt Minh vì họ muốn ở Việt Nam không còn lực lượng nào khác ngoài Việt Minh có thể tập hợp được những người yêu nước. Họ ấp ủ một kế hoạch để thương lượng với Bảo Đại khi có thời cơ thích hợp.

Ủy ban Quân sự của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản quyết định triệu tập một hội nghị quân sự ở Bắc Giang từ ngày 15 đến 20/4/1945. Võ Nguyên Giáp rất nóng lòng mong đến cuộc họp. Đó sẽ là một dịp gặp lại đồng chí trao đổi tin tức, hoàn chỉnh các kế hoạch quân sự. Ông đi bộ đến Bắc Giang, mặc quần áo cổ truyền: áo the đen, quần trắng, nón chóp. Lần đầu tiên trong 5 năm qua ông mới lại có dịp trở về xuôi, về phía đồng bằng sông Hồng.

Quang cảnh ruộng đồng ngập nước hiện ra trước mắt ngày càng nhiều khiến ông thích thú. Mỗi lần qua một thôn xóm, thấy những rặng tre ken dày đặc, Võ Nguyên Giáp càng thấy phấn chấn. Đồng ruộng và lũy tre làm ông nhớ về làng quê trong những ngày yên vui, hòa bình. Ông tự hỏi người vợ yêu quý Quang Thái và con gái Hồng Anh bây giờ ra sao? Ông viết: "Lúc đó mong muốn sẽ nhận được tin tức về gia đình tôi mà suốt mấy năm qua không hề có tin tức. Tôi đã gửi nhiều thư nhưng không biết thư có đến nơi không? Và tôi tưởng tượng ra sẽ sớm nhận được tin tức của gia đình".

Tại Bắc Giang, Võ Nguyên Giáp gặp lại người bạn cũ là Trường Chinh. "Khi tôi gặp lại Trường Chinh cùng các đồng chí khác, một niềm vui khôn xiết tràn ngập trong lòng. Tuy nhiên, những ngày cực kỳ cam go đang chờ chúng tôi". Trong lúc Võ Nguyên Giáp lắng nghe các đồng chí khác kể lại họ đã phải đối phó với các đợt khủng bố gắt gao của địch như thế nào để có thể di chuyển không ngừng từ điểm này sang điểm khác thì Trường Chinh vô tình quay đầu, gợi lại những chuyện của vợ ông như để chứng minh những ngày nguy hiểm đã qua:

- Thái bị bắt mà không kịp tìm được ai để gửi bé Hồng Anh. Thái đã hy sinh trong tù trước khi người ta có thể làm được gì…

Nghe xong, Võ Nguyên Giáp lạnh toát người, sững sờ trong giây lát, tim đập tưởng như muốn vỡ ra, cuối cùng ông hỏi:

- Thế nào, anh nói là Thái đã hy sinh?

Trường Chinh hỏi lại:

- Sao? Thế anh chưa biết ư?

Trường Chinh không ngờ Võ Nguyên Giáp không nhận được tin tức gì về gia đình suốt mấy năm qua, ông cũng rút vào bí mật từ khi hai người rời khỏi Hà Nội.

Võ Nguyên Giáp lặng đi, không nói không rằng. Ông lặng lẽ đứng dậy đi ra một góc, tìm một giây phút yên tĩnh để có thể tạm nguôi đi nỗi đau xé lòng. Nhưng không phải lúc để ngậm ngùi với nỗi đau. Ông nhớ lại: "Đó là lúc phải lập kế hoạch hoạt động quân sự trong thời gian trước mắt. Thời cơ khởi nghĩa đã đến gần". Võ Nguyên Giáp lấy lại bình tĩnh, trở lại cuộc họp để bàn công việc.

Từ bây giờ người Nhật đã kiểm soát tình hình ở Việt Nam, nhưng họ không có một cơ cấu nào đủ sức thay thế lực lượng an ninh và tình báo của người Pháp đã bị phá vỡ. Họ chỉ đủ khả năng kiểm soát các thành phố và các đường giao thông của Việt Nam. Nhật không kiểm soát được các vùng nông thôn nên đã rơi vào tay Việt Minh. Nhanh chóng lợi dụng tình hình này Việt Minh mở rộng hàng ngũ, tuyển tân binh, làm công tác tổ chức chính trị và quân sự. Nhiều đơn vị Việt Minh mới thành lập tiếp tục phong trào Nam tiến. Võ Nguyên Giáp lần lượt thành lập khoảng 15 đến 20 đơn vị trong đội giải phóng quân.

Tại một nơi tuyển quân có tới 3.000 thanh niên ghi tên đầu quân. Những người yêu nước treo cao cờ đỏ sao vàng ngày càng nhiều trong các xóm làng. Những người táo bạo nhất còn tước vũ khí lính Pháp khi chúng rút chạy. Trên thực tế, các ủy ban cách mạng của Việt Minh đã đóng vai trò của chính phủ lâm thời trong vùng mình kiểm soát và người Nhật không đủ quân số để thay thế quân đồn trú ở các thành phố hay phái về các vùng nông thôn rừng núi để đàn áp phong trào cách mạng.

Từ ngày 15 đến ngày 20/4/1945, Trường Chinh chủ trì hội nghị quân sự cách mạng Bắc Kỳ, có đông đủ đại biểu các tổ chức vũ trang đến từ khắp nơi trong nước, quyết định thống nhất các lực lượng vũ trang và đặt dưới sự chỉ huy duy nhất. Đầu tháng 5/1945 Việt Minh đã làm chủ một vùng giải phóng gồm các tỉnh Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Hà Giang, Tuyên Quang, Yên Bái, Phú Thọ, Phúc Yên và một phần tỉnh Bắc Giang và Vĩnh Yên. Ngày 15/5/1945, Giải phóng quân chính thức tuyên bố thành lập[5] trong một cuộc họp tại đình Định Biên Thượng huyện Chợ Chu tỉnh Thái Nguyên. Tin Giải phóng quân ra đời truyền đi như vết dầu loang trên mặt nước, khắp các miền ở Bắc Kỳ từ Hà Nội đến Cao Bằng từ nay được coi như khu giải phóng. Do đó, ngày 4/6, trong một cuộc mít tinh tại Kim Long đã được đổi tên thành xã Tân Trào, Việt Minh đã tuyên bố đây là vùng giải

phóng. Tân Trào sẽ trở thành thủ đô của khu giải phóng và việc cai quản trong khu sẽ đặt dưới trách nhiệm của một ủy ban chấp hành lâm thời gồm 5 người. Trong cuộc mít tinh ấy, Võ Nguyên Giáp được chỉ định làm thành viên của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương.

Ban lãnh đạo Việt Minh nhận định quân Nhật đầu hàng Đồng minh sẽ mở ra thời cơ mới cho cách mạng Việt Nam. Ngày 4/7/1945, Võ Nguyên Giáp phái một đơn vị du kích tấn công trại Nhật trên khu nghỉ mát Tam Đảo ở độ cao 1.200 m, phía tây bắc đồng bằng sông Hồng. Quân Nhật còn giam giữ một số thường dân Pháp ở đây. Đội du kích Việt Minh nhanh chóng hạ đồn Tam Đảo, phá trại tập trung và giải phóng các thường dân Pháp bị giam giữ tại đây.

Cuộc đảo chính của Nhật ngày 9/3/1945, lật đổ chính quyền Pháp ở Đông Dương làm ngưng trệ việc cung cấp tin tức tình báo của Việt Minh cho nhóm OSS ở Côn Minh, Trung Quốc. Người của OSS tìm mọi cách liên lạc với Hồ Chí Minh để chỉnh lý các phương tiện thu thập tin tức tình báo. Frankie Tan, người của GBT lúc đó đang ở Côn Minh, giục giã Hồ Chí Minh thỏa thuận với OSS một việc mà Hồ Chí Minh cũng đang trù tính, xin phép Hồ Chí Minh cho một đơn vị của OSS đến khu giải phóng của Việt Minh để cộng tác với cán bộ của ông trong việc tập hợp tin tức về người Nhật, khôi phục và phát triển các mạng lưới tình báo hiện đang tháo chạy tán loạn do các cuộc truy đuổi của người Nhật. Ngày 30/6 thiếu tá Archimedes Patti của OSS nhận được sự đồng ý của Hồ Chí Minh nói rằng ông sẽ tiếp nhận một đơn vị của OSS và sẽ thu thập tin tức về hoạt động của quân Nhật ở Đông Dương. Ít lâu sau Charles Fenn tổ chức một chuyến bay đưa Hồ Chí Minh và Frankie Tan từ Côn Minh đến một thành phố miền Nam Trung Quốc gần biên giới rồi từ đó Tan và Hồ Chí Minh được một lực lượng tự vệ bảo vệ và dẫn họ về Pắc Pó, rồi trở về Tân Trào.

Tuy nhiên, đơn vị OSS của Patti không phải là đội đầu tiên đến trại huấn luyện của Hồ Chí Minh trong rừng rậm miền Bắc Việt Nam. Trước đó, một người Mỹ đã có mặt trong trại quân của Việt Minh tại khu giải phóng Việt Bắc. Đó là trung úy Dan Phelan - sĩ quan của đơn vị không trợ mặt đất (AGAS) thuộc Không đoàn 14 dưới quyền chỉ huy của tướng Chennault. Frankie Tan đến gặp Phelan và giới thiệu Phelan với Hồ Chí Minh, Võ Nguyên Giáp. Phelan kể lại: "Hồ Chí Minh luôn luôn hỏi tôi có nhớ lời bản *Tuyên ngôn độc lập* của nước Mỹ năm 1776 không? Tôi trả lời: không. Tôi chỉ là một người Mỹ bình thường. Tôi không nhớ, nhưng tôi có thể điện về Côn Minh để họ gửi cho tôi một bản. Nhưng tất nhiên đó chỉ là câu chuyện xã giao. Càng nói chuyện tôi càng thấy rõ Hồ Chí Minh hiểu *Tuyên ngôn độc*

lập năm 1776 hơn tôi nhiều."

Đến ngày 16/7 đơn vị của Patti mang mật danh đội *Con Nai* mới nhảy dù xuống gần một làng không xa Kim Long cách Tuyên Quang 32 km. Toán đầu tiên do thiếu tá Allison Kent Thomas chỉ huy nhảy trước. Từ tháng 5, Thomas đã có ý định vượt biên giới đường bộ để xâm nhập khu vực Việt Minh nhưng không thành công vì không tìm thấy người dẫn đường. Bây giờ anh ta cùng với hai đồng đội nữa, binh nhất Henry Prunier, phiên dịch và thượng sĩ William Zielski, phụ trách điện đài, nhảy dù xuống vùng rừng rậm bên dưới họ.

---

[1] Hoàng Sâm (1915 - 1968), tên thật là Trần Văn Kỳ, người làng Lệ Sơn, Tuyên Hóa, Quảng Bình (BT).

[2] Xích Thắng (1915 - 1979), tên thật là Dương Mạc Thạch, quê ở Gia Bằng nay là xã Minh Tâm, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng (BT).

[3] Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân được thành lập tại khu rừng Trần Hưng Đạo, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng (BT).

[4] Trên đường đi Côn Minh, tên tư lệnh cảnh sát biên phòng của Tưởng Giới Thạch là Trần Bảo Xương đã yêu cầu Hồ Chí Minh giao Shaw cho hắn để đưa về Côn Minh (xem thêm *Hồi ký Phùng Thế Tài: Người đầu tiên bảo vệ Bác*, Nxb. Quân đội nhân dân, 2001) (ND).

[5] Ngày 15/5/1945, Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân sáp nhập với lực lượng Cứu quốc quân và đổi tên thành Giải phóng quân (BT).

“Hoan nghênh các bạn người Mỹ”

Trong lúc thiếu tá Allison Kent Thomas, Đội trưởng đội Con Nai của OSS đang lơ lửng dưới cánh dù, ông đã nhìn thấy rừng già, mỗi lúc một xô dần đến như chộp lấy ông. Ông kéo mạnh dây dù mong lái sang phía cách đồng trống để hạ dần độ cao trước khi tiếp đất. Không có kết quả. Dù vẫn rơi xuống đám cây rậm rạp. Ông đành để treo mình trên cành cây cao khoảng hơn chục mét cách mặt đất. Hai đồng đội của ông may mắn hơn. Họ tiếp đất không chút khó khăn. Binh nhất Prunier và thượng sĩ Zielski từ dưới đất nhìn lên ông, rồi Zielski nói vọng lên: “Thiếu tá, không có đủ ba mươi sáu việc để làm đâu! Kéo mạnh dù dự phòng đi!”. Thomas lấy tay sờ vào cái vòng tròn ở vùng bụng nhưng không may nó trượt khỏi cái vỏ bằng vải và chiếc dù dự bị chưa kịp mở ra đã rơi xuống đất. Ông loay hoay tự gỡ khỏi dù chính, buộc dây dù của chiếc dù phụ vào cành cây và trượt dần xuống đất. Lúc đó khoảng sau 6 giờ tối ngày 16/7/1945. Quân Mỹ đã đặt chân đến Đông Dương.

Một đám đông người đã tập hợp để đón ông. Thomas nhận ra trung úy Dan Phelan của cơ quan Không trợ mặt đất AGAS đã nhảy dù từ trước đó mấy tuần đứng lẫn trong đám người lố nhố mà ông ước chừng khoảng hai trăm người. Rồi một người có nét châu Á lại gần thiếu tá Thomas và nói với ông bằng tiếng Anh hoàn hảo: “Chào ông, ông mạnh khỏe chứ? Chúng tôi đón ông đây”. Đó là Frankie Tan, người của nhóm tình báo Anh - Mỹ GBT đang hoạt động bí mật ở Đông Dương. Cách đây hơn ba tháng F. Tan đã đi với Hồ Chí Minh từ Trung Quốc về đây.

Tan, Phelan dẫn Thomas đến chỗ ở bên sườn núi. Đó là một căn nhà bằng tre lợp lá cọ trong đó có sẵn một sạp nứa cao hơn mặt đất vài chục phân làm giường. Bước vào nhà ông đi qua một vòm lá trên đó treo khẩu hiệu có dòng chữ: “Hoan nghênh các bạn người Mỹ!”

Thomas, Zielski và Prunier được giới thiệu với Hồ Chí Minh: “Mr. C. M. Hoo”. Họ được tiếp đón rất nồng nhiệt. Bị sốt rét, kiết lỵ và cũng có thể thêm bệnh nhiệt đới Đenghơ, Hồ Chí Minh vừa cùng với Tan đi bộ một chuyến dài ngày từ Trung Quốc về. Đêm đầu tiên, toán Con Nai được thết đãi thịnh soạn có cơm ăn với măng tre, thịt bò rán và bia Hà Nội, chiến lợi phẩm sau một trận phục kích một đoàn xe Nhật. Nằm trên sạp nứa trong căn lán, Thomas có cảm tưởng như sống lại những đêm cắm trại giữa rừng khi còn hoạt động hướng đạo sinh. Nhưng ông còn nghĩ đến nhiệm vụ phải hoàn

thành.

Người ta giao cho Thomas tổ chức một đội du kích độ 50 đến 100 người. Vũ khí trang bị là những khẩu tiểu liên, súng lục và chất nổ chứa trong chiếc hòm nhỏ được thả dù cùng với ông. Toán du kích này được huấn luyện xong có nhiệm vụ tấn công các đoàn xe lửa chở lính và vật liệu chiến tranh của Nhật từ Việt Nam về Trung Quốc và chặt đứt con đường xe lửa Hà Nội - Lạng Sơn. Đây là một hoạt động phối hợp nhằm yểm trợ cho *cuộc hành binh Carbonado* mà mục tiêu là ngăn cản sự di chuyển của lực lượng Nhật ở Việt Nam nhằm khóa chặt con đường vào Trung Quốc từ phía nam trong giả thuyết Mỹ sẽ nhảy dù xuống miền nam Trung Quốc để lập một căn cứ đầu cầu ở đây để đổ bộ lên đất Nhật. Nhiệm vụ thứ hai của Thomas là chỉ điểm các mục tiêu như các doanh trại, kho tàng quân sự của Nhật trên đất Đông Dương để máy bay Mỹ ném bom và gửi về bộ chỉ huy OSS ở Côn Minh mọi tin tức thu thập được về hoạt động của quân Nhật ở Đông Dương.

Phải đợi đến sáng hôm sau Thomas mới có thì giờ quan sát xung quanh. Trại quân của Việt Minh đặt trên sườn đồi trong khu rừng nứa đầu hẻm núi đi vào thôn Kim Long, chỉ cách lán của Hồ Chí Minh có vài mét. Xa xa ở phía tây có khu vực thả dù của OSS. Đó là một thung lũng bằng phẳng xung quanh có núi rừng bao phủ, trong đó có thôn Kim Long mà nay được Việt Minh đặt tên là Tân Trào. Tất cả mọi người nói chuyện với ông đều thể hiện tinh thần chống phát xít dù đó là quân Nhật hay quân Pháp. Khi trực tiếp nói chuyện với “Mr. Hoo”, Hồ Chí Minh nói rằng người mong có nhiều đội du kích được trang bị vũ khí tốt, sử dụng vũ khí mới thành thục và trong tương lai người sẽ gửi các đội du kích đó vào tận Sài Gòn. Thomas nói tiếng Anh với Hồ Chí Minh, còn nói tiếng Pháp với Võ Nguyên Giáp.

Hồ Chí Minh nói người có 3.000 người mang súng, tổ chức thành từng đội 15 đến 20 người. Nhưng Thomas nhìn thấy trong vùng chỉ có khoảng 200 du kích mang súng trường của Pháp, đặc biệt là đại liên Bren, tiểu liên Sten, súng liên thanh và cạc-bin. Qua điện đài Thomas yêu cầu đại bản doanh OSS ở Côn Minh gửi thêm súng liên thanh tự động, hai súng cối 60, bốn bazôca, tám đại liên Bren, 20 tiểu liên, 20 súng lục Colt 45 và một ít ống nhòm.

Số lượng vũ khí đó được đưa đến bằng ba chuyến dù cùng với vũ khí nhẹ do Việt Minh tự sản xuất trong các xưởng máy thô sơ trong rừng, quân đội của Võ Nguyên Giáp sẽ chẳng mấy chốc có trang thiết bị đầy đủ để gây ấn tượng với dân chúng. Võ Nguyên Giáp kể lại: “Nhìn đại đội đứng thẳng hàng khá ngay ngắn mang súng mới có lưỡi lê sáng loáng, chúng tôi tràn

ngập niềm tin và đầy phấn khởi". Ông muốn có càng nhiều người càng tốt tận mắt nhìn thấy những đơn vị được trang bị vũ khí mới. Ông viết: "Bất cứ nơi nào họ đến, đồng bào nhìn thấy cũng đều hoan hô chào mừng!"

Không quen với tiếng nói và những tế nhị chính trị của người châu Á, thiếu tá Thomas gửi về đại bản doanh ở Côn Minh những tin tức sai lạc về Việt Minh. Một phần cũng do phiên dịch Henry Prunier, với một nhúm tiếng Việt mới học, nên anh chàng này cũng chẳng giúp được bao nhiêu! Theo Thomas, "đó là một chàng trai dũng cảm hay giúp đỡ mọi người nhưng không phải là phiên dịch". Thomas hiểu biết rất ít về Việt Nam, về mục tiêu của phong trào Việt Minh còn Dan Phelan, Frankie Tan thì bảo đảm với Thomas rằng Hồ Chí Minh không phải là cộng sản. Theo đúng lời của Thomas: "Phelan gửi một thông điệp qua điện đài về AGAS nói rằng Hồ Chí Minh xứng đáng được tín nhiệm và cần ủng hộ ông. Tan cũng vậy, không ngớt lời ca tụng Hồ Chí Minh, nhưng không bao giờ ám chỉ rằng ông là một người cộng sản".

Tuy vậy, Thomas đã trông thấy một lá cờ đỏ phấp phới bay ở gần trụ sở chính của Việt Minh. Đến được mấy ngày, Thomas hỏi thẳng Hồ Chí Minh về màu sắc chính trị của ông như thế nào. Lịch sự, dứt khoát, Hồ Chí Minh trả lời Việt Minh bao gồm rất nhiều đảng phái chính trị. Trong những ngày đầu Thomas cố gắng tìm hiểu tình hình ở đây, dần dần ông biết và yêu quý nhiều cán bộ Việt Minh. Chính vì lý do đó, ông gửi tiếp một bức điện về Côn Minh nói rằng: đây là một nhóm không cộng sản, không bị cộng sản kiểm soát cũng không phải do cộng sản chỉ huy. Theo ông, "họ chỉ tìm kiếm tự do và những cải cách để thoát khỏi sự khắc nghiệt của người Pháp". Nguyện vọng độc lập của họ là điều không phải bàn cãi. Họ không giương cao ngọn cờ cộng sản mà chỉ muốn nói lên nguyện vọng chung của toàn thể nhân dân nước họ.

Từ 26 đến 30/7, theo một toán Việt Minh, Thomas đi trinh sát trong vùng hy vọng tìm được một chỗ bằng phẳng để những máy bay nhẹ như kiểu Piper L-5 có thể hạ và cất cánh được. Ông cũng muốn nhân dịp này quan sát hoạt động của Nhật trong khu vực. Cả hai việc đều đạt mục đích. Chẳng những ông tìm được chỗ có thể cải tạo thành đường băng mà chỉ cần lội qua khu vực đó, đi chừng một cây số là đến một đồn tiền tiêu của Nhật. Cứ mỗi bước đi gặp dân là ông được đón tiếp rất nồng hậu. Ông ghi lại trong nhật ký của mình: "Chúng tôi được uống cà phê pha rượu, được uống chè pha mật ong. Chuối, dứa, chanh tươi, trứng gà, vịt, bò lợn, nhiều loại rau, măng tre, xà lách, một thứ như khoai tây địa phương và ớt". Ông cũng được thử thứ nước chấm đặc biệt của người An Nam làm từ cá ướp gọi là *nước mắm,*

khiến ông có thể được xem như là quân nhân Mỹ đầu tiên được nếm thử thứ nước chấm "độc hại một cách ngon lành" đó. Ngày 30/7 ông quay về khá muộn nên ông và những người cùng đi phải đốt đuốc mới thấy đường mòn về trại.

Về đến nơi ông đã thấy những thành viên còn lại trong nhóm *Con Nai* đang đợi. Họ mới nhảy dù xuống hôm trước. Đội trưởng đội tăng cường là thiếu úy René Defourneaux cũng có mặt. Anh này sinh ở Pháp lấy tên Mỹ là Douglas. Biết Việt Minh ghét Pháp nhưng anh không thể che giấu hoàn toàn được giọng Pháp trong tiếng Mỹ của mình. Ngoài ra còn có trung sĩ nhất Lawrence Vogt, huấn luyện về vũ khí; trung sĩ Aaron Squires, nhiếp ảnh của đội và là người tài xoay xở và binh nhất quân y Paul Hoagland.

Thomas được biết rằng Hoagland đã thấy Hồ Chí Minh ốm khi mới đặt chân đến Kim Long. Ông bị sốt cao, người run cầm cập, do chưa kịp lấy lại sức trong chuyến đi bộ dài ngày qua rừng. Hoagland đã báo cáo với Defourneaux và kết luận rằng nhà lãnh đạo Việt Minh "không còn sống lâu trên cõi đời này nữa". Viên đội trưởng bèn ra lệnh cho Hoagland phải tìm mọi cách giúp Hồ Chí Minh chóng khỏi bệnh. Hoagland đã cho uống ký ninh chống sốt rét, thuốc kháng sinh suynphamit và các viên vitamin. Trong vài ngày, bệnh thuyên giảm rõ rệt, Hồ Chí Minh đã gượng dậy được và sắp khỏi. Chắc hẳn là nhờ vào sự chăm sóc của đội *Con Nai* người Mỹ.

Một sự kiện khác diễn ra khi Thomas trở về là lễ khánh thành ngôi đình của Việt Minh ở Kim Long (Tân Trào). Khá đông người tập hợp ở đó. Thomas và các thành viên của đội *Con Nai* đều có mặt. Người ta hát những bài của đảng, lắng nghe những bài diễn văn về độc lập và quyền được đi bỏ phiếu của phụ nữ. Có những vở kịch ngắn miêu tả cảnh người Nhật tàn phá đất nước và du kích mai phục đánh lùi các đội tuần tiễu của Nhật. Có những hoạt cảnh khác nói lên sự cần thiết phải giúp đỡ phi công Mỹ buộc phải nhảy dù khi máy bay bị Nhật bắn rơi. Thomas được biết có nhiều phụ nữ phục vụ trong Việt Minh. Ông viết trong nhật ký rằng ít nhất ông gặp hai phụ nữ mang súng. Người ta nói có một cô đã giết được một tên gián điệp. Thomas rất xúc động trước hành động như thế vì đối với ông, nhiều cô gái Việt Minh chỉ tầm tuổi các nữ sinh trung học 16, 17 tuổi ở đất nước ông.

Cùng với Võ Nguyên Giáp, Thomas miệt mài và nhẫn nại làm công việc huấn luyện bộ đội Việt Minh. Những ngày đầu tháng 8, Võ Nguyên Giáp tập hợp được 200 người, trong đó Thomas chọn 100 người tốt nhất. Đội *Con Nai* huấn luyện cấp tốc cho họ, sau đó họ lại ra đi để tổ chức các lớp huấn luyện mới. Ngày 7/8, Thomas và các thành viên trong đội cùng với

các học viên huấn luyện đầu tiên rời căn cứ, đến một địa điểm cách đó bốn cây số, ở đó đã có sẵn một trường huấn luyện quân sự của Việt Minh. Chiều hôm sau thiếu tá Thomas, Hồ Chí Minh và Võ Nguyên Giáp ngồi quanh chiếc bàn đặt trong lán của trung úy Dan Phelan để liên hoan mừng sinh nhật của Phelan. Thomas bị chai rượu hồi mê hoặc, anh ta cố uống cạn; khi pha thêm nước, rượu chuyển sang trắng như sữa.

Hôm sau, ngày 9/8 từ 5 giờ 30 phút sáng đến 5 giờ chiều, buổi hội thao diễn ra dưới sự theo dõi chăm chú của Võ Nguyên Giáp. Sáu ngày liên tiếp sau đó, trung sĩ huấn luyện Lawrence Vogt và các thành viên đội *Con Nai* dạy cho học viên Việt Minh biết cách bắn súng cạc-bin Mỹ M-1 và làm thế nào để sử dụng tốt nhất liên thanh nhẹ, súng cối, lựu đạn, biết bắn cạc-bin, bazôca và tiểu liên Thompson. Thomas ghi nhận rằng các học viên Việt Minh rất trẻ và trước đây họ ít được học cách sử dụng vũ khí.

Các đội viên đội *Con Nai* reo lên vô cùng vui mừng khi vào lúc 9 giờ sáng ngày 15/8, trung sĩ Zielski phụ trách điện đài bắt được sóng. Phát thanh viên báo tin các cuộc thương lượng buộc Nhật Bản phải đầu hàng hoàn toàn sắp đến hồi kết thúc. Thomas phát súng cho các học viên và nói có thể ngày hôm sau tất cả mọi người sẽ rời khỏi trại để lên đường làm nhiệm vụ. Thomas cùng Võ Nguyên Giáp sửa soạn rời khỏi căn lán để đi nhưng đúng lúc họ sắp lên đường thì Hồ Chí Minh đến, khẳng định tin vui là Nhật Bản đã chấp nhận đầu hàng Đồng minh vô điều kiện vào buổi chiều.

Nhiều tin tức khác dồn dập bay về. Được biết người Anh sẽ tiến vào miền Nam và người Trung Quốc sẽ vào miền Bắc Việt Nam để tiếp nhận việc đầu hàng của Nhật, tước vũ khí và giải giáp quân đội Nhật. Thomas thấy ngay đó là một tin quan trọng vừa làm nức lòng mọi người nhưng cũng làm những người lãnh đạo Việt Minh đặc biệt lo ngại vì họ đã biết từ lâu rằng người Trung Quốc sẽ thừa dịp này thành lập ở miền Bắc một chính phủ bù nhìn phụ thuộc vào Trung Quốc.

Thomas và Võ Nguyên Giáp trao đổi với nhau, quyết định ngay sáng hôm sau bộ đội Việt - Mỹ sẽ lên đường làm nhiệm vụ. Chỉ còn nửa ngày để chuẩn bị. Những người Mỹ gỡ bạt, dỡ lều, gấp hành lý. Suốt đêm hôm sau họ bắn pháo sáng và pháo hoa để ăn mừng chiến thắng và dạy cho các bạn Việt Nam cùng hô "Híp-híp-híp-hu-ra". Thomas ghi trong nhật ký: "Đêm đó chúng tôi như một lũ điên dại vì quá sung sướng, không biết đã uống hết bao nhiêu vò rượu gạo mà nhân dân địa phương ủng hộ. Đây là phút chia tay không bao giờ quên… Sáng mai chúng tôi sẽ nhổ trại. Đối với chúng tôi ngày mai là hòa bình, là ngày trở về nhà. Nhưng các bạn Việt Nam thì ngày

mai là ngày lên đường chiến đấu".

Dù sẵn sàng hay không, Võ Nguyên Giáp cũng nghĩ rằng đây là thời cơ tiến công. Cuộc chuyển quân quy mô lớn đầu tiên của quân đội mới thành lập thật sự bắt đầu vào ngày 16/8/1945, chỉ một ngày sau khi nhận được tin Nhật đầu hàng qua điện đài.

Khoảng 2 giờ 30 phút, Võ Nguyên Giáp chỉ huy đoàn quân rời Tân Trào lên đường về Thái Nguyên. Cuộc hành quân không mấy dễ dàng vì bộ đội phải đi qua những con đường mòn dựng đứng trên núi, vượt qua nhiều thác ghềnh, sông suối, người đi sau vịn vào người đi trước, rón rén bước qua từng tảng đá mọc rêu trơn hay đầm lầy. Chiều tối, họ dừng chân qua đêm ở làng Đông Man. Họ đi tiếp ba ngày ba đêm nữa, 17, 18, 19/8 mới đến địa điểm tập kết. Thomas viết: "Đi đến đâu bộ đội cũng được dân làng hoan nghênh nhiệt liệt, phất cờ Việt Minh reo hò hai bên đường hoặc tiến sát hàng quân để nhìn được những vũ khí mới sáng loáng".

Trong suốt cuộc hành quân Thomas luôn luôn đi bên cạnh Võ Nguyên Giáp, một con người không hề có dáng điệu của một quân nhân. Suốt năm 1945 và có lẽ đến tận năm 1947, tuy là người chỉ huy quân đội nhưng Võ Nguyên Giáp thường không mặc quân phục mà mặc bộ quần áo dân sự kiểu phương Tây màu sáng, đeo cà vạt và mũ phớt màu sẫm. Thomas kể lại: "Trong các cuộc hành quân qua núi rừng đó, có lẽ tôi là người gần gũi ông nhất. Có lúc ông kể cho tôi nghe chuyện người vợ trẻ và người chị vợ của ông đã hy sinh trong nhà tù của Pháp". Thomas đánh giá ông là con người có học thức, có tài kể chuyện và luôn luôn làm chủ bản thân. Thomas kết luận: "Binh sĩ kính trọng ông và tôi cũng rất quý mến ông".

Khoảng 3, 4 giờ sáng ngày 20/8 bộ đội Việt Minh bắt đầu tiến công vào Thái Nguyên, cuộc tiến công kéo dài đến ngày 25/8. Thoạt đầu cuộc tiến công không lấy gì quyết liệt. 6 giờ sáng bất thình lình súng các cỡ đồng loạt khai hỏa tạo thành hàng rào lửa bao quanh thị xã. Sau nửa tiếng, tỉnh trưởng ra hàng cùng với 160 lính bảo an. Bộ đội Việt Minh nhanh chóng tước vũ khí đạn dược. Quân Nhật bắn vào bộ đội Việt Minh mỗi khi chúng phát hiện được mục tiêu và tiếng súng vẫn tiếp tục nổ lác đác cho đến chiều và cả đêm. Võ Nguyên Giáp cho những người Mỹ ở đội *Con Nai* trú trong một nhà gạch chắc chắn ở ngoại ô đối diện với trại lính Nhật.

Khoảng 15 giờ ngày 21/8, Việt Minh tổ chức một đợt tiến công vào trại Nhật. Trong mười phút tất cả các loại súng đồng loạt nổ. Từ súng cổ lỗ của Pháp đến súng Mỹ M-1 và bazôca do đội *Con Nai* cung cấp. Bất chấp cường

độ của hỏa lực Việt Minh, lính Nhật nấp sau các công sự chắc chắn nên ít bị thiệt hại. Nhân dân thị xã rất phấn khởi ra sức reo hò cổ vũ bộ đội.

Cuộc chiến đấu kéo dài đến ngày 26/8. Cuối cùng, quân Nhật phải đầu hàng. Bộ đội Việt Minh diễu hành qua thị xã để ăn mừng chiến công. Khi tổng kết chiến lợi phẩm thu được trong trận Thái Nguyên, họ thấy trang bị của họ có thêm 500 khẩu súng, 250 đôi giày, 72 tấm chăn, 8 con ngựa và 4 xe ôtô, 3.000 tấn gạo cùng vô số đường muối và nhiều thực phẩm khác.

Võ Nguyên Giáp không có mặt ở Thái Nguyên lúc trận đánh kết thúc để ăn mừng thắng lợi vì ông phải trở về Tân Trào dự cuộc họp của Đảng Cộng sản Đông Dương. Khi nhận thấy quân Nhật thua trận khắp nơi và sắp sửa đầu hàng Đồng minh, Hồ Chí Minh hiểu rằng cần phải nhanh chóng tiến vào thành phố để kiểm soát ít ra là những thành phố chính trước khi quân Đồng minh tới tiếp nhận đầu hàng và giải giáp quân Nhật. Cuộc hội nghị của Đảng ở Tân Trào có đông đủ đại biểu từ các nơi trong nước và một số ít ở nước ngoài về dự. Ngày 13/8 các đại biểu bắt đầu về đông đủ thì có tin quân Nhật đầu hàng. Hội nghị dự định họp trong hai ngày. Trong phiên họp đầu tiên sáng ngày 16/8, Hồ Chí Minh khéo léo cho các đại biểu truyền tay nhau bức ảnh của tướng Mỹ Chennault có dòng chữ viết tay. Hồ Chí Minh còn cho duyệt một đơn vị bộ đội mặc đồng phục và mang toàn súng Mỹ do OSS vừa mới cung cấp.

Đây là những hành động khôn ngoan vì các đại biểu tới dự Quốc dân đại hội không phải ai cũng có con mắt thiện cảm với Hồ Chí Minh. Một số muốn nắm chính quyền để phục vụ quyền lợi của mình. Một số tự hỏi không biết Đồng minh có thật sự ủng hộ Hồ Chí Minh như ông muốn không? Nhưng những ai còn nghi nghờ hoặc muốn cạnh tranh thế lực với Việt Minh thì giờ đây đều tỏ ra ủng hộ Hồ Chí Minh và ông đã đạt được mục đích. Các đại biểu ở hội nghị Tân Trào đều thông qua lời kêu gọi Tổng khởi nghĩa để giành độc lập và chào đón quân Đồng minh giải giáp quân Nhật. Đó là một thời điểm gay go, quyết liệt vì người Pháp chưa được trang bị và chuẩn bị để chống lại sự thay đổi về quyền lực trong thuộc địa của mình.

Không bỏ lỡ cơ hội, Hồ Chí Minh ra lệnh cho Võ Nguyên Giáp về ngay Hà Nội, giao lại cho cán bộ dưới quyền tổ chức cuộc tiến công Thái Nguyên. Võ Nguyên Giáp dẫn hai trung đội về ngay Hà Nội là nơi đang cần sự có mặt của ông. Lịch sử Việt Nam đã sang trang. Một kỷ nguyên mới bắt đầu.

Trong những ngày lịch sử đó, không ít người nước ngoài có mặt ở Hà Nội, trong đó có Lucien Conein, một sĩ quan lục quân được phái sang OSS,

thông thạo tiếng Pháp. Mấy tuần lễ trước khi nổ ra đảo chính Nhật, Conein đã được OSS phái đến Việt Nam để bắt liên lạc với những toán quân Pháp rút chạy sang Trung Quốc. Conein và một phụ trách điện đài đã được một máy bay ném bom Liberator B-24 thả dù xuống miền rừng núi phía bắc. "Bọn chỉ huy ngu ngốc đó không biết thả tôi ở đâu. Chúng cố tìm cách để tôi nhảy xuống nơi nào mà chúng nghĩ có thể dễ dàng bắt liên lạc với những toán quân Pháp đang rút chạy. Nhưng chúng có biết chính xác chỗ nào đâu… Chúng gọi đó là dãy núi "thập vạn đại sơn" và thật khủng khiếp! Còn tệ hơn là địa ngục. Hết leo lên lại leo xuống trên những ngọn núi chết tiệt ấy".

Cuối cùng Conein cũng liên lạc được với một đơn vị lính Pháp đang lẩn lút trong rừng. Conein làm việc với họ. "Người Pháp quả là quá lạc hậu về trang bị vũ khí. Thế là chúng tôi phải cung cấp cho họ các loại trang bị hợp với thời đại hiện nay và dạy họ phá hủy các trang thiết bị lạc hậu. Cái gì cũng phải huấn luyện lại… Thế rồi kẻ nào điên rồ thả quả bom nguyên tử và chiến tranh kết thúc. Tôi bỏ họ ở lại và chuồn về Hà Nội […] chính ở đây tôi đã gặp Võ Nguyên Giáp."

Tại Hà Nội Conein đã nhiều lần gặp Võ Nguyên Giáp. Conein kể lại: "Thật sự tôi chẳng nói được gì với Giáp mà chính Giáp dành hết thời gian để nói cho tôi nghe… Tôi gặp Giáp ba, bốn lần gì đó. Ông có cái nhìn sắc bén và anh biết đấy, ông là con người thành thật. Ông tin vào điều mình nói. Giáp có thể kể với anh lịch sử cách mạng bắt đầu từ cuộc Cách mạng Pháp… Ông thật sự là con người có niềm tin cuồng nhiệt. Ông là con người lịch sự, tao nhã. Tôi rất mến ông". Conein nói thêm: "Giáp là người có thân hình thấp bé […]. Ông có một thái độ kỳ cục: tự coi mình như Napoleon của châu Á. Ông muốn người khác nhìn ông như thế. Và tôi cũng thấy thế!"

"Tôi là đại úy trong quân đội Mỹ. Và tôi nói đó là nơi mà tôi không muốn chút nào", Conein nói tiếp, "điều mong muốn là rút chân khỏi nơi đó. Chiến tranh kết thúc rồi. Tôi chỉ muốn sớm trở về nhà. Tuy nhiên, Hồ Chí Minh và Võ Nguyên Giáp đã yêu cầu tôi đến gặp họ. Họ được người Mỹ rất quan tâm bởi vì những người Mỹ nghĩ rằng có thể làm được gì đó cho họ. Làm sao tôi có thể biết người Mỹ có thể làm được gì cho họ? Họ muốn treo cổ tất cả bọn thực dân, đại loại như vậy".

Conein đã có mặt ở Hà Nội từ ít ngày nay. Ngày 30/8, thiếu tá Allison Thomas hiểu rằng Patti và đơn vị của ông đã có mặt ở đây từ ngày 22/8. Thomas muốn lập tức rời khỏi Thái Nguyên để về Hà Nội nhưng Patti nói với ông rằng ông phải ở lại với đội Con Nai cho đến khi có lệnh mới. Không

có việc gì đặc biệt để làm Thomas và các bạn của ông giết thời gian bằng cách đi tắm nắng hoặc đi thăm các vùng xung quanh thành phố Thái Nguyên. Ngồi không chẳng có việc gì làm Thomas đâm cáu kỉnh ngay cả khi Võ Nguyên Giáp viết cho ông một mẩu giấy bằng tiếng Pháp cho biết: "Chúng tôi đã về đến Hà Nội. Nếu người Pháp ở đây, chúng tôi sẽ chiến đấu đến cùng. Hà Nội không thể nghỉ ngơi chừng nào chưa phải là thủ đô của một nước tự do. Chúng tôi rất vững vàng chờ đợi mọi thử thách. Nước Việt Nam sẽ được độc lập".

Rồi ngày 6/9, Thomas nhận được một tặng phẩm của Võ Nguyên Giáp: hai chai sâm banh và một chai whisky mang nhãn hiệu *Haig & Haig* từ Hà Nội chuyển lên. Cuối cùng, Thomas nhận được mẩu tin ngắn: Patti đã bình tĩnh trở lại và toàn đội *Con Nai* có thể di chuyển về Hà Nội.

Ngày 22/8, Lucien Conein về Hà Nội gặp thiếu tá Patti. Việt Minh bố trí cho Patti và những người của OSS ở trong một khách sạn khá lớn tại trung tâm Hà Nội. Lucien Conein cũng được Việt Minh sắp xếp cho ở đó mấy hôm. Đó là khách sạn Metropole. Conein không ưa gì thủ trưởng mới của mình: "Tôi không thích Patti. Đó là một con công chướng mắt. Bạn sẽ không bao giờ biết được sự thật về anh ta."

10 giờ đêm ngày 9/9, Thomas và toán của ông về tới Hà Nội, sau một hành trình dài ngày hết đi bộ, đi thuyền, xe kéo, xe đạp rồi ôtô và tàu thủy. Nhóm của Patti giúp Thomas và bạn ông xếp chỗ ở trong khách sạn Metropole. Sáng hôm sau Thomas đến Bắc Bộ Phủ, ngay phía đối diện gần đó là nơi làm việc của Hồ Chí Minh, Võ Nguyên Giáp và Chính phủ. Cùng ngày Thomas gặp Patti chất vấn tại sao người ta lại ra lệnh cho ông ở lại Thái Nguyên lâu đến thế. Patti trả lời muốn giữ triệt để trung lập trong khi đó Thomas lại đã "đồng dạng với Việt Minh". Thomas giận dữ đáp: "Tất cả những gì chúng tôi mong muốn là về nhà với gia đình".

Những ngày tiếp theo, từ ngày 10 đến ngày 16/9, thiếu tá Thomas ở Hà Nội cư xử như một nhà du lịch. Ông đi chơi trong thành phố, mua đồ lưu niệm và từ biệt những người bạn mới. Ngày 11 ông chụp một kiểu ảnh chung với Hồ Chí Minh và Võ Nguyên Giáp. Ông vui mừng thấy Hồ Chí Minh từ nay là Chủ tịch Chính phủ lâm thời và người bạn thân nhất là ông Văn nay thành Bộ trưởng Nội vụ. Ông trông thấy cờ Việt Minh phấp phới bay trên hầu hết các nóc nhà trong thành phố, rất nhiều khẩu hiệu bằng tiếng Việt, Anh, Pháp và tiếng Hindu "Hoan nghênh các bạn Đồng minh Mỹ", "Hoan nghênh ủy ban hòa bình", "Độc lập hay là chết?", "Hai triệu người chết dưới sự cai trị của Pháp. Nước Việt Nam của người Việt Nam". Ông

viết trong nhật ký: "Chính phủ mới hình như được đa số nhân dân trong nước nhiệt tình ủng hộ".

Đêm cuối cùng ở Hà Nội trước khi bay về Côn Minh vào sáng hôm sau, Thomas được Hồ Chí Minh và Võ Nguyên Giáp mời cơm thân mật. Ông luôn luôn tin rằng 100% Việt Minh là những người nông dân không có học vấn không bao giờ nghe thấy từ ngữ cộng sản hoặc chủ nghĩa cộng sản là gì. Cách đó ít lâu ông đã gọi điện về đại bản doanh OSS ở Côn Minh nói rằng Hồ Chí Minh không phải là cộng sản. Điều đó cũng chẳng thay đổi gì. "Đại bản doanh OSS đã biết Hồ Chí Minh là ai nhưng người ta không cho biết những thông tin gì bổ ích về ông Hồ trước khi tôi nhảy dù xuống vùng Kim Long của Việt Minh". Thomas muốn câu chuyện được sáng tỏ trước khi ông ra đi. "Trong bữa cơm - Thomas kể lại - tôi hỏi thẳng Hồ Chí Minh có phải là cộng sản không? Hồ Chí Minh trả lời bằng tiếng Anh thông thạo: Vâng, tôi là cộng sản nhưng điều đó không ngăn cản tình bạn của chúng ta phải không?" Ngày hôm sau, Thomas rời Hà Nội để bắt đầu cuộc hành trình dài ngày trở về với gia đình ở Mỹ.

Ít lâu sau Võ Nguyên Giáp đã viết cho ông một lá thư thân thiết đề ngày 20/11/1946, trong thư đầy ắp những chuyện tiếu lâm, những chuyện về những người bạn chung của hai người và chuyện thời sự. Võ Nguyên Giáp nói về Chính phủ mới "mà tôi thực tế là Bộ trưởng Quốc phòng", ông kết thúc bức thư gửi cho Thomas: "Bạn rất thân mến, anh hãy nhận ở đây tình bạn rất chân thành của tôi. Võ Nguyên Giáp, tức Văn."

Từ khi Nhật Bản đầu hàng, những người của Hồ Chí Minh đã bắt đầu chuẩn bị cho nhân dân nổi dậy để Việt Minh cướp chính quyền. Một trong những mục tiêu là giành được sự ủng hộ của giới sinh viên Hà Nội. Điều này không dễ vì sự nhiệt tình đối với lý tưởng cộng sản không giống như sự căm thù đối với người Pháp. Thanh niên lúc đó theo lời kể của Vĩnh Lộc - cựu sĩ quan quân đội Việt Nam Cộng hòa - là tìm mọi cơ hội để có thể hít thở một bầu không khí mới. Điều đó đủ để cảnh báo cho người Pháp.

Người Pháp rất mong muốn khôi phục quyền lực trên bán đảo Đông Dương. Từ ngày 24/3/1945 tướng De Gaulle tuyên bố rằng ngay sau chiến tranh nước Pháp sẽ thành lập Liên bang Đông Dương gồm các xứ Nam Kỳ, Trung Kỳ, Bắc Kỳ, Campuchia và Lào. Chiến tranh kết thúc, chính phủ Paris bắt tay ngay vào việc khôi phục nền thống trị thuộc địa. Trước khi người Nhật chính thức ký đầu hàng trên boong thiết giáp hạm Missouri, phái đoàn Pháp ở Calcutta đã gửi phái viên nhảy xuống vùng hậu tuyến của Nhật ở Việt Nam, bước đầu tiên của việc khôi phục nền thống trị Pháp. Sĩ quan,

viên chức cai trị thuộc địa và nhân viên tình báo có căn cứ ở Trung Quốc, Tích Lan và Madagascar nhận được lệnh xâm nhập vào Đông Dương bằng mọi cách. Một số đi bằng đường biển, một số khác nhảy dù. Không biết đến những thay đổi lớn lao đã xảy ra trên mảnh đất vốn là thuộc địa cũ này, họ đi tìm những viên quan lại cũ, các lý trưởng để xuất trình giấy tờ. Đa số trong bọn họ kể cả Pierre Messmer, Ủy viên cộng hòa Bắc Kỳ, Jean Cédille, Ủy viên cộng hòa Nam Kỳ đều bị bắt và bị giam giữ trong nhà tù hoặc của Nhật hoặc của Việt Minh.

Suốt hành trình đi bộ về Hà Nội, Võ Nguyên Giáp cùng các đơn vị bộ đội đi trên những con đường dọc hai bên là những cột dây thép, những thửa ruộng ngút ngàn đến tận chân trời. Họ nhận được sự ủng hộ nồng nhiệt của dân chúng vốn được cán bộ cơ sở tổ chức thành những đoàn biểu tình đông đảo. Cờ đỏ sao vàng phấp phới bay khắp nơi trên các mái nhà trong xóm. Khi về đến Gia Lâm gần thủ đô, đoàn quân của Võ Nguyên Giáp bị các đồn tiền tiêu của Nhật chặn lại. Sau những cuộc tranh luận gay gắt, người Nhật phải chấp nhận cho đoàn quân đi qua. Họ đi qua con đường dọc đê sông Hồng, tiến vào thành phố. Đoàn quân nhạc cử các bài hành khúc nghênh đón trong khi quân của Võ Nguyên Giáp qua cầu Long Biên. Các chiến sĩ chia ra hai hàng dọc theo mép đường. Đạn đã lên nòng sẵn sàng nổ khi gặp bất trắc. Họ đã vào thủ đô như vậy.

Tháng 8 năm nay nước sông lên sớm và lưu lượng nhiều hơn mọi năm. Nhiều nơi đê bị vỡ hoặc sạt lở. Sáu tỉnh đồng bằng - vựa lúa của miền Bắc - bị ngập lụt. Bệnh truyền nhiễm hoành hành. Không may là nước lụt vừa rút thì nạn hạn hán lại ập tới kéo dài. Phần lớn lúa mùa mất trắng, nhiều cánh đồng bỏ hoang. Nạn đói xảy ra lác đác từ năm 1944 đã lan rộng khắp nông thôn miền Bắc, và vào lúc giáp hạt đầu năm 1945 làm hơn hai triệu người chết. Võ Nguyên Giáp đau đớn kể lại: “Dân sống ngày nào biết ngày ấy. Ở thành phố, xe đổ rác không đủ để dọn xác chết đưa ra ngoại ô chôn cất. Từng đoàn người rách rưới, thất thểu bỏ làng đi ăn xin ở các chợ cửa ô thành phố. Nhiều người ngã vật xuống lề đường như lá rụng mùa thu. Nhiều khi cánh tay người cảnh sát chỉ khẽ đụng vào cũng đủ làm cho họ khuỵu xuống không thể gượng dậy được nữa”.

Lucien Conein nhìn đoàn quân của Võ Nguyên Giáp vào thành phố. Conein không có ấn tượng về họ: “Mình mà có một tiểu đoàn thì ăn tươi nuốt sống ngay đám người mang súng kia! Mà cần gì một tiểu đoàn nhỉ, chỉ một đại đội cũng đủ nuốt gọn!”

Về phần mình, Võ Nguyên Giáp cố gắng tạo cho quân đội một thế lực

gần như thần bí. Ông kể: "Suy nghĩ của dân chúng hoàn toàn thay đổi khi họ được biết Việt Minh đã chiếm Hà Nội. Mọi tệ nạn biến mất, ngay cả trộm cắp vặt cũng gần như không còn. Không thấy một người ăn mày nào trên đường phố hay ở chợ. Người ta chẳng thiết gì kinh doanh, buôn bán mà chỉ gọi nhau hội họp, mít tinh biểu tình. Thanh niên con trẻ tập đi thành đội ngũ, học các bài ca cách mạng. Cờ đỏ sao vàng khắp nơi…"

Chủ nhật ngày 19/8, những tia sáng ban mai vừa xuất hiện, cán bộ Việt Minh, thanh niên tự vệ đến từng nhà trong các phố, các thôn xóm ngoại thành để kêu gọi biểu tình ở trước Nhà hát Lớn thành phố. Hàng vạn người nghe theo và đến chỗ mít tinh. Rất nhiều người mang cờ, biểu ngữ mới làm vội vã chiều hôm trước, tạo nên không khí phấn khởi của ngày hội. Cán bộ Việt Minh xếp hàng bốn đi đầu dạy họ đi đều, hô khẩu hiệu và hát bài "Tiến quân ca".

Khi họ đến chỗ họp mít tinh đã thấy từng đoàn người khắp nơi tấp nập kéo đến. Mặt mày rạng rỡ, vừa đi vừa hát, thỉnh thoảng lại vung tay hô khẩu hiệu. Một lá cờ đỏ sao vàng cỡ lớn đi trước, nhiều cờ bé cầm trên tay, tràn ngập các ngả đường ùn ùn dẫn đến quảng trường Nhà hát. Một không khí nô nức say sưa, hồ hởi, phấn khích… bao trùm.

Đoàn biểu tình có lực lượng tự vệ xung phong đi đầu về phía Phủ Khâm sai Bắc Kỳ. Họ dừng lại trước hàng rào sắt. Những người cách mạng hưng phấn quá độ đòi những lính canh gác người Việt đầu hàng. Hoảng sợ trước sự hùng hổ đe dọa của đám đông, những người lính canh đành ngoan ngoãn vâng lời. Họ chưa kịp mở cổng thì những người biểu tình đã leo qua hàng rào nhảy vào chiếm Dinh. Từng đoàn người cả đàn ông và đàn bà đủ mọi lứa tuổi đồng loạt xông vào trại lính Nhật[1] chiếm kho vũ khí, lấy súng phân phát cho những bàn tay cuồng nhiệt giương cao. Rồi họ lại tiến đến các dinh thự công sở khác trong thành phố và cũng làm như vậy. Đến chiều tối Việt Minh đã làm chủ thành phố.

Từ ngày 19 đến ngày 30/8, Việt Minh đã nắm chính quyền từ sông Hồng đến đồng bằng Cửu Long ở phía Nam. Patti ở Hà Nội rất mãn nguyện trước sự phát triển của tình hình. Trong hồi ký của mình, Patti viết: "Tôi khẳng định trong bản báo cáo là chủ nghĩa thực dân Pháp ở Đông Dương là một trong những thí dụ tệ hại nhất có thể tưởng tượng được về tình trạng lệ thuộc, tâm lý khinh miệt quyền con người và đầu óc tham lam vơ vét của kẻ chiếm đóng và trên ba phần tư thế kỷ người dân Việt đã bị bóc lột thậm tệ, bị đối xử tàn ác và nói chung bị coi như sở hữu riêng của người Pháp […]. Những điều kiện xã hội, kinh tế do chế độ thực dân Pháp tạo ra là nguồn gốc,

là nguyên nhân cơ bản dẫn đến tâm trạng bất mãn và nổi dậy của dân chúng".

Tuy nhiên, người Pháp vẫn tiến bước đều đều để lập lại nền thống trị thuộc địa. Ngày 16/8/1945 trong lúc Võ Nguyên Giáp đang tiến đánh Thái Nguyên, Charles de Gaulle cử tướng Jacques Philippe de Hautecloque, quen gọi là Leclerc, làm Tổng chỉ huy quân đội Pháp ở Viễn Đông và ra lệnh triển khai nhiều đơn vị bộ binh ở Việt Nam. Hồ Chí Minh ra lệnh cho Võ Nguyên Giáp sang sân bay Gia Lâm để đón Leclerc. Võ Nguyên Giáp tỏ rõ thái độ kiên quyết không chịu đi gặp và bắt tay viên tướng Pháp. Hồ Chí Minh kiên nhẫn nghe Võ Nguyên Giáp trình bày rồi nói như ra lệnh: "Chú chỉ còn hai tiếng đồng hồ nữa trước khi máy bay tới. Chú định tự cô lập mình để rồi tha hồ mà khóc à? Thôi, chú hãy ra sân bay đi." Thế là Võ Nguyên Giáp phải sang sân bay Gia Lâm gặp Leclerc.[2]

De Gaulle cũng bổ nhiệm đô đốc Georges Thierry d'Argenlieu làm Cao ủy ở Đông Dương. Jean Sainteny -trưởng phái đoàn Pháp ở Côn Minh - cũng được cử làm Ủy viên cộng hòa ở Bắc và Trung Kỳ, đã nhảy dù xuống Hà Nội ngày 27/8[3]. Ngay lập tức ông ta tỏ vẻ không tín nhiệm quan hệ giữa OSS và Việt Minh. Thiếu tá Patti đi với Võ Nguyên Giáp và giới thiệu với Sainteny nhưng không xóa được nghi ngờ giữa hai bên: mục tiêu khác nhau của mỗi bên khiến họ đương nhiên là kẻ thù của nhau.

Ngày 28/8 báo chí Hà Nội đưa tin về thành phần Chính phủ lâm thời: Võ Nguyên Giáp là Bộ trưởng Nội vụ. Ban Thường vụ Trung ương Đảng cũng có quyết định ngày Chính phủ lâm thời ra mắt quốc dân cũng là ngày chính thức tuyên bố độc lập của Việt Nam trước thế giới. Cuối tháng, Hồ Chí Minh đọc cho Trường Chinh và Võ Nguyên Giáp nghe bản khởi thảo *Tuyên ngôn độc lập*. Cán bộ Việt Minh không ngừng cổ vũ quần chúng. Đường phố Hà Nội rung lên vì náo động và căng thẳng: các loa phóng thanh truyền đi các tin tức và bình luận của Chính phủ lâm thời. Trên đường phố khẩu hiệu, áp phích dán khắp nơi kích động lòng căm thù chủ nghĩa đế quốc Pháp.

Võ Nguyên Giáp chính thức gánh vác công việc ở Bộ Nội vụ từ ngày 29/8 và mặc dù người bạn cũ của ông là Chu Văn Tấn giữ chức Bộ trưởng Quốc phòng nhưng chính Võ Nguyên Giáp mới nắm thực quyền chỉ huy lực lượng vũ trang. Là người đứng đầu về quân sự, ông biết rõ tính năng động của chính quyền cách mạng là ở khâu nào. Là Bộ trưởng Nội vụ, ông có những cuộc tiếp xúc hàng ngày với đủ loại người phương Tây từ nhà ngoại giao đến những người có trách nhiệm khác sẵn sàng áp đặt bằng vũ lực điều mà người Việt Nam từ chối thương lượng. Đây là một trách nhiệm nặng nề,

ông vừa phải duy trì hòa bình vừa phải chuẩn bị cho cuộc chiến tranh có thể nổ ra bất cứ lúc nào, qua đó Võ Nguyên Giáp trưởng thành nhanh chóng về mặt chính trị.

Xây dựng quân đội là một trọng trách đặc biệt đối với Võ Nguyên Giáp và ông luôn có ý thức về mặt quan hệ cộng sinh giữa chính trị và quân sự. Ông cũng biết chỉ dựa vào giải pháp quân sự không thôi thì kết quả đạt được rất mong manh, chỉ có một nền chính trị vững chắc mới có thể đảm bảo cho các thành quả cách mạng. Ông có vị trí khá thuận lợi. Là thành viên trong bộ máy lãnh đạo về chính trị, ông có thể tin chắc là những quan điểm quân sự của ông sẽ nhanh chóng được thông qua. Là người đứng đầu quân sự, ông biết là các đồng nghiệp chính trị của ông sẽ nghe theo quan điểm chính trị của ông.

Ngày 30/8, Hoàng đế Bảo Đại thoái vị, trao quyền lực cho Chính phủ cách mạng lâm thời do Hồ Chí Minh thành lập và trở thành "người công dân Nguyễn Vĩnh Thụy, dân của một nước tự do". Ông nhận lời mời của Hồ Chí Minh làm cố vấn tối cao của Chính phủ lâm thời. Điều này tăng thêm khả năng thuyết phục được những người bình thường, giới quan lại cũ và những phần tử do dự, lưng chừng chấp nhận và ủng hộ Chính phủ. Cuối cùng, Việt Minh đã nắm trọn quyền điều hành đất nước.

---

[1] Tác giả nhầm, ở đây là trại Bảo an binh (ND).

[2] Theo tài liệu chính thức được công bố, Võ Nguyên Giáp gặp Leclerc ở Hải Phòng sáng 7/3/1946 sau khi Việt Nam ký Hiệp định sơ bộ 6/3/1946 với Pháp, cho phép quân Pháp đổ bộ ra miền Bắc thay thế quân Tưởng (ND).

[3] Tác giả nhầm: Sainteny đi nhờ máy bay của phái đoàn Mỹ đến Hà Nội để chăm sóc tù binh Đồng minh bị Nhật giam giữ (ND).

“Chúng tôi sẽ phải dùng đến vũ khí”

Mặc dù Việt Minh rất hy vọng trông chờ, nhưng không một nước nào trong phe Đồng minh muốn thấy Chính phủ lâm thời Việt Nam tiếp nhận sự đầu hàng và tước vũ khí của quân đội Nhật ở Việt Nam. Nhưng có thể đơn giản hơn thế. Có lẽ trong các nước Đồng minh, chỉ có một số người biết đến sự tồn tại của Việt Minh và có thể là họ cũng quyết liệt phản đối mọi sự nổi dậy của người bản xứ ở Đông Nam Á hay bất cứ nơi nào trên hành tinh. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, các nước Đồng minh họp tại Potsdam từ ngày 17/7 đến 2/8/1945, tham gia hội nghị có đại diện của ba quốc gia Liên Xô - Anh - Mỹ. Harry S. Truman chấp nhận phương án để quân đội Quốc dân Đảng Tưởng Giới Thạch giải giáp quân Nhật ở Bắc Đông Dương từ vĩ tuyến 16 trở ra. Còn từ vĩ tuyến 17 trở vào, quân Anh từ Miến Điện sẽ đến để đảm nhận nhiệm vụ đó. Những toán quân đầu tiên của Quốc dân Đảng Tưởng Giới Thạch dưới sự chỉ huy của tướng Lư Hán đã đến Hà Nội vào ngày 22/8.

Võ Nguyên Giáp không có chút ấn tượng nào về sự có mặt của đội quân ô hợp đó: “Mặt béo phị vàng vọt, điệu bộ ngơ ngác. Quân phục vàng như nghệ, rách rưới, lôi thôi, trông rất kinh! Chúng gồng gánh, khệ nệ những bồ những sọt không biết đựng những đồ phế thải gì không biết. Một số đem theo cả vợ con. Nhiều tên chân cẳng phù thũng không nhấc nổi. Dân gian gọi chúng là “Tàu phù”. Chúng xuất hiện như những vết nhơ trên đường phố”.

Võ Nguyên Giáp hiểu rằng không có gì phải sợ hãi thứ quân đội Tàu Tưởng đó, mặc dù báo chí Quốc dân Đảng Trung Hoa la lối om sòm là chúng có tới 300 sư đoàn lúc chiến tranh chấm dứt. Nhưng theo ước tính chỉ có 5 sư đoàn là những đơn vị chiến đấu có hiệu quả thực sự. Tuy nhiên, Võ Nguyên Giáp lo ngại vì chúng “khét tiếng chống cộng”, muốn tiêu diệt Việt Minh và xâm chiếm Việt Nam.

Hồ Chí Minh cố gắng xoa dịu Quốc dân Đảng Trung Hoa để chúng bớt hung hăng, chống phá nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa non trẻ. Biết chúng đứng đằng sau và ủng hộ các nhóm như Việt Nam Quốc dân Đảng và Đồng minh hội, nên Hồ Chí Minh dành cho họ một số ghế trong Chính phủ lâm thời với hy vọng hạn chế tối đa can thiệp của họ vào công việc của đất nước. Hồ Chí Minh biết nhóm Con Nai và Patti nói chung tán thành hành động của mình. Nhưng không phải là người Mỹ nào cũng có quan điểm như vậy. Đó là tướng Philip Gallagher, cố vấn của tướng Lư Hán. Ngày 20/9 Gallagher điện về Mỹ nói “Hồ Chí Minh là một nhà cách mạng lâu năm… một sản

phẩm của Matxcova, một người cộng sản."

Mặc dù gần 20 vạn quân Quốc dân Đảng Trung Hoa cuối cùng cũng được trải ra đóng khắp nơi trên miền Bắc, nhưng tất cả đám quân ấy, từ tướng Lư Hán đến đám lính quèn chỉ lo buôn bán kiếm lời hơn là để lập lại nền thống trị của người Pháp. Nhiều quân nhân Trung Hoa bán vũ khí cho Việt Minh, trong khi đó một số khác lại tiến hành cướp phá một cách có hệ thống. Chúng cướp đi mọi thứ của cải không niêm phong từ thiết bị y tế đến ngói, đồ gỗ. Chúng chất đầy lên xe bò hay xe tải tịch thu được của Nhật. Nếu không có phương tiện chuyên chở, chúng tự mang vác trên lưng. Đại úy Lucien Conein của OSS đã miêu tả: "Những người lính Trung Quốc tàn phá đất nước như một đội quân châu chấu phá hoại mùa màng". Những ai còn giữ kỷ luật được thì nhanh chóng giải giáp quân Nhật và đưa họ về nước.

Sáng sớm ngày 2/9/1945, dân chúng Hà Nội náo động. Cả thành phố đỏ rực màu cờ. Cờ trên nóc nhà cao tầng, ở các công sở và nhà dân, trên ban công, trên cành cây, treo cao trên các cột bên bờ hồ. Các loại đèn lồng đỏ lửa. Các khung cửa, biển hiệu trang hoàng hoa đỏ. Khẩu hiệu biểu ngữ bằng vải giăng ngang đường với những dòng chữ bằng tiếng Việt, tiếng Anh, tiếng Hoa và tiếng Nga "Ủng hộ Chủ tịch Hồ Chí Minh", "Hoan nghênh phái bộ Đồng minh", "Độc lập hay là chết", "Ủng hộ Chính phủ lâm thời".

Các nhà máy, các cửa hàng, các chợ lớn nhỏ đều đóng cửa. Việc sản xuất và buôn bán trong thành phố đều ngưng lại. Người dân thành phố kể cả ở ngoại thành, già, trẻ, gái, trai đều phấn khởi tiến về Quảng trường Ba Đình. Các thành viên các đội tự vệ tay kiếm, tay đao vác cả giáo mác đi bảo vệ các đoàn người diễu hành. Một số người không lấy đâu ra vũ khí đã vào chùa lấy các biểu tượng mã tấu, đại đao bằng gỗ sơn son thếp vàng hàng ngày vẫn cắm vào các giá để tượng trưng cho uy nghi của thần linh, nối thêm cán dài để đi theo đoàn người. Họ giương cao hò reo, chẳng khác nào các đội quân La Mã xưa kia hùng dũng bước sau các biểu tượng đại bàng trên đường ra trận.

Những đứa trẻ ồn ào và phấn khích tay cầm cờ, chen chân trong đám người đông nghịt. Phụ nữ nông thôn quấn khăn vàng, thắt lưng xanh, quần túm gấu, các công nhân nhà máy xí nghiệp quần xanh, sơ mi trắng, hàng ngũ chỉnh tề nhất. Một người vẫy tay ra hiệu, các cảm tình viên của Việt Minh huýt còi đánh trống làm nhịp, chân dập mạnh vừa đi vừa hát những bài ca cách mạng. Các tăng ni Phật tử, các thầy tu Công giáo rời khỏi nơi tôn nghiêm cùng bước theo, ngỡ ngàng trước không khí ồn ào, lộn xộn của đám đông. ánh nắng mùa thu rực rỡ bao trùm khắp quảng trường. Một đại đội

danh dự đứng nghiêm trang trên lễ đài vừa được dựng vội vã. Ước tính số người tham dự mít tinh hôm đó chắc hẳn phải lên tới con số một triệu.

Ông Nguyễn Đình Tú giải thích: Bấy giờ, ai ai cũng nghĩ rằng người có cơ hội giành được thắng lợi trong đấu tranh cho tự do chính là Hồ Chí Minh. Tuyên truyền của Việt Minh đã gây được tác động lớn đối với những ai trước đây cho rằng phong trào đã có sự tranh giành đấu đá nội bộ để thành lập Chính phủ cách mạng lâm thời Việt Nam. Chính Việt Minh đã nói với tất cả mọi người, chứ không phải một nhóm nhỏ nào, thuyết phục tất cả mọi người rằng Việt Minh đấu tranh để được công bằng hơn. Cách giải thích "đơn giản hóa" đó của Việt Minh đã xâm nhập vào đa số, tranh thủ được sự ủng hộ hoàn toàn.

Lucien Conein ngồi trong quầy rượu của khách sạn Metropole, bình tĩnh quan sát quang cảnh náo động ngoài phố và ngay sau đó đã bình phẩm không úp mở: "Thật quá trời! Tôi phải ngồi trong khách sạn để khỏi bị chen lấn xô đẩy trong đám đông đến hàng chục vạn người! Thật không thể tưởng tượng được! *Tất cả mọi người* đều đổ ra đường. Họ có những người "nhạc trưởng", dẫn dắt các nhóm cổ vũ. Người dân không biết hôm đó họ đã tạo ra một không khí cuồng nhiệt, say sưa đến lạ lùng. Có một cái gì đã xảy ra và người ta không muốn để tuột mất. Có ai đó đọc một bài phát biểu dài nhưng họ không biết người đó là ai. Những người "nhạc trưởng" nói với họ lúc nào ra hiệu thì vỗ tay hoan hô".

Trong tiếng hoan hô vang dậy của đám đông, các quan khách bước lên lễ đài. Hồ Chí Minh được mọi người đặc biệt chú ý. Đó là một người vóc dáng mảnh khảnh, vầng trán cao, cặp mắt sáng ngời, chòm râu thưa thớt, chân đi dép cao su trắng. Tiếng loa phóng thanh giới thiệu ông là người giải phóng dân tộc. Trong khi đám đông hô vang "Độc lập" kéo dài, Hồ Chí Minh tươi cười bước ra đứng trước mặt mọi người. Ông khoát tay yêu cầu mọi người im lặng. Ông nói đặc giọng xứ Nghệ quê hương. Với giọng nói rõ ràng, chính xác, bình tĩnh và ấm áp, ông đọc bản Tuyên ngôn độc lập mà ông đã viết trước đó: "Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa đã cho họ những quyền không thể xâm phạm được. Trong những quyền đó, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc". Bỗng nhiên ông dừng lại, hỏi: "Đồng bào nghe tôi nói có rõ không?". Cả triệu giọng nói đồng thanh vang lên như sấm: "Có". Ông lại đọc tiếp: "Lời bất hủ ấy ở trong bản Tuyên ngôn độc lập năm 1776 của nước Mỹ suy rộng ra câu ấy có nghĩa là tất cả các dân tộc trên trái đất đều sinh ra bình đẳng. Dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do [...]. Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được..."

Khi Hồ Chí Minh đọc xong bản *Tuyên ngôn độc lập* và ngồi xuống, tiếng hoan hô reo hò lại nổi lên. Sau đó Võ Nguyên Giáp phát biểu. Bài phát biểu của ông dài hơn của Hồ Chí Minh, miêu tả những thế lực hiện đang có và những mối nguy hiểm mà chính phủ phải đương đầu. Những từ ngữ sôi nổi ca ngợi nền độc lập xen lẫn những căn dặn phải đề phòng âm mưu phá hoại. Cuộc cách mạng thành công nhanh chóng đến bất ngờ mà tổ chức của Việt Minh lại chưa được thử thách. Sự chia rẽ về chính trị và xã hội có thể làm quá trình phát triển gặp khó khăn. Vì vậy, Võ Nguyên Giáp nhấn mạnh đến việc tăng cường đoàn kết, nhất trí và cần phải giảm bớt những việc thái quá. Ông nói: "Người Pháp đang lăm le trở lại cướp đất nước ta bằng vũ lực […]. Nếu điều đình không đi đến kết quả, chúng ta lại phải cầm vũ khí để chống lại kẻ xâm lược […]." Ông tuyên bố: "Nước Mỹ đã giúp đỡ chúng ta trong cuộc đấu tranh giành độc lập, đã cùng chiến đấu với chúng ta chống phát xít Nhật, vì vậy nước Mỹ là đồng minh của chúng ta".

Buổi lễ kết thúc bằng lễ tuyên thệ: "Chúng tôi, toàn thể dân tộc Việt Nam nhất trí xin thề: Ủng hộ Chính phủ lâm thời Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Chúng tôi xin thề sát cánh với Chính phủ, giữ gìn nền độc lập hoàn toàn của Tổ quốc và phản đối mọi âm mưu xâm lược của nước ngoài dù phải hy sinh tính mạng.

Nếu Pháp trở lại xâm lược một lần nữa, chúng tôi xin thề:

Không đi lính cho Pháp!

Không hợp tác với Pháp!

Không bán lương thực cho Pháp!

Không dẫn đường cho Pháp!"

Triệu người như một, cất vang lời thề: "Xin thề!"

Cùng ngày, cách Ba Đình hàng nghìn cây số, chính quyền lâm thời Nam Bộ do Trần Văn Giàu tổ chức ở Sài Gòn đã tiến hành một cuộc mít tinh tương tự, đáng lẽ phải khớp với lễ Tuyên bố độc lập ở Hà Nội. Khi cuộc mít tinh kết thúc, đồng bào Sài Gòn tỏa ra trên các đường phố để trở về nhà thì những người Pháp nấp sau Nhà thờ Đức Bà ở giữa thành phố nổ súng vào đám đông làm 87 người chết và bị thương. Các nhóm tự vệ Việt Minh đã ra sức chống trả. Cuộc chiến tranh Đông Dương chưa bùng nổ mà đã có những vụ ẩu đả, nổ súng xảy ra.

Chính phủ lâm thời của Hồ Chí Minh họp phiên đầu tiên vào sáng 3/9 trong căn phòng của Dinh Thống sứ cũ. Trong khi mọi người chờ Hồ Chí Minh tới, Võ Nguyên Giáp nghĩ đến câu nói của Lenin: "Giành chính quyền đã khó, giữ được chính quyền còn khó hơn". Võ Nguyên Giáp phát biểu kiểm điểm lại các sự kiện mới nhất gần đây bằng những lời lẽ đôi khi đượm chút trữ tình.

Cuộc cách mạng cuối cùng đã nổ ra, Võ Nguyên Giáp nghĩ: "Những quyền mới giành được đảm bảo tự do và dân chủ giống như hạt mưa rào trên cánh đồng khô cháy lâu ngày vì hạn hán. Nhân dân ta tiếp nhận những quyền ấy chẳng khác nào người đang khát được cho uống nước, người đang đói được cho ăn". Trước đây, dưới nền cai trị của thực dân Pháp, chỉ một việc nhặt truyền đơn, hô khẩu hiệu cũng đủ bị bỏ tù. Dưới ách chiếm đóng của Pháp, tìm thấy một con dao găm trong nhà trong một cuộc khám xét cũng đủ tạo cớ để tàn sát cả gia đình. "Thế mà kìa", Võ Nguyên Giáp nói tiếp, vẻ mơ mộng, "cờ đỏ Việt Minh bay phấp phới trên mặt tiền của mọi nhà. Người dân đi trong phố có thể ngẩng cao đầu, có thể tha hồ hát to các bài ca cách mạng. Dân quân đặt trạm canh gác, mang giáo mác, đứng gác trông rất oai nghiêm mà không ai phải sợ hãi. Đất nước nay đã thuộc về người dân".

Tuy nhiên, những quyền đã giành được còn mong manh lắm. Chiếm được vài công sở chứ chưa có kinh nghiệm giám sát, điều hành. Tỷ lệ người mù chữ còn chiếm 95% dân số đến tuổi đi học. Người Pháp xây dựng nhà tù nhiều hơn trường học. Nạn thất nghiệp tăng nhanh. Dự trữ thóc gạo không có. Đôi khi người dân chỉ có gạo tấm đủ để ăn, nhiều người chết đói. Dịch tả đã xảy ra ở một số nơi. Chúng ta không có tiền. Chính phủ mới đang phá sản. Trong ngân khố chỉ có 1.250.000 đồng bạc đa số là tiền giấy quá cũ, rách nát, phát hành không biết từ bao giờ hoặc tiền kim loại hỏng.

Tài chính suy sụp như thế và do yêu cầu của tướng Lư Hán, Hồ Chí Minh cần phải có cách thu được tiền và thu nhanh. Tuy còn ngập ngừng nhưng Hồ Chí Minh quyết định tổ chức Tuần lễ vàng từ ngày 16 đến 22/9. Phạm Văn Đồng công khai kêu gọi nhân dân đóng góp vào quỹ chính phủ mới và kết quả thu được còn nghèo nàn. Chỉ khi chính Hồ Chí Minh kêu gọi nhân dân cả nước thì kế hoạch mới được bắt đầu thực hiện. Nhân dân ở khắp nơi tụ tập ở các điểm quyên góp, mang vàng, bạc, nhẫn cưới, hoa tai, dây chuyền vàng, đồng hồ hay đá quý để quyên góp cho chính phủ. Sau này Võ Nguyên Giáp viết, chỉ trong mấy ngày Việt Minh đã quyên được 20 triệu đồng và 370 kg vàng. Nhiều người đem cả vật lưu niệm quý giá của họ để bỏ vào quỹ Tuần lễ vàng. Một cụ bà 80 tuổi đã hiến tất cả của cải tiết kiệm cả đời cho chính phủ: Một nén vàng gói trong vuông lụa đỏ.

Nguyễn Đình Tú, một người theo chủ nghĩa quốc gia lại nhìn những ngày đó dưới một góc độ khác: "Việt Minh rất dễ làm những lời tuyên truyền trở nên hiệu quả. Họ chỉ nói đến công bằng xã hội, đến phân biệt da vàng với da trắng. Rất nhiều người nghe và tin luận điệu của họ. Nông dân đã quyên góp cho chính phủ khối lượng vàng rất lớn vì họ là những người yêu nước thật sự. Đa số người dân nghĩ rằng độc lập đã giành được rồi, mọi người phải tham gia xây dựng đất nước và bảo vệ độc lập."

Nhiều đội quân nước ngoài, một lần nữa kéo vào lăm le xâm lược đất nước trong khi Chính phủ lâm thời chưa đủ sức ngăn chặn chúng. Trước cách mạng Tháng Tám, quân đội Nhật chỉ có sáu vạn tên, nhưng cũng chỉ chiếm đóng đất nước trong một thời gian. Còn bây giờ Chính phủ lâm thời vừa ra mắt được mấy ngày, thì 20 vạn quân Tưởng đã tràn vào miền Bắc, 5.000 quân Anh - Ấn cùng với hàng chục nghìn binh lính Pháp bám theo đã đổ bộ vào miền Nam đóng chặt các cảng biển. Hàng vạn lính thực dân thất trận ở Đông Dương trước đây, nay được trang bị lại vũ khí. Những tên chạy sang Trung Quốc nay trở lại. Từ trước tới nay, chưa bao giờ trên đất nước Việt Nam lại có nhiều quân đội nước ngoài đến thế và cũng chưa bao giờ như lúc này người Việt Nam phải đương đầu với những đội quân đông đảo và trang bị mạnh đến thế!

Khi Hồ Chí Minh đến dự cuộc họp đầu tiên của chính phủ, ông khẩn trương bắt tay làm việc với các thành viên trong chính phủ. Sau buổi họp đầu tiên đó, còn nhiều buổi họp tương tự. Chính phủ Việt Minh triển khai chương trình củng cố và cải cách của mình. Bắt đầu là chiến dịch chống nạn mù chữ, chống giặc dốt, đẩy mạnh tăng gia sản xuất nông nghiệp để chống giặc đói. Người ta yêu cầu mỗi người cứ mười ngày lại nhịn một bữa, gạo quyên góp được sẽ phân phát cho người đói. Các địa chủ được yêu cầu giảm 25% địa tô và xóa bỏ nhiều món nợ truyền từ đời này sang đời khác. Thuế thân, thuế chợ, thuế đò được bãi bỏ. Nghiêm cấm triệt để việc hút thuốc phiện. Chính phủ động viên mọi người làm việc quên mình, thực hành tiết kiệm, giữ đạo đức thanh liêm và chính trực gói gọn trong bốn chữ: "Cần, kiệm, liêm, chính". Xóa bỏ chế độ quan lại, Chính phủ mới chuẩn bị Tổng tuyển cử sẽ được tổ chức trong vòng hai tháng để bầu Quốc hội bằng phổ thông đầu phiếu. Việt Nam Quốc dân Đảng và Đồng minh hội do Tàu Tưởng giật dây phản đối kịch liệt. Võ Nguyên Giáp nhiều lần kiên trì giải thích cho những người lãnh đạo hai đảng này sự cấp bách của Tổng tuyển cử là tuyệt đối cần thiết.

Quân Anh bắt đầu đổ bộ vào miền Nam từ ngày 11/9. Chỉ huy là tướng Douglas Gracey hai ngày sau mới đến bằng máy bay. Mặc dù đã nhận lệnh

của Huân tước Louis Mountbatten là không được làm gì ngoài việc giải giáp quân Nhật, nhưng Gracey vẫn ủng hộ việc lập lại sự kiểm soát của Pháp và quyết định áp đặt bằng cách giải thích riêng của mình về biện pháp và trật tự đối với những người ông ta gọi là những phần tử gây rối ở miền Nam. Ông ta ra lệnh cấm mọi người không ai được có vũ khí. Nếu ai vi phạm lệnh này có thể bị tử hình. Không những ông ta dùng lực lượng của mình để thiết quân luật mà ông còn cho thả 1.400 lính Pháp trước đây bị Nhật bắt làm tù binh trong đảo chính ngày 9/3/1945 và còn trang bị vũ khí cho họ. Gracey còn sử dụng cả lính Nhật tại chỗ nhằm đập tan Chính quyền lâm thời của Việt Minh ở miền Nam để lập lại sự cai trị của người Pháp.

Võ Nguyên Giáp đã dự đoán trước mọi diễn biến ở miền Nam nhưng vì khoảng cách quá xa nên sự chỉ đạo không thể sát sao và có hiệu quả. Tại miền Bắc, ông đã có quá nhiều việc phải giải quyết. Vì vậy, lực lượng Việt Minh ở miền Nam phải chiến đấu đơn độc chống Pháp. Leclerc khẳng định ông sẽ bình định được miền Nam trong 10 tuần lễ. Tuy nhiên, có nhiều việc Võ Nguyên Giáp vẫn có thể làm được cho miền Nam. Ông thuyết phục Ban Chấp hành Trung ương chi viện cho miền Nam. Được Trung ương đồng ý, Võ Nguyên Giáp tổ chức các đơn vị Nam tiến. Các đơn vị này đã đến, như ông nói, "vừa đúng lúc". Mục tiêu của họ là giữ cho được các vị trí chiến lược ở tuyến phòng thủ đầu tiên của vùng đông bắc Sài Gòn. Võ Nguyên Giáp nhớ lại: Các đơn vị Nam tiến chiến đấu rất dũng cảm, đã cầm chân quân Pháp một tháng liền và gây cho chúng những tổn thất nặng nề. Ngay cả khi Việt Minh bị đánh bật khỏi nhiều thành phố và làng mạc ở Trung Nam Bộ và Nam Bộ thì các chiến sĩ Nam tiến vẫn tiếp tục giữ được phần lớn nông thôn miền Nam. Cuộc chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất vừa mới bắt đầu và sẽ phải kéo dài đến tháng 5/1954. Ngay từ đầu, máu người Mỹ đã chảy. Ngày 26/9/1945, A. Peter Dewey, chỉ huy của OSS ở Sài Gòn đã chết trong một trận phục kích.

Trong những ngày cuối tháng 9 tại Hà Nội, dân chúng tập trung dưới loa phóng thanh lo lắng theo dõi diễn biến chiến sự ở miền Nam. Tuy nhiên, họ còn phải tiến hành cuộc đấu tranh của chính họ, lúc này chưa phải là chống Pháp mà là chống quân Quốc dân Đảng Trung Hoa đang có mặt ở Bắc Kỳ và ngày càng can thiệp sâu hơn vào nội tình xứ này. Quân Tàu Tưởng thường xuyên xả súng vào thường dân người Việt hoặc gây ra các vụ bạo loạn, gây mất trật tự trị an.

Một hôm, Võ Nguyên Giáp phải đi công tác ở Hà Đông. Tất cả các xe cộ đi lại ở miền Bắc đều phải có giấy thông hành có chữ ký của Bộ chỉ huy Trung Hoa. Tuy nhiên, một đội tuần tra lưu động, một trạm gác của quân

Tưởng cũng có thể ngang nhiên chặn xe để khám xét. Xe của Võ Nguyên Giáp bị chặn lại ở Ngã Tư Sở mặc dù có giấy phép đi lại, có dấu son đỏ chói của Bộ chỉ huy quân Tưởng dán ở trên kính đằng trước xe. Lính Tưởng bắt mọi người ra khỏi xe và tiến hành khám xét rất thô bạo. Chúng lật cả đệm xe và tìm thấy một khẩu súng của người lính bảo vệ Võ Nguyên Giáp. Chúng giữ xe và đưa hai người Việt Nam trong đó có Võ Nguyên Giáp đến trạm gác để xét hỏi. Võ Nguyên Giáp khai mình là nhân viên của phòng liên lạc Việt - Trung nhưng vẫn bị giữ hai tiếng đồng hồ mới được thả. Nhưng không phải là một việc đơn lẻ, Võ Nguyên Giáp khẳng định: “Có thể nói đêm nào người ta cũng nhận được thư của các vị tướng lĩnh hoặc sĩ quan của Tưởng Giới Thạch… đòi hỏi, yêu sách điều này điều khác, thậm chí còn uy hiếp dọa nạt.”

Điều nguy hiểm nhất mà Việt Minh phải đối mặt trong thời gian quân Tưởng đóng trên đất Việt Nam là hai đảng Việt Nam Quốc dân Đảng và Đồng minh hội được quân Tưởng hậu thuẫn.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản cho rằng quyền lực có thể tuột khỏi tay nếu Việt Nam Quốc dân Đảng hay Đồng minh hội thực sự đứng chân được trong nhân dân. Quyền lực của Việt Minh cho đến lúc này vẫn chưa thật sự vững vàng và nguy cơ đi chệch hướng chính trị có thể xảy ra bất cứ lúc nào.

Vì vậy, quân đội Trung Hoa tiến vào đến đâu trên lãnh thổ ở miền Bắc thì chúng giải tán các ủy ban địa phương của Việt Minh ở đó và giao cho các đảng viên của Việt Nam Quốc dân Đảng và Đồng minh hội quyền quản lý hành chính. Tình hình đó khiến Việt Minh lo ngại. Võ Nguyên Giáp kể lại: “Bọn người đó sống ở hải ngoại, từ lâu đã không có tiếp xúc gì với trong nước. Chúng đội lốt những người yêu nước theo chủ nghĩa quốc gia nhưng chính là một nhóm phản động lệ thuộc vào Quốc dân Đảng của Tưởng Giới Thạch và sức mạnh quân sự của bọn này chỉ để nhặt nhạnh chút cơm thừa, canh cặn”. Võ Nguyên Giáp dùng những từ nửa mỉa mai chua chát: “Chúng tôi nhận rõ tham vọng vô độ của Quốc dân Đảng. Đó là kẻ thù không đội trời chung với cách mạng. Chúng tôi phải ngăn cản chúng lật đổ chúng tôi và thay thế chúng tôi bằng những tên tay sai hèn hạ”.

Người bạn mới của Võ Nguyên Giáp, thiếu tá Al Patti trong nhóm OSS ở Côn Minh cũng có cùng quan điểm như trên. Patti thảo luận với các thành viên Việt Nam Quốc dân Đảng cùng Đồng minh hội và thấy chúng tuyệt nhiên không có một ý tưởng nào về điều chúng định làm để đáp ứng nhu cầu của nhân dân. Chúng chỉ nói “đảm nhận quyền lực, hay chia sẻ quyền lực

với Việt Minh" nhưng không một ai trong bọn chúng tỏ ra có một khái niệm nào về công việc mình sẽ làm. Patti nói: "Chúng là những kẻ lạc hướng về chính trị có lẽ vì sống quá lâu ở Trung Quốc". Ông cũng nghĩ những nhóm người này hoạt động chủ yếu vì động cơ tham vọng về quyền lực và lợi ích cá nhân.

Việt Nam Quốc dân Đảng và Đồng minh hội nhanh chóng thiết lập trụ sở trung ương của chúng ở Hà Nội. Theo Võ Nguyên Giáp, tại đây chúng tập hợp những phần tử phản động, bọn cướp của, giết người, trấn lột, trộm cắp… "Tớ bắt chước thầy hành động như một bọn thổ phỉ. Chúng ra báo với những cái tên như *Việt Nam*, *Liên minh*, *Hiện thực*, bênh vực lý tưởng của chúng bằng những lý lẽ trâng tráo." Điều tệ hại nhất theo quan điểm của Việt Minh là người Trung Quốc gây sức ép với Chính phủ lâm thời để cho đảng viên Việt Nam Quốc dân Đảng và Đồng minh hội nắm những ghế quan trọng trong Chính phủ.

Những người theo chủ nghĩa quốc gia tất nhiên nhìn nhận sự việc theo một cách khác. Một người trong số đó là Nguyễn Duy Thanh sau này viết lại rằng những người lãnh đạo các đảng quốc gia có chính kiến khác nhau đều tập hợp xung quanh Hồ Chí Minh, bởi vì theo ông Thanh: "Chúng tôi cùng đoàn kết với nhau để có thêm sức mạnh thúc đẩy sự nghiệp chung là nền độc lập của đất nước. Chúng tôi biết rõ Hồ Chí Minh và Đảng của ông là những người cộng sản lâu năm. Tuy nhiên, chúng tôi nghĩ rằng họ trước hết và trên hết luôn đặt sự nghiệp của đất nước lên trên lợi ích đảng phái."

Ngày 8/9/1945, Chính phủ lâm thời quyết định trong vòng hai tháng sẽ tổ chức Tổng tuyển cử. Việt Nam Quốc dân Đảng và Đồng minh hội phản đối tuyển cử và yêu cầu Trung Quốc ủng hộ. Về phần mình, Việt Minh lợi dụng thái độ ngập ngừng đó để giới thiệu đối thủ của họ trong những điều kiện bất lợi nhất. Võ Nguyên Giáp nhấn mạnh: "Chúng tôi không ngừng nhắc nhở những người lãnh đạo hai đảng đó hiểu rằng Tổng tuyển cử là cần thiết và nhất thiết phải được tổ chức. Chúng tôi cũng bày tỏ ý muốn đoàn kết tất cả các lực lượng để xây dựng đất nước và ủng hộ Nam Bộ kháng chiến." Để xóa bỏ mọi sự tức giận của quân Tàu Tưởng, Hồ Chí Minh nhượng bộ. Ngày 11/11/1945, Hồ Chí Minh tuyên bố giải tán Đảng Cộng sản Đông Dương và thành lập Hội Nghiên cứu Chủ nghĩa Mác để tập hợp những ai quan tâm nghiên cứu chủ nghĩa Mác. Mấy ngày sau ông triệu tập một hội nghị đại biểu toàn thể của các đảng phái. Đại biểu Việt Nam Quốc dân Đảng và Đồng minh hội tham gia hội nghị và chấp nhận chấm dứt tố cáo lẫn nhau trên báo chí, thống nhất quân sự và thành lập chính phủ liên hiệp.

Chính phủ liên hiệp chỉ tồn tại khi tổ chức Tổng tuyển cử, bầu Quốc hội để lập ra chính phủ chính thức. Hồ Chí Minh hứa sẽ để 70 ghế trong Quốc hội cho Việt Nam Quốc dân Đảng và Đồng minh hội. Chính phủ này sẽ tổ chức Tổng tuyển cử triệu tập Quốc hội, kết quả của cuộc Tổng tuyển cử. Trong khi chờ đợi Tổng tuyển cử, chính phủ này sẽ thống nhất quân đội quốc gia. Ngày 19/12, chính phủ tuyên bố sẽ tổ chức Tổng tuyển cử vào đúng ngày 6/1/1946. Mấy ngày sau đó có người phàn nàn trong chính phủ có các đại biểu Việt Nam Quốc dân đảng và Đồng minh hội, Hồ Chí Minh trả lời: "Phân không đáng là đồ bỏ đi hay sao? Thế mà đem bón ruộng lại làm cho lúa phát triển tốt! Vậy ta có nên dùng không?".

Cuộc tranh đua giữa các đảng phái chính trị đã chuyển từ cãi vã sang đấu lý công khai, sang các vụ bắt cóc thủ tiêu lẫn nhau. Cuối mùa thu, đảng viên Việt Nam Quốc dân Đảng đã bắt cóc Võ Nguyên Giáp và Bộ trưởng Tuyên truyền Trần Huy Liệu, giam giữ trong ba tuần lễ. Trong thương lượng để giải thoát họ, Hồ Chí Minh phải chấp nhận giải nhiệm chức vụ của Võ Nguyên Giáp và Trần Huy Liệu trong chính phủ lâm thời. Vì vậy, Võ Nguyên Giáp thôi chức Bộ trưởng và làm Thứ trưởng Quốc phòng bên cạnh Vũ Hồng Khanh. Tuy nhiên, với chức vụ này Võ Nguyên Giáp tiếp tục kiểm soát cảnh sát quân sự thông qua Quân sự ủy viên hội.

Phía sau bước lùi đó, Hồ Chí Minh đã có một quyết định táo bạo. Ông Nguyễn Duy Thanh - một người theo chủ nghĩa quốc gia - đã giải thích rằng sự phân chia các bộ trong chính phủ dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh, Bộ Quốc phòng và Bộ Nội vụ giao cho đối thủ của Việt Minh[1], tám bộ khác chia nhau giữa quốc gia và cộng sản. Nhìn bề ngoài, đó là sự phân chia công bằng nhưng trong thực tế lại khác. Đối với Bộ trưởng không cộng sản, có một Thứ trưởng cộng sản. Nếu Bộ trưởng không cộng sản trong một bộ không chịu ký một văn thư nào đó thì Thứ trưởng là cộng sản sẽ hăng hái ký ngay nếu văn thư đó có nội dung phù hợp với chủ trương cộng sản.

Chức trách các bộ cũng thay đổi. Bộ trưởng Quốc phòng chẳng hạn trở thành một người kế toán lo về chi thu tài vụ. Ông ta không được xem xét danh sách nhân sự, quân số, súng, đạn. Một vài ông Bộ trưởng mới thuộc phái quốc gia chẳng có chức trách cụ thể gì, không bao giờ được tham dự một buổi họp nào của nội các. "Bộ trưởng Bộ Công tác xã hội chẳng hạn, như lời ông Thanh, chẳng có việc gì làm, đi xin việc ở một nhà máy của Nhà nước. Sắc lệnh đầu tiên và cuối cùng của Bộ trưởng Nội vụ buộc phải ký quy định mọi công dân ra khỏi nhà phải mang theo giấy thông hành." Rõ ràng đó không phải là cái mà Việt Nam Quốc dân Đảng và Đồng minh hội đòi hỏi khi nhận tham gia chính phủ liên hiệp với Việt Minh.

Hồ Chí Minh giao cho Võ Nguyên Giáp và Trần Quốc Hoàn, Bộ trưởng Công an nhiệm vụ vô hiệu hóa các cuộc biểu tình ngoài phố do Việt Nam Quốc dân Đảng và Đồng minh hội tổ chức, chấm dứt hoạt động thông tin tuyên truyền của họ trong dân chúng. Võ Nguyên Giáp kể lại: "Chúng tôi phải trừng trị bọn phá hoại […] nhưng bằng mọi giá tránh khiêu khích và đảm bảo không để xảy ra xung đột lớn". Võ Nguyên Giáp dùng lực lượng các đội tự vệ và hội viên các hội Cứu quốc để phá các cuộc mít tinh của các đối thủ chính trị.

Các đảng viên Việt Nam Quốc dân Đảng và Đồng minh hội rụng rời, hốt hoảng khi thấy người Trung Hoa không giúp được gì nhiều trong việc chống lại Việt Minh như họ mong đợi. Khi lộn xộn xảy ra, lính Trung Hoa chỉ bắn chỉ thiên, bỏ công sự có bao cát che chắn, có bốt gác, xông vào giải tán cuộc mít tinh. Thế là mưu toan tập hợp dân chúng để biểu tình gây rối của Việt Nam Quốc dân Đảng và Đồng minh hội thất bại!

Ngay những người quốc gia cũng phải thừa nhận khiếm khuyết và non kém của họ. Ông Thanh buồn rầu nhớ lại: "Nếu không được người Trung Hoa ủng hộ, những người theo chủ nghĩa quốc gia không thể đối phó được với những người cộng sản".

Hà Nội chuẩn bị Tổng tuyển cử đầu tiên trong lịch sử. Để chào mừng sự kiện lớn vào ngày 6/1/1946, công nhân kẻ khẩu hiệu trên các bức tường, treo thêm cờ phấp phới tung bay khắp nơi. Xe ôtô cổ động kết cờ hoa chạy khắp phố. Con trai, con gái ăn mặc đẹp, đánh trống rộn ràng, tạo ra không khí hết sức tưng bừng náo nhiệt. Các báo chính phủ ra số đặc biệt tăng lượng phát hành, đăng tiểu sử và chương trình hành động của những người ra ứng cử.

Không khí ngày hội bao trùm các thành phố, thị trấn và khắp các làng mạc. Nhà nhà đều chăng đèn kết hoa trang trí mặt tiền. Võ Nguyên Giáp sung sướng được tin dân chúng khắp nơi đều cố gắng đi bỏ phiếu như ở tỉnh Phúc Yên có cụ già 100 tuổi đã nhờ đứa chắt dắt đến phòng bỏ phiếu, để tự tay bỏ lá phiếu của mình.

Người người nô nức đi bỏ phiếu ngay cả ở miền Nam và một số vùng ở miền Trung nằm dưới sự kiểm soát của Pháp. Từ Bắc chí Nam, Võ Nguyên Giáp ghi nhận "người dân tấp nập, hồ hởi đi bỏ phiếu bất chấp bom đạn napalm và súng liên thanh của địch." Khi kiểm phiếu, Võ Nguyên Giáp đứng thứ hai trong danh sách trúng cử. Hồ Chí Minh được nhiều phiếu nhất. 98,4% cử tri đã ủng hộ Hồ Chí Minh giữ vị trí Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa non trẻ. Có 333 đại biểu giành được đa số phiếu để thành lập

Quốc hội đầu tiên.

Trong lúc những người thắng vui mừng về giá trị hiệu lực của Tổng tuyển cử thì Việt Nam Quốc dân Đảng và Đồng minh hội không tin rằng kết quả tổng tuyển cử là trung thực.

Ít lâu sau ngày Tổng tuyển cử, Võ Nguyên Giáp đi một chuyến thị sát ở miền Nam để truyền đạt cho cán bộ trong đó quyết định của Ban chấp hành Trung ương là kiên quyết chống Pháp trở lại. Ông hiểu rằng mặc dù hiện đang có chuyện rắc rối với Quốc dân Đảng Trung Hoa nhưng kẻ thù chính vẫn là Pháp và muốn tập trung "ngọn lửa chiến đấu vào cuộc đấu tranh chống chế độ thuộc địa Pháp. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa non trẻ bị lũ lang sói, hổ báo vây quanh, phải tập hợp mọi lực lượng để tự mình chiến đấu […] để sống còn…"

Bảo Đại đề nghị được đi cùng nhưng Võ Nguyên Giáp khước từ. Tuy nhiên, không muốn làm nản lòng thiện chí của cựu hoàng, Võ Nguyên Giáp đích thân đến thăm ông tại nhà riêng và hứa: "Đi công tác về tôi xin đến thăm Ngài và sẽ báo cáo với Ngài cố vấn những điều tai nghe mắt thấy ở phía Nam…"

Võ Nguyên Giáp rời Hà Nội ngày 18/1/1946 vào một buổi chiều nắng đẹp, trên một trong những chiếc xe hiếm hoi thuộc quyền chính phủ sử dụng, đi về phía Nam để tìm hiểu tình hình. Ông tự hào về những chiến sĩ ở Nam Trung Bộ và Nam Bộ đang cố gắng chống lại quân Pháp mưu toan lập lại chính quyền thuộc địa và ông nóng lòng muốn gặp họ. Cuộc chiến đấu đã trải qua hơn 100 ngày và vùng này vẫn tiếp tục trụ vững. Trong khói lửa mịt mùng, quân địch bao vây bốn phía, đồng bào của ông vẫn tiếp tục chiến đấu đôi khi chỉ có "gậy tầm vông vót nhọn làm vũ khí, với niềm tin rằng cuộc kháng chiến ở miền Nam không bị đè bẹp". Phong trào đấu tranh vẫn được duy trì ở các thành phố, thị trấn nơi Pháp đã hoàn toàn kiểm soát được.

Võ Nguyên Giáp vui vẻ kể tiếp: "Trong những lúc Tổ quốc đang lâm nguy, còn hay mất chỉ trong gang tấc, nhân dân chúng tôi đã tìm ra những phương thức mới để đánh địch, đánh bại chúng bằng một dạng chiến tranh mới. Thành phố và thị trấn đều do chính những người xây dựng nên tự tay phá hủy để địch chỉ chiếm đóng được một đống gạch vụn, dân chúng ở các làng mạc từ chối không hợp tác với địch bằng đủ mọi cách, vườn tược nhà cửa đều hoang vắng, cầu cống bị đánh sập, đường sá bị đào bới để địch không đi lại được."

Võ Nguyên Giáp được biết vùng nông thôn rộng lớn ở miền Nam vẫn nằm trong tay Việt Minh. Tại Đồng Tháp Mười và rừng U Minh, nhiều căn cứ kháng chiến vững chắc được xây dựng. Ông còn được biết có nhiều căn cứ kháng chiến ở ngay sát bên ngoài thành phố và thị trấn. Không có gì ngạc nhiên khi thấy Pháp luôn luôn kêu gọi chính quốc tăng viện.

Càng đi về phía Nam, Võ Nguyên Giáp càng thấy ít bóng dáng quân đội Quốc dân Đảng mà mọi người căm ghét như thường thấy ở Hà Nội. Xe càng đi trên đường số 1 càng thấy phong cảnh hai bên đường mỗi lúc lại đổi khác nhưng mùi ét xăng, tiếng còi xe khiến ông nhớ lại những chuyến đi công tác dài ngày trước đây. Càng xa thành phố, ông càng thấy đất nước tươi đẹp dưới ánh sáng độc lập, tự do. Ông vui mừng nhìn những lá cờ đỏ sao vàng phấp phới tung bay trên bầu trời lộng gió. Ông nhìn thấy những con tàu vẫn nhả khói trên đường sắt đi về phía Nam, trong toa chậtních bộ đội Nam tiến tăng cường cho mặt trận. Có những lúc tàu dừng lại ở ga đầu mối để lấy thêm than, thêm nước cho đầu máy, ông có dịp lại gần nói chuyện với anh em chiến sĩ các đơn vị Nam tiến. Đa số còn rất trẻ và chắc là nhiều người lần đầu tiên xa nhà ra mặt trận.

Đến Nghệ An, quê hương của Hồ Chí Minh, Võ Nguyên Giáp thấy bộ đội đang học quân sự chỉ với súng bằng gỗ, tập ném lựu đạn cầm tay. Hôm sau, ông đến tỉnh Quảng Bình, chính quê hương của ông với những thửa ruộng dài và hẹp trải dài bên những đụn cát trắng. Ông ghé thăm người thân ở Đồng Hới và hàn huyên với họ về gia đình, về đất nước cho đến tận đêm khuya.

Ngày 20/1/1946, ông rời Quảng Bình đi Huế. Vào đến thành phố, ông ngây ngất ngắm cảnh sông Hương tuyệt đẹp với những hàng cây hai bên bờ. Ông nhìn thấy bộ đội đứng gác trước cổng Hoàng thành, bên bức tường rêu phong cổ kính. Ông bình luận: “Huế hiện tại là hậu phương trực tiếp của nhiều mặt trận phía tây như mặt trận Lào, mặt trận Trung Trung Bộ và Nam Trung Bộ”. Võ Nguyên Giáp lưu lại đó hai ngày trong tổng hành dinh của Việt Minh ở miền Trung, trao đổi ý kiến với tướng Nguyễn Chí Thanh về công việc sắp tới. Hai người còn tán gẫu về những đổi thay của đất nước.

Võ Nguyên Giáp tiếp tục cuộc hành trình đến Quảng Nam rồi Quảng Ngãi và Bình Định. Gần Bình Định ông đã khinh xuất để người lái xe vượt qua hàng rào chắn ở trạm kiểm soát mà không dừng lại để kiểm tra giấy tờ. Một lính gác đã bắn vào xe ông, nên xe phải dừng lại. Hai anh dân quân xem giấy tờ của Võ Nguyên Giáp với thái độ đầy nghi hoặc trước khi cho đi. Ông đi tiếp đến Khánh Hòa, tại đây ông đã bị chặn lại vì máy bay Pháp bắn phá.

"Rõ ràng là địch muốn phá vây ở Nha Trang để chiếm một số tỉnh ven biển trước khi cắt đứt hẳn con đường tiếp tế từ miền Bắc".

Đó cũng là lúc Võ Nguyên Giáp nhận được điện khẩn của Hồ Chí Minh giục trở ra Bắc gấp. Bỏ dở cuộc đi thăm mặt trận đã được dự kiến, Võ Nguyên Giáp lệnh cho lái xe đi gấp ra Hà Nội. Một buổi chiều giáp Tết 1946, ông qua đèo Hải Vân ở ngay phía bắc Đà Nẵng. Tiết trời xám xịt đầy mây, sương mù xóa nhòa ranh giới mây trời và biển ở đường chân trời. Khi xe đi qua một khúc quanh một bên là vách đá, một bên là vực thẳm, trời bỗng đổ mưa. Vậy mà xe vẫn bị chặn lại để lính Tàu Tưởng kiểm soát giấy thông hành. Mưa nặng hạt đến nỗi đèn pha chỉ chiếu được năm sáu mét đằng trước. Võ Nguyên Giáp nghĩ đến Tết đón năm mới ở miền Bắc, mong chóng kết thúc chuyến đi dài và chậm này, trong lòng còn suy ngẫm về sức mạnh của người Pháp mà ông đã có thể cảm nhận được trong chuyến đi công tác miền Nam lần này.

---

[1] Việt Minh thỏa thuận với Việt Nam Quốc dân Đảng và Đồng minh hội là trong Chính phủ liên hiệp, Bộ Quốc phòng và Bộ Nội vụ giao cho người không đảng phái. Vì vậy, ông Phan Anh là Bộ trưởng Quốc phòng, cụ Huỳnh Thúc Kháng làm Bộ trưởng Nội vụ, Quân sự ủy viên hội do Võ Nguyên Giáp (Việt Minh) làm chủ tịch. Vũ Hồng Khanh (Việt Nam Quốc dân Đảng) làm phó chủ tịch (ND).

“Chúng ta phải thực tế”

Vài ngày sau khi từ miền Nam trở về, Võ Nguyên Giáp đến biệt thự của cố vấn Vĩnh Thụy. Được đưa vào phòng khách, Võ Nguyên Giáp cất tiếng chào: “Tôi vừa mới đi công tác về”. Ông giữ đúng lời hứa trước khi ra đi, khi về sẽ báo ngay cho ông cố vấn.

Đã được báo trước về việc đến thăm, Bảo Đại mời ngay Võ Nguyên Giáp vào bàn ăn đã được chuẩn bị sẵn. Trong bữa cơm Bảo Đại thấy Võ Nguyên Giáp hôm nay có vẻ bối rối, chỉ chăm chú vào thức ăn mà không ngẩng lên, dường như muốn tránh ánh mắt của mình. Không còn là Võ Nguyên Giáp với dáng điệu quen thuộc, tự tin mọi ngày. Hôm đó nét mặt Võ Nguyên Giáp như tối sầm. Kết thúc bữa ăn, Bảo Đại mới rụt rè lên tiếng:

- Tình hình trong đó thế nào rồi?

- Chúng ta phải thực tế mới được, thưa ngài cố vấn.

- Thế là thế nào, thưa ông?

- Chúng ta phải thích nghi với việc trở lại của người Pháp.

Võ Nguyên Giáp buồn rầu giải thích, trong tâm trí nhớ lại sức mạnh quân sự của Pháp mà các đồng chí của ông đang phải đương đầu ở miền Nam.

- Chúng ta phải quay về với chế độ bảo hộ à? Ông nói đùa đấy chứ, ông Giáp, tôi hy vọng như thế. Bảo Đại không tin ở tai mình nữa!

- Không tôi nói thật đấy! Nếu cần thiết phải đến nước ấy, thưa ngài cố vấn.

Bảo Đại không giữ được bình tĩnh:

- Tôi không hiểu ông nói gì. Tôi đã nhận độc lập từ tay Nhật. Tôi đã thoái vị nhường quyền cho Việt Minh. Tôi đã nhường chỗ cho các ông. Nay các ông gài số lùi ư?

- Đó là con đường duy nhất có thể đi được. Ở miền Nam người Pháp đã phá hủy hết các cơ cấu mà chúng ta vất vả lắm mới xây dựng được. Họ kiểm

soát tuyệt đối tất cả rồi. Sớm muộn gì thì họ cũng ra đây! Làm sao chúng ta có thể chống lại họ? Chúng ta có quân nhưng không có súng đạn.

Bình tĩnh trở lại sau khi đưa ra nhận xét đó, Võ Nguyên Giáp đi vào chi tiết tình hình. Ông vừa nói vừa đùa kể lại một giai thoại để ông cố vấn vui vẻ trở lại. Lúc đi qua Vinh ông ghé vào thăm quê của Quang Thái - người vợ quá cố. Ông đến thăm Ủy ban nhân dân Cách mạng trong làng. Võ Nguyên Giáp cho họ biết ông không những thay mặt cho cụ Hồ mà còn thay mặt cho cả cố vấn Vĩnh Thụy nữa. Thế là họ hỏi ngay tình hình sức khỏe của Bảo Đại ra sao. Võ Nguyên Giáp kể cho họ nghe những điều ông biết. Thế là sáng hôm sau họ mang một chiếc lọng to ra để nơi gót chân ông vì không cho ông đứng xa cái lọng ấy nửa bước chân. "Như vậy có ý nghĩa gì?"

- Không có gì phải ngạc nhiên - Bảo Đại giải thích: - Lọng là biểu tượng uy quyền của nhà vua. Ông đã chẳng nói cho họ biết là thay mặt cho cả tôi nữa thì họ phải tôn vinh ông với đầy đủ nghi thức như đối với bản thân hoàng đế vậy!

Võ Nguyên Giáp đã e ngại sức mạnh của quân Pháp, đến giờ nghe Vĩnh Thụy giải thích, ông lại thấy ảnh hưởng của Việt Minh trong chính phủ vẫn chưa thật sự vững chắc, điều đó khiến ông lo lắng.

Trong những tuần tiếp theo, Võ Nguyên Giáp nỗ lực vượt bậc để tổ chức nhân dân miền Bắc. Mùa xuân năm 1946, mỗi làng, mỗi thôn xóm, mỗi đường phố, mỗi tổ chức đều có lực lượng tự vệ cố gắng tự túc cả về lương thực lẫn vũ khí. Đơn vị nào mạnh nhất đều có hai hay ba đại đội, chỗ nào yếu nhất thì cũng phải có một trung đội. Ở Hà Nội công việc tiến triển tốt hơn cả. Đội viên tự vệ Hà Nội tự kiếm trang phục, vũ khí, dao găm, lựu đạn, mã tấu, súng săn và kể cả liên thanh Nhật. Được chính phủ giúp đỡ bằng cách cử người xuống huấn luyện quân sự, dạy chính trị. Dưới sự lãnh đạo chặt chẽ của Đảng, lực lượng tự vệ có hẳn một trung tâm đào tạo cán bộ. Võ Nguyên Giáp thỉnh thoảng đến giảng chính trị ở đó.

Võ Nguyên Giáp đã có nhiều trải nghiệm và trưởng thành. Cuối năm 1945, kinh nghiệm quân sự của ông mới ở mức chỉ huy một tiểu đoàn trong quân đội phương Tây, đến năm 1946, ông giữ trọng trách tương tự như tướng chỉ huy quân đoàn trên chiến trường. Chỉ qua vài tháng từ khi giành được chính quyền tháng 8/1945, quân số dưới quyền chỉ huy của ông đã tăng gấp mười lần. Võ Nguyên Giáp cũng không coi nhẹ tranh thủ sự ủng hộ của những người chưa có điều kiện nhập ngũ. Nơi nào ông cũng khuyến khích người dân lập "bàn thờ Tổ quốc" để luôn nhắc nhở họ ý thức thiêng liêng về

nghĩa vụ đối với Tổ quốc. Từ việc thành lập bàn thờ tổ tiên trong mỗi gia đình, ông đã đưa ra ý tưởng thành lập bàn thờ Tổ quốc. Các thành viên trong gia đình bây giờ có thể trung thành với dân tộc trước bàn thờ Tổ quốc. Rất nhiều nơi không phải chỉ riêng ở Hà Nội đã lập lên những bàn thờ như thế.

Mối quan tâm hàng đầu của Võ Nguyên Giáp là việc trang bị vũ khí cho quân đội. Phần tài chính ít ỏi mà Chính phủ dành cho việc này là các khoản tiền được cấp để mua vũ khí của quân Nhật hay quân Tàu Tưởng. Những nỗ lực đó không làm Võ Nguyên Giáp yên tâm về nhu cầu trang thiết bị cho quân đội của ông đang mỗi ngày một phát triển. Mặt khác, ông không thể trang bị cho quân đội theo một mẫu thống nhất như tất cả các nước mỗi khi xây dựng quân đội cho mình đều phải làm như vậy. “Kết quả là số lượng ít ỏi về vũ khí, đạn dược mà chúng tôi có được là một thứ trang bị tạp nham hổ lốn, xuất xứ từ đủ loại nguồn gốc. Trong đó có cả súng nòng ngắn trường Nga nòng dài ngoẵng từ đời Sa hoàng, súng Mutke chế tác từ những xưởng luyện kim nguyên thủy thế kỷ XVI - XVII, tất cả đến bốn chục loại, bắn đủ các loại đạn khác nhau”.

Võ Nguyên Giáp đã kể ra một số loại vũ khí trong vô số loại mà quân đội của ông đã sử dụng: mút-cơ-tông, súng trường ngắn nòng, súng bắn lựu đạn, súng săn cỡ 12, 16, 20, súng nòng ngắn của kỵ binh Nhật, súng trường Anh 7,7mm, súng remington của Mỹ sản xuất năm 1903 và 1917, súng mauser của Đức 9mm và 7,5mm. Không phải là Võ Nguyên Giáp muốn thế nhưng đó là buổi đầu tất yếu phải trải qua. Ít nhất quân sĩ của ông cũng phải có cái gì để mà tự vệ chứ!

Đồng thời Võ Nguyên Giáp cũng nói thẳng với quân đội của ông rằng có gì dùng nấy, bất cứ thứ vũ khí nào có trong tay đều có thể dùng để đánh địch. Trong lần trả lời phỏng vấn Jean Lacouture đăng trên báo *Paris - Sài Gòn* ngày 27/2/1946, Võ Nguyên Giáp nhắc lại những ý nghĩ của ông về tương lai không mấy sáng sủa: “Nếu nước Pháp không nhìn xa trông rộng khiến xung đột nổ ra thì nên biết rằng chúng tôi quyết chiến đấu bất chấp mọi tổn thất về sinh mạng và vật chất”.

Sức ép đối với Chính phủ Hồ Chí Minh tăng lên từ khi một phái đoàn ngoại giao ký Hiệp ước Pháp - Hoa ngày 28/2/1946 quyết định Trung Quốc chấp nhận để Pháp gửi một số quân hạn chế đến miền Bắc Đông Dương thay thế quân Trung Quốc sẽ rút về nước trong khoảng từ ngày 1 đến ngày 15/3, chậm nhất là 31/3. Đổi lại Pháp từ bỏ những khu nhượng địa cũ và những quyền lợi khác ở Trung Quốc. Điều đó tạo điều kiện cho Pháp được rảnh tay lập lại nền thống trị thuộc địa ở Đông Dương. Chính phủ Hồ Chí Minh có

khả năng thực sự điều hành công việc của đất nước từ khi về Hà Nội tháng 8/1945 nay đang gặp phải những tảng đá ngầm, trong lúc một số khủng hoảng xuất hiện ngày càng rõ ràng đối với Võ Nguyên Giáp và các đồng chí của ông.

Từ tháng 8/1945, trong các cuộc đàm phán ngắt quãng với người Pháp, Hồ Chí Minh cố gắng tìm cách xây dựng phương án thỏa hiệp để giữ cho chính phủ tồn tại, trong đó có hai điểm được nhấn mạnh:

1/ Nước Việt Nam phải được thống nhất, Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ phải được coi như một thực thể chính trị duy nhất.

2/ Nước Việt Nam phải được độc lập.

Người Pháp từ chối công nhận độc lập và họ nhấn mạnh việc Nam Kỳ của Việt Nam phải được duy trì những quan hệ đặc biệt với mẫu quốc.

Từ khi hiệp định Pháp - Hoa được ký kết, Hồ Chí Minh hiểu rằng mình đã chậm chân. Võ Nguyên Giáp thì rất bực tức và hụt hẫng. Ông nói: “Trước đây chúng tôi đã cố gắng lợi dụng mâu thuẫn giữa người Pháp và người Trung Quốc, thực hiện hòa hoãn với Tàu Tưởng để tập trung sức đối phó với Pháp (ở miền Nam). Nhưng nay hai kẻ thù âm mưu chống phá chúng tôi”. Võ Nguyên Giáp biết trước khi rút quân về nước, bọn Tàu Tưởng sẽ cố đưa Việt Nam Quốc dân Đảng và Đồng minh hội vào chính quyền.

Nếu ai muốn hỏi xem Hồ Chí Minh có bằng lòng để người Pháp đưa quân trở lại Bắc Kỳ không, thì ông sẽ nói ngay: “Các anh điên cả rồi sao, các anh có hiểu là không bằng lòng cho Pháp vào có nghĩa là để người Trung Hoa ở lại không? Các anh có hiểu lịch sử không? Lần trước người Trung Hoa đến đây, họ đã ở lại một nghìn năm. Lần này họ đến nữa, họ sẽ không bao giờ đi khỏi đây”[1].

Việt Nam Quốc dân Đảng và Đồng minh hội càng ngày càng hoạt động ráo riết. Võ Nguyên Giáp tâm sự: “Chúng làm như thể chúng là những nhà cách mạng nhiệt tình nhất. Âm mưu của chúng là đẩy chúng ta vào thế đối lập với Hiệp ước Pháp - Hoa, điều đó càng tạo điều kiện cho Pháp và Tưởng có lý do để bào chữa cho sự câu kết với nhau nhằm chống phá cách mạng”. Võ Nguyên Giáp tiếp tục giải thích lập trường của Việt Minh đối với Pháp: “Vừa giành được độc lập với bất cứ giá nào vừa *liên minh* với Pháp”.

Võ Nguyên Giáp tố cáo hai đảng Việt Nam Quốc dân Đảng và Đồng

minh hội tăng cường các vụ bắt cóc những người lãnh đạo các đảng đối lập. Chúng dành nhiều thời gian vào việc chia rẽ đoàn kết dân tộc hơn là tìm cách ngăn chặn việc Pháp trở lại. Khi Hồ Chí Minh có những cuộc tiếp xúc với Pháp, chúng cáo buộc ông là phản bội dân tộc và bảo trợ cho những cuộc biểu tình kịch liệt đòi Hồ Chí Minh từ chức để Bảo Đại lên đứng đầu chính phủ.

Ngày 16/2/1946, Hồ Chí Minh gặp Sainteny, Ủy viên cộng hòa Pháp tại Bắc Kỳ và Bắc Trung Kỳ, để bắt đầu các cuộc thảo luận ngoại giao. Hồ Chí Minh gợi ý: Việt Nam độc lập trong Liên hiệp Pháp. Sainteny phản đối và đề nghị: Bắc Kỳ và Trung Kỳ tự trị trong Liên hiệp Pháp và tổ chức trưng cầu dân ý ở Nam Kỳ để quyết định xem Nam Kỳ có muốn thiết lập quan hệ với hai miền kia không. Sainteny báo cáo về Paris nội dung thực chất của các cuộc hội đàm nói trên.

Để ngăn ngừa những lời chỉ trích trong nước, Hồ Chí Minh định lập chính phủ mới ngày 24/2. Trong chính phủ mới, Việt Minh nắm năm bộ, Việt Nam Quốc dân Đảng và Đồng minh hội kiểm soát sáu bộ nhưng Hồ Chí Minh vẫn giữ ghế Chủ tịch.

Quốc hội Việt Nam họp phiên đầu tiên ngày 2/3/1946 tại nhà hát Thành phố phủ kín cờ. Võ Nguyên Giáp hài lòng về thành phần tham dự: "Chưa bao giờ có sự tập hợp đông đủ các đại biểu từ khắp nơi trong nước kể cả đại biểu các đảng phái phản động và nhiều khách mời ngoại quốc như vậy". Quốc hội nhanh chóng phê chuẩn chính phủ mới của Hồ Chí Minh. Cùng ngày hôm đó, Võ Nguyên Giáp được bổ nhiệm vào Ủy ban toàn quốc kháng chiến. Ông nói: "Con tàu Tổ quốc tiến lên vượt qua bao thác ghềnh cực kỳ nguy hiểm". Trước tình hình Việt Nam sắp đến bước ngoặt quan trọng, ban lãnh đạo Đảng Cộng sản thuyết phục Quốc hội bế mạc cùng ngày lúc 1 giờ trưa, sau buổi họp chỉ kéo dài bốn tiếng đồng hồ.

Khoảng đầu tháng 3/1946, các cuộc thương lượng giữa Việt Minh và Pháp vẫn không nhúc nhích. Để đề phòng bất trắc, Võ Nguyên Giáp ra lệnh cho các lực lượng vũ trang đề cao cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu. Tất cả các cơ quan chính của chính phủ đều chuẩn bị chu đáo đề phòng những lộn xộn xảy ra. Phần lớn người già và trẻ em đều tản cư khỏi thủ đô. Các lực lượng tự vệ thành phố đặt mìn ở gốc cây, chân cột điện dọc các đường phố. Khi có hiệu lệnh, người ta sẽ dễ dàng đánh đổ gốc cây, cột điện để làm chướng ngại vật ngang đường hoặc làm chiến lũy trên đường phố. Các đường tàu xe điện cũng được đặt mìn để sẵn sàng đợi lệnh phát nổ. Cũng trong tháng đó, để đề phòng trước cuộc xung đột mà người ta cho là khó có thể tránh khỏi, Ban

Chấp hành Trung ương Đảng bổ nhiệm Võ Nguyên Giáp làm Phó chủ tịch Hội đồng Quốc phòng tối cao, Tổng chỉ huy các lực lượng vũ trang.

Các cuộc đàm phán giữa Hồ Chí Minh và Sainteny vẫn tiếp tục. Người Pháp thừa nhận một cách loanh quanh rằng Việt Nam là một quốc gia tự trị trong Liên hiệp Pháp có chính phủ, có quốc hội, quân đội và tài chính riêng. Về thống nhất ba kỳ (Bắc, Trung, Nam), Chính phủ Pháp hứa sẽ chấp nhận kết quả trưng cầu ý dân nhưng không nhượng bộ về việc công nhận Việt Nam độc lập. Ngay cả với ý tưởng nói đến từ "độc lập", các nhà ngoại giao Pháp đều thấy rùng mình rồi.

Hồ Chí Minh nhất định không nhượng bộ, ý kiến hai bên còn rất xa nhau, như Võ Nguyên Giáp giải thích: "Chúng tôi không thể chấp nhận "tự trị" vì chúng tôi đã phải bỏ một phần các quyền tự do mà chúng tôi đã giành được bằng nhiều xương máu và chúng tôi đã phải chấp nhận ít nhất một phần trở lại chế độ nô lệ, thuộc địa". Võ Nguyên Giáp sôi nổi hẳn lên: "Nam Kỳ là máu Việt Nam, là thịt Việt Nam, một phần lãnh thổ Việt Nam và chúng tôi không cho phép bất kỳ kẻ địch nào có thể cắt khỏi (cơ thể) Việt Nam". Vậy là thương lượng bế tắc.

Để làm chỗ dựa cho lập trường của mình, Pháp phái hạm đội ra Vịnh Bắc Bộ. Trước tình hình đó, ngày 6/3 Hồ Chí Minh gặp Sainteny. Để thúc đẩy thương lượng ra khỏi bế tắc do Pháp không nhận từ "độc lập", Hồ Chí Minh cho biết có thể nhận Việt Nam là một "quốc gia tự do" có chính phủ, quốc hội, quân đội, tài chính riêng và chấp nhận giải quyết vấn đề Nam Kỳ sẽ hoãn lại cho đến khi tổ chức trưng cầu ý dân. Ông cũng nhấn mạnh việc nhiều nhất là 15.000 lính Pháp sẽ được phép vào miền Bắc thay thế lính Trung Hoa sắp rút về nước, hoàn thành việc giải trừ quân bị và hồi hương nốt quân Nhật còn lại. Thêm nữa, Hồ Chí Minh muốn thấy số quân Pháp sau khi hoàn thành nhiệm vụ được giao đó sẽ rút dần về nước. Họ chỉ có thể ở lại 10 tháng, không được thêm một ngày nào nữa. Còn những lực lượng khác của Pháp phải rút hết trong thời hạn 5 năm.

Phái đoàn Sainteny chấp nhận đề nghị đó của Hồ Chí Minh, một đề nghị không khác lắm so với các giải pháp của Pháp đã đưa ra trước đó, trừ từ "tự do" thay cho từ "độc lập". Trong lúc đó, Bảo Đại đã phàn nàn với Võ Nguyên Giáp về việc đã quá nhân nhượng với Pháp và đã đi giật lùi. 16 giờ ngày 6/3/1946 hai phái đoàn Pháp - Việt gặp nhau, có sự chứng kiến của đại biểu Pháp, các sĩ quan chỉ huy Bộ Tham mưu Bắc Đông Dương của quân đội Trung Hoa, các quan sát viên của phái đoàn Mỹ và lãnh sự quán Anh. Võ Nguyên Giáp ghi lại một cách khinh miệt rằng: "Các vị người to béo, tác

phong lịch thiệp ấy đa số là sĩ quan quân đội", trái ngược hoàn toàn với Hồ Chí Minh - một ông già mảnh khảnh, đến để ký một văn kiện quan trọng trong bộ quần áo kaki bạc màu, đi đôi giày vải màu xanh chàm. Võ Nguyên Giáp nói về tình hình lúc đó: "Bức tranh tóm tắt tình thế lúc đó xung quanh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là một vòng vây dày đặc đế quốc".

Những hình ảnh chua xót trong quá khứ diễn ra trước mắt Võ Nguyên Giáp. Ông nghĩ đến Jules Harmand, Tổng lãnh sự và Ủy viên trưởng Cộng hòa Pháp ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ trong nhiều năm trước đây, dựa vào đại bác và quân đội đã buộc vua quan triều Nguyễn phải ký hiệp ước nhục nhã năm 1883. Ông nghĩ đến Hiệp ước Patenotre cũng do Pháp áp đặt một năm sau, đặt đất nước hoàn toàn dưới ách thống trị của thực dân Pháp. Ông nhớ lại, cũng từ ngày đó độc lập dân tộc và các quyền tự do khác kể cả quyền thiết lập quan hệ với nước ngoài đều bị Pháp tước bỏ.

Võ Nguyên Giáp cũng kinh ngạc nhận thấy những thay đổi khác thường mà cuộc Cách mạng tháng Tám mang lại cho đất nước. Người dân Việt Nam bị gông xiềng trói buộc và sống khốn khổ trong nô lệ đã đứng dậy và trở thành một dân tộc tự do. Võ Nguyên Giáp nghĩ Chính phủ non trẻ của Việt Minh "đã đứng vững trong bão táp. Bây giờ kẻ thù được sự ủng hộ của một đội quân đông đảo, có máy bay và tàu chiến, xe bọc thép yểm hộ phải thương lượng bình đẳng với chúng ta." Ông cảm thấy đây là thắng lợi ban đầu khi Pháp đã công nhận Việt Nam là một "quốc gia tự do", từ chỗ là một dân tộc mà 63 năm trước đã bị tước đoạt hết mọi quyền tự do.

Hôm đó đại biểu hai bên ký tên vào hai văn kiện. Bản thứ nhất gọi là Hiệp định sơ bộ do Sainteny, Hồ Chí Minh và Vũ Hồng Khanh đại biểu của Việt Nam Quốc dân Đảng ký. Bản thứ hai gọi là Phụ lục quân sự do Sainteny và tướng Raoul Salan đại diện cho Pháp và Võ Nguyên Giáp đại diện cho Việt Nam ký. Thất vọng vì trong hoàn cảnh lúc đó chỉ đạt được một phần rất nhỏ mục tiêu đề ra, Võ Nguyên Giáp nhận xét đó là "văn kiện quốc tế đầu tiên mà Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ký với nước ngoài". Bản hiệp định này làm cho Pháp thỏa mãn hơn nhiều. Họ giữ được Nam Kỳ, vùng sản xuất lúa gạo chủ yếu, trung tâm thương mại quốc tế quan trọng. Lúc đó gạo và cao su là một trong những mặt hàng xuất khẩu quan trọng nhất của Đông Nam Á. Trưng cầu dân ý để quyết định số phận của Nam Kỳ chỉ là nguyên tắc chung, không quy định thời hạn và thể thức thực hiện. Họ có thời gian để nắm chặt hơn đất Nam Kỳ, còn Việt Minh không có cách nào ngăn cản được.

Người Pháp cũng thấy bản Phụ lục quân sự có lợi cho họ nhiều hơn. Việc hứa rút quân trong 5 năm nữa chỉ là danh dự của họ. Họ nghĩ có thể

tăng thêm quân vào miền Bắc nếu việc đó trở nên cần thiết mà không có sự ràng buộc nào. Việt Minh phải duy trì trật tự cho họ mà không để tinh thần chống Pháp vượt quá giới hạn. Nếu Việt Minh có hành động nào chống Pháp, người Pháp sẽ coi đó là sự khiêu khích để biện minh cho hành động quân sự của mình. Họ tin vào "văn minh ưu việt" của họ, vào ưu thế vũ khí và kỹ thuật có thể đè bẹp bất kỳ sự đề kháng nào của Việt Minh. Cuối cùng Việt Minh có thể sẽ phải co cụm về vùng rừng núi, không dám ra ngoài, nhưng với Hiệp ước 6/3 thì Việt Minh vẫn còn hy vọng có thể giữ được thành tựu của mình mà không để xảy ra chiến tranh.

Dù cảm thấy cay đắng và chua chát nhưng Võ Nguyên Giáp vẫn cố giữ cử chỉ thân ái với kẻ thù. Ngày hôm sau (7/3/1946) ông đi Hải Phòng gặp tướng Leclerc. Ngay phần mở đầu cuộc gặp gỡ, Võ Nguyên Giáp nói về một "đảng viên tiên phong" của nước Pháp đã chiến đấu chống quân Đức trong cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai và ông tự mô tả mình như một "đảng viên tiên phong" của Việt Nam. Võ Nguyên Giáp muốn nhấn mạnh đây là cuộc gặp nhau của hai người ngang địa vị. Rồi ông nói đến Paris là thủ đô của văn hóa và tự do. Leclerc lẩm bẩm đáp từ và bày tỏ vui mừng được cộng tác với người Việt Nam, nói sẽ làm mọi điều cần thiết dù có hay không có người Việt Nam chung sức…

Võ Nguyên Giáp thất vọng vì cuộc tiếp xúc không đi đến đâu. Ông càng thấy bức xúc khi sắp sửa quay về Hà Nội thì nhìn thấy ở cảng từng đoàn xe bọc thép từ các họng tàu đổ bộ đang dần tiến lên bờ. Sức mạnh quân Pháp đang tăng lên quá nhanh chóng.

Trong khi Võ Nguyên Giáp quay về Hà Nội thì cuộc xung đột ở Hải Phòng giữa quân Pháp và quân Tàu Tưởng đã bắt đầu. 8 giờ 30 phút sáng hôm đó[2] những tàu đổ bộ đầu tiên của Pháp nổ súng vào sông Cửa Cấm. Quân Tàu Tưởng ở dọc bờ sông bắt đầu bắn lại. Quân Pháp bắn trả. Một kho đạn của quân Trung Quốc bị trúng đạn nổ tung cùng nhiều kho hàng chứa chiến lợi phẩm sắp chuyển xuống tàu đưa về nước. Cuộc đấu súng kéo dài gần hai tiếng, đến khoảng 11 giờ quân Trung Quốc rút lui. Võ Nguyên Giáp ghi lại tình hình: "Rất nhiều lính Pháp chết hoặc bị thương."

Ngay chiều 7/3, Hồ Chí Minh và Võ Nguyên Giáp phát biểu tại cuộc mít tinh quần chúng 10 vạn người tập hợp tại Hà Nội. Hai người khẳng định sự cần thiết của bản Hiệp định vừa ký với Pháp. Đây là lần xuất hiện trước công chúng đầu tiên của Võ Nguyên Giáp sau lần bãi chức Bộ trưởng Nội vụ, và là một bằng chứng cho thấy Hồ Chí Minh vẫn tiếp tục tin vào khả năng của ông. Võ Nguyên Giáp phát biểu đầu tiên, vào lúc mà vận mệnh dân

tộc như ngàn cân treo sợi tóc.

Trong bài phát biểu, Võ Nguyên Giáp nhấn mạnh các ý sau: Các nước lớn chưa nước nào công nhận nước ta, nếu Việt Nam Dân chủ Cộng hòa chống lại sự xâm lược của Pháp lúc này thì sẽ phải chiến đấu đơn độc. Nếu kháng chiến thì lực lượng cách mạng chỉ giữ được vài tỉnh. Cuộc kháng chiến có thể là rất anh dũng nhưng dân chúng sẽ phải chịu gian khổ ghê gớm. Chiến thuật vườn không nhà trống cần thiết áp dụng trong cuộc xung đột sẽ làm cuộc sống đảo lộn cả. Vì vậy, chúng ta phải ký hiệp định.

Võ Nguyên Giáp giải thích: sự thỏa hiệp sẽ hướng về hai phương diện: bảo vệ và tăng cường các vị thế chính trị, quân sự và kinh tế của chính phủ vào lúc chính quyền cách mạng còn đang trứng nước. “Một số điều khoản của hiệp định làm chúng ta hài lòng nhưng chúng ta không thỏa mãn một số điều kiện khác là nước Pháp thừa nhận nước ta là một “quốc gia tự do”. Tự do không phải là tự trị, là hơn tự trị nhưng đó chưa phải là độc lập. Giờ đây nền tự do của chúng ta đã được thừa nhận, chúng ta phải tiếp tục… cho đến khi giành được độc lập hoàn toàn”. Và Võ Nguyên Giáp hứa chắc chắn cuộc trưng cầu dân ý sẽ đem Nam Kỳ trở về với Việt Nam. Mục tiêu của cách mạng không thay đổi, đó là Việt Nam hoàn toàn độc lập.

Đám đông lắng nghe Võ Nguyên Giáp phát biểu, thái độ thay đổi hẳn. Mọi người giữ im lặng. Bỗng nhiên nổi lên vài lời tán thưởng rồi dần dần lan ra thành những tràng vỗ tay hoan hô cuồng nhiệt ầm ầm như sấm dậy do những cán bộ Việt Minh được bố trí rải rác trong đám đông để khuyến khích vỗ tay đúng lúc. Một lần nữa Việt Minh lại thành công trong việc xóa tan những mối nghi ngờ, thắc mắc, ấm ức, bực bội tạo thành áp lực ghê gớm trong dân chúng từ lúc nghe tin ký hiệp định. Việt Minh vẫn giữ nguyên được vị thế đỉnh cao của quyền lực, khôn khéo vượt qua được những thời điểm nhạy cảm nhất.

Trong những ngày tiếp theo, Võ Nguyên Giáp tận dụng triệt để mặt có lợi của Hiệp định sơ bộ 6/3 và bản Phụ lục quân sự. Tuy không giành được kết quả riêng biệt nào nhưng ông nhấn mạnh quyền được tham khảo ý kiến mỗi khi Pháp muốn di chuyển lực lượng của họ ngoài những điểm đóng quân được thỏa thuận trong phụ lục. Ngày 22/3 Võ Nguyên Giáp cùng Leclerc tổ chức cuộc duyệt binh chung Pháp - Việt và đặt vòng hoa tại đài tưởng niệm chiến sĩ tử vong Pháp và Việt. Ngày hôm đó trong diễn văn Võ Nguyên Giáp còn khen ngợi quân đội Pháp. Chắc hẳn đây là điều khó chịu đối với ông nhưng lại quan trọng đối với Đảng vì đã tìm được cách thể hiện hòa hoãn với Pháp.

Hai bên tiến hành một hội nghị quan trọng ở Đà Lạt khai mạc tối ngày 18/4/1946. Đây là một nơi nghỉ dưỡng trên núi thuộc tỉnh Lâm Đồng, giữa cao nguyên miền trung, do khí hậu tương đối mát mẻ nên trở thành một nơi nổi tiếng với người châu Âu không chịu được cái nóng của xứ Đông Dương. Võ Nguyên Giáp tham gia hội nghị Đà Lạt với cương vị Trưởng đoàn đại biểu Chính phủ Việt Nam và người ta có dịp thấy ông là con người có lập trường chính trị kiên định, có ý chí ngoan cường trong lập luận, đấu tranh bênh vực quan điểm của ông đến cùng. Chính ở Đà Lạt mà người Pháp đặt cho ông biệt danh là "núi lửa phủ tuyết". Đây là biệt danh hoàn toàn thích hợp với tính khí của ông: bên ngoài nhìn chung đó là một con người bình tĩnh nhưng ẩn chứa bên trong là thái độ chính trị bất biến, một tinh thần yêu nước nồng nàn và tinh thần căm thù giặc Pháp sục sôi. Một trong những người quan sát lúc đó đã miêu tả ông: dịu dàng, hiền lành nhưng kiên quyết, hàm răng luôn luôn dính chặt và không bao giờ mỉm cười. Ông có cặp mắt sáng, cương nghị.

Khi nói chuyện tay đôi, ông luôn giữ thái độ thân ái, tranh thủ được cảm tình của người đối thoại trước mặt ít nhất khi hai người thân mật xưng hô "mày - tao" với nhau. Nhưng Võ Nguyên Giáp đã không giấu nổi sự thất vọng khi ông lên tiếng rằng hội nghị phải đề cập các vấn đề liên quan đến Nam Kỳ, thì các đại biểu Pháp khẳng định ngay họ không được quyền thảo luận bất cứ vấn đề gì liên quan đến Nam Kỳ. Họ nói ở đó đã bình định xong, chỉ trừ một vài cuộc hành quân cảnh sát. Võ Nguyên Giáp nói gần như quát lên: "Nói như thế là thách thức với thực tế. Sự thật là ở đó các cuộc giao chiến đang diễn ra khắp nơi. Chúng tôi không bao giờ buông vũ khí... Chúng tôi muốn hòa bình, đúng thế, nhưng là một nền hòa bình trong tự do và công bằng, một nền hòa bình phải phù hợp với tinh thần bản Hiệp định sơ bộ ngày 6/3 chứ không phải hòa bình trong nhẫn nhục, mất danh dự và nô lệ". Rồi ông tiếp tục nhấn mạnh lập trường của Việt Minh: "Chúng tôi đòi đình chỉ các cuộc tiến công vào quân đội của chúng tôi ở miền Nam và sự nhục nhã bi thảm đó phải chấm dứt". Ông đột nhiên lấy lại bình tĩnh, nghiêng người về phía trước với một nụ cười bí hiểm trên khuôn mặt. Ông nói về tuổi thanh niên của ông, về vợ ông đã bị bỏ tù và giết hại ra sao, cuộc đời ông đã trải qua những sóng gió như thế nào. Dừng lại suy nghĩ một lúc, ông nói tiếp rằng ông có thể xóa hết mọi đau khổ, chìa bàn tay thân ái, dành sự căm thù với những kẻ có trách nhiệm gây ra những thảm kịch đó.

Pierre Auguste Joseph Messmer, một đại biểu Pháp, sau này là Bộ trưởng Quốc phòng và Thủ tướng đứng lên trả lời Võ Nguyên Giáp. Ông nhắc lại sau khi bị Việt Minh bắt năm 1945, ông đã bị áp giải khổ sở như thế nào ở Bắc Kỳ, sau đó là bị bỏ tù. Ông kể lại chuyến đi dài vô tận hàng cây

số, tay bị xiềng xích, thỉnh thoảng lại bị quất vào lưng. Bạn ông, đại úy Brancourt đã bị những người canh gác giết hại và bản thân ông nhờ có phép màu mới thoát được. Võ Nguyên Giáp đứng im khi Messmer tiếp tục: "Nếu tôi nhớ không nhầm thì lúc đó ông là Bộ trưởng Nội vụ". Võ Nguyên Giáp gật đầu công nhận. Tức thì Messmer nói luôn: "Tôi cũng vậy, tôi không căm thù gì…, tôi cũng chìa tay,… Tóm lại cả hai chúng ta cùng hoàn cảnh". Messmer ngồi xuống, có vẻ khoái trá về đòn trả đũa của mình.

Một người quan sát có thể nhận thấy cái cốc Võ Nguyên Giáp đang cầm trong tay rung lên. Tất nhiên hai hoàn cảnh không tương tự và cũng không phải là trường hợp của Pháp và Việt Nam hiện nay. Một sự hàn gắn có thể xảy ra khi những người đáng căm ghét kia phải ra đi từ lâu khỏi đất nước này. Võ Nguyên Giáp rời Đà Lạt với ý nghĩ chiến tranh là không thể tránh khỏi.

Ít lâu sau hội nghị Đà Lạt, có thể là đặt trước một việc đã rồi, người Pháp báo tin thành lập Cộng hòa Nam Kỳ có trụ sở tại Sài Gòn. Đó là ý tưởng của Thierry d'Argenlieu và của Cédil bất chấp lời hứa ngày 6/3 là sẽ tuân theo kết quả trưng cầu dân ý để giải quyết quy chế đối với phần lãnh thổ phía nam của Việt Nam.

Khi tin thành lập chính phủ đó được công bố, Hồ Chí Minh lúc này không có mặt ở Việt Nam. Ngày 31/5, Hồ Chí Minh và phái đoàn đàm phán do Phạm Văn Đồng làm Trưởng đoàn đã đến Paris dự Hội nghị Fontainebleau. Cuộc đàm phán bắt đầu vào ngày 6/7, kéo dài đến khi hội nghị tan vỡ vào tháng 8. Sau đó, khi các đoàn trở về nước thì Hồ Chí Minh ở lại Pháp cố gắng cứu vãn tình hình.

Chính là trong thời gian 4 tháng vắng mặt Hồ Chí Minh, Võ Nguyên Giáp đã chứng tỏ khả năng và nghị lực làm việc của ông. Trong lúc được giao làm quyền Chủ tịch nước[3], ông đã cáng đáng được nhiều công việc quan trọng. Ông nhấn mạnh tất cả các đảng phải đoàn kết trong mặt trận dân tộc thống nhất Liên Việt. Đa số từ chối tham gia Liên Việt vì hiểu rằng những vị trí then chốt trong liên minh đó đều trong tay Việt Minh. Là một người Macxit Lêninnit trung thành, hiểu theo cách này hay cách khác, Võ Nguyên Giáp quyết định Việt Minh phải hoàn toàn một mình điều khiển bộ máy chính quyền.

Sự có mặt của quân đội Tưởng Giới Thạch cho tới lúc đó đã đảm bảo sự tồn tại của Việt Nam Quốc dân Đảng và Đồng minh hội. Hai đảng này không có một chương trình gắn kết với nhau để tranh thủ dân chúng như Việt Minh.

Những người lãnh đạo Việt Nam Quốc Dân Đảng và Đồng minh hội thì còn xa mới có được những phẩm chất có thể so sánh với Hồ Chí Minh, Võ Nguyên Giáp và những người có trách nhiệm khác của Việt Minh. Từ khi người lính cuối cùng của quân đội Tưởng Giới Thạch rời khỏi đất nước, ngày 15/6/1946, Võ Nguyên Giáp hối hả hành động ngay. Mục tiêu rải khắp nơi: Đồng minh hội được Quốc dân Đảng Tưởng Giới Thạch ủng hộ, Việt Nam Quốc dân Đảng mượn danh cách mạng của Việt Nam Quốc dân Đảng năm 1930 do Nguyễn Thái Học sáng lập, nhóm quốc gia thân Nhật Đại Việt, những phần tử tờ-rốt-kít phân tán khắp nơi trong nước, những người quốc gia chống Pháp, những người đột lốt Công giáo mang tên "chiến sĩ Công giáo". Võ Nguyên Giáp đã từng bước tìm cách loại bỏ dần các đảng phái, phần tử phản động này.

Để làm được việc này, Võ Nguyên Giáp không chỉ dựa vào cán bộ Việt Minh quen thuộc mà còn sử dụng một đơn vị đặc biệt. Năm 1945, ông đã thu nạp 1.500 quân Nhật Bản cuồng tín chống "người da trắng" tình nguyện phục vụ cho quân đội của Võ Nguyên Giáp sau khi Nhật đầu hàng Đồng minh. Ý tưởng quay về Tổ quốc bại trận và bị chiếm đóng không hấp dẫn gì số quân nhân này. Trong số đó có 230 hạ sĩ quan và 47 nhân viên hiến binh Nhật cũ. Đứng đầu là đại tá Mukayama, sĩ quan tham mưu của quân đoàn 38. Võ Nguyên Giáp cho họ được hưởng quốc tịch Việt Nam và được cấp giấy căn cước giả. Mukayama trở thành một trong những trợ thủ hăng hái của Võ Nguyên Giáp, bao giờ cũng có mặt mỗi khi phải tấn công vào các đối thủ của Việt Minh. Đó là trường hợp hiện nay. Trong công việc này, không phải là không nghịch lý, Võ Nguyên Giáp tìm được sự ủng hộ của Pháp. Vì lý do này hay lý do khác, người Pháp thích điều đình với Việt Minh hơn là dính dáng với một nhóm người chỉ muốn ganh đua với Việt Minh.

Trong bối cảnh đó, ngày 19/6/1946, báo *Cứu quốc* của Tổng bộ Việt Minh ấn hành ở Hà Nội đăng một bài xã luận kịch liệt đả kích "bọn phản động - bọn phá hoại" Hiệp định sơ bộ Pháp - Việt ngày 6/3. Võ Nguyên Giáp bắt đầu chiến dịch truy quét, được công an quân đội giúp sức và cả sự hợp tác của nhà cầm quyền Pháp. Khi quân Pháp nắm quyền kiểm soát khu vực do Đồng minh hội kiểm soát trong vùng mỏ Hòn Gai chẳng hạn, họ phải giải thoát trước hết những thủ lĩnh Việt Minh bị Đồng minh hội bỏ tù và giao cho họ quyền quản lý địa phương. Đồng thời Pháp cung cấp cho họ những khẩu pháo để diệt một số vị trí ở bên cạnh do quân Đại Việt chiếm giữ.

Thời gian trôi qua, người Pháp cố gắng lập lại sự kiểm soát ở Đông Dương. Ngày 18/7 tướng Leclerc chỉ huy quân Pháp bị triệu hồi và trung tướng Jean Etienne Valluy thay thế. Valluy sẽ là người đầu tiên trong số

nhiều tướng lĩnh Pháp đặc biệt được giao nhiệm vụ khó khăn là đương đầu với Võ Nguyên Giáp và quân đội Việt Minh. Valluy, 46 tuổi, tương đối thông thạo nghề binh, là một sĩ quan được thưởng nhiều huân chương cao quý, nhập ngũ năm 1917 ở tuổi 18, lúc đầu chỉ là lính thường. Sau một năm chiến đấu trong chiến hào, ông được cử đi học trường võ bị đặc biệt Saint-Cyr và tốt nghiệp năm 1918. Ông trở lại làm lính tiên phong ở trận địa chiến hào. Ông bị thương và được thưởng huân chương chữ thập.

Sau chiến tranh Valluy tiếp tục ở lại trong quân ngũ và giữ nhiều chức vụ trong Bộ Tham mưu rồi chỉ huy đơn vị phần lớn thời gian ở thuộc địa Maroc và Senegal. Khi Chiến tranh thế giới thứ hai nổ ra, ông là tiểu đoàn trưởng, sĩ quan tác chiến quân đoàn XXI bị Đức bắt làm tù binh năm 1940 và giao cho Chính phủ Vichy thân Đức năm 1941. Ba năm sau, rất nhanh ông đã trở thành chuẩn tướng và tham mưu trưởng cho tướng Jean de Lattre de Tassigny (sau này từ năm 1950 - 1951 Tassigny được cử sang Đông Dương làm Tổng chỉ huy quân Pháp kiêm Cao ủy tại Đông Dương). Đầu năm 1946, ông được cử làm chỉ huy quân Pháp ở Bắc Bộ. Ngày 20/2/1947 ông được thăng quân hàm trung tướng[4] và trở thành Tổng chỉ huy quân Pháp toàn Đông Dương.

Võ Nguyên Giáp không đánh giá cao tướng Valluy. Ông có nhiều dịp được gặp và làm việc với Valluy trong các cuộc thảo luận về các vấn đề quân sự. Mặc dù bề ngoài, Valluy được đánh giá là sĩ quan dễ chịu, cởi mở, lịch sự nhưng Giáp nghi ngờ ông là "con người nham hiểm".

Ngày 21/6/1946, trong lúc Võ Nguyên Giáp đang làm việc, thì viên thư ký báo cáo có tướng Valluy đợi ở ngoài cửa, muốn được gặp. Vừa bước vào, Valluy chào hỏi Võ Nguyên Giáp và tuyên bố: "Tôi là một quân nhân có nghĩa vụ phải tuân lệnh cấp trên. Tôi đến đây để trao cho Ngài một thông điệp gửi Chính phủ Việt Nam". Võ Nguyên Giáp trả lời: "Ông hãy đưa cho tôi". Valluy bèn đưa cho Võ Nguyên Giáp một bức thư và chờ đợi. Võ Nguyên Giáp mở phong bì đọc lướt nhanh bức thông điệp ngắn ngủi gửi cho ông với tư cách là người đại diện cho chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa: "Cao ủy Pháp tại Đông Dương - Đô đốc Thierry d'Argenlieu - đã ra lệnh cho quân đội Pháp chiếm cao nguyên của bộ lạc Mọi như đã thông báo trước đó cho Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Hà Nội".

Bộ lạc Mọi sống ở trên cao nguyên miền tây Trung Kỳ, một vùng đất được coi như thiêng liêng của Việt Minh, bởi vì trước đây là một phần của khu giải phóng trong những năm đen tối của Chiến tranh thế giới thứ hai. Thierry d'Argenlieu đã có ý định thiết lập ở đó một nước cộng hòa miền núi

bù nhìn gọi là Cộng hòa Tây Kỳ tách khỏi Việt Minh của Hà Nội nhằm làm suy yếu ảnh hưởng của Việt Minh. Hành động đó như Võ Nguyên Giáp nhận xét sau này là "một bước gây hấn mới của một thầy tu đã phá bỏ lời thề". Đó là cách Võ Nguyên Giáp thường hay nói về Thierry d'Argenlieu, vì thời trẻ d'Argenlieu đã đi tu theo dòng Carmelite. Gần đến Chiến tranh thế giới thứ hai, Thierry d'Argenlieu bỏ tu quay về hải quân tham gia lực lượng quân đội nước Pháp tự do của De Gaulle. Ông được bổ nhiệm Cao ủy (tương đương như Toàn quyền trước đây) tại Đông Dương tháng 8/1945.

Võ Nguyên Giáp ngước mắt nhìn người khách và đuổi khéo:

- Nếu ông đến đây chỉ để truyền lệnh của cấp trên, nhiệm vụ đó coi như đã xong.

Valluy bước ra ngoài. Võ Nguyên Giáp tức giận chờ đợi tin tức mới, và ngay chiều hôm đó, báo cáo dồn dập gửi về Bộ Tổng tham mưu của ông. Máy bay Pháp bay thấp đã ném bom các vị trí đóng quân của Việt Minh. Lính Pháp cũng được liên tiếp phái đến, nhưng vấp phải sự kháng cự quyết liệt nên rút lui. Ngày hôm sau chúng lại tiến công và một lần nữa chúng lại phải rút. Ngày 23/6 quân Pháp mở cuộc đột kích bất ngờ vào bộ đội Việt Minh đang di chuyển từ Pleiku đi Campuchia. Chiến sự dần mở rộng.

Võ Nguyên Giáp ra lệnh cho các đơn vị đánh bại mọi hành động xâm lược của quân Pháp. Người ta tuyên bố rõ ràng rằng Hồ Chí Minh không bao giờ đồng ý cho Pháp chiếm đóng Tây Nguyên. Những hành động của Pháp thuyết phục Võ Nguyên Giáp nếu có cần những chứng cớ thì giải pháp duy nhất là quân sự. Ông biết kiểu xung đột như thế sẽ chỉ có thể là chiến tranh kéo dài. Chỉ có chiến tranh lâu dài mới có điều kiện cần thiết để Việt Minh giành chiến thắng. Không bên nào có thể tránh được cuộc đụng độ bằng đòn đánh phòng ngừa. Vì vậy, ông tiếp tục ra lệnh di chuyển kho đạn về các căn cứ xung quanh Thái Nguyên và Hòa Bình, xây dựng ở đó xưởng quân khí nhỏ để sản xuất các loại vũ khí thô sơ.

Các vụ khiêu khích của quân Pháp ngày càng tăng. Lính Pháp không ngừng gây sự dọc con đường Hà Nội - Lạng Sơn. Trong tỉnh Bắc Ninh, một vụ đụng độ nghiêm trọng xảy ra kéo dài bốn tiếng rưỡi làm cả hai bên đều có người chết. Ngày 25/6 quân Pháp chiếm Phủ Toàn quyền ở Hà Nội do bộ đội Việt Minh tiếp quản từ tháng 8/1945. Võ Nguyên Giáp đưa công hàm phản kháng đến Valluy. Ngày 27, để trả đũa, Việt Minh yêu cầu dân chúng bãi thị ở Hà Nội, Hải Phòng và những nơi có quân Pháp đóng.

Võ Nguyên Giáp tin rằng đằng sau các vấn đề đó là quyết tâm của thế lực "phản động" Pháp tạo ra các vụ nghiêm trọng để phá hoại các cuộc thương lượng ngoại giao đang diễn ra tại Fontainebleau. Cách đối phó duy nhất là chỉ tỏ thái độ kiên quyết trước sự khiêu khích của Pháp.

Mọi việc đều không mấy sáng sủa trong những ngày làm việc căng thẳng của Võ Nguyên Giáp từ cuối mùa xuân đến mùa hè năm 1946. Sau khi trở về Hà Nội tháng vào 8/1945, ông đã về An Xá thăm con gái, bé Hồng Anh. Ông cũng thường xuyên qua lại thăm hỏi Giáo sư Đặng Thai Mai vừa là thầy học vừa là bạn cũ. Việt Minh đã mời Giáo sư làm Bộ trưởng Giáo dục đầu năm 1946. Mặc dù nhiệm vụ của hai người rất khác nhau nhưng trách nhiệm trong chính phủ khiến hai người có dịp gặp nhau nhiều hơn. Cũng như trước đây, Giáo sư Đặng Thai Mai thường mời Võ Nguyên Giáp đến ăn cơm thân mật tại gia đình mỗi khi có thời gian rảnh rỗi.

Trong lần thăm đầu tiên, Võ Nguyên Giáp ngạc nhiên về những đổi thay trong gia đình Giáo sư những năm qua. Khi còn ở trọ nhà Giáo sư tại Vinh vào năm 1932, Võ Nguyên Giáp thích chơi với một trong những người con gái của thầy học là Đặng Bích Hà kém ông 18 tuổi. Lúc đó Hà mới chỉ là cô bé bốn tuổi thường hay gọi Võ Nguyên Giáp bằng chú. Nay cô bé đã trở thành một thiếu nữ xinh đẹp duyên dáng và thùy mị. Cô rất có ấn tượng về chàng trai mà cô ngưỡng mộ như một vị anh hùng của dân tộc thường hay đến thăm cha cô. Võ Nguyên Giáp lúc này đã 35 tuổi, gần gấp đôi tuổi cô nhưng vẫn sống độc thân và luôn luôn ngập đầu trong hàng đống công việc. Chính vì vậy, khi Võ Nguyên Giáp ngỏ lời cầu hôn với con gái mình, Giáo sư Đặng Thai Mai đã gật đầu đồng ý ngay.

Sau khi cưới, Đặng Bích Hà tiếp tục học chuyên ngành sử và sau này đi học chuyên tu ở Matxcơva. Sau đó Hồng Anh ra ở với cha và mẹ kế. Khi được hỏi về cuộc sống của Võ Nguyên Giáp, Đặng Bích Hà trả lời: "Ông ấy có tinh thần hy sinh rất cao. Đó là nét nổi bật về cá tính của ông". Còn Hồng Anh thì nói thêm: "Bố rất yêu quý con và dì nhưng hiếm có thời gian để gặp mặt cùng nhau". Năm 1951, Bích Hà sinh con gái đầu lòng là Võ Hòa Bình. Năm sau họ có thêm một đứa con thứ hai nữa là Võ Hạnh Phúc. Năm 1954, họ sinh một con trai, được đặt tên theo chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ là Võ Điện Biên và năm 1956, hai ông bà sinh thêm một người con trai nữa đặt tên là Võ Hồng Nam với ý nghĩa thể hiện quyết tâm của ông "tạo ra một miền Nam đỏ". Võ Nguyên Giáp rất yêu mến vợ con nhưng ông thường quá bận rộn, nên không có nhiều thời gian dành cho gia đình. Ông nhớ lại giữa thời kỳ trăng mật của hai vợ chồng, thế mà trong đầu ông luôn vang lên tiếng hô xung trận thôi thúc ông trở về với nghĩa vụ và cuộc đụng độ không thể

tránh được với người Pháp.

---

[1] Tư liệu riêng của tác giả (BT).

[2] Tác giả nhầm về thời gian. Cuộc xung đột giữa Pháp và Trung Hoa ở Hải Phòng bắt đầu lúc sáng sớm ngày 6/3/1946 trong lúc tại Hà Nội, cuộc đàm phán Pháp - Việt đi vào giai đoạn cuối. Sáng 8/3 Võ Nguyên Giáp mới đi Hải Phòng gặp Leclerc (ND).

[3] Tác giả nhầm, quyền Chủ tịch nước trong lúc Hồ Chí Minh đi Pháp là cụ Huỳnh Thúc Kháng, còn Võ Nguyên Giáp cáng đáng các công việc trong Bộ Nội vụ (ND).

[4] Trong nguyên bản ghi “lieutenant général” (trung tướng) là không đúng vì Valluy đã được phong trung tướng (Lieutenant général) từ 20/4/1946. Đến 20/2/1947 được thăng quân hàm thượng tướng (Général de corps d’armée) (ND).

“Chiến đấu đến giọt máu cuối cùng”

Suốt cuối mùa hè năm 1946, dọc biên giới Việt Nam - Trung Quốc, các sự vụ rắc rối giữa quân lính Pháp và bộ đội Việt Minh liên tiếp xảy ra khiến cả hai đều bị thiệt hại. Ngày 6/8, đặc phái viên Pháp Jean Albert Emile Crépin, sau này sẽ thay thế Jean Sainteny làm Ủy viên Cộng hòa Pháp ở Nam Kỳ và Bắc Trung Kỳ, đến thăm Võ Nguyên Giáp tại văn phòng của ông: “Nếu ông cứ giữ cách cư xử như thế”, Crépin cảnh cáo, “chắc chắn chiến tranh sẽ nổ ra.”

Trước sự đe dọa đó, đang ngồi ở bàn làm việc, Võ Nguyên Giáp vươn người về phía trước và trả lời Crépin với một giọng chậm rãi và thận trọng. Sau khi nhắc lại vụ chạm súng giữa hai bên và nỗ lực mới đây của Thierry d’Argenlieu lập ra các chính phủ tự trị riêng rẽ ở miền Bắc để chia cắt Việt Nam thành nhiều mảnh, Võ Nguyên Giáp kiên quyết nói tiếp: “Ông biết rất rõ điều gì đằng sau các vụ chạm súng đó và quân Pháp phải chịu trách nhiệm về các sự kiện trên. Chúng tôi đã nhiều lần chứng tỏ thiện chí của mình. Nếu các ông muốn hòa bình thì sẽ có hòa bình. Còn nếu không, muốn chiến tranh thì sẽ có chiến tranh.”

Chính phủ Paris nổi giận, phái đến Đông Dương đang nóng bỏng một quân nhân nữa, thiếu tướng Louis Constant Morlière với hy vọng ông ta sẽ tìm cách lập lại sự kiểm soát của Pháp. Võ Nguyên Giáp gặp Morlière ở sân bay và giới thiệu mình là đại biểu của chính phủ Việt Nam ra đón. Morlière nói với Võ Nguyên Giáp rằng ông “thông cảm với sự nghiệp giải phóng của Việt Nam” và tỏ ý hy vọng các cuộc thương lượng ở Fontainebleau sẽ đi đến kết quả. Võ Nguyên Giáp mỉm cười trước con người tỏ ra có thiện cảm với nhân dân Việt Nam. Trong một cuộc trò chuyện với Võ Nguyên Giáp, Morlière lại một lần nữa nhắc lại những lời đề cao người Việt Nam. Nhưng khi Võ Nguyên Giáp hỏi cụ thể hơn, thì ông chỉ nói đến một trong những người phục vụ ông là một anh đầu bếp nấu ăn rất ngon và thật thà. Cách trả lời của Morlière khiến Võ Nguyên Giáp chỉ ngồi im và sau này nói về Morlière là “vị tướng của các tối hậu thư.”

Chính phủ Việt Minh tổ chức rất trọng thể và rầm rộ lễ kỉ niệm một năm ngày độc lập (2/9/1946). Cờ, hoa, ảnh chân dung, cổng chào kết lá, đèn màu trang trí xuất hiện khắp nơi. Sáng hôm đó, vào hồi 7 giờ sáng, còi thành phố vang lên và mọi người đang đi phố hay trong nhà đều đứng dậy hướng về Nam, giữ một phút im lặng mặc niệm những người đã hy sinh trong chiến

đấu chống Pháp ở Nam Trung Bộ và Nam Bộ. Cuộc diễu binh long trọng quanh hồ Hoàn Kiếm. Nhiều quan khách, đại biểu nước ngoài ngồi chật lễ đài: Anh, Mỹ, Ả Rập, Trung Hoa và Pháp. Một trong các đoàn quân được trang bị súng ống đầy đủ, nai nịt gọn gàng, trong bộ quân phục màu xanh, đội mũ calô có gắn huy hiệu cờ đỏ sao vàng, chân đi giày da.

Sau đó là đoàn diễu hành đông đến nửa triệu người xếp hàng dài 5 km bước qua lễ đài, thỉnh thoảng ở giữa lại có các xe hoa mang chân dung Hồ Chí Minh đứng nói trước micrô trong ngày đọc bản Tuyên ngôn độc lập một năm trước đó. Buổi tối, thành phố sáng trưng bởi hàng vạn ngọn đèn treo ở trước cửa nhà.

Mấy ngày sau, ngày 18/9 có thông báo Hồ Chí Minh đi trên tàu Pháp *Dumont d'Urville* rời cảng Toulon đang trên đường về Việt Nam. Trong thời gian Hồ Chí Minh vắng mặt, Võ Nguyên Giáp thay mặt Hồ Chí Minh đứng đầu chính phủ. Võ Nguyên Giáp đã chứng tỏ mình là người có khả năng về chính trị và là người có thể tin cậy được. Hồ Chí Minh cảm ơn và đã đưa Võ Nguyên Giáp lên vị trí số ba trong hệ thống cấp bậc cao nhất của chính phủ sau Hồ Chí Minh và Phạm Văn Đồng. Tàu *Dumont d'Urville* qua kênh Suez rồi biển Đỏ, suốt một tháng trời Hồ Chí Minh mới về nước.

Cũng trong tháng 10, Quốc hội họp nhanh chóng thông qua Hiến pháp mới quyết định thể chế cộng hòa dân chủ của nước Việt Nam. Quốc hội cũng thông qua một Ban Thường trực để điều khiển công việc của Quốc hội, thông qua các dự án luật của chính phủ, tuyên bố chiến tranh và triệu tập các phiên họp toàn thể. Sau khi đã thông qua quyết định, cuộc họp giải tán ngày 14/11/1946 - và chỉ họp lại vào tháng 12/1953! Bắt đầu từ lúc này, chính phủ hoàn toàn nằm dưới quyền điều hành của Hồ Chí Minh và các thành viên xung quanh ông.

Hồ Chí Minh tổ chức lại chính phủ. Từ khi các phe cánh đối lập là Việt Nam Quốc dân Đảng và Đồng minh hội bị loại, Hồ Chí Minh chỉ định các thành viên Việt Minh hoặc có cảm tình với Việt Minh đứng đầu các bộ trong chính phủ. Năm trong số mười ghế trong nội các được giao cho các đảng viên cộng sản. Những ghế khác thì giao cho đại biểu của các đảng phái do Việt Minh kiểm soát hoặc người ngoài đảng nhưng trung thành với đảng. Võ Nguyên Giáp được cử làm Bộ trưởng Quốc phòng. Người ta không nghĩ đến việc ông trở lại nắm Bộ Nội vụ. Lúc này công việc quân sự rõ ràng được đặt lên trên an ninh trong nước. Đó là một điều hiển nhiên không thể nào khác trong suốt mùa thu và đầu mùa đông năm 1946.

Hải Phòng, thành phố cảng là đốm lửa đưa sự bất hòa Pháp - Việt thành một đám cháy lớn và là nguồn gốc của chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất. Việt Minh cũng như Pháp đều cần đến cảng Hải Phòng. Võ Nguyên Giáp cần Hải Phòng để nhập vũ khí từ Trung Quốc về, Pháp thì sử dụng Hải Phòng để neo tàu đổ bộ quân tiếp viện và vũ khí tăng cường đến. Pháp càng nhấn mạnh sự có mặt của mình thì càng muốn giành lại sự kiểm soát từ tay Việt Minh các thiết chế địa phương ở Hải Phòng. Người ta đã thấy trước Việt Minh quyết tâm chống lại và không phải lúc nào cũng chiếm lợi thế.

Các nhà cầm quyền Pháp nhìn Việt Minh đảm nhiệm việc thu thuế hải quan với con mắt ác cảm, họ ra lệnh chấm dứt. Theo lời Võ Nguyên Giáp, trong đêm 29/8, xe tăng, xe bọc thép và lính Pháp bao vây nhà Bưu điện, Sở Cảnh sát và Sở Hải quan, đuổi hết các nhân viên Việt Minh. Trong lúc lính Pháp tịch thu hàng hóa ở cảng thì bộ đội Việt Minh đến. Hai bên nổ súng. Việt Minh không kiểm soát được tình hình. Chỉ hai tuần sau lính Pháp mới chịu rút.

Chỉ có sự can thiệp cá nhân của tướng Morlière và của Võ Nguyên Giáp mới ngăn được các vụ đụng độ lẻ tẻ ấy ngày càng xấu thêm. Các nhà cầm quyền Pháp hạ tối hậu thư: kể từ ngày 15/10, Việt Minh phải giao toàn bộ công việc kiểm soát hải quan ở Hải Phòng cho Pháp. Bộ Ngoại giao Việt Minh gửi công hàm đến Paris phản kháng nhưng không có kết quả.

Bầu không khí căng thẳng bao trùm thành phố khi ngày 15/10 qua đi, Việt Minh không chịu khuất phục trước sự áp đặt của Pháp. Rồi ngày 20/11, Pháp khám xét và tịch thu một thuyền buồm của người Hoa mà họ nghi là chuyên chở vũ khí cho Việt Minh. Bộ đội Việt Nam liền bắt ba lính Pháp và xây dựng chiến lũy trong khu vực họ chốt giữ ở ngoại ô Hải Phòng. Nội thành Hải Phòng lúc đó hầu như đều nằm trong tay Pháp. Nhiều đơn vị lính Pháp tiến ra ngoại ô, phá hủy các chiến lũy mà Việt Minh dựng lên một cách vội vã. Các cuộc giao chiến kịch liệt liên tiếp xảy ra.

Võ Nguyên Giáp và Morlière hội đàm với nhau ở Hà Nội, đồng ý tuyên bố lệnh ngừng bắn sẽ bắt đầu có hiệu lực vào 5 giờ chiều hôm sau. Bộ Tổng chỉ huy của Pháp tại Sài Gòn điện ra không chấp nhận ngừng bắn và được sự đồng ý của Cao ủy Thierry d'Argenlieu và Thủ tướng Pháp Georges Bidault, hạ lệnh cho Việt Minh phải rút khỏi Hải Phòng trước 23/11, nghĩa là chỉ mấy tiếng đồng hồ sau đó. Khi Việt Minh từ chối, Pháp nã pháo vào thành phố. Việt Minh ước tính có khoảng 200.000 người bị thiệt mạng chủ yếu là thường dân; trong khi Pháp khẳng định là "chỉ có" 6.000 người chết.

Sau đó Pháp đưa tối hậu thư thứ hai. Họ đòi kiểm soát cả Hà Nội và con đường nối liền Hà Nội - Hải Phòng. Võ Nguyên Giáp biết rằng khó tránh khỏi cuộc xung đột. Ông ra lệnh tổng động viên cả nước: sinh viên, nông dân, chủ trang trại, thợ thuyền, trí thức, người già, người trẻ, đàn ông cũng như đàn bà tham gia các tổ chức yêu nước. Họ được trợ cấp đi dự các lớp huấn luyện, tổ chức canh gác trên đường phố và trên các cầu dẫn vào thành phố, ngăn cản Pháp đưa thêm quân vào thành phố hoặc thả dù bằng máy bay hoặc đường biển. Dân chúng quyên gạo ủng hộ bộ đội, tình nguyện làm cứu thương chăm sóc thương binh và người bị nạn. Người nào có nhiệm vụ của người ấy. Đảng viên quyên góp vàng và đồ trang sức quý gửi cho chính phủ để lấy tiền mua thêm vũ khí cần thiết.

Abbott Low Moffat, Vụ trưởng Vụ Đông Nam Á thuộc Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ có mặt ở Việt Nam từ đầu tháng 12/1946. Những điện báo mà ông ta gửi về Washington không giúp gì việc tăng cường thiện cảm với Việt Minh. Đối với Mỹ, dù sao Việt Nam cũng chỉ là một điểm nhỏ trên thế giới đầy biến động. Sự chú ý của họ còn tập trung hướng về châu Âu và sự ngoan cố của Liên Xô đã khiến nhiều người Mỹ đòi hỏi chính phủ phải xem xét lại liên minh với Nga trong thời chiến tranh và thấy sự bành trướng của chủ nghĩa cộng sản Nga ngày càng trở thành sự thật như ban ngày.

Tổng thống Harry S. Truman quan tâm đến sự lộn xộn ở châu Âu, không có bằng chứng nào cho thấy ông đã để mắt đến mấy lá thư mà Hồ Chí Minh gửi cho mình yêu cầu giúp đỡ trong cuộc đối đầu với Pháp. Hồ Chí Minh sẵn sàng quan hệ với Hoa Kỳ theo kiểu liên minh mà Mỹ duy trì với Philippines. Những thư đó đều không được trả lời. Hoa Kỳ phải lựa chọn giữa một bên là một quốc gia mới thành lập chẳng có ý nghĩ gì ở châu Á, một bên là nước Pháp được xem như nền tảng của liên minh phòng thủ mới. Sự lựa chọn được quyết định nhanh chóng. Cuối cùng chính phủ Mỹ tuyên bố tôn trọng ảnh hưởng của Pháp ở Đông Dương và đến tháng 10/1945 đã gọi về nước đoàn đại biểu Mỹ tại Hà Nội.

Một năm sau kể từ thời điểm đó, Abbott Low Moffat đến Hà Nội với tư cách là quan sát viên theo dõi những chuyện bất ngờ xảy ra trên sân khấu chính trị tại thủ đô của Việt Minh. Ông rất lúng túng vì sự hiểu biết hạn chế của mình về tình hình chính trị ở Việt Nam, dù ông đã gặp Võ Nguyên Giáp nhiều lần mà đầu tiên ông tưởng là một người bồi bàn. Moffat viết rằng "trong mười ngày, Morlière và Giáp […] đã gọi nhau bằng những cái tên khác nhau trên báo chí". Các nhà cầm quyền Pháp đã miêu tả Võ Nguyên Giáp với Moffat như một người đứng đầu phái "cực đoan" và khi được gặp Võ Nguyên Giáp, Moffat nhận xét: "Cá nhân tôi không cảm thấy có chút

cảm tình nào với Giáp […] mặc dù những người Pháp biết Giáp đều rất khâm phục trí thông minh và tài năng của Giáp […]. Giáp có vẻ mặt lạnh luôn luôn làm cho tôi chưng hửng. Dĩ nhiên đó là một người cộng sản được mọi người xác nhận".

Đối với Moffat, Võ Nguyên Giáp là "hình ảnh của một nhà lãnh đạo Đảng Cộng sản lý tưởng". Moffat cho rằng người Pháp thường nói về Võ Nguyên Giáp là "con người cuồng tín nhưng rất có khả năng" và họ hoàn toàn đúng. Trong một cuộc trò chuyện, Võ Nguyên Giáp tỏ ra rất dứt khoát: Việt Minh không bao giờ nhận rút khỏi Hà Nội như người Pháp yêu cầu. Võ Nguyên Giáp khẳng định với Moffat rằng dù có xe tăng, máy bay và súng trường thì người Pháp cũng sẽ thất bại. Rồi ông thay đổi ý kiến bằng cách nói chữa lại một cách nhẹ nhàng: "Người Việt Nam có thể thua… nhưng dù sao Pháp cũng không thể thắng". Nói xong hai người chia tay.

Trong nhiều năm Moffat là người Mỹ duy nhất được gặp Võ Nguyên Giáp và đó là người duy nhất có thể ảnh hưởng mạnh đến Chính phủ Mỹ để Mỹ đưa ra đường lối cư xử khác có thể làm thay đổi chiều hướng các sự việc sau này, giúp Mỹ tránh được các khoản chi tiêu khổng lồ cho chiến tranh và tránh cho xã hội Mỹ khỏi bị những đổ vỡ sau này. Những đầu óc đa nghi có thể cười khẩy trước lập luận này, vì họ cho rằng Moffat không có vai trò quan trọng. Ông không phải là Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, mà chỉ là cấp dưới đứng đầu một vụ lúc đó chẳng quan trọng gì trong Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ. Ông ta có thể làm được gì? Ngay cả khi ông ta tin rằng phải hành động thế này, thế khác. Chúng ta sẽ không bao giờ được biết rõ.

Biết rằng người Pháp muốn lôi kéo mình vào cuộc giao chiến, Võ Nguyên Giáp đã chủ tâm giữ thái độ ôn hòa và kiềm chế. Để tránh khiêu khích, ông ra lệnh phần lớn các đơn vị rút khỏi Hà Nội, không để bị lôi kéo vào các vụ chạm súng không kiểm soát được, tránh xa khỏi tầm ngắm của quân Pháp, phân tán về các tỉnh Bắc Cạn, Thái Nguyên, Tuyên Quang thuộc khu giải phóng cũ, ở đó lực lượng Việt Minh hoàn toàn làm chủ từ những tháng trước khi Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc. Các lực lượng tự vệ đường phố nay nắm quyền kiểm soát an ninh trong nội thành, xây dựng các chiến lũy và chuẩn bị đương đầu với lính Pháp. Những vụ đụng độ nhỏ vẫn xảy ra lẻ tẻ và lính Pháp tiến hành trả đũa tàn sát gọn cả một khu phố. Hồ Chí Minh yêu cầu Paris can thiệp nhưng không có hồi âm.

Ngày 19/12, bộ chỉ huy Pháp yêu cầu Võ Nguyên Giáp ra lệnh tước vũ khí tự vệ và lực lượng địa phương. Thay vì trả lời, Võ Nguyên Giáp ra lệnh lập thêm nhiều chiến lũy trên đường phố và chuẩn bị một kế hoạch tác chiến

trên cùng các vị trí đóng quân của Pháp. Chiều hôm đó, ông gặp tướng Morlière để cố gắng dàn xếp một cơ hội cuối cùng. Morlière không đề nghị gì thêm. Đó là lần cuối cùng hai người gặp nhau.

6 giờ 30 phút chiều, Morlière nhận được các nguồn tin tình báo cho biết Võ Nguyên Giáp đang chuẩn bị một cuộc tiến công rộng khắp vào các vị trí Pháp và ra lệnh bộ đội chuẩn bị sẵn sàng. Các trại lính Pháp đều ở tư thế đề phòng và đến 8 giờ tối lực lượng của Pháp đồng loạt mở cuộc tiến công. Yếu tố bất ngờ không còn, lực lượng của Võ Nguyên Giáp bị thiệt hại nặng. Vào lúc 9 giờ 30 phút, Võ Nguyên Giáp kêu gọi toàn quân toàn dân cầm vũ khí đứng lên. Sáng sớm hôm sau, ngày 20/12, nhân danh Chính phủ và thay mặt Đảng Cộng sản, Hồ Chí Minh kêu gọi "toàn dân đứng lên đánh địch, cứu nước, chiến đấu đến giọt máu cuối cùng và bất cứ giá nào cũng không quay lại chế độ nô lệ."

Được sự ủng hộ của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Võ Nguyên Giáp yêu cầu lực lượng vũ trang và dân chúng Hà Nội giữ vững vị trí chiến đấu trong thành phố ít ra là nửa tháng, thời gian đủ để chuyển cả nước sang thời chiến, sơ tán kho tàng và các cơ quan chính phủ về an toàn khu ở sâu trong rừng núi phía bắc. Công việc này kể ra đã làm hai tháng nay rồi. Đến ngày 17/2/1947, những người lính cuối cùng lặng lẽ vượt vòng vây ở Hà Nội đến các vị trí an toàn. Những người đã liên tục chiến đấu suốt mấy tuần liền bên trong thành phố không bị cô lập trong cuộc đấu tranh. Họ được sự cổ vũ và phối hợp chặt chẽ của các mặt trận ở bên ngoài.

Khắp nơi ở miền Bắc, mỗi khi các đơn vị lính Pháp vào khu vực nào thì ở đó các thôn xóm địa phương đều nổi dậy đánh trả. Võ Nguyên Giáp yên tâm và phấn khởi trước tinh thần yêu nước, đấu tranh của nhân dân. Dân làng đào hầm, cài chông bẫy đánh đuổi những tên lính đi lẻ. Một số thôn xóm biến thành pháo đài cầm cự với giặc. Với tinh thần yêu nước, dân chúng lấy tên các anh hùng dân tộc để đặt tên cho các chiến dịch dù hãy còn khiêm tốn của họ: Lê Lợi, Trần Hưng Đạo, Phan Đình Phùng, Lý Thường Kiệt, Quang Trung, v.v…

Võ Nguyên Giáp khẳng định "có nhiều sự kiện anh dũng diễn ra trong những ngày đầu kháng chiến". Ông nói: "Bộ đội ta đã chiến đấu cực kỳ dũng cảm. Tinh thần chiến đấu ngoan cường thể hiện tính cách bất khuất của một dân tộc nhỏ yếu quyết tâm chiến đấu chống một nước đế quốc hùng mạnh." Những đêm thức trắng bàn bạc lên kế hoạch tác chiến đã đem lại kết quả. Các đơn vị bộ đội của Võ Nguyên Giáp đã ghìm chân quân địch đủ để hậu phương hoàn thành việc chuẩn bị và phát triển các nguồn lực.

Tuy vậy, không ai có thể ngăn được cuộc tiến công ồ ạt của quân Pháp như nước thủy triều đang dâng lên. Đến cuối tháng 3/1947, Pháp kiểm soát tất cả các thành phố lớn ven biển Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ cũng như các vùng thành thị ở Nam Bộ. Pháp chiếm đóng Hà Nội cũng như nhiều làng mạc khác và làm chủ được vùng châu thổ sông Hồng. Các trung tâm giao thông và đường sá nối liền đều nằm trong tay quân Pháp. Quân đội thuộc địa cố tìm cách trở lại tình hình giống như những năm 1930, chỉ một nhúm thực dân cũng kiểm soát được hàng triệu người dân Việt Nam từ điểm cực nam Cà Mau đến biên giới Việt - Trung.

Võ Nguyên Giáp và Đảng Cộng sản đã chuẩn bị khá tốt trong việc rút lên Việt Bắc. Trong vùng rừng núi đó, theo cách nói của Võ Nguyên Giáp rừng cây phủ kín như "nhà kính", họ được che chở để chống lại sự đàn áp và các cuộc tiến công của Pháp. Địa hình hiểm trở, đường đi lối lại khó khăn, khí hậu thất thường, Việt Bắc quả là miền đất "không mến khách" đối với các đoàn quân Pháp từ xa tới. Núi cao từ 600 m đến 1.200 m, nhiều hang động, mưa trên 200 mm một năm và mưa nhiều từ tháng 5 đến tháng 11. Việt Minh biết rằng những hoạt động của mình ở đây sẽ được rừng cây, sương mù và mưa rừng che phủ. Võ Nguyên Giáp cảm thấy nhẹ nhõm, biết rằng do khó khăn về địa hình và thời tiết kéo dài suốt cả năm, xe bọc thép của Pháp sẽ không thể vào được trong mùa ẩm thấp. Khi trở lại Việt Bắc đúng vào trước mùa mưa năm 1947, Võ Nguyên Giáp sẽ có ít nhất là sáu tháng an toàn để tổ chức lại lực lượng kháng chiến.

Căn cứ địa Việt Bắc cách Hà Nội khoảng 130 cây số về phía Bắc và đại thể là một khối tròn với bán kính khoảng 80 cây số. Những đỉnh núi cao và thung lũng sâu chia địa hình Việt Bắc ra nhiều ngăn. Ít đường cái qua lại, chỉ có các đường mòn nối liền các thung lũng đi vào các triền núi. Phương tiện chuyên chở không có gì khác ngoài xe bò. Ít đường cái đã đành, đến cầu cống vượt qua sông suối thác ghềnh càng ít hơn. Mặc dù có nhiều sông suối nhưng chỉ có thể đi lại được bằng thuyền nhỏ là sông Lô và nhánh của nó là sông Gâm.

Người Pháp có tiến sát đến gần Việt Bắc nhưng không thể vào được. Con đường số 2 vòng qua phía tây nơi trú ẩn của Võ Nguyên Giáp bằng đường lên Tuyên Quang rồi dẫn đến Hà Giang, gần biên giới với Vân Nam của Trung Quốc. Con đường số 3 trải dài từ Thái Nguyên đi Cao Bằng qua Bắc Cạn và gần như suốt chiều dài con đường chỉ là đường mòn cho xe bò. Các đoạn cắt đường số 3 qua các vùng lộ thiên rất thuận lợi có đường bắn chúc từ trên cao xuống hẳn không có gì gây hứng thú cho các nhà chiến lược Pháp. Con đường cuối cùng là con đường số 4 chạy dọc theo miền đông bắc

căn cứ địa Việt Minh nối liền Lạng Sơn, Thất Khê, Đông Khê và Cao Bằng. Mục tiêu của Võ Nguyên Giáp rất rõ ràng: bảo vệ các con đường đó, căn cứ của ông thêm chắc chắn. Điều này cho phép ông có thời gian để thiết lập các khu vực quân sự hóa và tổ chức đánh trả cuộc tiến công của đối phương.

Còn nhiều việc phải làm trước khi có thể đánh địch. Ông quan sát một cách hài lòng những người lính của ông nấp sau các bức tường đá hoa cương, dưới tán cây rừng, luồn rừng đến tận khu vực an toàn. Với tinh thần làm việc không biết mệt mỏi, các đơn vị bộ đội của Võ Nguyên Giáp xây dựng các công binh xưởng, các bãi luyện quân, các doanh trại, các kho vũ khí, các trường học. Tại một trong những trường học đó, bà Đặng Bích Hà, người vợ kế của Võ Nguyên Giáp sau này, dạy sử Việt Nam cho sinh viên. Võ Nguyên Giáp đặt bản doanh tham mưu trong một căn lều.

Trong khoảng thời gian bấp bênh đó, Võ Nguyên Giáp hiểu rõ giá trị của mối quan hệ với dân chúng địa phương. "Không có họ", như một lần ông đã viết, "chúng ta không có một tin tức nào […]. Chúng ta sẽ không thể giữ được bí mật, không thể tổ chức các hành động nhanh chóng. Nhân dân còn hiến kế, làm người dẫn đường. Họ làm liên lạc cho chúng ta, che giấu chúng ta, che chở những hoạt động của chúng ta, nuôi nấng và chăm sóc thương binh của chúng ta".

Hồ Chí Minh còn ý thức hơn cả Võ Nguyên Giáp về tầm quan trọng của sự ủng hộ từ người dân. Ông đã củng cố phong trào Việt Minh trong căn cứ địa Pắc Bó, đưa các phần tử "quốc gia" không cộng sản vào chính phủ. Ông tỏ rõ là một người có khả năng thuyết phục người khác hơn là một người chỉ rao giảng giáo điều. Ngay Bảo Đại cũng tỏ rõ có thiện cảm với cuộc đấu tranh chống Pháp của Hồ Chí Minh. Tháng 7/1947, Hồ Chí Minh cho lập nội các của chính phủ mới, trong đó những người "quốc gia" có nhiều đại biểu hơn nhưng không có nhiều quyền lực hơn. Võ Nguyên Giáp và Phạm Văn Đồng không giữ ghế Bộ trưởng nào nhưng Võ Nguyên Giáp vẫn phụ trách công tác quân sự của Việt Minh.

Do mưa xuân và không có kế hoạch tác chiến nào nên tướng Valluy đành hoãn giao chiến. Lực lượng của Võ Nguyên Giáp có thời gian nghỉ ngơi cho đến cuối mùa thu để chuẩn bị. Võ Nguyên Giáp cũng như Valluy đều để mắt nhìn về phía Trung Quốc. Chính phủ Quốc dân Đảng của Tưởng Giới Thạch đang tan rã. Nếu Đảng Cộng sản của Mao Trạch Đông giành được quyền kiểm soát đất nước, cả hai người, Võ Nguyên Giáp và Valluy, đều nghĩ rằng điều đó sẽ cho Việt Minh một căn cứ địa để làm nơi chứa vũ khí, lương thực và huấn luyện bộ đội khá an toàn.

Đầu thu 1947, tướng Valluy cho rằng đã đến lúc tiến công Việt Minh. Một cuộc nổi dậy mới đây ở Madagascar có nguy cơ rút đi 15.000 quân trong quân số quân viễn chinh hiện có của ông để gửi đi Madagascar và ông không thể để hao hụt sức chiến đấu của quân đội viễn chinh. Tại Paris các nghị sĩ ngày càng tỏ ra dè dặt bỏ phiếu thông qua khoản tài trợ cho cuộc chiến tranh ở Đông Dương. Pháp cần giành thắng lợi trong trận đầu giao chiến với Việt Minh để lấy được uy tín. Tháng 9, Valluy và bộ tham mưu Pháp bắt đầu đặt kế hoạch cho một cuộc tiến công lớn đánh vào căn cứ Việt Minh ở Việt Bắc. Cuộc tiến công được mang tên Cuộc hành quân Lea.

Valluy biết rằng nếu đánh thẳng vào cơ quan đầu não của Việt Minh, giết hay bắt sống được những người lãnh đạo Việt Minh thì việc chiếm căn cứ địa của Việt Minh không còn là vấn đề lớn nữa. Lại cần phải quay về Việt Bắc! Chỉ có một vài con đường dẫn vào bên trong khu căn cứ. Các đường thuộc địa số 2, 3 và 4, con đường thủy qua sông Lô rồi rẽ sang sông Gâm, Việt Minh chỉ cần khóa chặt mấy con đường đó, kiểm soát một số lối vào là có thể chặn đứng mọi sự đột nhập của quân Pháp. Ngay cả ở những vùng nông thôn, quân Pháp cho là đã kiểm soát được vẫn có những hoạt động của Việt Minh làm chúng điên đảo. Chúng có thể tuần tiễu được, có thể giữ các thành phố, đường sá cầu cống, đường sắt, đồn lũy, nhưng bất cứ nơi nào chúng không có mặt, Việt Minh đều làm chủ. Pháp không thể vừa chiếm đóng các vị trí chiến lược chủ yếu lại vừa đi tìm và diệt lực lượng Việt Minh. Một đơn vị quân sự Pháp có thể đóng an toàn trong một làng ban ngày nhưng ban đêm trong bóng tối, chúng có thể bị tiêu diệt vì đạn súng cối của Việt Minh. Lính Pháp cảm thấy bị hụt hẫng! Nếu chúng chỉ có thể kiểm soát nửa vùng ban ngày nhưng tối đến chúng không kiểm soát nổi một phần tư thì liệu chúng có chiếm được căn cứ địa Việt Bắc và xóa sổ ban lãnh đạo Việt Minh ở đó?

Cơ quan tình báo của Valluy đã xác định được vị trí cơ quan đầu não của Việt Minh ở Việt Bắc. Đó là thị xã Bắc Cạn nghèo khổ vắt ngang đường số 3 ở phía bắc Thái Nguyên. Valluy chuẩn bị kế hoạch cho Cuộc hành quân Lea. Đây là cuộc tiến công sử dụng kết hợp nhiều loại vũ khí khác nhau để bao vây thị xã bằng hai gọng kìm. Một gọng kìm theo đường thủy tiến theo sông Lô rồi rẽ sang sông Gâm, trong khi một gọng kìm khác chặn con đường thuộc địa số 4. Phần lớn con đường này như một nhát chém không sâu lắm vào vách đá vôi. Cùng một lúc khi các lực lượng ở hai gọng kìm rời điểm xuất phát thì lực lượng lính dù sẽ nhảy xuống vùng trung tâm Việt Minh. Quân dù sẽ ghìm lực lượng Việt Minh tại chỗ cho đến khi nào họ nhận được tăng viện từ hai gọng kìm tới để tập trung tiêu diệt gọn ban lãnh đạo Việt Minh.

Cánh phía bắc gồm các đơn vị bộ binh, xe bọc thép và pháo binh, mỗi binh chủng ba tiểu đoàn phối hợp. Lực lượng này phải đi nhanh quãng đường từ Lạng Sơn đến Cao Bằng dài 130 km về phía tây bắc rồi tạt sang phía tây cho tới Nguyên Bình, sau đó đi tiếp 60 km dọc đường số 3 để tới Bắc Cạn. Tuy biết cuộc hành quân sẽ khó khăn nhưng Valluy vẫn ra lệnh tiến quân. Hình như ông ta quên rằng cuộc hành quân bao giờ cũng chỉ đem lại kết quả nếu tuân theo một lời dạy đã được thử thách là nguyên tắc đơn giản. Kế hoạch Lea hiển nhiên bỏ xa nguyên tắc này.

Lực lượng hải quân chở ba tiểu đoàn của gọng kìm phía nam bằng cách ngược sông Lô rồi rẽ qua sông Gâm, tiếp tục đi ngược lại cho đến khi nào mắc cạn hoặc không vượt qua được thác ghềnh. Đến lúc đó bộ binh sẽ lên bờ tiếp tục tiến theo đường thuộc địa số 3 đến Bắc Cạn.

Valluy chỉ có một số quân hạn chế tham gia cuộc hành binh Lea: Một tiểu đoàn công binh trinh sát mìn, hai tiểu đoàn dù, sáu tiểu đoàn bộ binh, ba tiểu đoàn xe bọc thép và phi đội số 4 của không quân. Như vậy, 15.000 quân sẽ khởi hành tiến đánh 60.000 người hoạt động trong một khu vực rừng núi rộng 15.000 km^2. Điều này khiến người ta nghĩ dường như Valluy đang đọc bản Kế hoạch XVII được xây dựng trước năm 1914 để bảo vệ nước Pháp chống lại cuộc tiến công của Đức: “Tinh thần quân Pháp rất cao, không thể bị đánh bại”[1].

Valluy không đánh giá hết những khó khăn trong cuộc hành quân vào vùng rừng núi Đông Nam Á và ông bị cầm tù trong lời hứa phải đè bẹp cuộc kháng chiến Việt Nam trong vòng ba tháng. Ông không đánh giá đúng đối thủ, đặc biệt là tài chỉ huy khôn khéo của vị tướng lĩnh mà ông phải đương đầu. Binh sĩ của Valluy phải hành quân trên một tuyến đường rất dài đồng thời phải bao vây một khu vực quá rộng, không tài nào khép kín được. Còn Võ Nguyên Giáp thì tự do di chuyển lực lượng từ vùng này sang vùng khác và đều gần căn cứ tiếp tế của mình. Vả lại, làm sao những xe bọc thép, pháo binh và bộ binh được chuyên chở bằng xe tải lại có thể đi lại trên một địa hình không có đường cái thích hợp với loại xe có bánh lốp hoặc bánh xích, lại có nhiều sông ngòi mà chỉ có vài cái cầu khập khiễng? Trong nhiều trường hợp người ta đã thấy kế hoạch của Valluy là liều mạng, chứa nhiều khả năng thất bại ngay từ đầu.

Cuộc hành binh Lea bắt đầu từ sáng ngày 7/10/1947 với 1.137 quân dù nhảy xuống Bắc Cạn, Chợ Đồn và Chợ Mới. Cùng lúc gọng kìm phía bắc cũng bắt đầu xuất phát với xe bọc thép, bộ binh, pháo binh, cấp tốc hành quân để kịp tiếp ứng quân dù. Đối phương đã không bỏ lỡ thời gian để làm

chậm cuộc tiến quân của gọng kìm phía bắc trên đường số 4, trong khi đó gọng kìm phía nam người ta không biết tại sao hai ngày sau vẫn chưa bắt đầu ngược sông Lô. Tuy nhiên, diễn biến chiến sự trong mấy ngày đầu cũng không đến nỗi tồi. Quân dù nhanh chóng bao vây Bắc Cạn, lùng sục khu vực trung tâm của Việt Minh và chỉ một chút nữa là bắt được Hồ Chí Minh và Võ Nguyên Giáp[2]. Hai người đã nhanh chóng và kịp thời di chuyển đến nơi an toàn. Lính Pháp còn tịch thu được giấy tờ, thư từ mà Hồ Chí Minh bỏ lại trên bàn làm việc. Vòng vây khá chặt, đến mức họ không tìm được khe hở nào để vượt ra ngoài. Vì vậy, Võ Nguyên Giáp đưa Hồ Chí Minh đến một hố cá nhân vừa mới đào trong rừng và phủ bằng lá còn tươi nguyên.

Họ ở dưới hố trong nhiều giờ, trong lúc lính Pháp lùng sục ở trên chỉ cách đó vài mét. Hồ Chí Minh là linh hồn của cuộc kháng chiến, còn Võ Nguyên Giáp là người không ai có thể thay thế được trong thời kỳ đó, là người chỉ huy quân sự của Việt Minh. Người ta nói rằng nếu Pháp chỉ kiên trì thêm chút nữa là có thể thay đổi cục diện của lịch sử. Rút cục tiếng giày đinh xa dần, Hồ Chí Minh và Võ Nguyên Giáp cuối cùng đã luồn rừng và đi thoát về nơi an toàn.

Trong khoảng thời gian một ngày, Võ Nguyên Giáp chỉ đạo cuộc phòng thủ khu căn cứ chọn phương án tập trung quân sự áp đảo đánh quân nhảy dù trước. Chiều hướng trận đánh phát triển bất lợi cho quân Pháp. Bị các đơn vị Việt Minh đông hơn bao vây, quân Pháp nhanh chóng rơi vào thế tuyệt vọng. Võ Nguyên Giáp ra lệnh cho bộ đội chặt gọng kìm phía nam đồng thời đánh mạnh gọng kìm phía bắc, khiến chúng tiến quân rất chậm và vất vả.

Công binh Việt Minh hạ cây chắn ngang đường, phá hủy cầu cống, băm nát đường sá, chôn mìn đắp ụ cản các cuộc phục kích, làm tê liệt nhiều đoàn xe cơ giới và xe bọc thép của Pháp. Bộ đội Việt Minh còn nấp sau các hốc đá, bụi cây bắn tỉa chia cắt các đội hình, bao vây, tiêu diệt từng toán quân đi lẻ của Pháp như ở bên kia Na Sầm, qua đèo Dứa, Lũng Phầy gần Đông Khê, đèo Tunnel (Đường hầm) đến tận Cao Bằng, rồi ở phía tây về mạn Nguyên Bình, phía nam đến tận Phủ Thông, tất cả trên 220 km, chỗ nào cũng có phục kích. Võ Nguyên Giáp còn ra lệnh cho bộ đội chặn địch ở Phủ Thông, cách Bắc Cạn về phía bắc 16 km. Mãi đến ngày 16/10/1947, một trung đoàn bộ binh cơ giới Maroc mới tiếp ứng được với quân dù của Valluy ở Bắc Cạn.

Gọng kìm phía nam nhờ đoàn tàu chở quân ngược sông Lô và rẽ sang sông Gâm rồi lên bộ cũng bị dậm chân tại chỗ ở nhiều nơi, mãi đến ngày 19/10 mới gặp được quân dù và quân gọng kìm phía bắc đến cứu. Hai gọng kìm dồn làm một, quân Pháp rút khỏi Việt Bắc. Mặc dù Valluy không dám

tuyên bố hủy bỏ cuộc hành binh Lea trước ngày 8/11 nhưng mọi cố gắng đều là công dã tràng, không đạt được một mục tiêu nào. Người Pháp rút ra từ cuộc phiêu lưu nhiều bài học quý báu nhưng Võ Nguyên Giáp còn học được nhiều hơn thế. Võ Nguyên Giáp sẽ hoàn chỉnh việc phòng thủ cơ quan đầu não, triệt để giữ bí mật, luôn luôn di chuyển để không bao giờ bị máy bay địch bắn phá trong cuộc kháng chiến chống Pháp và sau này trong chiến tranh chống Mỹ, nhờ có hệ thống pháo phòng không dày đặc lúc đầu và về sau là các giàn tên lửa nhiều tầng mà Võ Nguyên Giáp đã che được mắt địch.

Cuối tháng 11/1947, tướng Valluy đã mở cuộc tiến công tiếp theo là cuộc hành binh mang mật danh Ceinture (Vành đai). Hai thành phố quan trọng nhất ở ranh giới phía nam căn cứ địa Việt Bắc là Tuyên Quang và Thái Nguyên bị Việt Minh chiếm đóng và Valluy hy vọng sẽ tiêu diệt hết quân Việt Minh đồn trú ở đây. Lực lượng được ném vào cuộc hành binh này đông không kém kế hoạch Lea nhưng lần này Valluy tập trung quân với mật độ đông hơn vì vùng mục tiêu thu hẹp, không trải rộng như cuộc tiến công trước. Lần này Võ Nguyên Giáp rút lực lượng ra vòng ngoài tránh giao chiến trực diện. Mặc dù Valluy khoe tịch thu được số lượng lớn dụng cụ và vật liệu chiến tranh nhưng thật sự cuộc tiến công của Valluy không gây thiệt hại nhiều cho quân đội của Võ Nguyên Giáp. Ngày 22/12, Pháp rút khỏi hai thành phố trên, lặng lẽ kết thúc cuộc hành binh Ceinture, đó cũng là kỷ niệm lần thứ ba ngày thành lập Việt Nam Truyên truyền Giải phóng quân của Võ Nguyên Giáp. Ít lâu sau bộ đội Việt Minh lại tập trung trở về khu vực cũ trong khu căn cứ.

Valluy cố an ủi bằng tuyên bố cuối năm 1947 rằng đã tiêu diệt được 9.500 quân Việt Minh. Chắc chắn con số đó đã được thổi phồng vì theo cách tính thông thường, ba người bị thương có một người chết, thì chắc hẳn quân đội của Võ Nguyên Giáp đã thiệt hại khoảng 30.000 người, tức là một nửa số quân của ông. Khó có thể tin quân lính của Valluy đã có được chiến công như vậy!

Tiếp theo cuộc tiến công quy mô căn cứ địa Việt Bắc, Valluy ra lệnh cho quân lính chiếm đóng đồng bằng sông Hồng và vùng ven biển từ Hải Phòng đến biên giới Đông Bắc, ngoài ra Pháp còn rải quân đóng nhiều đồn bốt dọc đường số 4 từ Lạng Sơn đến Cao Bằng và chốt ở giữa hai vị trí tiền tiêu, một là thị xã Bắc Cạn, hai là thị xã miền núi Hà Giang, cách thị xã Cao Bằng 128km về phía tây và nằm trong thung lũng sông Gâm sát biên giới Trung Quốc. Giờ đây ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ vùng chiếm đóng của Pháp nhỏ hơn vùng tự do của Việt Minh! Bất bình trước tình hình đó, chính phủ Pháp triệu hồi Valluy và cử trung tướng Roger C. Blaizot thay thế. Chiến sự

im ắng vì gió mùa, Blaizot cho rằng cho đến mùa thu 1948 không thể chủ động có một hoạt động quan trọng nào! Còn Võ Nguyên Giáp thì vui mừng. Đối thủ của ông là Valluy đã không thể nào thi thố tài năng đánh bại ông. Ông đã cho người Pháp biết rằng lực lượng của ông không cho phép họ dễ dàng giành chiến thắng. Ông chứng tỏ bản thân ông là một *vị tướng*. Ông cũng biết những tháng sắp tới sẽ là quãng thời gian thử thách cam go: khả năng chiến đấu của Việt Minh sẽ được tăng cường hay bị tiêu diệt! Bản thân ông và quân sĩ của ông sẽ rất bận bịu trong giai đoạn sắp tới.

---

[1] Ý nói ở đây, kế hoạch tiến công Việt Bắc của Vally không thực tế (BT).

[2] Ở đây tác giả đã nhầm. Thực tế, sáng ngày 7/10 Võ Nguyên Giáp còn đang ở Chiêm Hóa (Tuyên Quang). Hai người bị kẹt lại trong thị xã Bắc Cạn là Tổng bí thư Trường Chinh và Tổng tham mưu trưởng Hoàng Văn Thái. Họ đã nấp trong hầm trú ẩn, đợi đến tối mới thoát được ra ngoài (BT).

PHẦN BA

Điện Biên Phủ
1946 - 1954

“Giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc”

Năm 1948, Việt Minh giữ được an toàn bên trong một vùng rừng núi cây cối um tùm, đồi núi nhấp nhô, sông suối nhiều ghềnh thác, rộng 150 cây số ở phần cực bắc của đất nước. Những nhóm nhỏ được trang bị vũ khí đột xuất tiến về đồng bằng sông Hồng tấn công vào các đồn Pháp, trong khi đó cán bộ từ các khu an toàn ở Việt Bắc vừa tuyên truyền vừa thẳng tay trừng trị bọn bán nước, tạo nên một sức ép thường xuyên trong các vùng do Pháp chiếm đóng.

An toàn trong “nhà kính” được bảo vệ, Võ Nguyên Giáp dùng thời gian này để suy nghĩ, xây dựng các kế hoạch. Ông không ngừng khổ công học tập trên thực tế chiến trường và ông thấy đó là trường học khốc liệt nhất. Khác với nhiều tướng lĩnh khác, ông tận dụng những kinh nghiệm của mình, phân tích, lý giải để rút ra những bài học đích đáng và vận dụng vào tình hình mới. Như sau này ông nói: “Trong chiến tranh, thắng được một trận mà học tập được nhiều còn hơn thắng nhiều trận mà chẳng rút ra được bài học gì”.

Ông ý thức được mình đã học được nhiều điều nhưng không bao giờ được say sưa trên vòng nguyệt quế. Ông dành phần lớn thời gian của năm 1948 để suy nghĩ và lên kế hoạch về trận đánh sắp tới. Ông chấp nhận lý luận của Mao Trạch Đông về chiến tranh ba giai đoạn: phòng ngự, cầm cự và tổng phản công. Ông biết rõ bộ đội của mình chưa thể thắng trong chiến tranh trận địa với quân Pháp. Ông cũng biết rõ kẻ địch không có khả năng đánh bật ông khỏi Việt Bắc hoặc tiêu diệt lực lượng của ông ở đó.

Đó là thành trì bất khả xâm phạm. Quyền chủ động nay đã thuộc về ông cũng như về Đảng vì sau khi các phần tử “đối lập” đội lốt quốc gia bị tan rã, thì Việt Minh trở thành điểm duy nhất tập hợp những người yêu nước trong cuộc đấu tranh chống Pháp. Ông đã sẵn sàng và chiến lược, chiến thuật của ông gây hoang mang cho các tướng lĩnh, các bộ tham mưu Pháp, Mỹ và cuối cùng với chính quyền ngụy Việt Nam. Quân của Võ Nguyên Giáp thường kém về quân số cũng như về trang bị vũ khí. Tuy ông cũng chịu nhiều trận thua, nhưng ông chưa thất bại trong cuộc chiến tranh nào. Võ Nguyên Giáp và Việt Minh không cần thắng nhiều trận để giành toàn thắng trong chiến tranh. Họ chỉ làm cho người Pháp phải rời khỏi đất nước họ. Sau này với người Mỹ cũng thế. Mục tiêu của chiến tranh chống lại người Pháp là giành độc lập và thống nhất đất nước. Còn trong cuộc chiến tranh Đông Dương lần thứ hai chống người Mỹ, Bộ Chính trị đề ra ba mục đích: 1/ Lật đổ chính

quyền Sài Gòn và thay vào đó bằng một chính quyền cộng sản duy nhất. 2/ Thống nhất hai miền Việt Nam. 3/ Buộc người Mỹ phải rút về nước - điều mà Võ Nguyên Giáp có thể đạt được mà không cần một chiến thắng quân sự đối với người Mỹ.

Làm thế nào một thầy giáo sử học thấp bé ở trường trung học, một cựu nhà báo lại trở nên một vị tướng có nhiều chiến công hiển hách có thể sánh ngang với những vị tướng lĩnh giỏi nhất trong lịch sử nhân loại? Không một người phương Tây nào có thể biết một cách chính xác đâu là tầm cỡ hành trang lý luận quân sự của ông, một lĩnh vực mà mỗi khi có ai hỏi đến ông đều thoái thác, không muốn trả lời rõ ràng. Một số người cho rằng ông đã được đào tạo quân sự theo trường phái quân sự Liên Xô, hoặc đã theo học quân sự tại Viện Quân sự Hoàng Phố của Quốc dân Đảng Trung Hoa. Người khác lại cho ông là đệ tử của những người cộng sản Trung Hoa. Tất cả những giả thuyết trên đều không có gì làm bằng chứng. Trái lại là khác… Câu trả lời duy nhất của ông được nhắc lại trong nhiều dịp: "Trường quân sự duy nhất tôi đã học là chiến tranh du kích". Ông đã học trong thực tế chiến trường. Khó khăn duy nhất của chiến tranh du kích, nếu nói là một học viện quân sự, thì cái thiếu duy nhất đó là một thư viện. Clausewitz đã nói nếu muốn tự học về quân sự thì chỉ có hai con đường: kinh nghiệm của bản thân và lịch sử chiến tranh. Nói về kinh nghiệm thì Võ Nguyên Giáp có một kho tàng tầm cỡ.

Bất đồ, người ta đặt câu hỏi Julius Caesar đã học trường quân sự nào? Timur hay, Alexander cũng vậy! Học hỏi ở học viện quân sự nào mà Hannibal lại tìm cách vượt dãy núi Alpes? George Washington đã theo học quân sự ở đâu? T. E. Lawrence[1] có phải đã nhận bằng quân sự từ Sandhurst? Cũng như Võ Nguyên Giáp, các danh nhân đó đều tự học, tự nghiên cứu lịch sử quân sự, chiến lược, chiến thuật. Họ đã vận dụng những điều học được trong những hoàn cảnh cụ thể để có thể rút ra bài học từ những sai lầm. Tiếp đó họ chứng minh được điểm ưu việt trong chiến lược của mình với đối phương. Đó là cách làm của Võ Nguyên Giáp với Leclerc, Valluy, Blaizot, Navarre và Westmoreland.

Võ Nguyên Giáp đã đọc tác phẩm từ những tác gia lớn. Ông đã học hỏi kinh nghiệm ngay từ những vị anh hùng dân tộc của đất nước ông. Trường học thật sự của ông là chiến tranh du kích, ở đó học tức là sống, để lại tiếp tục đánh du kích, là thất bại và chết, đối với bản thân ông cũng như đối với Việt Minh. Ông phải học, phải tiến lên phía trước, ông không bị ngăn cản vì cái ý thích ngông cuồng thường thấy ở phương Tây là luôn luôn cố gắng làm lại cuộc chiến tranh đã qua. Học viện quân sự của ông là trường học chiến

đấu, nơi đào tạo những chỉ huy quân sự có thực tài.

Từ những bút tích của ông, vừa rải rác, vừa thiếu hệ thống, chúng ta có nhiều thông tin cho thấy ông chịu ảnh hưởng của ai trong việc hình thành nên chiến lược, chiến thuật của mình. Không rụt rè, ông thẳng thắn tuyên bố ông tham gia chống Pháp và sau đó là chống Mỹ để giành độc lập, tự do, bảo vệ giá trị văn hóa dân tộc và đạo đức, để làm cho mọi người có cuộc sống thịnh vượng, hạnh phúc, đồng thời để truyền bá lý tưởng cách mạng với các dân tộc bị áp bức trên hành tinh.

Võ Nguyên Giáp tự hào về dân tộc Việt Nam, từ xa xưa đã kiên cường trong cuộc đấu tranh chống ách đô hộ và sự xâm lăng của Trung Quốc. Ông cho rằng các cuộc đấu tranh nổi dậy và chiến tranh dân tộc ấy đã hình thành nên truyền thống yêu nước chống giặc ngoại xâm vừa vẻ vang, vừa mãnh liệt của dân tộc. Ông cũng vô cùng tự hào về các anh hùng dân tộc, những người đã lãnh đạo nhân dân suốt nhiều thế kỉ chống lại Trung Quốc và Mông Cổ. Trong tác phẩm *Chiến tranh nhân dân, quân đội nhân dân,* Giáp viết: "Đường lối quân sự của Đảng đã kế thừa, phát triển lên một trình độ cao chưa từng có, những nguyên tắc chiến lược của tổ tiên và của nền văn hóa dân tộc…"

Điều đơn giản đầu tiên có lẽ là Võ Nguyên Giáp đã được truyền cảm hứng yêu nước từ chính lịch sử đất nước mình. Hãy kể ra trước hết là Hai Bà Trưng - Trưng Trắc và Trưng Nhị - đầu thế kỷ thứ nhất đã nổi dậy đập tan các thành trì của Thái thú Trung Quốc. Đó là Lý Bí hay Lý Bôn, người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa lớn chống chính quyền đô hộ Trung Quốc ở thế kỷ VI, đồng thời tiến hành chiến tranh chống vua Lâm Ấp ở phía Nam. Năm 542, ông lật đổ chính quyền đô hộ mất lòng dân và năm 544 thành lập nhà nước độc lập đặt tên là Vạn Xuân, tự xưng là Lý Nam Đế.

Đó là Khúc Thừa Dụ bước đầu xây dựng nền móng cho nhà nước tự chủ, sau đó là Ngô Quyền phục hồi nền độc lập vào năm 939, sau khi đánh đuổi quân Nam Hán với trận Bạch Đằng nổi tiếng năm 938.

Nhiều thế kỷ sau đó là anh hùng dân tộc Trần Quốc Tuấn, hay còn gọi là Trần Hưng Đạo. Năm 1283, ông được vua Trần phong làm Quốc công Tiết chế thống lĩnh các lực lượng quân sự đánh lui cuộc xâm lăng của quân Nguyên Mông. Ông là người mở đầu cuộc chiến tranh du kích và chiến thuật vườn không nhà trống để đuổi quân xâm lược ra khỏi đất nước. Năm 1287, lại một lần nữa ông lãnh đạo toàn quân, toàn dân đánh bại quân xâm lược Nguyên Mông. Đối với Võ Nguyên Giáp, Trần Hưng Đạo thật sự là một nhà

chiến lược quân sự tài ba. Ông dùng chiến tranh du kích để quấy rối quân địch mạnh hơn mình và ông đặc biệt quan trọng khối đoàn kết dân tộc bằng cách tập hợp toàn thể dân chúng dưới một ngọn cờ do ông lãnh đạo.

Nhưng có lẽ theo Võ Nguyên Giáp, người anh hùng vĩ đại nhất trong lịch sử dân tộc Việt Nam là Lê Lợi. Năm 1418, Lê Lợi đã phát động cuộc khởi nghĩa chống quân Minh (Trung Quốc) xâm lược. Võ Nguyên Giáp khẳng định ông đã học được ở Lê Lợi khái niệm "chiến tranh lâu dài", ông viết: "Đó là thiên tài của dân tộc ta đã làm nên truyền thống đẩy mạnh kháng chiến và biết đánh bại quân địch trong chiến tranh lâu dài". Rồi còn có Nguyễn Huệ, còn gọi là Quang Trung, năm 1771 cùng với hai anh trai của mình đã lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Tây Sơn chống lại quân Thanh và thắng lợi năm 1789. Võ Nguyên Giáp coi Nguyễn Huệ là người chứng minh cho sức mạnh của quần chúng vì ông đã dựa vào những người nông dân chân đất áo vải để đánh đổ các tập đoàn phong kiến phản động, đánh tan hai cuộc xâm lược của phong kiến Trung Quốc và Xiêm La, bảo vệ độc lập dân tộc và thống nhất đất nước.

Tất cả những vị anh hùng đó, tất cả những cuộc xung đột đó đều được xếp vào loại chiến tranh chính nghĩa như cuộc chiến tranh hiện nay Võ Nguyên Giáp đang tiến hành. Những con người vĩ đại và những cuộc đấu tranh nổi tiếng đó chứng tỏ rằng đại nghĩa thắng hung tàn, chí nhân thắng cường bạo, rằng ít có thể thắng nhiều, nhỏ có thể thắng lớn và yếu có thể thắng mạnh.

Rồi theo Võ Nguyên Giáp, có một số nước tư bản chủ nghĩa, diện tích không lớn, dân không đông nhưng trái lại có nền công nghiệp phát triển vẫn có thể, thông qua các cuộc chiến tranh thuộc địa, chinh phục tất cả những miền đất chậm phát triển của thế giới. Cuộc đấu tranh của các dân tộc khác nhau bước vào một giai đoạn đen tối và vô vọng. Vấn đề đấu tranh giải phóng dân tộc xuất hiện ở khắp nơi và dường như không giải quyết được.

Chiến tranh có thể là một phương tiện để đánh bại chủ nghĩa thực dân Pháp không? "Đó là một vấn đề mới nổi lên", Võ Nguyên Giáp thú nhận. Ông suy nghĩ vấn đề đó từ tháng này qua tháng khác để tìm ra giải pháp. Ông rút ra được bài học từ các vị anh hùng dân tộc trong quá khứ, đó là sự cần thiết phải huy động nhân dân để đánh thắng kẻ xâm lược. Mục tiêu tương tự không thể đạt tới nếu bộ đội không biết đến nhân dân, đối xử tệ với nhân dân. Và ông tiếp tục xây dựng mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa bộ đội và nhân dân, để tranh thủ sự tin yêu của nhân dân, thực hiện quân dân nhất trí.

Ông viết: "Đảng ta giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc để thúc đẩy cách mạng Việt Nam tiến lên". Muốn làm thế, Đảng động viên toàn thể nhân dân cả nước đứng lên đánh đuổi những ai giày xéo Tổ quốc, cuộc chiến đấu trở thành cuộc cách mạng dân tộc do nhân dân lãnh đạo, vì lợi ích của nhân dân. Đảng cùng với Võ Nguyên Giáp hứa rằng kết cục của cuộc xung đột Pháp - Việt sẽ chấm dứt ách đô hộ của thực dân Pháp, xóa bỏ mọi hình thức thống trị và bóc lột giai cấp, giải phóng thợ thuyền và dân cày, đi tới công bằng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa.

Võ Nguyên Giáp nhận thấy rất rõ tinh thần yêu nước chính là tài sản vô giá mà các bậc tiền bối truyền lại cho người đang sống. Đảng đã gắn chủ nghĩa yêu nước với lòng yêu chủ nghĩa xã hội và chế độ xã hội mới để chỉ cho nhân dân thấy cách duy nhất để giải phóng dân tộc thành công là lựa chọn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Võ Nguyên Giáp và Đảng càng gắn chương trình hành động của họ với sự nghiệp của quần chúng thì họ càng mạnh. Theo cách đó, cả dân tộc nổi dậy để giành lại và bảo vệ nền độc lập, tự do của Tổ quốc. "Vì vậy, cương lĩnh chính trị của chúng tôi, khác với các cuộc khởi nghĩa trong lịch sử và cuộc chiến tranh dân tộc trong lịch sử, đã dành một phần quan trọng cho các vấn đề về điều kiện sống và có nội dung xã hội".

Đối với Võ Nguyên Giáp, nhân dân là nguồn gốc của sức mạnh, từ đó sinh ra ý chí chiến đấu và chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Phải thấu hiểu nhu cầu, nguyện vọng của quần chúng, vì vậy trong căn cứ địa Việt Bắc và các vùng mới giải phóng, Đảng từng bước thực hiện chính sách nông thôn, tịch thu ruộng đất của địa chủ chia cho dân cày. Giấc mơ "người cày có ruộng" từ nhiều đời nay lần đầu tiên trong lịch sử dân tộc trở thành hiện thực. Võ Nguyên Giáp nói thêm: "Người ta vĩnh biệt nạn đói, cho hàng triệu người thoát nạn mù chữ. Sản xuất tăng nhanh như tên bắn, đời sống nhân dân được cải thiện. Quân đội ngày càng vững chắc. Trên chiến trường quân đội ngày càng tỏ ra là một đội quân chính quy nhà nghề. Càng đánh càng mạnh. Tóm lại, dân chúng yêu mến chế độ, dũng cảm đấu tranh và hy sinh hết thảy để bảo vệ chế độ".

Cả người Pháp và sau là người Mỹ không làm chủ được tham số căn bản như Võ Nguyên Giáp. Trên chiến trường, chiến thắng sẽ nghiêng về phía bên nào tranh thủ được nhân dân. Những lực lượng nước ngoài nào có làm công tác dân vận thì cũng chỉ qua loa đại khái cốt để thực hiện mệnh lệnh trên giao. Còn bộ đội của Võ Nguyên Giáp thì ở với dân chúng suốt đời. Đối với bộ đội của ông không thể nói là hoàn thành nhiệm vụ khi chưa biết được công tác tranh thủ quần chúng đạt được đến đâu. Người ta biết có nhiều lập

luận được đem ra trao đổi rất sôi nổi trong nội bộ các bộ tham mưu của Mỹ để thấy rõ hậu quả tiêu cực của những hành động sách nhiễu nhân dân và cố ngăn cản các trận pháo kích vào các căn cứ Mỹ ở miền Nam. Người ta có tin rằng điều đó có làm thay đổi được chút nào không? Những cố gắng "bình định" được gọi chính thức bằng những cái tên như cuộc hành binh phòng thủ và phát triển bên trong "an ninh nội bộ", "phục hồi dân tộc", và "phát triển căn bản", "vô hiệu hóa", "tái thiết nông thôn", "ổn định hóa" đều được xác định là "một cuộc chiến tranh khác" hay đại loại như thế. Đó chỉ là những hoạt động hỗ trợ phải thực hiện khi còn thì giờ, một khi mục tiêu chính đạt được là đánh bật quân địch, kìm chân và tiêu diệt chúng. Và người ta sử dụng như một sức mạnh đột kích tăng lên không ngừng. Có thể là những nhà chiến lược đó tưởng rằng chỉ cần có quân số áp đảo là giải quyết được mọi vấn đề quân sự và như thế là coi nhẹ ngạn ngữ trong Thánh ca (20,7-8): "Một số tin ở chiến xa, một số tin ở ngựa, nhưng tất cả đều suy sụp và ngã xuống".

Khi Võ Nguyên Giáp dạy cho quân sĩ của ông một điểm quan trọng trong học thuyết quân sự là quân và dân phải đoàn kết một lòng, thì các quân đội nước ngoài lại chỉ coi trọng sức mạnh quân đội và vũ khí. Vì vậy, họ đối xử tàn tệ với dân thường, không biết rằng nếu đối xử khác thì dân thường có thể ủng hộ họ. Chính vì vậy, nước Pháp và nước Mỹ đã gạt đi một đồng minh tiềm tàng là đông đảo thường dân, bởi lẽ không phải tất cả dân chúng đều một lòng ủng hộ cộng sản. Kết quả là cả hai nước đều phải gánh chịu chiến tranh một mình.

Những người chỉ huy quân đội Pháp và Mỹ tưởng rằng nếu kiểm soát được đất đai là nhiệm vụ đã hoàn thành. Họ đến từ các nước, ở đó từ nhiều thế kỷ nay, từ thế hệ này qua thế hệ khác lưu hành một quan điểm là mục tiêu quân sự luôn luôn phải chiếm được ưu thế trên chiến trường. Võ Nguyên Giáp thì không vướng vào những định kiến ấy. Ông biết rằng mục đích đầu tiên không phải là chiếm đất và giữ đất của người dân nông thôn. Ông biết rằng nếu có sự trung thành và ủng hộ của họ thì người Pháp và người Mỹ chỉ tự hào về sức mạnh áp đảo của xe tăng, máy bay, pháo binh và quân số sẽ sớm hay muộn cũng bị thất bại.

Những sự đột nhập của Pháp và bắn phá của Mỹ đã thường xuyên đưa số lớn thường dân đến chỗ nguy hiểm tính mạng, khiến họ không thể sinh sống bình thường được. Như những người di tản đã buộc phải rời khỏi nhà cửa, sống chen chúc ở các vùng đô thị, trở thành một tầng lớp luôn luôn bất mãn với nhà cầm quyền, luôn luôn kêu ca phàn nàn về sự xua đuổi họ và trở thành miếng đất màu mỡ cho tuyên truyền cộng sản. Quân đội chính quy

trong khi truy đuổi đã đồng thời đẩy dân thường vào chỗ cùng cực, khiến họ phải sống hàng ngày trong địa ngục: đồng ruộng bị xích xe tăng chà nát, đê điều bị phá hủy, mùa màng bị nhiễm chất độc hay bị lửa thiêu trụi, kho tàng bị tịch thu không được bồi thường, nhà cửa bị đốt, giếng nước bị ô nhiễm, gia súc bị tàn sát, đàn bà con gái bị hãm hiếp, con trai bị tra tấn hay bị coi như kẻ bị tình nghi. Một triết học chiến tranh như thế chắc chắn sẽ kéo theo muôn vàn đau khổ cho những chứng nhân vô tội (và đôi khi không vô tội) và hậu quả là người ta không thể có được sự ủng hộ trung thành của dân chúng.

Trong những điều kiện như thế, Võ Nguyên Giáp và Việt Minh, sau này được kế tục bởi Đảng Nhân dân Cách mạng và cánh tay trợ thủ là Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, được Mỹ gọi là Việt Cộng, không khó khăn gì để có được tính hơn hẳn về tinh thần. Họ tự nguyện là người cứu nguy dân tộc, bảo vệ quyền lợi nhân dân và không có lực lượng nào trong nước có thể cạnh tranh hữu hiệu với họ. Võ Nguyên Giáp không vất vả lắm để tìm kiếm sự ủng hộ trong đám nông dân bất mãn chồng chất vì bị quân Pháp hay Phi và ngụy quân người Việt cướp mất gà vịt, trâu bò và tài sản cá nhân khác, kể cả cưỡng hiếp đàn bà con gái… Võ Nguyên Giáp không gặp khó khăn gì để chìa bàn tay với người dân thành phố bị giam cầm hay bị tra tấn vì đã cả gan cất cao lời lẽ phản đối hay dám tham dự một cuộc họp chính trị bí mật. Ông nghĩ rằng thắng lợi chính trị phải xuất phát từ một lý luận chính trị đúng, rằng làm chiến tranh mà không dựa trên nền tảng chính trị thì chỉ là thổ phỉ, rằng những người chỉ huy quân sự không biết đến các nhu cầu chính trị thì chỉ là bọn quân phiệt.

Khi quân lính không trực tiếp tham gia chiến đấu, Võ Nguyên Giáp dùng họ vào việc vận động quần chúng mà sau này Edward Landsdale - một chuyên gia người Mỹ về chống nổi loạn - gọi đó là “hành động công dân”. Binh sĩ cầm cuốc để sửa lại đê điều, trồng lại lũy tre để che chở xóm làng khỏi bị xâm lăng từ bên ngoài, củng cố hệ thống tưới tiêu, giúp dân cấy lúa, bón phân hay tưới ruộng, thu hoạch mùa màng, đưa người dân bị thương trong chiến đấu về trạm quân y chăm sóc. Những người chỉ huy quân sự nước ngoài đến sau đó và muốn nhanh chóng xoay ngược tình thế, hầu như không tìm được sự ủng hộ nào của dân chúng nông thôn. Những nguyên tắc của Võ Nguyên Giáp nhấn mạnh đến công tác vận động quần chúng đã vô hiệu hóa mọi công việc của người chỉ huy quân đội nước ngoài. Ngược lại, những thường dân sẵn sàng đi dân công, mang vác gạo hay mọi đồ tiếp tế khác mà quân đội của Võ Nguyên Giáp đang cần. Người dân thể hiện bộ mặt lãnh đạm, lạnh lùng và câm lặng trước những kẻ tìm cách dò la bí mật của Việt Minh. Người dân chống lại kẻ xâm lược nước ngoài dù phải trả giá bằng sinh mạng của họ.

Võ Nguyên Giáp tuyên bố rằng dân tộc ông từ lâu đã thấm nhuần quan điểm chiến tranh nhân dân, trong đó mọi chiến sĩ đều đoàn kết về quân sự và chính trị. Ông viết: "Tư tưởng tiến công của Đảng ta, của lực lượng vũ trang và của nhân dân ta là sợi chỉ đỏ xuyên suốt các học thuyết truyền thống. Trong lịch sử nước ta, các cuộc khởi nghĩa thắng lợi và việc giải phóng dân tộc đều do chính người dân tiến hành, theo cách riêng của mình. Họ tiến công thường xuyên chống phong kiến và ách thống trị nước ngoài".

Đối với Madeleine Riffaud, nữ phóng viên báo *L'Humanité* đã phỏng vấn Võ Nguyên Giáp năm 1968, ông vẫn nói về niềm tin vào truyền thống chiến tranh nhân dân. "Trong lịch sử xa xưa của chúng tôi, điều đó đã trở thành công thức. Toàn dân đồng lòng chống xâm lược". Võ Nguyên Giáp gợi lại một thí dụ trong lịch sử nhắc cho nữ phóng viên đang đối thoại với mình chuyện cụ Đồ Chiểu (nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu) ở miền Nam đã viết về những "dân thường" ở các làng vì lòng yêu nước đã thành những người "tình nguyện". *Tất cả mọi người* làm chiến tranh nhân dân và Võ Nguyên Giáp ca tụng Nguyễn Đình Chiểu khi ông nói về những phụ nữ "chân yếu tay mềm" nhưng vì kẻ địch ở trên mảnh đất của mình, đã "lên ngựa, phất cờ, chèo thuyền, nổ súng, vượt lũy, phá thành".

Đối với Võ Nguyên Giáp, một con người khác đã đi theo tấm gương của các bậc anh hùng dân tộc là Hồ Chí Minh, người thầy dẫn đường của ông. Ông viết: "Người ta có thể nói không lầm rằng quân đội của chúng tôi là từ nhân dân mà ra, đã được xây dựng theo tư tưởng của Đảng và của Bác Hồ". Tuy nhiên, đó không phải là lý luận quân sự mà Hồ Chí Minh đã dạy ông mà chính là sự cẩn trọng, tinh thần thực tiễn, sự ngoan cường và ý thức kết hợp lý luận chính trị với hoạt động quân sự. Hồ Chí Minh cho rằng sự thống nhất về chính trị là mục tiêu hàng đầu cần đạt được trước khi bắt đầu bất kỳ một hành động quân sự nào. Hồ Chí Minh cũng nhấn mạnh sự cần thiết phải có căn cứ địa vững chắc để ẩn náu khi gặp thất bại về quân sự. Và Võ Nguyên Giáp học tập ở Hồ Chí Minh tinh thần kiên trì. Ông viết: "Đối với chúng tôi, đó là bài học bổ ích nhất trước khi ra trận". Bài học đó Hồ Chí Minh thường nhắc đi nhắc lại: "Quyết tâm, quyết tâm, có quyết tâm thì làm việc gì cũng thành công".

Võ Nguyên Giáp còn học tập được ở nhiều nhà lý luận quân sự của cộng sản, đặc biệt là Mao Trạch Đông và Lenin. Ở Lenin, Võ Nguyên Giáp học: Mục đích phải đặt lên trên phương tiện. Mục đích biện minh cho phương tiện. Mục đích đặt ra như thế nào thì phải huy động mọi phương tiện thích hợp, cốt sao đạt được mục đích. Các chiến sĩ cách mạng phải hy sinh không do dự, nếu việc đó có lợi cho đấu tranh cách mạng. Chính là hiểu rõ

tại sao phải làm như thế mà Võ Nguyên Giáp phải hàng nghìn binh sĩ vào cuộc chiến đấu một mất một còn để nhanh chóng đuổi được kẻ thù Pháp, Mỹ đang giày xéo quê hương đất nước ông.

Võ Nguyên Giáp đánh giá đúng giá trị mà những ý tưởng của Karl von Clausewitz mang lại, nhất là khi Clausewitz nhấn mạnh mối quan hệ giữa chính trị và đấu tranh vũ trang. Võ Nguyên Giáp chỉ đạo các chiến dịch sau này theo tiền đề của Clausewitz - người đã thấy yếu tố chính trị là nhân tố quyết định phát động chiến tranh, thước đo các mục tiêu quân sự và các phương tiện để đạt mục tiêu đó.

Ông cũng chú ý nghiên cứu các trước tác của Mao Trạch Đông - người đề xướng học thuyết về chiến tranh nhân dân. Mao cho rằng toàn bộ cuộc sống là do sự chi phối của các quy luật đồng đều, không thay đổi. Chỉ cần hiểu rõ các quy luật ấy, thấy rõ được tầm vóc của chúng rồi biết vận dụng những quy luật ấy trong hành động quân sự cũng như trong cố gắng về kinh tế, chính trị hay xã hội. Võ Nguyên Giáp viết: "Các nước tiến hành vũ trang cách mạng theo những quy luật cơ bản chung đồng thời theo đặc điểm và quy luật riêng".

Ông cũng học ở Mao vai trò cá nhân trong tiến trình cách mạng. Nếu Mao viết: "Nhân dân và chỉ có nhân dân mới là động lực xây dựng lịch sử thế giới… Nhân dân chứ không phải sự vật là quyết định". Vì vậy, đối với Giáp: "Việc thường xuyên củng cố tinh thần và chính trị là chủ yếu đối với những ai mong muốn những yếu tố cá nhân tạo nên "quần chúng" luôn được giữ vững cho cuộc đấu tranh. Trong chiến tranh có hai yếu tố cơ bản: nhân dân và vũ khí. Cả hai yếu tố đó đều quan trọng nhưng nhân tố con người là quyết định. Chúng ta phải xây dựng một học thuyết mới lấy quân ít nhưng mà tinh. Chúng ta phải giải quyết một vấn đề cơ bản. Chỉ cần một đội quân nhỏ, dựa vào tư tưởng cơ bản là chiến tranh của chúng ta là một cuộc chiến tranh chính nghĩa với những đặc điểm riêng, những tư tưởng quân sự của Việt Nam là tư tưởng nhân dân". Còn có những điểm khác Võ Nguyên Giáp cũng nhất trí với Mao: Tầm quan trọng của căn cứ và hậu phương, giá trị của chủ động và tiến công, vận dụng kinh nghiệm quân sự của cá nhân, sự cần thiết phải tập trung lực lượng áp đảo đồng thời nhấn mạnh tầm quan trọng của tiết kiệm lực lượng.

Nhưng Võ Nguyên Giáp không phải là cái bình chứa trơ ỳ đặt dưới cái mạch nước cách mạng của Mao. Hai người rõ ràng khác nhau trên một số điểm và Giáp bác bỏ không chút vướng víu mọi điều vô nghĩa. Võ Nguyên Giáp thấy rằng chiến thuật biển người đưa ồ ạt bộ binh vào cuộc tiến công,

một trong những chiến thuật được Mao ưa thích là một sự phí phạm nguồn lực và ông sớm loại bỏ cách làm này. Ông nhận thấy rõ ràng cuộc chiến theo đúng thể thức là phải dựa trên điều kiện cụ thể của chiến trường hơn là chỉ đơn giản gắn bó một cách ngờ nghệch vào một học thuyết. Về phương diện này, Võ Nguyên Giáp cũng có đầu óc thực tiễn như Hồ Chí Minh. Ông chỉ vận dụng điều gì có ý nghĩa và đem lại hiệu quả thiết thực, ông loại bỏ những lý thuyết của người khác khi những lý thuyết này trái với thực tế của ông.

Làm sao có thể giành được thắng lợi (trong cuộc chiến tranh chống Pháp và chống Mỹ) trong lúc còn kém về quân sự? Võ Nguyên Giáp đặt câu hỏi không phải là không có chút hùng biện. Có phải chiến thắng thuộc về kẻ mạnh không? "Nước ta là một nước phong kiến. Pháp, Nhật, Mỹ đều đã đến Việt Nam. Ba nước đó đều là nước tư bản có trình độ sản xuất rất cao trong lúc Việt Nam còn ở giai đoạn sản xuất thủ công. Vì vậy, chúng ta phải đối mặt với những vấn đề về vật liệu chiến tranh, phương tiện quân sự và hậu cần nói chung."

"Chúng ta phải giải quyết tất cả các vấn đề đó. Chúng ta phải học cách làm thế nào để giành chiến thắng với các phương tiện ít hơn. Chúng ta phải tìm ra cách sử dụng tốt nhất tổ chức hậu cần nghèo nàn hơn để chiến thắng kẻ thù. Trong sáu bảy chục năm qua, nhân dân Việt Nam chưa giải quyết được vấn đề đó. Nhân dân ta rất dũng cảm nhưng chưa đủ. Chúng ta phải học tập phương pháp chiến tranh nhân dân. Ba mươi triệu người Việt Nam là ba mươi triệu người lính. Như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói khi bắt đầu cuộc kháng chiến chống Pháp: Ai có súng dùng súng. Ai có dao dùng dao. Ai không có dao thì dùng gậy gộc, đất đá". Đó là cốt lõi của chiến tranh nhân dân. Ai nấy đều đứng lên chiến đấu chống địch […]. Mỗi người có cách đánh riêng của mình. Mỗi tiểu đội, mỗi trung đoàn đều có phương pháp riêng. Toàn thể dân tộc đứng lên đấu tranh cho tự do và độc lập."

Võ Nguyên Giáp còn có hai người thầy nữa. Một người là Napoleon. Mặc dù ông không kể tên người chỉ huy quân sự vĩ đại trong trước tác của ông nhưng trong một buổi phỏng vấn vào năm 1988 ông nhắc lại ông chịu ơn Napoleon. Còn người kia là Tôn Tử, một vị tướng đồng thời là triết gia Trung Quốc cổ đại. Trong đó, một trích dẫn của Mao đủ để chỉ ra ảnh hưởng của Tôn Tử đối với ông: "Địch tiến, ta lùi; địch đóng trại, ta quấy rối; địch mệt mỏi, ta tấn công; địch rút lui, ta truy kích."

Đọc những đoạn trích, những câu châm ngôn của Tôn Tử làm ta nghĩ ngay đến cách thức Võ Nguyên Giáp vận dụng trong những năm đầu chiến

tranh chống Pháp, giống nhau giữa học thuyết của Tôn Tử và những gì đã do Giáp phát triển là hiển nhiên. Nhưng khi người ta hỏi ông *Binh pháp Tôn Tử* đã ảnh hưởng đến ông như thế nào, ông trả lời: "Tôn Tử có những ý kiến rất hay. Trước đây tôi đã được đọc và tôi đã phát hiện ông ta nói rằng… "nếu lực lượng địch đông gấp mười lần thì không nên đánh." Nếu tôi làm theo lời ông ấy thì có lẽ chúng tôi vẫn còn ở trong rừng sâu. Chúng tôi sẽ không bao giờ chiến thắng được người Pháp và người Mỹ. Học thuyết Tôn Tử bản thân nó là không đủ để chỉ ra cho chúng tôi cách làm những việc mà chúng tôi đã làm như thế nào".

Còn một người thầy khác tuy không chắc chắn lắm, mà Võ Nguyên Giáp đã học hỏi. Các sĩ quan Pháp đã từng đấu trí với tướng Giáp đều nhận thấy tài năng quân sự của ông không chỉ do sự chuyên tâm và trải nghiệm mà còn do ông thường xuyên nghiên cứu địa lý và lịch sử. Trong các tác phẩm mà Võ Nguyên Giáp đọc, có những tác phẩm của T. E. Lawrence - một người anh hùng huyền thoại của cuộc Chiến tranh thế giới lần thứ nhất đã giành được chiến công táo bạo cho đất nước Anh, trong các cuộc giao chiến với các nước Ả Rập ở Trung Cận Đông. Một câu chuyện được truyền tai nhau trong hàng ngũ các sĩ quan Pháp: một hôm vào năm 1946, trước khi rút khỏi Hà Nội, Võ Nguyên Giáp đến thăm một sĩ quan Pháp và trông thấy trên bàn có một cuốn sách khiến ông quan tâm. Võ Nguyên Giáp lễ phép nói: "Tôi có thể mượn cuốn sách đó không?". Viên sĩ quan Pháp trả lời: "Để tôi đọc xong đã". Đó là cuốn sách của T. E. Lawrence.

Năm 1946, trong một buổi trò chuyện với tướng Raoul Salan, theo người ta kể lại, Võ Nguyên Giáp đã nói với viên tướng Pháp: "Cuốn sách kinh điển về chiến đấu của tôi là *Bảy cột trụ của sự khôn ngoan* (Seven Pillars of Wisdom). Tôi luôn luôn đem theo cuốn sách đó bên người". Và chính tướng Salan cũng khẳng định là tướng Giáp chịu ảnh hưởng rất mạnh của Lawrence.

Lawrence đã biết - và Võ Nguyên Giáp cũng học được ở ông ta - về tầm quan trọng của chiến tranh không chính quy và cách mà loại hình chiến tranh này khiến cho đối phương được đào tạo theo kiểu truyền thống phải lẫn lộn. Những ý tưởng đó như những nốt nhạc lọt vào tai Giáp và khiến một người giàu trí tuệ như ông phải suy nghĩ.

Trong cuốn *Sự tiến hóa của cuộc khởi nghĩa* (The Evolution of a Revolt), Lawrence nhấn mạnh đến các chiến dịch của ông mà Võ Nguyên Giáp đánh giá rất cao. Một cuộc bạo loạn phải có một căn cứ bất khả xâm phạm, không những được bảo vệ để không bị tấn công mà còn không phải lo

là sẽ bị tấn công. Lawrence viết: "Cuộc bạo loạn phải đương đầu với một kẻ thù ngoại quốc lão luyện dưới dạng một đội quân chiếm đóng có kỷ luật, nhưng quá nhỏ để thực thi việc chiếm đóng và quá hạn chế về số lượng để có thể điều chỉnh theo không gian nhằm chế ngự có hiệu quả toàn vùng từ những đồn lũy kiên cố". Không có định nghĩa nào thích hợp hơn tình hình của người Pháp ở Đông Dương. Lawrence lưu ý rằng một cuộc bạo loạn phải có dân chúng đi với mình, không cần thiết phải ủng hộ tích cực, nhưng phải là những người có thiện cảm, không phản bội phong trào bạo loạn. "Một cuộc bạo loạn không cần đến quá 2% quân số tham gia làm lực lượng đột kích và 98% là những người cảm tình thụ động là đủ". Không biết Lawrence đã viết để người Ả Rập đọc hay cho người Việt Nam đang đấu tranh chống người Pháp?

Lawrence còn nói: "Tính cơ động được bảo đảm, sự an toàn (theo nghĩa các mục tiêu được che giấu kỹ không để lộ cho địch biết), thời gian và học thuyết (tư tưởng biến thù thành bạn), chiến thắng luôn thuộc về những người khởi nghĩa bởi vì các tham số đại số học cuối cùng cũng đều có tính quyết định và mọi sự hoàn thiện về vật chất hay tinh thần để chống lại họ là vô ích". Vì niềm tin của Võ Nguyên Giáp vào tính tất yếu của lịch sử và tính khoa học tuyệt đối của nghệ thuật quân sự này nên một đường lối như vậy ngay lập tức có được sự đồng tình của ông.

Võ Nguyên Giáp hướng về nhiều tấm gương của quá khứ và những tấm gương đó để lại cho ông những bài học quý báu. Qua việc học hỏi các gương mặt sáng giá trong lịch sử, ông học được cách rèn luyện binh sĩ của mình, đã làm cho họ trở thành nền tảng chính trị tích cực tuyên truyền giác ngộ dân chúng và bộ đội tiến hành chiến tranh lâu dài để làm xói mòn ý chí của kẻ địch mạnh hơn. Những sự kiện cũng dạy cho ông đó là các trận thua hay các trận thắng. Mỗi ngày trôi qua, sự tinh thông của ông lại phát triển thêm. Cuộc cách mạng tháng 8/1945 đã làm cho ông có một khái niệm: thành phố và nông thôn đều là địa bàn chủ yếu cho cách mạng Việt Nam. Các căn cứ ở nông thôn quan trọng vì các thành phố có thể và phải được giải phóng thông qua sự kết hợp khởi nghĩa từ bên trong và tiến công từ bên ngoài. Mối quan hệ với Pháp trong những năm 1945 - 1946 chỉ rõ rằng các cuộc thương lượng nếu không có thắng lợi quân sự đi kèm thì ít khi thành công ngay cả trên những mục tiêu thứ yếu. Cần có phối hợp chặt chẽ giữa hành động chính trị và hành động quân sự. Được vận dụng thích hợp thì hành động thứ nhất trở thành "nổi dậy đồng loạt" và hành động thứ hai thành "tổng tiến công". Sự kết hợp chặt chẽ hai hành động ấy tạo ra sự đảo lộn ồ ạt tiêu diệt kẻ địch và thực hiện các mục tiêu đã đề ra.

Nhưng chúng ta hãy để cho Giáp nói. Cuối năm 1988, trong một buổi trò chuyện, ông khẳng định: "Nguồn gốc học thuyết quân sự của tôi được xây dựng dựa trên truyền thống đấu tranh và chiến đấu chống ngoại xâm, nâng cao quyền lực của nhân dân để đánh bại kẻ thù mới bằng cách tăng cường chủ nghĩa Mác - Lênin và thiết lập Đảng Cộng sản Việt Nam, nghiên cứu và vận dụng các kinh nghiệm có chọn lọc của Napoleon, và của các nhà quân sự lỗi lạc ở các nước đồng minh Liên Xô, Trung Quốc và các nước khác". Mỉm cười, ông nói thêm: "Tôi cũng đã vận dụng một vài ý tưởng hay của học thuyết quân sự Hoa Kỳ".

Không những Võ Nguyên Giáp trở thành một tướng lĩnh tài ba mà còn là một nghệ sĩ trong cách dùng binh. Ông vừa nhúng bút trong dung môi lịch sử của đất nước ông, chấm phá bằng những màu sắc mượn của Lê Lợi, Trần Hưng Đạo, của Tôn Tử, của Napoleon, của Lawrence và nhiều người khác để tạo ra những nét vẽ mới trên tấm vải mà nền là Đảng và nhân dân của ông. Ông pha trộn những màu sắc nguyên thủy để tạo nên những sắc thái phụ trợ và những hình bóng mang tính sáng tạo của chính ông. Bức tranh hoàn thành hoàn toàn là của riêng ông - một kiệt tác nghệ thuật.

---

[1] Thomas Edward Lawrence: (1888 - 1935) sĩ quan và nhà văn Anh (BT).

“Đó là một cuộc chiến cực kỳ gian khổ”

Tận dụng thời gian tạm lắng giữa năm 1948 và 1950, Võ Nguyên Giáp hoàn thiện nền tảng quân sự và biến những chiến sĩ du kích thành lực lượng chiến đấu có tổ chức. Sự tiến triển thuận lợi đó diễn ra từ sau tháng 10/1949 khi những người cộng sản của Mao Trạch Đông đã giành được toàn thắng trong cuộc nội chiến kéo dài, buộc những người “quốc gia” Trung Hoa phải chạy trốn đến Đài Loan. Mao Trạch Đông đã cho phép Việt Minh ở Việt Bắc được dùng các tỉnh miền Nam Trung Hoa làm hậu phương vững chắc của cuộc kháng chiến. Các đơn vị của Võ Nguyên Giáp có thể sang đó luyện tập dưới dạng những đợt thực tập dài và cấp tập. Bằng cách đó Võ Nguyên Giáp đã có thể tìm ra những phương tiện biến quân đội ít có trình độ nghiệp vụ, phần lớn là hoạt động mạo hiểm thành những đơn vị chiến đấu hiện đại, được trang bị bằng vũ khí mới ra của Mỹ do quân đội Tưởng Giới Thạch bỏ lại trong cuộc tháo chạy vội vã.

Các cán bộ quân sự của Võ Nguyên Giáp sau khi tốt nghiệp các trường quân sự Trung Quốc đã trở thành các sĩ quan và hạ sĩ quan có cấp hiệu. Họ học cách sử dụng pháo binh, lái xe tải và các loại xe khác. Được các cán bộhuấn luyện Trung Quốc giúp đỡ, bộ đội Việt Nam đã biết cách tác chiến cấp đại đội và tiểu đoàn. Rồi Võ Nguyên Giáp tập hợp các đơn vị đã được huấn luyện thành các trung đoàn, mỗi trung đoàn có từ ba đến bốn tiểu đoàn, mỗi tiểu đoàn có quân số đến 600 người. Cuối năm 1949 và đầu năm 1950, Võ Nguyên Giáp hợp bốn trung đoàn thành một đại đoàn khoảng 12.000 người và học cách đánh vận động theo quy mô đại đoàn. Hài lòng trước kết quả đó, Võ Nguyên Giáp cho thành lập bốn đại đoàn ở Việt Bắc (Đại đoàn 304, 308, 312 và 316) và một đại đoàn ở Bắc Trung Bộ (Đại đoàn 320). Không lâu sau, ông cho thành lập đại đoàn trọng pháo gọi là Đại đoàn 351 theo mô hình của đại đoàn pháo binh Xô Viết. Đại đoàn 308 được biết đến với biệt hiệu *Sư đoàn thép* là một trong những đơn vị chiến đấu ưu tú. Quân của các đại đoàn đó, binh lính cũng như sĩ quan không mang quân hiệu gì để phân biệt với các đơn vị khác, tất cả đều mặc quân phục giống nhau bằng sợi bông nhuộm xanh. Kiểu trang phục đó được duy trì cho đến năm 1958.

Võ Nguyên Giáp dành phần lớn thời gian vào việc huấn luyện bộ đội, đa số xuất thân từ nông dân mù chữ quen với công việc đồng áng, cày ruộng và không biết sử dụng vũ khí như thế nào. Những hoạt động của Pháp ở vùng châu thổ sông Hồng từ năm 1948, 1949 khiến cho việc tuyển mộ tân binh gặp khó khăn. Võ Nguyên Giáp đề xuất Đảng ra lệnh tổng động viên,

đặt chế độ đăng ký tuyển tân binh. Từ ngày 4/11/1949, tất cả mọi công dân nam cũng như nữ từ 18 tuổi trở lên có thể được tuyển tân binh. Theo cách đó quân số của những đơn vị chủ lực từ 32 tiểu đoàn năm 1948 lên tới 117 tiểu đoàn năm 1951.

Công việc huấn luyện tiến hành ở miền Nam Trung Quốc rất khẩn trương và mạnh mẽ. Quân đội của Võ Nguyên Giáp ngày một đông bao gồm cả những người ít tin tưởng vào chính quyền, thường lâu nay chỉ sống quanh quẩn trong làng xóm xa xôi, xung quanh có lũy tre bao bọc, không quen làm việc với người xa lạ. Người ta không thể mơ tưởng có nhiều tân binh tốt hơn để xây dựng một lực lượng có tính cách quốc gia. Họ đã lớn lên trong ngạn ngữ Việt Nam: "Phép vua thua lệ làng". Họ chỉ có một khái niệm mơ hồ về trách nhiệm hay về bổn phận với quyền lực tập trung của chính phủ.

Võ Nguyên Giáp biết rằng ông không thể một sớm một chiều biến những người dân quê thành những người lính của quân đội quốc gia nếu không giáo dục cho họ một tinh thần trung thành và hăng hái phục vụ cách mạng. Ông biết, thiếu giáo dục chính trị, sự chạm trán đầu tiên với một kẻ thù có trang bị tốt hơn sẽ dẫn đến sự tháo chạy tán loạn. Ông phải rèn luyện quân đội không những về ý chí mà còn phải rèn luyện cả về thể chất. Ông viết: "Một sự giáo dục sâu sắc về mục tiêu của Đảng, trung thành trong mọi thử thách với lý tưởng dân tộc và giai cấp, một tinh thần hy sinh tất cả là những điểm căn bản đối với quân đội […]. Từ đó công tác chính trị có tầm quan trọng hàng đầu. Đó là *linh hồn của quân đội.* Phân tích đến cùng, trong mọi cuộc chiến tranh, thắng lợi được quyết định bởi quần chúng sẵn sàng đổ máu trên chiến trường."

Võ Nguyên Giáp ra chỉ thị nhằm phát triển việc giáo dục chính trị cho quân đội. Nhiều chương trình tỉ mỉ phân chia tân binh thành từng nhóm nhỏ, ở đó các chính trị viên khéo léo gợi ý để lần lượt từng người kể lại những câu chuyện về sự hành hạ của người Pháp và sự tham lam của các địa chủ trong làng. Người ta kể lại những câu chuyện giết giặc giữ nước hào hùng và tấm gương của các vị anh hùng dân tộc trong quá khứ của Việt Nam. Người ta mô tả những nỗi khổ mà bản thân đã phải chịu đựng hay chỉ biết qua nghe được những câu chuyện kể của người khác. Người ta tán dương, ca tụng được là người Việt Nam, hạ thấp những người nước ngoài. Người ta dựng những vở kịch ngắn, những câu chuyện vui, những khẩu hiệu, những bài hát, nhờ hát đi hát lại nhiều lần nên dễ nhớ dễ thuộc. Từ sáng đến chiều tối, họ hô vang khẩu hiệu: "Chúng ta nhất định thắng", tạo niềm tin tất thắng vào cuộc đấu tranh.

Gần gũi với hai lớp tân binh khác trong nhóm, lớp tân binh mới này đã mau chóng truyền cho các bạn lòng trung thành nhờ hoàn cảnh gia đình. Người ta biết rõ nhau hơn, đôi khi rất thân thiết với nhau và cuối cùng cũng hiểu ra rằng những cấu trúc tương tự trong đơn vị tạo nên một gia đình mới rộng rãi hơn gia đình nhỏ hẹp ở nhà giữa bố mẹ, anh em. Gia đình lớn này có mục tiêu cao cả hơn, gắn bó với nhau bằng tình đồng chí, bằng sự đồng tâm nhất trí đấu tranh giành thắng lợi vì lợi ích dân tộc và quyền lợi của nhân dân. Những chi bộ Đảng đó gặp nhau hàng ngày để thảo luận về công tác, cân nhắc lợi hại, đánh giá kết quả, chia sẻ với nhau khó khăn cũng như những thắng lợi.

Những buổi trò chuyện trong *Tổ ba người* được mở rộng một cách đều đặn lên quy mô đại đội thành những buổi họp bắt buộc. Ở đó mỗi người phải tự đánh giá kết quả công tác của bản thân, hoặc nhận xét bình giá kết quả công tác của người khác và của các cán bộ. Người ta có thể tự hỏi khía cạnh tích cực nhất của các buổi họp đó phải chăng là có sự tham dự của tất cả mọi người từ chiến sĩ đến cán bộ chỉ huy, từ lính trơn đến sĩ quan và ai nấy đều đi đến chỗ tin rằng mình là đáng kể, là cần thiết trong nội bộ đơn vị và dù chỉ là binh nhì hay sĩ quan mình cũng là bên nhận trong các quyết định về chủ trương công tác. Đối với các chàng trai từ các vùng sâu vùng xa đến, đó là một kinh nghiệm rất lớn khuyến khích họ coi trọng hơn nữa những lời cam kết và những mục tiêu của họ.

Võ Nguyên Giáp rất coi trọng công tác giáo dục chính trị cho bộ đội, nhờ đó quân đội có được những người lính nhận thức rõ vai trò của họ trong quân đội, trong xã hội và trong cuộc cách mạng. Vì vậy, quân đội của Võ Nguyên Giáp hoàn toàn khác với những đội quân lỏng lẻo, chắp vá của bọn quân phiệt ở miền Nam Trung Quốc hay ở những xứ khác tại phương Đông, thường rất coi thường dân và ra sức cướp bóc, tước đoạt của dân. Việt Minh coi dân như anh em một nhà. Mỗi bên có vai trò khác nhau nhưng tất cả đều cùng cộng tác với nhau trong cuộc đấu tranh chống Pháp.

Trong giai đoạn 1948 - 1950, tình hình chiến trường tạm lắng dịu, không có những cuộc tiến công lớn, Võ Nguyên Giáp còn tập trung xây dựng các cơ quan chỉ huy và thanh tra các đơn vị lớn. Ông cải tổ Bộ Tổng tham mưu, cho tới lúc đó trong số các cố vấn của ông, người ta chỉ suy nghĩ đặt kế hoạch tác chiến theo kiểu hoạt động du kích. Năm 1950, Võ Nguyên Giáp cho tổ chức Bộ Tổng tham mưu theo mô hình phương Tây: Phòng I lo về nhân sự, phòng II (phòng Nhì) về tình báo, phòng III về tác chiến và phòng IV về hậu cần.

Võ Nguyên Giáp cũng lập các quân khu gọi là liên khu bao trùm khắp Việt Nam, cho phép ông duy trì sự kiểm soát đối với các đơn vị phân tán khắp nơi. Mỗi liên khu có bộ chỉ huy quân sự liên khu thâu tóm việc chỉ huy trên cả hai phương diện quân sự và chính trị. Bản thân liên khu cũng chia ra liên tỉnh, liên xã, như vậy đảm bảo một sự chỉ huy thông suốt theo chiến lược từ trên xuống. Trên toàn lãnh thổ có sáu liên khu: Đông Bắc, Tây Bắc, đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ và Nam Bộ.

Ngoài ra, Võ Nguyên Giáp còn chia ra các vùng lãnh thổ khác nhau: vùng tự do, vùng tạm chiếm và vùng du kích. Vùng tự do bao gồm: Việt Bắc, các vùng cửa sông Bắc Trung Bộ, các vùng ven biển Trung Bộ ở phía nam Huế, Đồng Tháp Mười và bán đảo Cà Mau ở cực nam Nam Bộ. Các vùng du kích là châu thổ sông Mê Kông ở miền Nam và châu thổ sông Hồng ở miền Bắc, ven biển Trung Trung Bộ, cao nguyên trung tâm dãy Trường Sơn. Những vùng tạm chiếm là các vùng đô thị Sài Gòn, Huế, Hải Phòng và Hà Nội, những đồn điền cao su Nam Bộ, một số vùng ở hạ lưu sông Mê Kông. Sự phân chia các vùng như thế cho phép Võ Nguyên Giáp nhìn rõ các vấn đề đặt ra trên phạm vi địa phương, từ đó đặt ra kế hoạch phù hợp với từng vùng.

Mặc dù đã thiết lập một bản đồ như vậy nhưng đôi khi Võ Nguyên Giáp và Bộ tham mưu cũng rất khó khăn trong việc chỉ đạo đối với Nam Bộ và các vùng ở xa. Khoảng cách quá lớn, việc đi lại khó khăn trên những miền rừng núi hiểm trở, đồn bốt địch trải khắp nơi, đường vận chuyển bằng xe lửa và xe ôtô chở khách bị Pháp kiểm soát gắt gao. Đi lại bằng ôtô cũng nhiều nguy hiểm. Võ Nguyên Giáp thường dùng điện đài để liên lạc với các tỉnh phía nam nhưng sóng dễ bị thiết bị dò sóng của địch phát hiện cho nên việc dùng điện đài cũng khá hạn chế. Bên cạnh đó là những khác biệt về văn hóa vùng, miền. Cho nên không có gì ngạc nhiên khi thấy những người lãnh đạo cách mạng ở miền Nam, về nguyên tắc là đặt dưới sự lãnh đạo và kiểm soát của Võ Nguyên Giáp nhưng trên thực tế cũng có lúc họ hành động theo ý mình.

Từ khi có đủ người để thành lập một quân đội thật sự, Võ Nguyên Giáp lại quan tâm đến việc làm sao để trang bị và tiếp tế cho quân đội đó. Võ Nguyên Giáp đã đưa ra cách giải quyết vấn đề hậu cần rất hiệu quả, cho thấy ông là một trong những vị tướng lĩnh tài danh của mọi thời đại về mặt hậu cần. Ông phải đổi những đơn vị chủ yếu của ông thành một đội quân thường trực nhưng không làm mất đi khả năng tác chiến ở vùng rừng núi vốn là lối đánh có kinh nghiệm của quân đội Khi rút khỏi Hà Nội, ông đã cho tháo gỡ máy móc chuyển lên Việt Bắc để tổ chức các xưởng chế tạo vũ khí. Dưới sự

lãnh đạo của kỹ sư Trần Đại Nghĩa trở về từ Pháp cùng với Hồ Chí Minh, những thiết bị máy móc đã được đưa vào hoạt động an toàn tại những binh công xưởng đặt trong hang động sâu trong rừng. Bấy giờ các xưởng quân giới đó đã chế được vũ khí nhẹ, nòng nhỏ và trung bình, trong đó có liên thanh nhẹ, súng cối 120 mm, mìn, lựu đạn…

Những vũ khí còn thô sơ đó đã có thể ghìm chân quân Pháp bên ngoài căn cứ địa Việt Bắc nhưng không đủ để đánh những trận lớn hòng đẩy bật đối phương khỏi các vị trí kiên cố. Điều mà Võ Nguyên Giáp cần là vũ khí hạng nặng, nên phải đợi Mao Trạch Đông đuổi được quân đội Tưởng Giới Thạch ra khỏi đại lục mới có thể giúp trang bị cho Việt Minh. Tuy vậy, hàng viện trợ sang chậm. Năm 1951 quân đội của Võ Nguyên Giáp chỉ nhận được chưa đầy 20 tấn mỗi tháng. Năm sau lên tới 250 tấn mỗi tháng. Năm 1953, Võ Nguyên Giáp nhận được 600 tấn trên tháng và trong những tháng đầu năm 1954 là 1.500 tấn mỗi tháng. Đến giữa năm 1954, mỗi tháng có 4.000 tấn dụng cụ chiến tranh được chở từ Trung Quốc sang Việt Nam.

Nhận được tiếp tế là một chuyện, phân phối cho các đơn vị là một chuyện khác. Công việc này có các xe vận tải đảm nhiệm. Vì vậy, trong năm 1954, Võ Nguyên Giáp nhận được từ Trung Quốc trên 1.000 xe vận tải Moltova do Nga sản xuất nhưng không tận dụng được vì thiếu đường sá trong rừng rậm Việt Bắc. Ngay lập tức ông ra lệnh phải sửa sang phục hồi những đường cũ, làm lại cầu cống, đồng thời làm những con đường mới. Hàng vạn dân công được huy động vào công việc này. Tuy nhiên, chừng nào Pháp còn giữ các đồn tiền tiêu ở dọc biên giới Việt - Trung thì việc phân phối hàng tiếp tế từ Trung Quốc còn gặp trở ngại, do thiếu các con đường nối liền với các tỉnh phía nam Trung Quốc. Trước mắt những xe vận tải đó đã không giúp được bao nhiêu cho việc phân phối hàng viện trợ.

Võ Nguyên Giáp chọn một giải pháp thiết thực hơn. Quân số lúc này tính chung các binh chủng đã đạt con số 300.000 người. Trong điều kiện thiếu đường sá, các phương tiện vận tải hiện đại không sử dụng được trên địa hình rừng núi ở Việt Bắc, quân lính của ông chỉ có thể được tiếp tế bằng cách sử dụng dân công mang vác. Ông đã tính ít nhất phải cần đến một triệu dân công nhưng không phải là động viên thường trực. Đa số dân công vẫn có thể tiếp tục công việc sản xuất nông nghiệp cho đến lúc nào được gọi đi phục vụ. Chỉ cần một lực lượng thường trực độ 100.000 người luôn luôn có mặt ở Tổng hành dinh và các đơn vị chiến đấu trong những thời kỳ không có giao chiến lớn giữa quân đội Pháp và Việt Minh. Trong thời gian có chiến sự, dân công sẽ chuyên chở từng chặng từ nơi phân phối đến nơi tiếp nhận. Võ Nguyên Giáp phải huy động một số dân công rất lớn, không thể ước tính

được. Họ di chuyển không ngừng trên cùng một con đường, họ học được cách mang vác, chuyên chở rất năng suất, chở được nhiều mà mất ít thời gian. Tuy nhiên, sử dụng dân công thì cũng phát sinh vấn đề mới. Họ phải được tuyển lựa, tổ chức thành đội ngũ, kiểm soát và nuôi ăn. Do đó phải tính toán trong tổng số lương thực vận chuyển được thì phải dành đến 90% cho dân công.

Dưới sự lãnh đạo của Võ Nguyên Giáp, các sĩ quan ngành hậu cần tính toán trọng lượng tối đa mà một dân công có thể mang vác được. Mỗi người mang 25 kg gạo và từ 15 đến 20 kg vũ khí, đạn dược, mỗi ngày đi được 25 km trên địa hình dễ dàng và 20 km vào ban đêm, tức 17 kg gạo và từ 10 đến 15 kg vũ khí đạn dược đi được khoảng 15 km ban ngày và 12 km vào ban đêm trên địa hình rừng núi. Đến đó gạo sẽ chuyển sang xe trâu chở được khoảng 350 kg đi vào đường mòn, mỗi ngày đi được 12 km. Ngựa chở yếu hơn trâu nhưng nhanh hơn. Mỗi xe ngựa chở được khoảng 220 kg và mỗi ngày đi được gần 20 km. Không có phương tiện hiện đại, Võ Nguyên Giáp quay về các phương tiện nguyên thủy, dùng sức người hay súc vật để đáp ứng nhu cầu tăng lên không ngừng của quân đội.

Trong năm 1948 và những tháng đầu năm 1949, Võ Nguyên Giáp tập trung suy nghĩ về chiến lược và chiến thuật, hậu cần và huấn luyện bộ đội. Người Pháp vẫn không có hoạt động gì đáng kể để có thể đẩy lùi sự uy hiếp của Việt Minh. Đến tháng 5/1949, Chính phủ Pháp phái Georges Revers, Tổng tham mưu trưởng quân đội, đi thanh sát để đánh giá tình hình Việt Nam và đề xuất giải pháp cho vấn đề Việt Nam khi có cơ hội thuận tiện. Rất nhiều kết luận của ông ta là những sự thật rõ ràng: sơ tán những đồn tiền tiêu trải dọc biên giới Việt - Trung, tăng cường về số lượng và chất lượng các đơn vị phụ trợ người Việt trong quân đội viễn chinh, bình định miền bắc vùng châu thổ sông Hồng, xin Mỹ tăng thêm viện trợ. Tuy nhiên, khuyến cáo cuối cùng của Revers khác với những phân tích quen thuộc của Pháp ở chỗ ông đặt các hành động quân sự phụ thuộc vào cuộc thương lượng ngoại giao với Việt Minh. Các chính trị gia ở chính quốc cũng như những người chỉ huy quân sự Pháp ở Việt Nam không tán thành những đề nghị của Revers. Ở Pháp người ta cho rằng làm như vậy là mất các nguồn lợi quan trọng như gạo, cao su, thiếc. Các sĩ quan cao cấp thì chỉ thấy ở đó sự lên án chính sách của họ, không thừa nhận vai trò của họ ở Đông Dương. Đó là những điều họ không thể chấp nhận. Cũng như người Mỹ sau này, nhiều sĩ quan cao cấp Pháp không ngừng an ủi Chính phủ bằng những ảo tưởng triển vọng của tình hình chiến sự. Bỗng nhiên thừa nhận họ đã đánh giá thấp Võ Nguyên Giáp và những người dưới quyền của ông là điều họ không thể chấp nhận. Giới quân nhân cho rằng họ có lý khi thấy một số hoạt động tấn công quân sự của

Võ Nguyên Giáp trong ba tháng 4, 5, 6 năm 1949 như đánh chiếm một vài đồn lẻ của Pháp ở phía bắc và dọc biên giới Trung Hoa đều không có hiệu quả. Họ giải thích những sự kiện đó như là dấu hiệu của việc cải thiện tình hình mà không hiểu rằng Võ Nguyên Giáp không hề có ý định kiểm soát vùng này. Ông chỉ thử sức quân đội của ông và duy trì quân Pháp ở tình thế luôn luôn phải đề phòng.

Trong nhiều năm, chính phủ Paris và các quân nhân Pháp kiên quyết không chịu thừa nhận chủ quyền của họ ở Việt Nam đã đến lúc cáo chung. Một "lô" tướng tá chỉ huy được phái sang Việt Nam để ngăn cản làn sóng cách mạng. Từ năm 1945 đến năm 1954, tám nhân vật cao cấp lần lượt sang Việt Nam cố vật lộn để cứu vãn tình hình: tướng Leclerc từ năm 1946 đến ngày 20/2/1947, trung tướng Jean Valluy tiếp theo, đến năm 1948 được trung tướng Roger Blaizot thay thế, kế đó tháng 9/1949 là trung tướng Marcel Carpentier. Ông này chưa được 15 tháng thì tướng Marcel Alessandri đã thay thế. Vị trí chính thức kết thúc tháng 12/1950 được giao lại cho đại tướng Jean de Lattre de Tassigny. Tham vọng lớn nhưng mệnh yểu vì ung thư, tướng De Lattre để lại sự nghiệp dở dang cho phó tướng của mình là tướng Raoul Salan từ 20/11/1951 để không đầy ba năm sau, tháng 5/1953 quyền bính được trao lại cho đại tướng Henri-Eugène Navarre, người được Võ Nguyên Giáp dành cho "phát súng ân huệ" chấm dứt cuộc đời trận mạc của ông.

Tháng 9/1949 quyền chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp tại Đông Dương nằm trong tay Marcel Maurice Carpentier. Ông được phong đại úy năm 1915 giữa lúc cuộc đại chiến thế giới đang bất phân thắng bại, ông được coi là sĩ quan trẻ nhất ở cấp bậc đó trong quân đội Pháp. Trải qua năm tháng, đến hẹn lại lên, ông được thăng cấp đều đều. Ông là người được Chính phủ Pháp gửi gắm niềm hy vọng sẽ chiến thắng Việt Minh.

Hoàn toàn không hiểu gì công việc ở cái xứ Đông Dương xa xôi này, Carpentier khá thông minh để thừa nhận yếu kém của mình và khá đủ khiêm nhường để giao lại cho thiếu tướng Marcel Alessandri, một sĩ quan có nhiều năm kinh nghiệm ở Việt Nam. Đó là người sau cuộc đảo chính Nhật ngày 9/3/1945 đã dẫn quân tháo chạy trong một cuộc hành quân khá cực nhọc để tìm chỗ nương thân ở Trung Quốc. Thất vọng vì những người chỉ huy trước không biết đến những gợi ý của ông, hủy bỏ những lệnh của ông, lần này Alessandri trở lại làm việc dưới quyền của một sĩ quan sẵn sàng dành cho ông sự ủng hộ cần thiết để ông thực hiện một số ý tưởng của mình. Ngay lập tức, ông bắt tay vào nhiệm vụ bình định dân chúng ở khu vực châu thổ sông Hồng.

Không đợi lâu, Võ Nguyên Giáp phản ứng tức thì. Giữ chủ lực ở Việt Bắc làm lực lượng dự bị, ông ra lệnh phát động chiến tranh du kích ở đồng bằng để phá công cuộc bình định của Alessandri. Ông kể: “Các đơn vị của chúng tôi phân tán thành những đại đội tác chiến trong từng khu vực tạm chiếm để phát động chiến tranh du kích, xây dựng căn cứ và thành lập chính quyền địa phương. Đây là một cuộc chiến tranh cực kỳ gian khổ có quan hệ với mọi lĩnh vực quân sự, kinh tế và chính trị. Địch tiến hành càn quét, chúng tôi tổ chức chống càn. Địch tổ chức ngụy quân, lập chính quyền bù nhìn, chúng tôi kiên quyết bảo vệ chính quyền địa phương, trừ gian, phá tề, ra sức đẩy mạnh công tác tuyên truyền”.

Chiến thuật của Alessandri “giải tỏa và giữ” cũng như những cuộc hành quân càn quét của ông được điều hành xuất sắc. Thực tế viên tướng Pháp chiếm được toàn bộ vùng châu thổ và không tốn nhiều công sức lắm với 20 tiểu đoàn trong tay, ông bắt đầu chiếm cứ những nơi gần trước (các tỉnh, đồng ruộng và dân chúng), dần dà từng khu vực một, vùng chiếm đóng lan rộng dần, có khi phải dùng từ ba đến năm tiểu đoàn một lúc. Các cuộc hành binh mang biệt danh lạ hoắc: Pomone, Diane, Ondine... và mỗi lần lại đưa người Pháp gần đến thắng lợi. Binh lính có khi nhảy dù, có khi đi bộ qua các miền quê hoặc được chở bằng các thuyền máy xung kích. Kiên nhẫn và bền bỉ, Pháp bắn giết các du kích trong các cuộc đụng độ, lập đồn bốt, bắt thanh niên vào lực lượng bảo an, dân vệ.

Đối với Alessandri, công việc không đến nỗi khó khăn. Từ năm 1945 - 1947, Võ Nguyên Giáp đã đem hết sức mình để loại trừ các đối thủ gây nguy hiểm cho sự nghiệp của Việt Minh. Những phần tử sống sót sau khi Việt Nam Quốc dân Đảng và Đồng minh hội bị tiêu diệt, đã tụ tập trong các tổ chức hội kín kiểu châu Á. Lúc này chúng vui lòng chấp nhận Pháp kiểm soát vùng châu thổ và hy vọng sẽ trả thù Việt Minh. Nhưng họ chỉ là một nhóm không nhiều lắm để Alessandri có thể sử dụng làm công cụ thực hiện những dự án của mình. Vì vậy, viên tướng Pháp quay sang những người Công giáo Bắc Kỳ, trên một triệu tín đồ, cuồng nhiệt trung thành với đức tin. Mỗi làng có một nhà thờ. Cha xứ người Việt như lãnh chúa và giáo dân trong xứ đạo là nông nô. Người dân ở nông thôn đều do các cố đạo và nữ tu sĩ chi phối. Trong lãnh địa của họ, họ là đại diện cho quyền thế tối cao của người Việt dù cho đạo Thiên Chúa là tôn giáo du nhập từ phương Tây bị những người ngoại đạo khinh rẻ. Họ đã vứt bỏ phong cách sống cổ xưa. Ở thế kỷ XIX nhiều người trong số họ đã giúp cho cuộc xâm lược của thực dân Pháp vào Việt Nam được dễ dàng và nhanh chóng hơn.

Năm 1945, để giải quyết mâu thuẫn không mấy dễ chịu này, những

người Công giáo vồn vã đi theo chủ nghĩa dân tộc cách mạng mới và vui lòng hợp tác với Hồ Chí Minh. Nhưng Hồ Chí Minh muốn thiết lập một giáo hội dân tộc, tách khỏi La Mã để không một người dân nào lại có thể ỷ thế vào sự che chở của Giáo hoàng. Đây là tình thế khó xử của người Công giáo phải chọn lựa giữa Đức tin hay dân tộc. Họ đặt tín ngưỡng lên trên và đối lập với Việt Minh. Alessandri đã cho lập ồ ạt các tổ chức vũ trang Công giáo, cung cấp tiền, vũ khí và cho phép họ kiểm soát nông thôn vùng bắc châu thổ. Chính vì vậy mà nhiều người Công giáo Việt Nam vào năm 1945 muốn tìm cách giải phóng đất nước mình khỏi ách thống trị thực dân mãi mãi thì nay đã trở lại làm công cụ phục vụ lợi ích của người Pháp. Dân Công giáo chiếm khoảng một phần năm dân số Bắc Bộ được Alessandri khích lệ, thường xuyên xung đột với Việt Minh. Suốt hai năm 1949 và 1950, gần như mỗi thôn xóm Công giáo đều có tự vệ riêng và biến làng mình có lũy tre bao quanh thành pháo đài do cha xứ địa phương cai quản.

Alessandri cũng tiến hành một cuộc chiến giành thóc gạo với Việt Minh. Thóc gạo có tầm quan trọng hết sức to lớn trong các kế hoạch của Võ Nguyên Giáp, do không có trao đổi kinh tế bình thường, nên gạo là tiền tệ duy nhất của Việt Minh và là nền tảng của toàn bộ hệ thống kinh tế của Việt Nam. Người dân nộp thuế bằng thóc, trao đổi tài sản và dịch vụ lấy thóc và lĩnh lương bằng thóc quy ra tiền và thường cho Nhà nước vay "công trái yêu nước" cũng tính bằng thóc. Ngân sách của chính phủ cũng tính theo cân gạo, binh lính công chức lĩnh lương tính bằng gạo rồi quy ra tiền giá thóc gạo trên thị trường. Vụ thu hoạch thóc lúa rất quan trọng vì không có thu hoạch thì toàn bộ phong trào cách mạng thất bại. Vì vậy, trong mùa thu hoạch, Võ Nguyên Giáp cho phép dân công được trở về làng làm công việc thu hoạch lúa và đập lúa. Nếu không làm như vậy thì nạn đói có thể đe dọa cuộc sống của nhân dân và làm tê liệt mọi sinh hoạt của đất nước. Trong năm 1950, thắng lợi của Alessandri giành được trong cuộc chiến giành thóc gạo khiến Việt Minh lo lắng đến vấn đề tiếp tế lương thực cho bộ đội, cơ quan và nhân dân phi nông nghiệp. Người Pháp tịch thu được số lớn thóc lúa gặt về, bố trí canh gác trên đồng ruộng để kiểm soát việc thu hoạch. Võ Nguyên Giáp đã cố gắng để bộ đội được ăn đủ khẩu phần, còn những người khác mỗi ngày chỉ được một bát cơm ăn tạm cho đỡ đói.

Nhưng cuối cùng những cố gắng của Alessandri cũng không đi đến đâu vì ba lý do: trước hết, các cấp trên của ông một lần nữa đã cho ông ra rìa. Sau đó là Mao Trạch Đông đã làm chủ được lục địa Trung Hoa, viện trợ cho Việt Minh một phần. Thắng lợi của Alessandri trong chiến tranh lúa gạo trở về số không. Và cuối cùng Alessandri không đạt được kết quả bao nhiêu trong mưu toan dụ dỗ các thân hào Bắc Bộ ra làm việc cho Pháp để bảo vệ

lợi ích của chính họ. Tướng Mỹ Philip B. Davidson nói rất đúng rằng: "Đối với người Pháp, quần chúng người bản xứ là những quân cờ, những lá bài được thua trong các ván bài, được người ta sử dụng như những người lính, là nguồn lợi tức và những người lính người Pháp không chịu cố gắng để thuyết phục dân chúng ở các vùng họ kiểm soát về các giá trị của chính mình (người Pháp) và các học thuyết của mình. *Điều này cũng dễ hiểu vì chính người Pháp chẳng có gì đáng để tuyên truyền phổ biến".*

Năm 1950 cuối cùng Võ Nguyên Giáp quyết định mạo hiểm giao chiến với người Pháp. Ông nghĩ quân đội đã trưởng thành đến mức ông có thể thay đổi hoạt động từ lấy du kích chiến là chủ yếu sang vận động chiến thực sự mà không nguy hiểm gì lớn. Một hôm ông nói: "Rất khó nói được là đến ngày nào chuyển từ du kích chiến sang vận động chiến vì không có một ranh giới dứt khoát nào giữa hai thời kỳ này. Nhưng năm 1950 chúng ta đã mở chiến dịch lớn đầu tiên có sử dụng các đại đoàn… Chiến dịch giải phóng biên giới năm đó có thể coi như cơ sở đánh dấu sự biến chuyển sang vận động chiến".

Trong khuôn khổ chuẩn bị chiến dịch, ông thành lập trung đoàn 209 cùng với trung đoàn 308 (sau này là đại đoàn), ông ra lệnh bắt đầu các chiến dịch chống lại quân Pháp. Võ Nguyên Giáp cho triển khai những hoạt động quân sự đầu tiên suốt dọc đường số 4 giữa Cao Bằng và thủ phủ của căn cứ địa Việt Bắc và Lạng Sơn. Các cơ sở quân sự của Pháp đóng trên đường số 4 - Cao Bằng, Đông Khê và Thất Khê đều ở xa, cách trung tâm chiếm đóng của Pháp 500 km - đều đang ở tình thế nguy hiểm và cũng là vô ích vì từ đầu tháng 5/1949 Tổng tham mưu trưởng là tướng Georges Revers đã đề xuất rút các đồn binh lẻ ấy. Revers đã kết luận chúng là vết thương rỉ máu làm cạn nguồn lực của Pháp và chắc không thể chịu được một cuộc tiến công của đối phương.

Đúng như Revers đã nhìn thấy từ tháng 4, 5, 6 năm 1949, giờ đây gần một năm sau - tháng 3 và 4 năm 1950 -Võ Nguyên Giáp ra lệnh tiến công những đồn lẻ của Pháp để thăm dò. Một số vị trí đã bị uy hiếp nặng đến nỗi người Pháp đã đánh giá tốt nhất là nên bỏ. Võ Nguyên Giáp nói: "Các trung đội của chúng tôi đã trở thành những đại đội và chúng tôi đã đủ sức tiến công các đồn trại Pháp. Chúng tôi chỉ đánh khi thấy điều đó có lợi cho mình". Các đơn vị nhỏ chỉ có hai quy tắc: không để địch nghỉ ngơi và triển khai lực lượng của chính mình, đồng thời tiến công địch. Các đại đội phát triển thành tiểu đoàn, tiểu đoàn thành trung đoàn, trung đoàn thành đại đoàn và quá trình có thể đảo ngược nếu cần thiết. Rồi Võ Nguyên Giáp cho ngừng các cuộc tiến công và dùng thời gian suốt mùa hè để xây dựng kế hoạch tiến

công mùa thu. Ông muốn cuộc tiến công này thực sự là một cuộc thử sức.

Đông Khê nằm gần giữa đoạn đường từ Cao Bằng đi Thất Khê dọc đường số 4 vùng biên giới đông bắc Việt Bắc. Võ Nguyên Giáp quyết định bằng cách chiếm Đông Khê rồi trụ lại cắt đứt đường số 4, cô lập Cao Bằng với Thất Khê. Như thế Pháp bị cắt nguồn tiếp tế, sẽ thấy chúng có quá nhiều địch trước mặt và chúng quá ít lực lượng để giữ các vị trí kiên cố dọc đường số 4. Võ Nguyên Giáp đặt tên cho cuộc hành quân này là Chiến dịch Lê Hồng Phong. Đây là một trải nghiệm đối với các sư đoàn mới được huấn luyện và vừa được trang bị vũ khí mới.

Ngày 1/10/1950, lợi dụng sương mù phủ kín mặt đất từ khi mùa mưa kết thúc để ngụy trang cuộc tiến quân, Võ Nguyên Giáp ra lệnh tiến đánh Đông Khê. Bị thu hẹp trong vận động chiều ngang không thể gọi quân tăng cường từ phía nam đến, lại bị cô lập với các vị trí khác bởi hàng cây số rừng rậm, quân Pháp phòng thủ Đông Khê thấy ít có cơ may giành thắng lợi. Họ thành mục tiêu của các cỗ pháo mới của Võ Nguyên Giáp và trở thành mồi cho cuộc đấu pháo đầu tiên trong chiến tranh Đông Dương.

Phía bắc Đông Khê, viên chỉ huy Pháp ở Cao Bằng do dự, không chấp hành ngay mệnh lệnh đã nhận được là phải phá hủy mọi dụng cụ và rút nhanh quân đội về Đông Khê. Trong khi đó, một đơn vị lính Maroc gồm 3.500 người cố gắng mở một con đường từ phía bắc Thất Khê lên Đông Khê với ý đồ chiếm lại vị trí này rất nhanh để kịp hội quân với các đơn vị rút từ Cao Bằng về, đánh thông đường liên lạc giữa Thất Khê và Cao Bằng. Nhưng chỉ đến ngày 3/10/1950, viên chỉ huy ở Cao Bằng đáng lẽ phải để lại mọi dụng cụ đi bộ về Đông Khê thì lại lấy xe tải chở người và dụng cụ kéo theo các cỗ trọng pháo nặng nề để di chuyển. Thế là 2.600 lính cùng 500 thường dân đi theo lên đường về Đông Khê trên 128 km đường núi rất thuận tiện cho các cuộc phục kích. Trong ba năm chiếm đóng Cao Bằng, không có trận giao chiến nào lớn với lực lượng của Võ Nguyên Giáp nên binh lính và sĩ quan trong cánh quân Cao Bằng lên đường với lòng tự tin rất cao.

Nào ngờ suốt dọc đường đi lực lượng Pháp bị tiêu hao nặng nề vì các cuộc phục kích liên tiếp, nhiều xe và cỗ pháo bị phá hủy. Cuối cùng viên chỉ huy Pháp phải bỏ lại xe, pháo trên đường cái, tản vào rừng tìm đường mòn đi về Đông Khê. Phải mất ba ngày luồn rừng và bị kiệt sức vì các trận đụng độ với bộ đội Việt Minh, cánh quân Cao Bằng bị đánh tơi tả trước khi gặp được cánh quân Maroc từ Thất Khê lên. Trên các ngả đường mòn xuất hiện nhiều đơn bị quân đội của Võ Nguyên Giáp. Trong mọi cố gắng tuyệt vọng, ba tiểu đoàn dù từ Cao Bằng về cùng với cánh quân từ Thất Khê lên bị đánh giáp lá

cà một chọi ba với bộ đội Việt Minh. Kết quả tất cả lực lượng Pháp bị tiêu diệt gần Đông Khê ngày 7/10.

Khi tiếng súng ngừng, Pháp mất trên 6.000 lính, 13 khẩu pháo, 125 súng cối, ba trung đội xe tăng, 450 xe vận tải, 940 súng liên thanh, 1.200 tiểu liên và trên 8.000 súng trường - một khối lượng chiến lợi phẩm khổng lồ đủ trang bị cho một trong số các đại đoàn mới thành lập của Võ Nguyên Giáp. Quân Pháp có thể trụ lại ở Lạng Sơn, phía nam Thất Khê nhưng đã hốt hoảng rút chạy, bỏ lại khá nhiều quân trang và dụng cụ chiến tranh. Đây là trận thua lớn nhất và duy nhất trong lịch sử các cuộc chiến tranh xâm lược thuộc địa của họ - còn tệ hại hơn cả cái chết của Montcalm tại các cánh đồng Abraham trong trận bao vây Quebec năm 1759. Hậu quả gián tiếp của thảm bại này đối với các sĩ quan Pháp có thể còn lớn hơn thất thủ Điện Biên Phủ bốn năm sau đó. Tình hình trở nên nghiêm trọng đến nỗi Carpentier đã ra lệnh rút bỏ Hà Nội. Nhưng Chính phủ Pháp đã hủy bỏ lệnh và quyết định thay thế viên tướng đang bàng hoàng hốt hoảng đó.

Nhờ thắng lợi đó mà giờ đội quân của Võ Nguyên Giáp đã kiểm soát biên giới phía bắc. Ông đã có được những đường vận chuyển chắc chắn cho đồ tiếp tế của Trung Quốc. Các kỹ sư của ông đã có thể xây dựng hệ thống đường sá đi ôtô được trong phạm vi căn cứ địa Việt Bắc nối liền với các tỉnh miền Nam Trung Quốc. Cuộc chiến tranh với người Pháp còn kéo dài thêm ba năm rưỡi nữa nhưng người Pháp không bao giờ còn có được lợi thế như trước. Việt Minh đã giành được thế chủ động.

Tướng De Lattre de Tassigny thay Carpentier ngày 17/12/1950 với nhiệm vụ giữ được Đông Dương trong đế quốc Pháp. De Lattre nghĩ có thể làm được. Để đi trước, ngăn cản Võ Nguyên Giáp tiếp tục tiến công các đồn tiền tiêu, viên Tổng chỉ huy mới lập "vành đai" nổi tiếng gồm những đồn bốt, lô cốt kiên cố để bảo vệ một vùng tam giác châu thổ sông Hồng nằm giữa Hà Nội và Hải Phòng. Ông cho xây dựng 900 pháo đài kiên cố, 2.200 lô cốt, nhiều hầm ngầm (boong-ke) bê tông vững chãi để khống chế địa hình theo chiều cao và kiểm soát du kích. Công binh bỏ công sức rất lớn để xây dựng một hệ thống tốn kém như vậy, dự kiến sẽ huy động 80.000 lính Pháp và một khối lượng vật tư khổng lồ. Họ đổ gần 51 triệu mét khối bê tông để xây dựng các hầm ngầm, mỗi hầm ngầm thường chứa được chín người lính và một thường dân canh phòng ngày đêm chờ Việt Minh đến tiến công sẽ tiêu diệt bằng liên thanh đã bố trí đầu các khe bắn hoặc lỗ châu mai. Các chiến sĩ Việt Minh vận động quanh các boong-ke ấy như nước đập vào đá. Ngày nay người ta vẫn còn thấy các boong-ke đó sừng sững, trống trơ như nhắc nhở một cách thống thiết về những hy vọng hão huyền của người Pháp.

De Lattre huy động dân thường phải đi canh gác đỡ cho người lính chiến phải thường xuyên ở các doanh trại. Ông bác bỏ việc di tản phụ nữ và trẻ em thường dân Pháp theo lệnh cũ của Carpentier trước đây, cho về không tàu biển viễn dương *Le Pasteur* từ Pháp sang để đón thường dân di tản đi về Pháp. De Lattre nói: "Chừng nào phụ nữ, trẻ em còn có mặt ở đây, đàn ông không dám bỏ rơi họ để lọt vào tay đối phương".

Sung sướng trước thắng lợi, nóng lòng muốn giao chiến, Võ Nguyên Giáp muốn nhân đà này giành thắng lợi mới trên dọc đường số 4. Ông lao vào hoàn chỉnh kế hoạch một loạt các cuộc tiến công nở như pháo hoa với hy vọng kiểm soát được đồng bằng sông Hồng. Trong các trận đánh đó, ông vượt quá giới hạn và đã gặp nhiều trở ngại. Những hành động ấy bộc lộ một trong những thiếu sót chủ yếu của ông. Đó là muốn "ăn nhanh", tin rằng chỉ ý chí không gì lay chuyển nổi của bộ đội là có thể thắng được lực lượng đối phương đông hơn và mạnh hơn. Tuy nhiên, từ giữa những năm 1950, Hoa Kỳ đã cung cấp cho Pháp một số lượng lớn vũ khí của một cường quốc hỏa lực. Võ Nguyên Giáp biết điều đó nhưng ông không nản. Ông làm lần này và lại tiếp tục làm lần nữa trong những giai đoạn cuối cùng của cuộc chiến tranh chống Pháp cũng như chống Mỹ sau này trong các năm 1951, 1962, 1965, 1968 và 1972. Núi rừng còn cho ông cựu giáo viên sử học nhiều bài học quý giá.

“Chúng tôi đã phải vượt qua 30 con suối”

Võ Nguyên Giáp trong tâm trạng lạc quan tưởng rằng đầu năm 1951 con đường về Hà Nội đã rộng mở. Tâm trạng lạc quan này có phần do chịu ảnh hưởng của các cố vấn Trung Quốc được cử sang giúp kháng chiến Việt Nam. Cuối năm 1951, người Trung Quốc ỷ vào thắng lợi đạt được ở Triều Tiên bằng cách áp dụng “chiến thuật biển người” chống kẻ thù Mỹ đã bênh vực việc áp dụng chiến thuật tương tự vào cuộc kháng chiến chống Pháp ở Việt Nam. Phương pháp này thành công trên biên giới phía bắc, tại đây quân Pháp bị phân tán và có ít đường giao thông nội bộ hay đường vận chuyển bằng ôtô. Sự lựa chọn của Võ Nguyên Giáp dựa theo quan điểm đó đã đưa ông vào một chiến dịch bất lợi.

Võ Nguyên Giáp quá tin vào sức mạnh do viện trợ đem lại, đánh giá thấp tính cơ động và sức mạnh của quân Pháp, ra lệnh tiến công. Thế là bộ đội của ông được ném vào trong chiến dịch đầu tiên chống quân dù, quân lê dương và đơn vị phụ trợ Maroc và Việt do De Lattre chỉ huy. Trận Vĩnh Yên cách Hà Nội 48 km về phía tây bắc. Phải kéo quân Pháp ra khỏi các vị trí kiên cố ở Vĩnh Yên để quân Võ Nguyên Giáp mở đường tiến vào Hà Nội. Nhiều người đã tin rằng chỉ vài tuần nữa là có thể vào Hà Nội trước Tết âm lịch.

Công việc chuẩn bị chiến dịch đã thể hiện rõ tài năng của Võ Nguyên Giáp trong lĩnh vực hậu cần. Trong các chiến dịch trước ở biên giới phía bắc, để tiếp tế cho năm trung đoàn đủ lương thực và súng đạn trên một địa hình lý tưởng, ít nhất phải có ba tháng chuẩn bị trước khi đưa quân diệt một kẻ thù bị cô lập. Lần này, đưa mấy đại đoàn vào trận đánh trên một địa hình trống trải như đồng bằng sông Hồng, ông đã không thành công trong việc huy động dân chúng phối hợp với bộ đội để tạo sức mạnh mà ông mong muốn.

Có lẽ Võ Nguyên Giáp nghĩ rằng quân đội của ông đã trưởng thành nên không cần sự ủng hộ của các đơn vị du kích. Bên cạnh đó, kỷ luật quân đội, các thứ vũ khí do Trung Quốc viện trợ và lòng dũng cảm là đủ. Tuy nhiên, Võ Nguyên Giáp vẫn ra lệnh lập các kho vũ khí dự trữ dọc đường tiến quân. Với sự nỗ lực không thể tin được, dân công miền Bắc đã chăm chỉ chở gạo, vũ khí, đạn dược, lương thực, thuốc men cần thiết đến những chỗ quy định để ủng hộ các đơn vị chủ lực đang đánh địch ở Vĩnh Yên. Võ Nguyên Giáp dự tính sẽ đưa ra tiền tuyến 5.000 tấn gạo, đạn dược và vật dụng khác, tất cả tốn chừng hai triệu ngày công. Rồi ông ra lệnh cho mọi người vào tư thế sẵn

sàng chiến đấu. Khối chủ lực gồm 61 tiểu đoàn bộ binh, 12 tiểu đoàn có vũ khí nặng, 8 tiểu đoàn công binh. Tất cả đã sẵn sàng.

Đến 17 giờ ngày 17/1/1951, Võ Nguyên Giáp ra lệnh cho hai đại đoàn 308 và 312 xuất phát tiến công. Được yểm trợ bằng súng cối và trọng liên, một đại đoàn tiến hành các đợt xung phong liên tiếp lên bốn quả đồi ở phía bắc và phía đông thành phố nhưng không thành công. Mặc dù có viện trợ của Trung Quốc nhưng bộ đội của Võ Nguyên Giáp vẫn kém về hỏa lực, về tổ chức tấn công nên không đủ sức để đẩy lui quân địch. Quân Pháp đã tăng cường binh đoàn phòng thủ Vĩnh Yên bằng hai đơn vị cùng loại. Ngoài ra, máy bay thả bom na-pan mới lấy ở kho Hải Phòng do tàu Mỹ chở đến. Thứ vũ khí hóa học đó cộng với đạn pháo tập trung đã gây nhiều thiệt hại cho đội hình của Võ Nguyên Giáp. Trưa ngày 18/1, nhận thấy không thể chọc thủng hệ thống phòng thủ của Pháp, Võ Nguyên Giáp hạ lệnh thu quân. Quân Pháp tại Vĩnh Yên vẫn giữ được quyền kiểm soát thị xã.

Khói súng vừa tan, Võ Nguyên Giáp đã lượng định được kết quả trận đánh. Trong hai đại đoàn tham dự trận đánh, số lính tử trận lên tới 6.000 người, bị thương 8.000 và bị bắt làm tù binh 500 người. Bom na-pan là tác nhân chính gây thiệt hại. Trong bốn năm đấu tranh, đây là lần đầu tiên Võ Nguyên Giáp chịu thất bại.

Ông đã nhận thấy đây là một sai lầm. Ông biết một cuộc tiến công mới chống Pháp sẽ mở ra con đường tiến về Hà Nội. Không nản lòng, ông quyết định lần này, dưới một góc độ khác, chọc thủng hệ thống phòng thủ khác xung quanh vùng châu thổ sông Hồng. Ngày 23/3/1951, Võ Nguyên Giáp hạ lệnh cho ba sư đoàn bộ binh triển khai hoạt động ở rìa phía đông vùng đồng bằng đang bị địch kiểm soát. Ba sư đoàn sẽ phải tiến về Hải Phòng và bẻ gẫy hệ thống phòng thủ phía đông. Họ tới được Mạo Khê cách Hải Phòng 24 km nhưng vấp phải hàng loạt bốt tiền tiêu của địch. Sau tám ngày cố gắng vô ích, Võ Nguyên Giáp kết thúc chiến dịch. Ông đã mất thêm 3.000 quân không phải vì những cuộc bắn phá của máy bay mà của hạm đội Pháp đậu ở ngoài khơi câu đại bác vào. Ngoài ra, một số tàu Pháp hoạt động trên sông đã ngăn quân đội của Võ Nguyên Giáp không vào được Mạo Khê.

Võ Nguyên Giáp luôn là con người lạc quan. Ngay sau đó, ông đã khẩn trương và kiên quyết đưa cuộc tấn công sang rìa phía tây đồng bằng Bắc Bộ với ý định buộc người Pháp ra khỏi khu vực sông Hồng dọc sườn phía nam đồng bằng. Kế hoạch của ông rất đơn giản. Ngày 29/5/1951, ông ra lệnh các đơn vị vượt qua sông Đáy, đại đoàn 304 đánh Phủ Lý, đại đoàn 308 tấn công Ninh Bình, còn đại đoàn 320 đánh vào Phát Diệm, trong lúc đó hai trung

đoàn chủ lực đã vào địch hậu từ trước mở rộng địa bàn hoạt động phối hợp trong đánh ra, ngoài đánh vào.

Một lần nữa Võ Nguyên Giáp đã chứng tỏ được tài năng đánh vận động chiến và giải quyết hậu cần. Hai trong các sư đoàn chủ lực đã đi 240 km từ đông sang tây mà không bị Pháp phát hiện. Công tác hậu cần đã huy động 10 vạn dân công. Nhưng lần này Võ Nguyên Giáp đã chọn địa bàn hoạt động của chiến dịch có nhiều bất lợi. Cả hai đại đoàn đều quần nhau với địch trên địa hình trống trải, tạo cơ hội cho máy bay Pháp một lần nữa dùng bom na-pan để phá vỡ đội hình tiến công. Sau khi để cho Việt Minh gặt hái được một vài thắng lợi ban đầu, bộ chỉ huy Pháp tung vào trận ba binh đoàn cơ động. Ngoài ra, Pháp còn điều thêm bốn cụm pháo, một trung đội xe bọc thép và tiểu đoàn dù thuộc địa số 7. Quân Pháp còn lợi thế là có đoàn tàu nhỏ đi trên sông để yểm trợ bộ binh trên bờ, được mệnh danh đoàn thủy đội xung kích.

Mặc dù Việt Minh đã chiếm được vài vị trí đầu cầu ở bờ phía đông sông Đáy, nhưng đoàn thủy đội xung kích và quân phòng thủ Pháp đặc biệt ở Ninh Bình (nơi con trai tướng De Lattre bỏ mạng) đã ngăn cản lực lượng Việt Minh tiến sâu thêm nữa.

Ngoài ra còn có một bất lợi khác. Dân chúng trong vùng chiến dịch không giống với các nhóm cư dân thiểu số ở Việt Bắc đã ủng hộ Việt Minh mọi lúc mọi nơi. Trong đó còn có cư dân Công giáo đối nghịch công khai ủng hộ người Pháp. Một tai họa khác xảy ra làm tiêu tan hy vọng của Võ Nguyên Giáp khi hạm đội Pháp ở ven biển cắt đứt các con đường tiếp tế. Quân Pháp không cần huy động đến lực lượng dự bị. Những người lính Việt Minh rút chạy trước hỏa lực áp đảo của Pháp, bị máy bay rải bom na-pan khắp nơi. Lúc đó Võ Nguyên Giáp mới ý thức được sức mạnh hỏa lực vượt trội của Pháp. Ông kết thúc cuộc tiến công và thu quân. Ông cần cứu vãn những gì còn sót lại. Ba chiến dịch liên tiếp trong một thời gian ngắn khiến lực lượng của Võ Nguyên Giáp bị tổn thất khá nhiều. 6.000 người chết ở Vĩnh Yên, 3.000 người ở Mạo Khê, 10.000 người trên chiến trường sông Đáy. Năm 1952, trong một cuộc tiến công vào căn cứ Pháp ở Tây Bắc, 9.000 quân nữa đã hi sinh.

Không còn sự lựa chọn nào khác, một lần nữa Võ Nguyên Giáp quay về vùng đồi núi, thu hẹp cuộc chiến đấu vào những vùng ông có thể tận dụng tối đa sức người với tính cơ động để vô hiệu hóa hỏa lực của Pháp. Những mất mát vừa qua đã giúp ông rút ra bài học. Từ nay ông coi việc lôi cuốn các tiểu đoàn Pháp vào các cuộc săn lùng không có hiệu quả trong các vùng hẻo lánh bằng hoạt động nghi binh hoặc kẹp chặt đối phương trong các vị trí tĩnh

không có lối thoát như một chiến lược. Như một lần Võ Nguyên Giáp đã nói: "Nông thôn phải bao vây thành thị, núi non phải chế ngự các cánh đồng lúa ở đồng bằng". Đó là một thời kỳ khó khăn đối với ông và ông chỉ có một điều an ủi: Những ai còn sống sót trong các trận thất bại này càng hiểu rõ được công việc của mình và cố gắng xây dựng một quân đội thật sự.

Võ Nguyên Giáp kiên quyết đứng trên một điểm: vai trò của ông là đánh bại quân Pháp, buộc chúng phải cuốn gói về nước. Thừa nhận trước Bộ Chính trị sai lầm của mình, ông tiến hành một kế hoạch mới nhưng lần này có thể De Lattre không phải là đối thủ của ông. Bị ung thư, De Lattre trở về Pháp và mất tại quê nhà, mang theo những hy vọng của Pháp. Chính phủ Pháp ghi nhận công lao và đã truy tặng ông cấp bậc Thống chế. Tạp chí *Time*đầu năm 1952 cũng xếp ông trong số những nhân vật xuất sắc của năm 1951.

Người kế nhiệm ông, tướng Raoul Salan điều chỉnh kế hoạch De Lattre để kiểm soát Hòa Bình. Đây là một thành phố then chốt cách Hà Nội khoảng 40 km đường chim bay về phía tây bắc, kiểm soát các nút giao thông thủy bộ then chốt ngược lên phía bắc và xuôi xuống phía nam, tiến ra phía tây về đồng bằng. Salan khởi sự tấn công tháng 11/1951 và quân đội Pháp đạt được mục tiêu. Hòa Bình bị chiếm đóng nhanh chóng. Võ Nguyên Giáp nhẫn nại đối phó với cuộc tiến công của Pháp đồng thời lượng định sức mạnh của lực lượng đối phương. Bốn tuần sau ông ra lệnh phản công. Quân Pháp bị tổn thất nặng nề, khiến tinh thần quân sĩ bắt đầu lung lay. (Xem bản đồ Hòa Bình và các vùng phụ cận).

Khoảng giữa tháng 2/1952, do tổn thất về số lượng và do Việt Minh tăng cường hoạt động, quân Pháp buộc phải rút khỏi Hòa Bình, lùi về thiết lập các vị trí phòng thủ dọc sông Hồng. Phải mất 11 ngày quân Pháp mới rút hết và họ vô cùng xót xa về tổn thất gần bằng trận Điện Biên Phủ sau này. Các cố vấn quân sự của Pháp kinh ngạc trước sự tiến bộ của quân Việt Nam. Đội quân của Võ Nguyên Giáp đang trở thành một quân đội không thể xem thường. Giờ đây ông đã bỏ bộ quần áo dân sự với mũ phớt và cà vạt như hồi Chiến tranh thế giới thứ hai để mặc quân phục.

Các vị tướng lĩnh và các nhà phân tích quân sự phương Tây nhiều lần coi thường và không chịu thừa nhận tầm vóc của Võ Nguyên Giáp. Tuy vậy, họ quên rằng những bài học mà Võ Nguyên Giáp học được trong những năm 1950 - 1953 được đền bù xứng đáng ở Điện Biên Phủ và sau đó. Trong lúc ông thành lập và chỉ huy quân đội thì ông cũng giữ vai trò của một nhà hoạt động chính trị. Ít có vị tướng lĩnh nào phải đương đầu với những nhiệm vụ

chồng chéo, nhằng nhịt với nhau như thế.

Rõ ràng các kẻ thù của ông có thể là mạnh hơn ông, cơ sở vật chất và phương tiện kỹ thuật hơn hẳn ông. Còn ông thì chiến đấu từ năm 1946 đến năm 1949, trong tay không có đến một chiếc xe tải, và khi nhận được của Trung Quốc vài chiếc xe thì cũng không đủ đường cái để xe lăn bánh. Ông đã cố gắng tự xoay xở theo sức mình. Ông phải truyền cho quân đội một tinh thần khác thường để bù lại các mặt yếu kém về kỹ thuật. Người ta thấy những người lính chân đồng dạ sắt, chiến đấu dũng cảm thường chấp nhận nhiều tổn thất hơn người khác. Đó là những hành động cần thiết để Võ Nguyên Giáp phát huy được sức mạnh của mình trong khi phải đối phó với sức mạnh của kẻ địch. Những tổn thất mà đội quân của Võ Nguyên Giáp phải chịu rút cuộc cũng không lớn hơn những những tổn thất đã được phát hiện trong các biên niên sử chiến tranh nói chung và chắc chắn là không cao hơn những tổn thất trong các cuộc chiến tranh ở châu Âu hay theo chuẩn của Mỹ.

Trong một số trường hợp, Võ Nguyên Giáp cũng đóng vai trò là một nhà ngoại giao. Cuối năm 1951, ông sang Bắc Kinh (Trung Quốc) dự lễ kỷ niệm lần thứ 7[1] quốc khánh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Chủ tịch Lưu Thiếu Kỳ đã nói về “tình hữu nghị không lay chuyển nổi” giữa hai nước và tin chắc vào thắng lợi của cuộc kháng chiến Việt Nam chống Pháp. Võ Nguyên Giáp tuyên bố (có lẽ chỉ là theo lối ngoại giao) Việt Nam đi theo hệ thống quân sự của Trung Quốc hơn là Liên Xô. Ông nói rằng Việt Nam học hỏi được nhiều điều từ Trung Quốc, trong đó có hệ thống lý luận quân sự của Trung Quốc cũng như chiến lược và chiến thuật bổ ích với một thuộc địa muốn tự giải phóng. Trong khi đó, Việt Nam học tập được ở Liên Xô tinh thần quốc tế vô sản và sự trung thành không lay chuyển với lợi ích của nhân dân.

Tuy nhiên, đến thời điểm sau này, ông đã phân tích sâu sắc hơn những điểm khác biệt giữa lý luận quân sự của Việt Nam và Trung Quốc. Năm 1982 ông viết: “Khoa học quân sự của chúng ta không học được gì ở lý luận quân sự Trung Quốc. Chúng ta đã tiến hành thắng lợi cuộc cách mạng nhờ Tổng khởi nghĩa tháng Tám (ở Hà Nội). Trong khi đó, lý luận quân sự Trung Quốc phủ nhận khả năng nổi dậy trong các thành phố. Ở Việt Nam chính quyền phát triển bắt đầu từ quyền làm chủ của nhân dân. Trung Quốc cho rằng chính quyền “từ nòng súng”. Hoặc nữa, trong nhiều thập kỷ, nhân dân miền Nam ta đã chiến đấu hy sinh trong các cố gắng quân sự và chính trị để giải phóng và thống nhất đất nước, nhưng Trung Quốc muốn chúng ta giữ lực lượng ở trình độ thấp trong thời gian rất lâu dài để trường kỳ mai phục.

Họ nói với chúng ta rằng Việt Nam sẽ thống nhất nhưng điều đó có lẽ còn phải đợi một trăm năm nữa".

Trở về Việt Nam dịp năm mới, Võ Nguyên Giáp bắt tay ngay vào việc chuẩn bị một hoạt động quân sự lớn gọi là Chiến dịch Tây Bắc. Ngày 11/10/1952, ba đại đoàn của ông mở cuộc tiến công vào vùng tây sông Đà ở phía bắc sông Hồng. Mục tiêu của Võ Nguyên Giáp là tiêu diệt các tiền đồn của Pháp không xa Lào, giúp các đơn vị được hoàn toàn tự do vận động đánh địch. Khi điều kiện cho phép, ông ném hàng đại đoàn vào một cuộc tiến công tiêu diệt các lực lượng đi lẻ chỉ bằng quân số một tiểu đoàn. Trong cuộc tiến công, Trung đoàn Độc lập 149 đã chiếm giữ một thời gian một làng nhỏ gần Lào có tên là Điện Biên Phủ. Không một bên nào dự cảm thấy tầm quan trọng của cái làng nhỏ bé đó như đã chứng tỏ hai năm sau.

Khi đã phát hiện thấy quân đội của Võ Nguyên Giáp đang cần dừng tấn công để lấy lại sức, Salan liền mở cuộc hành quân mang bí danh Lorraine có 30.000 quân tham dự đánh vào căn cứ của Việt Minh nhằm làm chậm cuộc tiến công của Võ Nguyên Giáp sang Lào. Chiến dịch Lorraine kết thúc cuối tháng 11/1952 sau khi quân Pháp bị sa lầy. Salan thất bại, không đạt được mục đích là buộc lực lượng của Võ Nguyên Giáp phải ngừng tiến công ở tây sông Đà. Võ Nguyên Giáp đã mô tả tâm trạng hụt hẫng, thất vọng của Salan: "Trong một cuộc chiến tranh như thế, trận tuyến ở đâu" và ông tự trả lời bằng cách nêu câu của Pascal: "Kẻ thù ở khắp nơi mà chẳng ai trông thấy ở đâu cả".

Cùng thời gian đó, Võ Nguyên Giáp cho phép Joseph R. Starobin, một đảng viên cộng sản Mỹ đến thăm doanh trại của Võ Nguyên Giáp. Starobin thấy tổng hành dinh của Võ Nguyên Giáp quá đơn sơ, một cái lán bằng tre, mở ra một bên với một mái tranh. Bên trong có một cái bàn lớn phủ vải xanh, trên đó trải các tấm bản đồ của vị tướng chỉ huy. Nhiều bản đồ khác về chiến dịch năm 1952 treo trên ba bức vách cũng như những ảnh chân dung của Hồ Chí Minh, Mao Trạch Đông và Stalin. Dưới cánh dù làm mái là chiến lợi phẩm của các trận đánh năm 1952. Một máy phát điện đặt ở nhà bên cạnh cung cấp điện cho một bóng đèn treo lủng lẳng bằng một sợi dây. Bên ngoài chỉ có một lính gác trang bị tiểu liên Thompson. Khi tiếp Starobin, Võ Nguyên Giáp mặc bộ trang phục giản dị bằng kaki, không đeo huân chương, cấp hiệu. Sau đó Mỹ đã cho công bố những điều Võ Nguyên Giáp nói với Starobin về công tác hậu cần và những vấn đề mà ông phải đối mặt.

"Thực tế", Võ Nguyên Giáp nói với Starobin, "chúng tôi có khả năng

nếu cần, chở mọi thứ lương thực trên đôi vai. Trên từng chặng ngắn, mỗi dân công chỉ mang đủ đồ tiếp tế cho một người lính. Chiến dịch Tây Bắc mở ra trên một địa bàn ở đó các chặng tiếp tế tương đối dài đối với nước chúng tôi. Bề rộng vùng Tây Bắc chỉ 250 km, ba sông lớn phải vượt qua là sông Lô, sông Hồng và sông Đà, phải đi qua nhiều thung lũng sâu để đến tận đồn giặc […]. Chúng tôi còn phải vượt qua 30 con suối rộng 250 m, để mở đường hành quân trên các triền núi cao.”

Võ Nguyên Giáp giải thích: “Các sĩ quan Pháp bị bắt làm tù binh hỏi nhau tại sao chúng tôi có thể làm được điều đó. Họ không hiểu được tại sao chúng tôi có thể bất ngờ xuất hiện… cách căn cứ chúng tôi hàng trăm cây số. Một sĩ quan Pháp đã nói hắn rất ngạc nhiên nhìn thấy hàng đoàn dân công chở lương thực cho bộ đội mà không hề có một người lính nào đi áp tải. Người Pháp phải luôn luôn canh gác những người mang vác cho họ.”

Cuối năm 1952, sự kiểm soát của Pháp bị thu hẹp khá nhiều. Việt Minh nắm phần lớn lãnh thổ, ngoại trừ một số vùng ven biển như Huế, Đà Nẵng. Trên bản đồ của Võ Nguyên Giáp, toàn bộ phần phía bắc các vùng giải phóng đều được tô đỏ, ở đồng bằng sông Hồng, những chấm đỏ chỉ những vùng du kích. Những chấm đỏ cũng thấy rải rác ở châu thổ sông Mê Kông quanh Sài Gòn. Còn bán đảo Cà Mau thì hoàn toàn đỏ. Giữa tháng 10 và 12/1952, vùng biên giới giáp Lào ở Tây Bắc cũng tô đỏ khi Võ Nguyên Giáp tuyên bố đã kiểm soát được bốn thung lũng mà trước đây ở đó có 120 vị trí Pháp. Các đơn vị chủ lực của Võ Nguyên Giáp cũng kiểm soát khắp vùng thượng lưu sông Hồng và sông Đà. Người Pháp chỉ còn giữ được một vùng nhỏ giáp biên giới Trung Quốc và chúng phải tiếp tế bằng đường không. “Chúng tôi cứ để chúng ở đấy, nay mai cạn lương thực chúng sẽ phải rút,” Võ Nguyên Giáp cho biết.

Lực lượng du kích của Võ Nguyên Giáp tiếp tục uy hiếp đường sắt Hà Nội - Hải Phòng và các con đường chiến lược ở vùng châu thổ sông Hồng rất cần thiết cho quân Pháp. Ông vui mừng trước sự bối rối của địch. Ông nói tiếp với Starobin: “Hoặc là chúng phải cố một lần nữa tăng thêm các cứ điểm phòng ngự mà số lượng quân đóng giữ ở mỗi cứ điểm sẽ phải giảm đi và trong trường hợp ấy lực lượng của chúng sẽ phải phân tán và suy yếu, không thể có sự bảo vệ vững chắc chống lại các cuộc tấn công mới của chúng tôi, nay đã sử dụng đến một trung đoàn hay một đại đoàn. Hoặc là chúng sẽ phải giảm số lượng các cứ điểm, rút bớt một số ít tác dụng hoặc không đủ sức chống đỡ để củng cố những cứ điểm còn lại, như vậy vùng giải phóng sẽ được mở rộng, dân chúng theo về kháng chiến cũng sẽ tăng thêm”.

Võ Nguyên Giáp tỏ ý hài lòng về kết quả đạt được: "Du kích, bộ đội của chúng tôi lấy lại các đồn bốt rải rác đó chỉ sau vài phát súng. Thực tế, trong nhiều trường hợp chúng tôi đã bao vây được các vị trí đóng quân của địch. Cứ mỗi lần thò đầu ra khỏi lô cốt, chúng trở thành mục tiêu cho các tay súng bắn tỉa của du kích." "Thêm nữa", Võ Nguyên Giáp tiếp tục, "chúng đi phá đê điều, không có đê thì không thể trồng lúa [...]. Chiến thuật đó (của Pháp) chỉ làm cho dân chúng nổi dậy chống lại chúng."

Theo Võ Nguyên Giáp, quân Pháp vấp phải hai khó khăn lớn: vận động tác chiến trong một nước không có mặt trận rõ ràng, chỉ bằng một loạt các đồn bốt phòng ngự trơ trọi giữa một biển cả dân chúng thù nghịch và thiếu quân số. Mặt khác, Võ Nguyên Giáp nhấn mạnh, thực tế không có đội quân thật sự là của Pháp. Trong quân đội viễn chinh có khoảng 40.000 lính lê dương (quân đội đánh thuê, phần lớn có quốc tịch nước ngoài), 50.000 quân Maroc, Algeria, Tunisia, Senegal và các nước Tây Phi thuộc Pháp. Ngoài ra, người Pháp còn dựa trên các lực lượng giáo phái Hòa Hảo, Cao Đài. Còn có 50.000 người Việt chiến đấu cho người Pháp mà Việt Minh gọi một cách miệt thị là *quân đội bù nhìn* hoặc *ngụy quân.* Cùng với 140.000 quân thuộc nhiều quốc tịch đó, Pháp chỉ có 90.000 quân toàn là lính tình nguyện, tức chỉ chiếm tỷ lệ 37% các hạ sĩ quan, 26% các sĩ quan tại ngũ.

Mặc dù có tới 230.000 người nhưng Pháp không hề có chút ý tưởng gì có thể đè bẹp các đơn vị tinh nhuệ của Võ Nguyên Giáp. Các đơn vị của Võ Nguyên Giáp tiến công quân Pháp khắp nơi ở miền Bắc trong vùng rừng núi, ở miền Nam và ngay ở Lào. Võ Nguyên Giáp để hai đại đoàn ở bắc châu thổ quấy rối địch, cắt đứt đường giao thông, đánh các đồn biên giới và ngăn cản chúng đi lại trên đường số 5 Hà Nội - Hải Phòng. Chiến thuật này ít nhất cũng cầm chân năm tiểu đoàn Pháp. Tháng 12/1953, trong năm ngày một vài đơn vị xuất phát từ Vinh tiến sang Lào bằng các đường mòn quanh sườn núi và tiến công quân Pháp ở Thà Khẹt, rồi quay về Seno - một căn cứ không quân của Pháp - bao vây trong năm ngày. Quân Pháp đối phó lại bằng cách phái hai tiểu đoàn không vận từ đồng bằng Nam Bộ và từ Sài Gòn đến để ứng cứu. Nhưng quân giải vây chưa lên đến nơi thì Võ Nguyên Giáp đã tháo vây, rút khỏi Seno và tiến về cao nguyên Boloven ở Hạ Lào.

Đối thủ của Võ Nguyên Giáp không còn là tướng Salan. Ngày 8/5/1953, tướng Henri-Eugène Navarre được cử sang thay Salan làm tổng chỉ huy tất cả các lực lượng Pháp ở Đông Dương. Mệnh lệnh của Chính phủ Pháp là trước hết, Navarre cần lượng định tình hình quân sự ở Việt Nam và gửi về Pháp một bản báo cáo để Chính phủ có thể tìm cách thương lượng trong danh dự. Về phần Mỹ, chính quyền Eisenhower đã phê phán người

Pháp dậm chân tại chỗ, yêu cầu người Pháp kiên quyết theo đuổi cuộc chiến chống cộng sản. Navarre không có chút kinh nghiệm nào về Đông Dương, nhưng là một sĩ quan có tinh thần kỷ luật cao nên đã được Chính phủ Pháp chọn mặt gửi vàng. Navarre đã phục vụ trong Chiến tranh thế giới thứ nhất và chiến đấu hai năm trong chiến hào. Năm 1940, ông bỏ trốn khỏi nước Pháp bị Đức chiếm đóng và chạy theo phe De Gaulle tiếp tục chống Đức. Năm 1942, ông được giao chỉ huy một trung đoàn xe bọc thép. Một thời gian sau ông được bổ nhiệm làm Tham mưu trưởng lục quân trong khối NATO (Tổ chức Hiệp ước Bắc Dại Tây Dương).

Tiếp theo hiệp ước ký năm 1950, viện trợ Mỹ cho Pháp tăng mạnh, cho phép Pháp tiếp tục theo đuổi cuộc chiến ở Đông Dương. Mỹ cung cấp cho Pháp vũ khí, đạn dược, máy bay, phụ tùng thay thế, tàu chiến, xe tăng, xe cơ giới và quân phục cho lính Pháp và lính Việt (ngụy) ở Đông Dương. Năm 1951, mỗi tháng trung bình có 6.000 tấn hàng viện trợ Mỹ được gửi tới cho Pháp tại Việt Nam. Đến năm 1953, con số viện trợ đã lên đến trên 20.000 tấn/tháng. Sau đó, Pháp yêu cầu tăng thêm, Mỹ đã đồng ý tăng lên 100.000 tấn/tháng. Đổi lại hàng triệu đôla và hàng triệu tấn hàng viện trợ đó, Mỹ chờ đợi kết quả cụ thể. Navarre sẽ phải phục vụ ở Đông Dương đến tháng 7/1954, có thể là người sẽ thỏa mãn được những đòi hỏi của Mỹ.

Vừa đặt chân đến Đông Dương, Navarre đã vô cùng đau lòng khi được biết có đến 100.000 quân Pháp bị cầm chân trong các công sự phòng thủ tĩnh. Ông ước tính Võ Nguyên Giáp có trên 125.000 quân chính quy tại ngũ, tập hợp trong sáu đại đoàn, ít nhất có sáu trung đoàn và nhiều tiểu đoàn độc lập ngoài lực lượng chủ lực đó. Người Pháp không có chút lợi thế nào về quân số. Nếu không thay đổi chiến lược, Pháp khó mà cứu vãn được tình hình ở Đông Dương. Và Navarre dần đi đến chiến lược của mình. Ông nhận ra Đông Dương chia làm hai chiến trường khác nhau rõ rệt. Pháp sẽ tránh chạm trán với chủ lực của Võ Nguyên Giáp trong các chiến dịch Đông Xuân 1953 - 1954 ở miền Bắc, bao gồm cả bắc Việt Nam và bắc Lào. Trong lúc đó Pháp sẽ tăng cường lực lượng.

Navarre cũng đồng thời quyết định cho Việt Minh một đòn mới - cuộc hành binh Atlante - để đuổi lực lượng Việt Minh khỏi các cao nguyên miền Nam. Bằng cách đó, ông sẽ càn quét các vùng do Việt Minh kiểm soát ở miền Trung của Việt Nam và đảo lộn kế hoạch tiến công của Võ Nguyên Giáp ở vùng này. Sau đó ông sẽ quét sạch lực lượng Việt Minh ở miền Nam. Navarre cũng xúc tiến mạnh việc lập thêm các đơn vị quân đội quốc gia Việt Nam (ngụy quân) làm lực lượng phụ trợ cho quân Pháp. Đồng thời Navarre lên kế hoạch đẩy mạnh bình định ở vùng châu thổ sông Hồng.

Sau cùng Navarre hy vọng trong Đông Xuân 1954 - 1955 sẽ có thể giao chiến lớn để tiêu diệt chủ lực của Võ Nguyên Giáp ở miền Bắc. Sau đó là tạo ra cơ hội thuận lợi để giải quyết cuộc chiến tranh trong danh dự. Navarre đã trình bày kế hoạch cho cấp trên của mình trong một cuộc gặp tại Sài Gòn ngày 16/6/1953.

Cuộc hành binh Atlante của Navarre là một đòn đánh vào chỗ trống. Đây là cuộc đột nhập vào vùng ven biển Trung Bộ ở Tuy Hòa bên dưới Quảng Trị dọc "con đường không vui". Quân đội Pháp không gặp đối thủ để giao chiến, vì Võ Nguyên Giáp đã rút hết chủ lực ở vùng này và đưa ra Bắc, chỉ để lại lực lượng du kích nhằm quấy rối địch. Trong khi đó, ông mở nhiều cuộc tấn công nặng nề lên cao nguyên, chiếm Kontum và tiến về Pleiku. Cuối cùng Võ Nguyên Giáp phái Đại đoàn 316 sang Lào tiến lên Luang Prabang. Navarre cố chặn cuộc tiến công này bằng cách điều động năm tiểu đoàn lên Thượng Lào. Võ Nguyên Giáp đã bố trí lại lực lượng và bao vây quân Pháp tại một điểm không xa Điện Biên Phủ. Trận giao chiến ở đây đối với Navarre là sớm hơn kế hoạch, là tránh giao chiến với chủ lực Việt Minh trong Đông Xuân 1953 - 1954. Diễn ra một năm sớm hơn kế hoạch, trận giao chiến này sẽ được kế tiếp bằng một loạt các trận khác mà đỉnh cao là trận Điện Biên Phủ - tiếng chuông báo hiệu ngày tận số của đế quốc Pháp ở Đông Dương.

---

[1] Có lẽ tác giả nhầm, vì tính đến năm 1951, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thành lập mới được 6 năm (ND).

“Mồ hôi và công sức của binh sĩ”

Cuối cùng, đã đến lúc Võ Nguyên Giáp đem sức mạnh của các đơn vị ưu tú - khối chủ lực - của mình để đương đầu với Pháp. Năm 1951, đó là một thất bại đối với ông ở Vĩnh Yên, Mạo Khê và dọc sông Đáy. Ông đã rút ra nhiều bài học quý giá từ đó. Ông dám thẳng thắn nhìn nhận những thiếu sót trong việc đánh giá tình hình như ông viết sau này trong cuốn *Chiến tranh nhân dân, quân đội nhân dân:* “Tất cả những quan điểm phát sinh từ tư tưởng sốt ruột, nóng vội mà mục tiêu là muốn thắng nhanh đều sai lầm… Cần phải đem hàng nghìn thắng lợi nhỏ gộp lại thành thắng lợi lớn”. Ông đã có sau lưng ông nhiều thắng lợi như thế. Cuộc đấu tranh lâu dài chống Pháp cho phép ông thành lập những đơn vị ưu tú, chủ lực của quân đội. Hiện nay trước mắt ông là một vị tướng Pháp mới, mong muốn được gặp ông trên chiến trường. Và Võ Nguyên Giáp đã sẵn sàng. Nếu Navarre muốn giao chiến với ông ở Điện Biên Phủ thì ông không mong muốn gì hơn.

Tuy nhiên, không phải không có những mối ngờ vực. Janos Radvanyi, một nhà ngoại giao Hungari, đến thăm Hà Nội đã kể lại cuộc trò chuyện với Võ Nguyên Giáp vào tháng 4/1959. Võ Nguyên Giáp nói: “Trận Điện Biên Phủ là sự nỗ lực vượt bậc của quân đội Việt Nam. Lực lượng của chúng tôi đang ở trên bờ kiệt sức. Tiếp tế gạo cho bộ đội đang cạn. Thậm chí chúng tôi còn rất khó tuyển mộ quân lính mới. Nhiều năm chiến tranh ở rừng núi đã hủy hoại tinh thần của các đơn vị đang chiến đấu ngoài mặt trận”. Ngoài ra, ông còn chịu sức ép về thời gian. Tháng 2/1954, các Bộ trưởng Ngoại giao của nhiều nước gặp nhau ở Berlin đã quyết định về nguyên tắc triệu tập hội nghị tại Geneve vào tháng 5 để giải quyết các vấn đề cấp bách ở Viễn Đông, trong đó có vấn đề Đông Dương. Điều đó bao hàm vấn đề thương lượng và Hồ Chí Minh đã sẵn sàng. “Cơ sở của đình chiến”, ông nói khi trả lời một nhà báo Thụy Điển, “là chính phủ Pháp tôn trọng thật sự độc lập của Việt Nam”. Nếu người tổng tư lệnh quân đội giành được thắng lợi có ý nghĩa - một lá bài chủ chốt để thương lượng - thì thắng lợi đó phải xảy ra trong thời gian ngắn nhất.

Võ Nguyên Giáp tự hào về chất lượng quân đội và tin rằng đội quân của ông có thể chịu được một cuộc giao chiến trận địa với người Pháp. Không còn là năm 1946 hay năm 1951 nữa. Quân đội của ông đã được chuẩn bị tốt hơn. Họ có thái độ cư xử đúng mức với nhân dân để tranh thủ tín nhiệm và giờ đây quân với dân đã khăng khít như “cá với nước”. Võ Nguyên Giáp khẳng định quân đội của ông không bao giờ xâm phạm tài sản của dân,

không đụng đến cái kim sợi chỉ của dân. Không những quân đội đã nắm vững lý luận mà còn biết chiến đấu và được đào tạo chu đáo, cẩn thận, đạt đến trình độ cao về chiến lược, chiến thuật. Ông cũng nghĩ như vậy về cán bộ của ông. Ông nói: "Mỗi người biết tỏ ra kiên quyết, can đảm, đảm bảo tự do và dân chủ nội bộ và đoàn kết một lòng với chiến sĩ". Võ Nguyên Giáp cho rằng công tác chính trị là linh hồn của quân đội.

Võ Nguyên Giáp biết rằng quân đội của ông được giáo dục chính trị tốt theo đường lối của Đảng. Họ đã biết xử trí các tình huống quân sự phức tạp. Bằng cách điều động khéo léo lực lượng vào đầu năm 1952, Võ Nguyên Giáp đã giành thế chủ động chiến lược từ Pháp kể từ khi chúng đưa quân tái chiếm Hòa Bình. Cuối năm 1952, Võ Nguyên Giáp đã chuyển hướng tiến công lên vùng núi Tây Bắc rồi sang Lào, buộc địch thủ phải giao chiến trên địa hình do chính ông lựa chọn và chúng đã phải tăng cường các vị trí đóng quân phòng thủ kém hơn vùng châu thổ sông Hồng. Võ Nguyên Giáp ca ngợi thắng lợi của ông, biến hậu phương của đối phương thành hỏa tuyến của mình. "Khi tiến công các cứ điểm sơ hở của địch, chúng ta đã buộc chúng phân tán lực lượng". Cuối cùng ông dồn Pháp vào thế phải lựa chọn: hoặc là bảo vệ Lào hay bỏ rơi Lào để chỉ chiếm vùng lõm còn được tự do ở ven biển Việt Nam hay Campuchia.

Tướng Navarre mới đến bị kẹt giữa ý muốn đánh bại Việt Minh ở ngay trên đất Việt Nam và đồng thời chặn không được tiến quân sang Lào, ông cho rằng mình có thể cùng một lúc đạt được hai mục tiêu đó bằng cách thiết lập ở miền Bắc một nơi "bỏ neo", một trung tâm hành quân để từ đó các lực lượng của Pháp có thể xuất phát tiến công lực lượng của Võ Nguyên Giáp. Thiết lập một đội hình như thế ở Điện Biên Phủ sẽ uy hiếp sườn của Võ Nguyên Giáp ở phía tây bắc Bắc Bộ, buộc Võ Nguyên Giáp phải phân tán lực lượng giữa đồng bằng và vùng núi, che chở được nước Lào, gây khó khăn về tiếp tế cũng như về triển khai lực lượng, cũng nhân dịp này cắt đứt nguồn lợi về thuốc phiện ở vùng núi Tây Bắc mà Võ Nguyên Giáp đã dùng để mua vũ khí cho quân đội.

Kế hoạch đó, theo Navarre, có thể chấm dứt chiến tranh trong 18 tháng. Theo Navarre và các cố vấn của ông, đội quân viễn chinh đang ở tình thế khó khăn như hiện nay chính là vì phải phân tán lực lượng, rải quân chiếm đóng hàng nghìn đồn bốt và cứ điểm phân tán khắp nơi trên khắp các mặt trận để đối phó với chiến tranh du kích của Võ Nguyên Giáp. Kết quả là quân Pháp thiếu hẳn một đội quân cơ động để chống lại chủ lực của Võ Nguyên Giáp. Vì vậy, Navarre ra lệnh phải có thêm lực lượng mới tăng viện khẩn cấp sang Việt Nam. Vào khoảng cuối năm 1953, Navarre chỉ huy tất cả

84 tiểu đoàn trên toàn Đông Dương và ông rút ra kết luận là đã đến lúc chiếm đóng Điện Biên Phủ, trong một cuộc hành quân mang biệt danh *Castor*, triển khai ngày 20/12 và hình như phù hợp với khẩu hiệu được Navarre dùng để cổ vũ quân sĩ của ông là "luôn luôn giữ chủ động và luôn luôn tiến công".

Để kế hoạch thành công, Navarre phải dựa vào hai sĩ quan khác là Cogny và Castries. Thiếu tướng René Cogny tốt nghiệp Trường võ bị Saint-Cyr, cựu sĩ quan pháo binh và là phó tướng của Navarre ở Bắc Bộ. Ông văn võ toàn tài, lại tốt nghiệp cả khoa Chính trị và Luật. Võ Nguyên Giáp và Cogny là hai tướng lĩnh có bằng cấp cao nhất ở Đông Dương. Cogny đã hai lần bị Đức bắt làm tù binh trong Chiến tranh thế giới thứ hai. Lần đầu vào năm 1941, ông trốn trại và lần thứ hai vào năm 1943. Cogny lên chức rất nhanh trong những năm sau chiến tranh cho đến khi được giao chức vụ chỉ huy trưởng quân Pháp ở Bắc Bộ, mặc dù ông không tán thành kế hoạch Điện Biên Phủ nhưng không bao giờ ông bày tỏ công khai sự bất đồng của mình.

Mấy ngày sau khi cho quân dù nhảy xuống Điện Biên Phủ, Navarre chọn đại tá Christian Marie Ferdinand de la Croix de Castries làm người chỉ huy lực lượng quân đồn trú. Là một sĩ quan xuất sắc, De Castries đôi khi làm khách mời phải khiếp đảm khi đang buổi chiêu đãi ông bỗng dưng giang tay ném cái cốc đang cầm xuống đất vỡ tan rồi nhặt mảnh vỡ nhai rau ráu. Ông tự hào về phẩm chất lực sĩ của ông và ông là một phi công táo bạo. Là kỵ sĩ có tài, ông chiếm giải quán quân năm 1933 về cưỡi ngựa vượt qua chướng ngại và trong một cuộc thi đấu năm 1935, ông còn được giải nhất về nhảy dài trên mình ngựa. Ông đã có thời gian phục vụ trong binh chủng kỵ binh trước khi chuyển sang binh chủng xe tăng. Ông cũng bị bắt làm tù binh năm 1941 nhưng đã vượt ngục. Ông chạy sang phía lực lượng nước Pháp tự do chống Đức của De Gaulle. Luôn vui sống trong thực tại, một hôm De Castries phát biểu rằng cuộc sống êm đềm là có một con ngựa để cưỡi, kẻ địch để tiêu diệt, và có một người đàn bà trên giường ngủ. De Castries có lẽ sẽ là một chiến binh kỵ mã xuất sắc hơn là sĩ quan bộ binh. Ngày 8/12/1953, ông được giao chỉ huy lực lượng đồn trú tại Điện Biên Phủ.

Điện Biên Phủ là một làng Thái có 112 nóc nhà, không có tầm quan trọng chiến lược đặc biệt nào hơn là ở cách biên giới Lào 13 km, ở đầu mối giao thông lên phía bắc để đi Trung Quốc, xuống phía nam sang Lào và đông bắc là đi vào vùng rừng Tây Bắc. Nguồn lợi chủ yếu là gạo và thuốc phiện. Chiếm một vùng thung lũng bằng phẳng hình trái tim, Điện Biên Phủ có khoảng 19 km chiều dài và 10 km chiều ngang, xung quanh là rừng rậm và đồi núi không cao nhưng nhiều dốc đứng. Các nhóm người Mèo sinh sống

trên sườn núi cao. Người Thái dưới thung lũng sống bằng canh tác lúa và ở thành từng làng xóm rải rác và đông dân nhất là Mường Thanh. Một con sông nhỏ: sông Nậm Rốm chảy qua cánh đồng Mường Thanh từ bắc xuống nam. Người Pháp đã xây trước ở đây hai đường băng. Đường băng thứ nhất gần Mường Thanh, một sân bay khác nhỏ hơn nằm sâu về phía nam. Hai đường băng này được dùng để tiếp nhận người và trang bị vũ khí từ Hà Nội chở lên cách 270 km đường chim bay. Địa hình Điện Biên Phủ khiến Navarre cho đây là một địa điểm lý tưởng vì ông nghĩ Việt Minh không thể nào đưa đến những khẩu pháo nhẹ theo các đường mòn nhỏ hẹp đi qua rừng và sườn núi cao chứ đừng nói những khẩu trọng pháo.

Các máy bay Mỹ do phi công Pháp lái chở hàng nghìn lính dù đến khu vực. Trong số đó có Tiểu đoàn Dù thuộc địa số 6 (6^{e} BPC), Tiểu đoàn Dù tiêm kích số 2 (2^{e}BCP) và Tiểu đoàn Dù lê dương số 1 (1er BEP) gồm một phần lính SS của Đức. Hàng nghìn binh sĩ và khối lượng vật tư khổng lồ đã được thả dù hoặc được máy bay chở đến đường băng. Đơn vị đầu tiên nhảy dù xuống là Đại đội Công binh không vận số 17, làm các công trình phòng thủ đầu tiên đến ngày 4/12/1953 thì rút về Hà Nội và được thay thế bằng Đại đội 3 tiểu đoàn công binh số 31.

Trung đoàn 148 của Võ Nguyên Giáp (thực ra là Trung đoàn độc lập của Quân khu Tây Bắc) đóng trên các ngọn đồi để quan sát đã lặng lẽ rút khi lính dù còn lơ lửng trên không trung. Pháp đổ vào đây một lực lượng khá mạnh nên người ta không chủ trương đánh chặn đến cùng. Đó là lúc bộ đội của Võ Nguyên Giáp báo cáo về những gì họ đã thấy.

Cuối cùng, 10.814 người cùng với vũ khí của quân đội viễn chinh Pháp ở Điện Biên Phủ để chờ Việt Minh đến tấn công. Trong số này chỉ có 7.000 người là lực lượng chiến đấu thực sự, còn lại là lực lượng phụ trợ. Trên 1/3 quân đồn trú là lính người Việt thuộc quân đội “quốc gia” mới thành lập của Bảo Đại, vị cựu hoàng đế đã thoái vị và cộng tác với Việt Minh nay quay về hợp tác với Pháp. Số còn lại là lính của Navarre đến từ Maroc, Liban, Syria, Chad, Guadeloupe và Madagascar. Họ xây dựng các hầm ngầm (boong-ke), đào hào, gài mìn sát thương, rải dây thép gai thành từng lớp bùng nhùng nối tiếp như đàn phong cầm. Khi mọi công trình phòng thủ hoàn thành thì toàn cảnh Điện Biên Phủ đã trở thành một doanh trại khổng lồ, một tập đoàn cứ điểm.

De Castries giám sát công cuộc xây dựng, đầu đội mũ kỵ binh Algeria phục vụ trong hàng ngũ quân đội Pháp, quàng khăn đỏ và tay cầm roi da. Vốn nổi tiếng là người mê gái, De Castries đặt tên cho các vị trí tiền tiêu

trong hệ thống phòng ngự theo tên các nhân tình của ông cộng với tên các nhân tình trước đây mà ông muốn họ là người bất tử. Rồi ông tập hợp các công sự chủ yếu ở gần đường băng và làng Mường Thanh. Đó là Huguette ở phía tây, Claudine ở phía nam, Eliane ở phía đông và Dominique ở đông bắc. Boong-ke tổng hành dinh đặt ở giữa. Các cứ điểm đều đặt trên gò hoặc trên những quả đồi nhỏ nổi lên giữa cánh đồng. De Castries cố gắng kết hợp hỏa lực sao cho mỗi vị trí đủ bao quát được toàn thể tạo thành một hàng rào đường bắn chéo cánh sẻ, yểm trợ cho nhau.

Bốn khu vực phòng thủ độc lập hơi xa khu trung tâm. Béatrice cách trung tâm 1,6 km trên một ngọn đồi án ngữ lối vào từ phía bắc. Gabrielle ở phía nam cách trung tâm 3 km ở phía đông con đường lên biên giới Trung Quốc. Anne Marie cũng vắt vẻo trên một ngọn đồi cách trung tâm khoảng 2,5 km ở phía tây bắc đường băng. Mỗi vị trí nói trên do một tiểu đoàn chiếm giữ. Cách trung tâm 6,5 km về phía nam là Isabelle gần đường băng phụ. Tuy là vị trí thất thủ cuối cùng trong cuộc tấn công của Việt Minh, vị trí này có nhiều bất tiện. Tại đây trên đồi cao có ba tiểu đoàn bộ binh (trong tổng số 12 tiểu đoàn tại Điện Biên Phủ), một trung đội xe tăng và một cụm pháo 105mm. Một phần ba lực lượng đồn trú ở Điện Biên Phủ ném vào đây nhưng do ở quá xa trung tâm nên Isabelle tuy bị Việt Minh tạm bỏ rơi để tập trung đánh các vị trí khác, nhưng cũng không làm được gì đáng kể để yểm hộ các vị trí ở trung tâm đang bị tiến công. Những nhà quan sát vô tư khi có mặt tại chỗ đều dễ dàng nhận xét rằng phần chủ chốt trong hệ thống phòng ngự gây nhiều trở ngại nhất cho đối phương là vùng gần các dãy đồi nổi lên ở cực bắc của lòng chảo Mường Thanh. Các cứ điểm đều bố trí kém hiệu quả. Các khẩu pháo tại cứ điểm Isabelle ở phía nam không thể yểm trợ hữu hiệu cho Gabrielle, Béatrice hoặc Anne Marie. Hơn nữa, việc xây dựng các công sự còn nhiều điều đáng chê trách. Các dây điện thoại dã chiến đáng lẽ phải chạy ngầm dưới đất thì đều lộ thiên trên mặt đất. Các cứ điểm không có hệ thống đường hào nối từ cứ điểm này sang cứ điểm khác, không có vành đai chung về dây thép gai, về bãi mìn. Các hầm hào không có nắp che bảo vệ dẫn đến bệnh xá dã chiến và bản thân các bệnh xá này cũng không đủ khả năng để cứu chữa thương binh nặng.

Các đơn vị không vận đến đầu tiên được trang bị nhẹ không đủ sức xây dựng hầm hào phòng ngự vững chắc và trong mấy ngày đầu họ không làm được gì đáng kể để cải thiện tình thế. Chỉ khoảng 30 ngày trước khi nổ ra trận đánh, họ mới bắt đầu tiến hành xây công sự phòng ngự và tất nhiên họ không còn thì giờ để khắc phục những chểnh mảng nói trên. Công binh đã tính toán: họ thiếu ít nhất 30.000 tấn thiết bị xây dựng. Họ không đủ vật liệu để gia cố vững chắc sở chỉ huy, các trạm chỉ huy, trung tâm truyền tin và

phòng chiếu X quang của bệnh viện.

Trước công cuộc chuẩn bị của Navarre ở Điện Biên Phủ, Võ Nguyên Giáp nhanh chóng phản ứng. Một tuần sau khi Pháp đưa quân lên Điện Biên Phủ, Võ Nguyên Giáp ra lệnh cho bốn đại đoàn chuẩn bị lên đường tiến về Điện Biên Phủ. Các sĩ quan tình báo Pháp ước tính quân đội của Võ Nguyên Giáp có khoảng 49.000 người, con số này chỉ chiếm 10% so với thực tế. Tướng Navarre không kể gì đến sự ước tính đó. Ông vẫn cho rằng lực lượng của Võ Nguyên Giáp tiến lên Điện Biên Phủ cuối tháng 11/1953 chủ yếu là những bộ phận của nhiều sư đoàn cho đến khi tình hình xấu đi rõ rệt, Navarre vẫn tiếp tục cho rằng đối phương không có hơn một đại đoàn ở quanh Điện Biên Phủ. Sau này có thể tăng cường thêm nhưng vẫn chỉ có một đại đoàn.

Các cơ quan tình báo của Pháp bị lên án là đưa ra con số không chính xác. Trên nền tảng sai lầm về số quân bao vây Điện Biên Phủ đó, phòng Nhì của quân đội đã suy ra lực lượng pháo binh của Việt Minh chỉ gồm súng cối, đại bác tầm ngắn chỉ bắn được 25.000 phát không hơn. Những nhà chiến lược đó còn tin vào cố gắng của máy bay Pháp có thể ngăn chặn được các đoàn dân công chở đạn dược cho pháo binh Việt Minh. Các cố vấn pháo binh và không quân thì ỷ vào khả năng xác định các hỏa điểm của các khẩu pháo đối phương trước khi để chúng phát triển thành mối đe dọa thật sự. Đánh giá thấp khả năng pháo binh của Võ Nguyên Giáp, người Pháp đã đặt pháo của họ trong những vòng tròn lộ thiên.

Bernard Fall, nhà báo theo dõi thảm bại Điện Biên Phủ cho rằng sai lầm lớn nhất của người Pháp là đã đánh giá quá cao đến mức tai hại về khả năng của mình. Ông nói: "Chính là một khuyết điểm của cả dân tộc mà chúng tôi hình như mắc phải từ trước các chiến dịch của Julius Cesar tấn công xứ Gaul và hình như lên đến đỉnh cao trong trận Điện Biên Phủ…" Tuy nhiên, niềm tin của họ được nhiều người chia sẻ và củng cố thêm. Nhiều cố vấn cao cấp Pháp và Mỹ đã đến thăm Điện Biên Phủ và đều tuyên bố hài lòng. Trong số đó có Paul Ely, Tổng tham mưu trưởng Pháp, tướng John "Iron Mike" O'Daniel, Trưởng nhóm Viện trợ và Cố vấn quân sự Mỹ (USMAAG). Ngay cả nhà tiểu thuyết Mỹ Graham Greene cũng xuất hiện ở Điện Biên Phủ. Không một ai đã đến Điện Biên Phủ trước khi trận đánh bắt đầu đưa ra nhận xét như lưu ý các ngọn đồi ở gần đó hay gợi ý rằng nếu Việt Minh có pháo binh thì quân Pháp sẽ ở trong tình thế tuyệt vọng khác nào "cua nằm trong giỏ". Trái lại, cũng như Navarre, họ đều tán tụng triển vọng thắng lợi. Sự lạc quan của họ tất phải được chính thức báo cáo về nước. Tờ báo Mỹ *US News and World Report* thông báo cho độc giả biết theo ý phần lớn các chuyên gia

Mỹ, chiến thắng ở Việt Nam đã ở trong tầm tay. Ngay từ đầu, tướng Navarre đã tỏ ra lạc quan khi ông ta nói thắng lợi sắp đến gần: "Cách đây một năm, không một ai trong chúng ta có thể trông thấy thắng lợi. Bây giờ chúng ta đã nhìn thấy rõ ràng như ánh sáng cuối đường hầm". Hình ảnh này sẽ còn được hậu thế nhắc đi nhắc lại nhiều lần nữa.

Với lực lượng quân đội và trang thiết bị hùng hậu, Navarre đã hoàn toàn sẵn sàng cho trận đánh ở Điện Biên Phủ. Ông có 12 tiểu đoàn được hai cụm pháo 75 mm và hai cụm pháo 105 mm cùng với bốn khẩu trọng pháo 155 mm và một số lớn súng cối nặng yểm trợ. Một trực thăng túc trực trên đường băng phía bắc sẵn sàng cất cánh để chỉ điểm cho pháo. Sáu máy bay ném bom và chiến đấu túc trực sẵn sàng đáp ứng mọi yêu cầu yểm trợ bộ binh trong các cuộc hành quân. Một chiến xa nhẹ được tháo rời và đưa lên máy bay chở lên Điện Biên Phủ đã được lắp ráp. Một đại đội vận tải đảm nhiệm chuyên chở người và đạn dược đến ứng cứu các vị trí bị uy hiếp.

Còn có cả một đội gái điếm Algeria và Việt Nam được tổ chức trong các BMC (Nhà thổ dã chiến cơ động) được máy bay chở lên để thỏa mãn nhu cầu của quân đồn trú: 11 cô gái của bộ lạc Oulad Nail xứ Algeria xa xôi được phân phối cho cứ điểm Dominique, còn sáu cô gái Việt Nam (đúng hơn là năm cô và một nạ dòng) thì giao cho khu vực Claudine. Ban ngày khi chiến sự bắt đầu, các cô khi thì ẩn trong các boong-ke để "khích lệ" binh sĩ, khi làm công việc y tá, hộ lý chăm sóc thương binh trong các bệnh xá ngầm dưới lòng đất, ngoài những "hoạt động" quen thuộc của họ. Bốn cô gái Algeria không may trúng đạn bỏ xác tại Điện Biên Phủ. Các cô gái điếm sống sót làm "công việc" của họ đến phút cuối cùng mới chịu ra hàng. Một trong những cô gái Algeria tên là Mimi đã cưới một người đàn ông Algeria đang điều trị vết thương tại một bệnh xá trong trại tù binh và khi được trao trả đã sinh con đầu lòng tại Hà Nội.

Navarre nghĩ rằng Võ Nguyên Giáp sẽ cần ba sư đoàn để bao vây Điện Biên Phủ, như vậy sẽ giam chân họ trong vai trò tĩnh tại như người Pháp cũng đã từng bị bắt buộc phải làm như thế. Nếu họ quyết định đến lúc nào đó tiến công tập đoàn cứ điểm thì họ sẽ phải xuất đầu lộ diện và hỏa lực tập trung của người Pháp sẽ "làm cỏ" họ. Họ càng tỏ ra can đảm, người ta càng dễ loại họ khỏi vòng chiến đấu. Pháo binh Việt Nam sẽ không làm gì được quân Pháp, còn phía Pháp không phải lo lắng gì về tiếp tế vì các sân bay hạ cánh đều nằm trong tầm bảo vệ của các đơn vị phòng ngự bao quanh, không thể gặp nguy hiểm.

Trong tháng 1/1954, khi các lực lượng Việt Minh kéo đến đông và khép

kín vòng vây quanh Điện Biên Phủ, các đội tuần tiễu Pháp mới cố tìm cách để kiểm soát các ngọn đồi xung quanh. Họ thường chạm trán với các vị trí đóng quân lẻ của đối phương và đã xảy ra nhiều cuộc đụng độ. Quân của Võ Nguyên Giáp càng lên đông thì nguy hiểm càng lớn đối với các đội tuần tiễu Pháp bị phục kích hoặc bị tấn công trực diện, khiến chúng không dám đi quá xa chu vi kiểm soát vốn rất nhỏ hẹp.

Những người có trách nhiệm của Pháp hình như không nhận ra họ đã ba lần tính sai. Một là quân số đối phương rất đông, hai là sức mạnh của các loại pháo giữa hai bên không hề mất cân đối, ba là khả năng tiếp tế. Những người ở tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ báo cáo với tướng Navarre rằng không xa Điện Biên Phủ, Việt Minh đã cho lập ba trạm chỉ huy sở, mỗi trạm quản lý một sư đoàn chủ lực cộng với sư đoàn thứ tư đang trên đường đến đây. Đó không phải là lời cảnh báo đầu tiên. Ngày 11/11/1953, bảy ngày trước khi Pháp nhảy dù xuống Điện Biên Phủ, đại tá Nicot lúc đó đang phụ trách vận tải đường không của Navarre đã viết cho Navarre rằng máy bay sẵn có không thể thỏa mãn nhu cầu liên tục về vật liệu nặng của tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Ngày 25/2/1954 đến lượt tướng Fay - Tham mưu trưởng không quân - sau một chuyến viếng thăm Điện Biên Phủ đã ép Navarre rút quân khỏi Điện Biên Phủ. Navarre tuyệt nhiên không muốn nghe những ý kiến đó.

Võ Nguyên Giáp biết rằng nhược điểm lớn nhất của quân Pháp là khả năng tiếp tế cho tập đoàn rất hạn chế. Đường vận chuyển tiếp tế bằng đường bộ là không thể được, chỉ còn hai sân bay và phải dựa hoàn toàn vào đường không. Ngay từ đầu Võ Nguyên Giáp đã khẳng định dự kiến dùng hỏa lực pháo binh để phá hủy các đường băng hạ. Còn súng phòng không sẽ làm nốt phần còn lại. Võ Nguyên Giáp nghiên cứu các phương án khác nhau cần lựa chọn. Ông đắn đo suy nghĩ, cân nhắc trước khi có quyết định dứt khoát. Đánh hay không đánh Điện Biên Phủ? Nếu đánh thì chọn cách đánh nào để đảm bảo chiến thắng? Võ Nguyên Giáp kể: “Có hai cách: đánh nhanh thắng nhanh hay đánh chắc thắng chắc?” Ông chọn đánh bất ngờ nhanh chóng, “trong ba đêm và hai ngày phải dứt điểm. Chiều 25/1 sẽ nổ súng.” Sáng hôm đó, lúc 10 giờ, Giáp họp ban tham mưu tại chỉ huy sở tiền phương gần Tuần Giáo.[1]

Ông triệu tập các cộng sự gần gũi để bàn lại phương châm tác chiến đồng thời ông còn phải đi thuyết phục các cố vấn Trung Quốc. Mao Trạch Đông đã ra lệnh một số cố vấn Trung Quốc giúp đỡ Võ Nguyên Giáp. Trong số cố vấn Trung Quốc có La Quý Ba, Mai Gia Sinh, Vi Quốc Thanh, Trần Canh, Đặng Nhất Phàn. Họ làm việc và công tác chặt chẽ với Bộ Tổng tư

lệnh Việt Nam và đã đưa ra những phương án tác chiến trong các chiến dịch Cao Bằng, Đông Khê và Hòa Bình, cũng như khi mở chiến dịch ở Lào.

Hồ Chí Minh không muốn viện trợ của Trung Quốc giảm đi. Từ tháng 7/1950 cùng với 70 cố vấn trong nhóm Hoạt động thủy quân Nam Hải, Mao Trạch Đông còn gửi cả lương thực. Vì thế, tại Điện Biên Phủ, Võ Nguyên Giáp đã có trong tay 200 khẩu pháo, 10.000 phuy xăng, 3.000 súng các loại, 2,4 triệu viên đạn, 60.000 quả đạn pháo và 1,7 triệu tấn gạo. Ngay cả một sư đoàn pháo binh Trung Quốc cũng sẵn sàng tham chiến.

Trong quá trình chuẩn bị đánh Điện Biên Phủ, các cố vấn Trung Quốc đã gây sức ép để Võ Nguyên Giáp chọn phương án đánh nhanh thắng nhanh bằng cách dùng chiến thuật "biển người" như họ đã thử nghiệm ở Triều Tiên để nhanh chóng kết thúc chiến cuộc. Nhưng ban tham mưu của Võ Nguyên Giáp lo lương thực không chở đến kịp. Ông bèn hỏi tham mưu trưởng và các sĩ quan tập họp xung quanh: "Chúng ta có đảm bảo chắc thắng với phương án đánh nhanh không? Quyết định của chúng ta chỉ phụ thuộc vào câu trả lời cho câu hỏi này". Ông lo ngại bộ đội thiếu kinh nghiệm đánh tập đoàn cứ điểm. "Sau khi phân tích tỉ mỉ những tin tức mới nhận được, tôi đi đến kết luận là phương châm đánh nhanh có thể thắng lợi nhưng không chắc chắn trăm phần trăm". Ông cảm thấy trong bộ tham mưu của ông không có sự đồng thuận nhất trí và tin chắc vào thắng lợi cũng như giữa họ và cố vấn Trung Quốc.

Võ Nguyên Giáp hành động ngay không chút do dự. Sau một đêm mất ngủ để xem xét các vấn đề, ông kết luận: "Đó là sự tự sát nếu đưa chiến sĩ vào một trận đánh mà không chuẩn bị chống pháo binh, xe tăng và máy bay của địch. Tôi ra lệnh hoãn trận đánh mở màn. Ban tham mưu của tôi không hiểu ra sao cả. Nhưng không cần! Tôi yêu cầu chấp hành tuyệt đối *không thảo luận, không giải thích*... Chúng ta đã kiên quyết chọn… phương châm đánh chắc tiến chắc".

"Quyết định đúng đắn như vậy", Võ Nguyên Giáp nói, "là triệt để tuân theo nguyên tắc cơ bản của việc điều hành chiến tranh cách mạng, đánh để cho thắng, chắc thắng mới đánh, không chắc thắng không đánh". Võ Nguyên Giáp tỏ ra thận trọng hơn từ năm 1951 khi ông đánh Vĩnh Yên, Mạo Khê và dọc sông Đáy, khi đó ông không đủ tin chắc là sẽ giành thắng lợi. Các cố vấn Trung Quốc cũng ngỡ ngàng khi Võ Nguyên Giáp thay đổi cách đánh Điện Biên Phủ. Trần Canh thì cáo buộc Võ Nguyên Giáp và các tướng lĩnh Việt Nam khác là thiếu tinh thần Bôn-sê-vích. Ông cũng trách cứ Võ Nguyên Giáp là "thiếu trung thực và thẳng thắn đối với các đồng chí Trung Quốc".

Tuy vậy, Bộ Chính trị nhanh chóng phê chuẩn quyết định của Võ Nguyên Giáp. Buổi chiều hôm đó, Giáp nhớ lại, sau khi được các đồng minh Pathet Lào ở Lào đồng ý, ông ra lệnh mở cuộc tiến công vào Luang Prabang. Ông giải thích cuộc tiến công đó nhằm nghi binh, đánh lạc hướng chú ý của lực lượng không quân Pháp và hút vào chiến trường khác, tạo thuận lợi cho việc rời khỏi trận địa tiến công ở Điện Biên Phủ. "Quyết định thay đổi kế hoạch tác chiến… là một trong những quyết định quan trọng nhất, một trong những quyết định khó khăn nhất trong đời làm tướng của tôi…" Đêm hôm đó bộ binh, pháo binh rời khỏi trận địa trên cao nhìn xuống Điện Biên Phủ. "Chúng tôi mải mê bắt tay ngay vào công việc chuẩn bị mới." Ông nói là lực lượng của ông không trở lại những vị trí trước đây. Võ Nguyên Giáp thay đổi hoàn toàn kế hoạch tác chiến hướng vào việc bao vây dài ngày để đảm bảo chắc thắng. Trận đánh mở màn bắt đầu lúc 17 giờ ngày 13/3/1954 bằng một cuộc tiến công từ phía đông chống lại một cứ điểm ở vành ngoài là Béatrice.

Giữa lúc đó, các cán bộ cấp dưới thực tập nhiều lần trên sa bàn dưới sự theo dõi chặt chẽ và kiểm soát không mệt mỏi của Võ Nguyên Giáp. Nếu làm sai, họ phải tự kiểm điểm rồi tập lại cho đến khi nắm vững mọi chi tiết liên quan đến vai trò và trách nhiệm của họ. Những cán bộ này sau khi được nghe Võ Nguyên Giáp giảng giải kỹ về phương châm tác chiến mới sẽ trở về đơn vị, đến lượt họ, lại nói lại cho cấp dưới, thực tập nhiều lần trên những mô hình lớn như thật về các vị trí của Pháp. Vì thế khi thời điểm tấn công đến, họ không bị bỡ ngỡ, khiếm khuyết, họ biết rõ điều gì sẽ xảy ra.

Họ thiếu các phương tiện cơ giới để đẩy nhanh tiến độ cung cấp hậu cần, họ phải trông vào đôi vai nặng trĩu và bước chân chậm chạp của dân công. Trong năm 1954, Việt Minh tiếp nhận một khối lượng tiếp tế của Trung Quốc và Liên Xô lên tới 400 tấn/ngày, cần tới một số lượng lớn dân công để chuyển ra mặt trận. Nhưng cũng chưa đủ, Võ Nguyên Giáp huy động dân công và bộ đội sửa sang đường sá từ Trung Quốc, mở rộng các đường mòn để đưa pháo vào vị trí, dựng các công sự pháo xung quanh Điện Biên Phủ và đào một hệ thống hầm hào kéo dài đến tận hàng rào các công trình phòng ngự của Pháp.

Võ Nguyên Giáp khéo léo triển khai bộ đội, đảm bảo hậu cần cho 30.000 lính tiến lên Điện Biên Phủ, chuẩn bị cho trận đánh lớn nhất trong lịch sử kháng chiến chống Pháp. Họ vượt qua sông Đà, qua các cầu đặt ngầm dưới mặt nước, máy bay Pháp không thể phát hiện được. Một trung đoàn di chuyển trên 400 km đường mòn vượt qua các mỏm núi. Hàng vạn dân công đi theo các con đường mòn quanh co trong rừng rậm và trên sườn các vách

đá thẳng đứng. Hàng vạn xe đạp thồ chuyên chở đạn đại bác. Các khẩu pháo tháo rời được xe đạp chở từng bộ phận đưa đến vị trí tập kết và được lắp ráp để kéo lên vị trí bắn. Sau này Võ Nguyên Giáp ghi lại một cách hài lòng: "Bộ đội, dân công mở đường tiếp tế từ Tuần Giáo đến cách đồn Pháp chỉ vài cây số về phía bắc [tại đây Võ Nguyên Giáp đặt chỉ huy sở tiền phương trong suốt thời gian bao vây Điện Biên Phủ]. Họ đã vạch các con đường qua rừng sâu, núi cao để xe kéo pháo, xây dựng các vị trí đặt pháo, đào giao thông hào trên núi xuống, vào tận sâu trong thung lũng Mường Thanh".

Người Pháp thua trận đến nơi vì những dân công mang vác như thời nguyên thủy đó. Những nhà phân tích của Pháp đã tính toán rằng Võ Nguyên Giáp không thể đặt pháo nặng trên những ngọn đồi, sườn núi xung quanh và nguồn tiếp tế của ông sẽ cạn kiệt sau bốn ngày giao chiến. Họ lại hai lần sai lầm. Nhiều đoàn tiếp tế dài đến hàng trăm cây số bất chấp đường xấu, ít thuận tiện cho xe cộ, tệ hại hơn nữa là bị không quân Pháp ném bom không ngừng. Ngoài những khó khăn đó, dân công tiếp vận của Võ Nguyên Giáp còn phải chịu đựng mưa kéo dài, kéo theo sạt lở, bùn lầy, đường ngập… tất cả những trở ngại ấy chẳng kém gì bị máy bay oanh tạc. Nhưng hãy nghe Võ Nguyên Giáp kể, "Các đoàn xe vận tải dũng cảm vượt qua suối sâu, đèo cao, rừng núi rậm rạp, lái xe nhiều đêm không ngủ để chở súng đạn ra tiền tuyến". Từng đoàn xe đạp thồ chất đầy lương thực, súng đạn, ì ạch tiến từng bước, không kể hàng nghìn bè mảng lướt trên sông, chở hàng đến các nơi chuyển tải, ở đó hàng vạn dân công chờ sẵn, tiếp tục khiêng gánh vượt qua luồng lạch và các đoạn đường mà thuyền bè, xe đạp hay xe ô tô tải không đi được. "Tất cả mọi thứ", Võ Nguyên Giáp kể: "từ bếp lưu động đến bệnh viện lưu động dã chiến tiếp tục được chở ra phía trước bất chấp pháo binh hay không quân địch bắn phá".

Ông đã nói quá một chút khi nói "bệnh viện lưu động dã chiến". Bernard Fall dẫn chứng Võ Nguyên Giáp chỉ có một bác sĩ phẫu thuật thật sự là bác sĩ Tôn Thất Tùng để chăm sóc 50.000 lính ở Điện Biên Phủ! Nhưng một mình ông với sáu trợ lý phụ mổ đã có những cố gắng không mệt mỏi. Với thiết bị nghèo nàn thiếu thốn, với một số thuốc ít ỏi, làm việc trong những điều kiện hoàn toàn thiếu vệ sinh, đội ngũ bác sĩ quân y nhỏ bé này đặc biệt thất vọng khi phải "đánh vật" với những chấn thương tâm thần hung dữ thường không tránh được của những người lính bị thương ngoài mặt trận.

Dù thế nào Võ Nguyên Giáp cũng ghi nhận rằng: "Chưa bao giờ những chàng trai trẻ Việt Nam phải đi xa nhà đến những nơi xa xôi trong nước nhiều như thế". Ông nói thêm: "Những con người đó không phải là khách đi du lịch mong muốn những chuyến viếng thăm có hướng dẫn!" Đó là những

người đổ mồ hôi sôi nước mắt, những con người lao động vất vả để đào hàng cây số hào. Những đường hào tuyệt vời có thể che chắn cho bộ đội triển khai và vận động trên những quãng trống lộ thiên để tránh bom na-pan và đạn pháo. Ông viết: "Quân đội của chúng ta vượt núi, xuyên rừng để làm đường kéo pháo lên Điện Biên Phủ. Ở đó không thể có đường sá, các khẩu pháo chỉ nhờ có mồ hôi và công sức của chiến sĩ mà được đưa vào vị trí".

Ngay khi Võ Nguyên Giáp chuẩn bị bao vây Điện Biên Phủ, ông duy trì sức ép ở nơi khác với người Pháp. Từ ngày 10/12/1953, ông tiếp tục tấn công Lai Châu. Tại đây chỉ trong vòng 10 ngày đêm chiến đấu liên tục, quân đội của ông đã diệt 24 đại đội lính Pháp. Tại Lào với sự góp sức của bộ đội Pathet Lào, các đơn vị của Võ Nguyên Giáp tiếp tục giao chiến với quân Pháp. Trong những ngày cuối tháng 1 đầu tháng 2, quân đội của ông lại mở cuộc tiến công Đắk Tô, toàn bộ tỉnh Kon Tum thất thủ. Võ Nguyên Giáp nhận thấy Pháp phải rút bớt quân ở đồng bằng sông Hồng để tăng cường cho Trung Lào rồi chuyển xuống tiếp cứu cho Tây Nguyên. "Cuộc tiến công của chúng ta ở Tây Nguyên tiếp tục đến tháng 6/1954 và giành được chiến thắng vang dội ở An Khê, đánh tan trung đoàn cơ động 100 của Pháp rút từ mặt trận Triều Tiên về và tiếp đó giải phóng An Khê". Ngoài tổn thất về quân số, Pháp còn bị phá hủy và tịch thu nhiều xe và vũ khí, đạn dược.

Nhưng chưa phải đã hết. Võ Nguyên Giáp nhận thấy cần phải triệt nguồn tiếp tế bằng máy bay của Pháp. Các đơn vị đặc nhiệm xâm nhập vùng châu thổ sông Hồng tiến vào tận ngoại ô Hải Phòng và Hà Nội, phá hủy 78 máy bay đang đậu tại sân bay Cát Bi và Gia Lâm để chở đồ tiếp tế lên tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Họ cũng quét sạch nhiều vị trí kiên cố dọc đường số 5 nối liền Hải Phòng với Hà Nội là con đường tiếp tế huyết mạch của quân đội Pháp. Võ Nguyên Giáp hy vọng nhiều ở kết quả của các trận tấn công đó. Ở miền Nam trên một nghìn đồn bốt của Pháp bị quân đội của Võ Nguyên Giáp đánh chiếm, buộc phải rút bỏ. Quân đội của Võ Nguyên Giáp đã tiến công và đánh đắm nhiều tàu chiến ở cảng Sài Gòn và nơi khác. Ngay trong khi trận Điện Biên Phủ đang diễn ra, Võ Nguyên Giáp tiếp tục ra lệnh cho một số đơn vị đến những địa điểm cách 200, 300 km để mở các cuộc tấn công bất ngờ vào doanh trại Pháp rồi lại trở lại mặt trận Điện Biên Phủ tiếp tục nhiệm vụ của mình. Nhìn vào đâu, Võ Nguyên Giáp cũng thấy tinh thần đấu tranh kiên cường, biểu hiện rõ của chủ nghĩa anh hùng.

Võ Nguyên Giáp nhận xét rằng địch thủ của ông đang gặp khó khăn trên tất cả các mặt trận. Trong lúc quân Pháp đang lúng túng thì dân quân du kích của Võ Nguyên Giáp tiến công có hiệu quả vào hậu phương của địch, kết hợp với Điện Biên Phủ, hoạt động ở vùng tạm chiếm suốt từ bắc chí nam

đã vô hiệu hóa sự kiểm soát của Pháp. Võ Nguyên Giáp nghĩ rằng có thể khẩu hiệu của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã gieo một luồng phấn khởi mới mẻ trong nhân dân. Ông tán thành phương châm "tích cực, chủ động, cơ động, linh hoạt". Quân đội của Võ Nguyên Giáp đã đến vị trí và sẵn sàng. Xông lên hàng đầu, xung phong chính diện, chiến tranh chiến hào, đòi hỏi những người lính dũng cảm tuyệt đối. Tướng Davidson đã miêu tả đúng những con người đó: "Với nhiệm vụ phải hoàn thành, họ là những người lính gan dạ như bất kỳ một quân đội nào trong các cuộc chiến tranh ở thế kỷ XX mà chúng ta biết đến".

Có sự tương phản hiển nhiên giữa các tướng lĩnh khác nhau dính líu đến kế hoạch của trận đánh Điện Biên Phủ. Navarre khi làm việc trong phòng có lắp điều hòa tại Sài Gòn, lúc nào cũng mang quân phục trắng bong, có đeo đầy đủ các huân huy chương. Còn Cogny thì làm việc với các sĩ quan tùy tùng tại tòa nhà kiên cố do người Pháp xây dựng từ xưa tại Hà Nội. Hàng ngày hai ông chỉ trao đổi kế hoạch qua các bức điện. Còn De Castries thì làm việc trong căn hầm ngầm được gia cố nhếch nhác, bẩn thỉu giữa cánh đồng Mường Thanh, xung quanh toàn lô cốt, hầm hào, ụ súng, dây thép gai, v.v… Nhưng vốn trung thành với sở thích, ông vẫn làm cho mọi thứ quanh ông có nét hào nhoáng chói lọi trong điều kiện có thể. Bộ đồ ăn hàng ngày mà sĩ quan hậu cần đem cho ông vẫn là bộ đồ ăn bằng bạc sáng loáng đặt trên bàn có phủ vải lanh trắng tinh. Còn tướng Võ Nguyên Giáp thì ngược lại, theo dõi, giám sát các cuộc hành quân của quân đội từ đại bản doanh đặt trong một chiếc hang gần Tuần Giáo. Sự khác nhau giữa những con người này như Davidson đã nói rõ ràng: "Mỗi nhân vật chủ chốt sẽ chịu đựng thiếu thốn và đau khổ đến đâu để giành chiến thắng?"

Cuộc đụng độ đầu tiên về bộ binh giữa hai bên xảy ra sáng sớm ngày 11/3/1954 khi quân đội Pháp gặp phải hai đơn vị Việt Minh lợi dụng đêm tối đã đào hào dưới chân hàng rào quanh cứ điểm Gabrielle (Độc Lập). Quân Pháp đã đẩy lui được bên tấn công sau khi hạ được 58 bộ đội của Giáp. Hoạt động nhỏ nhoi này làm mát lòng đôi chút bên phòng thủ, khiến họ vững tin hơn vào khả năng chống đỡ được các đợt tấn công sau này. Họ không biết điều gì đang chờ đợi mình phía trước.

Ngày 13/3/1954, hồi 17 giờ, các làn đạn pháo Việt Nam bắt đầu chụp lên đồi Him Lam - trung tâm các công sự phòng thủ ở Điện Biên Phủ. Thời đại nguyên tử đã bắt đầu nhưng Võ Nguyên Giáp đã tôn vinh trở lại các chiến thuật trong chiến tranh bao vây. Cuộc vây hãm tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ đã được tiến hành trong ba đợt:

- Đợt 1: Phá hủy đường băng sân bay phân khu bắc và chiếm lĩnh ba cứ điểm ngoại vi: Béatrice (Him Lam), Gabrielle (Độc Lập) và Anne Marie (Bản Kéo).

- Đợt 2: Thắt chặt vòng vây tiêu diệt phân khu trung tâm đầy ắp lực lượng đề kháng, xung quanh đường băng và xung quanh Mường Thanh nơi đặt chỉ huy sở của De Castries.

- Đợt 3: Tiến công lần cuối cùng, tiêu diệt nốt phần còn lại kể cả cứ điểm Isabelle (Hồng Cúm).

Trong khoảng thời gian từ ngày 10 đến 12/3 (các tác giả đưa ra các mốc thời gian khác nhau), pháo binh của Võ Nguyên Giáp bắn phá lần đầu tiên sân bay Mường Thanh, tạo nên những hố sâu trên đường băng làm những người bị bao vây bên trong tập đoàn cứ điểm rụng rời khi họ hiểu rằng như vậy là đi tong lối thoát duy nhất của mình. Nếu đường băng bị phá hủy, họ khác nào lũ chuột trong tổ bị bịt kín lỗ, như cua trong giỏ đậy kín nắp. Ngay cả thương binh cũng hết đường di tản. Như Võ Nguyên Giáp nói: "Bằng cách tập trung lực lượng để có lực lượng áp đảo mỗi khi đánh (từng) cứ điểm, chúng tôi chắc chắn đè bẹp đối phương". Khi cuộc bắn phá sân bay bắt đầu, tướng Cogny lúc đó đang ở Điện Biên Phủ. Ông vội vã lên máy bay và lệnh cho phi công cất cánh ngay lập tức, kẻo không kịp!

Quân Pháp bị bất ngờ ngay từ đầu cuộc vây hãm. Trong kế hoạch nghi binh cho đến hôm đó, Võ Nguyên Giáp mới chỉ dùng pháo 75 mm. Chỉ đến ngày 13/3, khi trận đấu mở màn bắt đầu ông mới hạ lệnh cho các khẩu pháo 105 mm vào trận. Ông đã đánh lừa địch thủ và dẫn họ đến chỗ tin vào những điều họ muốn tin. Bây giờ họ bắt đầu trả giá cho tính kiêu căng của họ bởi lẽ khả năng pháo binh của Võ Nguyên Giáp vượt xa những ước lượng của các cơ quan tình báo Pháp.

Bao vây Điện Biên Phủ tất cả có 144 khẩu pháo 75 mm và 105 mm, khoảng 36 vũ khí nặng các cỡ khác nhau (cao xạ, đại liên, súng cối) và những ngày cuối cùng có từ 12 đến 16 giàn hỏa tiễn Liên Xô được biết dưới cái tên Cachiusa. Rất nhiều khẩu pháo được đặt trong các hầm đào sâu trong sườn núi, đối diện với quân Pháp, được che chắn bằng các lớp đất dày hàng mét chỉ chừa một lỗ cho đạn ra khỏi nòng phát hỏa. Ngoài ra còn có các trận địa pháo giả khác để nghi binh, đánh lạc hướng các kính ngắm pháo binh và máy bay trinh sát của địch.

Võ Nguyên Giáp thận trọng chọn lựa cách đánh và mục tiêu của pháo

binh. Pháo thủ của ông không được huấn luyện đầy đủ, hệ thống liên lạc của pháo binh không đủ hiện đại để các quan sát viên "sài sang" các thiết bị radio hay điện thoại hướng dẫn tọa độ cho các pháo thủ như trong quân đội phương Tây. Quân đội của ông chưa được huấn luyện cho loại chiến tranh này. Nhưng họ có thể, như họ đã chứng tỏ, học cách tự mình khảo sát chu đáo các khẩu pháo của họ, để trước khi bắn phải kiểm tra đường bắn, xem có thể trúng các mục tiêu ở xa không, vận dụng hoàn hảo cái mà trong bắn pháo người ta gọi là bắn qua ống chuẩn trực hoặc theo cặp vũ khí - mục tiêu.

Không phải bắn 25.000 phát như ước tính của tình báo Pháp mà trong trận Điện Biên Phủ, các khẩu pháo của Việt Minh đã bắn tới 103.000 quả đạn 75 mm hoặc cỡ to hơn nữa. Như thế là Võ Nguyên Giáp đã hai lần làm người Pháp phải hoang mang: vừa bằng sự xuất hiện bất ngờ, vừa bằng hỏa lực của pháo binh. Họ đã không bao giờ có thể nghĩ rằng đối phương có đến 60 khẩu pháo 75 mm. Ba phần tư tổn thất của Pháp không phải là do các trận giáp lá cà với bộ binh mà là do các loạt đạn pháo của đối phương.

Võ Nguyên Giáp nhận rõ những vấn đề khó khăn của Pháp trong khi không chuẩn bị kế hoạch tấn công. Sau này ông kể lại với những lời lẽ rút ra từ sách *Binh pháp Tôn Tử* và từ cách lập luận của riêng mình: "Chúng tôi thực sự biết rõ kẻ địch và chúng tôi cũng biết rõ mình. Chúng tôi nắm chắc quy luật chiến tranh và chúng tôi đã luôn luôn kiên quyết giữ chủ động. Người Pháp… không thiếu sức mạnh vật chất, không thiếu vũ khí và cả những tướng tài cũng không thiếu. Nhưng chiến tranh của họ là phi nghĩa, họ không bao giờ nắm vững được quy luật chiến tranh". Đa số các vị thủ lĩnh quân sự có tiếng trong lịch sử, nếu không nói tất cả, đều đã tiến hành những cuộc chiến tranh phi nghĩa và chắc chắn người Pháp (và sau này là người Mỹ) đã không giữ độc quyền chiến tranh phi nghĩa mặc dù Võ Nguyên Giáp đã có thể đánh thắng họ.

Quân lính của Võ Nguyên Giáp tránh đạn pháo của địch bằng cách đào các chiến hào và không có gì lay chuyển nổi, các đường hầm đó tiến dần đến các vị trí phòng thủ, kẹp chặt các cứ điểm của Pháp. Lính Việt Minh còn đào hầm ngầm đặt mìn ở ngay bên dưới cứ điểm của Pháp. Tại cứ điểm Eliane (A.) trong một đường hầm ngầm dài 47 m công binh của Võ Nguyên Giáp đã đặt 1,5 tấn thuốc nổ TNT. Võ Nguyên Giáp nhận xét có nhiều vị trí chiếm đi chiếm lại, một số lần lượt do hai bên chiếm giữ trong các trận đánh giáp lá cà.

Võ Nguyên Giáp bắt đầu đợt xung phong đầu tiên kéo dài từ ngày 13 đến 17/3. Lúc đó Pháp chỉ có đủ đạn cho 6 ngày chiến đấu. Sáng hôm sau,

một trận đánh ác liệt đã loại những người bị vây hãm khỏi vòng chiến. Đạn pháo Việt Minh đè bẹp các vị trí địch dưới các trận pháo kích dữ dội. Bộ đội Việt Minh được pháo binh yểm trợ xông lên làm chủ Béatrice (Him Lam) vào giữa đêm. Dù kháng cự lại, nhưng không một quân nào ở cứ điểm Béatrice sống sót. Chỉ trong 15 giờ, De Castries mất một phần lớn lực lượng pháo binh tốt nhất. Tuy nhiên, đội quân của Việt Minh cũng tổn thất nhiều. Các trận tấn công Gabrielle (Độc Lập) và Anne Marie (Bản Kéo) của họ không thành công. Trong những ngày sau đó, quân Pháp đã được tăng cường bằng một tiểu đoàn mới nhảy dù xuống. Ngày 14/3 Võ Nguyên Giáp yêu cầu đình chiến đột xuất không có trong dự kiến. Hai bên thu nhặt thi thể tử sĩ trên đống đổ nát của cứ điểm Béatrice.

Việt Minh lại mở cuộc tấn công mới. Cuộc giao chiến trên cao điểm Gabrielle diễn ra suốt đêm, bất phân thắng bại. Sáng sớm hôm sau quân Pháp bỏ Gabrielle. Trong toàn khu vực không còn một vị trí phòng thủ vòng ngoài nào đứng vững. Các trận pháo kích dữ dội vùi lấp các công sự đắp cao của Pháp. Bernard Fall kể lại: như những ngày tồi tệ trong trận Verdun ở Đại chiến thế giới thứ nhất, đạn pháo của đối phương đã biến lớp đất trên mặt đất thành cát mịn và làm các boong-ke, chiến hào sụp đổ. Nhiều lính Pháp chết ngay từ loạt đạn đầu. Những kẻ sống sót chạy nháo nhào về phân khu trung tâm Điện Biên Phủ để thoát thân. Trận chiến từ bây giờ có thể xem như thất bại. Đại tá Charles Piroth, chỉ huy pháo binh trong tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, đã hứa có thể nhanh chóng làm câm họng pháo binh Việt Minh. Đêm hôm đó, người lính già của Chiến tranh thế giới thứ hai, chỉ còn một cánh tay, đi về hầm của mình, dùng tay rút chốt lựu đạn và tự sát.

Khu bắc Anne Marie được một tiểu đoàn phụ trợ, Tiểu đoàn Thái số 3 bảo vệ. Đạn pháo Việt Minh trùm lên cứ điểm mang theo truyền đơn giục họ chạy sang hàng ngũ kháng chiến. Truyền đơn nói: “Tại sao các bạn phải hy sinh thân mình cho người Pháp?” Những người này thuộc các dân tộc thiểu số thấy Béatrice rồi Gabrielle đã thất thủ, thì hiểu rằng họ sẽ chịu chung số phận. Nhiều lính trong tiểu đoàn đã đào ngũ từ đêm 15/3. Đa số còn lại bỏ về nhà hoặc chạy sang hàng ngũ Việt Minh đêm 17/3. Người Pháp và một số người Thái còn lại thấy không giữ nổi bèn bỏ đồn rút về cứ điểm Huguette. Thế là đợt một của cuộc vây hãm kết thúc.

Trong đợt này, lực lượng Việt Minh cũng tổn thất khá nặng nề. Lực lượng phòng thủ tập đoàn cứ điểm hãy còn tự tin, tính toán rằng họ có thể ngăn cản mọi cuộc tiến công tiếp tục của Võ Nguyên Giáp. Sau một thời gian dài truy đuổi những đội quân không thể nắm bắt, thì nay hình như họ gần như vui thích thấy lực lượng đối phương giàn ra trước mặt, hoàn toàn

nhìn rõ ngay từ đầu nòng súng của họ. Mối lo lắng chủ yếu của Pháp là đường băng đã bị phá hoại từ ngày 15/3. Bộ đội Việt Minh cũng tấn công đường băng phụ phía nam làm sân bay Isabelle không sử dụng được. Từ nay việc tiếp tế và đưa quân tiếp viện lên Điện Biên Phủ đều chỉ có thể tiến hành bằng nhảy dù.

Đường băng hỏng không bao giờ có thể dùng lại được nữa. Cái tồi tệ nhất có thể xảy ra bất cứ lúc nào. Cũng như những kẻ bất cần "cóc sợ gì", họ tụ tập trong các công sự phòng thủ kiểm tra ổ đạn, mân mê khẩu súng, rình các cuộc xung phong ở bên ngoài và trở thành những mục tiêu bi thảm của đối phương. Họ tức tối chờ đợi, dù biết rằng họ chỉ còn là thách thức đối với lính của Võ Nguyên Giáp. Người ta không bao giờ ngờ được điều đó có thể xảy ra.

---

[1] Đúng hơn là Mường Phăng cách Điện Biên Phủ khoảng 15 km đường chim bay (ND).

“Giữa trận tiền”

Không ai có tinh thần cao bằng những người phòng thủ Điện Biên Phủ. Tổng tham mưu trưởng của Pháp, tướng Paul Ely trong chuyến viếng thăm Washington ngày 26/3/1954 đã gặp đô đốc Arthur B. Radford là Chủ tịch Hội đồng tham mưu liên quân Mỹ. Cùng dự có Tổng thống Dwight Eisenhower và Bộ trưởng Ngoại giao John Foster Dulles. Ely tuyên bố người ta có thể thấy trước là Điện Biên Phủ sẽ thất thủ. Mặc dù ông không yêu cầu gì nếu không phải là sự đảm bảo rằng Mỹ vẫn tiếp tục viện trợ cho Pháp, ông ta cũng báo trước là thất bại Điện Biên Phủ sẽ có hậu quả nghiêm trọng đối với toàn bộ Đông Nam Á. Thông điệp của Ely khiến Eisenhower sa sầm nét mặt và tuyên bố ngày 7/4: “Các ngài đang đứng trước một dãy con bài đôminô. Các ngài đánh con thứ nhất, các ngài hãy chờ để thấy con cuối cùng đến lượt nó cũng sẽ đổ sụp và nhanh thôi… Việc mất Đông Dương sẽ gây ra sự sụp đổ của Đông Nam Á như là hiệu ứng đôminô”.

Radford liền đề nghị với Eisenhower: Mỹ nên lập kế hoạch để cứu Pháp, được biết đến dưới cái tên Cuộc hành quân Vulture (con kền kền), sử dụng máy bay ném bom hạng nặng B.29 và các máy bay vận tải xuất phát từ Philippines để đè bẹp pháo binh của Võ Nguyên Giáp. Nếu chưa đủ, Radford nói, phải tính đến dùng bom nguyên tử. Đề nghị này gây nên cuộc tranh cãi khá ồn ào. Eisenhower không dứt khoát. Ông tuyên bố không thể quan niệm một tấn thảm kịch nào lớn hơn thế sẽ đến với nước ông nếu dính líu vào một cuộc chiến tranh khác ở châu Á và đồng thời ông lại muốn giúp đỡ Pháp. Khi nghe nói đến Cuộc hành binh Vulture, Chính phủ Pháp yêu cầu Mỹ tiến hành ngay một cuộc oanh tạc ồ ạt bằng phi cơ. Tổng thống Hoa Kỳ bác bỏ yêu cầu đó nhưng vẫn mở rộng cửa cho khả năng giúp đỡ Pháp nếu các đồng minh châu Âu đồng ý hợp tác. Dulles cố gắng tranh thủ sự ủng hộ, nhưng cố gắng của ông đã thất bại khi ở một cuộc họp của Hội đồng an ninh Quốc gia vào cuối tháng 4, tướng Matthew Ridgway lên án ý kiến sử dụng vũ khí nguyên tử và nói rằng các cuộc tập kích đường không cổ điển sẽ không thành công nếu không có sự can thiệp trên mặt đất. Điều đó chắc chắn sẽ lôi kéo Hoa Kỳ vào một cuộc chiến tranh trên bộ ở châu Á. Ngày hôm sau Dulles thông báo cho đại sứ Pháp biết rằng sẽ không có sự can thiệp của Mỹ. Dù giải quyết thế nào thì tại Đông Dương trong vùng tây bắc Bắc Bộ, trong một thung lũng, xung quanh là đồi núi, cách biên giới Lào vài cây số, Điện Biên Phủ cũng sẽ phải phân thắng bại trong một trận chiến ác liệt giữa hai bên tham chiến.

Trong khi vấn đề đang được thảo luận hăng hái ở Washington và Paris, thì Võ Nguyên Giáp chuẩn bị tiến công đợt 2, sẽ kéo dài từ 30/3 đến 30/4. Với các cứ điểm còn lại, ông có ý định bao vây bằng cách nối các chiến hào thành một vòng khép kín rồi từ đường trục này đào các đường nhánh xói đến tận hàng rào phòng thủ từng vị trí. Đại đoàn 308 ra sức đào, dưới hỏa lực nguy hiểm chết người của địch, cuối cùng đã lập được đầu cầu xuất phát xung phong, chỉ cách vị trí tiền tiêu của địch không đầy một cây số. Các đơn vị khác cũng đào, cách chu vi phòng thủ của địch chỉ hơn một cây số. Ban đầu các đơn vị của Võ Nguyên Giáp chỉ đào ban đêm, nay bắt đầu đào ban ngày ngay dưới bom đạn của quân địch. Theo Võ Nguyên Giáp kể, họ đã tạo nên một hệ thống chiến hào đi từ các ngọn đồi xung quanh xuống tận cánh đồng, bao vây khu trung tâm và cắt rời với khu nam.

Gọng kìm Việt Minh khép chặt. Tướng Navarre ra lệnh gửi quân tiếp viện. Ngày 16/3 một tiểu đoàn dù nhảy xuống gặp được các đơn vị cố thủ bên trong tập đoàn cứ điểm. Nhưng chẳng thấm tháp gì. Ngày 21/3, các đội tuần tiễu đi về phía nam đã bị các làn đạn của Việt Minh chặn đứng không tiến được nữa. Isabelle (Hồng Cúm) hoàn toàn bị cô lập. Hỏa lực di động của trọng pháo Việt Minh đặt từ trên đồi nã xuống không ngừng, gây thiệt hại nặng nề cho phía Pháp. Một vài máy bay cố liều hạ cánh xuống sân bay để di tản thương binh, đều bị những loạt đạn điên cuồng chặn lại không cất cánh được. Một vài trực thăng nhờ đêm tối có thể hạ cánh, nhưng số lượng ít, nhịp độ hạ cánh rất xa với yêu cầu không ngừng tăng lên.

Các trận pháo kích liên tục của Việt Minh mà các khẩu pháo của Pháp đành bất lực, không sao chặn lại được, buộc quân phòng thủ Pháp phải đào sâu thêm các hầm để giữ an toàn nhưng cũng chỉ được chốc lát. Máy bay của không quân và hải quân Pháp thay nhau rạch bầu trời Điện Biên Phủ dội bom na-pan và ném bom các điểm nghi là vị trí pháo binh đối phương. Rõ ràng đó như những nhát kiếm chém xuống nước, không hiệu quả. Mưa gió mùa đến sớm làm lòng chảo Mường Thanh từ vùng đất bụi bặm nay thực sự là bãi đầm lầy, lại che chở các ngọn đồi xung quanh bằng một lớp ẩm chống lại sự phá hoại của bom na-pan. Hơn nữa, làn khói dày đặc được tạo nên trở thành phương tiện ngụy trang khá kín đáo bất ngờ cho các khẩu pháo Việt Minh. Chúng không bao giờ nhả đạn hai lần ở một chỗ. Tệ hại hơn là lực lượng phòng không của Việt Minh đã được tăng cường bằng pháo cao xạ 37 mm nhận từ Trung Quốc.

Bất chấp những nguy hiểm đó, người Pháp điên cuồng tiếp tục bắn pháo, dội bom na-pan xuống các ngọn đồi xung quanh để may ra trúng chỗ đặt pháo của Việt Minh hoặc nếu không ít ra cũng đốt cháy một phần cây cối

để có thể phát hiện được mục tiêu… Để hy vọng cắt các đường tiếp tế, Pháp thả bom nổ chậm xuống các con đường dẫn tới Điện Biên Phủ nhưng vô ích. Võ Nguyên Giáp tự tin nói: “Chặn làn sóng của hàng vạn dân công tiếp tế, của các đoàn ngựa thồ, súc vật kéo hay các đoàn xe chở lương thực, súng đạn ra mặt trận là một việc làm quá sức của địch”.

Không dập được pháo binh, không quân Pháp chẳng giúp được gì cho lực lượng mặt đất. Thả dù tiếp tế đạn dược ngày càng trở nên nguy hiểm và đồ tiếp tế thả xuống đáng lẽ rơi xuống khu vực Pháp phòng thủ thì lại lạc sang trận địa của Việt Minh hoặc còn đi xa hơn nữa. Người ta thấy những pháo thủ Việt Nam xông ra nhặt những kiện hàng chở toàn đạn 105 mm đáng lẽ dành cho pháo binh Pháp. Đem về vị trí của họ, họ dùng để bắn vào các mục tiêu của địch đã trong tình trạng nguy hiểm. Tuy nhiên, trong khi chu vi phòng thủ thu hẹp dần, thì vẫn có người Pháp tình nguyện nhảy dù tăng viện cho Điện Biên Phủ. Trong một trận đánh, năm tiểu đoàn đã nhảy xuống Điện Biên Phủ, một tiểu đoàn gồm toàn lính Việt, tiểu đoàn thứ hai đa số là Đức, còn ba tiểu đoàn khác là lính nghĩa vụ. Ngoài các đơn vị trên còn có 1.530 người tình nguyện đến để thay thế các nhân viên điện đài, các chuyên viên bị loại khỏi chiến đấu vì bị thương nặng. Trong số này có 680 người chưa bao giờ nhảy dù!

Ngày 23/3, tướng Navarre có cuộc tiếp xúc với tướng Võ Nguyên Giáp bằng điện đài và lần đầu tiên ông xưng hô với kẻ thù bằng “Tướng”. Ông yêu cầu Việt Minh đừng bắn vào các máy bay cứu thương đến để chở thương binh di tản khỏi Điện Biên Phủ. Yêu cầu của ông, theo Bernard Fall kể lại, rơi vào im lặng!

Chiều ngày 30/3, Võ Nguyên Giáp ra lệnh cho bộ đội từ các chiến hào đã đào đến gần phòng tuyến quân Pháp nhất loạt xung phong. Khu vực kiểm soát của địch nay chỉ còn là một hình vuông mỗi cạnh 2 km. Bộ đội Việt Minh vây hãm Dominique, mỗi bên chiếm một nửa, giành nhau từng thước đất ở chân đồi. Cường độ trận đánh đôi khi gợi lại trận Verdun trong Chiến tranh thế giới thứ nhất. Cảnh tượng chiến trường vô vọng và tiếng súng rền được Bernard Fall miêu tả trong cuốn sách của ông về Điện Biên Phủ đã gợi ý cho nhà xuất bản Mỹ đặt tên là *Địa ngục thu nhỏ* (Hell in a Very Small Place). Quân Pháp hết cả súng cối 80 mm, không còn cả lựu đạn cầm tay. Mặc dù vậy, họ vẫn giữ vững trận địa. Các trận giao chiến ác liệt diễn ra xung quanh các ngọn đồi Dominique, Eliane, Huguette. Ở một số cứ điểm, trận tuyến hai bên chỉ cách nhau 10 đến 15 m. Đến giữa tháng 4, lực lượng của Võ Nguyên Giáp đã tiến sát sân bay và cắt đôi đường băng từ tây sang đông. Võ Nguyên Giáp ra lệnh giảm sức ép để Pháp đưa thêm viện binh và

tiếp tế đạn dược cùng các vật dụng khác. Navarre hy vọng nhờ gió mùa, hậu cần của Võ Nguyên Giáp sẽ ngừng lại. Ông đã lầm to. Tổ tiếp tế của Việt Minh vẫn chở đều đặn lên mặt trận Điện Biên Phủ. Cuối cùng Navarre đã nhận ra những tính toán sai lầm của mình với đối phương.

Võ Nguyên Giáp đã không chuẩn bị cho tình huống mà số tù binh quá nhiều. Chính Việt Minh cũng không đủ sức chăm sóc thương binh của họ, còn sức đâu quan tâm đến người lính Pháp què cụt bị bắt làm tù binh. Theo lệnh của Võ Nguyên Giáp, người ta trao trả thương binh bị bắt cho Pháp, và biết rằng những tiếng kêu đau đớn của thương binh nặng sẽ vang đến tận bên trong các vị trí địch, làm tăng thêm sức ép tinh thần đối với người bị vây hãm. Những người còn đi được sẽ được đưa về các trại giam lẻ do sĩ quan tham mưu của Võ Nguyên Giáp lựa chọn.

Trong một thời gian, quân Pháp phòng thủ Isabelle (Hồng Cúm) nghĩ rằng có thể mở một đường rút khỏi cảnh nguy nan đó sang Thượng Lào. Họ đặt tên cho cuộc rút lui đó là cuộc Hành binh Albatross (chim hải âu). Con số các đơn vị Việt Minh có mặt trong vùng khiến kế hoạch đó chỉ là một cuộc tự sát dưới dạng khác. Vì vậy, họ bỏ kế hoạch đó, chọn cách ở lại cố bảo vệ cứ điểm. Tuy nhiên, cũng chỉ có khoảng 70 người còn sống sót.

Một câu chuyện được đăng trên báo *Armee Rundschau* (Quân đội nhân dân) của nước Cộng hòa Dân chủ Đức (cũ) kể lại: khi chiến sự tạm lắng, giữa hai đợt có thể là hai đợt cuối, không nói rõ thời gian, trong một cái lán giữa rừng, Võ Nguyên Giáp nằm nghỉ trên giường lấy lá làm đệm, gần chiếc bàn phủ đầy bản đồ tham mưu, các nghệ sĩ đã đến trình diễn một chương trình ca nhạc cho vị chỉ huy mặt trận, các sĩ quan tham mưu và một số người lính nghe. Võ Nguyên Giáp tiết lộ, trong những năm chiến tranh ông không có thì giờ dành cho âm nhạc mà ông rất ưa thích. Ông đặc biệt yêu thích Beethoven và Liszt.

Việc các nghệ sĩ đến doanh trại Việt Minh là điều đáng lưu ý vì nó chứng tỏ những người lính Việt Minh vẫn là những con người, không có gì là khác biệt, khác với bức tranh miêu tả về họ mà người ta thường gặp ở lúc này hay lúc khác. Trong các bài viết của mình, Võ Nguyên Giáp thường nhấn mạnh ông và Đảng luôn quan tâm đến tinh thần từng người lính: “Mỗi ngày hàng nghìn, hàng vạn lá thư, bức điện từ khắp nơi trong nước gửi về Điện Biên Phủ. Chưa bao giờ nhân dân cả nước Việt Nam lại tỏ ra lo lắng đến con em mình đang chiến đấu, chưa bao giờ quan hệ giữa hậu phương và tiền tuyến gắn bó mật thiết đến như vậy!”

Đúng là Võ Nguyên Giáp luôn lo lắng đến quân sĩ và những hy sinh họ đang phải chịu đựng. Cả hai bên, bên nào cũng tổn thất rất lớn nhưng chính Việt Minh phải đóng góp nặng nề hơn, vượt xa những tổn thất của Pháp. Cuối đợt 2 của cuộc vây hãm, người ta nói có vẻ như đúng sự thật rằng phía Việt Minh có hai vạn người chết, bị thương hoặc bị bắt. Con số này tương đương với hai đại đoàn bộ binh nhẹ của Võ Nguyên Giáp. Ông thừa nhận những điều kiện khắc nghiệt mà các chiến sĩ của ông phải chịu đựng. Cũng vẫn là những vất vả gian lao chẳng khác nào lính Pháp phải chịu: mệt mỏi, cáu ghét, chấy rận, một cuộc sống tụt xuống hàng súc vật trong suốt thời gian đào trận địa tiến về phía địch, một công việc không biết đến ngơi nghỉ, một chế độ ăn uống cực khổ gian nan nhất, một nỗi lo sợ thường xuyên không có nơi trú ẩn, quần áo ẩm ướt, lại còn chịu đựng mưa rào và gió mùa, rồi những cơn sốt rét, tăng nhịp tim và huyết áp ập đến giữa lúc phải xông lên đánh giáp lá cà với địch, để lại các đồng đội sống sót khóc thương bạn bè đã khuất.

Bên trong chu vi phòng thủ của Pháp, người ta nghe thấy qua điện đài những báo cáo của chỉ huy đơn vị gửi lên cấp trên và những hành vi bất tuân thượng lệnh. Người ta cũng được biết qua lời khai của tù binh là họ phải tiến dưới sự dọa nạt của sĩ quan và hạ sĩ quan sẽ bắn vào sau lưng nếu do dự hay tỏ ra yếu đuối.

Đã có lần Võ Nguyên Giáp nói lên tinh thần của bộ đội: "… Nhiều chiến sĩ bị mệt mỏi kiệt sức… thần kinh căng thẳng…, không tránh được tiêu hao..., xuất hiện tư tưởng *hữu khuynh* tiêu cực mà biểu hiện là sợ tổn thất, sợ mệt mỏi, sợ khó khăn thiếu thốn […]". Một sự thú nhận đáng ngạc nhiên và chỉ có thể là dấu hiệu cho thấy tình trạng của quân sĩ khá nghiêm trọng. Ông viết: "Chúng tôi đã gặp đây đó trong hàng ngũ cán bộ và chiến sĩ những biểu hiện đánh giá thấp địch […] nhất là cuối đợt 2 chiến dịch". Ông nói thêm: "Khi tiến công và phòng ngự cũng ác liệt như nhau", "xuất hiện những tư tưởng hữu khuynh". Khi nhận ra những vấn đề ở binh sĩ, ông đã gửi báo cáo về Bộ Chính trị Đảng Cộng sản. Các ủy viên Bộ Chính trị nghiên cứu vấn đề và khuyên Võ Nguyên Giáp nên nhanh chóng tìm ra giải pháp.

Võ Nguyên Giáp kể lại rằng "ngay giữa trận tiền" ông yêu cầu "đấu tranh quyết liệt và rộng rãi chống thụ động hữu khuynh". Cán bộ chỉ huy và chính trị viên tổ chức các cuộc họp toàn đơn vị trong lúc chiến sự đang diễn ra ác liệt. Các chính trị viên điều khiển các cuộc họp thảo luận về lòng dũng cảm và tư tưởng đúng đắn, gắn bó với sự nghiệp, tận tụy với công việc được giao. Từng người đứng lên tự phê bình. Họ nêu ra những thí dụ cần theo hay

cần lên án. Võ Nguyên Giáp thừa nhận: "Tất cả những việc đó là cần thiết để nâng cao tinh thần phấn khởi cách mạng và tinh thần triệt để chấp hành kỷ luật". Phương pháp đó đem lại hiệu quả, đã lấy lại được tinh thần tận tụy và nhiệm vụ của bộ đội, nên Võ Nguyên Giáp càng tin vào thắng lợi của chiến dịch. Được các bài phát biểu hùng biện của các chính trị viên và lòng can đảm của đồng đội hun đúc, ngay cả những phần tử ngoan cố và do dự cũng lấy lại được tinh thần. Cuộc đấu tranh ý thức hệ đã thành công. Võ Nguyên Giáp phấn khởi ghi lại: "Đây là một trong những thành công của công tác chính trị trong lịch sử quân đội ta" và là yếu tố duy nhất "đem lại thắng lợi hoàn toàn cho chiến dịch Điện Biên Phủ".

Người ta vô cùng khâm phục tinh thần trung thực của Võ Nguyên Giáp và ý thức thừa nhận khiếm khuyết của ông đã được viết rõ trong các tác phẩm của ông sau này. Điều gì sẽ xảy ra ở Điện Biên Phủ nếu Võ Nguyên Giáp nghiêng về quân sự hơn là chính trị? Được động viên thêm sức mạnh về những buổi học chính trị và được tăng cường bằng những đơn vị mới đưa lên mặt trận, bộ đội của Võ Nguyên Giáp nay sẵn sàng trở lại cuộc chiến.

Đợt 3 chiến dịch kéo dài từ 1/5 đến 7/5. Đến thời điểm này, quân Pháp chỉ còn giữ một ô vuông mỗi cạnh 1 km và thêm Isabelle ở phía nam. Họ hoàn toàn "phơi lưng" trước làn đạn Việt Minh. Tuy nhiên họ tiếp tục giao chiến, tin vào chuyến nhảy dù lúc 5 giờ 20 phút sáng ngày 6/5, còn 94 lính dù tình nguyện làm ứng cứu Điện Biên Phủ chỉ mấy tiếng đồng hồ trước khi kết thúc trận đánh. Trong những ngày này, Võ Nguyên Giáp không ra lệnh cho pháo binh bắn ngăn chặn vì quân của ông chỉ cách địch có 200 m. Lính Việt Minh chỉ còn xông lên, mở đột phá khẩu cắt hàng rào và đánh giáp lá cà bằng lựu đạn và lưỡi lê. Cuộc giao chiến tiếp diễn sang ngày 2/5. Mỗi ngày bộ binh Việt Minh xông lên tấn công những cứ điểm còn lại trong lúc súng cối nã vào các công sự phòng thủ của địch. Pháp mất dần các vị trí và các đồn tiền tiêu, đôi khi tự động rút bỏ vì không còn đạn.

Khoảng chiều ngày 7/5, Đại đoàn 308 mở cuộc tiến công ồ ạt và thọc sâu vào các vị trí ở trung tâm đề kháng cuối cùng. Giờ cuối cùng đã điểm. Trong hầm ngầm, De Castries kêu cứu qua điện đài: "Cuộc kháng cự sắp bị Việt Minh đè bẹp đến nơi, bọn Việt Minh chỉ cách chỗ tôi đang nói có vài mét. Tôi đã ra lệnh phá hủy hết mọi thứ còn lại. Chúng tôi sẽ không đầu hàng. Chúng tôi sẽ chiến đấu đến cùng! Nước Pháp muôn năm!" Mấy phút sau những người lính Việt Minh đã tràn vào hầm chỉ huy bắt tướng De Castries. Hồi 17 giờ 30 phút, người Pháp kéo cờ trắng. Isabelle giữ được đến sáng hôm sau, ngày 8/5/1954, rồi cũng phải đầu hàng. Trận chiến đã kéo dài 55 ngày đêm. De Castries và ban tham mưu của ông bị bắt.

Võ Nguyên Giáp thống kê thắng lợi tại Điện Biên Phủ: “Trên tất cả các mặt trận cộng lại, chúng ta đã loại khỏi vòng chiến đấu 112.000 quân địch, hạ và phá hủy 177 máy bay. Riêng tại mặt trận Điện Biên Phủ, chúng ta đã loại khỏi vòng chiến đấu 16.200 tên địch, trong đó có 1 thiếu tướng, 16 đại tá, 1.749 sĩ quan và hạ sĩ quan khác…, 62 máy bay và chúng tôi đã thu nhiều vũ khí đạn dược, thiết bị”. Mãi sau này, ông vẫn vui vẻ nhắc lại câu nói rất hay được Hồ Chí Minh nói lúc kết thúc trận đánh: “Ở Điện Biên Phủ, Võ Nguyên Giáp không mất một xe tăng, một máy bay nào!”

Rất nhanh, chính phủ Bắc Kinh nhận về mình công trạng đã làm nên chiến thắng của Việt Nam. Bắc Kinh tự hào tuyên bố: chính là các cố vấn quân sự Trung Quốc ở cấp cao nhất được chính phủ Trung Quốc gửi sang bên cạnh Võ Nguyên Giáp, nhất là tướng La Quý Ba đã dìu dắt Võ Nguyên Giáp đến thắng lợi. Các cố vấn đó đã lên kế hoạch hết, Võ Nguyên Giáp chỉ lặp lại ý kiến của các cố vấn và tổ chức thực hiện. Võ Nguyên Giáp và Chính phủ Việt Nam cho chuyện “nhận công” như thế là khôi hài. Võ Nguyên Giáp tuyên bố: “Yếu tố quan trọng nhất và có ý nghĩa quyết định nhất là quyết tâm không lay chuyển và tinh thần chiến đấu rất cao của nhân dân và quân đội nhân dân Việt Nam”.

Trận Điện Biên Phủ đã làm quân đội hao tổn sức lực và làm cạn gần hết nguồn lực của Võ Nguyên Giáp. Thắng lợi không đến với bên nào mạnh hơn mà với bên nào che giấu được kỹ hơn khó khăn với phía bên kia. Trong các tuyên bố công khai, Võ Nguyên Giáp khẳng định rằng thế nào ông cũng thắng. Nước Pháp kêu la khắp nơi. Chỉ có 4% lực lượng Pháp đã bị tiêu diệt ở Điện Biên Phủ. Nhưng xét về mặt tâm lý, thế là hết. Tám năm chiến tranh đã làm nước Pháp tốn hàng tỷ đô la và theo Bernard Fall, làm 172.000 người chết, bị thương hoặc mất tích. Việt Nam cũng tổn thất nặng nề.

Sáng ngày 8/5, đúng lúc người Pháp chuẩn bị kỷ niệm lần thứ chín kết thúc Chiến tranh thế giới lần thứ hai, tin về thảm họa Điện Biên Phủ được đăng tải trên tất cả các báo ở Paris. Cả nước Pháp bàng hoàng. Tại Paris dân chúng tập trung thành đám đông tấn công đoàn xe chính phủ đi dự lễ kỷ niệm và ném đá vào ôtô. Khắp nơi trong nước hàng nghìn cuộc mít tinh đòi hòa bình. Chính phủ Laniel-Bidault trước đây không lâu lên tiếng đòi tiếp tục chống Việt Minh đến cùng và từng nói đến “quốc tế hóa chiến tranh Đông Dương” nay không một ai ủng hộ. Tại Quốc hội, các nghị sĩ la hét dữ dội từ chối bỏ phiếu tín nhiệm đến nỗi mấy ngày sau Laniel phải từ chức. Sẽ có một chính phủ mới đại diện cho nước Pháp tại Hội nghị Geneva. Chiến thắng Điện Biên Phủ đúng là điều Hồ Chí Minh cần có tại Geneva. Từ nay Chính phủ Việt Nam đã kiểm soát hoàn toàn Bắc Việt Nam và thực tế là

chiếm phần lớn lãnh thổ còn lại. Tình hình chắc chắn là sẽ được các nước lớn lúc này tụ tập ở Thụy Sĩ thừa nhận. Với sự giúp sức của họ, Hồ Chí Minh sẽ có thời gian phục hồi miền Bắc sau chiến tranh. Võ Nguyên Giáp sẽ có cơ hội xây dựng lại quân đội.

Thủ tướng mới của Chính phủ Pháp là Pierre Mendès-France - người của Đảng Xã hội cấp tiến. Ông ta tin rằng Chính phủ Laniel đã chậm chân ở Đông Dương và ông tìm cách tranh thủ thời gian tại Hội nghị Geneva với hy vọng thuyết phục người Mỹ đóng vai trò tích cực hơn chống Việt Minh. Mendès-France cho rằng tiếp tục cuộc chiến chỉ đem lại sự tủi nhục thêm cho đất nước, ông cam kết một cách đáng ngạc nhiên rằng nếu ông không có khả năng lập lại hòa bình ở Đông Dương trong 30 ngày thì ông sẽ từ chức. Ông đã giữ lời hứa mặc dù điều đó đòi hỏi thêm mấy ngày nữa. Mendès-France thấy các cuộc thương lượng với các cường quốc khác tại Geneva khó khăn hơn là ông đã tính.

Lúc bấy giờ tại Geneva có Georges Bidault, nay là người phát ngôn cho chính phủ mới của Mendès-France ở Pháp, Chu Ân Lai thay mặt cho Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Vyacheslav Molotov đại diện cho Liên Xô, Anthony Eden đại diện cho Chính phủ Anh và Walter Bedell Smith thay mặt cho John Foster Dulles - Bộ trưởng Ngoại giao Hoa Kỳ, Phạm Văn Đồng, Hoàng Minh Giám và Tạ Quang Bửu đã đến Geneva nhân danh Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Nguyễn Quốc Định, bác sĩ Trần Văn Đỗ thay mặt Quốc gia Việt Nam của Bảo Đại. Lào và Campuchia cũng tham dự, do Bộ trưởng Ngoại giao Tep Phon và Bộ trưởng Quốc phòng Nhick Tianlong đại diện.

Ngay từ đầu, Dulles đã rất ngờ vực đối với Hội nghị Geneva. Ông biết một cuộc dàn xếp là không tránh khỏi và ông không khỏi rùng mình trước viễn cảnh một khoảng trống về quân sự ở Đông Nam Á sau khi người Pháp đi khỏi Đông Dương. Nhận thấy tình hình đó rất nguy hiểm, ông muốn Hoa Kỳ phải đặt chân vững chắc trong vùng và dùng Việt Nam như một mắt xích chủ yếu của vành đai an toàn - vòng bao vây địch mà ông hy vọng thiết lập xung quanh Trung Cộng vốn đã kiểm soát toàn bộ lục địa Trung Hoa rộng lớn. Trong lúc Hội nghị tạm lắng, các đại biểu Mỹ muốn các quân bài đôminô đổ theo dây chuyền kêu toáng lên. Ngày 26/7, Bộ trưởng Ngoại giao Hoa Kỳ đã thông báo cho các đại biểu hai đảng tại Quốc hội rằng Hoa Kỳ phải cáng đáng trách nhiệm nhiều hơn ở châu Á. Để chắc chắn nền tự do cũng sẽ được duy trì ở đây, ông ta muốn thành lập một liên minh khu vực dựa trên mô hình Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO) ở châu Âu. Tuy nhiên, lập trường của Mỹ tại Geneva không được mấy ai ủng hộ khi

Mendès-France được chỉ định là người đứng đầu Chính phủ Pháp và Dulles bắt đầu tính chuyện lâu dài hơn sau khi các nhà thương lượng trở về nước.

Dulles không phải là người duy nhất nghi ngại. Nhân danh Chủ tịch Hồ Chí Minh, Phạm Văn Đồng tuyên bố, Việt Minh thực tế đã kiểm soát hiệu quả phần lớn lãnh thổ ở miền Bắc và miền Nam thì họ phải được nắm quyền toàn bộ đất nước. Các nhà thương lượng của Bảo Đại thì muốn bằng mọi giá tình hình Việt Nam vẫn giữ nguyên, không bị cộng sản miền Bắc xâm phạm. Được Mỹ khuyến khích, Chính phủ Bảo Đại cuối cùng từ chối không chịu ràng buộc vào bản Thỏa thuận cuối cùng và giữ vững lập trường của mình.

Anh đang dính líu vào một cuộc chiến tranh du kích với những người nổi dậy Trung Hoa ở bán đảo Mã Lai, lúc đầu ủng hộ lập trường của Mỹ, có quan điểm chung với Mỹ trong lợi ích của phương Tây là "ngăn chặn chủ nghĩa cộng sản châu Á". Rồi Anthony Eden trở mặt tuyên bố: Việt Nam không phải là Mã Lai và các thuộc địa Pháp không phải là thuộc địa Anh. Nếu Mendès-France muốn dàn xếp, Eden sẽ vui lòng ủng hộ.

Chính lúc đó, đại biểu của Xô Viết lên tiếng. Hướng về các nhà ngoại giao đang ngồi quanh bàn Hội nghị, Molotov thông báo: Giải pháp đơn giản nhất theo con mắt của chính phủ ông là trao trả độc lập cho các nước Đông Dương và giữ cho họ trung lập, đứng ngoài các cuộc tranh chấp trong Chiến tranh lạnh giữa Đông và Tây. Eden đánh giá rằng đó là một lập trường hợp lý và đặt trọng lượng của nước ông đằng sau sáng kiến của Liên Xô. Trung Quốc cũng vậy, chấp nhận gợi ý của Liên Xô.

Tuy nhiên, điều không thể chấp nhận đối với Phạm Văn Đồng là Việt Nam sẽ tạm thời chia làm hai chính phủ, Chính phủ Hồ Chí Minh ở miền Bắc và Bảo Đại ở miền Nam. Các cuộc tuyển cử trong cả nước sẽ được tổ chức sau này để chấm dứt sự chia cắt và quyết định Hồ Chí Minh hay Bảo Đại là người đứng đầu toàn bộ đất nước. Không thể thuyết phục được hai nước Liên Xô và Trung Quốc là những nước duy nhất thừa nhận chính phủ của ông từ bỏ lập trường ấy, Phạm Văn Đồng suýt nữa đã bỏ Hội nghị ra về. Về sau, phải có những nỗ lực phối hợp giữa Molotov, Chu Ân Lai và Eden để thuyết phục Phạm Văn Đồng chấp nhận điều khoản này.

Thế là bắt đầu những cuộc mặc cả gay go. Đường phân tuyến chia cắt Việt Nam sẽ đặt ở đâu? Phạm Văn Đồng muốn càng xa vào miền Nam càng tốt, trong khi Bidault tiếp tục mơ ước một vùng ảnh hưởng rộng lớn với sự có mặt của Pháp ở Việt Nam, thì lại muốn ngược lại, đường phân tuyến càng lùi xa về miền Bắc càng tốt. Ngay cả sau này khi hoàn cảnh thuận lợi, xứ

Bắc Kỳ sẽ một ngày kia trở thành thành viên của khối Liên hiệp Pháp. Vì vậy, Bidault hy vọng sẽ đẩy lùi thời hạn tổng tuyển cử trong một tương lai càng xa càng tốt, trong lúc Phạm Văn Đồng trái lại muốn các cuộc tuyển cử phải đưa vào chương trình và tiến hành càng sớm càng tốt. Đoàn đại biểu Việt Minh ở Geneva không gặt hái được thành công như Võ Nguyên Giáp ở Điện Biên Phủ.

Trong lúc tại Geneva các cuộc mặc cả tiếp tục, Dulles bắt đầu thực hiện các kế hoạch để đưa Mỹ can thiệp vào các vấn đề Đông Dương. Bản thân ông ta và người em trai là Allen - Giám đốc CIA - gặp đại tá Edward G. Lansdale, một sĩ quan không quân biệt phái sang CIA vừa ở Philippines trở về sau một thắng lợi đầy ấn tượng là đưa được Ramon Magsaysay lên làm Tổng thống và Washington đập tan cuộc khởi nghĩa Hukbalahap có thiên hướng cộng sản ở xứ này.

Phấn khởi và xúc động trước chiến công đó, hai anh em Dulles phái Lansdale đến Việt Nam với nhiệm vụ làm mọi cách có thể để củng cố chính phủ không cộng sản và làm suy yếu chế độ miền Bắc, thậm chí tiến hành cả các hoạt động biệt kích bán quân sự để phá hoại cơ sở vật chất ở miền Bắc và dùng chiến tranh tâm lý để phá hoại mọi sự ủng hộ của nhân dân miền Bắc với Hồ Chí Minh. Lansdale đến Sài Gòn ngày 1/6/1954 và bắt tay ngay vào việc tập hợp một ê kíp cộng tác viên được ông đặt tên là Phái đoàn Quân sự tại Sài Gòn.

Vài ngày sau, tại lâu đài của mình ở Cannes (Pháp), Bảo Đại chọn Ngô Đình Diệm làm Thủ tướng Quốc gia Việt Nam. Ngô Đình Diệm trở về Sài Gòn ngày 26/6. Vào Dinh Norodom, ông không thấy một người nào ủng hộ ông, không có một viên chức nào trong phòng làm việc. Ngày hôm sau ông tiếp một khách đến thăm bất ngờ, đó là Lansdale. Ông này khuyến khích ông bắt tay vào việc và chờ đón khoản viện trợ quan trọng của Hoa Kỳ. Ngày 7/7, Diệm chính thức đảm nhiệm mọi nghĩa vụ của chức vụ Thủ tướng của mình.

Các hiệp định hay là Bản Tuyên bố Cuối cùng của Hội nghị Geneva về Đông Dương theo tên được các bên đặt, được ký ngày 21/7/1954. Tất nhiên đó là một thỏa hiệp không làm ai thỏa mãn. Ở Việt Nam, một cuộc ngừng bắn có hiệu lực ngay lập tức. Hiệp định ngừng bắn được kí kết giữa tướng Tạ Quang Bửu thay mặt cho Việt Minh và tướng Henri Delteil thay mặt cho phía Pháp. Hai nước Lào và Campuchia trở thành hai vương quốc độc lập và trung lập. Nước Pháp cũng như chính phủ Hồ Chí Minh phải rút quân khỏi các nước này.

Chỉ một nét bút, nước Việt Nam bỗng dưng bị chia đôi một cách giả tạo theo dọc vĩ tuyến 17 bất chấp sự thận trọng của các bên tham gia Hội nghị, quy định rằng ranh giới đó trong bất kỳ trường hợp nào không được hiểu như là biên giới chính trị hay lãnh thổ. Việc chia cắt chỉ là tạm thời. Hai vùng sẽ thống nhất trước tháng 7/1956 bằng tuyển cử tự do và dân chủ. Nước Pháp rút quân khỏi miền Bắc và Việt Minh rời khỏi miền Nam trong thời hạn 300 ngày. Trong thời hạn đó, thường dân có thể tận dụng cơ hội để nói lên nguyện vọng muốn sống ở miền Bắc hay miền Nam, trong khi đó họ có quyền tự do chuyển vùng. Cấm quân đội nước ngoài đi vào lãnh thổ Việt Nam. Một Ủy ban Kiểm soát và Giám sát quốc tế gồm đại biểu Ba Lan, Ấn Độ và Canada sẽ giám sát thực hiện các hiệp định này.

Hoa Kỳ từ chối ký tên, yêu cầu khẩn thiết đại biểu chính quyền Bảo Đại cũng rút bỏ chữ ký của họ[1]. Do đó trong phiên họp bế mạc hội nghị, đại biểu của Bảo Đại tố cáo hiệp định. Thay mặt Hoa Kỳ, Walter Bedell Smith trong một bản tuyên bố đơn phương khẳng định rằng nước ông không dùng vũ lực hoặc đe dọa để gây trở ngại cho hiệp định, nhưng sẽ lo lắng trước mọi cuộc xâm lược mà Hoa Kỳ coi như sự vi phạm các hiệp nghị chống lại hòa bình và an ninh quốc tế, Hoa Kỳ sẽ làm hết sức mình để cuộc tuyển cử tự do sắp tới được Liên Hợp Quốc giám sát.

Chiến thắng Điện Biên Phủ khiến tên tuổi của Võ Nguyên Giáp được biết đến trên trường quốc tế. Bernard Fall viết: “Bằng một chiến lược xuất sắc, ông thầy giáo dạy sử nhỏ bé với tri thức khoa học quân sự khổng lồ, phần lớn do tự học, đã làm thất bại hoàn toàn các ý đồ của các tướng lĩnh và đại tá Pháp tốt nghiệp ở các trường đại học quân sự danh tiếng”. Davidson đã cho những lời phê phán đối với Võ Nguyên Giáp là “phiến diện” và đánh giá Võ Nguyên Giáp là “con người hiểu biết chắc chắn các cơ sở của chiến lược, một sĩ quan có nhiều trí tưởng tượng, một người đáng được khen ngợi, người ta có thể tết cho ông vành nguyệt quế.” Từ nghiệp dư trở thành chuyên nghiệp, Võ Nguyên Giáp đáng nhận được lời khen ngợi cao nhất như một “nhà hậu cần”, bởi vì theo Davidson, đó là khả năng tiếp tế cho quân lính ở Điện Biên Phủ những điều kiện có lẽ là tồi tệ nhất. Đó là “một chiến công hạng nhất”. Davidson cũng cho rằng, Võ Nguyên Giáp còn giành được một chiến công lớn hơn nữa. “Đó là về mặt tổ chức, quản lý và khả năng động viên binh sĩ mà ông giỏi hơn cả. Trong lĩnh vực đó, ông là một thiên tài”.

Nhiều người khác cũng nghĩ như vậy. O’Neill viết: “Giáp không chỉ chứng tỏ ông có một chiến lược đã được thử thách bằng cách chấp nhận giao chiến ở Điện Biên Phủ mà ông còn có một chiến thuật đỉnh cao được biểu hiện trong suốt diễn biến của trận đánh. Đặc biệt xuất sắc là cách sử dụng

pháo binh để cắt đường tiếp tế đường không của Pháp và một loạt cuộc tiến công theo từng đợt liên tiếp, chống lại hệ thống phòng ngự của địch trước hết là bên này sau đó là bên khác". O'Neill ghi nhận công trạng của nhà lãnh đạo quân sự Việt Nam đã biết thực hiện các nguyên tắc mềm dẻo và bất ngờ. O'Neill tóm tắt: "Ông là một nhà thực hành có tài chiến lược chiến thuật."

Võ Nguyên Giáp có lý do để không đưa đội quân của ông về Hà Nội diễu hành ngay sau chiến thắng Điện Biên Phủ. Chưa đến lúc giảm sức ép đối với quân đội Pháp, nếu không, những người chỉ huy quân đội Pháp sẽ cho rằng Việt Minh cũng gần như kiệt sức. Các đại đoàn của Võ Nguyên Giáp đã chịu đựng những tổn thất khổng lồ. Tinh thần quân sĩ sa sút ngay giữa lúc đang diễn ra trận Điện Biên Phủ. Võ Nguyên Giáp cần có thời gian để cho quân đội học tập chính trị nhiều hơn nữa, chỉ có thể làm tốt hơn nếu duy trì bộ đội trong kỷ luật thời chiến. Chính vì vậy, ông không cho bộ đội được tự do trước khi Hiệp đình đình chiến có hiệu lực theo quy định của Hội nghị Geneva là ngày 1/8/1954. Suốt mùa hè năm đó, Võ Nguyên Giáp tiếp tục tăng cường gây sức ép với quân đội Pháp. Trên cao nguyên miền Trung, bằng một loạt trận phục kích, quân đội của ông đã gây nhiều tổn thất nặng nề cho binh đoàn 100 (mất 3.000 người). Điều này cho phép Việt Minh chiếm thêm nhiều thành phố và phái nhiều cán bộ gây cơ sở. Tuy nhiên, số cán bộ này cũng rút về phía bến sông Bến Hải vào tháng 8.

Chỉ đến ngày 10/10/1954, Võ Nguyên Giáp và Đại đoàn chủ lực 308, đội tiên phong của đội quân giải phóng năm xưa mới kiêu hãnh tiến vào Hà Nội. Những nhóm cán bộ vào tiếp quản thành phố phải đợi đến ngày 3/10 mới vào, không thể sớm hơn vì sợ những cuộc trả thù của Pháp. Khi những người lính Pháp cuối cùng rút khỏi Hà Nội ngày 9/10, không bao lâu các nhà lãnh đạo cao cấp của Việt Minh vào thành phố, riêng Hồ Chí Minh đợi đến ngày 17/10. Đa số chiến sĩ của Đại đoàn 308 không được gặp lại gia đình từ 8 năm nay, từ đêm 19/12/1946 -ngày mà họ thì thầm sẽ mau chóng trở lại và biến đi trong đêm tối trong lúc quân Pháp đuổi sau lưng. Bây giờ họ xiết bao vui mừng trong niềm vui được gặp lại người thân. Hai ngày sau khi trở về, Võ Nguyên Giáp đến nhà máy điện để thảo luận các vấn đề hợp tác kỹ thuật với các kỹ sư Pháp còn ở lại để tiếp tục bảo đảm sự vận hành của thiết bị. Còn nhiều việc phải làm trong những ngày chuyển giao từ chế độ Pháp sang chế độ Việt Nam.

---

[1] Chỉ có các Hiệp định đình chỉ chiến sự mới có đại biểu Bộ chỉ huy quân đội hai bên cùng ký tên, do không nhất trí về nội dung nên các đoàn đại biểu của các nước tham gia Hội nghị không ký tên vào Bản tuyên bố cuối cùng của Hội nghị Geneva về Đông Dương. Các bản tuyên bố đơn phương của từng đoàn đại biểu trong phiên bế mạc Hội nghị cũng được coi như văn kiện chính thức của Hội nghị

(ND).

PHẦN BỐN

Sài Gòn
1955 - 1991

“Sai lầm và khuyết điểm chỉ là tạm thời”

Khi Việt Nam đã thành một quốc gia độc lập, Võ Nguyên Giáp là Phó thủ tướng nhưng vẫn đảm nhiệm chức vụ Bộ trưởng Quốc phòng - Tổng tư lệnh quân đội cũng như Ủy viên Bộ Chính trị. Đến năm 1963, Ông còn là Chủ nhiệm Ủy ban quốc gia về nghiên cứu khoa học. Ông đứng đầu một đội quân 350.000 người, được tăng cường bằng 200.000 quân du kích. Hết thảy cố vấn Trung Quốc đã về nước. Trên nhiều phương diện, chức trách của ông có thể so sánh với Bộ trưởng Quốc phòng Hoa Kỳ kết hợp với Tổng tham mưu trưởng liên quân, thêm vào đó là thế lực và uy quyền của một Tổng Tư lệnh quân đội. Ông có nhiều uy tín và quyền lực. Nhưng tuy đã hoạt động nhiều năm trong quân ngũ, ông vẫn là một nhà chính trị trung thành với học thuyết cộng sản. Toàn bộ cuộc đời ông là dành cho những hoạt động trong Bộ Chính trị ngang với những chiến thắng giành được trên chiến trường.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng có vai trò quan trọng nhưng chỉ họp mỗi năm hai lần để xác định đường lối chính trị. Còn chỉ đạo công việc hàng ngày lại là thẩm quyền của Bộ Chính trị và quyền lực thật sự của Võ Nguyên Giáp là ở cương vị Ủy viên Bộ Chính trị. Cơ quan này ra những quyết định qua các cuộc họp đều đặn để phân tích những đòi hỏi về mặt chính trị, làm trọng tài giữa các nhiệm vụ ưu tiên và chi vào đấy những nguồn tài nguyên nghèo nàn và phương tiện tài chính eo hẹp. Võ Nguyên Giáp giờ đây đã là người của bộ thống soái tối cao, đã từng đứng đầu Bộ Nội vụ. Những ai đã theo ông suốt cuộc đời và sự nghiệp đều biết rõ.

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, thế giới các thuộc địa đều ngưỡng mộ người Bắc Việt Nam. Người châu Á và châu Phi lâu nay sống dưới chế độ thuộc địa phương Tây vui sướng trước thất bại của Pháp vì họ thấy ở đó những hy vọng lâu nay của mình. Các cường quốc phương Tây có thể bị thua, các dân tộc chìm đắm trong nghèo nàn, thiếu công nghệ hiện đại nhưng lại có thể bẻ gãy gông xiềng lâu nay vẫn trói chặt họ. Một số ít các dân tộc châu Á, châu Phi tỏ lòng khâm phục điều mà Mao đã thực hiện. Nhưng nói cho cùng thì Mao cũng chỉ là đánh lại người Trung Quốc và đất nước Trung Hoa vốn quá rộng nên khó mà thu được hết nhân tâm của người dân Trung Hoa. Còn Bắc Việt Nam lại là chuyện khác. Võ Nguyên Giáp đã đánh bại quốc gia châu Âu từ xưa vẫn được coi là hùng mạnh và ông đã làm được việc đó nhờ vào sự trung thành với lý tưởng chính nghĩa của mình, và dựa vào lòng dũng cảm của quân lính. Ông đã tiến hành một cuộc chiến mà trong đó sức mạnh giữa quân đội của ông và quân địch chênh nhau đáng kể. Tuy

nhiên, Điện Biên Phủ còn nhiều hơn thế. Người Việt Nam có đầy đủ những phẩm chất bắt nguồn từ bản chất tinh thần và trí tuệ mà nhiều dân tộc khác cũng có. Trên cơ sở đó, họ tin tưởng, ngưỡng mộ Võ Nguyên Giáp, Hồ Chí Minh và đất nước Việt Nam. Họ tìm thấy ở đó nguồn sức mạnh của chính mình.

Võ Nguyên Giáp hoan nghênh việc kết thúc chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất, ở đó ông đặt nhiều hy vọng. Dân chúng nay nhìn ông như một anh hùng dân tộc. Đảng của ông không đạt được mọi điều mong đợi tại Geneva, tuy nhiên, những gì đã đạt được không thể xem thường và cũng đáng để vui mừng như một ngày hội lớn. Thêm nữa, bản thân ông đã chịu nhiều thiếu thốn, gian khổ trong chiến tranh khiến ông mệt mỏi. Từ nay ông có thể trở về với cuộc sống ổn định, bình thường với người vợ trẻ của ông, bà Đặng Thị Bích Hà và ông cũng muốn cho Hồng Anh - cô con gái đang tuổi lớn - một cuộc sống bình thường tại gia đình. Ông đã phục vụ đất nước như một người lính. Ngày nay, công việc của nhà chính trị đang chờ đợi ông để củng cố Đảng ở miền Bắc và thực hành cương lĩnh của Đảng. Ông mới ở tuổi 43, một người còn trẻ so với bề dày quá khứ, khiến ta nghĩ rằng quãng đời sự nghiệp của ông còn dài.

Ngày 1/1/1955, đứng trên lễ đài chỉ cao hơn mặt đất trên 2 m, giữa Hồ Chí Minh, Phạm Văn Đồng (vẫn sẽ là Bộ trưởng Ngoại giao trong Chính phủ mới) và các vị lãnh đạo khác, Võ Nguyên Giáp nhìn về tương lai tươi sáng của đất nước ông. Hôm đó người ta chính thức tổ chức mừng chiến thắng và phía dưới lễ đài có 20 vạn người tụ tập, trong đó nhiều người giương cao quốc kỳ, hoa và chân dung Hồ Chí Minh, Lenin và nhiều khuôn mặt của phong trào cộng sản quốc tế. Hồ Chí Minh và Võ Nguyên Giáp đọc diễn văn. Họ biết rằng có những lực lượng bên ngoài một lần nữa sẵn sàng đánh vào nhà nước đang hồi sinh. Họ biết rằng cũng vẫn là những thế lực trước đây đã cố đánh bại họ.

Họ đang đứng trước một loạt vấn đề không mong đợi do sự đối địch của Chính quyền Eisenhower và những hoạt động của một nhân viên tình báo độc lập. Được Tổng thống Eisenhower chấp thuận, anh em Dulles đã cử đại tá Edward G. Lansdale đến Sài Gòn từ mùa hè năm ngoái và được tự do hành động để củng cố Chính phủ Bảo Đại và làm suy yếu quyền lực của Hồ Chí Minh ở miền Bắc. Lansdale đến Sài Gòn hôm 27/6/1954, sau ngày Ngô Đình Diệm nhậm chức Thủ tướng được một hôm. Với thái độ ngạo mạn, mặc soóc lửng, Lansdale đến thẳng Dinh Norodom (sau này Diệm gọi là Dinh Độc lập) ra mắt Ngô Đình Diệm và đề ra nhiều việc trong dự định và được Diệm chấp nhận.

Đó là bước khởi đầu của Lansdale trong nhiệm vụ được cấp trên giao phó và những tháng sau, ông ta dành phần lớn thời gian để cố vấn cho Diệm. Sau khi định ra những nét lớn của một chính sách nhằm củng cố chế độ Diệm, Lansdale thành lập một ê kíp để giúp Diệm làm mất ổn định chế độ cộng sản miền Bắc. Ông ta kể lại: "Tôi chia ê kíp nhỏ bé của tôi làm hai. Một nửa đi vận động những người di cư miền Bắc, một nửa sẽ ở Sài Gòn để làm những việc khác." Lansdale chọn Lucien Conein - một trong những người Mỹ đầu tiên đã nhảy dù xuống Đông Dương năm 1944 và sau này trở thành nhân viên CIA đứng đầu phái đoàn quân sự Mỹ ở Sài Gòn (SMM - Saigon Military Mission) - có nhiệm vụ chống lại chế độ của Hồ Chí Minh ở miền Bắc. Mục tiêu của Conein là phát triển một tổ chức bán quân sự sẵn sàng hành động khi người Pháp rút khỏi miền Bắc và Việt Minh sẽ tiếp quản vào đầu tháng 10/1954. Conein sẽ thực thi một kế hoạch phá hoại có hệ thống các công trình công cộng, vận tải và cơ sở cảng biển ở miền Bắc. Conein đặt tổng hành dinh ở Hà Nội, có chân rết ở Hải Phòng và khởi động mọi công việc.

Ê kíp của Conein, bên cạnh các hoạt động khác, sẽ rải truyền đơn giả, được bắt chước một cách cẩn thận để hướng dẫn người dân Bắc Kỳ mọi cách xử sự khi Việt Minh tiếp quản Hà Nội đầu tháng 10/1954. Những "tác phẩm" tuyên truyền này bao gồm những bài báo công kích cải tạo quyền sở hữu và cải cách tiền tệ, đòi được nghỉ 3 ngày để ăn mừng Việt Minh trở về Hà Nội. Người ta còn khuyên các thương nhân làm bảng liệt kê giả về những kho hàng tồn đọng mà chính quyền mới có thể tịch thu. Công việc có vẻ trôi chảy, đánh lừa được cán bộ Đảng đề ra những chỉ thị, hướng dẫn sai lạc cho cấp dưới. Đồng tiền của Việt Minh mất giá tới 50%. Tuy nhiên, nhà cầm quyền mới ở Hà Nội đã phát hiện được việc lừa dối này và tố cáo trên làn sóng phát thanh. Một số quan chức lại tỏ ra nghi ngờ rằng những cảnh báo trên đài không có gì khác là luận điệu tuyên truyền của Pháp.

Ê kíp của Conein còn đề cao những lời phán đoán của các nhà chiêm tinh miền Bắc dự đoán sẽ xảy ra những thảm họa giáng xuống đầu những nhà lãnh đạo Việt Minh, còn những người cầm quyền ở miền Nam sẽ được hưởng một thời kỳ phồn vinh và thống nhất. Những lời tiên đoán chiêm tinh đó được in trong cuốn sách lịch tại tổng hành dinh SMM và được lén lút đưa ra miền Bắc để truyền bá rộng rãi.

Conein cũng bắt đầu tổ chức những đơn vị bán quân sự gồm toàn người Việt để sử dụng chống Việt Minh. Đa số thành viên của các toán phá hoại bán quân sự này được chọn trong số ít ỏi các đảng viên Đại Việt còn sống sót sau năm 1946. Những toán này được trang bị vũ khí và dụng cụ quân sự

được SMM đưa ra miền Bắc bằng đường biển, đường bộ và đường không. Khi những lực lượng an ninh Việt Minh tăng cường các biện pháp kiểm soát các hàng hóa cập bến Hải Phòng, SMM bèn chọn một con đường biển khác thay thế để chở dụng cụ và trang bị quân sự ra miền Bắc. Tất cả có khoảng tám tấn rưỡi được chở ra để sau này sẽ trang bị cho các toán biệt kích Đại Việt của Conein bao gồm 14 radio, 300 súng cạc-bin, 90.000 viên đạn súng trường, 50 súng lục, 10.000 viên đạn súng lục và trên 150 kg thuốc nổ. Khoảng giữa tháng 4, các toán biệt kích sẽ được phái ra
miền Bắc.

Conein và các toán của ông ta nhằm vào nhiều mục tiêu và chỉ định các mục tiêu khác sẽ phá hoại sau này: nhà máy điện, mỏ than, hệ thống thủy lợi, cầu cống, không kể hệ thống điện thoại Hà Nội, Hải Phòng, các kho xăng và thiết bị cảng ở Hải Phòng. Họ sẽ phải hành động rất thận trọng vì hiện nay Mỹ chỉ còn duy trì tại Hà Nội một tòa lãnh sự nhỏ bé, một nhóm viện trợ và cố vấn quân sự (MAAG) và như Conein nói: “Chúng tôi không thể làm những điều có thể phương hại đến họ. Nếu họ (tòa lãnh sự và MAAG) không có ở đó, chúng tôi lẽ ra đã làm được nhiều điều.” Ngày 9/10/1955, Mỹ rút tòa lãnh sự Mỹ và nhóm MAAG cùng những đơn vị cuối cùng của Pháp khỏi Hà Nội.

Thiếu tá Cao Pha nay là Phó viện trưởng Viện Lịch sử quân sự tại Hà Nội nhắc lại những cố gắng của SMM ở Hà Nội trong những ngày đó: “Mục tiêu của họ đầy tham vọng nhưng tổ chức và công việc chuẩn bị thì chưa đến tầm. Phương án thì thiết kế vội vàng. Dĩ nhiên chúng tôi đã chuẩn bị đối phó với những âm mưu đó. Người Mỹ đã sử dụng những bọn sẵn sàng phản lại Tổ quốc được tuyển mộ trong các đảng chống cộng hay trong những nhân viên cũ của Phòng Nhì Pháp… Đó là bọn phản bội và lính đánh thuê không có lý tưởng. Họ chỉ làm việc vì tiền cho nên chúng tôi tóm cổ chúng rất dễ. Chúng tôi đã phát hiện ra bọn chúng nhờ nhân dân đã giao nộp chúng cho chúng tôi”.

Cao Pha sôi nổi kể lại nhà cầm quyền miền Bắc đã nhanh chóng tìm ra những nơi cất giấu vũ khí của Conein: “Những thứ chúng tôi tìm được xung quanh Hải Phòng và dọc sông Hồng đã góp thêm cho kho vũ khí của chúng tôi. Tóm lại, SMM đã hoạt động quá vội vàng. Họ trút hết niềm tin vào bọn phản quốc, dùng chúng làm tay sai để đánh lừa nhân dân chúng tôi. Lansdale và Conein muốn phá hoại nhà máy điện nhưng dưới chế độ mới, công nhân là chủ nhà máy, tự mình đảm nhiệm công việc an ninh để bảo vệ nhà máy. Chính sách của Mỹ những ngày đầu là phá hoại Hiệp Định Geneva và thay chân Pháp tại Việt Nam. Chúng tôi phải đối phó những mưu toan đó. Mỹ cố

tát cạn nước biển để bắt cá".

Trong lúc những toán biệt kích hoạt động ở miền Bắc, thì tại Sài Gòn, Lansdale ra sức cố vấn cho Diệm. Ông ta nghĩ miền Nam phải mạnh về mọi mặt và cùng với nhiều việc khác, chế độ phải tranh thủ được sự ủng hộ của dân chúng. Lansdale muốn khuyến khích một số lớn dân miền Bắc di cư vào phía nam của giới tuyến 17 theo điều khoản của Hiệp định Geneva cho phép trong thời hạn 300 ngày. Diệm không nghĩ nhiều đến chuyện đó. Việc đó không làm ông ta quan tâm và ông ta cũng chỉ dự tính số người di cư không quá 10.000 người. Nhân viên cơ quan phát triển quốc tế của Mỹ trong dự kiến về số lều bạt để chứa những người di cư cũng ước tính con số đó. Nhân viên Chữ Thập đỏ Quốc tế thì chuẩn bị người và phương tiện cứu trợ cho vài nghìn người di cư. Các nhà đương cục Pháp đã nhận giúp những ai muốn ra đi và chỉ dự kiến con số gần 30.000 người, đa số là địa chủ và nhà buôn.

Lansdale tìm thấy lập luận xem ra có vẻ thuyết phục: nếu có tuyển cử thì có thêm cử tri ủng hộ, do đó có nhiều khả năng thắng cử. Diệm nghe theo luận điệu đó, ông ta cho phép tiến hành một chiến dịch rộng rãi để thuyết phục người dân miền Bắc bỏ lại nhà cửa để bắt đầu một cuộc sống mới ở miền Nam.

Các nhà đương cục Việt Minh phản ứng một cách giận dữ với kế hoạch của Lansdale. Họ phàn nàn rằng Mỹ âm mưu muốn chia cắt lãnh thổ Việt Nam, dùng mọi mưu toan và tiền bạc để dựng nên ở miền Nam một chính phủ bù nhìn bao gồm những phần tử phản động bị nhân dân thù ghét nhất… Các "cố vấn" Mỹ thực sự là những ông chủ ở miền Nam, nhất là Lansdale nắm mật vụ.

SMM của Lansdale ra sức xúi giục người dân miền Bắc rời bỏ quê hương. Hai mươi vạn người ra đi mà không phải thuyết phục gì nhiều. Đó là gia đình những quân nhân đã phục vụ dưới lá cờ của Pháp trong các đơn vị phụ thuộc của quân đội viễn chinh không có sự lựa chọn nào khác hơn là đi với ông Diệm. Một số khác thì tin vào lời đồn: các đơn vị Trung Cộng sẽ tràn vào miền Bắc. Nhiều thương nhân và địa chủ đáp tàu ra khơi trước khi nhìn thấy tài sản đất đai của họ bị Chính phủ Hồ Chí Minh tịch thu. Một số nhạy cảm với những lời phỏng đoán chiêm tinh. Gần bảy vạn con người bị đầu độc vì những luận điệu của SMM cho biết các tín đồ Công giáo sẽ phải bỏ đạo nếu ở lại với cộng sản miền Bắc. 60% trong số hơn 1 triệu dân Công giáo thu xếp hành lý ra đi. Khắp các thôn xóm, làng mạc của người Công giáo trong vùng lưu vực sông Hồng, những tín đồ đi theo các tu sĩ lớn tiếng rêu rao: "Đức Mẹ đồng trinh đã vào Nam, tín đồ Công giáo chúng ta phải đi

theo”, hoặc ở các chợ người ta rì rầm, rỉ tai nhau Chúa sẽ biến miền Bắc thành hoang mạc. Sợ bị trả thù, sợ mất đạo tại một vùng đất nước bị Chúa bỏ rơi, những người đó trịnh trọng quay mặt về phương Nam.

Con số người đăng ký di cư đột ngột tăng lên vào cuối năm 1954 và đầu năm 1955. Cảng Hải Phòng chật ních những người yêu cầu ra đi, thiếu nơi trú ẩn, thiếu thức ăn, thiếu cả thuốc men. Rất nhiều nước xin được giúp đỡ cuộc di cư lớn vào cuối 1954. Chính phủ Quốc Dân Đảng ở Đài Loan, Chính phủ Anh, Pháp và các tổ chức cứu trợ tư nhân, kể cả hạm đội 7 của Mỹ cũng góp phần vào cuộc di cư đó.

Tuy rất tức giận trước làn sóng ra đi đó, Võ Nguyên Giáp vẫn ra lệnh cho quân đội giúp đỡ dân di cư mỗi khi có thể. Bùi Tín, đến gần đây vẫn là Phó Tổng biên tập báo Nhân dân, lúc đó là Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 14 của Đại đoàn 304 và đã chiến đấu ở Điện Biên Phủ. Lúc đó đơn vị của Tín đóng ở Nghệ An và thiếu tá Tín đã thấy tình trạng khổ cực của số lớn đồng bào khi trở thành người di cư. Họ đi theo đường bộ hay đường biển trên những chiếc thuyền nan. Tín cố thuyết phục một số ở lại khi họ tin theo tu sĩ của họ và ra đi. Trên Quốc lộ 1 có hàng nghìn, hàng vạn người gồng gánh lũ lượt ra đi. Tín nói: “Rất nhiều người khóc vì họ phải rời bỏ làng quê nơi chôn rau cắt rốn của họ. Họ chào từ biệt chúng tôi. Rất nhiều người day dứt giữa tình cảm tôn giáo và tình cảm gia đình. Đó là những nông dân nghèo khó chỉ có vài bộ quần áo, một ít gạo, một manh chiếu, một tấm chăn mỏng để ngủ. Họ phải đi nhanh (cho kịp thời hạn 300 ngày được lựa chọn ra đi theo quy định của Hiệp nghị Geneva), không có xe ôtô, không tàu hỏa. Thật khủng khiếp”.

Tín còn kể lại: “Đối với nhiều người, điều quan trọng nhất là giữ cây thập ác. Nhiều người quỳ bên ngôi nhà của họ. Một số sau khi lên đường được 200 m về hướng Nam, quay lại ôm chặt gốc cây trong vườn ngồi khóc. Phụ nữ địu con trên lưng. Thật là đau khổ khi phải nhìn thấy người đang ốm cũng cố lết đi. Đa số dân Công giáo Nghệ An sống gần bờ biển. Ở một số vùng trong tỉnh, làng mạc hoang vắng. Những khẩu hiệu đã thuyết phục họ rằng Chúa vào Nam”.

Tín và các đồng đội của mình làm mọi việc có thể được: “Ban đầu dân sợ không dám để chúng tôi vào nhà. Chúng tôi không mang theo vũ khí và chỉ ở đó để giúp đỡ họ. Lính của tôi cũng không cầm được nước mắt trước đau khổ của họ”. Người của Tín nhường khẩu phần lương thực cho họ, mang hộ đồ đạc, bế con cho họ. Anh em bộ đội còn cõng cả người già trên lưng trên đoạn đường đến hơn 10 km ra chỗ tàu đậu, trước khi trở về đơn vị. Trên

một triệu người đã di cư vào Nam.

Trong khi diễn ra làn sóng di cư đó, Võ Nguyên Giáp còn phải lo đưa bộ đội ở Nam giới tuyến ra tập kết ở miền Bắc như Hiệp định Geneva quy định. Các đơn vị đó rồi đây sẽ phải làm gì? Võ Nguyên Giáp có ý muốn không để mất những thành tựu đã vất vả mới giành được ở các vùng phía Nam vĩ tuyến 17 nay sẽ giao cho đối phương quản lý. Ông ra lệnh cho phần lớn lực lượng tập kết ra Bắc nhưng cũng ra chỉ thị người miền Nam trước đây đã chiến đấu trong hàng ngũ Việt Minh phải chuyển vào hoạt động bí mật, cất giấu vũ khí, ngụy trang các cửa hầm. Đó là những con người đã từng hoạt động ở Chiến khu C và D ở phía bắc và đông bắc Sài Gòn, trong vùng Phước Tuy ở phía đông nam Sài Gòn và vùng sông Tiền, sông Hậu trên bán đảo Cà Mau. Võ Nguyên Giáp quyết định phải giữ gìn các căn cứ đó. Người ta cất giấu vũ khí cùng các loại đạn dược, điện đài và chất nổ trong các hầm được ngụy trang kỹ lưỡng. Võ Nguyên Giáp biết rằng cuộc đấu tranh ở miền Nam trong hai năm tới sẽ nặng về chính trị hơn là quân sự, sau đó là tuyển cử để thống nhất đất nước.

Nhiều đơn vị Việt Minh xuống tàu Ba Lan ở Vũng Tàu và Quy Nhơn để đi tập kết ra Bắc. Họ cũng dùng cả tàu Liên Xô nhưng do Mỹ cung cấp trong Chiến tranh thế giới thứ hai. Nhiều vỏ tàu cũ kỹ, hoen rỉ, người ta nghĩ rằng chúng không bao giờ được sơn lại từ khi xuất xưởng. Bùi Tín nhớ lại tên của một chiếc tàu trong số đó là tàu Belinski. Tiếp đó chỉ có bảy vạn người đi tập kết ra Bắc. Số còn lại - bộ phận quý báu nhất của cơ sở hạ tầng du kích của Võ Nguyên Giáp - sẵn sàng chờ lệnh. Khi Võ Nguyên Giáp cần đến họ, một lần nữa họ sẵn sàng đáp lại lời kêu gọi hành động.

Hồ Chí Minh biết rằng chính phủ của ông đang phải trải qua nhiều thách thức mới. Đó là những toán hoạt động bí mật của Mỹ như SMM của Lansdale hoặc tình trạng khó khăn của miền Bắc sau khi ra khỏi cuộc chiến tranh kéo dài gần một chục năm. Và bây giờ cũng là thời gian áp dụng các lý thuyết cộng sản do Đảng đề ra. Vì vậy, Hồ Chí Minh bắt đầu sắp xếp ngay các ưu tiên. Trong những thay đổi chính trị không thuận lợi mà Hồ Chí Minh đã áp dụng, Võ Nguyên Giáp vẫn tiếp tục là người có uy tín nổi bật. Do vậy, ông cũng phải chịu trách nhiệm một phần về những khó khăn chồng chất mà đồng bào ông phải chịu trong những năm đó.

Từ năm 1946, Việt Minh đã tìm cách thanh toán những quan điểm chính trị được đánh giá là phản động. Bản thân Võ Nguyên Giáp vạch kế hoạch loại đối thủ. Bộ Chính trị quay sang việc loại bỏ biểu hiện lừa bịp, thối tha về tư tưởng: cá nhân chủ nghĩa, tự do chủ nghĩa, lãng mạn chủ nghĩa, lý

thuyết về các quyền tự nhiên của con người, sự khoan dung, cuối cùng mọi học thuyết mà trong đó có thể thấy ảnh hưởng của triết học và văn hóa Pháp. Từ nay người Pháp sẽ ra đi.

Chính phủ thực hiện chia ruộng đất cho nông dân. Hồ Chí Minh giao nhiệm vụ cho Trường Chinh để chỉ đạo cuộc cải cách ruộng đất. Trường Chinh chấp nhận mệnh lệnh của Hồ Chí Minh và nhanh chóng lập ra các "tòa án" của cải cách ruộng đất. Tại mỗi xã đội, cải cách xác định ai là những địa chủ xấu để tước quyền sở hữu đối với những ruộng đất đã có được nhờ những thủ đoạn bất lương. Chính sách này cho phép những công dân không có ruộng đất đang ở nấc thang thấp nhất trong xã hội khốn khó của mình được sử dụng quyền lực chính trị lần đầu tiên và cũng là lần cuối cùng trong cuộc đời. Đa số trong số họ là những con nợ lâu ngày không trả được gốc và lãi chồng chất từ thế hệ này sang thế hệ khác, thường chỉ mang trên mình bộ quần áo rách rưới. Những tình cảnh khá hơn đôi chút chỉ có 1/9 mẫu ruộng và có lẽ vài con vịt, thực tế là chẳng có gì đáng gọi là tài sản.

Có thể là Hồ Chí Minh đã định chờ đợi một thời gian cho đến khi nào làn sóng di cư chấm dứt mới tiến hành cương lĩnh chia ruộng đất cho nông dân để không làm các tầng lớp khác trong dân chúng phải hoảng hốt rời bỏ quê hương làng xóm để vào Nam. Khi thời gian tự do chọn lựa nơi định cư sắp hết, đích thân Trường Chinh triệt để thi hành cải cách ruộng đất. Nông dân được thông báo chính họ phải tự phát hiện ra những người trong làng đã lợi dụng sức lao động của người khác để cho thuê đất ruộng hoặc nông cụ, bán thóc giống hoặc ngay cả những người đã nhắm mắt trước những hành động bóc lột ấy. Trường Chinh ra sức đẩy mạnh cuộc cải cách vào đầu năm 1956. Các cán bộ Việt Minh thay phiên nhau trong quá trình đó. Cán bộ vào sống trong các làng xã và trong các cộng đồng thì cô lập những người bị kết án là địa chủ và thuyết phục người làng trở thành những công tố viên buộc tội địa chủ.

Gần đến tháng 9/1956, Hồ Chí Minh nhận thấy những sai sót trong việc thực hiện cải cách ruộng đất nên đã quyết định chấm dứt chương trình cải cách này. Ngày 17/8, Hồ Chí Minh viết thư công khai xin lỗi về những sai lầm, hứa sẽ kiên quyết sửa sai. Ngày 24/8 báo *Nhân dân*, cơ quan Trung ương của Đảng ghi nhận rằng nhiều người yêu nước bị xúc phạm danh dự, bị làm nhục, bị cầm tù và thậm chí xử tử. Mọi người tiếp tục run sợ tự hỏi không biết còn điều gì sẽ xảy ra nữa đây?

Tháng 10, Hồ Chí Minh đình chỉ chương trình cải cách và tuyên bố một chiến dịch sửa sai bắt đầu.

Trong lễ kỷ niệm thành lập Đảng Lao động Việt Nam, Võ Nguyên Giáp thừa nhận: "Phong trào (cách mạng) của chúng ta trải qua bước thăng trầm. Tiến bộ không phải lúc nào cũng đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác". Giáp vẫn luôn là một người mác-xit chân chính, ông tuyên bố: "Đảng đã tự phê bình và tiến hành sửa sai. Sự lãnh đạo của Đảng đã đem lại thắng lợi không thể phủ nhận (…). Sai lầm và khuyết điểm chỉ là tạm thời."

Vũ Hắc Bồng, Giám đốc Ngoại vụ Sài Gòn đã thổ lộ với một nhà báo: "Thật thà mà nói công tác quản lý không phải là điểm mạnh của chúng tôi. Ngay từ đầu chúng tôi đã phạm sai lầm. Chính vì vậy, đất nước chúng tôi còn phải chịu những đau khổ do sự quản lý (kém cỏi) của chúng tôi. Chúng tôi đã chịu đau khổ nhiều về chiến tranh, chúng tôi muốn xây dựng nhanh chóng nền kinh tế của chúng tôi. Chúng tôi đã sai lầm từ chính học thuyết. Thí dụ chúng tôi đã tập thể hóa mọi thứ, đáng lẽ không nên làm như thế."

Tướng Giáp làm theo khả năng có thể của mình. Lính của ông - ngay cả những sĩ quan tốt nhất, tất cả đều xuất ngũ, mỗi người đều được đề bạt vì đã thực hiện nghiêm chỉnh bổn phận của mình hoặc vì đã chiến đấu dũng cảm chống kẻ thù. Ngược lại với chế độ phục vụ của sĩ quan trong quân đội phương Tây, lính của Võ Nguyên Giáp không luân chuyển từ một chức vụ chỉ huy sang chức vụ tham mưu rồi trở lại chỉ huy, như vậy sẽ tạo cho sĩ quan có cơ hội trau dồi kiến thức và bổ sung kinh nghiệm. Người của Võ Nguyên Giáp là những kỹ thuật viên chỉ biết chuyên môn của mình. Ông cho mở ở gần Hà Nội một trường đào tạo cán bộ tham mưu. Tại đây cố vấn Trung Quốc huấn luyện cán bộ của ông trong các chức năng tham mưu cũng như các kỹ thuật chiến đấu bộ binh và pháo binh, thậm chí các kỹ thuật sử dụng cả hai.

Lần đầu tiên pháo binh Việt Nam được học cách bắn cầu vồng hơn là bắn thẳng. Họ liên tục tập luyện theo những cự ly do Võ Nguyên Giáp đích thân ấn định. Ông cho xây dựng những trường bắn súng trường, tìm mọi cách để lính bộ binh trở thành những xạ thủ ưu tú. Võ Nguyên Giáp bắt đầu tiêu chuẩn hóa súng và đạn dùng trong bộ binh. Ngoài ra, ông còn cho thành lập lực lượng không quân nhỏ bé, gửi người đi học lái máy bay ở Trung Quốc và yêu cầu Mao cung cấp máy bay. Tướng Giáp còn ra lệnh thành lập hải quân, đặt sở chỉ huy hải quân ở Vinh, tại đây sĩ quan và binh sĩ hải quân được học cách phòng thủ bờ biển và sử dụng những tàu tuần tiễu nhỏ.

Đã đến lúc người ta cần những cơ cấu quân sự đó nếu muốn lấy lại miền Nam và có những tin tức để lọt ra từ miền Nam cho biết tình hình ở đó đáng lo ngại. Đáng lẽ tan rã do xâu xé nội bộ và bị vô hiệu hóa thì chế độ

Cộng hòa miền Nam lại tỏ ra mạnh hơn. Phần lãnh thổ phía Nam này càng được củng cố và càng tự tin thì miền Bắc càng ít có khả năng lôi kéo miền Nam vào qũy đạo của mình.

Được Lansdale và những người Mỹ khác giúp đỡ, Diệm ngày càng gia tăng sự kiểm soát đối với Chính phủ miền Nam. Trong hai tháng 9 và 10/1954, Tướng Nguyễn Văn Hinh, Tổng tham mưu trưởng quân đội hình như chuẩn bị cuộc đảo chính. Lansdale biết trước nên đẩy Hinh đi nghỉ hè tại các nơi ăn chơi ở Manille. Nhờ hối lộ, Lansdale thuyết phục được Trịnh Minh Thế, lãnh tụ giáo phái Cao Đài - một đối thủ của Diệm - đưa lực lượng vũ trang Cao Đài về sáp nhập vào quân đội Cộng hòa. Đối với những người cầm đầu giáo phái Hòa Hảo, Lansdale cũng dùng biện pháp tương tự. Trên 10 triệu đôla của CIA được dùng để lôi kéo đối thủ đi theo những người lãnh đạo quốc gia mới của miền Nam.

Trịnh Minh Thế được nhận khoảng từ một đến hai triệu đôla, Nguyễn Thành Phương - một tướng Cao Đài khác - yêu cầu được nhận gần 4 triệu đôla để trả lương tháng cho quân lính dưới quyền ông ta. Một tướng Hòa Hảo là Trần Văn Soái được nhận 3 triệu đôla. Đó là một biện pháp tốn kém nhưng bằng cách đó Lansdale đã vô hiệu hóa đối thủ của Diệm. Thế lực được củng cố, Diệm tấn công Lê Văn Viễn tức Bảy Viễn cầm đầu lực lượng Bình Xuyên - một đối thủ hùng mạnh nhất và cũng là mafia Việt Nam. Bảy Viễn còn là một tên cướp đường thủy đã kiểm soát mọi thói xấu ở Sài Gòn: cờ bạc, đĩ điếm, buôn lậu và thuốc phiện, kiểm soát một sòng bạc - tổ hợp ăn chơi ở Chợ Lớn. Viễn đã mua được ở Bảo Đại chức chỉ huy cảnh sát đô thành Sài Gòn và cấp tướng trong quân đội quốc gia trong lúc ông vua này đang thiếu tiền để ăn chơi trác táng. Diệm quyết định tiêu diệt đối thủ hùng mạnh này cùng với 25.000 quân Bình Xuyên, tổ chức đánh úp lực lượng Bình Xuyên, đẩy bọn chúng ra vùng đồng lầy ở ngoại ô Sài Gòn.

Rồi Diệm tìm cách loại trừ Bảo Đại, người của Pháp thỉnh thoảng vẫn cố gắng gây ảnh hưởng đến chiều hướng phát triển các sự kiện ở Sài Gòn. Lansdale xui Diệm tổ chức trưng cầu ý dân xem để Bảo Đại hay Diệm là Quốc trưởng. Ngày 23/10/1955, dân chúng đến các phòng bỏ phiếu. Kết quả Diệm chiếm 98% số phiếu bầu (5,7 triệu phiếu ủng hộ Diệm và 63.000 phiếu bầu cho Bảo Đại). Ở Sài Gòn, Diệm được 605.025 phiếu, nhiều hơn tổng số cử tri đăng ký. Buổi tối, đích thân Diệm tuyên bố thắng cử Tổng thống.

Bảo Đại không còn là nguy cơ đe dọa vị trí của Diệm. Lực lượng Bình Xuyên đã được đẩy ra khỏi Sài Gòn. Các giáo phái Cao Đài và Hòa Hảo không còn đáng kể vì các tướng chỉ huy đã nhận những món tiền khổng lồ để

sáp nhập lực lượng vũ trang vào quân đội Cộng hòa trước khi bị thanh trừng dần và hoàn toàn tan rã. Ngô Đình Diệm từ nay đủ tự tin để theo đuổi mục tiêu mới. Ngày 19/1/1956, ông ta đọc một bài diễn văn sặc mùi bài ngoại: "Sự có mặt của quân đội nước ngoài dù thân hữu đến đâu cũng không phù hợp với khái niệm độc lập hoàn toàn". Hẳn là ông ta không đả động đến Lansdale và toán lính quân nhân Mỹ trong MAAG mà chỉ nhằm thẳng vào quân đội Pháp. Đã đến lúc Pháp phải rút quân khỏi miền Nam. Pháp phản đối nhưng Mỹ ủng hộ Diệm trong lĩnh vực này cũng như trong lĩnh vực khác. Thế là những tàn tích cuối cùng của đế quốc thuộc địa Pháp bị xóa sạch vào ngày 10/4/1956 khi con số 1.000 lính Pháp cuối cùng xuống tàu đậu ở cảng Sài Gòn để trở về nước.

Tổng thống mới của Việt Nam Cộng hòa từ nay hướng sự chú ý về tổng tuyển cử toàn quốc như Hiệp nghị Geneva quy định là phải tiến hành trong năm 1956. Một số người am hiểu tình hình nghĩ rằng Diệm không bao giờ có thể thắng cử. Giám đốc CIA là một trong những người biết rõ thống nhất đất nước là không thể tránh khỏi nếu cuộc tuyển cử diễn ra bên ngoài sự giám sát của Liên Hợp Quốc. Hồ Chí Minh với cơ sở chính trị mạnh mẽ và rộng khắp miền Nam nhất định sẽ thắng cử. Năm 1956 Allen Dulles đệ trình lên Tổng thống Mỹ Eisenhower một bản báo cáo tiên đoán rằng thắng lợi của Hồ Chí Minh như triều dâng. Eisenhower đã từng biết rõ những thắng lợi kiểu này của cộng sản nên chắc chắn là không muốn lại xảy ra ở miền Nam Việt Nam. Ông ta có một lối ra. Đó là Diệm không ký vào Hiệp định Geneva. Diệm có thể tuyên bố như đã nói hôm bế mạc Hiệp định Geneva 1954 là chính phủ ông ta không bị ràng buộc gì vào các hiệp định đã ký kết.

Giữa năm 1956, thời hạn tổng tuyển cử như Hiệp nghị Geneva quy định càng đến gần. Võ Nguyên Giáp cũng tỏ ra giận dữ trước sự từ chối của Diệm. Võ Nguyên Giáp và những nhà lãnh đạo miền Bắc đã nghĩ rằng Pháp sẽ ở lại miền Nam lâu hơn để giám sát các cuộc bầu cử. Nhưng Pháp đã ra đi. Từ nay miền Nam là một quốc gia độc lập được nguồn tài chính không bao giờ cạn của Mỹ ủng hộ. Hoa Kỳ là cường quốc duy nhất có mặt ở miền Nam Việt Nam và chỉ có đường lối đối ngoại duy nhất là chống lại chủ nghĩa cộng sản. Mỹ muốn có một chính phủ chống cộng ở Sài Gòn - bất kể chính phủ ấy có dân chủ hay không - Mỹ bày tỏ ý muốn và đòi hỏi đó một cách rõ ràng, dứt khoát. Được Mỹ khuyến khích, Diệm cương quyết từ chối tham gia tổng tuyển cử quy định tại một hội nghị mà ông ta không bao giờ thừa nhận các kết luận.

Bùi Tín, một nhà báo, là viên chức của Đảng trong một thời gian dài nhớ lại: "Diệm phá hoại tổng tuyển cử năm 1956. Nhiều cán bộ Việt Minh

đã ở lại miền Nam tin rằng tổng tuyển cử năm1956 sẽ thống nhất đất nước. Khi thấy rõ là không có tổng tuyển cử, họ thất vọng ghê gớm". Tự nhiên một số lớn dân chúng cuối cùng quyết định chuyển cư ra miền Bắc. Họ không có lý do gì để ở lại. Hồ Chí Minh tố cáo Diệm từ chối tổng tuyển cử, phá hoại Hiệp định Geneva nhưng chẳng làm được gì. Đó là "việc đã rồi". Hồ Chí Minh không có quyền gì áp đặt trưng cầu dân ý (ở miền Nam) và không một nước nào nằm trong các nước lớn tham gia Hiệp định Geneva mong muốn hoặc có thể làm được điều đó. Võ Nguyên Giáp tuyên bố cuộc đấu tranh ở miền Nam sẽ lâu dài, gian khổ nhưng nhất định thắng lợi.

Thái độ của Võ Nguyên Giáp đối với Mỹ đã có thời gian thân thiện khi còn cộng tác với Allison Kent Thomas và các thành viên khác trong đội Con Nai của OSS, nay quay sang đối nghịch. Cuối năm 1957, ông lấy làm tiếc cho nhân dân Việt Nam còn phải chiến đấu để thống nhất đất nước. Ông nói về "bọn can thiệp Mỹ" và bè lũ tay sai, tập đoàn Ngô Đình Diệm. Rồi đột nhiên, không rõ lý do tại sao người ta thấy ông rời khỏi sân khấu chính trị trong nhiều tháng. Rồi năm 1958 người ta thấy ông hoạt động trở lại. Có thể ông đã qua một trận ốm. Ông đã trải qua nhiều gian khổ, thiếu thốn trong những năm chiến tranh nên sức khỏe bị suy giảm. Dù lý do vắng mặt của Võ Nguyên Giáp không được xác định, nhưng việc ông trở lại hoạt động đúng vào lúc những nhà lãnh đạo cộng sản đang bắt đầu triển khai chiến lược đối với miền Nam bị "chiếm đóng".

Đối với tất cả các nhà quan sát, hiển nhiên là người Bắc Việt Nam cho rằng vĩ tuyến 17 chỉ là giới tuyến quân sự tạm thời chứ không phải là đường biên giới phân chia hai quốc gia riêng biệt. Bản thân miền Bắc không phải là một quốc gia hoàn chỉnh. Võ Nguyên Giáp nói về miền Bắc là "nửa nước được giải phóng" và vùng lãnh thổ nam giới tuyến 17 là đất đai bị chiếm đóng. Ông miêu tả miền Bắc như là "hậu phương lớn của quân đội ta", là "cơ sở cách mạng của cả nước".

Các nhà lãnh đạo cộng sản không phải chỉ nói chuyện chữ nghĩa. Một cách công khai, họ muốn chính phủ "bù nhìn" ở miền Nam Việt Nam bị loại bỏ và hai nửa của đất nước sẽ thống nhất dưới sự chỉ huy của Hồ Chí Minh. Điều này không phải là rõ ràng đối với bản thân các Ủy viên Bộ Chính trị lúc đó, tức là phải đầu tư công sức vào miền Nam đến mức nào. Trước hết là người miền Nam phải đứng lên làm sụp đổ chế độ Diệm từ bên trong, bằng các cuộc phá hoại, bằng hành động lật đổ, hoặc hơn nữa là một cuộc khởi nghĩa nhân dân rộng lớn. Với sự giúp đỡ và cổ vũ thích hợp, họ sẽ xóa bỏ chính quyền thối nát và không hợp pháp đó. Nhân dân miền Nam sẽ "quét sạch" mọi gián điệp, thổ phỉ và tay sai của đế quốc Mỹ vào "sọt rác của lịch

sử". Dưới con mắt của người anh hùng Điện Biên Phủ, chế độ Diệm và những kẻ ủng hộ Diệm là một chế độ độc tài phát xít, áp bức và bóc lột dã man nhân dân, sử dụng mọi biện pháp tàn bạo để dập tắt phong trào yêu nước.

Khi khẳng định điều này, Võ Nguyên Giáp biết rõ Mỹ đã cung cấp hàng ngàn tấn vũ khí, thiết bị quân sự cho Việt Nam Cộng hòa và nếu có thể thì nên tránh đụng độ với Mỹ. Ông nghĩ rằng chiến thắng không thể nhanh chóng giành được và cũng như cuộc chiến tranh trước phải qua ba giai đoạn chiến tranh cách mạng: du kích chiến, vận động chiến và cuối cùng là tổng tiến công để kết thúc.

Tuy nhiên, xung quanh ông có rất nhiều cuộc thảo luận diễn ra hết sức sôi nổi. Miền Bắc có thể để miền Nam tồn tại dưới chế độ Diệm bao lâu nữa? Phải làm gì để hoàn thành sứ mệnh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước? Trả lời cho câu hỏi này là yêu cầu cần thiết đối với chính sách của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trong 15 năm tiếp theo từ năm 1960 đến 1975.

“Tuyệt đối bí mật và an toàn là khẩu hiệu của chúng tôi”

Các nhà lãnh đạo trong Bộ Chính trị Bắc Việt Nam thường thảo luận và đôi khi rất kịch liệt về những việc họ phải làm. Họ nên gần gũi với Trung Quốc hay Liên Xô? Có thể sẽ sai lầm khi nói rằng các nhà lãnh đạo miền Bắc chỉ chia rẽ về vấn đề phương hướng chính trị thân Trung Quốc hay thân Liên Xô. Các cuộc tranh cãi ở Hà Nội còn lắm khi nổ ra về các ưu tiên cần lựa chọn: sản xuất, phát triển công nghiệp, củng cố miền Bắc và luôn sôi nổi nhất là về tiến lên của cách mạng ở miền Nam.

Tuy nhiên, các nhà lãnh đạo có những quan điểm cá nhân về hai đồng minh lớn và điều này cũng có vai trò lớn trong việc ra quyết định. Liên Xô khuyên các đồng minh chấp nhận nguyên tắc chung sống hòa bình trong chính sách đối ngoại, điều này khá hấp dẫn đối với ai trong Chính phủ Hồ Chí Minh cho rằng nghĩa vụ hàng đầu là củng cố ảnh hưởng của họ ở miền Bắc và xây dựng lại đất nước bị chiến tranh tàn phá. Còn người Trung Quốc có tính chiến đấu hơn, họ có thái độ kiên quyết hơn chống lại Việt Nam Cộng hòa ở miền Nam. Những mối nguy hiểm của sự liên kết chặt chẽ trên phương diện chính trị cũng như địa lý với Trung Quốc phải tuyệt đối bù trừ bằng việc thắt chặt mối liên hệ với Liên Xô. Như một người có trách nhiệm ở Hà Nội sau này đã nói: Trung Quốc sử dụng Việt Nam như một con cờ trên bàn cờ và rất nhiều người nghĩ rằng nguồn gốc lợi ích của Trung Quốc là việc họ muốn sử dụng Bắc Lào và Việt Nam Dân chủ Cộng hòa như là những nước láng giềng chống lại ảnh hưởng đang lớn lên của người Mỹ ở phía nam vĩ tuyến 17.

Còn đối với miền Nam? Người ta phải làm gì đây? Sự can thiệp của nước ngoài đã rõ ràng chưa? Có nên tập trung quân đội miền Bắc và vượt vĩ tuyến 17 không? Hay miền Bắc phải đợi một cuộc nổi dậy rộng khắp - một cuộc đồng khởi của nhân dân miền Nam đang rên xiết dưới ách độc tài họ Ngô? Muốn có chính sách đúng phải dựa trên những nguồn thông tin chính xác, nhưng ai trong số những người bênh vực chủ trương của họ có được những nguồn tin chính xác? Hồ Chí Minh không phải lúc nào cũng là người có thể áp đặt những quan điểm riêng của mình. Ông thường để các cấp dưới tranh luận với nhau cho đến lúc đã hình thành sự phân tuyến giữa các loại quan điểm, ông mới lên tiếng và dùng ảnh hưởng quyết định của mình để ủng hộ các quan điểm mà ông cho là đúng.

Đó là một nhóm có nhiều luồng ý kiến xen kẽ nhau. Người thứ hai

trong hệ thống cấp bậc trong Bộ Chính trị, ngay sau Hồ Chí Minh là Lê Duẩn - Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng, mà như các đồng chí của ông nhận thấy là ủng hộ đường lối cứng rắn đánh đổ chính quyền miền Nam. Ông sinh năm 1908[1] ở Trung Kỳ, con một nhân viên hỏa xa, gia nhập Đoàn Thanh niên Cách mệnh Đồng chí hội của Hồ Chí Minh năm 1928 và là một trong những người sáng lập Đảng Cộng sản Đông Dương năm 1930. Bị bắt năm 1931 do những hoạt động chống Pháp, ông bị kết án 5 năm tù.

Bị bắt lại năm 1940, Lê Duẩn bị đưa ra Côn Đảo. Sau cách mạng Tháng Tám, ông trở thành Bí thư Đảng bộ miền Nam (còn gọi là Trung ương Cục miền Nam). Mong muốn sớm thống nhất nước nhà, ông phản đối Hiệp nghị Geneva. Do nhiệt thành của ông, ông được mệnh danh là "Ngọn lửa miền Nam". Trong những năm 1954 - 1956, ông vẫn thường xuyên bênh vực đấu tranh vũ trang chống chế độ Ngô Đình Diệm. Được triệu tập ra Bắc năm 1957, ông trở thành Ủy viên Bộ Chính trị và thực tế là quyền Tổng bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng sau khi Trường Chinh thôi giữ chức. Chức vụ Tổng bí thư của Lê Duẩn được chính thức hóa năm 1960 tại Đại hội III của Đảng.

Những tuyên bố của Hà Nội trong các thời kỳ khủng hoảng năm 1955, 1963, 1965, 1968 và 1972 chứng tỏ một Lê Duẩn muốn mạo hiểm ở miền Nam hơn so với Võ Nguyên Giáp. Bộ Chính trị có khuynh hướng tán thành những chủ trương của Lê Duẩn.

Trường Chinh là nhân vật số ba trong Bộ Chính trị. Được xác nhận đúng là người theo chủ nghĩa Mao, chịu ảnh hưởng Nho học từ người cha, lúc đầu ông hoàn toàn chỉ tin tưởng vào việc duy trì và củng cố mối liên hệ giữa Việt Nam và cường quốc đông dân. Ông lớn tiếng ca tụng các trang bị quân sự và các cố vấn Trung Quốc sang giúp Việt Nam kháng chiến chống Pháp.

Đứng sau Trường Chinh trong Bộ Chính trị là Võ Nguyên Giáp, ở vị trí số bốn. Là Bộ trưởng Quốc phòng, Tổng tư lệnh quân đội, Võ Nguyên Giáp là người giữ vai trò quan trọng. Ngay cả khi đồng nghiệp không đồng ý với ông, ông vẫn lắng nghe họ và phát triển quan điểm của mình.

Trong số các nhà lãnh đạo quan trọng còn có Lê Đức Thọ, tên thật là Phan Đình Khải, sinh năm 1910[2] ở Nam Định. Ông gia nhập Đảng Cộng sản Việt Nam từ rất sớm, ngay sau khi Đảng thành lập không lâu. Chẳng bao lâu ông bị thực dân Pháp bắt, đày đi Côn Đảo và nhiều nhà tù khác. Trong Chiến tranh thế giới thứ hai, ông hoạt động ở Việt Bắc và sau này là người

cộng tác với Lê Duẩn ở miền Nam. Năm 1954 ông được Trung ương Đảng triệu tập ra Hà Nội, được cử vào Bộ Chính trị và ở đó trong 20 năm, đứng đầu Ban Tổ chức Trung ương.

Tướng Nguyễn Chí Thanh sinh ở Trung Kỳ trong khoảng 1913 - 1915[3], là con một gia đình bần nông. Ông tham gia hoạt động cách mạng trong những năm 1930 và năm 1937 gia nhập Đảng Cộng sản Đông Dương, phụ trách Thừa Thiên cho đến năm 1938, khi ông bị bắt và ngồi tù trong suốt thời gian Chiến tranh thế giới thứ hai. Ông đã được thả và sau đó tham gia hội nghị đảng toàn quốc tại Tân Trào năm 1945 và cũng năm đó được chỉ định vào Ban chấp hành Trung ương Đảng. Ông phụ trách công tác đảng ở Trung Bộ một thời gian và gia nhập quân đội nhân dân giải phóng. Khoảng năm 1950, ông được giao phụ trách Tổng Cục Chính trị của Bộ Tổng Tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam, có vai trò giám sát các mặt ý thức hệ của việc rèn luyện bộ đội. Ông được phong quân hàm đại tướng năm 1959, hai năm sau khi được vào Bộ Chính trị. Năm 1964, ông được bổ nhiệm Bí thư Trung ương Cục miền Nam và lo phụ trách tác chiến ở miền Nam. Phương pháp tác chiến của ông là sử dụng đơn vị lớn để chống lại quân Mỹ. Theo nhiều nguồn tin, ông mất tháng 7/1967 do trúng bom của máy bay Mỹ hoặc do cơn đau tim đột ngột hoặc do tràn dịch màng phổi trong lúc ông đang xây dựng những phương án đầu tiên của cuộc tiến công Tết Mậu Thân năm 1968.

Tướng Văn Tiến Dũng, một nhân vật khác sinh năm 1917 ở một thôn phía bắc làng Cổ Nhuế, huyện Từ Liêm, Hà Nội trong một gia đình nông dân. Văn Tiến Dũng là một trong bảy anh em. Ở tuổi 16, sau sáu năm đi học, ông kiếm được việc làm và năm 1938, được nhận vào làm công nhân nhà máy dệt Cự Chung mà người chủ là một người Pháp. Văn Tiến Dũng gia nhập Đảng Cộng sản Đông Dương năm 1937 và hoạt động tích cực trong Liên đoàn Lao động - một tổ chức mặt trận của cộng sản tập hợp 26 công đoàn. Bị bắt hai lần nhưng lần nào ông cũng vượt ngục trốn thoát. Ông trở thành cán bộ cốt cán trong bộ máy của Đảng, được chỉ định là Bí thư xứ ủy Bắc Kỳ năm 1944. Tham gia quân đội, ông được đề bạt rất nhanh và được giao những nhiệm vụ cao vì Võ Nguyên Giáp công nhận khả năng của ông. Làm Phó bí Thư Quân ủy Trung ương năm 1946, ông được phong thiếu tướng trong lễ phong quân hàm đầu tiên năm 1948. Ông được cất nhắc rất nhanh: trung tướng năm 1954, thượng tướng năm 1959 và đại tướng năm 1974. Trong hai năm (1950 - 1951), ông chỉ huy Đại đoàn 320, trong năm 1953 ông trở thành Tổng tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam. Trong phần lớn cuộc đời binh nghiệp của mình, ông đã trở thành một người phó tin cậy của Võ Nguyên Giáp. Ông thường dễ dàng ngả theo ý kiến của

thủ trưởng mà những học thuyết và nguyên tắc quân sự của Võ Nguyên Giáp rất hấp dẫn đối với ông. Tính tình dễ dãi và khiêm nhường, Văn Tiến Dũng viết nhiều nhưng thường ưa lặp lại những quan điểm của Võ Nguyên Giáp hoặc chỉ phát biểu về những vấn đề kỹ thuật hạn chế hơn là đưa ra những ý kiến độc đáo của riêng mình.

Cũng như Võ Nguyên Giáp, Văn Tiến Dũng nghiêng về quan hệ với Liên Xô hơn với Trung Quốc. Năm 1951, ông trở thành Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Trong những năm tiếp theo sau chiến thắng Điện Biên Phủ, Văn Tiến Dũng vẫn là Tổng tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam. Năm 1960, ông là Ủy viên Trung ương chính thức. Cùng năm là Ủy viên dự khuyết Bộ Chính trị. Trong những năm đầu của chiến tranh Đông Dương lần thứ hai (1963 - 1973), Văn Tiến Dũng và Võ Nguyên Giáp chia nhau đảm nhiệm công tác quân sự của Đảng. Võ Nguyên Giáp chuyên trách từ vĩ tuyến 17 trở vào còn Văn Tiến Dũng lo việc phòng thủ miền Bắc chống chiến tranh phá hoại bằng không quân của Mỹ, công tác hậu cần trên đường mòn Hồ Chí Minh và chiến tranh ở Lào. Được giao trách nhiệm chiến trường năm 1971, Văn Tiến Dũng chỉ huy Chiến dịch xuân 1972, đánh chiếm thị xã Quảng Trị. Năm 1972, ông làm Ủy viên chính thức Bộ Chính trị. Năm 1974 Văn Tiến Dũng lên đường vào Nam chỉ huy Chiến dịch Hồ Chí Minh. Ông chỉ đạo cuộc tiến quân vào Campuchia năm 1978 và bảo vệ Việt Nam chống Trung Quốc trong cuộc chiến tranh ngắn ngủi tháng 2/1979. Năm 1980, có một thời gian Văn Tiến Dũng làm Bộ trưởng Quốc phòng.

Phạm Văn Đồng, bạn đồng nghiệp lâu năm của Võ Nguyên Giáp, sinh năm 1906, quê tỉnh Quảng Ngãi. Cũng như Võ Nguyên Giáp, khi còn trẻ, Phạm Văn Đồng học Trường Quốc học Huế. Năm 1926, Phạm Văn Đồng đi Quảng Châu gia nhập Thanh niên Cách mệnh Đồng chí hội, rồi học trường quân sự Hoàng Phố. Ông quay về Việt Nam hoạt động trong một cơ sở Thanh niên Cách mệnh Đồng chí hội ở miền Nam. Năm 1931 ông bị bắt và bị đày đi Côn Đảo cho đến khi được ân xá năm 1937. Ông trở về Hà Nội một thời gian, cùng làm công tác Đảng và làm báo với Võ Nguyên Giáp cho đến năm 1940 khi hai người sang Trung Quốc. Tại đây, ông tiếp tục hoạt động tại miền nam Trung Quốc dưới cái tên Lâm Bá Kiệt. Năm 1946 ông được Hồ Chí Minh cử làm Bộ trưởng Tài chính. Vào Bộ Chính trị năm 1951, ông trở thành Bộ trưởng Ngoại giao năm 1953, Thủ tướng năm 1955 và ông giữ chức vụ này suốt 30 năm.

Võ Nguyên Giáp và Phạm Văn Đồng cũng như nhiều nhà lãnh đạo khác gặp nhau trên hai điểm: trong chiến tranh, tầm quan trọng của chính trị là

chủ yếu; Việt Nam có thể bị các nước lớn khác áp đặt, phải chấp nhận chia cắt tạm thời nhưng là một nước thống nhất không thể phân chia. Trường Chinh nhân danh tập thể mà phát biểu khi ông tuyên bố mạnh mẽ rằng: "Hành động quân sự chỉ có thể thành công khi có đường lối chính trị đúng đắn" và nói thêm: "Người ta không thể thắng lợi về chính trị mà không thắng lợi về quân sự".

Vấn đề cấp bách nhất hiện nay là thống nhất đất nước. Văn hóa, tiếng nói, truyền thống, chính trị và tham vọng, tất cả hướng người miền Bắc đi vào công cuộc thống nhất. Người Việt Nam là sản phẩm của một nền văn minh có tiếng nói và giá trị đặc thù mà người ngoài không thể lấn lướt được. Dân tộc Việt Nam luôn là một, dù họ có bị nước ngoài đô hộ hay phải chia làm hai thực thể chính trị cạnh tranh nhau. Điều đó không chỉ là quan điểm Hồ Chí Minh, Võ Nguyên Giáp và nhiều nhà lãnh đạo khác ở miền Bắc mà còn là quan điểm của những người có ý thức chính trị ở miền Nam. Cả hai "nửa" của đất nước đều tha thiết thống nhất. Hiện nay đất nước phải trải qua giai đoạn chia cắt tạm thời nhưng điều đó không đáng kể gì, nước Việt Nam bao giờ cũng là một, không ai có thể chia cắt được. Không phải vì chính phủ cộng sản đặt trụ sở ở Hà Nội mà những cựu chiến binh miền Bắc tự coi mình như những người nước ngoài đi chinh phục: đó là những người Việt Nam tìm kiếm sự thống nhất đất nước.

Những thành viên trong Bộ Chính trị không bao giờ coi Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là một thực thể chính trị hoàn chỉnh. Đối với Võ Nguyên Giáp, miền Bắc là "nửa nước được giải phóng" và Việt Nam Dân chủ Cộng hòa không phải cái gì khác hơn là cơ sở vững chắc để thống nhất nước nhà. Đối với ông, miền Bắc là "hậu phương lớn của quân đội", là "căn cứ địa cách mạng của cả nước". Đối với Võ Nguyên Giáp và các đồng chí của ông, một Việt Nam bị chia cắt là một nước đang khủng hoảng, bị hành hình một cách bất thường. Những nhà lãnh đạo ở miền Bắc cũng như ở miền Nam đều cho vĩ tuyến 17 chỉ là một quy chế do Hội nghị Geneva năm 1954 "áp đặt" một đường "giới tuyến quân sự tạm thời, trong bất kỳ trường hợp nào không được hiểu là một biên giới chính trị hay lãnh thổ".

Trường Chinh và Võ Nguyên Giáp đều đồng ý với nhau rằng mặc dù lãnh thổ bị chia cắt, nhưng trước hết phải củng cố miền Bắc như một thành trì của chủ nghĩa cộng sản, xây dựng cơ sở hạ tầng, khôi phục và phát triển kinh tế.

Còn có lựa chọn nào khác? Trung Quốc không thể ủng hộ lập trường của người miền Bắc cũng như không ủng hộ những việc làm của Việt Nam

trên mặt quân sự ở miền Nam. Họ còn phải ưu tiên cho phục hồi đất nước sau chiến tranh chống Nhật và nội chiến kéo dài dẫn đến cách mạng 1949 và hậu quả của cuộc chiến tranh chống Mỹ viện Triều khiến họ chịu khá nhiều tổn thất. Tương tự như vậy, Liên Xô không thể hoàn toàn ủng hộ chính phủ Hồ Chí Minh, không muốn tham dự vào cuộc xung đột có thể biến thành chiến tranh thế giới thứ ba. Dù có thể giúp đỡ Việt Nam với quy mô lớn hơn, Liên Xô không để ai nghi ngờ về ý muốn của mình. Năm 1957, khi Liên Xô khẳng định ý định tìm kiếm sự ổn định ở khu vực Đông Dương và đề nghị cả Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Việt Nam Cộng hòa gia nhập Liên Hợp Quốc như hai quốc gia riêng biệt. Chắc hẳn Bộ Chính trị ở miền Bắc phải miễn cưỡng quyết định để miền Nam phải tự xoay xở trong thời gian trước mắt. Trong lúc đồng bào của họ ở miền Nam có thể tự bảo vệ tại chỗ, nếu cần thiết họ sẽ phải dựa vào hoạt động của chính họ và vào chiến tranh du kích, để vào thời điểm thích hợp có thể tiến hành một cuộc đồng khởi lật đổ chế độ Diệm và thống nhất đất nước. Chiến lược đó của Trường Chinh và Võ Nguyên Giáp chiếm ưu thế trong những năm 1954 đến 1959.

Theo lệnh của Hồ Chí Minh và Võ Nguyên Giáp, Việt Minh miền Nam trong những năm đầu sau Hiệp định Geneva duy trì hoạt động ở mức tối thiểu. Nhiệm vụ quan trọng nhất lúc này là lãnh đạo người dân nông thôn ở miền Nam có thái độ chính trị thích hợp. Cán bộ Việt Minh sống bình thường trong các thôn xóm, cày cấy, gặt lúa trên đồng ruộng, cung cấp gạo cho thị trường, sửa chữa nâng cao các công trình công cộng, nhà cửa, cung cấp thuốc men và chăm sóc y tế ở cơ sở. Qua đó họ tranh thủ được sự ủng hộ vững chắc cho sự nghiệp của mình trong hàng ngũ nông dân, Hồ Chí Minh cho các đồng chí của mình ở miền Nam những chỉ thị rõ ràng. Trong các cuộc thảo luận chính trị với dân làng, họ phải nhấn mạnh đấu tranh dân tộc chứ không phải là chủ nghĩa cộng sản. Không một trường hợp nào được lấy lại ruộng đất của nông dân. Trong mọi chừng mực phải tránh gây thái độ thù nghịch với những nhà chức trách địa phương, trái lại phải làm việc với họ và qua họ. Bạo lực chỉ được sử dụng có ý thức. Nếu thấy cần thanh toán một nhân viên của chính quyền cũ hay người của Chính quyền Sài Gòn cử về, phải dùng dao găm, nhất thiết không được dùng súng hay lựu đạn vì những vũ khí đó có thể làm chết những người vô tội ngẫu nhiên có mặt ở đấy, gây nên mối oán giận trong dân chúng, khiến nông dân quay lưng lại với cách mạng. Nếu trường hợp đó xảy ra, cán bộ phải bảo đảm rằng đã giải thích kỹ cho nông dân lý do tại sao họ không thể làm khác hơn là phải giết. Họ không được tham gia vào các hoạt động quân sự vì điều đó chắc chắn sẽ dẫn đến thất bại. Hoàn toàn đơn giản là họ chưa đủ mạnh để đương đầu với quân lính của Ngô Đình Diệm.

Một cách bản năng, Diệm hiểu rõ rằng những người cộng sản nằm vùng là mối đe dọa nguy hiểm hơn bất kỳ đối thủ nào khác. Theo lời khuyên của Lansdale, Diệm không gọi họ là Việt Minh mà đặt một tên là Việt Cộng - Cộng sản Việt Nam. Cuối năm 1955, Diệm phát động một chiến dịch để loại trừ Việt Cộng và tuyên bố những địch thủ này thậm chí không được coi như con người nữa. Quân đội của Diệm mở những cuộc hành quân càn quét, truy lùng bắt bớ, chém giết họ trong những vùng mà họ có cơ sở. Diệm còn ra lệnh làm uế tạp và đập phá các tượng đài kháng chiến, san bằng các nghĩa trang - một hành vi dã man xúc phạm tình cảm thiêng liêng của người Việt Nam đối với người quá cố, phỉ báng tục lệ thờ cúng tổ tiên. Trong chiến dịch đó, quân đội Việt Nam Cộng hòa và Cơ quan đặc vụ (công an mật) của Ngô Đình Nhu giết hại một số lớn người bị vu là Việt Minh - Việt Cộng nằm vùng, theo ước tính có khoảng 20.000 đến 75.000 nạn nhân. Ngoài ra còn có 100.000 người khác bị bắt, đưa vào các trại cải huấn. Vào lúc chiến dịch kết thúc cuối năm 1958, chỉ còn khoảng 3.000 quân Việt Minh sống sót ở miền Nam Việt Nam.

Trong thời điểm căng thẳng và nguy hiểm đó, để bảo toàn lực lượng, Võ Nguyên Giáp lệnh cho cán bộ Việt Minh ở miền Nam Việt Nam rút về miền cao nguyên phía tây nam Trung Bộ. Quân đội bù nhìn và cố vấn Mỹ chắc chắn là ở lại vùng ven biển và thành phố. Việt Minh phải lập các an toàn khu và chỉ sau này mới mở rộng ảnh hưởng xuống vùng rừng núi và các làng ở đồng bằng sông Mê Kông. Muốn tấn công vào thành phố phải đợi thời gian sau này thuận lợi hơn.

Vào lúc chiến dịch chống những người cộng sản của Diệm lên cao nhất, giữa năm 1957 Việt Cộng phát động kế hoạch trả đũa. Mục tiêu của họ là nhằm vào những chức sắc trong làng được Sài Gòn trả lương và có nhiều hành vi tàn bạo nhất. Trong năm 1958, mặc dù số lượng ngày càng giảm sút vì hành động đàn áp của chính phủ Diệm, nhưng cán bộ Việt Minh vẫn trừng trị trên 1.000 tên ở cấp thấp của Việt Nam Cộng hòa. Số vụ xử tội tiếp tục tăng lên, 4.000 vụ trong năm 1959 và trong các năm tiếp theo. Những phương pháp của Diệm nhằm xoa dịu sự chống đối với chế độ chỉ càng làm cho dân chúng ở các vùng nông thôn xa lánh chính quyền. Đa số nông dân ở khắp nơi, kể cả cộng sản và không cộng sản đều giữ thái độ dửng dưng trước những đại biểu Chính quyền Sài Gòn bị trừng trị.

Diệm phản ứng đúng như Việt Cộng trông đợi. Ông nghĩ cuộc khủng hoảng là do nông thôn thiếu an ninh và ông chỉ định sĩ quan quân đội làm đại diện chính phủ. Đến năm 1962, trong 41 tỉnh trưởng thì 36 là sĩ quan quân đội trong khi nhiều sĩ quan khác giữ những vị trí trong bộ máy quan liêu ở

nông thôn cho đến cấp huyện. Nói chung, họ là người Công giáo vì Diệm nghĩ rằng có thể tin vào họ nhưng họ lại không hiểu và thông cảm được dân chúng dưới quyền đa số là theo đạo Phật. Họ không chú ý đến nhu cầu kinh tế và xã hội của người dân vì sợ làm mất lòng Diệm. Tệ hơn nữa là họ sống như giữa vùng địch, luôn luôn ẩn mình trong các lô cốt có dây thép gai bao bọc và lính cầm vũ khí canh gác bên ngoài.

Trong những năm đen tối đó, Bộ Chính trị đã không ngừng giúp đỡ cho phong trào chống Diệm ở miền Nam. Đầu năm 1959, Võ Nguyên Giáp bắt đầu suy nghĩ về phương tiện gửi người và hàng từ miền Bắc vào miền Nam. Ngày 19/5, ông ra lệnh cho tướng Võ Bẩm nghiên cứu các phương án. "Bí mật và an toàn tuyệt đối là khẩu hiệu của chúng tôi". Võ Bẩm miệt mài làm việc và chẳng bao lâu mở một con đường mòn khiêm tốn vào Nam. Công việc bắt đầu vào tháng 5/1959 và những người mở đường mòn ấy được biết đến với cái tên Đoàn 559.

Đoàn 759 được tổ chức vào tháng 7/1959 được giao nghiên cứu cách xâm nhập vào miền Nam bằng đường biển. Tháng 9, Võ Nguyên Giáp ra lệnh thành lập Đoàn 959 nghiên cứu việc tiếp tế cho các lực lượng vũ trang Pathet Lào. Võ Nguyên Giáp còn phái các đơn vị vũ trang đấu tranh bên cạnh các lực lượng yêu nước Lào, đảm bảo an ninh cho khu vực mở đường lập binh trạm của Đoàn 559.

Đặng Nghiêm Bái, một cán bộ cấp cao của Bộ Ngoại giao, nhớ lại: trong tháng 11 và 12/1959, Bộ Chính trị đã thông qua một nghị quyết quan trọng. Sau khi đánh giá các trào lưu ở miền Nam, Đảng kết luận đã đến lúc phải kêu gọi nhân dân nổi dậy lật đổ Ngô Đình Diệm là một tên độc tài bị cô lập và tàn bạo đang thực hiện cuộc đàn áp dã man đi từ tử hình đến chuồng cọp.

Võ Nguyên Giáp cung cấp viện trợ nhiều hơn nữa cho phong trào miền Nam. Ông ra lệnh cho một số cán bộ quân sự đã chiến đấu ở miền Nam và tập kết ra Bắc năm 1954 phải trở về miền Nam, theo từng tỉnh quê quán của họ ở miền Nam. Họ mang theo vũ khí do miền Bắc cung cấp hoặc trở về đào những chỗ cất giấu những vũ khí từ năm 1954 trước khi đi tập kết ra Bắc. Cuối năm 1960, số người vũ trang chống đối chế độ Diệm lên tới ít nhất 10.000 người. Dần dần họ kiểm soát các vùng rừng núi trong tỉnh Quảng Ngãi và rừng U Minh trong các tỉnh Kiên Giang và An Xuyên, Đồng Tháp Mười dọc biên giới Campuchia và phần lớn vùng đầm lầy Tây Nam Bộ. Nông dân ở phía nam vĩ tuyến 17 lúc đầu do dự, nhưng dần dần do công tác vận động tuyên truyền giác ngộ, họ đã ủng hộ chính quyền cách mạng. Việt

Cộng kiểm soát ngày càng lớn nông thôn miền Nam.

Tức giận vì bất lực không diệt nổi Việt Cộng, Diệm cai quản phần lãnh thổ còn lại của đất nước với bàn tay ngày càng cứng rắn hơn nhờ 300 triệu đôla viện trợ của Mỹ về kinh tế và quân sự. Không phải vô cớ mà đầu óc nghi ngờ của Diệm luôn luôn bận rộn với việc thanh toán đối thủ, đối phó với các âm mưu lật đổ, ám sát và cách mạng. Các quyết định của Diệm không ngừng thu hẹp chỗ dựa của ông ta ở cơ sở. Ông ta đã đẩy ra khỏi chính phủ nhiều người có trình độ nghiệp vụ, những kỹ thuật viên tài giỏi, các chức sắc Phật giáo. Ông đã cho phép em ông là Ngô Đình Nhu lập ra đảng Cần lao Nhân vị và Diệm coi những ai không thể hay không muốn gia nhập đảng của ông là thuộc về cùng một loại như Việt Cộng - kẻ thù của quốc gia.

Ông đã có thể làm sống lại, bảo tồn và phát huy truyền thống cũ về dân chủ làng xã của nhân dân ông và đưa vào miền Nam một chương trình cải cách điền địa: nông dân chỉ trông chờ có thế để tuyên bố trung thành mãi mãi với chính phủ của ông. Cũng như trước đây, họ đã có thể coi người lãnh đạo là mang sứ mệnh thiên tử và họ phải ủng hộ ông. Đáng lẽ phải như thế, nhưng ông lại quay lưng với những khả năng đó, cấm đoán tuyển cử địa phương, cử người của phe cánh làm xã trưởng. Ông ủng hộ các điền chủ thu quá điền tô và chiếm đất của điền chủ khác, chia vụn ra cho người của phe cánh ông nhiều khi là tín đồ Công giáo di cư từ miền Bắc không được chút cảm tình nào của nhân dân miền Nam đa số theo Phật giáo. Diệm đuổi người dân ra khỏi ruộng đất của họ do tổ tiên để lại để ném vào các ấp chiến lược thực chất không hơn gì trại tập trung. Ở đó, nông dân sống chen chúc khốn khổ và tự hỏi nếu xét về toàn bộ họ còn có cách nào khác hơn là ngả vào vòng tay của Việt Cộng? Còn có gì phải ngạc nhiên khi thấy phần lớn giai cấp nông dân miền Nam có thái độ thù nghịch công khai hoặc thờ ơ với Chính phủ Sài Gòn?

Xung quanh Diệm chỉ còn thưa thớt vài cố vấn gợi ý cho ông thay đổi cách cai trị. Người nước ngoài duy nhất còn được Diệm tín nhiệm là Edward Lansdale thì ông đã về Mỹ năm 1957. Ngay cả trước khi ra đi, Lansdale cũng không còn giữ được ảnh hưởng với Diệm như trước đây. Trần Văn Đôn có một thời gian làm Bộ trưởng Ngoại giao của Diệm đã có nhiều dịp theo dõi tình hình trong thời gian cuối khi Lansdale còn làm việc cho Diệm. Một hôm, Đôn hỏi Diệm giải thích về sự lạnh nhạt đó. Diệm trả lời: “Lansdale lộ mặt CIA quá và ông ta gây lúng túng cho chúng ta. Trong chính trị không có chỗ cho tình cảm”. Đôn nghĩ rằng một trong những lý do lý giải việc thất sủng của Lansdale là ông ta tìm cách ép Diệm quá đáng để Diệm sao chép

những phương pháp của Magsaysay [ở Philippines]... Đôn nói: "Điều này thật sự đã xúc phạm Diệm".

Diệm tỏ ra ít kính trọng và không thích những người Mỹ khác. Diệm thấy (không phải là không có lý do) họ (những người Mỹ) là những tay dốt nát tày trời về các vấn đề Việt Nam và ông đánh giá họ quá tự cao tự đại nghĩ rằng những gợi ý ngây thơ, ít thông tin phải được áp dụng ngay lập tức không được ngập ngừng hay rì rầm than thở gì. Thái độ đó càng được củng cố, Diệm càng quay về các thành viên trong gia đình họ Ngô. Anh cả Diệm là Ngô Đình Thục, Tổng giám mục ở Huế, tức là giám mục trông coi hết thảy Công giáo Việt Nam. Trong một nước người Công giáo được coi trọng hơn các công dân khác thì vị thế của Thục củng cố mạnh vị thế của Diệm và những giáo hữu khác. Diệm bổ nhiệm em út là Ngô Đình Luyện, người phát ngôn quốc tế của gia đình họ Ngô, làm đại sứ tại Anh và đại sứ lưu động ở phần còn lại của thế giới. Luyện rao giảng cho những ai muốn nghe ông ta về việc Chính quyền Sài Gòn phải tồn tại. Ông trở nên đặc biệt giàu có khi đầu cơ đồng bạc Đông Dương bằng cách sử dụng những thông tin về tỷ giá chênh lệch do các anh ở trong nước cung cấp cho.

Người em áp út của Diệm là Ngô Đình Cẩn ít học, sống ẩn dật với mẹ ở Huế. Được mệnh danh là quân phiệt miền Trung, tức là khu vực giữa vĩ tuyến 17 và tỉnh Phan Thiết. Nhờ vị thế và được sự tín nhiệm của Ngô Tổng thống, Cẩn là người rất giàu có, có quân đội riêng và có cả công an mật. Diệm cho Cẩn được toàn quyền xử lý các công việc miền Trung.

Ngô Đình Nhu là người em trai kế cận với Diệm, nghiện thuốc phiện và thích làm lớn - một kiểu hoang tưởng tự đại, là người cộng tác gần gũi nhất và tâm đắc nhất của Diệm. Hai anh em Diệm - Nhu trở thành cặp đôi không thể tách rời. Nhu là ông chủ chính trị từ tỉnh Phan Thiết đến bán đảo Cà Mau. Vợ Nhu, Trần Lệ Xuân, người ta quen gọi là bà Nhu, làm chức trách nữ chủ nhà tiếp khách cho Diệm, tự đánh giá mình quá cao và đôi khi cư xử như mình là hiện thân thời hiện đại của Hai Bà Trưng. Tự xưng là người bảo vệ nguyên tắc đạo đức phụ nữ, bà ta sử dụng đội nữ binh của mình để cấm đoán khiêu vũ, mang nịt vú và tô son môi, uốn tóc như tổ ong. Diệm thu mình bên trong cái tổ kén gia đình ấy và ngày càng có thái độ thù nghịch với người nước ngoài. Đó không phải là tình hình cho phép Việt Nam Cộng hòa có thể tồn tại lâu dài.

Tình hình chính trị dưới chế độ độc tài của Diệm ngày càng xấu. Tháng 1/1959, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ở miền Bắc quyết định phát động khởi nghĩa vũ trang ở miền Nam và chính thức tuyên bố tại Hội nghị toàn thể

Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 15, tháng 5 năm đó rằng những kết luận của Hội nghị phải thành hành động. Tháng 7, Võ Nguyên Giáp cử 4.000 cán bộ quê ở miền Nam thâm nhập Việt Nam Cộng hòa, rất nhiều người về phục vụ ở quê nhà. Đến nay Việt Minh - Việt Cộng ở miền Nam đã cảm thấy đủ mạnh để bắt đầu tiến công vào các căn cứ quân sự của quân đội Việt Nam Cộng hòa và các cơ quan chính phủ. Ngày 8/7/1959 lần đầu tiên họ tấn công người Mỹ. Quân du kích đột nhập vào hàng rào trụ sở Phái đoàn Viện trợ Quân sự Hoa Kỳ (USMAAG) tại căn cứ không quân Biên Hòa ở phía bắc Sài Gòn, tiêu diệt hai người Mỹ của không lực Hoa Kỳ là thiếu tá Dale Buis, sĩ quan chuyển sang ngành an ninh quân đội và trung sĩ nhất Chester Ovnand.

Nhịp độ cách mạng tăng dần. Ngày 5/9/1960, tại Đại hội III của Đảng, Chính phủ Hồ Chí Minh ra tuyên bố ủng hộ cuộc nổi dậy ở miền Nam. Đại hội tuyên bố không còn chút hy vọng nào thực hiện mục tiêu thống nhất đất nước bằng tuyển cử trên phạm vi cả nước. Chỉ có đấu tranh vũ trang mới có thể giành thắng lợi cuối cùng.

Tháng 12/1960, theo một thông báo công bố tại Hà Nội, một hội nghị họp tại “một nơi ở miền Nam” gần biên giới Campuchia đã thành lập Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam. “Mặt trận” đó cũng như nhiều mặt trận đã tồn tại từ hai ba chục năm trước là một sách lược quen thuộc của cộng sản nhằm đoàn kết các tầng lớp nhân dân, các đảng phái, các nhóm chính trị hoặc tổ chức quần chúng không phân biệt xu hướng chính trị, có tinh thần quốc gia chống lại chế độ độc tài Ngô Đình Diệm. Tất cả các tổ chức đều không tín nhiệm cách thức cai trị của Diệm và mong muốn đưa miền Nam khỏi sự khống chế của chính quyền Ngô Đình Diệm. Đó là các phong trào nông dân, thanh niên, phụ nữ, trí thức và nghệ sĩ, những người hoạt động giáo dục, nghệ thuật, tôn giáo, chính trị. Mặt trận cũng kêu gọi các lực lượng vũ trang của các giáo phái Cao Đài, Hòa Hảo, Bình Xuyên.

Ngay từ đầu, những nhà lãnh đạo cộng sản miền Bắc đã kiểm soát Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam. Mọi sáng kiến và sự lãnh đạo đều từ Đảng Nhân dân Cách mạng miền Nam. Cũng như Mặt trận Dân tộc giải phóng, Đảng Nhân dân Cách mạng miền Nam chính là một cách khôn khéo được Bộ Chính trị ở miền Bắc lập ra. Được tổ chức như thế, Mặt trận Dân tộc giải phóng và Đảng Nhân dân Cách mạng có thể yêu cầu “độc lập” trước thế giới. Đó là những phong trào sinh ra ở miền Nam và nhằm báo cho thế giới biết rằng Bắc Việt Nam không phải là đang phá hoại hiệp định Geneva, gửi lực lượng quân sự vào nam vĩ tuyến 17. Các hoạt động quân sự ở miền Nam Việt Nam giờ được giao trực tiếp cho đại tướng Nguyễn Chí

Thanh.

Các đơn vị vũ trang ở miền Nam được miền Bắc chi viện về người và vũ khí, tăng cường hoạt động. Càng ngày Diệm càng mất dần kiểm soát trên phần lãnh thổ của mình. Ông đã không thể tin cậy vào quân đội của chính ông. Tháng 11/1960, các đơn vị quân đội thù địch với ông bao vây Dinh Tổng thống để đòi cải cách. Ông chỉ được cứu thoát nhờ các đơn vị trung thành với ông trở về kịp thời.

Sợ rằng hoạt động ngày càng tăng của Việt Cộng và sự ly khai phổ biến khắp miền Nam chỉ là khúc dạo đầu cho một cuộc tiến công từ miền Bắc, tướng Mỹ Samuel Williams chỉ huy Phái đoàn Viện trợ Quân sự Hoa Kỳ tăng cường nỗ lực để huấn luyện binh sĩ cho quân đội Việt Nam Cộng hòa. Ông muốn có một đội quân hợp lý hóa, bớt hào nhoáng, có khoảng 150.000 người sao cho họ là bản sao y hệt lính Mỹ giống như những người Mỹ chống lại Liên Xô trên các cánh đồng châu Âu. Trong thời gian phục vụ ở Việt Nam, Williams đã thành công ở chỗ làm cho quân đội Việt Nam Cộng hòa mất luôn cả kỹ thuật chiến đấu đã lĩnh hội được chút ít trong chiến tranh du kích.

Một số bạn cũ của Diệm cũng mất hết hy vọng vì tình hình đang tiếp tục xấu đi. Edward Lansdale lúc này đang phụ trách các công việc với Cu Ba trong Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ, quay trở lại Việt Nam trong một chuyến thanh tra được tổ chức vội vã từ ngày 2 đến ngày 14/1/1961. Ông luôn luôn tuyên bố không muốn có mặt ở Washington khi cuộc đổ bộ được CIA ủng hộ vào bãi biển Playa Giron (Vịnh Con Lợn) ở Cu Ba đang diễn ra. Ông không muốn bị khiển trách vì thất bại của mình. Bản báo cáo đệ trình lên trên sau khi ông trở về vẽ lên một bức tranh ảm đạm, mặc dù ông vẫn nghĩ rằng còn có thể đôi chút hy vọng vào Diệm và chế độ của ông ta.

Phớt lờ những lời khuyến cáo rõ ràng của Lansdale, Tổng thống mới được bầu là John Kennedy vẫn quyết định tăng thêm cố vấn Mỹ được bổ nhiệm bên cạnh Diệm. Do vậy, đến ngày 30/12/1960, số cố vấn Mỹ đã lên tới 900 người. Một năm sau con số này lên đến 3.200 người. Đến ngày 31/12/1962, Kennedy bổ nhiệm 11.300 cố vấn quân sự Mỹ sang giúp Diệm. Khi Kennedy bị ám sát ở Dallas, số quân nhân có mặt ở miền Nam Việt Nam đã lên tới 16.300 người. Trong hai năm 1961 và 1962 đã có 32 người Mỹ thiệt mạng. Lầu Năm Góc quyết định lập Bộ Chỉ huy Viện trợ Mỹ ở Việt Nam (USMACV) thay cho Phái đoàn Viện trợ Quân sự (USMAAG) đã bị lôi cuốn vào bãi lầy Việt Nam.

Võ Nguyên Giáp tiếp tục nêu cao quan điểm của mình về những việc cần làm ở Nam Việt Nam. Năm 1961, ông (hoặc những người phụ tá của ông trong Bộ tham mưu) tập hợp các bài viết của mình thành một tuyển tập nhan đề *Chiến tranh nhân dân, quân đội nhân dân* mà báo Mỹ *Herald Tribune* đánh giá là "cuốn sách giáo khoa về chiến tranh du kích, trở thành kim chỉ nam hoạt động cho những người lãnh đạo cách mạng ở miền Nam Việt Nam". Qua các trang viết, Võ Nguyên Giáp nói về cuộc chiến tranh chống Pháp, kể lại ông đã chiến thắng Điện Biên Phủ như thế nào, giải thích tại sao phải đặt chính trị lên trên hoạt động quân sự và sự cần thiết phải chiến đấu lâu dài để tiêu hao lực lượng địch, giành thắng lợi cho chiến tranh nhân dân.

Cũng trong năm đó, Võ Nguyên Giáp bắt đầu cải thiện các con đường tiếp tế cho miền Nam. Cần phải mở rộng con đường mòn ở phía tây con đường ban đầu đi qua Lào và Campuchia với nhiều đường nhánh xuất phát từ đường chính. Đoạn chót của con đường mòn này là An Lộc, cách Sài Gòn 120 km về phía bắc, nối liền với các con đường bí mật dẫn đến căn cứ Việt Cộng ở Củ Chi không xa thủ đô về phía đông bắc.

30.000 dân công tham gia dự án mở rộng đường tiếp tế vào miền Nam. Khi hoàn thành dự án, họ đã xây được hàng nghìn cây số đường kiên cố được ngụy trang kỹ càng, có thể lưu thông hàng nghìn xe tải, xe tăng và các khẩu pháo. Dọc đường cứ trăm mét lại có hầm trú ẩn phòng tránh máy bay. Các cầu ngầm dưới mặt nước bắc qua hàng trăm sông suối. Khi lực lượng làm đường nối liền các đoạn ngắn, thời gian hành trình giảm đi rõ rệt.

Cuối năm 1962, Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tăng cường phản đối các hoạt động của Mỹ ở Việt Nam. Tháng 9, Võ Nguyên Giáp gửi một thông điệp khẩn cho đại sứ Ấn Độ R. Goburdhun - Chủ tịch Ủy ban Kiểm soát và Giám sát quốc tế về việc thi hành Hiệp định Geneva. Võ Nguyên Giáp đưa ra nhiều lời tố cáo: nào là các đơn vị hải quân Mỹ ngày 17/9 đã đưa vào cảng Sài Gòn 33 trực thăng chiến đấu và 500 quan, quân lính. Nào là số lính Mỹ có mặt ở miền Nam Việt Nam nay đã vượt con số 10.000 so với tháng 7 mới chỉ là 8.000.

Ông cũng phàn nàn việc tướng Paul Harkins, Chỉ huy trưởng cơ quan viện trợ Mỹ trong tháng 8 đã ra lệnh cho một số đơn vị lính Mỹ tham gia trực tiếp chiến đấu. Ông cũng lưu ý việc tuần trước tướng Mỹ Maxwell Taylor đã thăm Sài Gòn. Võ Nguyên Giáp nhận xét: "Những sự việc đó chứng tỏ Hoa Kỳ đã sẵn sàng mở rộng can thiệp vũ trang vào miền Nam Việt Nam, gây nguy cơ mở rộng lò lửa chiến tranh…" Ông tố cáo những hành động ấy vi phạm điều 17, 18 và 19 Hiệp định Geneva về Đông Dương.

Ngày 22/12, trong bản nhật lệnh nhân dịp kỷ niệm ngày thành lập quân đội, Võ Nguyên Giáp nói: "Miền Bắc tích cực đấu tranh hòa bình thống nhất nước nhà. Ở miền Nam, tiếc thay Hoa Kỳ đã tiến hành đủ loại âm mưu độc ác và tàn bạo để dập tắt mọi hy vọng chấm dứt tình trạng chia cắt hai miền ở Việt Nam". Ông kêu gọi những người yêu nước ủng hộ phong trào đấu tranh cho độc lập và dân chủ, tăng cường cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu chặn đứng bàn tay hiếu chiến của đế quốc, đập tan các ý đồ đen tối của chúng. Ông hứa hẹn nếu muốn, người dân tích cực học tập chính trị, tăng gia sản xuất và tiết kiệm thì sẽ có nhiều tiến bộ.

Ngày hôm sau trong chiêu đãi mừng tướng Pavel Ivanovich Batov, Phó Tổng Tham mưu trưởng quân đội Liên Xô, Võ Nguyên Giáp nói quân đội của ông học tập, rèn luyện để nâng cao tính chuyên nghiệp và trình độ chiến đấu. Ông khen ngợi người dân miền Bắc luôn luôn cảnh giác làm thất bại kế hoạch của Mỹ - Diệm, một chế độ ruỗng nát, phái biệt kích gián điệp ra miền Bắc. Rồi trong một lúc bất ngờ nhất, ông nhắc lại câu ngạn ngữ: "Kẻ gieo gió ắt sẽ gặp bão".

Ngày 26/12 năm đó, Võ Nguyên Giáp lại gửi cho Goburdhun một thông điệp mới lưu ý Ủy ban quốc tế về những ý đồ đen tối của Mỹ và bè lũ tay sai Ngô Đình Diệm. Ông tóm tắt những hoạt động của người Mỹ trong suốt năm qua, tăng nhanh nhịp độ đổ vũ khí và dụng cụ chiến tranh vào miền Nam Việt Nam với hàng tấn đạn dược cho lực lượng mặt đất, hàng trăm máy bay chiến đấu, máy bay trực thăng và vũ khí hóa học, bom na-pan, các hệ thống viễn thông điện tử nối liền các căn cứ không quân Tân Sơn Nhất, Biên Hòa, Đà Nẵng. "Người Mỹ và quân đội bù nhìn Việt Nam Cộng hòa", Võ Nguyên Giáp nói, "đã mở 11.000 cuộc hành quân với quy mô tiểu đoàn hay hơn nữa để càn quét, bắn phá. Các ấp chiến lược thực tế là những trại tập trung trá hình. Cuộc chiến tranh xâm lược đó là việc làm của Chính quyền Kennedy đe dọa nghiêm trọng hòa bình, vi phạm điều 12 của Hiệp định Geneva về Đông Dương".

Võ Nguyên Giáp chào mừng Tết năm 1963 bằng cách viết bài "*Năm mới, thắng lợi mới*" đăng trên báo *Quân đội nhân dân*, nêu những thành tích đã đạt được trong năm qua và giải thích miền Bắc đang xây dựng cơ sở vật chất như thế nào. "Mỗi khi xuân về Đảng ta lại có sức mạnh mới. Chủ nghĩa cộng sản là mùa xuân của nhân loại". "Tất cả những cái đó chứng tỏ nhân dân miền Bắc tiến dần lên một cuộc sống dễ chịu và hạnh phúc. Nhưng tại miền Nam, Mỹ đã tiến hành một cuộc chiến tranh xâm lược không tuyên bố. Mỹ chi 1,5 triệu đôla mỗi ngày để ủng hộ chính phủ bù nhìn trong khi họ dấn sâu vào vũng lầy đã chôn vùi thực dân Pháp". Miền Bắc, theo lời Giáp, sẽ

không bao giờ quên miền Nam vì đó là "thành đồng của nước nhà". Ông đảm bảo với độc giả: "Thắng lợi cuối cùng nhất định thuộc về chúng ta".

Càng ngày điều kiện chính trị ở miền Nam càng trở nên tồi tệ. Diệm sống trong cơn hoảng loạn và bỏ tù hay đày đi biệt xứ bất kỳ ai dù chỉ mới hé ra một chút đối lập. Các tướng lĩnh của ông cằn nhằn nhưng cách điều khiển quân đội của họ là chuyện đại bịp và binh lính chiến đấu không có hiệu quả. Trận Ấp Bắc ngày 2/1/1963 trong tỉnh Định Tường gần Đồng Tháp Mười là một thí dụ. Hôm đó, 2.000 lính của sư đoàn 7 quân đội Việt Nam Cộng hòa mặc dù có kế hoạch tác chiến hẳn hoi đã từ chối không chịu tấn công tiểu đoàn 514 của Việt Cộng cố thủ trong một làng mang tên Ấp Bắc dọc một con kênh dài một cây số rưỡi. Lính Việt Cộng giữ vững vị trí, hạ năm trực thăng và bắn thiệt hại chín chiếc khác, bắn thủng vỏ xe bọc thép M.113 đi yểm hộ, giết pháo thủ và uy hiếp lái xe. Lính Cộng hòa không chịu tiến lên. Việt Cộng giết và làm bị thương 200 lính Cộng hòa, ba cố vấn Mỹ. Quân đội Việt Nam Cộng hòa khi gặp Việt Cộng gồm đa số là quân từ miền Bắc vào, tỏ ra hoảng sợ, tinh thần chiến đấu, cơ hồ tan rã.

Bộ Chính trị ở miền Bắc nhận thấy nhân dân miền Nam dưới ách thống trị của Diệm đã cảm thấy không kiên nhẫn được nữa. Cuộc khủng hoảng Phật giáo mùa hè năm 1963 càng khích động người dân miền Nam. Năm đó, kỷ niệm lần thứ 2587 ngày Phật Đản, Diệm ngăn cấm hoạt động của Phật tử diễn ra dưới hình thức các đám rước mang theo nhiều cờ và đốt pháo. Ngày 8/5 trên một nghìn người phản đối tụ tập trước đài phát thanh của chính phủ ở Huế và kiên quyết không chịu giải tán. Lính Cộng hòa bắn xả vào đám đông giết chết tám người. Ngày hôm sau, trên một nghìn Phật tử giận dữ đòi đại diện chính phủ công khai xin lỗi và đòi bồi thường cho gia đình nạn nhân. Các cuộc tuyệt thực nổ ra khắp nơi trên lãnh thổ Việt Nam Cộng hòa, quân đội Cộng hòa đối phó lại bằng cách huy động xe bọc thép, sử dụng cả chó nghiệp vụ và hơi cay.

Ngày 11/6/1963, Hòa thượng 73 tuổi Thích Quảng Đức dẫn đầu đoàn đệ tử đi đến phố Phan Đình Phùng ở Sài Gòn. Trước con mắt của các nhà báo, một nhà sư khác đổ xăng vào Thích Quảng Đức để ông bật diêm xòe lửa rồi tự thiêu, lấy cái chết của mình biểu thị phản đối các hoạt động dã man của Diệm. Nhiều vụ tự tử khác liên tiếp xảy ra. Nhân dân thế giới khiếp sợ, có thể nhìn rõ cảnh tự thiêu được truyền đi khắp thế giới trong chương trình truyền hình. Diệm luôn ngoan cố, còn tỏ thái độ ngờ vực hơn. Giữa tháng 8, Diệm ban bố thiết quân luật, tạm ngừng mọi quyền tự do công dân và cấm các cuộc họp công cộng. Bà Nhu, lúc này đang ở Hoa Kỳ đã nói những lời đùa cợt tục tĩu đối với những vụ tự thiêu. Ngô Đình Nhu giúp anh gia tăng

các vụ đàn áp tín đồ Phật giáo. Quân đội Việt Nam Cộng hòa cũng vào cuộc. Được những lời hứa hẹn kín đáo của Đại sứ Mỹ mới là Henry Cabot Lodge bảo đảm qua nhân viên CIA Lucien Conein truyền đạt, Trần Văn Đôn và Dương Văn Minh tổ chức nhóm đảo chính quân sự lật đổ Ngô Đình Diệm. Ngày 1/11/1963, họ giết hai anh em Diệm, Nhu.

Diệm chết, chính quyền miền Nam rơi vào tình trạng hết sức lộn xộn. Trong lúc các tướng lĩnh đang tranh giành nhau thế lực và quyền hành để cố lập lại tình hình, cai trị đối với những người dân đã quá nản lòng, thì Việt Cộng đã làm chủ được một phần rộng lớn ở nông thôn. Còn quân đội Việt Nam Cộng hòa thì chỉ đủ sức kiểm soát một vài vùng chủ yếu ban ngày còn ban đêm hoàn toàn thuộc về Việt Cộng.

---

[1] Lê Duẩn sinh năm 1907 (BT).

[2] Lê Đức Thọ sinh năm 1911 (BT).

[3] Nguyễn Chí Thanh sinh năm 1914 tại Thừa Thiên Huế (BT).

“Chỉ có các triết gia mới nói đến quy luật”

Năm 1964, chiến tranh ở miền Nam đã phát triển tới mức các đơn vị Việt Cộng có thể mở các cuộc tiến công với quy mô trung đoàn tham gia. Thực tế là không thể duy trì cuộc chiến đấu ở mức đó nếu chỉ bằng lòng với việc sử dụng chiến lợi phẩm thu được của quân đội Cộng hòa để tự trang bị. Võ Nguyên Giáp tăng thêm khối lượng tiếp tế của miền Bắc chi viện cho miền Nam. Ông nói: “Đế quốc hiếu chiến Mỹ không từ bỏ ý định can thiệp vũ trang vào miền Nam Việt Nam”. Ông hy vọng John Kennedy chết rồi, người kế nhiệm sẽ khôn ngoan hơn để chấm dứt viện trợ Mỹ. Nhưng ông nhanh chóng nhận thấy Johnson cũng chẳng hơn gì Kennedy. Cuộc chiến tranh vẫn tiếp tục.

Võ Nguyên Giáp xây dựng kế hoạch để tấn công vào Sài Gòn. Khoảng năm 1964 Việt Cộng đã có ba sư đoàn áp sát Sài Gòn chỉ cách có khoảng 80 km, khi nào muốn, có thể cô lập Sài Gòn, tung lực lượng còn lại tấn công vào nội đô. Giữa tháng 4, trả lời nhà báo Australia -Wilfred S. Burchett - vừa đi thăm vùng giải phóng ở miền Nam Việt Nam về, Võ Nguyên Giáp tuyên bố: “Tương quan lực lượng đã chuyển sang có lợi cho miền Bắc, bất chấp sự xâm lược tàn bạo và vô liêm sỉ của Mỹ”. Ông cười nói thêm: “Đa số các vũ khí của Việt Cộng đều có ghi*made in USA* (chế tạo ở Mỹ) ngay cả máy móc quân giải phóng dùng để chế tạo vũ khí cũng đều gia công ở Mỹ. Mỹ và tay sai ở miền Nam không cần tranh cãi... là họ sẽ thua hay thắng mà là bao giờ thua”.Lạc quan của Võ Nguyên Giáp với sự phân tích của ông vào thời điểm này là hơi sớm. Cuộc tranh luận về chiến tranh Việt Nam sẽ chia rẽ dư luận còn chưa nổi lên ở Mỹ. Sau đó vài tháng, đánh giá tình hình một cách thực tế hơn, Võ Nguyên Giáp nhận xét: “Không may là Mỹ không chịu tự mình rút về nước trừ phi nhân dân Việt Nam sử dụng mọi hình thức chiến tranh cách mạng để chiến đấu chống lại chúng”. Trong một bài báo khác viết nhân dịp kỷ niệm 10 năm Hiệp định Geneva đăng trên báo *Nhân dân* ngày 19/7, ông tố cáo Mỹ đã vi phạm hiệp định ngay khi mực chưa ráo bằng những “hành động bí mật và nham hiểm” nhằm cho phép Mỹ kiểm soát nước Lào, Campuchia và Nam Việt Nam. Ông cũng nhận xét rằng chế độ Diệm - Nhu sụp đổ đã đưa chính quyền bù nhìn và quân đội của chúng đảo lộn lung tung. Ông buộc tội chính quyền miền Nam “không thể đứng vững trên đôi chân của chính mình nếu không bám vào quan thầy như một kẻ đầy tớ ngoan ngoãn”.

Đi xa hơn nữa, Võ Nguyên Giáp tố giác việc Tổng thống Lyndon

Johnson cử tướng Maxwell Taylor là đại sứ mới tại Việt Nam Cộng hòa, chứng tỏ Hoa Kỳ theo đuổi chính sách "chiến tranh và khủng bố". Ông chế giễu hy vọng của Taylor cứ tưởng rằng miền Nam sẽ được bình định trong 18 tháng. Ông tiên đoán kế hoạch của Taylor sẽ thất bại như kế hoạch của các tướng Pháp kế tiếp nhau đến Việt Nam với ý định lập lại nền thống trị thuộc địa. Võ Nguyên Giáp liệt kê các thành tích chỉ trong nửa năm Việt Cộng đã đánh gần 14.000 trận lớn nhỏ, san phẳng 400 đồn bốt địch, bức rút 550 đồn bốt khác, giết và bắt 42.000 lính Cộng hòa và loại khỏi vòng chiến đấu 30.000 tên khác, 170 máy bay bị bắn rơi và 500 lính Mỹ bị giết, bị thương và bị bắt sống. Ai muốn ngờ vực các số liệu của miền Bắc đưa ra chỉ cần đọc lướt qua các nguồn tin của Mỹ ít nhất cũng thấy rõ những tổn thất của nước này. Năm 1963, 489 người Mỹ đã bị thương hoặc bị giết, tức nhiều hơn bốn lần năm trước. Khoảng 16.500 lính Mỹ đã phục vụ ở Việt Nam và viện trợ của Washington lên tới 500 triệu đôla.

Cuộc xung đột chờ dịp leo thang do các hoạt động do thám bí mật của hải quân Mỹ không đem lại kết quả mong đợi. Những hoạt động đó có tên là "nhiệm vụ Desoto" nhằm phát hiện các tàu của miền Bắc chở tiếp tế cho các lực lượng quân giải phóng ở miền Nam, xác định các trạm rađa ven biển và các thiết bị điện tử khác, ghi các tin tức ngoài biển để cung cấp cho các đội biệt kích đổ bộ vào bờ biển Bắc Việt. Ba ngày trước khi bị ám sát, Kennedy đã đồng ý một chương trình bổ sung được đặt tên là "Kế hoạch tác chiến 34-A hoặc OPLAN 34-A" bao gồm những cuộc xâm nhập nhỏ của các đội biệt kích vào vùng ven biển Bắc Việt để đặt mìn phá cầu cống, các kho hàng cùng các mục tiêu khác.

Đô đốc Ulysses Grant Sharp Jr. - Tư lệnh hạm đội Thái Bình Dương - ra lệnh cho hàng không mẫu hạm Ticonderoga xâm nhập vịnh Bắc Bộ. Trong thời gian đó, tàu khu trục Maddox được trang bị nhiều thiết bị do thám điện tử xâm nhập Bắc Việt. Lợi dụng đêm tối, ngày 30 rạng 31/7/1964, một tổ OPLAN 34-A tiến công hai đảo nhỏ Hòn Mê ngoài khơi tỉnh Thanh Hóa và Hòn Ngư ngoài khơi tỉnh Nghệ An. Mặc dù có 6 tàu phóng ngư lôi đặc biệt gọi là SWIFT (chim én), lực lượng biệt kích không đưa được biệt kích đổ bộ vào, nhưng trước khi trở về căn cứ cũng đã bắn phá các cơ sở phòng thủ ở đó. Tàu Maddox đậu lại để giám sát các cuộc truyền tin bằng rađa và radio.

Có thể là các lực lượng phòng thủ Bắc Việt không thể phân biệt được giữa các hoạt động Desoto và OPLAN 34-A. Tiếp sau cuộc tiến công của các tàu phóng lôi SWIFT, các cuộc nghe trộm điện tử trên tàu Maddox cho biết người Bắc Việt Nam đang chuẩn bị các hoạt động tác chiến để trả đũa. Lúc

đó Maddox ở cách Hòn Mê khoảng 5 km - một mục tiêu mà OPLAN 34-A đang nhằm vào - nhưng còn cách bờ biển khoảng 22 km. Thuyền trưởng John Herrick chỉ huy tàu Maddox nghĩ rằng đó là một cuộc tiến công trả đũa có thể nhằm vào tàu của mình nhưng cấp trên ra lệnh chỉ được tuần tiễu chứ không được tiến công.

Chiều ngày 2/8, ba tàu tuần tiễu nhỏ tiến về phía tàu Maddox, Herrick báo cáo qua điện đài xin chỉ huy trưởng hàng không mẫu hạm Ticonderoga phái máy bay yểm trợ. Khi tàu Bắc Việt đến gần cách tàu Maddox khoảng chục km, Herrick nổ súng. Tàu phóng lôi Bắc Việt bắn đại liên 12,7 mm và phóng ba quả lôi nhưng hai quả trượt mục tiêu, còn quả thứ ba không nổ. Tàu Maddox bắn trúng và đánh đắm một tàu phóng lôi Bắc Việt. Ba máy bay F-8E của hàng không mẫu hạm Ticonderoga đến kịp thời, bay là là bắn đuổi hai tàu phóng lôi khác trở về căn cứ. Thiệt hại của tàu Maddox là ở thượng tầng bị trúng mảnh đạn liên thanh 12,7 mm.

Khi Tổng thống Lyndon Johnson nghe phong thanh tin tàu Maddox bị tàu phóng lôi Việt Cộng tiến công, lúc đó là sáng sớm 2/8, theo múi giờ của Washington, ông bác bỏ ý kiến trả đũa nhưng tiếp tục nhiệm vụ do thám Desoto được tăng cường thêm một tàu khu trục nữa là tàu C. Turner Joy. Đô đốc Sharp chỉ huy hạm đội Thái Bình Dương hạ lệnh cho hai tàu Maddox và C. Turner Joy ban ngày tiến vào vùng biển Bắc Việt cách bờ biển 12 km và cách các đảo khoảng 7 km để thực hiện quyền “tự do lưu thông trên biển”. Trong thời gian đó, các hoạt động OPLAN 34-A tiếp tục, có hai lần xâm nhập vùng biển cùng với tàu phóng lôi của Việt Nam Cộng hòa, bắn phá các cơ sở rađa ở mũi Vinh Sơn và một cơ sở phòng thủ khác ở Cửa Ròn.

Ngày 4/8, hồi 19 giờ Herrick trên tàu Maddox nhận được tin điện của cục An ninh Quốc gia (NSA) cho biết đã nghe trộm được các tin tức về việc có thể Bắc Việt sẽ tấn công. Hai tàu Maddox và C. Turner Joy nổi còi báo động. Binh sĩ trên tàu chuẩn bị chiến đấu. Khoảng 20 giờ, thuyền trưởng Herrick lại yêu cầu Ticonderoga phái máy bay đến hỗ trợ. Chỉ mấy phút sau, rađa phát hiện thêm có ba tàu phóng lôi Bắc Việt nữa đến gần tàu Mỹ. Lúc đó trời nhiều mây, bóng tối dày đặc trên khu vực. Khoảng 22 giờ, những người phụ trách bộ định vị bằng sóng âm phát hiện dấu hiệu có khoảng hai chục tàu phóng lôi nổ súng vào hai tàu máy. Hai tàu dập dềnh quay mũi nhưng các khẩu đại bác trên tàu vẫn nổ súng đều song không thấy mục tiêu cốt để chặn tàu địch. Thuyền trưởng C. Turner Joy khẳng định đã thấy khói đen bốc lên, sau hai tiếng tình hình trở lại bình thường. Các sĩ quan trên tàu Mỹ ước tính đã đánh đắm hai, có thể là ba tàu phóng lôi Bắc Việt.

Thực ra, một cuộc điều tra sau này cho biết không một người nào liên can đến sự kiện có thể khẳng định đã nhìn thấy tàu địch hay nghe thấy tiếng súng nổ. Những vạch sóng mà người phụ trách máy định vị sóng âm không có kinh nghiệm, vội vã cho rằng đã phát hiện thấy tàu địch nhưng thực ra có thể là do sự vận động của chính tàu Mỹ hay một đàn cá heo! Có thể là một cuộc tiến công đã được dự kiến. Có ít chứng cứ khẳng định cuộc tiến công đã *diễn ra* hay không. Trong một lễ mừng công tổ chức ngày 7/8, sau các cuộc oanh kích đầu tiên của không quân Mỹ diễn ra ba ngày trước đó, Võ Nguyên Giáp chúc mừng cán bộ chiến sĩ hải quân đã đuổi tàu chiến Mỹ ra khỏi hải phận miền Bắc. Ông chỉ có thể ám chỉ đến cuộc tiến công vào ngày 2/8 chống tàu Maddox hoặc sự kiện thứ hai ngày 4/8.

Tại Washington, lúc 9 giờ 20 phút, Tổng thống Johnson được thông báo về sự kiện ngày 4/8 và quyết định trả đũa bằng *Chiến dịch Pierce Arrow* (Mũi tên xuyên). Ông gặp các lãnh đạo hai đảng ở Quốc hội, thông báo cho họ về các cuộc tấn công miền Bắc bằng không quân sắp xảy ra và ông có ý định yêu cầu Quốc hội thông qua một quyết định theo hướng đó. Tối hôm đó khi Tổng thống Mỹ phát biểu trên đài truyền hình: “Chúng tôi không tìm cách mở rộng chiến tranh” thì các máy bay Crusader F-8, Skyraider A-1, Skyhawk A-4 cất cánh từ hai hàng không mẫu hạm Ticonderoga và Constellation đã xuất kích 64 lần nhằm vào các mục tiêu trên một đoạn dài khoảng 160 km dọc bờ biển vịnh Bắc Bộ. Máy bay Mỹ tấn công và phá hủy, làm hư hại gần một nửa số tàu phóng lôi của Bắc Việt, phá hủy một kho xăng ở Phúc Lợi chứa gần 10% lượng dự trữ chất đốt ở miền Bắc, diệt bảy cơ sở phòng không ở Vinh.

Các sĩ quan Mỹ thừa nhận rằng trong các cuộc bắn phá đó, hai máy bay Mỹ đã bị hư hại và hai máy bay khác bị hạ. Phi công của một trong hai chiếc bị hạ là Everett Alvarez. Bị gãy lưng trong khi dù bật khỏi máy bay, ông rơi xuống mặt nước và bị bắt làm tù binh. Ông được thả năm 1973, gần 9 năm sau khi bị bắn rơi. Võ Nguyên Giáp tố cáo Mỹ như một tên “vừa ăn cướp vừa la làng” và khẳng định lực lượng vũ trang của ông đã gây cho địch những thiệt hại nặng nề hơn những gì Lầu Năm Góc đã thừa nhận. Ông nói có 8 máy bay bị hạ và bị hư hại.

Ngày 10/8/1964, Quốc hội Mỹ bỏ phiếu nhanh chóng thông qua nghị quyết Vịnh Bắc Bộ do Tổng thống Johnson yêu cầu, cho phép dùng mọi biện pháp cần thiết để đẩy lùi mọi cuộc tiến công vũ trang chống lại lực lượng của Hoa Kỳ nhằm ngăn cản một cuộc xâm lược khác… kể cả dùng sức mạnh quân sự. Theo thượng nghị sĩ Wayne Morse, nghị quyết này có giá trị như một bản tuyên bố chiến tranh. Tại Thượng nghị viện chỉ có hai nghị sĩ phản

đối đó là Wayne Morse, thượng nghị sĩ bang Oregon và Ernest Gruening, thượng nghị sĩ bang Alaska.

Vào cuối năm đó, trong cuộc chiêu đãi kỷ niệm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam, Võ Nguyên Giáp nêu rõ phải cảnh giác đề phòng về những nguy cơ can thiệp của Mỹ như cách đây mấy tháng. Ông chúc mừng Đảng Nhân dân Cách mạng miền Nam và Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam về những chiến công đầy dũng cảm của quân dân miền Nam. Ông không quên cảm ơn Trung Quốc và Liên Xô về sự giúp đỡ của hai nước này.

Cuối năm 1964, sau sự kiện Vịnh Bắc Bộ, Võ Nguyên Giáp đẩy nhanh nhịp độ hoạt động ở miền Nam. Ông vẫn hy vọng tránh một cuộc đụng độ không cân sức với người Mỹ trong lúc còn có thể tránh được. Trên cao nguyên miền Trung, Việt Cộng tiếp tục gây áp lực đối với các miền đồng bằng ven biển và vùng rừng núi ở dọc Trường Sơn gần Pleiku và An Khê để hòng cắt miền Nam làm đôi. Võ Nguyên Giáp tính rằng: Mỹ gửi nhiều sư đoàn sang Việt Nam, miền Bắc vẫn có thể giữ được. Hơn nữa, ông sẽ phải đương đầu với 600.000 quân Mỹ tăng cường cho 500.000 lính ngụy của quân đội Việt Nam Cộng hòa. Ông có thể tập hợp 100.000 quân để giúp đỡ 200.000 quân Việt Cộng mặc dù trình độ chiến đấu rất khác nhau, với các căn cứ vững chắc ở Lào và Campuchia. Ông sẵn sàng chiến đấu *ba chọi một* nếu cần. Để chuẩn bị, ông phái Sư đoàn 325 rời căn cứ thường trực ở Vinh vào miền cao nguyên Nam Trung Bộ.

Mùa xuân năm 1965, Hà Nội có hai quyết định quan trọng có tính định mệnh. Thứ nhất là, bỏ lỡ cơ hội nhận đàm phán trực tiếp với Hoa Kỳ theo đề nghị bí mật của Liên Xô. Thứ hai là, tăng cường chiến lược miền Nam theo ý kiến của Lê Duẩn và Nguyễn Chí Thanh, nói khác đi, gửi quân chính quy miền Bắc vượt vĩ tuyến 17 để tiến hành các cuộc tiến công chiến lược nhằm ngăn chặn Mỹ tăng lục quân Mỹ ở miền Nam Việt Nam. Võ Nguyên Giáp phản đối chuyển sang giai đoạn thứ ba là tiến hành tác chiến quy mô lớn ở miền Nam.

Tướng Mỹ William C. Westmoreland đến Việt Nam từ tháng 6/1964 với danh nghĩa Phó Tư lệnh Ủy ban viện trợ Mỹ (USMACV). Sau khi nhậm chức, ông yêu cầu gửi đến miền Nam Việt Nam hai tiểu đoàn lính thủy đánh bộ để bảo vệ căn cứ Mỹ ở Đà Nẵng. Ngày 8/3/1965, quá 9 giờ sáng, lữ đoàn 9 lính thủy đánh bộ Mỹ đổ bộ lên bãi biển Đà Nẵng giương cao cờ Mỹ để gặp các sĩ quan Cộng hòa. Bốn lĩnh Mỹ trương khẩu hiệu có ghi dòng chữ: "Hoan nghênh lính thủy đánh bộ dũng cảm". Tuy nhiên, lính thủy đánh bộ Mỹ không phải là những kẻ đầu tiên cũng như cuối cùng. Đến lúc đó lực

lượng đặc biệt và biệt động Mỹ đã chiến đấu ở Việt Nam được gần 4 năm. Và người Mỹ sẽ còn ở lại cho đến tháng 3/1973. Sáu ngày trước, được Tổng thống Johnson cho phép, không quân Mỹ đã tiến hành *Chiến dịch Sấm rền* đánh các mục tiêu chọn lọc trên lãnh thổ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Tổng thống lấy làm mãn nguyện về cuộc chiến tranh bằng không quân và việc lính thủy đánh bộ Mỹ đến Nam Việt Nam. Ông khẳng định với một trong số cố vấn của mình: "Bây giờ tôi đã nắm chắc được ông Hồ Chí Minh rồi".

Võ Nguyên Giáp kịch liệt lên án các cuộc đổ bộ của quân Mỹ và cuộc chiến tranh xâm lược đẫm máu ở Nam Việt Nam. Ông nêu câu hỏi: Tại sao Mỹ phái nhiều quân đến Việt Nam như thế? "Ai có quyền trả đũa? […] Bọn đế quốc ở tận bên kia Thái Bình Dương […] hay những người yêu nước Nam Việt Nam thực hiện quyền tự vệ thiêng liêng […] dưới sự lãnh đạo của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam?". Ông nói tiếp: "Người Mỹ đã tính lầm. Họ tưởng có thể xoay chuyển được tình thế chiến tranh ở miền Nam Việt Nam".

Trong một thời gian vào năm 1965, chiến tranh có một điểm cân bằng: Đó là lúc lực lượng Quân giải phóng đụng đầu với hải quân Mỹ và quân ngụy. Việc Mỹ đưa ồ ạt những đơn vị lớn lục quân vào Nam Việt Nam khiến Võ Nguyên Giáp không giành được thắng lợi trong tầm tay. Hiệu quả của hỏa lực Mỹ cũng như tính cơ động của quân đội Mỹ là rõ ràng. Trong một bài báo đăng trên tờ *Học tập* - tờ báo lý luận của Đảng Cộng sản, Võ Nguyên Giáp vạch lại những chiến lược kế tiếp của Hoa Kỳ trong chính sách đối với Việt Nam. Ông thấy có ba giai đoạn. Giai đoạn thứ nhất từ 1954 đến 1959, khi Mỹ ủng hộ thành lập Việt Nam Cộng hòa chống cộng sản, giai đoạn thứ hai từ 1960 đến cuộc đảo chính lật đổ Diệm khi Mỹ cố ủng hộ Việt Nam Cộng hòa đang chao đảo, giai đoạn cuối cùng là từ 1963 trong khi tìm người thay thế Diệm đã chết và Mỹ quyết định đóng vai trò trực tiếp trong cuộc đấu tranh chống Việt Cộng và miền Bắc.

Võ Nguyên Giáp khẳng định, ngay các nhà lãnh đạo Mỹ cũng phải thừa nhận họ gặp phải một địch thủ ngoan cường, không thấy tỏ ra một dấu hiệu suy yếu nào. Ông nói tiếp: "Các tướng lĩnh không quân Mỹ không thể dự kiến rằng các máy bay siêu âm, những máy bay hiện đại nhất trên khắp các chiến trường có thể bị những tay súng dân quân Bắc Việt bắn hạ bằng những súng trường và đại liên, bị những đơn vị phòng không và không quân non trẻ của chúng ta quật ngã", "Nếu ở Algeria quân đội Pháp không thể thắng được một dân tộc có mười triệu dân thì làm sao vài chục nghìn lính Mỹ lại có thể đánh bại được 14 triệu người dân Nam Việt Nam?". Mấy ngày sau, Võ Nguyên Giáp lại viết trên báo *Học tập*, cảnh báo cho nhân dân miền Bắc:

"Chúng ta phải làm mọi việc để chuẩn bị đánh quân xâm lược Mỹ nếu chúng mở rộng chiến tranh trên cả nước".

Đây là một mối lo ngại có thật. Võ Nguyên Giáp không thể biết rằng Hoa Kỳ có tự kiềm chế vượt vĩ tuyến 17 hay không. Cuộc chiến tranh bằng không quân và việc Mỹ đưa quân vào miền Nam Việt Nam chính là biểu hiện một cuộc tiến công chống lại Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Một vị Tổng tư lệnh nếu không áp dụng những biện pháp nhằm chặn đứng một sự đe dọa như thế ắt là không làm tròn bổn phận. Trong các tỉnh miền Bắc, Võ Nguyên Giáp tổ chức lực lượng tự vệ ở mỗi thôn xóm, mỗi làng mạc, và được trang bị bằng vũ khí do Trung Quốc và Liên Xô cung cấp. Trong trường hợp bị tấn công, tất cả mọi người từ già đến trẻ đều phải chiến đấu đến người cuối cùng. Một nhà bình luận phương Tây đã phân tích mối nguy hiểm của cách phòng thủ như vậy: "Chỉ có một cách duy nhất để đánh bại một dân tộc không đầu hàng. Đó là sự hủy diệt. Chỉ có một cách duy nhất để kiểm soát một lãnh thổ mà ở đó đang nung nấu ý chí kháng chiến. Đó là biến lãnh thổ đó thành hoang mạc. Nếu như ở đó, vì bất kỳ lý do gì khiến không thể áp dụng những cách thức như thế thì chiến tranh chỉ có thể là thất bại". Dù ý muốn của Curtis LeMay, Tham mưu trưởng Chiến lược của không quân Mỹ như thế nào và phần lớn lực lượng không quân và một nửa sĩ quan không lực đã được huy động, tất cả những người có trách nhiệm trong Chính phủ Hoa Kỳ đều nhất trí từ chối "tạo ra một hoang mạc và gọi đó là hòa bình", và chính vì thế người ta không bao giờ đo lường được chính xác những khả năng phòng thủ của tướng Giáp.

Ngoài mối lo lắng quân Mỹ có thể đánh chiếm miền Bắc, Võ Nguyên Giáp còn gặp hai khó khăn khác mà ông nhất thiết phải tìm được giải pháp: Làm sao đánh được bộ binh Mỹ bên trong lãnh thổ Việt Nam Cộng hòa và làm sao bảo vệ miền Bắc chống lại các cuộc ném bom của máy bay Mỹ. Khi chiến tranh bằng không quân của Mỹ bắt đầu, Việt Nam Dân chủ Cộng hòa gần như bị o ép trước sức mạnh áp đảo của không quân Mỹ. Máy bay Mỹ đặc biệt hiện đại tự do lồng lộn một cách an toàn trên bầu trời miền Bắc. Vậy người ta có thể làm gì? "Chúng tôi phải", Võ Nguyên Giáp nói, "giải quyết những vấn đề đó. Chúng tôi đã học cách sử dụng vũ khí chất lượng kém hơn để giành phần thắng đối với vũ khí tốt hơn, hiện đại hơn. Chúng tôi học cách sử dụng mọi phương tiện kém hơn để giành thắng lợi."

Võ Nguyên Giáp trở lại những nguyên tắc căn bản của chiến tranh nhân dân: *mỗi người* ở miền Bắc phải là một bộ phận của mạng lưới phòng không cơ sở. "Trong chiến tranh", ông nói, "bên nào mạnh hơn sẽ giành được thắng lợi. Đó là phương pháp bí mật của chiến tranh toàn dân - 30 triệu người dân

trở thành 30 triệu người lính để đánh Mỹ". Vậy phòng thủ chống chiến dịch ném bom Sấm rền không phải chỉ là nghĩa vụ của các đơn vị phòng không mà của mọi người nông dân trên đồng ruộng và công nhân trong nhà máy. "Tôi sẽ kể một câu chuyện vui", Võ Nguyên Giáp nói với một vị khách nhiều năm sau, "tôi có ý nghĩ trong đầu là một súng trường cũng có thể dùng để bắn rơi máy bay. Tôi đã ra lệnh phải làm được như thế. Trong vài tháng đầu, không ai có thể tưởng tượng sẽ làm như thế nào, nhưng sau đó chúng tôi đã học được. Cách thức để đạt được việc đó cũng đơn giản. Cho tới nay, trên mặt đất, chiến sĩ của chúng tôi chỉ nhằm trực tiếp vào máy bay đang bay rất nhanh và ném bom bắn phá. Họ thất bại không đạt mục tiêu là điều không tránh được vì đạn bắn lên thì máy bay đã bay qua mất rồi".

Rồi có một ai đó, Võ Nguyên Giáp không biết là ai có sáng kiến dùng các nhóm nhỏ có súng tự động và bán tự động bắn đạn như mưa vào một vùng trước khi máy bay đến rất xa. Họ tạo ra những chùm lửa trên trời rồi ngẫu nhiên máy bay địch hạ thấp độ cao, đâm vào và bị giáng những đòn chí mạng. "Sau đó", Võ Nguyên Giáp nhớ lại,
"tôi gặp những người đàn ông, những phụ nữ trong tổ dân quân đã hạ được máy bay bằng súng trường. Tôi đã khen ngợi họ và tặng huân chương cho họ. Tôi hỏi tại sao mọi người lại bắn hạ được máy bay? Một phụ nữ tự hào trả lời, chị không phải là người có học thức cao đâu, chị cũng chỉ học tương đương với lớp 8 thôi nhưng đó là một nữ chiến sĩ thực thụ: Tôi đã theo dõi đường bay của máy bay địch và tôi hiểu được quy luật bay của chúng nó." Câu trả lời làm ông rất thích thú. "Tôi đã trả lời chị: chị là một triết gia đại tài rồi vì chỉ có các triết gia mới nói đến quy luật. Đối với những người yêu nước như thế, với tư cách cá nhân hay đơn vị tác chiến ở miền Bắc phải quy định một loại huân chương để thưởng cho họ về chủ nghĩa anh hùng. Đó là huy chương *Quyết thắng*". Tuy nhiên, Võ Nguyên Giáp hoàn toàn hiểu rằng những phương pháp như thế chỉ là bất đắc dĩ phải làm.

Hơn thế nữa, hàng viện trợ có hiệu quả hơn là máy bay MIG, pháo phòng không và các giàn tên lửa đất đối không do Liên Xô cung cấp. Kèm theo đó là những huấn luyện viên Liên Xô đào tạo phi công, kỹ thuật viên để vận hành máy móc, thiết bị, vũ khí, khí tài mới. Sự giúp đỡ đó nâng cao rõ rệt sức chiến đấu của lực lượng phòng không miền Bắc. Dần dần những pháo thủ phòng không, sĩ quan tên lửa đã biến bầu trời Bắc Việt thành địa ngục lửa và buộc không lực Hoa Kỳ phải trả giá đắt về phi công chết và bị bắt, về máy bay bị bắn rơi hay hư hại, nếu họ còn tiếp tục các cuộc oanh kích. Cuối cùng, Bắc Việt Nam trở thành vùng được bảo vệ tốt nhất trong lịch sử chiến tranh không quân. Võ Nguyên Giáp đã bố trí lưới lửa dày đặc bao gồm 8.000 pháo phòng không các cỡ, 200 giàn tên lửa đất đối không, một hệ thống dò

tìm bằng rađa cực kỳ phức tạp, những tên lửa được phóng tập trung có hiệu quả cao. Tính đến tháng 11/1967, không lực Hoa Kỳ đã mất 730 máy bay trong các phi vụ ở miền Bắc Việt Nam. Năm đó, một chứng cớ được đưa ra trước Quốc hội cho biết quân đội Mỹ đã phá hủy cơ sở hạ tầng Bắc Việt Nam trị giá khoảng 320 triệu đôla nhưng với *một giá đắt gấp ba* những thứ phá hủy được. Chỉ tính riêng những tổn thất bằng máy bay đã hết 911 triệu đôla, không kể hàng trăm phi công Mỹ bị chết và bị bắt làm tù binh.

Nhưng Võ Nguyên Giáp chỉ mới hoàn thành một nửa công việc. Làm cho các cuộc oanh kích ở miền Bắc càng ngày càng gặp nhiều nguy hiểm là chưa đủ vì các chuyến bay của Mỹ vẫn tiếp tục mặc dù ông đã cố gắng hết sức để chống lại. Võ Nguyên Giáp còn phải khắc phục các thiệt hại, phải sửa chữa đường sắt, làm lại cầu, san lấp hố bom, phục hồi giao thông liên lạc bị ngừng trệ. Phải làm được điều đó nếu Võ Nguyên Giáp muốn gửi người và phương tiện chiến tranh ra mặt trận phía Nam. Nhằm hoàn thành nhiệm vụ đó, trong thời gian ngắn nhất, Võ Nguyên Giáp kêu gọi từng đoàn dân công, thanh niên xung phong làm việc cả ngày lẫn đêm không kể vô số lực lượng phụ trợ làm việc nửa ngày. Họ được phân tán làm từng đoạn một, sử dụng những dụng cụ, thiết bị vật liệu chuẩn bị sẵn dọc các con đường huyết mạch. Một lần Võ Nguyên Giáp kể: "Mỗi người một cách nhưng cả nước đều nhất loạt đứng lên đấu tranh vì tự do và độc lập".

Một tài liệu của CIA lâu nay được giữ kín đã nói lên các cuộc ném bom miền Bắc ít có hiệu quả. "Làn sóng người và phương tiện chiến tranh vẫn liên tục từ Việt Nam đổ sang Lào, vào miền Nam có thể với tốc độ còn nhanh hơn trước… Ít nhất có 200.000 người sửa chữa đường sá, cầu cống, duy trì các đường giao thông chủ yếu. Phạm Văn Đồng đã ca ngợi các cố gắng đó. Khối lượng hàng trung bình hàng ngày đưa vào miền Nam từ nhiều tháng nay đã vượt quá mức trung bình năm 1964". Không quân Mỹ càng tăng cường số lượng phi vụ của họ thì cố gắng đưa người và hàng tiếp tế của miền Bắc cho miền Nam càng tăng theo.

Đối với Võ Nguyên Giáp, chỉ có một cách đánh bộ binh Mỹ ở miền Nam cần phải học đó là trực tiếp đụng đầu với chúng trên chiến trường. Chẳng mấy chốc điều đó đã xảy ra. Ngày 26/6/1965, tướng Mỹ William C. Westmoreland được Lầu Năm Góc cho phép sử dụng lực lượng trên mặt đất. Hai ngày sau, 3.000 lính của Lữ đoàn Không vận 173d có một tiểu đoàn Australia và một đơn vị không vận của quân đội Việt Nam Cộng hòa trợ lực tiến vào vùng chiến khu D cách Sài Gòn 32 km về phía tây bắc để đi tìm Việt Cộng. Đây là lần đầu tiên Mỹ thực hiện chiến thuật *Tìm và diệt* nhưng chỉ sau ba ngày cuộc hành quân đã chấm dứt vì thất bại không gặp địch,

không tìm thấy đơn vị Việt Cộng nào cả. Nhưng Mỹ cũng có một lính chết, chín bị thương trong đó có bốn lính Australia.

Một thử nghiệm đầu tiên về ý chí cũng như về chiến thuật của cả Võ Nguyên Giáp và Westmoreland đã diễn ra tại trận Plei Me từ 19 đến 27/10. Trong thời gian gần đây, các đơn vị quân miền Bắc thường tập kích các trại lực lượng đặc biệt Mỹ ở cao nguyên. Võ Nguyên Giáp có ý định đánh chiếm Tây Nguyên rồi từ đó tiến ra vùng ven biển miền Trung để cắt đôi Việt Nam Cộng hòa trước khi chiếm cả miền Nam.

Võ Nguyên Giáp ra lệnh tiến công trại lực lượng đặc biệt của Mỹ ở Plei Me cách Sài Gòn khoảng 350km về phía bắc có 400 lính miền núi cao nguyên và 12 lính Mỹ. Khi quân Việt Nam Cộng hòa tiến lên Plei Me để đỡ đòn cho Mỹ dưới ô bảo vệ của máy bay lên thẳng, quân phòng thủ trại Plei Me nhờ tiếp viện của quân đội Cộng hòa và máy bay Mỹ yểm trợ đánh lui các đợt xung phong liên tiếp của Trung đoàn 33 của Giáp. Phía đối phương không phải là lính Việt Cộng mặc quần áo đen mà là quân đội chính quy từ miền Bắc vào mặc quân phục kaki, đội mũ cứng ngụy trang dưới các đám cỏ voi, trang bị bằng súng tự động AK47 của Liên Xô, đeo túi đầy lựu đạn cán gỗ. Một số đơn vị trợ chiến có súng liên thanh 12,7 mm và súng phóng rốc két RPG-2. Cuộc bao vây trại Plei Me kéo dài gần một tuần lễ cho đến khi tướng Westmoreland ra lệnh cho Sư đoàn Kỵ binh không vận số 1 mới từ Mỹ sang lên Plei Me ứng cứu. Được 435 trực thăng chở, lính sư đoàn kỵ binh Mỹ và lính Cộng hòa nhờ hỏa lực áp đảo đã đẩy lui được đối phương phải rút ngày 26/10. Chu Huy Mân quyết định rút quân về "đất thánh" Ia Đrăng ở tây nam Pleiku gần biên giới Campuchia - một vùng hẻo lánh mà quân Mỹ và lính Cộng hòa chưa bao giờ dám vào. Hai trung đoàn bộ binh của Võ Nguyên Giáp thuộc Sư đoàn 325 trong đó nhiều người đã chiến đấu ở Điện Biên Phủ đang trú quân ở đây và đang bắt đầu tập hợp lại.

Một trận đánh ác liệt hơn đã diễn ra tiếp theo trận đụng độ ở Plei Me. Westmoreland ra lệnh cho Sư đoàn Kỵ binh không vận số 1 truy kích quân của Võ Nguyên Giáp đến tận Ia Đrăng - một vùng vừa xa vừa hoang vắng tưởng như không thể vào được. Westmoreland có ý định tiêu diệt "đất thánh" và loại trừ các đơn vị tác chiến ở vùng núi quanh đó. Cuộc giao chiến kéo dài suốt một tuần từ 14 đến 20/11/1965, được biết đến với tên: Trận giao chiến Ia Đrăng. Cho tới nay chưa có trận giao chiến nào ác liệt và đẫm máu như thế. Hai bên đánh giáp lá cà. Quân của Võ Nguyên Giáp cố giữ một căn cứ tiếp tế quan trọng. Các cựu chiến binh Điện Biên Phủ đã đối mặt với những lính bộ binh Mỹ còn rất trẻ chỉ cách họ có vài mét.

Ngày 14/11, 430 lính của Tiểu đoàn 1 Trung đoàn 7 bộ binh Mỹ đã mở cuộc tiến công trực thăng vận tải tại một bìa rừng đầy những tổ mối, bên ngoài tưởng như không có người. Thực tế, lính Mỹ đã rơi vào ổ phục kích của một lực lượng quan trọng của Võ Nguyên Giáp. Từ trên đỉnh núi Chư Pông, quân Bắc Việt đã theo dõi từng bước tiến quân của bộ binh Mỹ. Tiếp đó là cuộc giao chiến dữ dội đến mức những lực lượng ứng cứu phải hạ trực thăng đến một quãng cách xa rồi đi bộ vào. Quân Mỹ phải gọi cả máy bay B-52 từ đảo Guam đến trợ chiến. Ngày 17/11, Tiểu đoàn 2 của Trung đoàn 7 bộ binh Mỹ trên đường đi ứng cứu đã rơi vào ổ phục kích. Đây là quân của Tiểu đoàn 8 Trung đoàn 66 và của Tiểu đoàn 1 Trung đoàn 33 quân chính quy Bắc Việt. Chỉ trong một ngày, gần một đại đội lính Mỹ bị tiêu diệt trong một trận có thể nói là ác liệt nhất trong cuộc chiến tranh Việt Nam. 155 lính Mỹ bị chết và 124 người bị thương. Số còn lại trụ được ở vị trí nhờ yểm trợ của trọng pháo và máy bay đến oanh kích.

Cuối cùng Võ Nguyên Giáp ra lệnh rút lui về đất thánh ở Campuchia.Việc Westmoreland phải dùng trực thăng để chở quân chiến đấu đã đe dọa nghiêm trọng sự an toàn của Quân giải phóng. Quân lính Bắc Việt chưa bao giờ phải đối phó với chiến thuật trực thăng và chiến thuật họ đã áp dụng đối với quân Pháp trước đây không có giá trị gì với quân Mỹ hiện nay.

Võ Nguyên Giáp đọc báo cáo của Chu Huy Mân từ miền Nam gửi ra với sự ngạc nhiên ngày càng tăng. Chu Huy Mân kể lại những chuyện kỳ diệu về chiến thuật trực thăng vận của Sư đoàn kỵ binh bay số 1 có thể chuyên chở quân ứng cứu cùng với lựu pháo 105 mm và đạn dược trong không trung bên trên các cánh rừng. Trong một trận đánh kéo dài 24 tiếng đồng hồ, pháo binh địch đã bắn 33.000 đến 65.000 trái pháo. Trong trận đánh sư đoàn Mỹ chỉ chở đại bác bằng đường bộ có một lần, còn 66 lần khác thì chở bằng đường không. Trực thăng chở cả một tiểu đoàn bằng 40 chuyến bay, cùng với 13.257 tấn thiết bị chỉ dùng trong một trận. Lính Mỹ có vẻ như muốn di chuyển đi đâu tùy ý, phát hiện được các kho chứa lương thực, cả bệnh viện ngầm dưới đất và chỉ huy sở… Chưa có cách nào đối phó hiệu quả với sức mạnh đầy ấn tượng đó, Võ Nguyên Giáp đành ra lệnh rút quân do thương vong lớn. Khi vào trận, các đơn vị của Sư đoàn Kỵ binh không vận số 1 mất 300 người và số bị thương nhiều hơn thế trong một trận đánh mà theo CIA phân tích là một trận thất bại đối với Mỹ. Chiến tranh đã đi vào bước ngoặt. Cuộc xung đột đã hoàn toàn trở thành một cuộc chiến tranh của Mỹ.

Cả hai bên đối thủ đều học tập được rất nhiều ở trận chiến Ia Đrăng. Westmoreland càng vững tin hơn ở quan điểm của mình và các sự việc đã

thuyết phục ông rằng tiến hành một cuộc chiến tranh tiêu hao với các đơn vị lớn là cách đảm bảo chiến thắng. Tiến hành chiến tranh ở trên đất địch. Khi tướng Westmoreland được bổ nhiệm chỉ huy quân đội Mỹ ở Việt Nam, ông có khoảng 23.000 cố vấn thuộc quyền điều động của ông. Chẳng bao lâu, ông có thêm trong tay 8.600 lính thủy đánh bộ, 20.000 lính hậu cần, công binh và 40.000 lính chiến. Cuối năm 1965, quân số dưới quyền chỉ huy của ông là 181.000 người, đến cuối năm 1966 con số đó đã lên đến 385.000 người! Nhưng ông vẫn xin thêm quân. Ông nghĩ phải bơm thêm quân ồ ạt hơn nữa mới hy vọng ngăn chặn được Việt Cộng và kết quả ở Ia Đrăng chứng tỏ là có thể được. Giải pháp cho các khó khăn của ông là tính cơ động, là quân số hùng hậu và sức mạnh hỏa lực.

Võ Nguyên Giáp lại có cách phản ứng khác. Trong số các nhận xét của ông có một điều đã thuyết phục ông là lính Mỹ tuy quân số nhiều, tính cơ động cao nhưng có nhiều cái phải sợ: mặt trời đem lại cái nóng nung người, rừng rậm đầm lầy, muỗi độc, sốt rét và người Việt Nam bình thường kể cả cụ già và con trẻ. Vậy cần phải khai thác bằng được cách này hay cách khác những thứ đang làm cho lính Mỹ run sợ khi phải đối mặt. Khi đã nhận ra những mặt yếu của quân Mỹ thì chỉ còn phải rút ra bài học. Hoàng Anh Tuấn, sau này là Thứ trưởng Ngoại giao đã kể lại những cuộc tranh luận nảy lửa giữa các cán bộ của Võ Nguyên Giáp: "Khi người Mỹ các anh đã vào cuộc chiến", ông nhớ lại, "thì chúng tôi bỏ hết thời gian để cố hình dung xem các anh chiến đấu như thế nào… Chúng tôi thường xuyên nói với nhau về chuyện ấy. Đó là vấn đề sinh tử chứ không phải chuyện chơi. Mật độ cao của các cuộc ném bom và tính cơ động của quân đội Mỹ là mối lo lắng lớn nhất của chúng tôi… Chúng tôi đã bị tổn thất rất lớn… Làm sao bảo tồn được lực lượng mà vẫn tiếp tục tấn công?"

Tướng Nguyễn Xuân Hoàng đã giải thích cho một người phỏng vấn ông: "Chúng tôi không thể lấy ý chí thay cho thực tiễn… khi các anh đổ Sư đoàn Kỵ binh bay số 1 nhảy vào cuộc chiến… Quả thực chúng tôi rất đau đầu để cố suy nghĩ xem phải làm gì. Tướng Chu Huy Mân và bản thân tôi lúc đó đang ở sát mặt trận Ia Đrăng và nhiều lần chúng tôi chỉ cách quân Mỹ có hai bước".

Thế rồi những phân tích bắt đầu. Tướng Nguyễn Xuân Hoàng thừa nhận quân đội Mỹ có tính cơ động cao: "Với trực thăng các anh có thể đi sâu vào hậu phương của chúng tôi mà không có tín hiệu gì báo trước. Và như thế là rất có hiệu quả". Rồi ông nhận xét: "Nhưng quân đội các anh không bao giờ thật sự chuẩn bị chu đáo. Sư đoàn Kỵ binh bay số 1 của các anh xuất kích với lương thực trong một ngày và đạn dược trong một tuần. Họ gửi

quần áo bẩn về giặt tại Sài Gòn. Họ lệ thuộc vào nước uống trong bi đông do trực thăng chở tới". Ông so sánh với hoàn cảnh của quân đội ông: "Tính cơ động duy nhất của chúng tôi là đôi chân, vì vậy chúng tôi phải… làm thế nào để lính các anh vốn lệ thuộc vào trực thăng không thể, nếu chiến đấu trong cùng một điều kiện như chúng tôi: đi bộ ở trong rừng".

Hoàng Anh Tuấn tiếp tục câu chuyện, kể với chúng tôi: "Chúng tôi đã nảy ra ý kiến là cách tốt nhất để đánh lại quân Mỹ là "nắm thắt lưng địch mà đánh", áp sát lại gần vị trí các anh để pháo binh và hỏa lực không quân của các anh không làm gì được chúng tôi. Kết quả thật thú vị. Các lực lượng hậu cần của chúng tôi ở càng xa kẻ địch thì chịu nhiều thiệt hại hơn các đơn vị ở mặt trận sát bên cạnh địch".

Tiếp sau các cuộc thảo luận với nhiều đồng đội khác, cuối cùng Võ Nguyên Giáp đi đến kết luận: "Chúng tôi có thể đánh và đánh bại quân Sư đoàn Kỵ binh không vận số 1… Các anh áp dụng chiến thuật dựa trên tính động cơ của trực thăng coi như một chiến lược đem lại "thắng lợi". Trong trận Ia Đrăng, Võ Nguyên Giáp nói: "Chúng tôi cũng gặp khó khăn về nước và lương thực. Chúng tôi không có trực thăng. Chúng tôi phải vào rừng để tìm kiếm cái ăn, tìm các mạch suối để có nước uống. Lính bộ binh của chúng tôi phải rất sáng tạo". Ông giải thích điều đã học được: "Người Mỹ có một sức mạnh đáng gờm, cực kỳ cơ động và rất linh hoạt, có thể tấn công bất ngờ, dựa vào hỏa lực mạnh. Nhưng họ không hiểu rằng lính của chúng tôi gần như chỗ nào cũng có mặt và họ khó mà bất ngờ chộp được chúng tôi".

Với binh lính có mặt "gần như khắp nơi", Võ Nguyên Giáp có một dạng cơ động khác cho phép cân bằng với lợi thế của trực thăng dành cho quân đội Mỹ. Tướng Nguyễn Xuân Hoàng giải thích thêm: "Nhân dân, Việt Cộng và quân đội chính quy là một, ba thành phần đó không thể tách rời. Nếu có lúc nào các anh thắng được một thành phần thì thành phần kia sẽ tiếp tục chiến đấu". Võ Nguyên Giáp xác nhận: "Người Mỹ rất mạnh về vũ khí hiện đại nhưng chúng tôi lại mạnh ở cái khác. Chiến tranh của chúng tôi là chiến tranh nhân dân, toàn thể nhân dân tham gia. Chiến trường của chúng tôi có thể ở khắp nơi cũng như không cố định ở một nơi nào do sự lựa chọn của chúng tôi". Ông nhấn mạnh lại: "Có mặt ở khắp nơi là biểu hiện cao nhất của tính cơ động".

Tướng Trần Công Mân cũng có ý kiến đồng nhất với cấp trên của mình: "Các lực lượng chính quy nếu so với quân đội của các anh thì ít hơn nhưng tất cả mọi người dân đều có thể chiến đấu được với bất cứ cái gì có trong tay. Ví dụ tại Đà Nẵng, chúng tôi hiếm mà có trên một trung đoàn quân chính

quy. Thế mà tại sao các anh không thắng được chúng tôi? Bởi vì chúng tôi có hàng vạn dân quân du kích tự vệ, bộ đội, cán bộ địa phương tại chỗ làm các công việc phụ trợ khác: trinh sát, đặt mìn, do thám, dân vận, địch vận… Không có lực lượng tự vệ tại chỗ, chúng tôi không thể nào đuổi được các anh ra đi. Nếu người ta nói phải đánh căn cứ không quân Đà Nẵng, phá hủy máy bay thì chúng tôi cần có bao nhiêu người mới vừa? Nhiều sư đoàn phải không? Ấy thế mà chúng tôi đã làm được chỉ với… 30 người - 30 người thôi! Đó là một hình thức mới của chiến tranh và không thể có chiến tranh theo hình thức đó mà không có lực lượng tự vệ tham gia…".

Võ Nguyên Giáp suy nghĩ về tính cơ động của người Mỹ và kết luận: "Ngay cả những vũ khí tinh xảo như trực thăng cũng có nhược điểm. Người Mỹ tin vào các cuộc ném bom. Lòng tin ấy là gót chân Asin của họ. Các anh ném bom trước rồi mới cho trực thăng hạ cánh, tưởng rằng các cuộc ném bom của mình đã tiêu diệt hết lực lượng kháng cự của chúng tôi và trực thăng sẽ không có gì phải lo lắng cho sự an toàn của họ". Vậy mà khi các lực lượng của Võ Nguyên Giáp nghe thấy tiếng trực thăng, "họ được lệnh báo động và chuẩn bị chiến đấu". "Trong lúc Mỹ ném bom để dọn bãi đáp trực thăng", ông nói, "lực lượng của chúng tôi xuống địa đạo và hầm ngầm boong-ke để trú ẩn và chúng tôi bị thiệt hại rất ít. Khi các máy bay trực thăng đổ quân và vũ khí, khí tài xuống đất, đó là lúc chúng tôi bật dậy khỏi hầm hào và bắt đầu bắn trả". Rồi như để nói riêng với người trước mặt, ông nhấn mạnh: "Ở Việt Nam, chỉ huy của các anh không bao giờ ý thức được rằng sức mạnh đến đâu cũng có giới hạn".

Đó cũng là điều tướng Nguyễn Xuân Hoàng đã nói với chúng tôi, nhưng điều ông nói ra phản ánh quan điểm của Võ Nguyên Giáp. Nói chuyện với một nhà báo Mỹ, Nguyễn Xuân Hoàng miêu tả ở Việt Nam phải vật lộn với những khó khăn như thế nào: "Bởi vì các anh lệ thuộc vào pháo binh, các anh phải xây dựng các công sự để bắn và không bao giờ ra ngoài chu vi của các công sự đó. Mỗi khi xây dựng thì những công sự đó trở nên kiên cố. Vì vậy, chúng tôi phải biết cách làm sao tránh được tầm pháo của các anh hoặc chúng tôi phải làm sao tìm được điểm yếu mà các anh không thể lợi dụng được nữa. Ngoài ra, các anh ít biết chúng tôi ở đâu và các anh ít xác định được mục tiêu rõ ràng. Bởi vậy, chỗ mạnh của các anh chẳng giúp được gì và các anh để phần lớn hỏa lực mạnh của các anh bắn vu vơ vào rừng". "Kết quả là", Nguyễn Xuân Hoàng nói, "các anh đã rơi vào bẫy của chúng tôi. Chúng tôi dùng du kích để chia cắt lực lượng khiến các anh không thể tập trung được để đối phó với quân chính quy của chúng tôi và lợi thế của các anh bị phí phạm vô ích".

Tướng Nguyễn Xuân Hoàng kể lại mặc dù cũng có lúc thất bại, đôi khi bị thiệt hại nặng "nhưng chúng tôi lúc nào cũng giành thắng lợi trong chiến tranh. Thời gian ủng hộ chúng tôi. Chúng tôi không cần thắng các anh về quân sự, chúng tôi chỉ làm sao không để bị thua. Mỗi chiến thắng của các binh lính dũng cảm của các anh không nghĩa lý gì, không làm thay đổi được so sánh lực lượng hay làm cho các anh đi gần đến chiến thắng".

Võ Nguyên Giáp đã nói lời cuối cùng: "Giữa tháng 12/1966, có cuộc thảo luận giữa các nhà chiến lược Mỹ về tỷ số giữa sức mạnh của quân đội và vũ khí phải duy trì bao nhiêu là đủ để giành thắng lợi trong chiến tranh". Ông nhấn mạnh: "Mỹ không hiểu gì về đặc điểm của chiến tranh nhân dân, trong đó mỗi người dân, nam cũng như nữ, lúc nào cũng có thể trở thành người lính quyết tâm chiến đấu, hiểu rõ địa hình khiến họ có tinh thần sáng tạo và anh hùng". "Những ai đấu tranh cho tự do của đất nước mình", ông nói, "đều có thể có những kỳ tích huyền thoại. Không có gì phải nghi ngờ nếu những người lính Mỹ phải chiến đấu để bảo vệ đất nước họ thì họ cũng có thể làm nên những điều kỳ diệu. Nhưng ở Việt Nam họ bị trói chân trói tay và ở mọi phía người ta đều chống lại họ". Ông nói thêm: "Và Chính phủ Mỹ không biết phải tiếp tục chiến tranh như thế nào. Họ có phải đưa quân vào vùng đồng bằng sông Cửu Long không? Hay tăng cường lực lượng Mỹ dọc vĩ tuyến 17? Tăng cường ném bom miền Bắc? Tăng cường phòng thủ Sài Gòn? Rút quân khỏi Tây Nguyên hay cố sức bám Tây Nguyên?" Ông nói: "Đó chỉ là những vấn đề trong nhiều vấn đề khác khiến quân địch phải băn khoăn, day dứt không tìm ra lối thoát. Chúng tiếp tục mối hy vọng hão huyền rằng cần thêm vài sư đoàn nữa, ném bom nhiều hơn nữa, nhiều na-pan, nhiều hơi độc hơn nữa để bắt nhân dân Việt Nam phải quỳ gối". Ông yêu cầu người Mỹ hãy mở mắt. Ông kết luận: "Chúng tôi sẽ thắng!"

Trong khi cố giải thích sự kiện ngay sau đó, Võ Nguyên Giáp phân tích kinh nghiệm trận Ia Đrăng rút ra sự việc căn bản. Quân Mỹ đã gây những tổn thất nghiêm trọng cho các đơn vị của ông. Chưa đến lúc đề cập đến giai đoạn ba của chiến tranh nhân dân. Phải tiến hành chiến tranh lâu dài để đè bẹp quân địch. Ông đã nhấn mạnh nhiều đến điểm này. Bây giờ ông đã tìm thấy chứng cớ. Hoa Kỳ sẽ phải gánh chịu "thất bại không thể tránh khỏi" mà không quan tâm đến quy mô tham gia của quân đội. Tháng 1/1966, Võ Nguyên Giáp khẳng định: "Nhưng điều đó không phải do thắng lợi của Việt Nam trên chiến trường. Điều đó xảy ra vì ưu thế của quân Mỹ có giới hạn và nhược điểm của chúng là căn bản".

Trong những ngày 27 và 28/4/1966, phát biểu trong một phiên họp Quốc hội, Võ Nguyên Giáp bình luận về diễn biến chiến tranh và cho rằng

một cuộc chiến tranh quy ước chống Mỹ là vô ích. Ông nhấn mạnh miền Bắc phải trở về giai đoạn một, tức là tạm thời trở lại với các kỹ thuật của chiến tranh du kích. Ngày 22/12, ông cùng với Lê Duẩn dự lễ kỷ niệm thành lập quân đội; cùng trong tháng, ông trả lời phỏng vấn của Decornoy, phóng viên báo *Le Monde*. Trong cuộc trả lời phỏng vấn suốt hai tiếng đồng hồ, Decornoy thấy ông trong trạng thái tinh thần vui vẻ, phấn chấn phát biểu các luận điểm vốn được ông ưa thích một cách say sưa liền một mạch, thậm chí không ngừng lại ngắt hơi. Không cần những luận điệu cau có, gắt gỏng, Võ Nguyên Giáp nhấn mạnh Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sẽ thắng về quân sự, về chính trị chống lại Chiến tranh đặc biệt của Mỹ. Mặt tươi tỉnh, đôi khi phá lên cười, ông nói một cách văn vẻ bằng tiếng Pháp cực kỳ tế nhị và phát triển ý nghĩ của mình với một lôgic và một tài năng không chê vào đâu được.

Trong lúc cuộc tranh luận về chiến lược tiếp tục diễn ra tại các hành lang của Bộ Chính trị ở miền Bắc, những tháng tiếp theo sẽ là một dịp thử thách đối với Võ Nguyên Giáp.

“Washington không thể nhìn thấy cuối đường hầm”

Võ Nguyên Giáp đã rút ra bài học từ trận Ia Đrăng nhưng cần có thời gian để áp dụng. Đồng thời ông cũng muốn tự mình thấy những người trong vùng chiến sự ở miền Nam xoay xở ra sao. Trong dịp trả lời phỏng vấn của Wilfred Burchett ngày 20/2/1967, Võ Nguyên Giáp kể lại trong một chuyến đi công tác mới đây, ông đã có ấn tượng sâu sắc về người và quang cảnh mà ông chứng kiến: Từng đoàn dân công chở lương thực mà không đòi hỏi trả công. Các chiến sĩ thực hành diễn tập, những đơn vị phòng không học tập, rèn luyện kỹ năng chiến đấu sẵn sàng bắn máy bay đang tấn công, các kỹ sư đi theo các đội thanh niên, công nhân đang sửa chữa cầu đường, các cụ già trồng cây ven đường bị sụt hỏng, nông dân cấy lúa trên đồng ruộng, trẻ em đến trường đều đội mũ rơm… Ông tâm sự với W. Burchett rằng, sức sống của những người dân như thế đã đem lại cho ông những sức mạnh mới: “Nhân dân chúng tôi trong cuộc sống hàng ngày đã tỏ rõ sự quả cảm, tích cực, anh hùng, sáng tạo, lạc quan và tin tưởng trong cuộc đấu tranh chống Mỹ cứu nước.”

Thao thao hùng biện trước một người cánh tả như W. Burchett, Võ Nguyên Giáp kể lại sức sống ấy đã gắn kết đồng bào ông thành một sức mạnh “cứng như thép, vững như đồng”. Rồi trong tâm trạng phấn khởi, ông mô tả những con người ấy có bốn tay: “tay búa, tay súng, tay cày, tay cuốc”. “Chẳng có gì đáng ngạc nhiên là họ khó có thể bị đánh bại”. Và ông kết luận: “Chúng tôi đang sống trong những giờ phút vĩ đại nhất của lịch sử dân tộc”. Báo chí Ba Lan còn bổ sung thêm những lời bình luận của Võ Nguyên Giáp với Burchett. Đại tướng dự đoán những cuộc ném bom, những hành động tàn bạo, những tội ác chiến tranh có thể sẽ tăng gấp đôi trong năm 1967 sẽ làm cho thất bại cuối cùng của Mỹ càng nặng nề hơn. Võ Nguyên Giáp không còn giữ bí mật về sự chi viện của miền Bắc dành cho Mặt trận Dân tộc giải phóng trong cuộc chiến đấu ở miền Nam.

Trong những tháng sau trận Ia Đrăng, các trung đoàn chính quy của Võ Nguyên Giáp không thắng được trận nào có ý nghĩa. Tháng 6/1966, Sư đoàn 324B được lệnh vượt qua khu phi quân sự để hòng chiếm Quảng Trị thuộc quyền kiểm soát của Việt Nam Cộng hòa. Một sư đoàn khác, Sư đoàn 341 từ Lào tiến sang tỉnh Thừa Thiên Huế. Vùng này có địa hình hiểm trở, giao thông khó khăn, với những dãy núi chạy ngang từ Lào ra biển Đông, ngăn cách với các tỉnh phía nam từ Đà Nẵng trở vào. Đường giao thông chính chạy dọc từ Bắc đến Nam là Quốc lộ 1, hai chiều qua đèo Hải Vân quanh co,

dốc đứng và lộng gió với địa hình rất thuận lợi cho các cuộc phục kích. Người ta đành đưa đến đó một lực lượng nhỏ lính thủy đánh bộ để đối phó với các cuộc tấn công của đối phương. Ở đây không có cuộc giao tranh nào quan trọng để chiếm lĩnh đất đai của nhau, cũng không có những trận Điện Biên Phủ nhỏ để có thể lay động dư luận Mỹ. Rõ ràng là các kế hoạch của miền Bắc nhằm giành một chiến thắng quân sự có thể chuyển hướng đột ngột.

Westmoreland mở Cuộc hành quân Irving trong tỉnh Bình Định. Kế tiếp là Cuộc hành quân Attleboro khá tốn kém về người và phương tiện chiến tranh trong tỉnh Tây Ninh trong tháng 10/1966 đánh vào chiến khu C - một vùng từ lâu là căn cứ của Trung ương Cục miền Nam. Võ Nguyên Giáp cảm thấy càng ngày càng khó khăn trong việc chuẩn bị hay mở các cuộc hành quân quan trọng mà không gây ra những cuộc tiến công trả đũa của Mỹ có sức tàn phá lớn. Tuy nhiên, theo ông, nếu có những trận thua thì cũng không thể xem là thất bại trong cuộc chiến. Ngay cả khi không đi đến thắng lợi, ông cũng ít có khả năng thua Mỹ về quân sự. Quân số của ông vào năm 1967 tăng lên so với đầu năm 1966 vì làn sóng đưa người và vũ khí vào miền Nam vẫn tiếp tục và chưa có dấu hiệu sẽ giảm xuống.

Đầu năm 1967, mặc dù Westmoreland đã có 389.000 quân ở miền Nam Việt Nam, nhưng Việt Cộng vẫn tiếp tục kiểm soát một phần lớn cao nguyên miền Trung (đặc biệt là về ban đêm) và tiếp tục duy trì hoạt động của các căn cứ ở miền Nam cũng như những con đường tiếp tế từ miền Bắc vào. Ở miền Bắc người ta lo ngại Mỹ tăng quân nhưng chính quyền chỉ cho Westmoreland có hơn 500.000 thay vì một triệu quân như ông ta yêu cầu.

Ngày 8/1/1967, ba sư đoàn Mỹ vây vùng Tam giác Sắt - một căn cứ vững chắc của Việt Cộng. Đó là Cuộc hành quân Cedar Falls. Ba vạn lính Mỹ được tung vào chiến dịch này nhằm tiêu diệt khu căn cứ rộng lớn một trăm cây số vuông gồm toàn bộ các làng trong vùng. trong đó có một làng tên là Bến Súc. Lính Mỹ tràn vào làng đuổi hết dân cư rồi châm lửa đốt nhà cửa, thóc lúa. Tất cả dân làng bị đối xử như chính họ là Việt Cộng (cũng có thể có trường hợp như vậy) kể cả đàn bà, trẻ em, tất cả đều coi thường dân như thù nghịch và bị gom lại đưa đến các vùng dân cư mới. Các xe ủi san phẳng Bến Súc và các làng khác. Lính công binh Mỹ phá hủy các lều lán cho đến cả cây cối. Rút khỏi Bến Súc, quân Mỹ để lại làng mạc với nhà cửa bị tàn phá tan hoang, một vùng đất rộng mười hecta trở thành đất trống.

Ngày 22/2, Westmoreland mở Cuộc hành quân Junction City nối liền với Cuộc hành quân Cedar Falls vừa kết thúc. Một lần nữa, đây là một cuộc

càn *tìm và diệt* trong vùng chiến khu C gần biên giới Campuchia, phía bắc thành phố Tây Ninh. Trên 45.000 lính Mỹ và ngụy (Việt Nam Cộng hòa) phối hợp tiến hành càn quét kéo dài, gần ba tháng trời đằng đẵng trên một vùng đất nhỏ hẹp. Tuy quy mô lớn nhưng cuộc hành quân vẫn thất bại hiển nhiên. Quân Mỹ chỉ thấy ít lính đối phương, hơn nữa cũng không xác định được vị trí các kho lương thực của đối phương. Quân Mỹ vừa rút được vài ngày, các đơn vị Việt Cộng lại chiếm lại.

Sức mạnh hùng hậu và công nghệ Mỹ đã làm nhiều nhà lãnh đạo Bắc Việt lo ngại. Một nhà lãnh đạo Hà Nội đã tiên đoán: "Chỉ cần 5 năm nữa, những gì còn lại ở Việt Nam sẽ trở thành hoang mạc", Các phái đoàn quân sự đến từ Triều Tiên, Cu Ba và Trung Quốc bí mật đi thăm chiến sự, họp nhau lại trước khi lên đường về nước, đã cảnh báo Việt Nam phải đề phòng một cuộc chiến tranh kéo dài vô thời hạn. Mặc dù vậy, ngày 29/3/1967, Võ Nguyên Giáp ra lệnh tiến công. Các vị trí từ Cam Lộ, Gio Linh và Dốc Miếu ở bờ nam giới tuyến bị san phẳng bằng hỏa lực trọng pháo đặt ở bờ bắc.

Tháng 4/1967, Hồ Chí Minh triệu tập Hội nghị toàn thể Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản lần thứ 13. Hội nghị thông qua nghị quyết 13 kêu gọi miền Nam nổi dậy để giành một thắng lợi có ý nghĩa quyết định trong thời gian ngắn nhất. Không có chuyện chiến tranh tiêu hao. Ban Chấp hành Trung ương Đảng chủ trương hành động ngay lập tức và tổng lực để giành thắng lợi. Võ Nguyên Giáp không tán thành kế hoạch này vì ông vẫn bảo lưu quan điểm về việc tiến hành chiến tranh tiêu hao. Tuy nhiên, là một quân nhân gương mẫu, ông nén sự phản đối lại và cho bộ tham mưu triển khai công việc. Người ta tiến dần đến cuộc tiến công Tết Mậu Thân 1968.

Tháng 10/1967, Võ Nguyên Giáp viết bình luận dài về chiến lược riêng của ông đăng ở báo *Nhân dân* và*Quân đội nhân dân*, dịch ra tiếng Anh dài 54 trang. Võ Nguyên Giáp khẳng định một lần nữa miền Bắc sẽ chiến đấu cho đến thắng lợi hoàn toàn. "Chúng ta", ông viết, "ở vào bước ngoặt của chiến tranh và thất bại của Hoa Kỳ đang đến rất nhanh". Ông miêu tả "chiến thuật Mỹ trong hai năm qua là một thất bại hoàn toàn". Theo thường lệ, ông nói đến chiến tranh tiêu hao mà quân Mỹ không thể chịu đựng nổi. Khác với một số bài khác cũng do ông viết, lần này có giọng kiên quyết hơn và ông khích lệ dân chúng miền Bắc chấp nhận khó khăn và hy sinh thêm nữa. Võ Nguyên Giáp nhấn mạnh sẽ tiến hành những biện pháp kỷ luật chống lại những cá nhân, đơn vị quân đội và cả xóm làng coi thường công tác phòng không. "Thái độ qua loa tắc trách, nông nổi, gây nguy cơ lơ là cảnh giác, có lợi cho các cuộc ném bom của Mỹ, gây nguy cơ cho giao thông và vận chuyển tiếp tế cho mặt trận, sẽ không được tha thứ".

Ông khăng khăng giữ lập trường thân Liên Xô của mình. Mặc dù khá thận trọng để cảm ơn Trung Quốc về sự giúp đỡ, ông vẫn viết bài cho báo *Sao đỏ* của Liên Xô ra ngày 21/10 ca ngợi cách mạng tháng Mười Nga mở ra kỷ nguyên mới trong lịch sử nhân loại. Ông viết: "Nhờ có Liên Xô và Trung Quốc, nhân dân Việt Nam tiếp bước thắng lợi trên con đường vinh quang của cách mạng tháng Mười".

Mặc dù không đồng ý với quyết định của Bộ Chính trị, nhưng Võ Nguyên Giáp vẫn lập kế hoạch cẩn thận cho cuộc tiến công mới ở miền Nam, kế hoạch này mang biệt danh TCK-TKN (viết tắt của cụm từ *Tổng công kích - Tổng khởi nghĩa*). Ông dự tính một chiến dịch sẽ bắt đầu vào mùa thu năm 1967 bằng các cuộc tiến công dọc biên giới của Việt Nam Cộng hòa để kìm giữ số đông lính Mỹ. Rồi tiếp đến một cuộc tổng tiến công có phối hợp chặt chẽ đánh vào tất cả các thành phố quan trọng ở miền Nam. Các cán bộ ở miền Nam phải phát động cuộc nổi dậy đồng loạt mà đỉnh cao là lật đổ chính quyền miền Nam hoặc ít nhất thành lập một liên minh do người cộng sản chi phối và Giáp có trù liệu một kế hoạch tiến công căn cứ lính thủy đánh bộ Mỹ ở Khe Sanh.

Trong lúc miệt mài trong công tác xây dựng kế hoạch, tháng 10, Võ Nguyên Giáp cùng Tổng bí thư Lê Duẩn và Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Duy Trinh đến Matxcova dự lễ kỷ niệm 50 năm Cách mạng Tháng Mười Nga. Trong khi ghé lại Bắc Kinh, Võ Nguyên Giáp đã thông báo cho Trung Quốc kế hoạch chiến dịch TCK- TKN. Hài lòng thấy miền Bắc bỏ mọi sự trung thành với chính sách chung sống hòa bình của người Xô Viết, người Trung Quốc đề nghị viện trợ ngay cho Bắc Việt. Để quân đội Bắc Việt rảnh tay chuẩn bị đối phó với âm mưu của Mỹ mở rộng chiến tranh, Trung Quốc đề nghị gửi 100.000 lính sang đảm bảo hậu cần cũng như lái xe tải, 200.000 công nhân sang duy trì đường bộ và đường sắt. Họ cũng hứa hẹn cung cấp cho Bắc Việt pháo 107 mm và 240 mm, có tầm bắn xa 130 km. Hồ Chí Minh chỉ nhận một phần đề nghị đó. Cuối cùng có khoảng 120.000 người Trung Quốc sang phục vụ ở Việt Nam, chủ yếu là dọc đường xe lửa Hà Nội đến biên giới. Sau đó, người Nga không muốn chậm chân, cam kết đẩy mạnh viện trợ cho Bắc Việt gồm xe bọc thép và trọng pháo.

Lễ Giáng sinh càng đến gần, các kế hoạch đã chuẩn bị xong. Tổng Tham mưu trưởng Văn Tiến Dũng gửi chỉ thị chiến dịch Đông Xuân cho các chỉ huy chiến dịch. Những ngày đầu năm 1968, Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Duy Trinh tuyên bố: cuộc thương lượng hòa bình với Mỹ có thể bắt đầu khi Mỹ chấm dứt ném bom miền Bắc. Tin này chỉ là mưu kế để thuyết phục Nhà Trắng thông báo ngừng ném bom, điều này có thể tạo điều kiện

cho Võ Nguyên Giáp và Trung ương Cục miền Nam rảnh tay chuẩn bị tiến công mà không phải luôn luôn bận tâm đến các cuộc ném bom ở miền Bắc.

Khe Sanh ở về phía tây tỉnh Quảng Trị, cách khu phi quân sự 25 km về phía nam và cách biên giới Lào 10 km. Westmoreland cho rằng đó là một vị trí có tầm quan trọng chiến thuật. Các lực lượng Mỹ và Việt Nam Cộng hòa có thể sử dụng làm bàn đạp cho các cuộc hành quân ở Lào. Đó cũng là một vị trí thuận lợi để ngăn quân lính Bắc Việt không được xâm nhập và chuyển tiếp tế qua vĩ tuyến 17 vào miền Nam.

Các kỹ sư Mỹ đã xây dựng ở đây một đường băng có thể cho máy bay C-123 và C-130 hạ cánh. Đây là hai loại máy bay vận tải có sức chở lớn của ngành hậu cần Mỹ. Khe Sanh được một tiểu đoàn lính thủy đánh bộ Mỹ bảo vệ. Ngày 24/4/1967, tiểu đoàn này đã đẩy lùi một cuộc tiến công của hai trung đoàn quân Bắc Việt trong một trận đánh kéo dài 12 ngày. Mặc dù bị thiệt hại, nhưng Võ Nguyên Giáp đã đạt được mục đích. Westmoreland buộc phải gửi thêm quân trong các tỉnh cực bắc, trong khi đáng lẽ phải tiến hành các nhiệm vụ "tìm diệt" như trong các cuộc hành quân Cedar Falls và Junction City.

Cuối năm 1967, trong khi Võ Nguyên Giáp ráo riết chuẩn bị kế hoạch tiến công Tết Mậu Thân sắp tới, thì các sĩ quan tình báo Mỹ lại phân tích sai những ý đồ của đối phương. Họ thông báo rằng việc tăng rõ rệt các cuộc điều quân của địch là báo hiệu một cuộc tiến công lớn sắp xảy ra đến nơi vào Khe Sanh. Một số cũng bày tỏ lo ngại đến an toàn của các thành phố, tướng Westmoreland ra lệnh tăng viện cho Khe Sanh 4.000 lính thủy đánh bộ nữa và mở Cuộc hành quân Niagara chống lại Sư đoàn 325C của Võ Nguyên Giáp. Lực lượng không quân Mỹ đã tấn công vào các vị trí của Bắc Việt hơn 5.000 lần, ném hơn 100.000 tấn bom đạn xuống một khu vực chưa đầy 8km^2.

Người phương Tây đôi khi chỉ trích Võ Nguyên Giáp muốn lặp lại chiến công Điện Biên Phủ ở Khe Sanh. Ngày 20/1/1968, Tiểu đoàn 3 của Trung đoàn 26 lính thủy đánh bộ chạm trán với một tiểu đoàn quân Bắc Việt cố thủ hai ngọn đồi ở tây bắc Khe Sanh. Ngay ngày hôm sau lính Bắc Việt lại tiến công Khe Sanh, chiếm được làng và pháo binh tầm xa của họ bắn vào căn cứ lính thủy đánh bộ. Cả thế giới nhìn về Khe Sanh trong lúc lính của Võ Nguyên Giáp đã chiếm lĩnh vị trí để phát động chiến dịch Tết Mậu Thân. Mục tiêu của Võ Nguyên Giáp vượt xa Khe Sanh nhằm vào toàn lãnh thổ Việt Nam Cộng hòa. Tuy nhiên, Westmoreland nghĩ rằng Võ Nguyên Giáp chỉ tập trung quân quanh Khe Sanh và sẽ lập lại trận Điện Biên Phủ. Cuộc

bao vây Khe Sanh chỉ kết thúc vào giữa tháng 4/1968, khi nhiều đơn vị lính Mỹ đến chi viện bắt được liên lạc với lực lượng phòng thủ căn cứ. Các sư đoàn của Võ Nguyên Giáp rút lui và cuối cùng quân đội Mỹ rút bỏ Khe Sanh ngày 13/6/1968.

Giữa tháng 1/1968, Võ Nguyên Giáp quyết định thời gian cuối cùng của cuộc tiến công lớn ở miền Nam và để theo dõi sát sao các cuộc giao chiến, ông đặt tổng hành dinh các cuộc hành quân không xa Khe Sanh. Ông tiến hành một công việc thực vất vả nhưng có thể dẫn đến cuộc chiến thắng lớn.

Theo ý kiến của nhiều người, cuộc tiến công Tết Mậu Thân là trận đánh quyết định của cuộc chiến tranh này. Thời đó, các nhà phân tích tình báo quân đội Mỹ bị bất ngờ về cuộc tiến công, không phải vì thiếu thông tin về các kế hoạch tiến công. Đúng hơn là do họ đã hiểu sai về mục tiêu, địa điểm và quy mô cuộc tiến công. Các kế hoạch nghi binh của Võ Nguyên Giáp nhằm đánh lạc hướng chú ý của các lực lượng Mỹ về mục tiêu chủ yếu của họ là các vùng ven biển ở miền Nam bằng các hoạt động ở vùng giới tuyến hoặc vùng biên giới. Các sĩ quan tình báo Mỹ xem những cuộc tiến công đó như là dấu hiệu thắng lợi của quân Mỹ trong việc bảo vệ Nam Việt Nam chống lại các đơn vị quân chính quy Bắc Việt. Ngoài ra, bộ chỉ huy Mỹ cũng cho rằng cộng sản tập trung lực lượng đánh các đơn vị quân Mỹ hơn là đánh vào các vùng đông dân. Vì vậy, cuối năm 1967, tướng William Westmoreland ra lệnh cho các đơn vị quân Mỹ ở ngoài các vùng đông dân phải ngăn chặn các cuộc tiến công vào biên giới Nam Việt Nam. Bộ chỉ huy Mỹ cũng biết miền Bắc hay lợi dụng các cuộc ngừng bắn trong dịp Tết để tổ chức lại hậu cần hơn là mở các cuộc tiến công. Không có dấu hiệu nào cho biết dịp nghỉ Tết năm 1968 khác hẳn các Tết trước.

Võ Nguyên Giáp đã nắm quyền chủ động. Các hoạt động tác chiến ở vùng biên giới chỉ là cuộc tổng diễn tập của Quân giải phóng. Bắc Việt cần có thêm kinh nghiệm để có khả năng tác chiến trong các vùng đô thị và cuộc diễn tập cho phép quân Việt Cộng chuẩn bị chu đáo hơn khi đánh vào vùng dân cư và các cơ sở quân sự. Các trận đánh ở biên giới giúp Võ Nguyên Giáp liên tục giáng cho quân Mỹ những tổn thất nặng nề. Ông biết rõ hậu quả tâm lý của các tổn thất đó đối với dư luận Mỹ.

Thoạt đầu, cuộc tiến công được dự kiến nổ ra đêm 29 rạng ngày 30/1 nhưng đến phút cuối cùng Võ Nguyên Giáp ra lệnh hoãn lại 24 tiếng. Một vài đơn vị Việt Cộng đã không được thông báo kịp thời việc hoãn ngày tiến công nên đã nổ súng sớm hơn ở Nha Trang ngay từ đêm 29/1. Một vài thành phố khác ở bắc phần và trung phần Việt Nam Cộng hòa bị pháo kích và tiến

công mặt đất ngay từ đêm 29. Sáng sớm hôm sau, tất cả các lực lượng của địch đều rút lui. Và chỉ đúng sau nửa đêm 30/1 vào những giờ đầu tiên của ngày 31, Hồ Chí Minh chính thức ra lệnh tiến công với một bài thơ đọc trên đài phát thanh Hà Nội:

Xuân này hơn hẳn mấy xuân qua

Thắng lợi tin vui khắp nước nhà

Nam Bắc thi đua đánh giặc Mỹ

Tiến lên, toàn thắng ắt về ta!

Các đơn vị Việt Cộng bất thình lình phá vỡ không khí Tết ở miền Nam đã tiến công 41 trong tổng số 44 tỉnh và năm thành phố trong sáu thành phố lớn ở miền Nam. Quân giải phòng giành được ưu thế gần như khắp nơi, trong khoảng thời gian từ vài giờ đến 27 ngày như ở Huế. Tại đây họ cố thủ và giương cờ của họ trên pháo đài bảo vệ thành cổ. Ở Sài Gòn, họ tấn công sứ quán Mỹ, căn cứ không quân Tân Sơn Nhất và Bộ Tổng tham mưu quân đội Việt Nam Cộng hòa. Trong địa bàn Vùng 1 chiến thuật ngoài Huế, Việt Cộng tấn công các thành phố Quảng Trị, Tam Kỳ và còn đụng độ với lính thủy đánh bộ ở Chu Lai và Phú Bài. Tại Vùng 2 chiến thuật, Việt Cộng vây hãm Tuy Hòa, Phan Thiết và các căn cứ ở An Khê và Bồng Sơn. Tại Vùng 3 chiến thuật, Việt Cộng tấn công căn cứ quân đội Cộng hòa ở Biên Hòa và tràn ngập Long Bình - căn cứ hậu cần lớn nhất của quân Mỹ ở Việt Nam, tất cả các mục tiêu trong cả vùng đồng bằng Cửu Long thuộc Quân đoàn IV bị tấn công.

Các kế hoạch của Võ Nguyên Giáp là giáng những đòn chớp nhoáng, khúc dạo đầu dẫn đến sự sụp đổ của Nam Việt Nam. Để làm được việc này, quân đội của Võ Nguyên Giáp phân tán thành những đơn vị nhỏ cỡ một trung đội và thường để ở tuyến sau những đội dự bị. Cách đánh này không sử dụng những nguyên tắc đánh ồ ạt và bất ngờ nên trận đánh không gây được sự chú ý trong thời gian đầu. Thoạt đầu, quân của Võ Nguyên Giáp tiến nhanh, tập kích vào các sở chỉ huy và đơn vị Mỹ. Trung ương Cục miền Nam đóng dọc biên giới Campuchia cho nên thường xuyên báo cáo về tổng hành dinh tại Hà Nội diễn biến các trận đánh. Suốt một thời gian, chỉ huy quân sự Mỹ nghĩ rằng sở dĩ bộ đội đánh vào thành phố chỉ để đánh lạc hướng chú ý của mục tiêu số một là Khe Sanh.

Cuộc tiến công Tết Mậu Thân cũng phạm phải những sai lầm. Việt

Cộng được lệnh đánh vào những làng ủng hộ Chính phủ Sài Gòn, tưởng rằng quân đội Cộng hòa sẽ không sử dụng pháo binh hay máy bay để trả đũa, sợ gây thiệt hại cho thường dân trong vùng ủng hộ chính quyền. Cách tính toàn này đã bộc lộ sai lầm trong trường hợp Bến Tre, thủ phủ tỉnh Kiến Hòa, lúc đầu rơi vào tay Quân giải phóng. Máy bay Mỹ và pháo hải quân ném bom bắn phá ác liệt để giải cứu, sau đó lính Mỹ và lính Việt Nam Cộng hòa đã lấy lại được Bến Tre. 4.000 thường dân mất nhà cửa, 1.500 người bị thương và 600 người chết. Một thiếu tá Mỹ giấu tên đã tuyên bố với phóng viên Peter Arnett: "Chúng tôi hủy diệt Bến Tre để giải phóng thành phố".

Bất chấp khía cạnh bạo tàn của thủ đoạn đối phó này, Bộ Chỉ huy Mỹ cho rằng làm như thế là không có gì phạm luật chiến tranh vì kẻ địch đã trà trộn vào dân chúng. Võ Nguyên Giáp còn vấp phải một vấn đề khó khăn khác. Trước đây, ông thường dựng sa bàn hoặc dựng trận địa giả để xác định mục tiêu tấn công và phổ biến kế hoạch cho các cấp chỉ huy và cho các đơn vị quen với địa hình và mục tiêu tấn công. Nhưng trong tổng tiến công Tết Mậu Thân, Võ Nguyên Giáp không làm như thế, bởi vậy số lớn chiến sĩ khi đã nổ súng không làm đúng như Võ Nguyên Giáp mong đợi ở họ. Nhiều đơn vị biết mục tiêu phải tấn công chỉ có vài tiếng đồng hồ trước khi xuất quân. Dù có những nhược điểm đó, nhưng nhìn toàn cục cuộc tiến công Tết Mậu Thân đã gây được bất ngờ rất lớn. Trong cuộc tiến công này, Võ Nguyên Giáp đã giành được quyền chủ động, đẩy Mỹ vào thế bị động đối phó, tập trung vào bảo vệ thành phố, bỏ trống vùng nông thôn không còn được sự che chở của quân Mỹ.

Tiến công Tết Mậu Thân đã không thành công về mặt chiến thuật. Mặc dù công tác hậu cần của Võ Nguyên Giáp đã đảm bảo đủ quân số, vũ khí, phương tiện chiến tranh cho miền Nam cũng như có kế hoạch tiến công được chuẩn bị chu đáo nhưng không một mục tiêu nào đạt được. Quân Mỹ nhanh chóng đối phó với cuộc tiến công Tết Mậu Thân. Hỏa lực áp đảo của Mỹ và quân đội Cộng hòa đã phá hủy nhiều cơ sở hạ tầng mà Việt Cộng đã mất nhiều công sức mới xây dựng được và cố giữ gìn trong hơn 14 năm qua đến nay. Quân giải phóng Việt Nam đã phải chịu tổn thất khá nặng nề.

Tuy nhiên, theo quan điểm của Võ Nguyên Giáp, cuộc tiến công Tết Mậu Thân cũng có những kết quả tích cực. Ít nhất từ lúc quân Mỹ lần đầu tiên đổ bộ vào miền Nam năm 1965 đến cuối cuộc tiến công Tết Mậu Thân năm 1968, Võ Nguyên Giáp đã đẩy quân đội Mỹ vào thế bế tắc, mặc dù Mỹ hơn hẳn về trang bị vũ khí và thiết bị kỹ thuật. Nếu đem sức mạnh của quân Mỹ để đối chiếu với sự hạn chế về nguồn lực của Võ Nguyên Giáp thì đó sẽ là một kỳ tích. Một nhà bình luận đã ca ngợi tài năng của Võ Nguyên Giáp:

"Ông xứng đáng được kính trọng, một trong những nhà thực hành có tài trong binh nghiệp".

Để tăng cường lực lượng, từ 1/1 đến 5/5/1968, Võ Nguyên Giáp cho gần 90.000 người lên đường vào Nam chiến đấu. Đích thân ông và bộ tham mưu hăng say làm việc chuẩn bị mở cuộc tiến công mới. Từ bây giờ, quân đội của ông sử dụng những thiết bị quân sự mới và tốt nhất: Rốc-két B-40, trọng pháo 155 mm, súng phun lửa và xe tăng. Cuối cùng ông cũng nắm vững được nghệ thuật phối hợp bộ binh với pháo binh, công binh và các đơn vị đặc công, mặc dù bộ binh vẫn là binh chủng chủ yếu. Ngày 7/5/1968, đội quân của Võ Nguyên Giáp tiến công Mậu Thân đợt hai với 119 trận đánh vào các mục tiêu ở tỉnh và huyện miền Nam. Một lần nữa, Sài Gòn, Chợ Lớn và Tân Sơn Nhất chìm trong khói lửa. Tuy nhiên, đợt tiến công này cũng không đạt được kết quả mong đợi.

Mặc dù Võ Nguyên Giáp đạt được thế bất ngờ nhưng trong hai tuần lễ đầu quân Mỹ vẫn có thể phản ứng kịp, sử dụng hỏa lực mạnh để vừa đẩy lùi các cuộc tiến công vừa quật lại, giáng những đòn chí mạng gây thiệt hại nặng cho địch thủ. Nhưng họ đã bỏ lỡ một cơ hội duy nhất. Thắng lợi lớn nhất của Võ Nguyên Giáp không phải là trên chiến trường đánh vào lực lượng Mỹ mà thắng ngay trên đất Mỹ.

Trong các hiệu quả tâm lý của cuộc tiến công Tết Mậu Thân, có bài bảo của *Time* ca ngợi tướng Giáp là "kẻ thù nguy hiểm, lắm mưu nhiều kế đã trở thành con người huyền thoại trên cả hai miền của Việt Nam do đánh bại người Pháp ở Điện Biên Phủ… Một trong những nhà khởi xướng… của phép đánh du kích, một nhà chiến thuật có tài đến mức các chuyên gia Mỹ so sánh với Thống chế Tổng tư lệnh quân Đức Erwin Rommel". Báo*Newsweek* cũng viết: "Cuộc tiến công táo bạo của năm mới âm lịch, chỉ một trận đã thay đổi bản chất của cuộc chiến". Đúng thế. Mặc dù hỏa lực của Mỹ và quân đội Sài Gòn đã làm Võ Nguyên Giáp thất bại về chiến thuật, nhưng cuộc tiến công Tết Mậu Thân đã đưa lại cho ông lần thứ hai trong đời một chiến thắng lớn. Điện Biên Phủ thất thủ năm 1954 đã buộc Chính phủ Pháp phải chấm dứt chiến tranh, cuốn gói khỏi Việt Nam. Tương tự như vậy, cuộc tiến công Tết Mậu Thân đã thuyết phục được càng nhiều người Mỹ phải tìm cách kết thúc cuộc chiến. Robert O'Neill đã tóm tắt đúng câu hỏi: "Nếu ông ta (Giáp) đã đặt kế hoạch cho cuộc tiến công để đạt được những kết quả như thế thì ông quả là con người lỗi lạc thấu hiểu các vấn đề tâm lý và chính trị của đối phương".

Võ Nguyên Giáp gặp Madeleine Riffaud, phóng viên báo *L'Humanité*

- cơ quan ngôn luận của Đảng Cộng sản Pháp - trong những ngày cuối tháng 5 đầu tháng 6 trong tâm trạng sáng khoái cao độ. Một lần nữa ông là thành viên không phải bàn của nhóm lãnh đạo Hà Nội, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Quân ủy Trung ương, Phó thủ tướng kiêm Bộ trưởng Quốc phòng. Đánh giá thấp những cố gắng của Mỹ, ông nói: "Westmoreland đã tìm cách gia tăng sức mạnh của quân Mỹ bằng việc nâng quân số từ khoảng 20.000 người lên tới trên 500.000 người. Tuy nhiên, Washington vẫn không thể nhìn thấy cuối đường hầm". Ông kể ra năm mục tiêu của Lầu Năm Góc: loại trừ mối đe dọa của Việt Cộng, bình định nông thôn, bảo vệ miền Nam chống ngoại nhập bằng đường bộ và đường biển, phá hoại miền Bắc bằng các cuộc ném bom và củng cố chính quyền ngụy ở miền Nam. Nhưng không một mục tiêu nào hoàn thành. Ông nói: "Chiến trường miền Nam đối với người Mỹ là cái thùng không đáy".

Đó là thời gian Võ Nguyên Giáp rất bận rộn với những cuộc phỏng vấn. Một tuần sau, ông lại nói chuyện với Tổng biên tập báo Algeria *El Moudjahid*: "Những trận đánh lẻ tẻ hiện nay giữa lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam Việt Nam chỉ là một trận Điện Biên Phủ kéo dài. Thắng lợi của chúng tôi là chắc chắn, không ai có thể nghi ngờ được". Vị khách Algeria nhắc lại rằng chiến thắng của Võ Nguyên Giáp ở Điện Biên Phủ năm 1954 đã đưa đến Hiệp định Geneva kết thúc chiến tranh với Pháp. Vậy sau tiến công Tết Mậu Thân có cuộc thương lượng nào không? "Dĩ nhiên là trong lịch sử có những cái tương tự nhưng không bao giờ giống nhau hoàn toàn." Chắc chắn là Võ Nguyên Giáp không một chút tin tưởng vào cuộc thương lượng đang diễn ra ở Paris và ông không tin "đế quốc Mỹ có thiện ý". Ông bày tỏ sự biết ơn đối với người Algeria đã ủng hộ về mặt tinh thần cho cuộc đấu tranh của Việt Nam.

Ở Mỹ, Thượng nghị sĩ Eugene McCarthy (Đảng Dân chủ, bang Minnesota) trước cũng đi dạy học và đấu tranh chống chiến tranh, đã cố giành được 42% số phiếu trong các cuộc tuyển cử sơ bộ, chống lại Johnson ở bang New Hampshire. Bốn ngày sau, Robert Kennedy nhảy vào cuộc đua tranh chức Tổng thống với tư cách ứng cử viên Đảng Dân chủ cũng có khuynh hướng tương tự. Thượng nghị sĩ George Aiken (Đảng Cộng hòa, bang Vermont) lầu bầu: "Nếu tiến công Tết Mậu Thân là một thất bại, tôi cho rằng Việt Cộng sẽ không bao giờ đạt được một thắng lợi lớn". Walter Cronkite, người dẫn chương trình truyền hình được hâm mộ ở Mỹ lâu nay ủng hộ chiến tranh, nay cũng tuyên bố trong một bài xã luận rằng "cuộc chiến tranh này chỉ đưa đến ngõ cụt đẫm máu". 139 nghị sĩ Hạ viện yêu cầu Tổng thống Johnson xem lại chính sách đối với Việt Nam. Clark Clifford - Bộ trưởng Quốc phòng mới - thúc giục Tổng thống rút quân khỏi Việt Nam.

Thế là quá đủ! Tối ngày 31/3/1968, Johnson tuyên bố trên đài truyền hình: "Tôi sẽ không ra tranh cử cũng không nhận đảng tôi giới thiệu tôi làm Tổng thống".

Ngày 13/5/1968, Hoa Kỳ bắt đầu các cuộc thương lượng với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ở Paris. Đại diện cho Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là Xuân Thủy. Đại diện cho Mặt trận Dân tộc giải phóng là Nguyễn Thị Bình. Nguyễn Cao Kỳ nguyên là tướng không quân lòe loẹt của không lực Cộng hòa, Phó tổng thống, thay mặt cho Việt Nam Cộng hòa. Còn phía Mỹ có W. Averell Harriman làm đại diện. Các cuộc thảo luận kéo dài trong lúc cuộc chạy đua vào Nhà Trắng đang quyết liệt. Richard Nixon tuyên bố ông có một kế hoạch bí mật nhằm chấm dứt chiến tranh. Harriman chán chường rời Paris tháng 1/1969, còn xa mới đạt được một hiệp nghị so với hồi ông được bổ nhiệm làm đại diện Hoa Kỳ tại Hội nghị Paris tháng 5 năm trước.

Ở Việt Nam, tướng Abrams tuân lệnh Tổng thống chấp nhận cách tiếp cận về cuộc xung đột giống như người Pháp trước đây. Hoa Kỳ không thể cứ tiếp tục chiến đấu mãi, cuộc chiến đấu phải do quân đội Sài Gòn đảm nhận. Người Pháp gọi đó là "vàng hóa" còn người Mỹ gọi là "Việt Nam hóa chiến tranh". Giao cho quân đội miền Nam Việt Nam tiếp tục cuộc chiến có lẽ không phải là cách duy nhất có công hiệu để đảm bảo nền độc lập lâu dài cho một miền Nam Việt Nam chống cộng sản nhưng việc đó cung cấp cho Hoa Kỳ một lối thoát: Họ có thể tuyên bố chương trình Việt Nam hóa chiến tranh là một thắng lợi và bắt đầu rút quân ra khỏi Việt Nam. Lực lượng quân đội Mỹ ở Việt Nam sẽ giảm dần. Võ Nguyên Giáp chế nhạo ý tưởng này bằng cách nói rằng: "Đó không chỉ là thảm kịch với quân đội bù nhìn mà cả với quân đội Mỹ". Và ông có lý.

Trong lúc đợt hai của cuộc tiến công Tết Mậu Thân đang diễn ra ác liệt thì Bộ Chính trị đã họp đánh giá tình hình. Bộ Chính trị đã thẳng thắn nhận xét cuộc tiến công Tết Mậu Thân có một sai lầm lớn đến mức sức mạnh quân sự ở miền Nam đã nghiêng về phía Mỹ và quân đội Cộng hòa. Do đó, phải bỏ giai đoạn ba tức là giai đoạn phản công do quân chính quy tiến hành để trở về giai đoạn hai tức là chiến tranh du kích. Võ Nguyên Giáp vui mừng và sau tháng 5 ông không trù liệu một kế hoạch tiến công mới có quy mô nào nữa. Ngay Trung ương Cục miền Nam cũng hoan nghênh tạm dừng tiến công lớn. Tháng 4/1969 Trung ương Cục ra chỉ thị: "Không bao giờ và không một lúc nào chúng ta liều lĩnh đưa toàn bộ lực lượng quân sự ra chỉ để tiến công một lần".

Các cuộc thương lượng ở Paris được nối lại ngày 25/1/1969. Lần này

Henry Cabot Lodge là người thay thế W. Averell Harriman đứng đầu phái đoàn Hoa Kỳ. Lodge nhanh chóng nhận ra Xuân Thủy cũng "cứng đầu" như Harriman. Lodge cố đưa ra thảo luận vấn đề trung lập của khu phi quân sự. Xuân Thủy yêu cầu ngừng chiến tranh. Mặc dù hai bên vẫn gặp nhau đều đều mỗi tuần một lần cho đến cuối năm đó nhưng đã không đạt được tiến bộ nào. Chỉ một tháng sau cuộc gặp lại đó ở Paris, ngày 22/2/1969, Giáp lại mở cuộc tiến công vào dịp Tết. Ông không tạo được thế bất ngờ như cuộc tiến công năm ngoái. Sau ba tuần, ông hủy bỏ cuộc tiến công. Trên 1.100 lính Mỹ thiệt mạng.

Bực bội vì không đạt được tiến bộ trong thương lượng và bị kích động bởi cuộc tiến công Tết 1969, ngày 18/3/1969, Nixon ra lệnh ném bom không công bố vùng đất thánh của Việt Cộng trên lãnh thổ Campuchia. Đó là Cuộc hành quân Menu, trở thành cuộc chiến tranh bí mật của Nixon và Kissinger. Giai đoạn ném bom lén lút này kéo dài đến tháng 3/1970 và sau đó lại tiếp tục cho đến năm 1973. Được phép của Tổng thống, không lực Hoa Kỳ dùng máy bay ném bom chiến lược B-52 thả gần 550.000 tấn chất nổ trên lãnh thổ Campuchia. Chính phủ của Hoàng thân Norodom Sihanouk đã cố gắng trong nhiều năm giữ trung lập nhưng bị sức ép như thế, nên đã rơi vào tình trạng không ổn định. Nhân dịp Sihanouk thăm Paris, một trong những tướng lĩnh của ông là Lon Nol làm đảo chính ngày 18/3/1970, lên thay ông đứng đầu nhà nước. 5 năm sau, ngày 17/4/1975, đến lượt chính phủ Lon Nol bị Polpot - thủ lĩnh của Khmer Đỏ - lật đổ. Khi lực lượng Polpot vào thủ đô Pnompenh, Khmer Đỏ tiến hành cuộc diệt chủng, tàn sát trên hai triệu người[1] trong dân số gần tám triệu người Campuchia.

Trong cuộc họp thượng đỉnh gặp Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu ở Midway ngày 8/6/1969, Nixon tuyên bố chương trình Việt Nam hóa chiến tranh thực hiện có kết quả. Bây giờ ông có thể rút khỏi Việt Nam một sư đoàn nặng gồm 25.000 người. Đến cuối tháng 8 năm đó, số binh lính Mỹ may mắn của Sư đoàn bộ binh số 9 bắt đầu trở về Mỹ.

Trong tháng 6 và 7, Võ Nguyên Giáp đọc hai bài diễn văn. Bài thứ nhất đọc trong Hội nghị cán bộ Phòng không - Không quân. Bài thứ hai đọc trước các cán bộ Quân khu 3. Võ Nguyên Giáp khen ngợi chiến tranh nhân dân và các cuộc giao chiến làm tiêu hao quân địch. Ông nói: "Đương nhiên "nhiệm vụ thiêng liêng" của miền Bắc là giải phóng phần phía nam của Tổ quốc thân yêu, nhưng phải làm từ từ theo các cách đánh của chiến tranh nhân dân, mọi lực lượng nhỏ hơn đánh một kẻ thù siêu cường, sử dụng vũ khí thông thường chống lại vũ khí hiện đại nhất". Miền Bắc sẽ là hậu phương lớn. Miền Nam sẽ là tiền tuyến lớn. Thắng lợi chắc chắn sẽ giành được nếu "các lực lượng

ưu tú" (chủ lực) áp dụng một chiến thuật khôn khéo. Nhưng ông muốn trên hết là cán bộ phải có "đạo đức cách mạng", có trình độ chiến thuật và kỹ thuật cao và các cán bộ chỉ huy phải có khả năng chỉ huy bộ đội chiến đấu có hiệu quả.

Lúc này, sức khỏe của Hồ Chí Minh suy giảm nhiều. Suốt năm 1969, nhiều cơn đau tim xuất hiện nhưng không ngăn cản ông quan tâm sát sao đến tiến bộ trong cuộc đấu tranh chống đế quốc Mỹ và chính quyền "bù nhìn" ở miền Nam. Ông mất ngày 2/9/1969. Một tuần sau lễ truy điệu trọng thể được tổ chức tại Quảng trường Ba Đình. Hàng vạn người dân khóc nức nở đến vĩnh biệt ông. Ngồi trên lễ đài, các đồng chí lâu năm của ông: Lê Duẩn, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp không cầm được nước mắt.

Sau đám tang, một chính thể tam hùng được thiết lập: Lê Duẩn kiểm soát các công việc nội bộ đảng, Phạm Văn Đồng chủ trì công việc ngoại giao và Võ Nguyên Giáp phụ trách mọi công việc liên quan đến quân sự và quốc phòng.

Võ Nguyên Giáp tiếp tục chính sách giảm bớt dính líu vào chiến trường miền Nam. Cho đến cuối năm 1969, ông chỉ cho đánh những trận nhỏ với đơn vị nhỏ, chỉ phản kích lẻ tẻ vào những cơ sở và vị trí đối phương. Mục đích là kéo dài chiến tranh, ngăn cản công cuộc Việt Nam hóa chiến tranh và công tác bình định nông thôn, gây nên những tổn thất cho quân đội Mỹ và duy trì áp lực với quân đội Sài Gòn. Chính sách này không đòi hỏi những trận giao chiến lớn chống quân đội Mỹ. Thực ra đến tháng 12/1969, Võ Nguyên Giáp khẳng định miền Bắc đã coi thường những nguyên tắc căn bản của chiến tranh nhân dân và tuyên bố cần phải sửa chữa thiếu sót đó ngay cả nếu buộc phải tạm thời trở về phòng ngự.

Võ Nguyên Giáp tin chắc rằng đó là cách tiếp cận đúng đắn. Trả lời nhà báo Hungari, Ferenc Hegedus, ông nói: "Đảng chúng tôi ra sức giáo dục nhân dân miền Nam hiểu rằng họ phải dựa vào sức mình là chính trong cuộc đấu tranh giải phóng". Ông nói thêm rằng: "Nếu nhân dân nổi dậy chiến đấu kiên quyết và có động cơ chính trị rõ ràng, nhân dân có thể bảo vệ tự do độc lập và những quyền thiêng liêng của mình. Nhân dân hoàn toàn có thể đánh bại bất cứ kẻ thù nào, dù là đế quốc Mỹ".

Võ Nguyên Giáp tập trung vào những cố gắng chiến tranh với một chất lượng cao hơn, dùng các đơn vị xung kích cơ động hơn là dựa vào đông đảo các lực lượng tham chiến như trước đây. Võ Nguyên Giáp cho rằng: "Đó là phương châm tác chiến hợp lý nhất vì thiếu quân số ở miền Bắc và do so

sánh lực lượng miền Nam có lợi về quân số cho Mỹ. Trong một thời gian, Trung ương Cục miền Nam và Mặt trận Dân tộc giải phóng sẽ phải chiến đấu một mình".

---

[1] Theo dịch giả người Pháp Juliette Mincer, con số mười triệu người bị giết là gần với sự thật hơn cả (ND).

“Sông có thể cạn, núi có thể mòn”

Trong những năm đầu chiến tranh, các đơn vị Việt Cộng và quân chủ lực từ miền Bắc vượt vĩ tuyến 17 vào sử dụng Chiến khu C, Chiến khu D và cả khu Tam giác Sắt chỉ cách Sài Gòn 40 km làm căn cứ xuất phát cho các cuộc tiến công trên toàn miền. Cả ba địa điểm này rộng tới trên 3.000 km vuông, được bảo vệ cẩn mật vì nhiều lý do. Địch không dám bén mảng tới. Như năm 1967, quân Mỹ đổ bộ vào ngày càng nhiều, hỏa lực mạnh, có quân Việt Nam Cộng hòa phối hợp mở các cuộc hành quân càn quét vào khu căn cứ để phá hủy cơ sở hạ tầng và truy lùng, tìm kiếm, bao vây và tiêu diệt quân chủ lực Việt Cộng. Đã có nhiều cuộc đụng độ nhưng các cuộc hành quân tìm - diệt của Westmoreland đều không đạt kết quả. Mỹ - ngụy quân Sài Gòn rút quân về, Việt Cộng lại trở về xây dựng lại căn cứ. Nhưng trước tính cơ động cao dựa vào hỏa lực phi pháo mạnh của quân Mỹ, Võ Nguyên Giáp thấy rằng cần phải chuyển cả căn cứ sang bên kia biên giới trong miền rừng rậm trên lãnh thổ Campuchia thường được gọi là vùng Mỏ Vẹt và vùng Lưỡi Câu qua đường mòn Sihanouk nối liền với cảng Sihanouk trên vịnh Thái Lan để nhận tiếp tế của Bắc Việt Nam chở bằng đường biển và nối với phía đông bắc bằng hệ thống đường mòn Hồ Chí Minh từ miền Bắc theo dọc dãy Trường Sơn và Lào.

Khi những căn cứ mới được xây dựng xong, nhân dịp kỷ niệm 25 năm thành lập quân đội, Võ Nguyên Giáp viết một bài quan trọng đăng nhiều kỳ trên báo Nhân dân và Quân đội nhân dân, một lần nữa kêu gọi sự chú ý đến chiến tranh tiêu hao có thể đưa đến thắng lợi quân sự trong thời gian tương đối ngắn và tăng cường việc chuẩn bị cho cuộc nổi dậy ở miền Nam nhưng vẫn nhấn mạnh cần “hành động dần từng bước”. Ông viết: “Tình trạng chênh lệch về trang bị kỹ thuật giữa hai bên khiến một cuộc tiến công lớn trên nhiều hướng là nguy hiểm. Đã đến lúc phải đẩy mạnh việc chuẩn bị về tư tưởng và hành động để một ngày kia, miền Nam sẽ được giải phóng khỏi chủ nghĩa đế quốc và chính quyền bù nhìn tay sai, nhưng trước mắt chưa đến lúc mở những cuộc tiến công quy mô lớn chống lại quân Mỹ”.

Năm 1969 là một năm quá độ đối với cộng sản và đối với Mỹ. Trong lúc Hoa Kỳ chuẩn bị rút quân và ra sức thực hiện Việt Nam hóa chiến tranh thì Võ Nguyên Giáp cũng tranh thủ cơ hội của năm 1969 để củng cố và tập hợp lực lượng cho quân đội nghỉ ngơi, bù lại những tổn thất trong trận Khe Sanh và cuộc tổng tiến công Tết Mậu Thân 1968, chuẩn bị cho các hoạt động tác chiến sẽ diễn ra vào năm sau, năm 1970. Về mặt chiến thuật, lực lượng

của ông có lợi thế hơn quân Mỹ và ngụy quân Sài Gòn. Quân đội của ông có tuyến phòng thủ ổn định và xác định rõ ràng từ dọc vĩ tuyến 17. Nhưng chính khu vực giới tuyến cũng có nhiều khe hở để quân chủ lực Bắc Việt cùng các đoàn xe vận tải vượt qua dễ dàng. Quân đội Mỹ và Việt Nam Cộng hòa luôn ở tư thế đề phòng. Tuy quân số đông nhưng họ buộc phải phân tán trên một khu vực rộng để tuần tra và phòng thủ. Lực lượng của Võ Nguyên Giáp với những vùng đất thánh an toàn nên rảnh tay hơn để hành động. Họ có thể tập trung lực lượng bất cứ lúc nào họ muốn để triển khai hoạt động trên toàn miền Nam. Võ Nguyên Giáp được thả sức khai thác chỗ mạnh của ông là có tài đánh tạt sườn.

Trước đây, Võ Nguyên Giáp chỉ chú ý đến chiến trường miền Nam, nay do phải mở rộng đường tiếp tế qua nước Lào cho căn cứ địa mới xây dựng trên lãnh thổ Campuchia nên ông phải chú ý đến các chiến trường Lào và Campuchia.

Trước đây, hoạt động của quân Bắc Việt ở Lào chỉ giới hạn vào việc cùng đồng minh Pathet Lào bảo vệ đường mòn Hồ Chí Minh và ở Campuchia là bảo vệ khu căn cứ - đất thánh của Việt Cộng. Nhưng đến năm 1970, Võ Nguyên Giáp chuẩn bị tiến công quân sự để đánh chiếm Nam Lào. Ông cũng cho mở đường thủy từ địa phận Bắc Việt Nam vào Campuchia qua sông Se Kong và Mê Kông. Nếu thành công sẽ tạo sức uy hiếp đối với các tỉnh ở đông bắc Campuchia. Các cuộc tiến công vào Angkor Wat nhằm bảo vệ đoạn đường mòn Sihanouk có tầm quan trọng sống còn đến việc duy trì "đất thánh" trên đất Campuchia.

Để biết rõ kẻ thù hơn nữa, Võ Nguyên Giáp đến thăm một phi công Mỹ bị bắn rơi trên bầu trời Hà Nội, bị thương và đang được chăm sóc tại một bệnh viện Hà Nội. Viên phi công không nhận ra Võ Nguyên Giáp đang đứng bên giường bệnh, hôm đó ông mặc thường phục (dù có mặc quân phục, anh ta cũng không chắc đã biết đó là Đại tướng vì ngoài lễ lạt chính thức, các sĩ quan quân đội Việt Nam đều không đeo lon cấp bậc). Võ Nguyên Giáp đã nói với anh ta: "Người ta đưa tin anh đã về đến căn cứ an toàn. Tại đây tôi mới thấy là anh an toàn trở về khách sạn Hilton Hà Nội (tên chỉ nơi giam giữ tù binh Mỹ)."

Nhiều năm sau, nhớ đến sự kiện này, Võ Nguyên Giáp nói: "Chúng tôi đã học được cách hạ máy bay Mỹ với vũ khí thông thường. Các bạn có biết tại sao không? Đó là do chúng tôi có quyết tâm và có tinh thần sáng tạo bắt nguồn từ chủ nghĩa anh hùng cách mạng". Ông nói, người Mỹ đã mất nhiều máy bay trong các phi vụ đó. Trong khi nghiên cứu các bản đồ và biểu đồ

thu được trong các máy bay Mỹ bị bắn rơi chỉ rõ những điểm cần bắn phá, ông biết rằng cơ quan tình báo Mỹ đã phát hiện địa điểm và sự bố trí các tên lửa. Nhiều năm sau, ông suy nghĩ về giá trị của các tài liệu thu được của địch: "Tôi đã xem lại thì thấy một số vị trí đặt tên lửa của chúng tôi đều đã bị lộ mục tiêu và một số khác không bị lộ vì một số trận địa chỉ là giả, chúng tôi đã cố ý để lộ liễu, còn với một số trận địa thật thì chúng tôi ngụy trang rất kỹ. Chúng tôi giả vờ làm như chúng tôi có nhiều tên lửa hơn là thực lực của chúng tôi". Rồi ông nói thêm: "Cậu con trai út của tôi đã đến tận chỗ máy bay rơi để lấy những tài liệu mật và đem về cho tôi nghiên cứu. Khi tôi thấy những tài liệu đó đều đóng dấu "bảo mật", tôi có nói với nó: "Có lẽ Lầu Năm Góc có ý muốn đặt Bộ Quốc phòng của chúng ta vào trường hợp ngoại lệ" (nghĩa là để chúng ta được đọc những tài liệu "tuyệt mật" ấy).

Được những thắng lợi mới cổ vũ, Võ Nguyên Giáp bằng lòng tiếp một đoàn đại biểu Tổ chức giải phóng Palestin (PLO) mới đến Hà Nội và là nhóm Ả rập thứ hai được Võ Nguyên Giáp tiếp trong mấy tháng qua. Người đứng đầu của đoàn đại biểu PLO này là Abu Ammar, bí danh của Yasser Arafat. Võ Nguyên Giáp đã tiếp Arafat tại Bộ Quốc phòng và sau khi chào hỏi xã giao, ông đã nói khá dài. Võ Nguyên Giáp nói với ông rằng chỉ có hai điều chủ yếu trong chiến tranh nhân dân: tổ chức và tổ chức. "Các bạn hãy chiến đấu với bất kỳ phương tiện nào cho phép giành thắng lợi. Nếu chiến tranh chính quy cho phép, bạn hãy tiến hành chiến tranh chính quy. Nếu bạn thấy không thể thắng bằng các phương pháp kinh điển thì hãy từ bỏ chớ làm! Mọi phương thức dẫn đến thắng lợi đều tốt cả. Chúng tôi chiến đấu với các phương thức quân sự và chính trị, với sự giúp đỡ và ủng hộ của quốc tế".

Tổng thống Nixon quyết tâm không để kéo dài hơn nữa các cuộc tiến công của Võ Nguyên Giáp ở Lào và Campuchia, ông ra lệnh tấn công quân sự ở hai nước này. Được máy bay Mỹ yểm trợ, ngụy quân Sài Gòn vượt biên giới đánh vào vùng Mỏ Vẹt ở Campuchia trong khi các đơn vị bộ binh Mỹ của tướng Abrams đánh vào vùng Lưỡi Câu được xác nhận là căn cứ của Trung ương Cục miền Nam. Ngụy quân bắt đầu triển khai ngày 29/4, còn quân Mỹ thì lên đường ngày 1/5. Có thể sẽ có những cuộc giao chiến lớn nếu lực lượng của Võ Nguyên Giáp cố bám vào căn cứ. Nhưng sau hai ngày giao chiến kịch liệt, Võ Nguyên Giáp ra lệnh bỏ lại doanh trại, kho tàng, bệnh viện và cả sở chỉ huy đã được xây dựng bề thế rồi rút sang phía đông, lùi sâu vào lãnh thổ Campuchia. Rất nhiều người đã không đi lọt. Abrams khẳng định đã giết được 11.000 quân giải phóng, bắt sống 2.500 người, nhưng những con số này đã bị các nhà phân tích của CIA bác bỏ ngay, nhấn mạnh rằng con số của Abrams đưa ra bao gồm cả dân thường. Đến ngày 3/5, chiến dịch này kết thúc, các cuộc tiến công phối hợp giữa quân Mỹ và ngụy quân

chỉ đạt được kết quả khiêm tốn là tịch thu các kho đạn có súng cỡ nhỏ, súng liên thanh hạng nhẹ và hạng nặng cùng hàng ngàn viên đạn súng cối và gạo. Nhà cửa trong khu căn cứ đều bị san phẳng và bị đốt cháy. Quân Mỹ và ngụy quân cuối cùng cũng rút khỏi Campuchia vào cuối tháng 6. Sự đột nhập vào Campuchia đã giúp Mỹ trong chiến lược rút quân. Nếu quân giải phóng mở cuộc tấn công nữa theo kiểu tấn công Tết Mậu Thân thì Việt Nam hóa chiến tranh sẽ bị phá sản về chính trị ở Hoa Kỳ và về quân sự ở Việt Nam.

Mọi người đều không lý giải giống nhau đối với cuộc hành quân mạo hiểm đó. Jean Lacouture viết trên *Foreign Affairs* rằng hành động của Nixon đã thay đổi về bản chất chiều hướng của cuộc chiến tranh bằng cách biến cuộc chiến tranh Việt Nam trở thành cuộc chiến tranh Đông Dương lần thứ hai. Theo sự phân tích đó, thì cuộc hành quân sang Campuchia là một hành động điên rồ về quân sự và là cuộc tự sát về chính trị. Ông ta trích lại câu nói của Võ Nguyên Giáp: "Chiến cuộc càng mở rộng, sự nghiệp cách mạng càng có lợi". Bên nào có hỏa lực mạnh hơn thì tập trung có lợi hơn là phân tán trên một chiến trường mở rộng, ngược lại với điều Mỹ đã lựa chọn.

Đáng lẽ có thể gây thiệt hại cho lực lượng của Võ Nguyên Giáp thì do tiến hành chậm chạp các kế hoạch tiến công, hành động của Mỹ đã không đem lại mấy kết quả. Nixon hy vọng cuộc tấn công vào Campuchia nếu thắng lợi sẽ làm cộng sản sợ hãi phải nhận thương lượng ở Paris để đi đến hòa bình thật sự. Henry Cabot Lodge đã được Kissinger thay thế. Và từ ngày 21/2/1970, Kissinger đã tiến hành một loạt các cuộc gặp riêng với Lê Đức Thọ, cố vấn của Đoàn đại biểu Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Phía Việt Nam hết tuần này sang tuần khác không ngừng đòi Mỹ chấm dứt ném bom đối với miền Bắc như là điều kiện cho mọi tiến bộ có thực chất. Việc Mỹ và ngụy quân Sài Gòn đột nhập vào Campuchia không làm cho lập trường Bắc Việt Nam bớt cứng rắn.

Việc xâm lược Campuchia gây nên những kết quả không mong đợi ở bên trong nước Mỹ, thúc đẩy phong trào chống chiến tranh tiến lên một bước mới. Các cuộc biểu tình của sinh viên nổ ra khắp nơi trong nước. Ở Kent State lực lượng vệ binh bang Ohio bắn vào đoàn biểu tình sinh viên đang tức giận ném vào họ bất cứ cái gì có trong tay. Những sự kiện tương tự diễn ra ở Jackson State bang Mississippi. Những cuộc biểu tình khổng lồ tràn ngập trên đường phố và nơi công cộng ở Washington. Nhiều thượng nghị sĩ lên tiếng đòi Quốc hội bãi bỏ nghị quyết về Vịnh Bắc Bộ hoặc đòi toàn bộ quân Mỹ rút ra khỏi miền Nam Việt Nam vào cuối năm 1971.

Bản thân Võ Nguyên Giáp cũng cảm thấy đau xót trước những tổn thất trong lực lượng của ông. Tháng 6, trước những ý kiến phê phán đầu tiên của một nhân vật cấp cao về việc đột nhập vào Campuchia, ông trả lời chiến tranh không còn chỉ ở hai miền Việt Nam mà đã lan rộng trên toàn bán đảo Đông Dương. Ông nói: "Quân đội ta chiến đấu vai kề vai với nhân dân hai nước Lào và Campuchia để giành độc lập và tự do thật sự đưa sự nghiệp giải phóng nhân dân các nước Đông Dương chống đế quốc Mỹ và tay sai đến thắng lợi hoàn toàn". Rồi với một tính đa cảm đáng ngạc nhiên, ông nhắc đến vai trò của Hồ Chí Minh: "Hình ảnh sáng ngời của Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa Hồ Chí Minh đã quá cố vẫn còn chiếu sáng cho phong trào cách mạng đang dâng lên trên khắp bán đảo Đông Dương từ cánh đồng Chum đến phế tích Angkor".

Tháng 9 năm đó, Võ Nguyên Giáp tham dự hội nghị quân sự tổng kết bốn năm chiến đấu và rút ra bài học. Nhân dịp này ông đã ca ngợi cuộc kháng chiến của tỉnh Quảng Bình quê hương ông. Ông nói: "Quân dân cả nước đã quán triệt sâu sắc đường lối quân sự đúng đắn của Đảng. Điều đó cho phép nhân dân và lực lượng vũ trang đã bắn rơi 572 máy bay địch (hình như không có B-52 nào), bắn cháy và bắn đắm 45 tàu chiến trên mặt biển và anh dũng chống lại chiến tranh phá hoại của bọn xâm lược và tay sai". Ông nói tiếp đến chiến công của quân dân tự vệ Quảng Bình chỉ bằng súng trường đã hạ 53 máy bay và bắt được nhiều "giặc lái". Đồng thời nông dân Quảng Bình cần cù lao động đã tăng sản lượng nông nghiệp và lập thêm nhiều nhà máy mới. Ông nói với cử tọa: "Chúng ta phải học tập gương chiến đấu và sản xuất của nhân dân Quảng Bình".

Võ Nguyên Giáp nói hình như không bao giờ mệt. Đó là một hiện tượng thường thấy ở các vĩ nhân hoặc gần như vĩ nhân trên thế giới. Tháng 10/1970, ông phát biểu về lý luận quân sự trong một hội nghị cán bộ quân sự các binh chủng. Với danh nghĩa là Bộ trưởng Quốc phòng, Bí thư Quân ủy Trung ương và Tổng Tư lệnh quân đội, ông là nhà hùng biện nổi bật. Ông phát biểu với công chúng bằng những lời lẽ rất ấn tượng. "Chúng ta có nhiệm vụ phải xem xét nghiên cứu và phát triển khoa học quân sự Việt Nam coi đó như là một đóng góp tích cực vào việc đánh bại xâm lược Mỹ". Bản trình bày của ông có phần mở đầu và năm phần về nội dung nhưng cũng chưa hết. Ông đọc toàn văn một cách thận trọng, tỉ mỉ để người nghe không bỏ sót một chi tiết nào trong tư duy của ông về vấn đề được trình bày.

Trước hết, ông nêu ra cái mới mẻ cơ bản của khoa học quân sự Việt Nam khác hẳn khoa học quân sự các nước khác ở chỗ nó phản ánh một cách khoa học quy luật. của cách mạng vô sản. Đó là một nền khoa học tiến bộ

phục vụ mục tiêu chính nghĩa của giai cấp công nhân, đã phát triển tinh thần chủ động tiến công của nhân dân lên một trình độ cao. Võ Nguyên Giáp kêu gọi cán bộ toàn quân phải nghiên cứu nhiều hơn nữa để giải quyết các vấn đề chuyên biệt như hậu cần, công tác cán bộ, quản lý bộ đội, huấn luyện, đào tạo và nhiều nhiệm vụ quân sự khác. Cuối cùng mỗi người phải hiểu rõ những nhiệm vụ quân sự đó là khoa học, kết hợp với sự hiểu biết của quần chúng vừa tập trung vào các vấn đề trước mắt, vừa suy nghĩ về các vấn đề lâu dài, tiếp thu thành tựu quân sự của các nước anh em. Võ Nguyên Giáp kết luận: "Khoa học quân sự Việt Nam là một khoa học không thể đánh bại".

Tháng 12 năm đó, kỷ niệm 26 năm thành lập quân đội cũng là ngày kỷ niệm 24 năm Toàn quốc kháng chiến. Hội trường Ba Đình là nơi cử hành lễ kỷ niệm được bật đèn sáng trưng. Khẩu hiệu màu sắc tươi rói mang dòng chứ có nội dung cổ vũ:

Chủ tịch Hồ Chí Minh sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta.

Hoàn thành nhiệm vụ, vượt mọi khó khăn để chiến thắng kẻ thù.

Quyết tâm thực hiện di chúc thiêng liêng của Bác Hồ.

Tất cả vì miền Nam ruột thịt.

Sẵn sàng chiến đấu hy sinh cho chủ nghĩa xã hội.

Kiên quyết chiến đấu và tăng cường tinh thần sẵn sàng chiến đấu tiêu diệt địch, đập tan âm mưu xâm lược miền Bắc!

Đến dự buổi lễ có đông đủ các tầng lớp nhân dân. Các pháo thủ phòng không đến dự lễ mang theo lá cờ có dòng chữ: "Nhằm thẳng quân thù mà bắn". Nông dân đến từ các hợp tác xã ngoại thành Hà Nội. Công nhân ngắm nghía bộ quân phục của không quân, lính rađa, công binh, vận tải, pháo binh, bộ binh và hải quân. Lẫn trong đám đông là đại biểu của các đảng phái chính trị, các dân tộc, các tôn giáo, các ủy ban liên lạc, những người miền Nam đang ở thăm Hà Nội, các nghệ sĩ và nhà văn. Rất nhiều nhà ngoại giao của thế giới thứ ba và các tùy viên quân sự của các nước anh em cũng có mặt, nói chuyện với các phóng viên, nhà báo và các đài phát thanh truyền hình nước ngoài, trong nước.

Đúng 21 giờ 30 phút, Lê Duẩn, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, Văn Tiến Dũng và các vị lãnh tụ khác bước lên lễ đài. Sau lưng họ là bức chân dung lớn của Hồ Chí Minh và một lá cờ đỏ sao vàng năm cánh. Theo hiệu

lệnh, các cháu thiếu nhi quàng khăn đỏ, nhanh nhẹn bước lên bục tặng những bó hoa tươi thắm cho các vị lãnh đạo Đảng và nhà nước.

Thủ tướng Phạm Văn Đồng khai mạc buổi lễ bằng một bài diễn văn dài. Sau đó, Võ Nguyên Giáp dáng điệu nghiêm trang đi những bước dài về phía micro. "Nhân dân ta", ông nói, "quyết tâm đuổi đế quốc Mỹ, kẻ thù chung của chúng ta ra khỏi bán đảo Đông Dương". Cuộc chiến tranh này đã trở thành một cuộc chiến tranh để giải phóng không những miền Nam mà toàn Đông Dương khỏi sự xâm lược của đế quốc Mỹ. Ông nói tóm tắt quá trình trưởng thành của quân đội trong 26 năm qua và nêu lên nhiệm vụ trước mắt. "Quân đội ta chân đất đã đánh bại quân đội nhà nghề của thực dân Pháp… nhờ sức mạnh tinh thần không chút nao núng và khôn khéo trong chiến đấu". Ông lên án hành động phiêu lưu của Nixon ở Campuchia, việc Việt Nam hóa chiến tranh và sự ngoan cố của Mỹ tiếp tục chiến tranh. Ông thấy đó chỉ là hành động điên cuồng của một quốc gia đang trên bờ của sự thất bại. Ông hứa hẹn miền Nam sẽ được giải phóng. "Dân tộc Việt Nam là một. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, nhưng chân lý đó không bao giờ thay đổi".

Một tháng sau đó, Tết âm lịch lặng lẽ qua đi mà không có một hoạt động gì nổi bật. Võ Nguyên Giáp gửi lời chúc mừng năm mới tới quân chủng không quân, trồng cây lưu niệm tại Văn Miếu. Cũng trong tháng 1, ông nói chuyện với Masana Wada, phóng viên tờ báo *Akahata* của Tokyo. Việt Nam hóa chiến tranh vẫn là vấn đề làm ông quan tâm và lo ngại chính sách đó thành công khiến ông lên án nghiêm khắc: đó là sự thay đổi màu da trên xác chết nhằm tiết kiệm sinh mạng của chính lính Mỹ. Hoa Kỳ đang trắng trợn sử dụng người Nam Việt Nam đổi lấy vũ khí và đôla. Ông nói thêm: sự kiện quan trọng nhất trong năm qua là việc Mỹ xâm lược Campuchia và ngoan cố thi hành chính sách Việt Nam hóa chiến tranh. Thái độ đó của Mỹ chẳng khác nào con dã thú khát máu. "Hoa Kỳ sẽ không thành công trong âm mưu cứu vãn chế độ bù nhìn". Ông kết luận: "Người Việt Nam chúng tôi sẽ giành thắng lợi cuối cùng".

Trong lúc đang diễn ra cuộc nói chuyện của Võ Nguyên Giáp thì tướng Abrams và Bộ Tham mưu của ông hoàn chỉnh kế hoạch để một lần nữa thử thách công cuộc Việt Nam hóa chiến tranh. Qua cuộc đột kích vào Campuchia vừa rồi, sức chiến đấu của ngụy quân Sài Gòn đã gây ấn tượng tốt đẹp cho tướng Abrams, khiến ông đi đến quyết định rút cố vấn Mỹ ở một số đơn vị quân đội Sài Gòn vì thấy không cần thiết nữa. Đã đến lúc ông tiến hành thí nghiệm thứ hai. Quân số của tướng Abrams đã rút xuống còn 335.000 người, trong số đó có thể chỉ có 40.000 là lính chiến đấu thật sự. Con số này còn tiếp tục rút xuống thêm nữa. Nixon đang thực hiện lời hứa

đưa lính Mỹ trở về nhà. Tuy nhiên vẫn còn một mối đe dọa đòi hỏi phải loại trừ nếu Cộng hòa miền Nam thật sự vẫn giữ hy vọng mong manh là mãi mãi tách khỏi Bắc Việt. Đó là con đường mòn Hồ Chí Minh nổi tiếng. Đó không còn là một hệ thống vận chuyển thực sự có từ trước mà Hà Nội chỉ là khai thác sử dụng. Đó là một mạng đường mòn trước đây người dân và khách bộ hành vẫn thường sử dụng từ nhiều thế kỷ nay để đi lại dọc dãy Trường Sơn. Nay những người cộng sản đã mở rộng mạng đường mòn đó sang cả lãnh thổ của nước Lào trung lập thành một tuyến hậu cần có tầm quan trọng bậc nhất để đưa người thành từng nhóm nhỏ cùng với lương thực, vũ khí và phương tiện chiến tranh cung cấp cho miền Nam.

Con đường mòn Hồ Chí Minh nổi tiếng có 100.000 dân công, kể cả người Lào, tham gia và bộ đội bảo dưỡng. Nó không còn là con đường nhỏ thông thường đi qua rừng rậm. Đã có gần hai vạn cây số mặt đường được ngụy trang kín đáo, có nhiều đoạn mở rộng cho hai làn xe nối với Tchepone ở Nam Lào, gần biên giới của Việt Nam Cộng hòa, dọc đường còn có những khu vực nghỉ ngơi và hệ thống hầm hào tránh bom, còn đi kèm với cả một hệ thống đường ống, đường kính 12 cm để tiếp dầu và chất đốt cho xe cộ đi lại trên đường. Các nhà phân tích của CIA ước tính rằng từ năm 1966 đến 1971, có 630.000 lính, 100.000 tấn lương thực, 400.000 súng ống các loại và 50.000 tấn đạn dược đã chuyển vào Nam qua đường mòn Hồ Chí Minh. Đã đến lúc không thể để tình trạng này tiếp tục tồn tại.

Abrams muốn sử dụng lính Mỹ để phá hoại con đường mòn, nhưng điều luật sửa đổi Cooper Church được Quốc hội thông qua sau chuyến đột nhập vào Campuchia năm ngoái đã ngăn cản sử dụng lính Mỹ ở bên ngoài biên giới Nam Việt Nam. Abrams liều sử dụng lực lượng quân đội Sài Gòn và Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu thông qua kế hoạch hành quân, huy động 21.000 quân tham gia vào mục đích này. Đó là cuộc hành quân Lam Sơn 719, lấy tên của quê hương cuộc khởi nghĩa Lê Lợi chống nhà Minh thế kỷ XV. Các máy bay ném bom và các trực thăng của quân đội Mỹ đã yểm trợ tối đa cho cuộc hành quân này. Cuộc tiến công bắt đầu ngày 8/2/1971. Quân lực Việt Nam Cộng hòa bắt đầu tiến quân về phía tây theo đường số 9, một con đường mòn già cỗi, lởm chởm đầy hố, song song với con sông Xê Pôn đi từ Khe Sanh đến thị trấn Tchepone cách nhau khoảng 40 cây số. Ở phía nam Tchepone, bên trái là những vách núi thẳng đứng, bên dưới là rừng rậm, tán lá tỏa tầng tầng lớp lớp.

Thoạt đầu lính Cộng hòa chui rừng mà đi chỉ gặp sự kháng cự lẻ tẻ của quân địch. Thời tiết bỗng nhiên thay đổi. Cả vùng bị bao phủ trong những trận mưa đổ xuống như thác. Lính bộ binh lò dò từng bước trên một khu lầy

lội cực kỳ vất vả. Rồi bất thình lình quân địch đổ ra đánh chặn. Những trận giao chiến ác liệt tơi bời. Ngày 11/2, ngụy quân Sài Gòn chỉ còn cách dừng lại bỏ dở cuộc tiến quân, lẩn trốn tán loạn không tiến được bước nào. Bọn chỉ huy không biết cuộc hành quân rồi sẽ ra sao nữa. Cuối cùng ngày 6/3, ngụy quân Sài Gòn cũng tiến được đến thị trấn Tchepone hoang vắng. Võ Nguyên Giáp quyết tâm bảo vệ bằng được con đường chiến lược huyết mạch này. Ông tung vào trận một lực lượng đông đảo để đập tan cuộc hành quân Lam Sơn 719. Đó là các đơn vị thuộc các Sư đoàn chủ lực 2, 204, 308, 320 và 324, không kể 19 tiểu đoàn của các lực lượng phòng không, một trung đoàn pháo binh, một trung đoàn xe tăng. Các lực lượng của Võ Nguyên Giáp gây ra cho ngụy quân Sài Gòn những tổn thất nặng nề không thể tưởng tượng được. Các cuộc ném bom và các trực thăng cũng không cứu được chúng khỏi tai họa. Chỉ trong ba ngày sau khi tiến vào Tchepone, Thiệu đã hạ lệnh bỏ thị xã và rút khỏi Lào. Dù được máy bay Mỹ yểm hộ hết mình, binh sĩ Cộng hòa chết và bị thương 10.000 tên và phải mất hai tuần chúng mới rút hết về điểm xuất phát là Khe Sanh sau khi bị đánh tơi tả trên đường về còn dữ dội hơn lúc tiến quân. Lính Mỹ theo dõi chương trình truyền hình buổi tối ngán ngẩm nhìn cảnh ngụy quân hoảng hốt bám cả vào càng máy bay trực thăng để chạy trốn trước làn đạn của cộng sản. Thế là cả cuộc tiến công lẫn Việt Nam hóa chiến tranh đều không thành công!

Ngày 20/3, Võ Nguyên Giáp phát biểu tại Hà Nội trong một buổi chiêu đãi của đại sứ Mông Cổ. Hình ảnh của cuộc hành quân Lam Sơn 719 hãy còn tươi rói trong tâm trí ông. Ông lên án Chính quyền Nixon đã tập hợp một lực lượng "nửa Mỹ, nửa bù nhìn", đã trâng tráo hành động quân sự phiêu lưu quy mô lớn xâm phạm lãnh thổ Lào. "Đó là các lực lượng phối hợp giữa lực lượng Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam, các đơn vị chủ lực ở miền Bắc và lực lượng Pathet Lào cùng nhau sát cánh chiến đấu trên đường 9 từ Khe Sanh cho tới Nam Lào bất chấp sức mạnh yểm trợ của không quân Mỹ và đã giáng cho quân đội Việt Nam Cộng hòa những đòn chí mạng".

Frank Margiotta, phi đội trưởng không lực Hoa Kỳ, làm việc tại Tổng hành dinh quân Mỹ ở Sài Gòn trong lúc đang diễn ra cuộc hành quân Lam Sơn 719, báo cáo rằng số trực thăng Mỹ bị bắn rơi nhiều đến nỗi không dám cho bộ chỉ huy không lực Hoa Kỳ biết. Những tin đồn lan truyền rằng những người của không lực Hoa Kỳ sợ liên lụy về số trực thăng bị bắn rơi quá nhiều sẽ tác động đến việc thực thi nhiệm vụ của họ cũng như việc sử dụng họ sau này.

Mặc dù đánh thắng quân đội Sài Gòn trong cuộc hành quân Lam Sơn

719, nhưng Võ Nguyên Giáp vẫn phải giải quyết một loạt vấn đề đặt ra ít nhất từ một năm nay. Từ sau cuộc đảo chính của Lon Nol lật đổ Sihanouk ở Campuchia, Võ Nguyên Giáp đã mất khả năng sử dụng cảng Sihanouk để nhận tiếp tế từ miền Bắc vào qua đường biển rồi theo đường mòn Sihanouk về căn cứ đất thánh của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam ở vùng Mỏ Vẹt và Lưỡi Câu. Hơn nữa, Lon Nol đứng đầu chính phủ mới của Campuchia còn cho quân đội tiến công lực lượng của Võ Nguyên Giáp và quân của Khmer Đỏ. Những cuộc xâm nhập của ngụy quân và quân Mỹ vào Campuchia tháng 5 và 6/1970 không những làm cho Võ Nguyên Giáp mất an toàn khu mà còn phải mở rộng phạm vi chiến trường trên hàng nghìn cây số.

Cuộc hành quân Lam Sơn 719 lại một lần nữa là thử thách đối với lực lượng Bắc Việt, lần đầu tiên phải chiến đấu bảo vệ một vùng đất quan trọng sống còn đối với con đường chi viện chiến lược, nhưng lại ở cách Hà Nội gần 650 cây số so với các trận giao chiến trước đây ở miền Nam. Muốn loại bỏ thách thức của cuộc hành quân Lam Sơn 719, ông phải giao nhiệm vụ cho các đơn vị chủ lực để bù lại những tổn thất ở Campuchia và ở Nam Việt Nam. Điều này làm cho lực lượng dự trữ chiến lược ở miền Bắc mỏng đi và yếu hơn là ông mong đợi, vì cho tới năm 1971 ông tiếp tục đề phòng cuộc tiến công miền Bắc của Mỹ. Trong lúc ảnh hưởng của Lam Sơn 719 nhạt dần, Võ Nguyên Giáp lại lao đầu vào việc nghiên cứu kế hoạch chiến đấu mới, việc tuyển quân, huấn luyện tân binh, thành lập những đơn vị mới và lập kho dự trữ đồ tiếp tế mới. Tất cả những việc đó làm ông mất nhiều thời gian để tính toán, suy nghĩ và là một quá trình lâu dài, khó khăn, tốn kém.

Dù vấp phải những khó khăn mới, Bộ Chính trị vẫn cảm thấy phấn khởi trước sự thất bại của ngụy quân trong cuộc hành quân Lam Sơn 719. Vào đầu mùa hè chỉ ít lâu sau thắng lợi ở Nam Lào, các nhà lãnh đạo cao cấp trong Chính phủ miền Bắc năm sau lại phát động cuộc tấn công quy mô trên chiến trường miền Nam trong khi quân Mỹ vẫn đang rút đi, chứ không chờ đến lúc Mỹ rút quân toàn bộ. Quân đội Sài Gòn không còn là sự đe dọa và một cuộc tiến công sâu vào miền Nam sẽ trực tiếp hạ thấp vai trò của ngụy quân Sài Gòn cũng như làm nhục quân Mỹ.

Võ Nguyên Giáp rất băn khoăn trước chủ trương này. Ông cho rằng chủ trương cuộc tiến công quy mô lớn trên chiến trường miền Nam là không hợp thời căn cứ vào so sánh lực lượng hiện nay. Cũng giống như tiến công Tết Mậu Thân 1968, Võ Nguyên Giáp nghĩ rằng bây giờ chưa đến lúc tiến hành một cuộc tiến công quy mô tương tự. Hãy còn quá sớm. Với việc Việt Nam hóa chiến tranh, quân đội Sài Gòn đã được tăng cường hỏa lực và nâng cao

một phần sức chiến đấu. Lục quân Mỹ có thể giảm đi về số quân nhưng không phải vì thế mà không lực Mỹ sẽ không phát huy được uy lực của chúng trong việc yểm trợ ngụy quân Sài Gòn, gây những khó khăn đáng kể cho lực lượng của Võ Nguyên Giáp. Tiến hành đánh lớn ở miền Nam sẽ làm mỏng lực lượng phòng thủ ở miền Bắc vì phải san sẻ lực lượng chủ lực và các nguồn lực cho mặt trận ở miền Nam. Nhưng lập trường của Võ Nguyên Giáp không được ủng hộ trong Bộ Chính trị: ông được lệnh phải chuẩn bị mở một trận đánh lớn ở miền Nam và phải giành thắng lợi để Hà Nội chỉ còn áp đặt các điều kiện để chấm dứt chiến tranh. Là một quân nhân, Võ Nguyên Giáp phải xóa bỏ mọi nghi ngờ băn khoăn, không dám trái lệnh và bắt đầu lao vào công việc khởi thảo kế hoạch. Ông đặt tên cho chiến dịch này là Chiến dịch Nguyễn Huệ, tên một vị anh hùng dân tộc của Việt Nam năm 1789 đánh tan quân xâm lược Mãn Thanh ở phương Bắc.

Tại Paris, Lê Đức Thọ gần như đẩy các nhà thương lượng Mỹ vào tâm trạng cuồng loạn. Cho đến đầu năm 1972, các bên mới đạt được nhất trí với nhau về kích cỡ và hình dáng cái bàn để các bên ngồi vào thương lượng! Đó có thể là một cái bàn trung tâm hình tròn đường kính 8 m, hai bên đối diện nhau cách bàn chính 0,5 m, có lắp một bàn nhỏ hơn hình chữ nhật dài 1,2 m, rộng 0,9 m. Với nhịp độ này, các cuộc thương lượng có thể kéo dài đến thiên niên kỷ sau!

Võ Nguyên Giáp trình bày phương án tác chiến mới tại cuộc họp Bộ Chính trị. Ông dự kiến sẽ tiến công ba mũi: quân chính quy Bắc Việt sẽ vượt qua khu phi quân sự, với bộ binh, pháo binh và xe tăng trợ chiến phối hợp, để tấn công Quảng Trị. Nếu thành công, Võ Nguyên Giáp sẽ chiếm cứ hai tỉnh cực bắc của Nam Việt Nam và sẽ uy hiếp Đà Nẵng, thành phố quan trọng thứ hai của Nam Việt Nam và đi sâu hơn về phía Nam.

Mũi tiến công thứ hai sẽ đánh thẳng vào chính diện có bộ binh chủ lực và pháo binh, xe tăng phối hợp, tiến công vào Kon Tum và Pleiku ở cao nguyên miền Trung, đồng thời sẽ mở một mũi tiến công ở hướng phụ là Bình Định. Chiếm được các mục tiêu nói trên là cắt lãnh thổ miền Nam Việt Nam ra làm đôi bằng đường 19, con đường quan trọng đi từ ven biển theo phía đông tiến về cao nguyên miền Trung.

Trên mặt trận miền Nam, Võ Nguyên Giáp tính sử dụng ba sư đoàn Việt Cộng, nhằm vào Lộc Ninh và An Lộc, thủ phủ tỉnh Bình Long. Mặc dù gọi là Việt Cộng nhưng cũng là quân miền Bắc xâm nhập vào miền Nam từ lâu. Sau cuộc tiến công Tết Mậu Thân 1968, Việt Cộng chưa đủ thời gian hồi sức để có thể tác chiến theo quy mô sư đoàn. Chiếm được An Lộc sẽ tạo thế

uy hiếp trực tiếp đối với Sài Gòn cho tới nay vẫn giữ được an toàn. Chiếm An Lộc còn làm suy yếu sự ổn định của chính quyền miền Nam. Trong lúc đó, một sư đoàn khác triển khai lực lượng ở đồng bằng sông Mê Kông để nắm thóc gạo, chiếm đóng một vùng đất đai bổ sung và kìm chân ngụy quân để tăng cường cho mặt trận khác.

Từ lâu, Lê Duẩn và cố đại tướng Nguyễn Chí Thanh, chỉ huy trưởng lực lượng ở miền Nam yêu cầu phương án tiến công như vậy. Bây giờ Võ Nguyên Giáp sẵn sàng nghe theo họ. Việc chuẩn bị giai đoạn ba cho các cuộc chiến tranh nhân dân sắp hoàn thành. Mặc dù không đồng ý với quan điểm đó, nhưng ông cho rằng bổn phận người lính là phải phục tùng, chuẩn bị cuộc chiến đấu và đặt vào đó mọi thẩm quyền của mình. Ông dựa vào sức mạnh hợp đồng giữa bộ binh, xe bọc thép và pháo binh, được trang bị hiện đại. Nhược điểm duy nhất là thiếu yểm trợ của máy bay đối với lực lượng chiến đấu trên mặt đất. Nếu cuộc tiến công đều thành công trên cả ba hướng, chính quyền và quân đội Nam Việt Nam sẽ sụp đổ. Thậm chí chỉ một mũi thành công thì hậu quả đối với chính quyền miền Nam sẽ nghiêm trọng và làm nản lòng dân chúng, lung lay bộ máy chính quyền. Võ Nguyên Giáp ấn định ngày nổ súng bắt đầu chiến dịch là trưa ngày 30/3/1972. Theo lịch Công giáo, đó là ngày thứ Sáu trước Lễ Phục sinh.

Trước khi chiến dịch mở màn, Hà Nội đẩy mạnh vận động tuyển quân với quy mô chưa từng có, khắc phục thiếu hụt quân số. Lần đầu tiên các con em đảng viên, sinh viên đại học, ngay cả những người đã được chọn đi du học ở các nước Đông Âu, các nhà giáo, các thợ bậc cao và các thanh niên con em liệt sĩ hay thương binh đến bây giờ đều xin nhập ngũ, sẵn sàng chiến đấu ở các chiến trường xa.

Đến ngày D, trọng pháo đặt ở bờ bắc giới tuyến đều được bố trí tạo thành một lưới lửa khổng lồ đánh vào các căn cứ và các đơn vị lính Cộng hòa dọc theo bờ nam giới tuyến. Khi tiếng nổ long trời lở đất của trái pháo bắt đầu, các đơn vị bộ binh của Võ Nguyên Giáp nhất tề tiến quân, 30.000 lính và 200 xe tăng Liên Xô. Ngày 1/4, binh lính Cộng hòa rút lui có trật tự nhưng hôm sau do ảnh hưởng của dân chúng hoảng hốt di tản vượt qua phòng tuyến chạy về phía nam, tinh thần binh sĩ vốn đã không cao nên suy sụp nhanh chóng. Ngày 1/5, quân đội của Võ Nguyên Giáp chiếm thị xã Quảng Trị và phần lớn tỉnh Quảng Trị. Chỉ đến 16/9, các đơn vị lính Cộng hòa được tăng cường mới lấy lại thị xã, dưới cái ô bảo vệ của không lực Hoa Kỳ.

Ngày 27/4, trong lúc chiến dịch tiến công ở miền Nam đang rầm rộ,

Kamil Tangri, phóng viên báo Cộng hòa liên bang Đức *Vorwaerts* gặp tướng Võ Nguyên Giáp ở Hà Nội. Tangri là con lai Việt Nam, con của một sĩ quan tham mưu ở miền Bắc. Tangri mới từ nơi thường trú ở Singapore đến Hà Nội. Là con người bền bỉ hay bám riết, Tangri đặt ra nhiều câu hỏi tế nhị trực diện, thường xuyên kéo Võ Nguyên Giáp trở về vấn đề đang đề cập mỗi khi ông đi quá xa. Tangri hỏi các cuộc tiến công đang diễn ra ở miền Nam có quyết định tương lai của Nam Việt Nam hay không?

"Trận đánh này", Võ Nguyên Giáp tuyên bố, "đã bắt đầu từ 25 năm trước đây. Một trận đánh dù quan trọng như thế nào - dù đó là Issos, Hastings, hay Waterlo - bao giờ cũng chỉ là một sự kiện của một tình thế đang phát triển. Nhưng số phận của toàn thể các dân tộc tuân theo những quy luật mà sinh ra các trào lưu và phản trào lưu cho đến khi nào các trào lưu đó va chạm nhau và kéo theo các cuộc xung đột." Tangri lưu ý Giáp rằng ông chỉ đặt câu hỏi về cuộc tiến công đang diễn ra ở miền Nam chứ không hỏi về lịch sử quân sự nói chung. Tangri lại trở lại với ý định của ông: "Ngài nói rằng chủ nghĩa cộng sản đem lại tự do cho các dân tộc. Vậy ngài giải thích như thế nào về một tình trạng rõ ràng là thiếu tự do khiến cho người được trao giải Nobel như Solzhenitsyn thấy rằng không thể nhận được giải thưởng đó hay khi người Do Thái bị cấm đoán không được rời Liên Xô, khi người ta từ chối không cho người Đức đi thăm đồng bào của họ ở bên kia bức tường (ở Berlin)?"

Võ Nguyên Giáp lẩn tránh trả lời câu hỏi: "Tôi không có thẩm quyền để đánh giá đầy đủ các vấn đề nội bộ của Liên Xô, của Cộng hòa Dân chủ Đức hay bất kỳ nước nào khác. Có nhiều sắc thái khác nhau giữa các chủ nghĩa xã hội, từ chủ nghĩa Lênin đến chủ nghĩa Mao, qua chủ nghĩa Tito, chủ nghĩa Castro, những kinh nghiệm ở Praha, hay Chilê, còn chúng tôi lại đi theo con đường của chúng tôi. Chủ nghĩa Mác còn tương đối trẻ… phải cần nhiều thế hệ để hoàn thiện nó". Rồi với giọng gay gắt hơn, ông nói tiếp: "Những quyền tự do mà ông nói tới chung quy chẳng có ý nghĩa gì với đại đa số nhân loại. Người ta quan tâm đến cuộc sống xa xỉ của chính họ hơn là đến tự do của đồng loại, là được ăn ba bữa một ngày và sống không có bệnh truyền nhiễm. Thử hỏi nhân dân Ấn Độ sống khốn khổ có lợi gì khi được tự do đi du lịch bất cứ đâu? Người da đỏ ở châu Mỹ La Tinh có lợi gì khi được tự do mua các ấn phẩm của phát xít?"

Đó chính là điều Giáp muốn tranh luận. Tangri không bỏ lỡ cơ hội rất sung sướng được thỏa mãn ý muốn tranh luận của ông:

- Ngài có nghĩ rằng người dân Sài Gòn đều không được tự do hoặc cảm

thấy không được tự do bằng các bạn của họ ở Hà Nội?

Võ Nguyên Giáp trở nên sắc sảo hơn:

- Dân Sài Gòn cũng như Tổng thống Thiệu khẳng định có quyền tự do đi xe gắn máy thay vì dùng xe đạp.

- Ngài lẩn tránh câu hỏi của tôi rồi, thưa ngài. Cuộc tiến công của ngài hiện nay nhằm mục tiêu gì?

Võ Nguyên Giáp trả lời với nụ cười trên môi:

- Làm cho nhân dân tiến lên một bước gần hơn tới tự do thật sự.

Tangri lại cố gắng thêm một lần nữa:

- Cuộc tiến công của ngài có định cắt miền Nam Việt Nam ra làm đôi không? Ngài có định chiếm Huế để uy hiếp Sài Gòn?

Võ Nguyên Giáp trả lời:

- Ông hãy hỏi Mặt trận Dân tộc giải phóng. Chúng tôi chỉ ủng hộ Mặt trận với vũ khí và lực lượng của chúng tôi.

Tangri không tin vào tai mình nữa:

- Thực ra các ngài ủng hộ ồ ạt đến mức theo con mắt của toàn thế giới, người ta cho rằng đó là cuộc chiến tranh của chính các ngài. Sau khi lật đổ chế độ Sài Gòn, các ngài sẽ sang Lào và Campuchia chứ?

Võ Nguyên Giáp trả lời với vẻ trịnh trọng:

- Ở đó cũng vậy, chúng tôi chỉ ủng hộ cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.

Tangri hỏi thêm một câu nữa:

- Chiến tranh sẽ kéo dài bao lâu?

Rất nhanh, tướng Giáp trả lời nhẹ nhàng và đầy hy vọng:

- Tôi nghĩ rằng cuộc chiến sẽ không kéo dài như nó đã kéo dài từ trước tới nay.

Chiến dịch ở mặt trận chính bắt đầu từ đầu tháng 4. Tại đây tập trung 35.000 quân có mặt ở Lào vượt qua biên giới định đánh thẳng lên Kon Tum. Báo *Time* đưa tin: "Như mọi lần họ xông vào các trận đánh được chuẩn bị tỉ mỉ, đã được quy định từ trước. Chỉ khi nào mọi thứ đã sẵn sàng, từ xăng dầu, xe tăng đến đạn dược cho bộ binh, Bắc Việt Nam mới triển khai. Phần lớn các trường hợp họ đều thành công". Dọc bờ biển trong tỉnh Bình Định, lính của Võ Nguyên Giáp cắt Quốc lộ 1. Từ cuối tháng 4 đến đầu tháng 5, Quân đội giải phóng nhân dân tiến về Kon Tum đối mặt với những binh sĩ Cộng hòa đã mất hết nhiệt tình chiến đấu. Ngày 14/5 họ tiến công Kon Tum và bị pháo binh ngụy quyền kết hợp với các cuộc ném bom chiến thuật của trực thăng Mỹ đẩy lùi.

Từ 15 đến 25/5, các đơn vị miền Bắc vẫn theo dõi sát Kon Tum, cố gắng cô lập các điểm yếu trong hệ thống phòng ngự của đối phương. Đêm 25/5, họ chọc thủng ngoại vi và đột nhập vào vùng ngoại ô thành phố. Tối 28/5 họ không thể duy trì nhịp độ tiến công lâu hơn nữa. Các cuộc oanh tạc của máy bay Mỹ gây cho họ tổn thất nặng nề và họ không thể trông chờ quân tiếp viện hoặc đồ tiếp tế. Ngày 30/5, họ bắt đầu rút. Trong tỉnh Bình Định, được máy bay Mỹ yểm hộ, quân lực Cộng hòa chiếm lại vùng đã mất trong tháng 4, tháng 5 và mở lại Quốc lộ 1. Các kế hoạch tác chiến được chuẩn bị tỉ mỉ từ trước ở miền Bắc, nhưng trên thực tế chiến trường miền Trung, các mục tiêu đặt ra đã không đạt được như mong muốn.

Cuộc tiến công ở mặt trận phía nam nổ ra sớm hơn từ ngày 2/4 với ba sư đoàn tăng cường tiến công Lộc Ninh và An Lộc trong tỉnh Bình Long. Lộc Ninh bị chiếm ngày 6/4. Các sư đoàn tiếp tục tiến vào uy hiếp An Lộc. Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu lo ngại, phải đưa các lực lượng dự bị để củng cố vị trí phòng thủ. Chủ lực Bắc Việt tiến công An Lộc vào ngày 13/4 với một hàng rào đạn pháo dày đặc, tiếp theo là xe tăng và bộ binh. Quân giải phóng cố gắng một lần nữa, ngày 14 và 15/4, họ tiếp tục bị đẩy lùi. Báo *Time* nêu khó khăn của Võ Nguyên Giáp lúc đó là không có kinh nghiệm về một cuộc chiến tranh quy ước, quy mô lớn và họ cũng không thực sự tiến hành vận động chiến… Bị ràng buộc bởi kế hoạch quy định trước và phụ thuộc vào tiếp tế đã được chuẩn bị từ trước, quân giải phóng đã bị trói chân tay vì một mô hình đánh đột kích.

Một đợt xung phong từ ngày 19 đến 23/4 đã không làm nản lòng đối phương. Một lần nữa lực lượng ngụy quân vẫn trụ được. Nhịp độ tiến công bị chậm lại vài ngày. Các đơn vị Bắc Việt củng cố lực lượng và được tiếp thêm đạn dược, nhưng hệ thống tiếp tế cổ xưa dùng sức người là chính đã trở thành bất cập. Họ lại tiến công ngày 11/5 và tiến lên dưới làn đạn yểm trợ

của pháo binh. Máy bay B-52 và trực thăng chiến đấu ghìm chân tại chỗ lực lượng tiến công. Ngày 12/5 quân Bắc Việt cố gắng một lần nữa và hai hôm sau, ngày 14/5, họ tấn công thêm lần cuối cùng. Do gặp khó khăn về tăng viện và tiếp tế nên họ đã dừng cuộc tiến công, tản vào trong rừng rậm, rút về phía tây nơi họ đã tập kết khi ở miền Bắc vào.

Trong lúc chiến dịch Lễ Phục sinh năm 1972 đang diễn ra ác liệt, Richard Nixon giận dữ ném bom trở lại sau một thời gian hạn chế ném bom. Lần này máy bay Mỹ đánh nốt các mục tiêu chưa bao giờ được chọn lựa trong các đợt ném bom trước: san phẳng các kho chứa hàng, phá hủy các cơ sở công nghiệp và điện lực, cầu cống, đường xe lửa và đường bộ. Nixon ra lệnh thả mìn cảng Hải Phòng ngày 8/5, phong tỏa cảng Hải Phòng không cho tàu nước ngoài ra vào cảng và sau đó qua đài truyền hình, Nixon mới cho công chúng Mỹ biết việc ông ta đã làm: ném bom trở lại vùng từ vĩ tuyến 20 trở ra ở miền Bắc và thả mìn ở cảng Hải Phòng. Bị cắt mất nguồn tiếp tế từ các nước anh em qua đường biển, Võ Nguyên Giáp cho ngừng cuộc tiến công. Sau chiến dịch Nguyễn Huệ- một chiến dịch mà ngay từ đầu ông đã không tán thành, 100.000 quân sĩ của ông đã thiệt mạng trên cả ba hướng tiến công.

Miền Bắc đạt được một số kết quả: các sư đoàn của Võ Nguyên Giáp đã chiếm được một mảnh đất mà trước đây họ không bao giờ chiếm được (bắc Quảng Trị, Lộc Ninh,…). Bắc Việt đã có một số quân lớn chưa từng thấy tại miền Nam mà những điều khoản trong Hiệp định Paris năm 1973 không đòi hỏi họ phải rút về. Tinh thần của Việt Nam Cộng hòa bị lung lay nghiêm trọng. Việt Nam hóa chiến tranh xem ra không thể tiến triển nếu không có sự yểm trợ bằng không lực của Mỹ. Đối với miền Bắc, đó là một sự an ủi, song bây giờ cũng phải đối mặt với các khó khăn: trong một tương lai gần có thể thấy trước là không thể trù tính một cuộc tiến công mới nào. Việt Nam Cộng hòa tuy bị lung lay nhưng chưa đến lúc sụp đổ. Nước Mỹ không bị sỉ nhục, không những thế máy bay Mỹ còn đập tan kế hoạch được chuẩn bị chu đáo của Bắc Việt và cứu vãn thất bại của ngụy quân Sài Gòn.

Trước chiến dịch, Việt Nam Dân chủ Cộng hòa nghĩ rằng họ có thể tiếp tục cuộc chiến ở miền Nam đồng thời xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc. Thất bại của cuộc tiến công Lễ Phục sinh 1972 đã buộc họ phải tính toán lại các kế hoạch của mình. Việc phát triển kinh tế phải chờ đợi sau chiến thắng. Đảng, báo chí, đài phát thanh bắt đầu hô hào các nhà quản lý của các nhà máy quan tâm đến sản xuất ít hơn để dành cung cấp nhân lực cho quân đội. Giải pháp bây giờ là ở Paris. Lê Duẩn chỉ thị cho Lê Đức Thọ bắt đầu thương lượng nghiêm chỉnh với Kissinger.

Trước đây Giáp đã cảnh báo về triển vọng của chiến dịch Nguyễn Huệ là có thể thất bại. Ông đã có lý. Có lẽ ông có thể kiên quyết hơn bác bỏ kế hoạch tiến công xuân 1972 ngay từ lúc có người đề xuất. Có lẽ ông không nên dàn trải lực lượng ra trên cả ba hướng mà nên tập trung vào một mũi tiến công. Ông biết rằng hệ thống hậu cần của ông có khuyết điểm. Tuy nhiên, ông không thể nghĩ ra một hệ thống khác vì các phương tiện vận tải nặng không đủ. Chính vì hậu cần không đảm bảo cho nên quân đội của ông đã nhiều lần phải ngừng tiến công để chờ tiếp tế. Võ Nguyên Giáp có thể dự trữ đồ tiếp tế nhưng không vận chuyển kịp để đáp ứng nhu cầu của mặt trận. Vấn đề là ở chỗ đó.

Do có tính cơ động cao, chiến tranh cổ điển ngốn các vật liệu cung cấp với số lượng và tốc độ kinh khủng. Các sư đoàn chiến đấu của Mỹ sử dụng hàng tấn nguyên liệu cho một phút giao chiến. Còn Võ Nguyên Giáp thì không có phương tiện nào để thỏa mãn nhu cầu hạn chế nhất của các đơn vị tiến công. Vậy mà người ta ra lệnh cho ông phải chiến đấu trực diện và ông đã đánh giá quá cao khả năng mà ông có thể thực hiện. Tương tự như vậy, ông không biết phải làm như thế nào với xe tăng T-34 và T-54 do Liên Xô cung cấp. Cuộc chiến bằng xe tăng đã vượt quá sự thành thạo của ông. Ông đã dùng xe tăng như những pháo đài lưu động để đặt súng đại bác, phối hợp không có hiệu quả với các đơn vị bộ binh - trong lúc ông phải chọc thủng phòng tuyến đối phương bằng tấn công chớp nhoáng để tiêu diệt các công sự phòng ngự của họ.

Mùa hè năm 1972, có nguồn tin cho biết ông bị ốm phải đi chữa bệnh ở Liên Xô. Đúng là đến năm 1974, sức khỏe của ông trở thành vấn đề nghiêm trọng nên người ta ít thấy hình ảnh của ông xuất hiện. Người ta không còn thấy dấu hiệu về hoạt động của ông cho đến 23/12, kỷ niệm ngày thành lập Quân đội Nhân dân Việt Nam, ông đến thăm Đơn vị Tên lửa số 77.

Cùng ngày, Đoàn Đại biểu Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại Hội nghị Paris chính thức phủ nhận tin Võ Nguyên Giáp đã từ trần đang lan truyền trong các giới tình báo miền Nam ở Sài Gòn. Người ta đồn rằng ông bị trúng bom nổ chậm trong khi đi kiểm tra thiệt hại của kho vũ khí Trần Hưng Đạo ở Hải Phòng sau một trận ném bom của Mỹ. Trong bài cáo phó viết vội vàng và quá sớm của hãng thông tấn Pháp *France Presse* (AFP), tác giả cho biết Võ Nguyên Giáp đã bị chỉ trích là đem chính trị xen vào binh nghiệp đang sáng chói. Đây là một nhận xét lố bịch. Có lẽ đúng hơn nếu AFP nói rằng ông là nhà chính trị biết tổ chức và chỉ huy quân đội. Thông tin này khiến dư luận giật mình trong khi chính đài Hà Nội phổ biến một lời kêu gọi của Võ Nguyên Giáp phải can đảm đối phó với cuộc ném bom ồ ạt Linebacker II

diễn ra từ 18 đến 29/12/1972 khi không lực Hoa Kỳ xuất kích 739 lần, trong đó 729 lần đánh trúng mục tiêu bên trên vĩ tuyến 20, thả 15.000 tấn bom, nhiều đến mức không một mục tiêu quân sự nào ở miền Bắc là không bị đánh. "Hà Nội, Hải Phòng và các thành phố khác có thể bị tàn phá", Võ Nguyên Giáp nhắc lại lời của Hồ Chí Minh, "nhưng nhân dân Việt Nam quyết không sợ".

Người ta còn đồn Võ Nguyên Giáp đã từ trần trong nhiều dịp khác nữa. Giữa những năm 1960, người ta đã đưa tin sai lạc rằng ông đã mất trong một trận bom của máy bay Mỹ và trong những tháng qua có những báo cáo không được xác nhận là ông mất vì bệnh sốt rét. Buổi phát thanh tháng 12 năm đó chứng tỏ Võ Nguyên Giáp còn sống, bao giờ cũng mong muốn một thắng lợi hoàn toàn đối với kẻ địch. Thời điểm đó đang đến gần. Ngày 23/8/1972, Tiểu đoàn 3, Sư đoàn bộ binh 21 của Mỹ về nước. Đó là đơn vị chiến đấu cuối cùng của Mỹ rời khỏi Việt Nam.

“Người ta đã đặt tôi xuống mồ cả chục lần”

Cuộc thương lượng kéo dài nhiều tháng ở Paris cuối cùng cũng kết thúc vào đầu năm 1973. Ngày 15/1, Tổng thống Richard Nixon hạ lệnh chấm dứt mọi hoạt động quân sự của Mỹ ở Bắc Việt Nam. Ngày 27/1, đại biểu bốn bên - Hoa Kỳ, Việt Nam Cộng hòa, Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Chính phủ Cách mạng lâm thời miền Nam Việt Nam (tức là Mặt trận Dân tộc giải phóng) - ký hiệp định hòa bình. Hai bên tham chiến ngừng bắn tại chỗ, trao đổi tù binh, Hoa Kỳ phải rút hết nhân viên quân sự còn lại ra khỏi miền Nam trong vòng 60 ngày. Một hội đồng hòa hợp và hòa giải dân tộc sẽ giải quyết các vấn đề và tổ chức tuyển cử ở Nam Việt Nam. Không có hoạt động quân sự nước ngoài ở Lào và Campuchia. Một Ủy ban Kiểm soát và Giám sát Quốc tế gồm có Canada, Hungari, Ba Lan và Indonesia giám sát việc thi hành các điều khoản trong Hiệp định.

Cùng ngày chính phủ Hà Nội cũng thông báo sẽ treo cờ trong tám ngày trên toàn miền Bắc kể từ 7 giờ ngày 28/1 đến ngày 4/2 để ăn mừng kết thúc đàm phán hòa bình ở Paris. Trước đó mấy ngày, Võ Nguyên Giáp còn bác bỏ các tin đồn về sức khỏe của ông. Bấy giờ ngày 27/1, trên làn sóng điện gửi đồng bào toàn quốc, ông đề cập các vấn đề quan trọng hơn nhiều: “Hiệp định này là một thắng lợi lớn của Việt Nam… đối với nhân dân Việt Nam anh hùng… Chúng ta rất tự hào và hoàn toàn phấn khởi”.

Ngày Tết Nguyên đán, Võ Nguyên Giáp lại phát biểu trên đài phát thanh và bình luận về các điều khoản của hòa bình: “Lần đầu tiên từ 100 năm nay”, ông nói, “tất cả quân đội nước ngoài phải rời khỏi Việt Nam. Ở miền Nam đồng bào ta… có những vùng giải phóng rộng lớn. Mặt trận Dân tộc giải phóng đã thực hiện nhiều chiến công, tập hợp các tầng lớp xã hội và hết thảy mọi người yêu nước. Họ có Chính phủ Cách mạng lâm thời miền Nam Việt Nam - người đại diện duy nhất chính đáng của nhân dân ta ở miền Nam. Hòa bình đã lập lại nhưng hòa bình chưa được củng cố”.

Hòa bình tất nhiên đã không được lập lại. Chỉ có hiệp định đã được ký kết. Các cuộc giao chiến ở Nam Việt Nam chưa chấm dứt. Hà Nội vẫn tăng số lượng người và hàng tiếp tế vào miền Nam dọc theo con đường mòn Hồ Chí Minh. Những người miền Bắc xây dựng một căn cứ cho máy bay MIG ở Khe Sanh và đưa tên lửa đất đối không SA-2 vào nam vĩ tuyến 17. Hơn nữa, quân ngụy Sài Gòn chưa bao giờ ngừng đánh phá các cuộc vận chuyển đó. Binh lính Cộng hòa vẫn tiến công Việt Cộng và những đơn vị chủ lực của

Võ Nguyên Giáp ở Nam Việt Nam.

Trong tháng 5/1973, Võ Nguyên Giáp bày tỏ mối lo ngại và bất bình về những vi phạm hòa bình do Mỹ gây ra. Ông nói với phóng viên của các tờ báo Tiệp Khắc *Obrana Lidu, Pravda* và *Cteka*: "Hoa Kỳ đã ngừng việc gỡ mìn ở cảng Hải Phòng và lại tiến hành trở lại các chuyến bay trinh sát bắc vĩ tuyến 17, như vậy là vi phạm Hiệp định Paris". Mặc dù Mỹ ngoan cố như vậy, nhưng Võ Nguyên Giáp vẫn hứa: "Bắc Việt Nam tiếp tục chủ trương hòa bình thống nhất đất nước, củng cố liên minh với các đảng anh em ở Lào và Campuchia".

Ngày 9/7/1973, tướng Giáp xuất hiện trong một buổi lễ chào mừng Beqir Balluku - Phó chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, Bộ trưởng Quốc phòng Albania đến thăm chính thức Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Người ta không còn gặp lại ông cho đến tháng 9, khi ông đến chào Fidel Castro đang thăm Việt Nam. Rồi người ta lại thấy vắng bóng ông trong tám tháng liền cho tới ngày 1/5/1974, ông tham dự lễ chào mừng Ngày quốc tế Lao động và chủ tọa cuộc mít tinh của Bộ Chính trị ở Ba Đình, Hà Nội. Khi ông bước vào hội trường, ông được các thành viên Chính phủ nhiệt liệt hoan nghênh.

Theo các nguồn tin có thể tin cậy, Võ Nguyên Giáp đi Liên Xô và trở lại Hà Nội một hai ngày sớm hơn dự định. Các nguồn tin đều nhất trí cho rằng ông có những vấn đề nghiêm trọng về sức khỏe và khi trở về ông chưa hoàn toàn bình phục. Những người trông thấy ông đều nói ít nhất ông sút đến bảy cân, người gầy đi, khuôn mặt xanh xao. Những năm trước, ông bị đau yếu vì bệnh mắc phải trong những năm ở rừng núi nhưng ông đã coi thường, trở thành bệnh kinh niên như tiểu đường, viêm gan. Trong thời gian dài vắng mặt trong năm 1974, người ta đưa tin về sức khỏe của ông giảm sút nghiêm trọng.

Phải đợi đến ngày 31/5, các giới ngoại giao ở Hà Nội mới chính thức thừa nhận Võ Nguyên Giáp đã đi chữa bệnh ở Liên Xô. Tháng 7, tờ *Frankfurter Allgemeine* của Đức đưa ra một tin từ Hà Nội rằng Võ Nguyên Giáp vừa đi thăm Liên Xô và các nước Đông Âu trở về. Giọng điệu của tờ báo làm cho người ta hiểu rằng ông đã vắng mặt vì những "lý do ngoại giao" hơn là vì lý do sức khỏe.

Dù ông bị ốm nặng hay không điều đó không phải bàn cãi nhưng điều này mới là đặc biệt: Chính phủ và cả bản thân ông không bao giờ cho biết thực chất vấn đề của ông là gì? Tháng 10/1977, ông phát biểu trong một bài trả lời phỏng vấn của nữ nhà báo Pháp Berengère d'Aragon báo *Paris*

Match. Võ Nguyên Giáp được biết rằng trước đây bà bị ốm nặng, ông thân ái hỏi thăm sức khỏe hiện nay của bà. Ông vừa cười vừa nói: "Đừng nghe lời các ông bác sĩ! Đó là những con chim báo điều chẳng lành. Tôi bị ung thư lá lách hoặc một cái gì tương tự, theo các báo và các thầy thuốc khoảng 30 năm nay rồi. Người ta đã đặt tôi xuống mồ ít nhất cả chục lần rồi!"

Mùa thu năm 1973, Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương họp để xem xét lại một lần nữa đường lối chiến tranh ở miền Nam Việt Nam. Trong một thời gian, nhiều ủy viên đã hy vọng có thể chấm dứt cuộc xung đột kéo dài bằng đấu tranh chính trị. Người ta đã hy vọng sớm có được thắng lợi. Sau cuộc tiến công vào Lễ Phục sinh năm 1972, sức chiến đấu của ngụy quân đã giảm sút nghiêm trọng, tinh thần của dân chúng miền Nam ngày càng tỏ ra không mấy tin tưởng vào Chính phủ và quân đội Sài Gòn trước tình hình viện trợ Mỹ trên mọi lĩnh vực giảm sút một cách rõ rệt và liên tục. Tình hình của Chính quyền Sài Gòn càng thêm khó khăn khi lực lượng Bắc Việt chiếm những tiền đồn lẻ của ngụy quân và những căn cứ yểm trợ ở vùng phía tây cao nguyên miền Trung. Cách tiếp cận của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam không phải là không có lý vào cuối năm 1972 và suốt năm 1973. Bắc Việt không thể mở cuộc tấn công quy mô lớn ở Nam Việt Nam do cả Võ Nguyên Giáp lẫn Trung ương Cục miền Nam không đủ sức đánh lớn trong tình hình hiện nay, còn ngụy quân Sài Gòn tuy suy yếu nhưng hình như vẫn đủ sức cầm cự được trước những cuộc tiến công quy mô nhỏ. Còn những người miền Bắc thì rất bực tức vì cuộc đấu tranh chính trị không tiến triển. Tháng 10/1973, Ban Chấp hành Trung ương đã ủng hộ một cách tiếp cận khác và thông qua một nghị quyết đòi mở cuộc tiến công quân sự chống chế độ Nguyễn Văn Thiệu và cuộc tiến công này sẽ lên tới đỉnh cao và kết thúc vào năm 1976.

Bộ Chính trị đã chỉ định người kế nhiệm của Võ Nguyên Giáp, đại tướng Văn Tiến Dũng chỉ huy cuộc tiến công quân sự liều lĩnh này. Nếu muốn thành công phải khắc phục nhiều khó khăn trong một thời gian ngắn. Đó không phải là việc đơn giản. Quân chủ lực Bắc Việt đã bị tổn thất nặng nề trong cuộc tiến công Lễ Phục sinh 1972 và việc tiếp tế hậu cần thu hẹp vì những chiến dịch thả mìn và bắn phá bằng không quân của Mỹ. Các lực lượng của Trung ương Cục miền Nam cũng trong tình trạng không khá hơn. Trần Văn Trà, Chỉ huy mặt trận B.2 viết: "Năm 1973, cán bộ chiến sĩ của chúng ta đã mỏi mệt, chúng ta không có thì giờ bù đắp những thiệt hại, tất cả các đơn vị đang lúng túng không biết xoay xở ra sao. Chúng ta thiếu cả người lẫn lương thực và đạn dược".Trần Văn Trà cũng như Văn Tiến Dũng sẽ làm tất cả những gì họ có thể. Văn Tiến Dũng đưa các sư đoàn ở bên kia giới tuyến về củng cố và trang bị vũ khí mới. Đầu năm 1974, Văn Tiến Dũng

cơ cấu lại các sư đoàn, thành lập bốn quân đoàn và mỗi đơn vị đều được bổ sung đủ quân số, tăng cường chất lượng chiến đấu, nâng cao trình độ huấn luyện và cải tiến trang bị kỹ thuật. Ông kiểm tra, theo dõi chặt chẽ việc làm các con đường mới và đường ống dẫn dầu mới để ủng hộ công tác hậu cần, chi viện cho miền Nam. Ông yêu cầu và được chấp thuận nâng cấp đường mòn Hồ Chí Minh, phát triển các trung tâm huấn luyện, lập các xưởng sửa chữa vũ khí, lấp đầy các kho lương thực và tổ chức thêm các bệnh xá quân y, cơ sở điều trị thương bệnh binh. Đến cuối năm 1974, quân đội của ông không những có thể chiến đấu lần nữa mà đây là lần đầu tiên được tiếp tế đầy đủ vào thời gian đòi hỏi, không phụ thuộc vào những kho dự trữ và các khối lượng chi viện đang được chuyển vào. Cuối cùng quân đội của ông đã trở thành một quân đội hiện đại.

Lê Duẩn, Lê Đức Thọ và những người khác tiếp tục thúc dục tướng Văn Tiến Dũng bắt đầu một cuộc tiến công cuối cùng ở miền Nam. Trong các cuộc gặp với Quân ủy Trung ương bao giờ cũng do Võ Nguyên Giáp chủ tọa, Văn Tiến Dũng đề xuất ý kiến một cách thận trọng. Mặc dù ông muốn chuẩn bị một cuộc tổng tiến công ở miền Nam, trong cuộc họp với Bộ Chính trị cuối năm 1974, ông nói trước là một thắng lợi hoàn toàn đối với Việt Nam Cộng hòa đòi hỏi nhiều năm nữa. Võ Nguyên Giáp thì lạc quan hơn. Ông nhắc Văn Tiến Dũng phải nắm lấy thời cơ để có thể kết thúc chiến tranh trong năm 1975. Một trong những lo lắng khác của Văn Tiến Dũng là phải đề phòng phản ứng của Mỹ có thể can thiệp trở lại nhằm cứu vãn Việt Nam Cộng hòa nếu phát động một cuộc tiến công đại quy mô. Dù sao, Hoa Kỳ đã hứa sử dụng sứ mạng của không quân nếu cần để che chở Cộng hòa miền Nam. Văn Tiến Dũng quyết định trước hết hãy tập trung chỉ đánh một tỉnh để thăm dò phản ứng của Mỹ.

Văn Tiến Dũng chọn tỉnh Phước Long, cách Sài Gòn chỗ gần nhất hơn 60 cây số. Ngày 26/12/1974, ông hạ lệnh cho pháo binh bắn vào Phước Long. Ngày 5/1/1975, hai sư đoàn có xe tăng và pháo binh yểm hộ được lệnh tiến công về Phước Long. Không một máy bay B-52 nào xuất hiện trên bầu trời và sự yểm trợ của không lực ngụy quân không đáng kể. Cuộc kháng cự của quân đội Nam Việt Nam chấm dứt gần như ngay sau đó và ngày 6/1, Phước Long thất thủ. Mỹ đã *không* can thiệp. Được khuyến khích, Lê Đức Thọ ra lệnh cho Văn Tiến Dũng tiếp tục tiến công Buôn Ma Thuột. Cuộc tiến công đã được Văn Tiến Dũng hoạch định từ trước là mẫu mực về sự đơn giản. Ông đánh lạc hướng chú ý của quân đội Sài Gòn bằng cách tấn công một hướng khác rồi bất ngờ quay lại đánh mạnh Buôn Ma Thuột.

Ba sư đoàn tiến công Buôn Ma Thuột ngày 1/3. Một đội quân khác

đánh vào phía tây Pleiku làm nghi binh. Cuối cùng quân của Văn Tiến Dũng tiến công vào thành phố ngày 10/3. Sau hai ngày giao chiến kịch liệt, ngụy quân Sài Gòn bỏ Buôn Ma Thuột rút chạy. Ngày 15/3 họ định mở cuộc phản công lấy lại Buôn Ma Thuột. Một lần nữa không thấy đâu sự can thiệp vào phút cuối cùng của Mỹ dù là yểm trợ bằng không lực để ủng hộ những người bạn cũ của mình. Rất nhiều nhân vật chính trị và tướng lĩnh của Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu bắt đầu chạy trốn khỏi đất nước. Nhiều chỉ huy trung đội bỏ rơi đơn vị, chạy thoát thân để mặc đồng đội tiếp tục chiến đấu và chết thay cho họ. Tiếc thay người nào càng ở cấp cao thì chắc chắn càng gặp nguy nan, nhưng đó lại là những người chạy đầu tiên trong đội quân của Sài Gòn. Những tuần lễ này và những tuần tiếp theo không phải là thời gian vinh quang nhất của lịch sử Việt Nam Cộng hòa.

Ngày 12/3, Võ Nguyên Giáp với tư cách là Bí thư Quân ủy Trung ương chuyển đến hành dinh của Văn Tiến Dũng những chỉ thị cuối cùng của Bộ Chính trị: bao vây Pleiku, cắt mọi con đường và sân bay, tiến quân không cần báo cáo tiến độ, phong tỏa tin tức từ mặt trận không để lọt ra ngoài.

Tướng Văn Tiến Dũng ra lệnh các đơn vị di chuyển gấp xuống phía nam, theo Quốc lộ 1 hướng về Huế. Tổng thống Thiệu rút bỏ Huế và đòi lập phòng tuyến ở bắc Đà Nẵng. Vô ích! Đà Nẵng thất thủ ngày 29/3, không có trận giao chiến lớn nào và số người chết, bị thương tương đối nhỏ. Quân lực Việt Nam Cộng hòa tan rã, hoảng hốt và không còn sức chiến đấu. Các đơn vị của Văn Tiến Dũng tiếp tục tiến xuống quét sạch lực lượng đối phương còn lại ở Vùng 2 chiến thuật, khoảng giữa tháng 4 thì hoàn toàn chiếm được Vùng 2 chiến thuật.

Ngày 25/3, Bộ Chính trị ra lệnh Văn Tiến Dũng đánh chiếm Sài Gòn trước mùa mưa vào giữa tháng 5. Sau khi suy nghĩ, Văn Tiến Dũng đề nghị đặt tên cho cuộc tiến công cuối cùng là "Chiến dịch Hồ Chí Minh" và được chấp nhận ngay. Ông liền điều các sư đoàn ưu tú tiến vào Sài Gòn, trên 15 sư đoàn bộ binh, hàng trăm xe tăng và pháo binh. Ông còn có thể sử dụng một cách hạn chế lực lượng không quân nhỏ bé của miền Bắc. Những cỗ pháo phòng không đi theo các cánh quân tiến về Sài Gòn trong trường hợp máy bay của Việt Nam Cộng hòa tìm cách ngăn cản cuộc tiến quân.

Rất nhiều quân nhân Mỹ theo dõi việc bố trí lực lượng tiến công của Văn Tiến Dũng khẳng định rằng Bắc Việt đã bỏ chiến thuật chiến tranh nhân dân để thực hành một cuộc tấn công cổ điển có trình độ cao. Một người khác mô tả cuộc tiến công của Văn Tiến Dũng như là "sự sao chép cuộc tiến công theo kiểu Mỹ". Nhưng như John Gates đã viết: "Không có một đơn vị nào

của quân đội Mỹ lại có thể dựa vào sự giúp đỡ của các lực lượng dân quân du kích và cán bộ chính trị để tạo thuận lợi và ủng hộ các cuộc tiến công của quân đội chính quy". Sau này cả Võ Nguyên Giáp và Văn Tiến Dũng đều viết: "Khắp nơi, các lực lượng địa phương, dân quân du kích và các đội tự vệ đều nắm lấy thời cơ tiêu diệt địch trong Chiến dịch Hồ Chí Minh… Những lực lượng đó giành quyền làm chủ ở nhiều địa phương, tiêu diệt hoặc bức rút nhiều đồn bốt doanh trại của địch, xóa bỏ bộ máy kìm kẹp của địch, đập tan các tổ chức "phòng vệ nhân dân" của địch. Những lực lượng đó bằng hoạt động của mình đã tạo điều kiện cho các đơn vị chủ lực có thể tập trung lực lượng tiến công các mục tiêu chủ yếu của cuộc tổng tiến công. Cuộc tấn công hoàn toàn phù hợp với những phương châm tác chiến trong giai đoạn ba của chiến tranh toàn dân giải phóng dân tộc."

Đối với chính quyền miền Nam, sự sụp đổ tính từng ngày. Đến tháng 4, khi các sư đoàn của Văn Tiến Dũng đã tiến cách Sài Gòn 65 cây số, cuộc tiến công thành phố sẽ đánh vào năm mục tiêu chủ chốt: các cánh quân chia nhau mỗi cánh được giao đánh chiếm một mục tiêu, theo một trục, sẽ đập tan sức đề kháng bằng những cuộc giao chiến có tính quyết định trong thành phố. Trên bờ vực thẳm, Tổng thống Thiệu chạy trốn sang Đài Loan ngày 21/4 và Phó tổng thống Kỳ cũng chuồn sau ông ta ít hôm. Vài ngày sau, một liên minh các tướng lĩnh và nhân vật chính trị chỉ định tướng Dương Văn Minh làm Tổng thống vì như lời thú nhận của ông sau này, ông có "quan hệ" với phía bên kia và phải có ai đó đứng ra thương lượng với họ.

Chiến dịch Frequent Wind do Mỹ lập ra nhằm di tản người Mỹ và một số người Việt Nam được biệt đãi ra khỏi Sài Gòn, tiến hành một cách chệch choạc, trong lúc trực thăng Mỹ chở quá tải người di tản từ trên nóc nhà Đại sứ quán Mỹ bị những người bị bỏ lại bao vây, phải vất vả lắm mới cất cánh được. Trưa ngày 30/4, một đoàn xe tăng Bắc Việt đã tiến vào Dinh Tổng thống và chiếc xe đi đầu đã húc đổ cánh cổng sắt nặng nề. Cuối cùng chế độ Việt Nam Cộng hòa đã sụp đổ. Hai thực thể Việt Nam - Việt Nam Cộng hòa và Việt Nam Dân chủ Cộng hòa- từ nay được mọi người biết đến dưới cái tên Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

"Sau giải phóng Sài Gòn, tôi vui mừng cuồng nhiệt", Võ Nguyên Giáp tâm sự với một nhà báo đến phỏng vấn. Ông bay ngay vào Sài Gòn và đi thị sát Bộ Tổng tham mưu của ngụy quyền. Ông nói: "Tất cả còn nguyên, bởi lẽ chúng bỏ trốn quá nhanh không kịp tiêu hủy giấy tờ. Tôi nhớ đến hệ thống máy tính của chúng dùng để xác định vị trí của Việt Cộng. Bên cạnh đó là hệ thống màn hình hiển thị các vũ khí và phương tiện chiến tranh được điều khiển bằng máy tính. Nhưng hôm đó tôi có ấn tượng sâu sắc là sức mạnh

tổng hợp quân sự khổng lồ của quân đội Mỹ và ngụy quyền Sài Gòn". Ông rút ra một kết luận khác: "Tất cả thiết bị hiện đại đều vô ích. Nhân tố con người là quyết định".

Một hôm có người hỏi ông trong số ba tướng Mỹ mà ông phải đương đầu thì ai hơn cả, ông đáp: "Tôi không muốn chỉ trích sau lưng họ, vì tôi không gặp ai trong căn phòng này. Người Pháp cũng đã hỏi tôi như thế vì họ đã *chín* lần thay tướng!" Rồi trực diện hơn ông nói thêm: "Tôi nghĩ rằng tướng Westmoreland có kinh nghiệm và được đào tạo tốt. Ông ta đã nhìn ra các vấn đề và đã yêu cầu tăng thêm 200.000 quân. Tôi không nói là việc đó có tốt hay không nhưng nếu ông ta nghĩ rằng chỉ thêm 200.000 là đủ thì ông ta đã lầm." Rồi Võ Nguyên Giáp nói đến tướng Abrams người kế nhiệm Westmoreland và cũng như ông này, nhậm chức Tổng tham mưu trưởng liên quân. Giáp nhận xét: Tướng Abrams dựa trên sự nghiên cứu tìm tòi. Ông ta đã nghiên cứu kinh nghiệm bản thân và của người khác để xem cái gì có thể vận dụng vào tình hình thực tế ở đây, nhưng ông ta tưởng là ông ta sẽ thắng và ông ta đã lầm. Tướng Weyand kế nhiệm ông Abrams vừa chỉ huy quân sự Mỹ ở Việt Nam vừa làm Tham mưu trưởng lục quân Mỹ. "Đối với Weyand", Giáp nói, "ông ta cho rằng không thể đi đến thắng lợi. Tình hình lúc đó rất khác vì ông ta phải gánh những hậu quả của hai vị tướng tiền nhiệm để lại. Sai lầm của họ là xâm lược nước chúng tôi nhưng Chính phủ Mỹ mới là kẻ chịu trách nhiệm. Tôi chỉ nói được có thế."

Một lần nữa, Võ Nguyên Giáp có dịp để bày tỏ những cảm nghĩ của ông đối với khả năng chiến đấu của lính Mỹ. Ông nhớ lại, trên một chuyến bay về Hà Nội, ông mặc thường phục nhưng một số cựu chiến binh Mỹ ngồi cạnh đã nhận ra ông do đọc được tên ông ghi trên tấm phiếu hành lý. Một trong số đó đã hỏi ông: Thưa tướng quân, ngài nghĩ thế nào về lính Mỹ?

- Lính Mỹ cũng như những người lính khác, khi họ được chỉ huy tốt thì họ chiến đấu giỏi.

Nhưng họ đã thua, không phải lỗi của họ mà do lỗi của người lãnh đạo.

Ông kết luận: "Người lính Mỹ không bao giờ nên tham gia vào một cuộc chiến tranh xâm lược. Nếu họ trọng danh dự và yêu mến tự do của bản thân họ thì họ nên trọng danh dự và yêu mến tự do của người khác."

Rất nhiều người Mỹ thất vọng vì kết cục của cuộc chiến tranh Việt Nam. Có nhiều lời đả kích và cũng không ít lời nói trái ngược trong dư luận Mỹ để tìm ra sự thất bại đó là do đâu. Một con người trước đây nhiều năm lẽ

ra người ta phải nghe ông, cuối cùng phải nói trong một cuộc trả lời phỏng vấn rằng, phần lớn lỗi lầm là do kiêu căng và dốt nát. Với tính hay nói thẳng, Lucien Conein ít nhất đã sống nhiều năm ở Đông Nam Á hơn bất cứ người Mỹ nào khác. Ông tóm tắt ý kiến của mình như sau: "Năm 1956, tôi trở về Mỹ sau khi từng trải ở miền Bắc và miền Trung Việt Nam, sau khi chúng ta đã dựng nên một chế độ "dân chủ" ở Sài Gòn. Trước khi xung vào lực lượng đặc biệt ở Fort Bragg, tôi đã được dự tổng kết ở Lầu Năm Góc. Người ta hỏi tôi tại sao quân đội Pháp đã bị thất bại khi họ kiểm soát bầu trời ở Việt Nam. Tôi nói người Pháp đã phạm nhiều sai lầm: 1/ Họ phụ thuộc vào đường sá, Quốc lộ 5 ở miền Bắc, "con đường không vui" ở miền Trung. 2/ Họ bị phục kích. Đúng là họ kiểm soát bầu trời, nhưng… 3/ Họ cũng xây dựng những đồn tiền tiêu nhỏ trên khắp nước. Ban đêm quân Việt đến đã "thiến" những người Pháp đang ngủ trong các đồn bốt khốn khổ kia. Thế đấy!

Tôi nói rằng chúng ta không được mắc những sai lầm đó. Thế là họ (các cấp ở Lầu Năm Góc) nói rằng chúng tôi sẽ làm tốt hơn.

"Vậy… chúng tôi đã gửi máy bay nhiều hơn mười lần. Nào pháo đài bay B-52, nào Sấm rền và chúng tôi cũng có những đồn bốt tiền tiêu nhỏ mà chúng tôi gọi là căn cứ yểm trợ hỏa lực. Chúng tôi đã phụ thuộc vào các con đường. Thế là điều đó đã xảy ra với chúng tôi y hệt như đã xảy ra với người Pháp trước đây. Chỉ có mỗi một điều mà chúng tôi không học được! Thế đấy!

Cứ mỗi khi có ai mới đến đây, họ đều nghĩ rằng rồi họ sẽ chiến thắng. Tôi xin nói thật, tuần lễ đầu tiên tôi đến Việt Nam là năm 1945, tôi tưởng là tôi đã *biết hết*. Tôi rời khỏi Việt Nam sau 16 năm ở đó - và tôi đã nhận ra là tôi tuyệt đối *không biết gì hết*."

Trung Quốc ở vào thời của Giáp là một nơi ẩn náu đối với ông. Năm 1940, ông đã trốn sang Trung Quốc để thoát khỏi nanh vuốt của Phòng Nhì Pháp. Sau đó ông dùng các tỉnh miền nam Trung Quốc làm chỗ huấn luyện bộ binh và trường bắn của pháo binh. Người Trung Quốc đã giúp đỡ vật liệu để ông sử dụng trước tiên, chống lại người Pháp, sau đó chống lại người Mỹ. Những người "tình nguyện" Trung Quốc đã giúp miền Bắc làm đường sá, bảo dưỡng và bảo vệ đường sắt trong các chiến dịch ném bom của Mỹ. Họ đã phục vụ một số pháo phòng không của chính phủ Hà Nội. Không một ai, trong đó có Võ Nguyên Giáp, có thể phủ nhận sự viện trợ của Trung Quốc trong 25 năm đối với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Tuy nhiên, những tình cảm đối với Chính phủ Trung Quốc ngày càng trở nên chua chát.

Tướng Võ Nguyên Giáp nổi tiếng trong số những nhà lãnh đạo ở miền Bắc là người ủng hộ những mối liên hệ chặt chẽ với Liên Xô. Bảy năm sau khi thống nhất, năm 1982, trong một cuộc trả lời phỏng vấn, ông đã để lộ ra một phần những lý do khiến ông phản đối chính phủ cộng sản láng giềng. Ông nói: "Chính phủ Trung Quốc muốn duy trì một nước Việt Nam bị chia cắt, làm chậm ngày thống nhất đất nước. Người Trung Quốc muốn duy trì lực lượng của chúng tôi ở trình độ thấp kém… trong thời gian dài… Họ nói với chúng tôi… rằng Việt Nam sẽ thống nhất nhưng… phải cần trăm năm nữa!"

Ông không muốn kéo dài một tình hình như thế với một Việt Nam khác ở miền Nam bị tách rời với miền Bắc trong thời gian dài. Ở một lúc, với thái độ thẳng thắn ít giữ gìn và ít canh chừng hơn, Võ Giáp nhắc nhở người đối thoại với mình: "Mùa xuân năm 1975 chúng tôi đã mở cuộc Tổng tiến công kết thúc bằng thắng lợi hoàn toàn nhưng Bắc Kinh đã phản đối."

Ông không nói thêm nữa. Ông không phát triển thêm ý của mình. Nếu điều đó đúng sự thật thì nó phủ nhận mọi ước tính và đánh giá theo tin tức của phương Tây ở thời đó, theo đó thì Trung Quốc ủng hộ cuộc tiến công cuối cùng giải phóng hoàn toàn miền Nam của Bắc Việt.

Có lẽ người Trung Quốc sợ mất quá nhiều ảnh hưởng đối với Việt Nam thống nhất. Riêng miền Bắc - là một quốc gia có thể nhận là được che chở - sẽ quá yếu để chống lại những ý đồ của người Trung Quốc muốn mở rộng ảnh hưởng sang Lào và Campuchia. Duy trì nguyện vọng (chia cắt) trong hoàn cảnh đó, có thể là một phần của kế hoạch Bắc Kinh và do đó là một lý do đủ để phản đối cuộc tiến công cuối cùng giải phóng miền Nam của Bắc Việt đối với miền Nam.

Theo đề nghị của Lê Duẩn, Võ Nguyên Giáp dẫn đầu phái đoàn Việt Nam trong chuyến viếng thăm hai nước Cu Ba và Algeria. Ngoài thời gian sống ở mấy tỉnh biên giới nam Trung Quốc trong chiến tranh thế giới, sang Liên Xô năm 1967 khi ông đi dự lễ kỷ niệm 50 năm Cách mạng tháng Mười và cuộc đi nước ngoài mới đây để chữa bệnh, Võ Nguyên Giáp ít đi nước ngoài nhất trong số các nhân vật lãnh đạo Đảng và Nhà nước. Ông đã suy nghĩ rất nhiều về lịch sử và văn hóa các nước khác nhưng từ lâu ông bỏ hy vọng đi nước ngoài dài ngày. Ông chấp nhận đề nghị của Lê Duẩn dẫn đầu đoàn đại biểu Việt Nam. Phái đoàn của ông đã đi đến La Havane, thứ Hai ngày 15/12/1975 dự Đại hội lần thứ I Đảng Cộng sản Cu Ba. Trước khi rời Cu Ba, ông thăm các trường học, các bảo tàng, một nhà máy phân bón.

Ông đặt hoa tại đài tưởng niệm Jose Marti, có hai buổi hội đàm dài với Raul Castro, phát biểu tại các cuộc mít tinh của các sĩ quan quân đội và những người hoạt động chính trị.

Võ Nguyên Giáp và đoàn tuỳ tùng bay tiếp sang Algeria theo lời mời của Houari Boumedie - Chủ tịch Hội đồng Cách mạng, Chủ tịch nước Cộng hòa Dân chủ và Nhân dân Algeria.

Võ Nguyên Giáp kể lại một sự việc: trong buổi lễ kỷ niệm Ngày độc lập của Algeria bỗng nhiên ông thấy trước mặt là Zbigniew Brzezinski, sắp làm cố vấn anh ninh quốc gia của Tổng thống Mỹ Jimmy Carter. "Mặc dù không có nhiều thì giờ để nói chuyện, chúng tôi đã chào hỏi nhau". Brzezinski đã tỏ lòng khâm phục đối với nhân dân Việt Nam dũng cảm và đặt nhiều câu hỏi với Võ Nguyên Giáp về chiến lược quân sự. "Ngài hãy nói với người Mỹ là chiến lược của Giáp là chiến lược hòa bình, độc lập và tự do," ông nói với Brzezinski. "Người Việt Nam biết thế nào là chiến tranh. Người ta đã buộc chúng tôi phải tham gia chiến tranh và chúng tôi đã phải phát động chiến tranh để tự bảo vệ. Đó là một cuộc chiến mà chúng tôi bắt buộc phải làm, chúng tôi là dân tộc yêu chuộng hòa bình nhất thế giới." Chắc hẳn đó không phải là câu trả lời mà Brzezinski chờ đợi. Ngày 21/1 cả đoàn của Võ Nguyên Giáp quay về Hà Nội.

Vào cuối năm 1976, hoạt động của Võ Nguyên Giáp chủ yếu là tham dự các buổi lễ lạt. Vị tướng 65 tuổi không cho phép mình nghỉ ngơi. Ông thường nhắc lại: "Cái ngày đất nước chúng tôi sạch bóng quân thù, mà miền Bắc và miền Nam thống nhất trong một gia đình… và một kỷ nguyên mới đối với đất nước chúng tôi sẽ đến…"

Trong những lần xuất hiện đó, các thông điệp của Võ Nguyên Giáp luôn luôn nhắc nhở là nhiệm vụ của người lính. Công việc của người lính chưa xong. Người lính đã thắng trong cuộc chiến nay phải thắng trong hòa bình. Không phải đánh nhau với kẻ thù nữa, người lính bộ, lính thủy và phi công ngày nay phải gánh một nhiệm vụ khác đó là "xây dựng kinh tế và làm cho đất nước phát triển". "Cố gắng đó không một phút nào buông lơi. Đó là xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội góp phần vào việc thúc đẩy nền kinh tế tiến lên, thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa để xây dựng một đất nước phồn vinh và giàu mạnh".

Năm 1977, Võ Nguyên Giáp hài lòng về một thành tựu mới mẻ. Từ lâu ông vẫn yêu cầu lập một trường quân sự cao cấp. Đã đến lúc quân đội phải được hiện đại hóa và phải được hưởng những lợi thế như quân đội nước

ngoài. Cuối cùng Võ Nguyên Giáp đã có được điều mình muốn. Học viện Quân sự Cao cấp Quân đội nhân dân Việt Nam khai giảng buổi học đầu tiên ở Hà Nội ngày 3/1/1977. Võ Nguyên Giáp đọc diễn văn khai giảng: "Chúng ta phải hết sức mình", ông tuyên bố trước cử tọa, "tập hợp một đội ngũ cán bộ quân sự cao cấp tuyệt đối trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng, có những phẩm chất cách mạng cao quý, trưởng thành, được rèn luyện về chính trị, có kiến thức cơ bản và hệ thống của khoa học quân sự, nắm vững kiến thức về kinh tế, khoa học và công nghệ, có khả năng lãnh đạo và chỉ huy. Họ phải biết sử dụng phép biện chứng để xem xét, phân tích và giải quyết các vấn đề chiến lược và chiến thuật… đặt ra cho quân đội ta trong mọi tình huống".

Rồi đến lúc ông lại có chuyến đi ra nước ngoài. Lần này Võ Nguyên Giáp dẫn đầu đoàn đại biểu đi một chuyến dài ngày thăm các nước cộng sản: Liên Xô, Đông Đức, Hungari và Ba Lan để củng cố mối quan hệ giữa Việt Nam và các nước đó. Võ Nguyên Giáp đến Matxcova ngày 10/3.

Rồi phái đoàn của Võ Nguyên Giáp bay đi Đông Đức, tại đây phái đoàn được Erich Honecker - Tổng bí thư Đảng Xã hội Chủ nghĩa Đức tiếp đón. Võ Nguyên Giáp nói ở một cuộc mít tinh của các sĩ quan cao cấp, trí thức và công nhân ở Dresden: "Nhân dân Việt Nam hoàn toàn ủng hộ… thực tế chung sống hòa bình giữa hai nhà nước Đức độc lập và có chủ quyền, triệt để tôn trọng chủ quyền và không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau".

Tiếp đó là cuộc đi thăm Hungari theo lời mời của Lajos Czinege - Bộ trưởng Quốc phòng. Đó là 11 ngày tham quan và gặp gỡ trong một bầu không khí hoàn toàn đoàn kết chiến đấu. Sau đó ông đi Warsaw theo lời mời của Wojciech Jaruzelski, Bộ trưởng Quốc phòng Ba Lan. Ông ở Ba Lan đến cuối tháng rồi trở lại Hà Nội vào ngày 7/5, các chuyến đi đó đối với ông là rất đáng hài lòng. Trong mỗi một nước đến thăm, đoàn của ông là khách của Bộ trưởng Quốc phòng, được người đứng đầu Đảng Cộng sản tiếp và như thường lệ có một loạt các cuộc hội đàm, mít tinh, chiêu đãi, v.v…

Về nước chưa được một tháng, ông lại dẫn đầu một đoàn đại biểu đi Trung Quốc trong một chuyến thăm ngoại giao. Lần này ngoài ý nghĩa thăm hữu nghị chính thức, còn nhằm được bảo đảm rằng những lời hứa về viện trợ quân sự vẫn tiếp tục được thực hiện. Lần này ông được đi thăm một số địa phương ở Trung Quốc. Trong một buổi chiêu đãi vào tối 6/6, tướng Giáp gắn huân chương Hữu nghị của Việt Nam cho một số đơn vị quân Giải phóng Nhân dân Trung Quốc vì có những cống hiến đặc biệt cho cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân Việt Nam.

Vào lúc cao điểm của cuộc chiến tranh và các cuộc ném bom của Mỹ trên miền Bắc, nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa đã gửi khoảng 120.000 người sang đóng dọc đường sắt đến Hà Nội. Một số thuộc các đơn vị phòng không, một số khác là các kỹ sư và công nhân chuyên về đường sắt và rất nhiều công nhân sửa chữa đường ray ngay sau khi Mỹ vừa ném bom phá hủy. Họ đã rời Việt Nam ngay sau khi Mỹ chấm dứt ném bom miền Bắc, sau lễ Giáng sinh năm 1972.

Giáo sư Harvey Nelsen, chuyên gia về quân đội Trung Quốc và nhà phân tích tình báo của Bộ Quốc phòng Mỹ đã tuyên bố: "Thời đó chúng tôi có biết về sự có mặt của họ nhờ các cơ quan tình báo của chúng tôi... Chính Trung Quốc sau này cũng đưa ra con số mười hai vạn. Chúng tôi nghĩ rằng họ không có quá con số hơn tám vạn".

Trong lúc ở Trung Quốc, Võ Nguyên Giáp thảo luận vấn đề Khmer Đỏ với người Trung Quốc. Nhiều năm trước Việt Nam đã bảo vệ và ủng hộ những người du kích Campuchia chống Chính phủ của Hoàng thân Sihanouk. Tình hình thay đổi khi ban lãnh đạo Khmer Đỏ lật đổ Chính phủ quân sự của Lon Nol tháng 4/1975. Các nhà lãnh đạo Khmer Đỏ trượt nhanh trên sự tàn bạo cổ sơ của họ.

Đối với Khmer Đỏ, năm 1975 là năm "số không", một dịp để tàn phá hủy diệt đất nước Campuchia. Họ vứt bỏ di sản của chính họ, tàn sát hàng trăm nghìn đồng bào của họ để tạo nên một chính thể cộng sản không tưởng. Pol Pot đuổi hết dân ra khỏi các thành phố, bắt họ làm việc trên những cánh đồng cho đến kiệt sức mà chết. Nước "Kampuchea" của họ, nói theo từ ngữ của phóng viên báo *New York Times,* trở thành "cánh đồng hủy diệt" một phần ba dân số trong nước. Một số may mắn chạy thoát được ra nước ngoài. Hàng trăm ngàn người di tản sang Việt Nam. Những người quan sát tại chỗ được chứng kiến một cách khiếp sợ những bạo hành ngày càng dã man của Pol Pot.

Quân đội Khmer Đỏ không những chà đạp đất nước họ mà còn tiến hành các cuộc xâm lược qua biên giới đánh vào các làng xóm của Việt Nam, thường xuyên vi phạm đường biên giới. Khmer Đỏ giải thích rằng họ đi tìm những kẻ chạy trốn để đưa về đất nước họ. Có những cuộc giết chóc man rợ xảy ra vào tháng trước khi Võ Nguyên Giáp đến Bắc Kinh. Trung Quốc tiếp tục ủng hộ Khmer Đỏ và cung cấp phần lớn vũ khí, đạn dược cho chúng. Nhiều cố vấn Trung Quốc phục vụ trong quân đội Campuchia. Bây giờ Võ Nguyên Giáp thừa nhận rằng trong những vụ xích mích biên giới mới đây, quân đội của ông đã bắt một số tù binh là những cố vấn Trung Quốc cho

quân đội Campuchia. Đó không phải là những thông tin mà Trung Quốc muốn nghe nhưng Giáp muốn làm cho họ hiểu rõ ràng rằng Hà Nội quyết tâm duy trì quyền uy của mình trên toàn Đông Dương. Nói chung Võ Nguyên Giáp nói với người Trung Quốc là Việt Nam sẽ làm cho mọi người biết quyền lực của họ. Sau đó ông trở về nước. Sau những chuyến đi ngoại giao, Võ Nguyên Giáp trở về các hoạt động lễ nghi của mình ở trong nước, nói chuyện với đông đảo quần chúng ở khắp nơi. Tháng 10, ông gặp nữ nhà báo Pháp Berengère d'Aragon và ông nói về các vấn đề khó khăn lớn ở miền Nam hiện nay - thất nghiệp, số dân quá đông ở Sài Gòn vì dân tị nạn chiến tranh đổ về thành phố. Cần phải đưa họ về vùng nông thôn. Nhưng "làm sao để họ trở về nông thôn khi đã nếm mùi cuộc sống ở thành phố?" Ông nói về những khó khăn và những nguy cơ khi phải gỡ mìn trên các cánh đồng do cả hai bên ta và địch rải trong thời kỳ chiến tranh - những lời nhắc nhở khủng khiếp về cuộc xung đột đã qua. Rồi còn những người nghiện ma túy. "Một món quà đẹp của người Mỹ trước khi rút về nước".

Berengère d'Aragon hỏi Võ Nguyên Giáp về các sĩ quan của quân đội Việt Nam Cộng hòa (ngụy quân). Võ Nguyên Giáp trả lời: "Họ sẽ được hòa nhập vào xã hội chúng tôi với tư cách là công dân có đầy đủ quyền lợi! Dĩ nhiên là có ngoại lệ, có những trung tâm cải huấn để họ cải tà quy chính".

Cũng trong tháng đó, quân đội Việt Nam hành động chống lại với Khmer Đỏ. Tướng Văn Tiến Dũng hạ lệnh cho xe bọc thép tiến qua biên giới vào sâu nội địa Campuchia đến 25km thuộc tỉnh Svay Rieng có biên giới chung với Việt Nam. Một tiểu đoàn Khmer Đỏ truy kích, đuổi theo đoàn xe, vượt biên giới đến khu rừng rậm thuộc phía tây của Việt Nam. Thế là một đơn vị Việt Nam phục kích sẵn đánh tạt sườn quân Khmer Đỏ, cắt đường về và gây cho chúng nhiều tổn thất.Văn Tiến Dũng và Võ Nguyên Giáp đều hy vọng đây là thông điệp đủ để Pol Pot phải rút lui.

“Những kỷ niệm không bao giờ phai”

Thắng lợi của cộng sản ở miền Nam Việt Nam vào năm 1975 đã có ảnh hưởng dây chuyền ở Lào và Campuchia. Thế giới phương Tây vốn thấm nhuần học thuyết đôminô tưởng rằng ba đảng cộng sản ở Đông Dương từ nay làm việc hòa hợp với nhau với sự chỉ huy chung, gắn bó anh em với nhau về ý thức hệ để đạt mục tiêu chung. Bản thân Việt Nam chắc là đi theo quan điểm đó một thời gian và xây dựng lại mối quan hệ gắn bó ba nước Đông Dương từ thế kỷ XIX. Ở thời kỳ suy vong, hai vương quốc Lào và Campuchia phải triều cống cho triều đình Việt Nam giống như quan hệ của Việt Nam đối với Bắc Kinh. Nhưng tình hình diễn ra lại không phải như thế. Cộng sản Pathet Lào lâu nay được người Việt Nam ủng hộ tiếp tục giữ thái độ hòa hảo với người bạn láng giềng ở phía đông. Còn Khmer Đỏ thì chống lại sự chi phối của Việt Nam. Pol Pot nhớ dai, tiếp tục trách cứ Việt Nam không tìm cách bảo vệ lợi ích của Campuchia tại Hội nghị Geneva năm 1954 về Đông Dương.

Dưới chế độ Pol Pot, Khmer Đỏ theo đuổi một chính sách chống Việt Nam gay gắt. Ngay sau chiến thắng của cộng sản ở Sài Gòn và Phnom Penh năm 1975, đã xảy ra nhiều cuộc đụng độ ở biên giới chung Việt Nam và Campuchia. Phần lớn các cuộc đụng độ đều do người Campuchia, nay gọi là Kampuchea gây sự trước. Pol Pot -kẻ độc tài mới của Kampuchea - quyết tâm lấy lại các vùng biên giới bị Việt Nam chiếm cách đây nhiều thế kỷ. Lực lượng Khmer Đỏ đã đổ bộ lên đảo Phú Quốc và đảo Thổ Chu trong Vịnh Thái Lan và chiếm luôn hai đảo này. Họ làm ngơ trước những gợi ý của Hà Nội là những vấn đề tranh chấp biên giới có thể giải quyết thông qua thương lượng. Nhiều trận giao tranh đã nổ ra dọc biên giới trong tháng 5/1977 buộc Việt Nam phải bỏ hai thành phố ở phía nam trong vùng lãnh thổ Kampuchea đòi lại. Báo đài tại Hà Nội loan tin về các hành động chém giết của quân Khmer Đỏ đối với dân thường vùng biên giới, hãm hiếp, mổ bụng, moi ruột phụ nữ có mang, chặt đầu, mổ bụng ăn gan nạn nhân, chặt xác trẻ em ra từng mảnh. Hàng trăm nghìn hecta đất bị bỏ hoang vì nông dân phải chạy về các nơi an toàn để nương thân.

Tháng 12/1977, Việt Nam chống trả. Đó là sau một cuộc tập kích của Khmer Đỏ vào tỉnh Tây Ninh làm khoảng 2.000 người chết và bị thương. Các đơn vị quân đội Việt Nam chiếm vùng Mỏ Vẹt ở Kampuchea. Sự việc này tạo một cớ mới cho Pol Pot và hai bên đã giao chiến ác liệt ở biên giới. Ngày 31/12 năm đó, Pol Pot cắt đứt quan hệ ngoại giao với Việt Nam.

Khoảng tháng 1/1978, quân đội Việt Nam chiếm một vùng lãnh thổ rộng một nghìn cây số vuông ở Campuchia dọc biên giới hai nước. Trung Quốc cho biết họ ủng hộ Pol Pot và gửi cố vấn Trung Quốc hợp tác với quân Khmer Đỏ. Trung Quốc còn viện trợ ồ ạt cho Khmer Đỏ dưới dạng hàng trăm khẩu pháo phòng không tầm xa, xe tăng và nhiều máy bay và trực thăng chiến đấu.

Sau đó trong tháng 1, Võ Nguyên Giáp, Bộ trưởng Quốc phòng, Tổng tư lệnh quân đội bay đi Vieng Say, phía bắc Lào để gặp tướng Liên Xô Grigoriyevich Pavlovski chỉ huy lục quân Liên Xô đang có chuyến thăm hữu nghị những người cộng sản Lào. Hai vị tướng lĩnh thảo luận về tình hình căng thẳng hiện nay ở Kampuchea và các giải pháp để khắc phục.

Khmer Đỏ xây dựng một chế độ quái gở! Những hành động tội ác tăng lên hàng ngày. Khmer Đỏ trở thành kẻ tàn sát đối với các nước, đồng nghĩa với bạo lực và khủng bố không có giới hạn. Nếu người Việt Nam có thể tha thứ những hoạt động của Khmer Đỏ trên đất nước Kampuchea của chính họ thì họ không thể nhắm mắt làm ngơ trước những vi phạm biên giới đang tăng lên, trong đó lính Khơme Đỏ đôi khi vào sâu 30 cây số về phía đông đường biên giới. Tương tự như vậy, họ không thể để lực lượng Campuchia đốt phá các làng Việt Nam ở biên giới mà không bị trừng phạt. Pavlovski đề nghị với Võ Nguyên Giáp một giải pháp thiết thực cho vấn đề Kampuchea, chỉ cần nhớ lại mùa xuân Prague năm 1968 khi người Liên Xô cảm thấy bị đe dọa vì những thay đổi Alexander Dubcek cho thi hành ở Tiệp Khắc. Vậy phải gửi quân đến Phnom Penh và giải quyết bằng vũ lực. Võ Nguyên Giáp có lý do để suy nghĩ trên đường về Hà Nội.

Trong những tuần lễ tiếp theo, tâm trí của ông đầy ắp những suy nghĩ về chiến tranh. Người ta kể lại những bài diễn văn của ông phát biểu tại các đơn vị quân đội rằng phải tăng cường cố gắng tập luyện sẵn sàng chiến đấu, nắm vững lý thuyết và thực hành nghệ thuật chỉ huy và kiên trì bảo vệ tinh thần tiến công cách mạng. Võ Nguyên Giáp không nghi ngờ gì nữa nghĩ rằng các lực lượng vũ trang của đất nước chẳng bao lâu nữa lại phải tung vào cuộc chiến Campuchia. Cuối tháng ông tham dự hội thảo về khoa học và công nghệ ở thành phố Hồ Chí Minh, ở đó ông gặp các "anh chị em trí thức". Đó là dấu hiệu đầu tiên cho biết con người đã qua nghề làm báo, thầy giáo lịch sử rồi có những cấp bậc cao nhất trong quân đội, bây giờ tự coi mình thuộc tầng lớp trí thức. Ông thúc giục những người tham dự hội thảo "phát huy lòng yêu nước và cống hiến cho chủ nghĩa xã hội". Trước những cặp mắt chú ý, ông nêu bật vấn đề chất lượng các loại máy móc nông nghiệp công cụ cầm tay, các sản phẩm mới, các sáng kiến cải tiến kỹ thuật của các

chương trình nghiên cứu khoa học đã được áp dụng vào sản xuất trên cơ sở thực nghiệm.

Võ Nguyên Giáp biên soạn nhiều cuốn sách ấn hành tháng 12 năm 1979 nhân dịp kỷ niệm 35 năm ngày thành lập quân đội như *Chiến tranh giải phóng dân tộc và quốc phòng toàn dân* bao gồm một số bài viết từ năm 1970 trên các mặt cơ bản của đường lối quân sự của Đảng. *Toàn dân Việt Nam quyết tâm bảo vệ nước Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa là cuốn sách* giải quyết sự đối kháng mới đây giữa Việt Nam và Trung Quốc.

Tình hình căng thẳng thêm không những giữa Việt Nam và Kampuchea mà cả với Trung Quốc. Ngày 3/7/1978, Bắc Kinh chấm dứt mọi viện trợ kinh tế và ngày 16, triệu hồi Đại sứ tại Hà Nội. Tháng 8, Trung Quốc và Việt Nam tố cáo nhau gây ra xung đột ở biên giới. Sự quan tâm của Bộ Chính trị trước giải quyết hòa bình các vấn đề tranh chấp bằng chính sách ngoại giao tan biến. Trước hết phải quan tâm vấn đề Pol Pot, Kampuchea đã tăng quân số từ 7 sư đoàn năm 1975 lên tới 23 sư đoàn trong thời điểm hiện nay. Trong số đó 19 sư đoàn đã đóng dọc biên giới chung. Với sự giúp đỡ của Võ Nguyên Giáp là Bộ trưởng Quốc phòng và Ủy viên Bộ Chính trị, Văn Tiến Dũng gửi quân sang Kampuchea. Từ ngày 14/12, người ta đưa tin các sư đoàn Việt Nam tiến cách nam Kampuchia 112 km. Ngày 23/12, Pol Pot ra lệnh tấn công lớn vào Tây Ninh, Võ Nguyên Giáp và Văn Tiến Dũng phản ứng tức thì bằng cuộc phản kích mạnh.

Lần này quân của Văn Tiến Dũng tiến vào Kampuchea với mệnh lệnh là không dừng lại. Nhanh chóng nổi lên khắp nơi cuộc kháng cự của Khmer Đỏ, các đơn vị Việt Nam chiếm Phnom Penh ngày 7/1/1978. Pol Pot cùng tàn quân trốn vào rừng, mãi bốn năm sau mới xuất đầu lộ diện. Hà Nội giúp lập một chính phủ mới ở Kampuchea do những phần tử của Khmer Đỏ không theo Pol Pot lãnh đạo. Đó là Hội đồng Cách mạng Nhân dân lâm thời do Heng Samrin lãnh đạo. Ba ngày sau Samrin tuyên bố thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Campuchia.

Sáng ngày 17/2/1979, quân đội Trung Quốc mở cuộc tấn công mặt đất có pháo binh và không quân trợ lực suốt 750 cây số giữa Trung Quốc và Việt Nam. Một đội quân từ 200.000 đến 300.000 lính Trung Quốc được phái xuống phía nam và nhanh chóng đứng trước cuộc kháng cự quyết liệt của quân đội Việt Nam.

Đứng đầu quân đội là đại tướng Văn Tiến Dũng, Võ Nguyên Giáp vẫn là Bộ trưởng Quốc phòng. Võ Nguyên Giáp không chịu bó tay ngồi theo dõi

các sự kiện không có sự tham gia của ông. Ông đã dìu dắt quân đội từ lúc còn thơ nay đã đến tuổi trưởng thành. Đó là sản phẩm sáng tạo của ông lúc này đang đương đầu với kẻ thù phương Bắc từ nhiều thế kỷ nay. Ông tham khảo thường xuyên với người kế nhiệm. Quân đội đó biết chiến đấu và chiến đấu khá tốt như trước đây trong quá khứ chỉ có một mình Võ Nguyên Giáp chỉ huy mặc dù về mặt chính thức Văn Tiến Dũng là người đứng đầu. Kế hoạch của Võ Nguyên Giáp và Văn Tiến Dũng kết hợp chặt chẽ với lòng dũng cảm của người lính Việt Nam, thoạt đầu hơi chùn bước trước sự tấn công của quân đội Trung Quốc, sau đó hoàn toàn quay lại với phong độ vốn có. Họ giáng cho quân đội Trung Quốc một trận đòn nhớ đời.

Chưa đầy ba tuần lễ chiến tranh, Trung Quốc mất khoảng 30.000 lính. Ngày 5/3/1979, nhà cầm quyền ở Bắc Kinh tuyên bố rút quân. Trong lúc họ muốn cho Việt Nam một bài học thì chính họ lại nhận lại một bài học không mong đợi. Kém chuẩn bị để đương đầu với cuộc kháng cự về quân sự ở Việt Nam và ngập ngừng không muốn dành tất cả nguồn lực về sinh mạng và vật liệu cần thiết để đem lại chiến thắng, Chính phủ Trung Quốc nhanh chóng tiếp nhận đàm phán hòa bình.

Võ Nguyên Giáp đã nghiêm khắc phê phán động cơ và chiến thuật của người Trung Quốc. Nhớ lại ngôn từ trước đây đã dùng với Pháp và Hoa Kỳ, ông nói thêm: "Cuộc tấn công của Trung Quốc là cuộc chiến tranh phi nghĩa trong lịch sử". Ngay cả khi Trung Quốc đã rút quân, ông cũng khẳng định: "Người Trung Quốc không từ bỏ ý đồ thâm sâu của họ và tiếp tục tập trung quân dọc biên giới, dựng lên các vụ khiêu khích và đe dọa tiến hành cuộc xâm lược mới".

Khi trả lời phỏng vấn của Daniela Kuneva - nữ phóng viên đài truyền hình Bulgaria, Võ Nguyên Giáp đã cảnh báo người Trung Quốc có thể lặp lại một cuộc xâm lược mới chống Việt Nam. Ông tuyên bố: "Việt Nam sẽ thắng dù quy mô của cuộc tiến công mới có như thế nào".

Trong tám năm tiếp theo, hai bên thỉnh thoảng lại pháo kích lẫn nhau một cách tình cờ và ít có sức thuyết phục trong lúc các cuộc đàm phán "hòa bình" vẫn tiếp tục...

Sự uy hiếp từ bên ngoài đã được giải quyết ít nhất là tạm thời. Võ Nguyên Giáp trả lời phỏng vấn, viết bài và đọc các bài diễn văn tại các cuộc hội nghị, hội thảo về giáo dục và công nghệ. Tại hợp tác xã nông nghiệp Yên Sở ở ngoại thành Hà Nội, ông nói chuyện với nông dân, khen ngợi công việc sản xuất của họ. Ông yêu cầu họ thực hiện mục tiêu "mỗi lao động làm một

hecta, nuôi ba lợn trên một hecta".

Tháng 10 và 11 năm đó (1979) đưa lại cho ông những viễn cảnh đa dạng hơn. Một lần nữa ông chuẩn bị đi công tác nước ngoài trong thời gian kéo dài, dẫn đầu một đoàn đại biểu chính phủ đi thăm chính thức Đông Đức, Tiệp Khắc, Algeria, Lybia và Liên Xô. Những cuộc đi thăm hợp tác xã trở thành công việc quen thuộc đối với ông. Trở về nước ông lại đi thăm hợp tác xã nông nghiệp ở một xã thuần nông, xã Đường Lâm, huyện Ba Vì cách Hà Nội không xa.

Võ Nguyên Giáp, người chiến binh già thận trọng giờ vẫn là Ủy viên Bộ Chính trị, ông vẫn giữ ghế Phó Thủ tướng Chính phủ nhưng không giữ chức Bộ trưởng Quốc phòng nữa, nhường cho người trước đây ông che chở là tướng Văn Tiến Dũng. Trước đó, ông đã không còn là Tổng tư lệnh quân đội. Ông đứng đầu ngành Khoa học và Công nghệ.

Thế là ông bắt đầu những chuyến kinh lý đi thăm các hợp tác xã nông nghiệp, ở đó ông đề cao hiệu quả của chăn nuôi, đọc diễn văn trước Ủy ban Khoa học và Công nghệ, đi thăm thành phố Hồ Chí Minh để nói chuyện với các nhà khoa học và cán bộ kỹ thuật. Ông phát biểu trong hội nghị Địa chất, gặp gỡ các đoàn đại biểu, Viện Hàn lâm khoa học Bulgaria đang ở thăm Việt Nam, tiếp đoàn đại biểu kinh tế và thương mại của Tiệp Khắc, Đông Đức, v.v…

Có một lần, trong buổi họp, ông lại nói về thời xa xưa và quá khứ quân sự của ông trong năm 1980 khi ông đi thăm một di tích lịch sử trong tỉnh Hải Dương nhân kỷ niệm 600 năm ngày sinh Nguyễn Trãi. Trong một bài phát biểu dài, ông gợi lên các kỷ niệm khi ông còn trong hàng ngũ quân đội và kể lại ông đã học tập gương Nguyễn Trãi bằng cách lấy yếu đánh mạnh, thường đánh bất ngờ, lấy ít địch nhiều hay dùng mai phục… "Người anh hùng thời xưa đó", ông nói, "đã dạy rằng bằng cách tránh địch lúc đang hăng, đánh vào chỗ yếu có thể thắng kẻ địch mạnh gấp đôi mà chỉ dùng lực lượng ít hơn hai lần. Nguyễn Trãi rất tự hào về đất nước tươi đẹp của mình, với núi sông hùng vĩ, sản phẩm dồi dào, tự hào về nền văn hiến đã lâu, về phong cách sống đặc biệt, tự hào về lịch sử sáng ngời và cuộc kháng chiến hào hùng chống xâm lược nước ngoài." Đối với Nguyễn Trãi cũng như đối với Võ Nguyên Giáp, tình yêu đất nước gắn chặt với tình yêu nhân dân, vì nhân dân và đất nước là một.

Ông kể lại trong những ngày còn ở Việt Bắc, "núi sông tươi đẹp như mang màu áo mới". Ông phát triển ý tưởng trên một giọng trữ tình, khác hẳn

kiểu nói hào hùng, đanh thép mọi khi. “Tiếng chim ríu rít, một cánh hoa tươi, một làn gió nhẹ, mấy giọt mưa rơi với làn gió mùa xuân… tất cả đều có thể lay động tâm hồn của thi sĩ.” Và rồi ông đọc thơ:

Nhân tài như lá mùa thu

Tuấn kiệt như sao buổi sớm.

Hoặc nữa:

Khi người chăn cừu thổi sáo

Mặt trăng vươn cao hơn trên bầu trời

“Văn học”, ông kết thúc bài ca ngợi, “có thể và phải nâng cao tâm hồn con người”.

Võ Nguyên Giáp còn có ba chuyến công tác nước ngoài nữa trong năm 1980. Tháng 2, ông thăm Liên Xô. Cùng với Thủ tướng Phạm Văn Đồng, ông đi Liên Xô chuyến thứ hai ngày 14/6 và tháng 7 ông mới trở về. Chuyến thứ ba kéo dài hơn. Ra đi những ngày đầu tháng 11, ông trở về vào giữa tháng 1 năm sau (1981). Đoàn của ông thăm Yemen, Madagascar, Mozambique, Ethiopia, Guinea, Benin, Congo, Angola và Algeria. “Châu Phi năm 1981”, ông nói: “không còn là bức tranh nhiều màu sắc của các thuộc địa, các quốc gia dưới sự thống trị của phong kiến và ngoại bang như trước đây nữa. Một Châu Phi mới đang trên đà phát triển, chứng tỏ đã có một sức sống mạnh mẽ và… không điều gì có thể chặn đứng bước đi lên của châu Phi”.

Giữa các chuyến đi đó, Võ Nguyên Giáp gặp lại nhà báo Wilfred Burchett và có cuộc phỏng vấn đã được công bố ngày 7/7/1980 trên tờ *Guardian* ở London. Võ Nguyên Giáp mặc bộ quân phục đại tướng khi trả lời phỏng vấn:

“Tôi luôn luôn để mắt đến công cuộc quốc phòng”, ông nói, “tôi bao giờ cũng là một quân nhân. Hôm qua tôi ở trên mặt trận giải phóng dân tộc và thống nhất. Bây giờ theo *quyết định của Đảng*, tôi đang ở trên mặt trận xây dựng chủ nghĩa xã hội. Khó khăn *lớn nhất* của chúng tôi”, ông nói thêm, “là bảo vệ Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội cùng một lúc.”

Tháng 4/1981, Võ Nguyên Giáp dẫn đầu đoàn đại biểu cấp cao đến Vientiane (Lào). Sau đó và trong năm 1982, ông dành thời gian nói chuyện

với các nhà khoa học và cán bộ kỹ thuật. Cuộc sống của ông bây giờ phần lớn dành cho các lễ nghi chính thức.

Sau này, ông ngày càng để nhiều thời gian sống trong ngôi biệt thự ở phố Hoàng Diệu gần quảng trường Ba Đình. Xung quanh có nhiều cây cối, ngôi nhà của ông có hai tầng, lui vào 30 m so với mặt đường phố. Ngay bên trong cửa ra vào trên tường treo một bức ảnh lớn Hồ Chí Minh và Võ Nguyên Giáp chụp chung năm 1945 ngay sau ngày cách mạng thành công. Sàn nhà đều bằng gỗ làm kỹ và đẹp từ thời thuộc địa. Đồ gỗ bày biện trong nhà khá giản dị, khiêm tốn. Trong phòng khách chính là chiếc đi-văng có các gối, các ghế đẩu thấp và một bàn thấp.

Vợ ông, bà Đặng Bích Hà là một phụ nữ lịch thiệp, tính tình dễ chịu lo việc đón tiếp chào mời khách khi họ đến thăm ông. Tóc bà nay đã hoa râm, cắt ngắn uốn nếp. Ông nói rất ít, dù tuổi đã cao nhưng ông vẫn mạnh khỏe và hoạt bát. Cặp mắt luôn luôn tỏa sáng đầy vẻ thông minh sắc sảo. Đôi khi, dù là ở nhà, ông cũng mặc quân phục, không có cà vạt và chân đi dép bện thừng. Khi có mặt bà Hồng Anh - con gái lớn của ông, bà thường mời khách uống trà xanh ướp hoa thơm với nhãn hoặc hạt sen. Ông không còn uống trà, thường nói đùa với khách: ở tuổi ông, ông chỉ dùng trà "trắng", nghĩa là nước lọc.

Mặc dù công khai lui về nghỉ nhưng ông vẫn có mặt trên các phương tiện truyền thông. Trong một buổi trả lời phỏng vấn cho phóng viên hãng *Reuters* vào tháng 9/1991, nhân danh chính phủ, ông thúc giục Hoa Kỳ bỏ cấm vận kinh tế đối với Việt Nam. Có một lúc, mặt lạnh như tiền, giọng mỉa mai, ông bày tỏ ý muốn được gặp Westmoreland chừng nào ông ta muốn đến Hà Nội. Theo đúng chính sách của chính phủ, ông hoan nghênh sự thay đổi của Việt Nam theo hướng của nền kinh tế thị trường đồng thời giải thích tất cả những gì đang diễn ra không có nghĩa là chấp nhận kinh tế tư bản chủ nghĩa. Ngày 20/8/1991, chính phủ trao tặng ông Huân chương Sao Vàng - huân chương cao quý nhất của đất nước.

Ông đã trở lại Pắc Bó để thăm Bảo tàng Hồ Chí Minh được xây dựng lại tại miền cực bắc ở Việt Nam cách biên giới Trung Quốc vài cây số, nơi ông đã trải qua bước đầu binh nghiệp, nơi trước đây Hồ Chí Minh và ông đã cùng làm việc ở một thời điểm mà lúc đó Việt Nam chỉ mơ được giải phóng khỏi ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc Pháp. Ông ngồi ở hàng ghế sau trên chiếc ôtô sản xuất ở Nga, nhìn qua cửa kính, trong lúc người lái xe cho xe đi chậm để tránh các vệt xe đi trước và các ổ gà sâu hoắm trên con đường bị hỏng nặng. Ông như bị lạc trong muôn vàn ý nghĩ của mình. "Những kỷ

niệm không bao giờ phai...". "Tôi thích ngày dài hơn, đường sá tốt hơn", ông tự nhủ một mình, "để có thể đi thăm dễ dàng hơn. Nhưng đó chính là điều mà tôi không thể có... Trong thực tế, tôi biết rõ từng ngọn núi, từng con sông, ngọn suối và từng thị trấn ở vùng này".

“Một sự đánh giá”

Các tướng lĩnh lừng danh như Attila, Timur cho tới Napoleon, Zhukov, Patton hay MacArthur điều không phải là những con người hiền hòa tốt bụng. Nếu chỉ có thế, họ không thể trở thành những vị tướng huyền thoại. Cùng lắm họ chỉ có thể làm thầy giáo dạy lịch sử hay làm cha tuyên úy trong quân đội. Họ không thể để lại những trang sử đầy ắp chiến công hay những chiến trường phủ kín tử thi *nhất tướng công thành vạn cốt khô*. Võ Nguyên Giáp không thể kể những câu chuyện về lòng xót thương hay về tình yêu thương của ông, có lẽ là để giữ an toàn cho người thân trong gia đình và các cháu nội ngoại của ông, dù rằng thậm chí họ luôn giữ vai trò quan trọng thứ ba trong cuộc đời ông.

Lòng yêu thương trên hết của tướng Giáp dành cho đất nước và sau đó là lòng trung thành của ông đối với Đảng Cộng sản. Ông đã thề giải phóng Việt Nam khỏi sự đô hộ của nước ngoài và phấn đấu cho sự nghiệp thống nhất đất nước. Trong suốt cuộc đời, nghị lực của ông hướng về hai mục đích ấy. Toàn bộ tham vọng, niềm kiêu hãnh vô bờ bến của ông đều phục vụ cho những mục tiêu đó. Trong công việc điều binh khiển tướng, ông tỏ ra điềm tĩnh đáng kinh ngạc, không để cho những cơn xúc động nhất thời chi phối, nhưng đằng sau đó là một tính cách hăng say, cuồng nhiệt mà người Pháp đã miêu tả ông như một “núi lửa phủ tuyết”.

Chúng tôi biên soạn cuốn sách này không phải nhằm đề cao tính thương người hay nhân cách của Tướng Giáp, dẫu rằng chính nhân cách ấy - về bản chất - đã góp phần làm ông trở thành một trong những vị tướng tài ba của thế kỷ XX, có biệt tài về chiến tranh toàn dân. Cuộc đời chỉ huy quân sự của ông trải dài từ tháng 12/1944 đến tháng 4/1973 khi tướng Văn Tiến Dũng thay thế ông thống lĩnh quân đội.

Tuy nhiên, Võ Nguyên Giáp vẫn còn là Bộ trưởng Quốc phòng cho đến tháng 2/1980, khi ông rời khỏi chức vụ này và nhường cho Văn Tiến Dũng, chấm dứt 36 năm nắm quyền lực cao nhất trong lực lượng vũ trang. Ngay cho đến trước tháng 7/1991 khi không còn là Ủy viên Bộ Chính trị thì rõ ràng ông vẫn là người có uy tín nhất trong lĩnh vực quân sự.

Trải qua năm tháng, ông đã trở thành một vị tướng huyền thoại, một thiên tài quân sự vĩ đại duy nhất của thế kỷ XX và một trong những vĩ nhân của mọi thời đại. Không phải vì phong cách xuất sắc và tính trang nhã trong

chiến lược của ông. Không phải vì ông chỉ huy quân đội và cổ vũ toàn quân phát huy cao nhất lòng dũng cảm giành chiến thắng trong những trận đánh nổi tiếng. Cũng không phải vì nhân cách có phép mầu của ông hay vì bản lĩnh cá nhân không thể chối cãi của ông. Cứ nhìn vào thành tích của ông, ông là vị tướng lĩnh duy nhất đã phát động cuộc chiến chống kẻ thù bắt đầu từ một hoàn cảnh yếu kém trầm trọng: thiếu vật tư, thiếu nguồn tài chính, bắt đầu từ không có quân đội, vậy mà vẫn có thể đánh thắng liên tiếp từ bọn quân phiệt Nhật đến quân đội của Pháp, đế quốc thuộc địa lớn thứ hai (sau nước Anh) và Hoa Kỳ, một trong hai siêu cường của thế giới. Mỹ đã dính líu quá lâu, tiêu phí quá nhiều nghị lực, tài nguyên, nhân lực và công nghệ vào cuộc chiến mà vẫn thất bại, không cứu được chế độ thân Mỹ ở miền Nam Việt Nam. Tướng Giáp đã chỉ huy đánh thắng hai cuộc chiến tranh biên giới của các thế lực bành trướng, đập tan chế độ diệt chủng ở Kampuchea… Trong hơn 30 năm, ông giành chiến thắng bắt đầu từ con số 0 và làm được điều đó trong một đất nước nghèo nàn, vượt qua muôn vàn khó khăn từ các thế lực thù địch bên ngoài lẫn những yếu kém về quản lý bên trong. Đằng sau mỗi thắng lợi, người ta thấy Tướng Giáp là nguồn động lực. Công trạng của ông là vô song và kết quả đạt được là phi thường, chính cái đó tạo nên thiên tài quân sự.

Lẽ đương nhiên, không phải trận nào, Tướng Giáp cũng thắng. Dẫn chứng là các chiến dịch chống Pháp năm 1951 ở vùng châu thổ Sông Hồng hay những trận chống lại kỵ binh bay của Mỹ trong thung lũng Ia Đrăng năm 1965. Tuy nhiên, sự sáng suốt của ông và những phán đoán quân sự của ông *thường* là đúng và đối với một cựu giáo viên dạy lịch sử không được đào tạo chính quy về quân sự thì đó là điều phi thường! Cũng như George Washington và Nathanael Greene ở Mỹ, ông đã học những kiến thức cơ bản về chiến tranh khi phải tiến hành chiến tranh. Ông đã tự đào tạo như thế, cóp nhặt chỗ này chỗ kia, khi đọc sách hoặc khi bắt tay vào làm. Sách vở không phải là sự cứu giúp lớn lao lúc đầu. Trước khi bí mật sang Trung Quốc năm 1940, ông thường đến Thư viện Trung ương ở Hà Nội, tra cứu Bách khoa toàn thư, thấy những đoạn miêu tả lựu đạn và kíp nổ mà sau này ông đã bình luận: “Rất khó hiểu đối với tôi lúc đó.” Trong quá khứ, ông đã học bắn bằng súng săn, thứ vũ khí duy nhất người dân bản xứ được phép sử dụng trong thời Pháp thuộc. Đoạn văn nói về lựu đạn và kinh nghiệm sử dụng súng săn, như lời ông nói sau này, “là sự hiểu biết duy nhất của tôi về vũ khí”.

Tướng Giáp là con người có tư duy xuất sắc, giàu óc sáng tạo. Tri thức quân sự của ông được tích lũy trong thực tế, chứ không phải trong một viện hàn lâm quân sự nào. Ông chưa từng học trường sĩ quan, không qua một trường đào tạo quân sự nào, do đó không có các “giải pháp nhà trường” mà

các học sinh sĩ quan khao khát tìm tòi để khi tốt nghiệp được bổ nhiệm vào một vị trí "đúng đắn". Tướng Giáp đề cập các vấn đề không có đáp án giả định trước như các sĩ quan được đào tạo có bài bản thường áp dụng. Thoạt đầu ông tiếp cận vấn đề một cách rất linh hoạt, đưa ra nhiều phương án chọn lựa. Mỗi vấn đề đặt ra đòi hỏi ông phải có những cách trả lời mới mẻ và từ kinh nghiệm thực tế, ông đã nâng lên thành những nguyên tắc chỉ đạo, trở thành học thuyết quân sự của riêng ông, được mọi người chấp nhận. Theo một nghĩa nào đó, cái gì lúc đầu thật hết sức độc đáo thì sau một thời gian sẽ trở thành học thuyết. Chiến tranh ngày càng mở rộng, lực lượng vũ trang ngày càng lớn mạnh thêm, Tướng Giáp càng phải đào tạo một đội ngũ đông đảo cán bộ có trình độ ngày càng cao, phù hợp với yêu cầu của từng giai đoạn phát triển.

Hết người Pháp rồi đến lượt người Mỹ bối rối trước cách đánh của Tướng Giáp. Thoạt đầu các sĩ quan Mỹ được đào tạo nhà nghề theo kiểu phương Tây coi thường chiến lược, chiến thuật của Tướng Giáp như cách đây hai thế kỷ, tổ tiên người Anh của họ đã chê bai những người thực dân nổi dậy ở Bắc Mỹ, chỉ giỏi mưu kế đánh lừa địch thủ. Một người cầm quân tài giỏi phải biết đào tạo được một đội ngũ sĩ quan dưới quyền có năng lực, xử trí các tình huống phức tạp, vì chính họ là người thi hành các mệnh lệnh và chính họ chỉ huy chiến đấu thực sự trên chiến trường. Tướng Giáp đã làm được như thế. Ông đặt niềm tin vào một sự luyện tập thường xuyên của quân đội. Quân đội của ông ở miền Nam, được người Mỹ đặt tên là Việt Cộng, tác chiến xa trung tâm chỉ huy đặt tại Hà Nội, tuyến chỉ huy và kiểm soát rất dài. Trong lúc phương tiện thông tin liên lạc giữa tiền tuyến và hậu phương còn rất thô sơ, tương tự như ở thế kỷ XVIII hơn là ở thế kỷ XX, thì muốn bảo đảm thắng lợi, người cầm quân phải tin vào quá trình đào tạo rèn luyện của quân sĩ, tin vào khả năng tự chủ và sáng tạo ứng phó với mọi tình huống của sĩ quan cấp dưới.

Những thử thách mà Tướng Giáp phải vượt qua đã khiến ông trở thành bậc thầy về chiến thuật, hậu cần và chiến lược. Ông sáng tạo một kiểu chiến tranh mà cả Pháp lẫn Mỹ không thể đánh thắng. Ngay cả Võ Nguyên Giáp cũng biết cách đánh ấy đã gây chật vật như thế nào cho đối phương.

Về mặt chiến lược, Tướng Giáp đã chứng minh sự cần thiết phải kết hợp mục tiêu chính trị và hoạt động quân sự. Trong tiến công Tết Mậu Thân 1968, truyền hình và báo chí đưa chiến tranh đến tận nhà người dân Mỹ bình thường bằng cách đưa thường xuyên tin tức và hình ảnh về chiến tranh Việt Nam, đôi khi rất giật gân nên đã gây ấn tượng mạnh và có lúc không thật với người xem. Giữa lúc đang gặp khó khăn trên chiến trường, Tướng Giáp đã

mở một đột phá đánh mạnh vào ý chí của người Mỹ không muốn tiếp tục chiến tranh qua việc truyền hình Mỹ truyền bá những hình ảnh một máy bay vận tải cỡ lớn C-130 đang bốc cháy ở Khe Sanh hay những tay súng đặc công đột nhập vào bên trong hàng rào Đại sứ quán Mỹ hoặc trong trận đánh bảo vệ thành Huế. Một khi đã tìm thấy "cửa mở", Võ Nguyên Giáp biết khoét sâu thêm, mở rộng ra bằng cách lớn tiếng nói rằng ông đã bác bỏ một niềm tin lỗi thời cho rằng có thiết bị hiện đại và sức mạnh thì bao giờ cũng giành được chiến thắng. Ông nói ông đã chôn vùi điều hoang đường về sức mạnh vô địch của quân đội Mỹ.

Còn về hậu cần, trong những năm đầu, ông đã đưa được những đại đoàn quân chính quy đến chiến trường để chống lại quân Pháp, bằng cách sử dụng một hệ thống giao thông còn thô sơ hơn cả Caesar ở xứ Gaul thời cổ đại. Các con đường tiếp tế giống như hệ thống đường sá của Hannibal khi ông cùng đàn voi trận vượt qua dãy núi Alpes. Những dân công, những quân lính đi bộ lên đường vào Nam vượt qua nhiều ngọn núi cao vút, nhiều cánh rừng đại ngàn, đi qua Bắc Việt Nam tiến vào đất Lào, rồi đi hàng trăm cây số dài dằng dặc trên lãnh thổ Campuchia. Những người mang vác không dưới nửa tạ hàng trên lưng, leo những cái dốc nghiêng trên 40^0, chịu đói, bị côn trùng cắn đốt, thú dữ tấn công bất thần, mệt nhoài vì những cơn sốt nhiệt đới. Mỗi bước đi trên con đường dài gần 1.300 km, tính mạng luôn luôn bị đe dọa vì những cuộc bắn phá của máy bay Mỹ. Tuy nhiên, bất chấp những khó khăn chồng chất đó, họ đã gùi từng đống, nếu không nói là từng núi vật dụng cho miền Nam chiến đấu chống Mỹ. Trong những năm đầu của cuộc hành trình gian lao đó, mỗi cặp đạn súng cối 81 mm do người của Tướng Giáp bắn ở miền Nam là công của một người mang vác trong ba tháng trời ròng rã dọc đường mòn Hồ Chí Minh. Đó là một chiến công gần như không thể tin được. Không ai sung sướng hơn Tướng Giáp khi giữa những năm 1960, con đường mòn Hồ Chí Minh đã được mở rộng và nâng cấp để có thể chuyên chở phần lớn đồ tiếp tế vào miền Nam bằng xe ô tô tải.

Đối với những gì đã đạt được như thế, người ta thừa nhận Võ Nguyên Giáp có tài tổ chức hậu cần nhưng ở phương Tây ít người muốn nhìn nhận tầm vĩ đại về chiến thuật và chiến lược của ông. Ngày 7/2/1991, tại cuộc gặp gỡ các chuyên gia ở Atlanta, người ta còn miêu tả ông như một thiên tài về hậu cần nhưng tồi về chiến thuật và chiến lược. Đúng là chuyện nực cười.

Một nhà chiến thuật bậc thầy là người tỏ ra có tài chiến đấu một cách khôn khéo và đánh thắng kẻ địch nổi trội hơn, đa dạng hơn. Tướng Giáp là con người như thế. Từ những năm 1940 đến những năm 1980, quân đội của Võ Nguyên Giáp đã chiến đấu chống lại quân đội của Nhật, Pháp, Mỹ, Nam

Việt Nam, Campuchia và Trung Quốc. Ông chuẩn bị một cuộc đấu tranh lâu dài, bắt đầu từ phòng ngự cho đến khi có thể cầm cự trong thế cân bằng với đối phương, để rồi dùng những binh đoàn đông đảo tiến công ồ ạt và giành chiến thắng.

Một chiến lược gia bậc thầy là con người có thể vượt qua những thảm họa tiềm ẩn, rút ra những bài học sau những lần thất bại, Tướng Giáp là con người không thiếu những cách làm như thế. Những chiến dịch đầu tiên không thành công trong chiến tranh chống Pháp đã dạy cho ông cách chỉ huy như thế nào, cách điều động quân đội ra sao để giành chiến thắng. Những lần đụng độ đầu tiên với các đơn vị lục quân Mỹ đã gợi cho ông ý tưởng về một chiến thuật "nắm lấy thắt lưng địch mà đánh", là cách sử dụng tối ưu sức mạnh của mình, hạn chế tối đa sức mạnh của quân Mỹ. Tướng Giáp đã nếm trải những thất bại như ở Điện Biên Phủ khi những đơn vị của ông đã kiệt sức, có những biểu hiện bỏ nhiệm vụ chiến đấu, hay trong những ngày đen tối khi trang bị vũ khí ở trình độ và công nghệ mới nhất tưởng như có sức mạnh áp đảo.

Một chiến lược gia bậc thầy là con người có thể hiểu rõ được kẻ địch, tận dụng những nhược điểm của đối phương, nắm vững cuộc chiến trong tính tổng thể của nó. Võ Nguyên Giáp là con người như thế. Để phục vụ mục đích cuối cùng, ông đã hiểu được tầm quan trọng của việc cần phải chi phối được cuộc sống chính trị và xã hội của người dân trong nước. Chính những người dân trở thành những chiến binh vô danh, chính họ làm cho kẻ địch bị hao mòn, mệt mỏi, giữ chúng trong thế mất cân bằng. Chính họ đã yểm trợ các đơn vị chủ lực trong các trận đánh quyết định. Họ làm chiến tranh phải kéo dài quá mức mà Paris cũng như Washington sau này có thể chấp nhận được. Tướng Giáp đã lợi dụng tinh thần sa sút của địch thủ bằng cách phát huy hậu quả của Điện Biên Phủ và Tết Mậu Thân năm 1968 đã tác động mạnh đến tâm lý dư luận. Trong lúc cả hai trận chiến đó đều không có tính cách quyết định về mặt quân sự, nhưng cả hai đều quan trọng trên bình diện tâm lý và có tính quyết định trên mặt trận dư luận trong nội bộ đối phương. Những chiến công như thế là rất độc đáo của một chiến lược gia bậc thầy. Nhưng không phải chỉ có thế. Tướng Giáp còn biết tránh né hình thái "chiến tranh vì chiến tranh" mà cả hai địch thủ chính của ông đều cố giương ra để ông phải sập bẫy. Clausewitz đã đứng về phía ông.

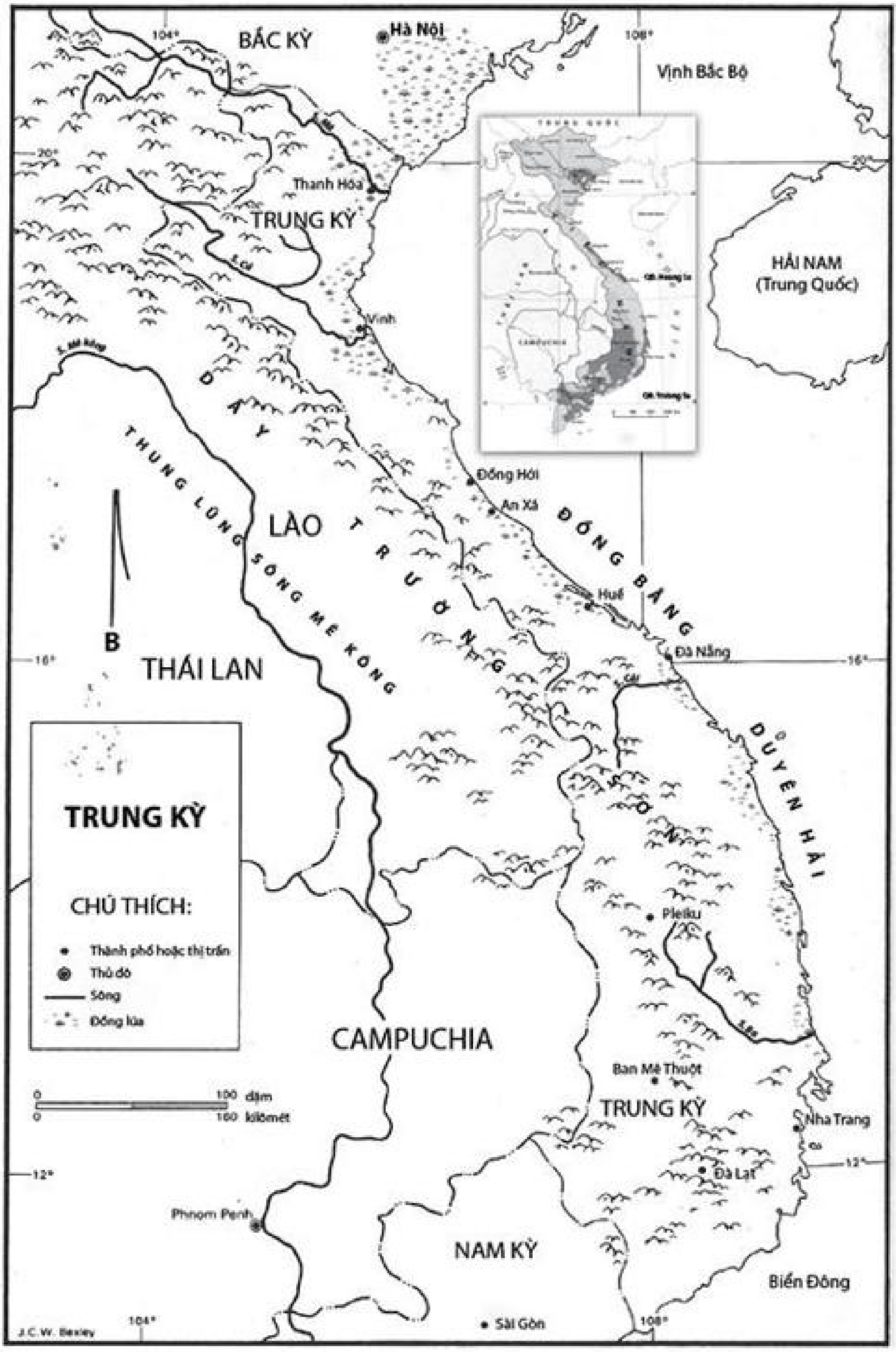
Tướng Giáp viết: "Chúng tôi cho rằng chiến lược chiến tranh của chúng tôi không phải chỉ liên quan đến những công việc quân sự thuần túy. Chiến tranh phải là một chiến lược tổng thể, kết hợp nhiều yếu tố khác nhau. Mục tiêu chính trị là căn bản. Quân đội không phải chỉ có nhiệm vụ chiến đấu mà

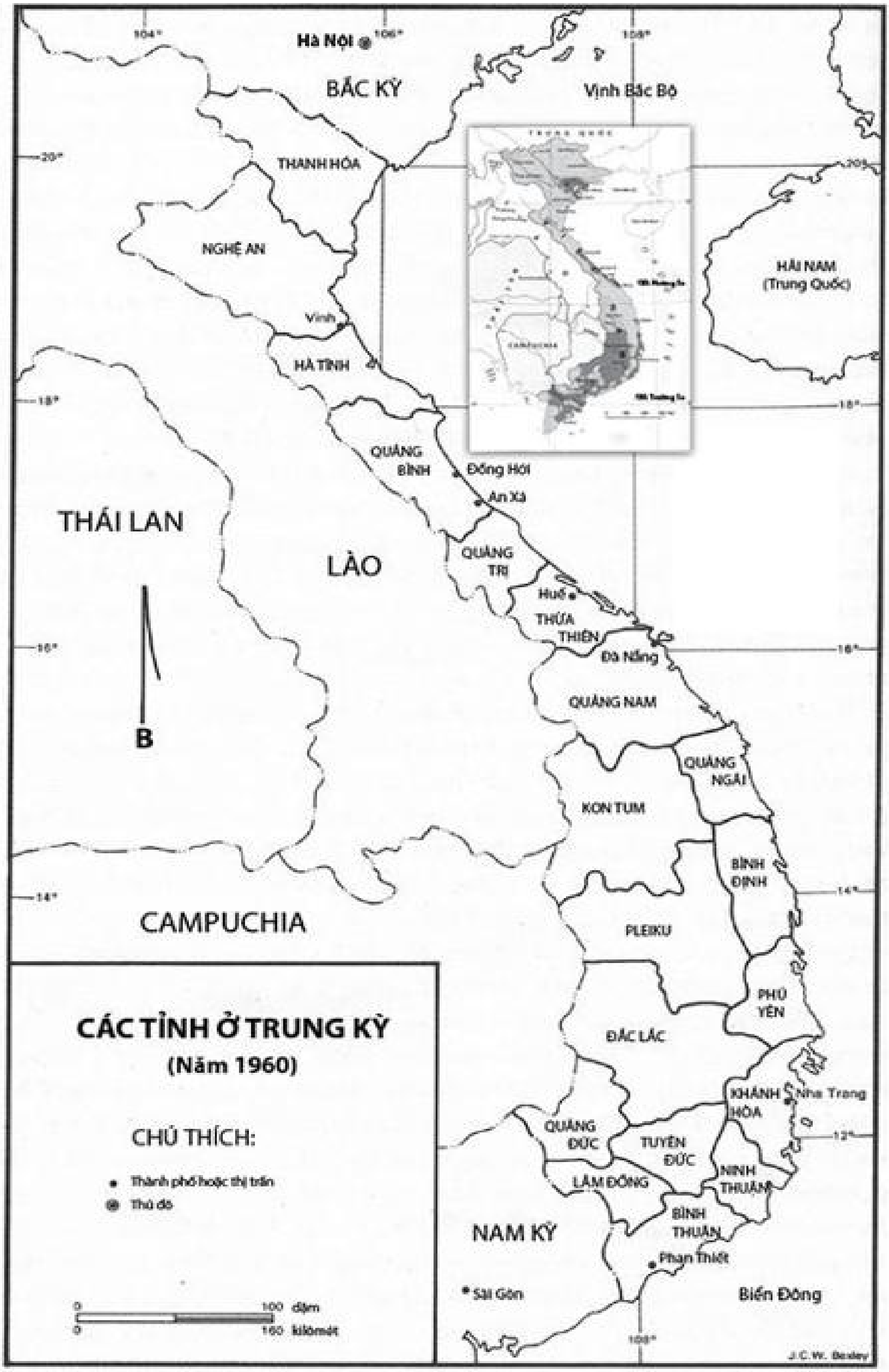
phải giáo dục quần chúng. Như vậy, mọi người đều là lính. Tất cả, mỗi làng, mỗi quận huyện là một pháo đài và cả nước chúng tôi là một chiến trường rộng lớn". Ông cũng nói: "Chúng tôi tập trung lực lượng ở vùng này hay vùng khác tùy thuộc vào điều kiện chính trị chiếm ưu thế từng thời kỳ trong từng giai đoạn. Điều này là một nguyên tắc chiến lược rất quan trọng để tiến hành chiến tranh toàn dân". Lòng tin vào vai trò của nguyên tắc cũng quan trọng như đối với kết quả thực hiện. Lần đầu tiên Tướng Giáp nhắc đến một trích dẫn khi còn là sinh viên và ông tin rằng mọi sự xảy ra sau đó trong cuộc đời ông có nguồn gốc từ nguyên tắc đó, mà ông thường nhớ lại: "Chúng tôi ở đây là vì ý nguyện của nhân dân và chúng tôi không bao giờ nhường bước".

Tướng Giáp chống lại (cuộc xâm lược) của người Pháp vì nền độc lập của đất nước ông. Sau đó là chống Mỹ và chính quyền tay sai ở Nam Việt Nam để thống nhất đất nước. Ông nói: "Tôi thuộc về một thế hệ đã lớn lên trong những năm tiếp theo Chiến tranh thế giới lần thứ hai. Vào thời đó, nước tôi, một bộ phận trong Liên bang Đông Dương... đã lệ thuộc vào chính sách bóc lột ghê tởm". Được ý chí của nhân dân thôi thúc và theo lệnh của cấp trên, đã quyết định tự nguyện ông cống hiến cả cuộc đời cho mục tiêu đề ra.

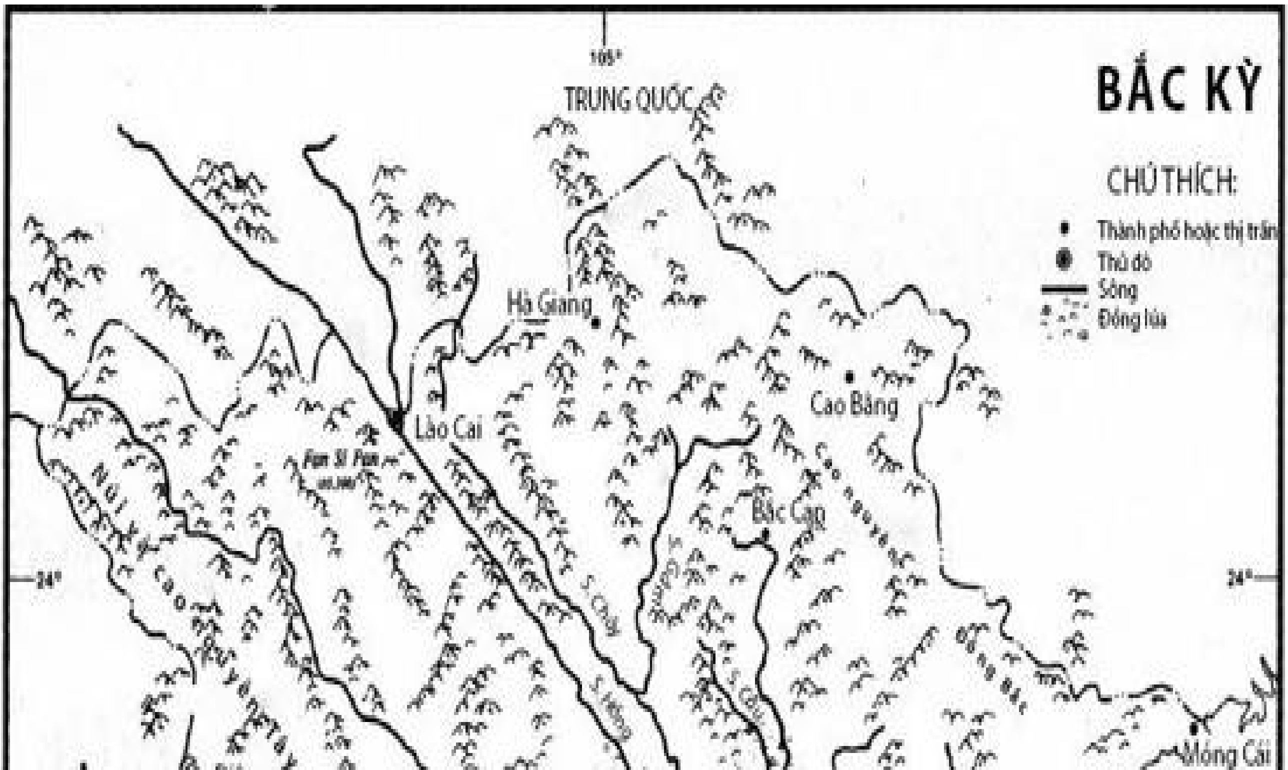
Năm tháng trôi qua, chiến thắng càng được nhân lên, Tướng Giáp càng tỏ ra hiểu rất sâu sắc chiến lược của mình. Nhờ tư duy sáng tạo phong phú và sự hiểu biết vững vàng các nguyên tắc chiến tranh và chiến lược, ông luôn luôn vượt qua các địch thủ của ông vốn được đào tạo theo cách truyền thống hơn. Tính tình ông linh hoạt, kiên nhẫn và ngoan cường. Ông biết chấp nhận thất bại, rút ra những bài học và quay trở lại cuộc chiến khi đã được chuẩn bị tốt hơn. Với tư cách vừa là người giảng dạy vừa là người đào tạo, ông tạo cho quân đội của ông xuất thân từ nông dân một niềm tin vững chắc vào phẩm chất chỉ huy của ông, phát huy lòng dũng cảm để kháng cự, bất kể có lúc đang còn ở thế yếu rõ rệt so với đối phương, cũng như hun đúc cho họ ý chí quyết tâm hy sinh cho sự nghiệp của đất nước. Trên nhiều phương diện, ông là người tổ chức chính của cả nước.

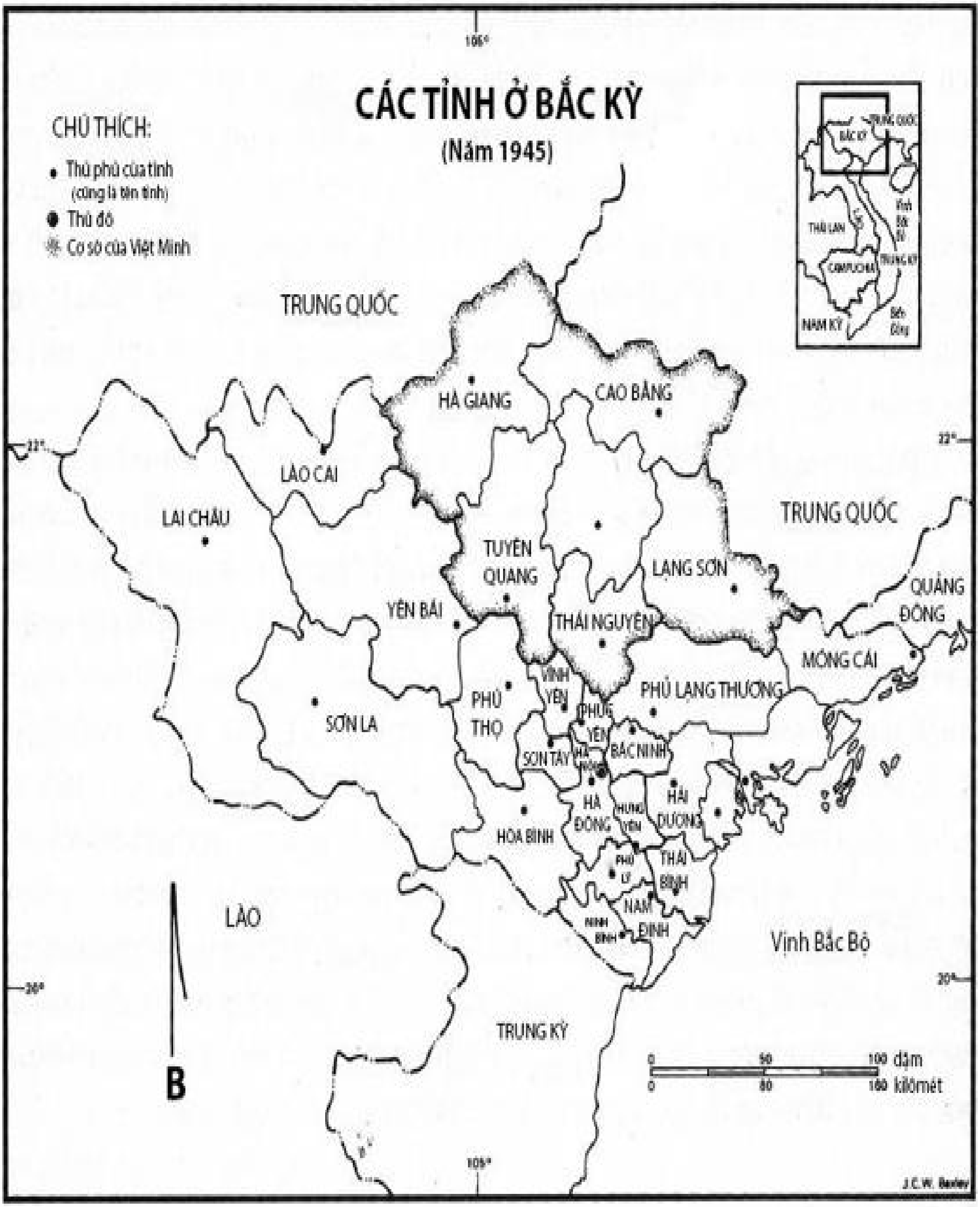
Tướng Giáp thành thạo tài nghệ "tránh né" của người châu Á, biết cách sử dụng yếu tố thời gian và không gian sao cho có lợi, để chống lại khả năng phản ứng năng động và các công nghệ tiên tiến của phương Tây. Và ông đã thắng. Trong suốt chiều dài lịch sử, ít người giành được nhiều chiến tích có tầm cỡ ngang với ông.

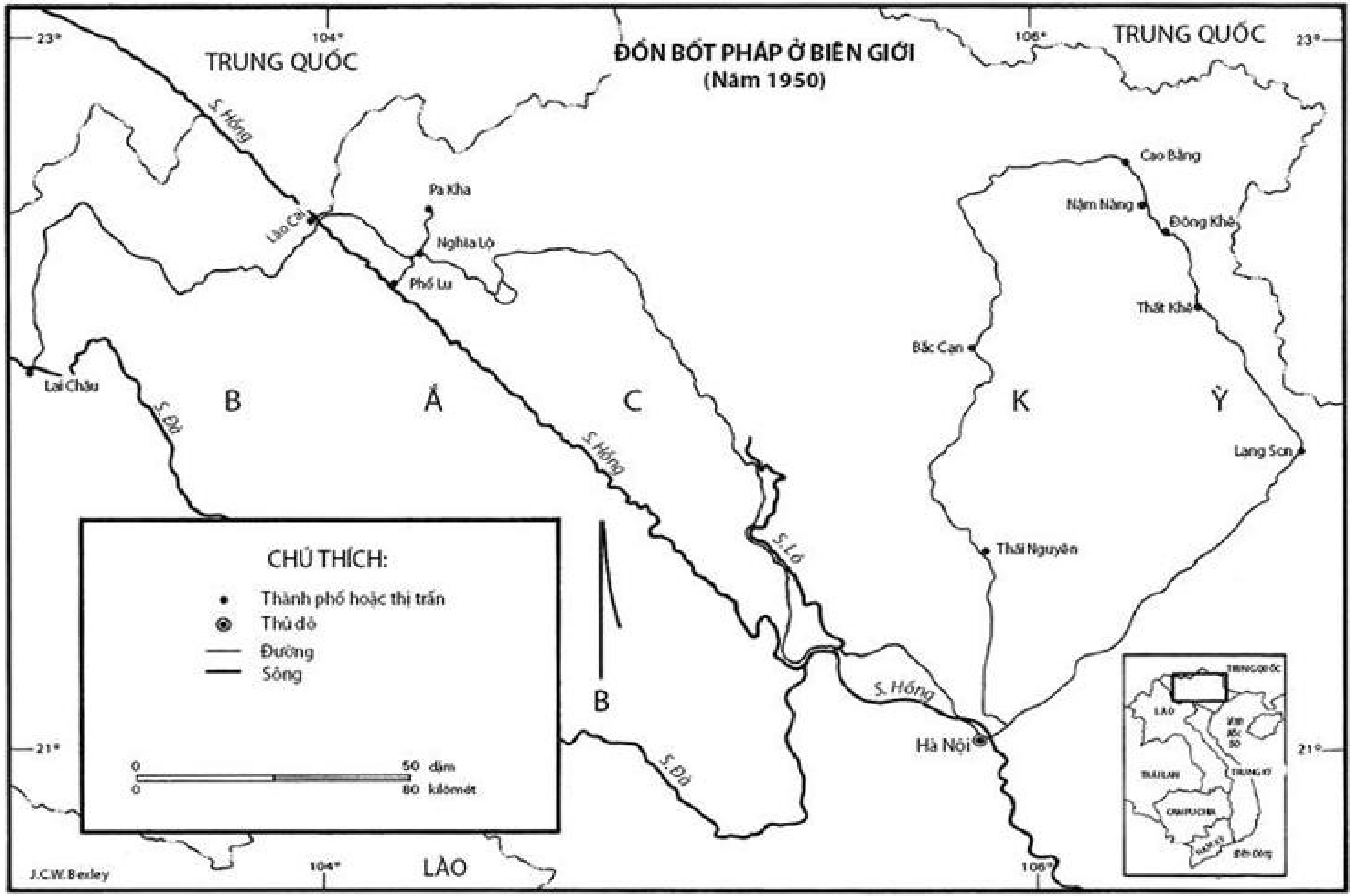

BẮC KỲ
Hà Nội
Vịnh Bắc Bộ
Thanh Hóa
TRUNG KỲ
HẢI NAM
(Trung Quốc)
Vinh
DÃY TRƯỜNG SƠN
THUNG LŨNG SÔNG MÊ KÔNG
LÀO
Đồng Hới
An Xá
ĐỒNG BẰNG DUYÊN HẢI
Huế
Đà Nẵng
B
THÁI LAN
TRUNG KỲ
CHÚ THÍCH:
Thành phố hoặc thị trấn
Thủ đô
Sông
Đồng lúa
Pleiku
CAMPUCHIA
Ban Mê Thuột
TRUNG KỲ
Nha Trang
Đà Lạt
0 100 dặm
0 160 kilômét
Phnom Penh
NAM KỲ
Biển Đông
Sài Gòn
104°
108°
20°
16°
12°

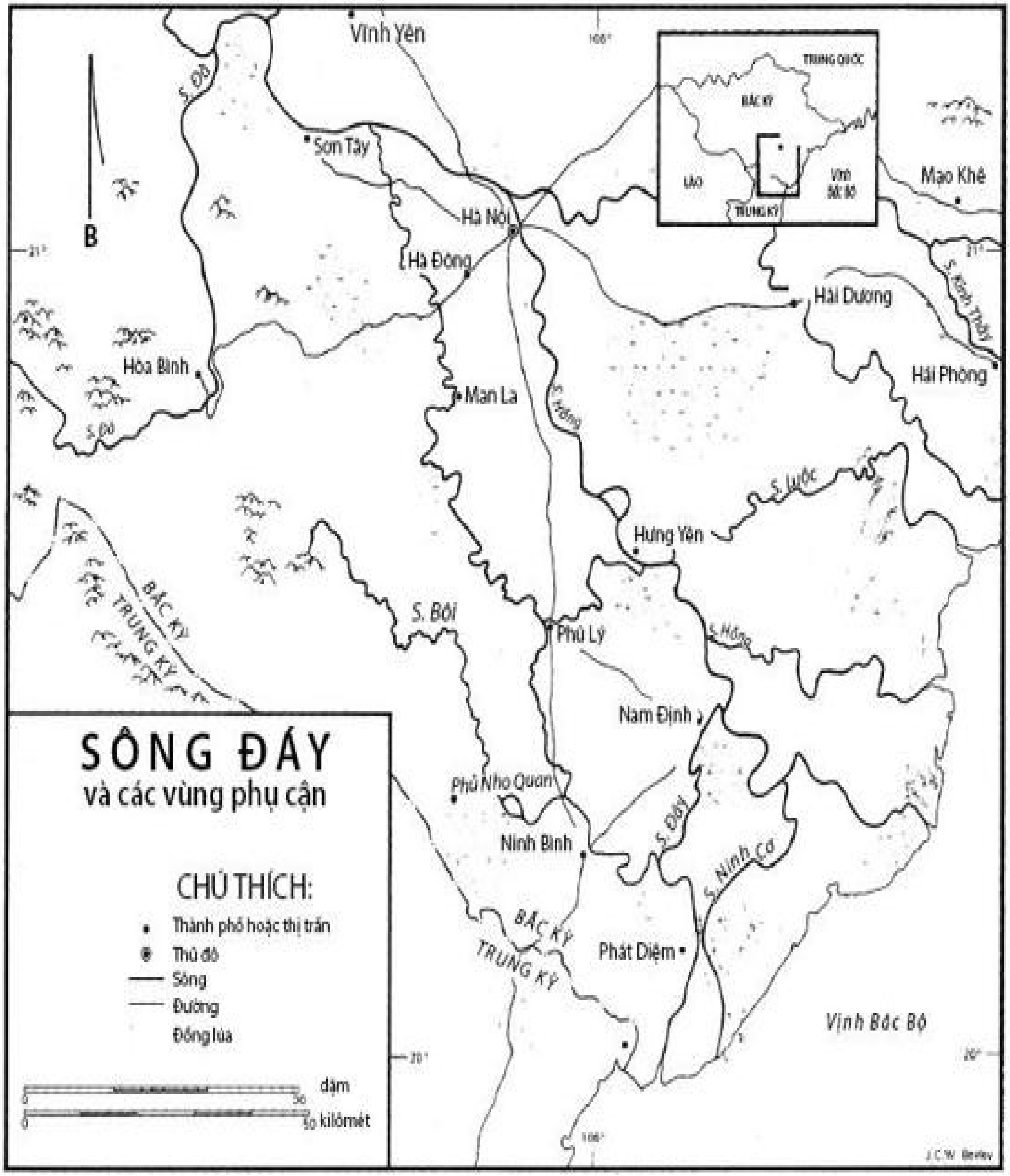


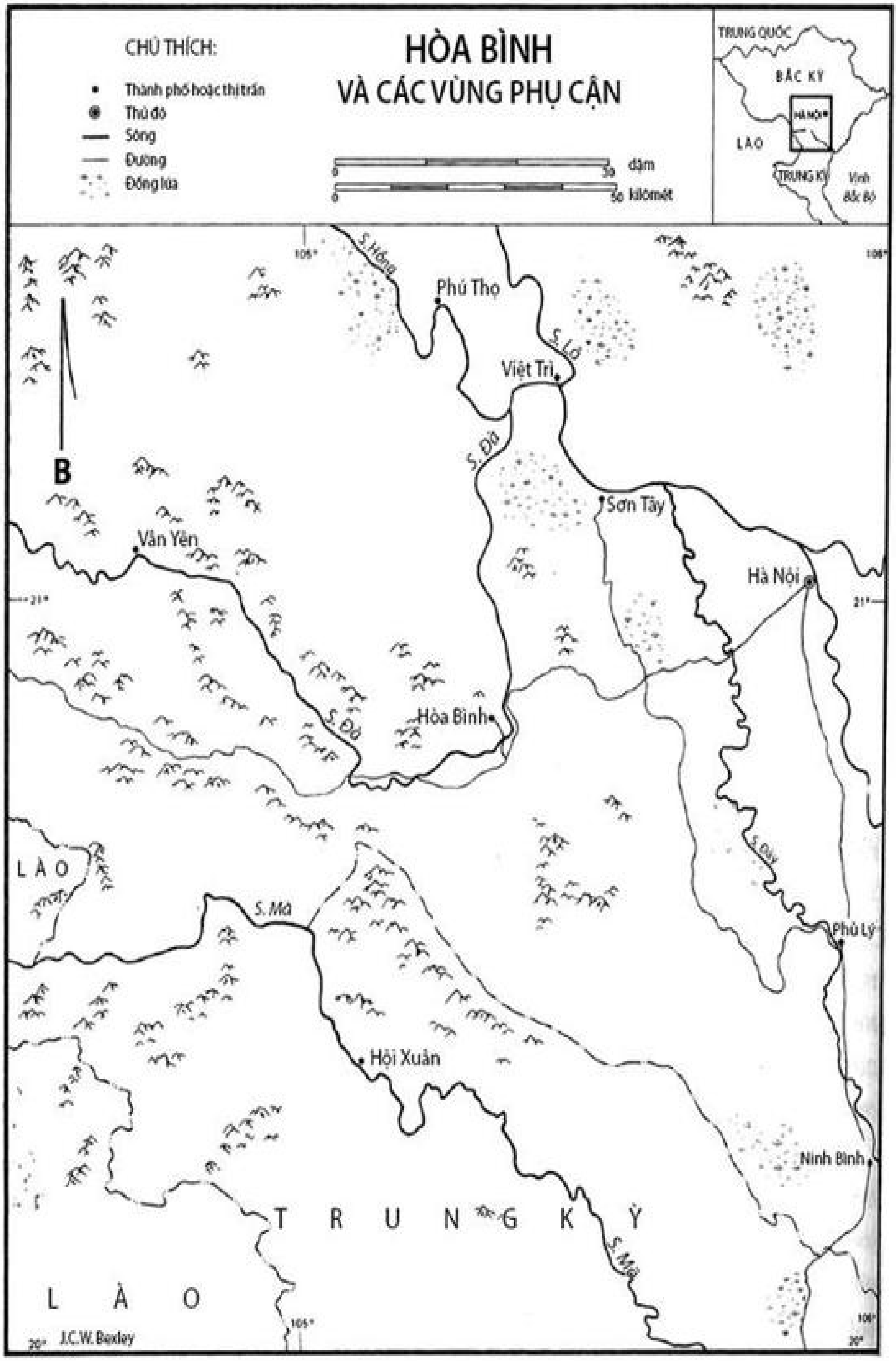
CÁC TỈNH Ở TRUNG KỲ
(Năm 1960)


BẮC KỲ
CHÚ THÍCH:
Thành phố hoặc thị trấn
Thủ đô
Sông
Đồng lúa
105°
TRUNG QUỐC
Hà Giang
Cao Bằng
Lào Cai
Fan Si Pan
Bắc Cạn
S. Chảy
S. Hồng
S. Cầu
24°
Móng Cái
Điện
Biên
Phủ
BẮC KỲ
LÀO
Hà Nội
Hải Phòng
Nam Định
BẮC KỲ
Vịnh Bắc Bộ
TRUNG KỲ
Đồng bằng châu thổ
20°
B
0 50 100 dặm
0 80 160 kilômét


CÁC TỈNH Ở BẮC KỲ
(Năm 1945)
CHÚ THÍCH:
Thủ phủ của tỉnh (cũng là tên tỉnh)
Thủ đô
Cơ sở của Việt Minh
TRUNG QUỐC
HÀ GIANG
CAO BẰNG
LÀO CAI
LAI CHÂU
TUYÊN QUANG
LẠNG SƠN
TRUNG QUỐC
QUẢNG ĐÔNG
YÊN BÁI
THÁI NGUYÊN
MÓNG CÁI
VĨNH YÊN
PHÚ THỌ
PHÚC YÊN
PHỦ LẠNG THƯƠNG
SƠN LA
SƠN TÂY
BẮC NINH
HÀ ĐÔNG
HƯNG YÊN
HẢI DƯƠNG
HÒA BÌNH
PHỦ LÝ
THÁI BÌNH
NAM ĐỊNH
NINH BÌNH
LÀO
Vịnh Bắc Bộ
TRUNG KỲ
B
0 50 100 dặm
0 80 160 kilômét
THÁI LAN
CAMPUCHIA
NAM KỲ
BẮC KỲ
TRUNG KỲ
J.C.W. Bexley

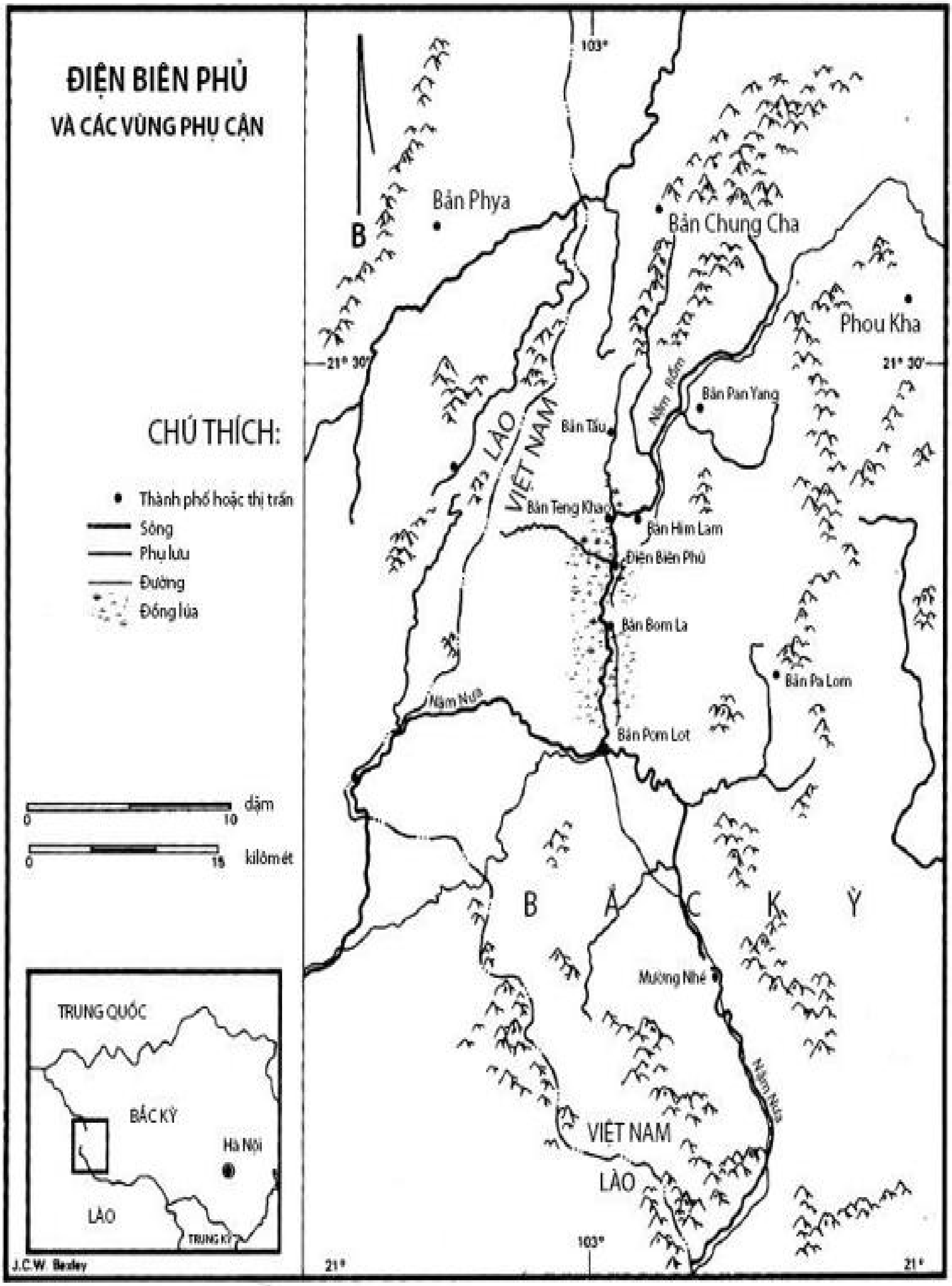

ĐỒN BỐT PHÁP Ở BIÊN GIỚI
(Năm 1950)
TRUNG QUỐC
TRUNG QUỐC
LÀO
23°
23°
21°
21°
104°
104°
106°
106°
S. Hồng
S. Hồng
S. Hồng
S. Đà
S. Đà
S. Lô
Lào Cai
Pa Kha
Nghĩa Lộ
Phố Lu
Lai Châu
Cao Bằng
Nậm Nàng
Đông Khê
Thất Khê
Bắc Cạn
Lạng Sơn
Thái Nguyên
Hà Nội
B
Ắ
C
K
Ỳ
B
CHÚ THÍCH:
Thành phố hoặc thị trấn
Thủ đô
Đường
Sông
0
50 dặm
0
80 kilômét
J.C.W. Bexley


SÔNG ĐÁY
và các vùng phụ cận
CHÚ THÍCH:
Thành phố hoặc thị trấn
Thủ đô
Sông
Đường
Đồng lúa
dặm
kilômét
Vĩnh Yên
Sơn Tây
Hà Nội
Hà Đông
Hòa Bình
Man La
Hưng Yên
Phủ Lý
Nam Định
Phủ Nho Quan
Ninh Bình
Phát Diệm
Hải Dương
Hải Phòng
Mạo Khê
S. Đà
S. Hồng
S. Luộc
S. Bôi
S. Đáy
S. Ninh Cơ
S. Kinh Thầy
BẮC KỲ
TRUNG KỲ
Vịnh Bắc Bộ
TRUNG QUỐC
LÀO
B
21°
20°
106°
J.C.W. Bexley


HÒA BÌNH
VÀ CÁC VÙNG PHỤ CẬN
CHÚ THÍCH:
Thành phố hoặc thị trấn
Thủ đô
Sông
Đường
Đồng lúa
dặm
kilômét
TRUNG QUỐC
BẮC KỲ
HÀ NỘI
LÀO
TRUNG KỲ
Vịnh Bắc Bộ
105°
106°
21°
20°
B
S. Hồng
Phú Thọ
S. Lô
Việt Trì
S. Đà
Sơn Tây
Văn Yên
Hà Nội
Hòa Bình
S. Đà
LÀO
S. Mã
S. Đáy
Phủ Lý
Hồi Xuân
Ninh Bình
TRUNG KỲ
S. Mã
LÀO
J.C.W. Baxley



TRUNG QUỐC
TRUNG QUỐC
BẮC KỲ
MIỀN ĐIỆN
Hà Nội
Luang Prabang
Vịnh
Bắc Bộ
LÀO
Vinh
Vientiane
TÌNH HÌNH NĂM 1953
(Bản đồ của tướng Navarre)
CHÚ THÍCH:
Huế
Đà Nẵng
Pak Se
THÁI LAN
TRUNG KỲ
CAMPUCHIA
Đà Lạt
Phnom Penh
NAM KỲ
Vịnh Thái Lan
Sài Gòn
Biển Đông
B



ĐIỆN BIÊN PHỦ
VÀ CÁC VÙNG PHỤ CẬN
CHÚ THÍCH:
Thành phố hoặc thị trấn
Sông
Phụ lưu
Đường
Đồng lúa
dặm
0
10
kilômét
0
15
TRUNG QUỐC
BẮC KỲ
Hà Nội
LÀO
TRUNG KỲ
J.C.W. Bexley
B
103°
Bản Phya
Bản Chung Cha
Phou Kha
21° 30'
21° 30'
Bản Pan Yang
Nậm Rốm
Bản Tấu
LÀO
VIỆT NAM
Bản Teng Khao
Bản Him Lam
Điện Biên Phủ
Bản Bom La
Bản Pa Lom
Nậm Nưa
Bản Pom Lot
B Ắ C K Ỳ
Mường Nhé
Nậm Nưa
VIỆT NAM
LÀO
21°
103°
21°

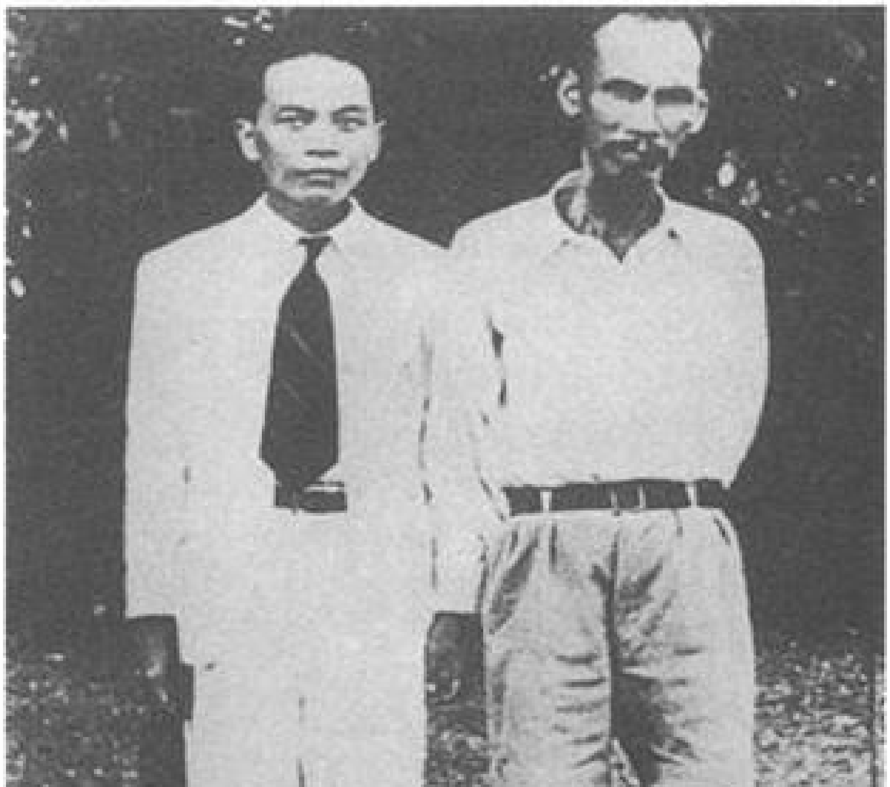
Hồ Chí Minh và Võ Nguyên Giáp tại Hà Nội. Sau cuộc gặp gỡ đầu tiên với Hồ Chí Minh tại Trung Quốc năm 1940, Võ Nguyên Giáp trở thành học trò xuất sắc của Hồ Chí Minh và được Hồ Chí Minh chọn là người đứng ra tổ chức quân đội đầu tiên vào năm 1944.

Nguồn: Võ Nguyên Giáp

Ảnh chụp Hồ Chí Minh (trái) và Võ Nguyên Giáp (phải) ngồi trong xe ô tô tại Hà Nội năm 1945.

Nguồn: Allison Kent Thomas


Best greetings
from
Ho chi Minh







Hồ Chí Minh và Võ Nguyên Giáp chụp ảnh cùng các thành viên của Đội Con Nai (Mỹ). Hàng đứng (từ trái sang phải): không xác định, René Defourneaux, Hồ Chí Minh, Allison Kent Thomas, Võ Nguyên Giáp, Henry Prunier, Đàm Quang Trung, không xác định, Paul Hoaglund. Hàng ngồi: Lawrence Vogt, Aaron Squires, không xác định.

Nguồn: Allison Kent Thomas

Hồ Chí Minh đang đọc Tuyên ngôn Độc lập tại Quảng trường Ba Đình, Hà Nội ngày 2/9/1945.

Nguồn: Allison Kent Thomas



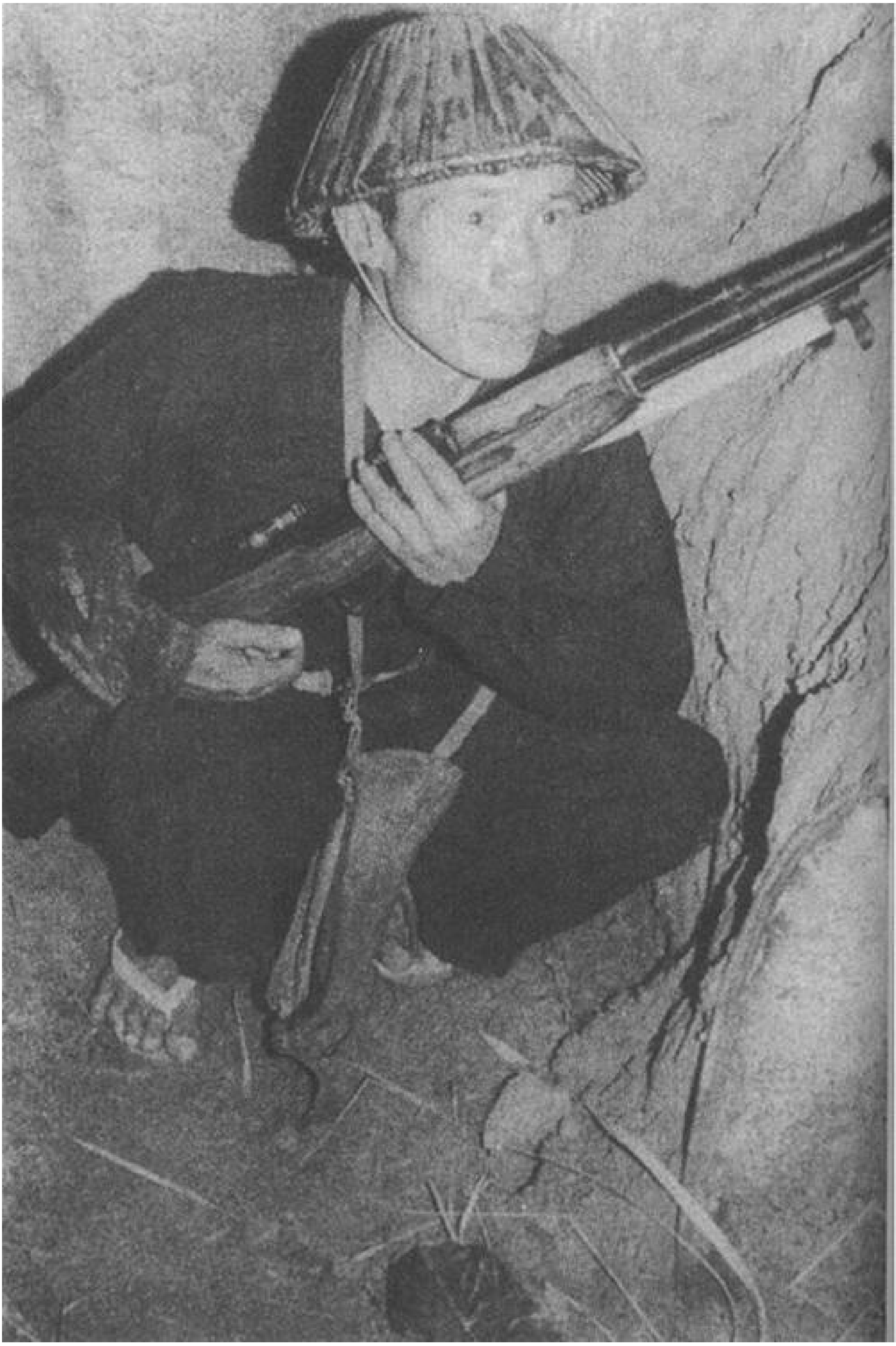
Võ Nguyên Giáp và người vợ thứ hai, Đặng Bích Hà, năm 1956. Dù Võ Nguyên Giáp rất yêu vợ và các con, cháu nhưng họ luôn luôn biết rằng họ chỉ đứng thứ hai trong mối quan tâm của ông, bởi mối quan tâm hàng đầu là ông dành cho đất nước và sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Nguồn: Võ Nguyên Giáp



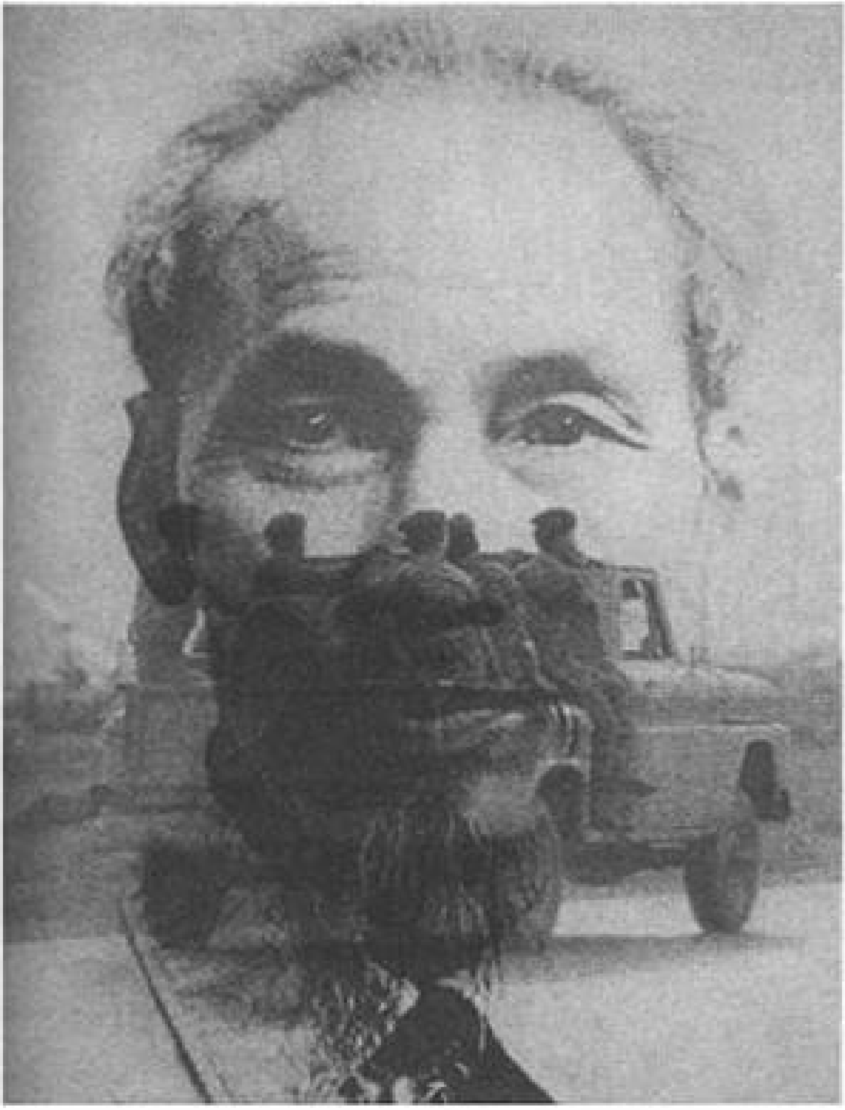
Con gái của Võ Nguyên Giáp với người vợ đầu - Võ Hồng Anh - và các con của Võ Nguyên Giáp với người vợ thứ hai: (từ trái sang phải) Võ Hòa Bình, Võ Điện Biên, Võ Hồng Nam, Võ Hạnh Phúc. Ảnh chụp năm 1960.

Nguồn: Võ Nguyên Giáp



Vũ khí chính mà quân đội của Võ Nguyên Giáp sử dụng để chống lại ngụy quân Sài Gòn và quân đội Mỹ: đội quân du kích.

Nguồn: Lưu trữ Quốc gia





(Trên)

Trong ảnh này, một người Bắc Việt đang bị một toán lính Mỹ bắt năm 1969. Hình ảnh Hồ Chí Minh trở thành nỗi ám ảnh với ngụy quân Sài Gòn khi chúng hướng về cuộc chiến tranh với sự can thiệp ngày càng sâu của Mỹ.

Nguồn: Dennis W. Currey

(Dưới)

Quân đội Nhân dân Việt Nam (Bắc Việt) thường xuyên diễu hành trên đường phố Hà Nội trong những năm 1960.

Nguồn: Lưu trữ Quốc gia





(Trên)

Võ Nguyên Giáp (phải) đang nói chuyện với các chiến sĩ của Quân đội Nhân dân tháng 12/1965. Tướng Văn Tiến Dũng đi phía sau.

Nguồn: Lưu trữ Quốc gia

(Trái)

Ảnh chụp chân dung Đại tướng Võ Nguyên Giáp với bộ quân phục đầy đủ, năm 1968.

Nguồn: Võ Nguyên Giáp



Lễ kỷ niệm 45 năm Cách mạng Tháng Tám được tổ chức tại Kim Long (nay là Tân Trào), năm 1990. Đây là cây đa Allison Kent Thomas đã bị vướng vào khi ông và các thành viên khác của Đội Con Nai nhảy dù xuống để hỗ trợ cho lực lượng của Võ Nguyên Giáp năm 1945.

Nguồn: Allison Kent Thomas

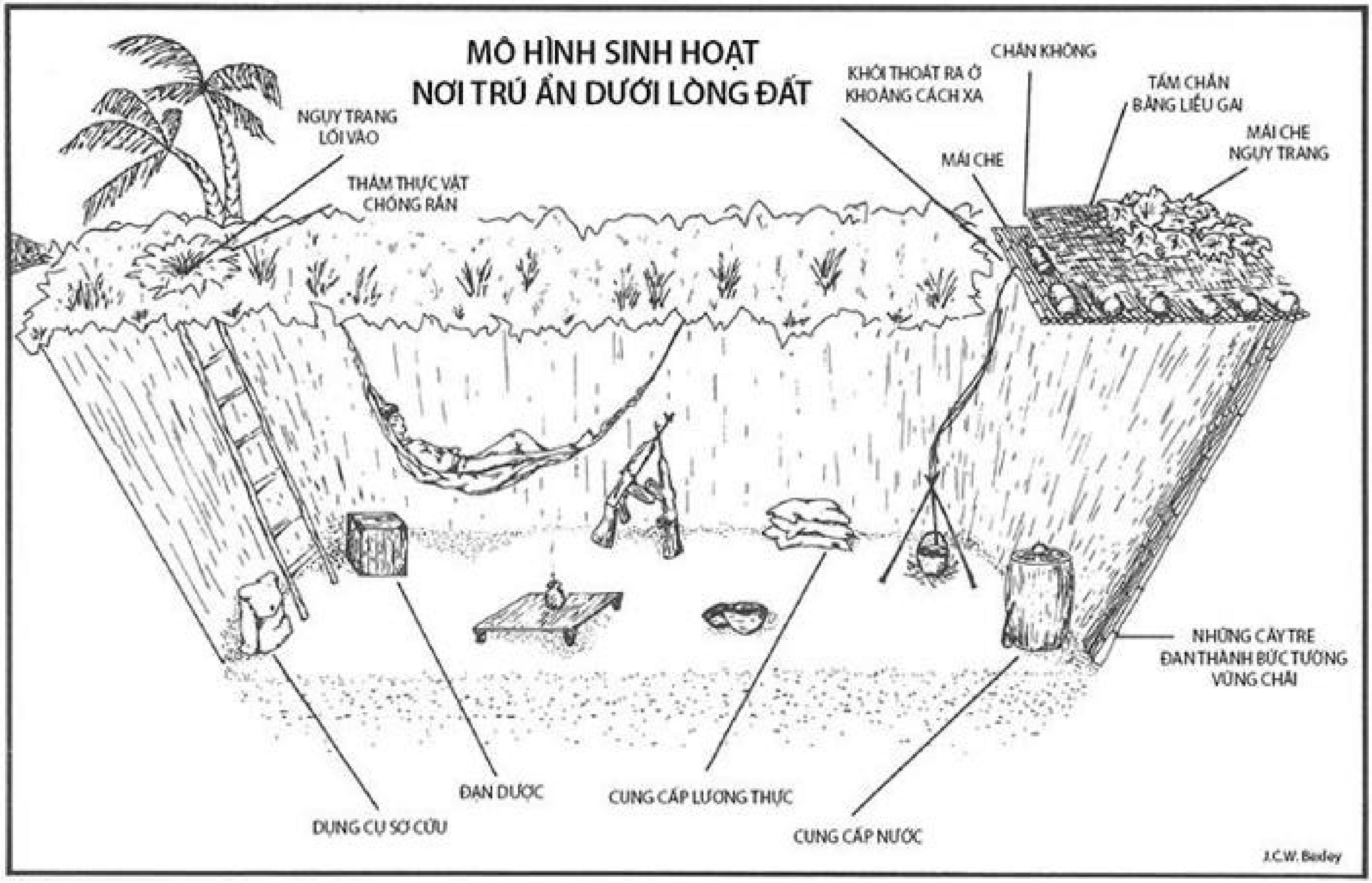
Võ Nguyên Giáp và Đặng Bích Hà đứng trước sân nhà tại Hà Nội, năm 1991.

Nguồn: Võ Nguyên Giáp

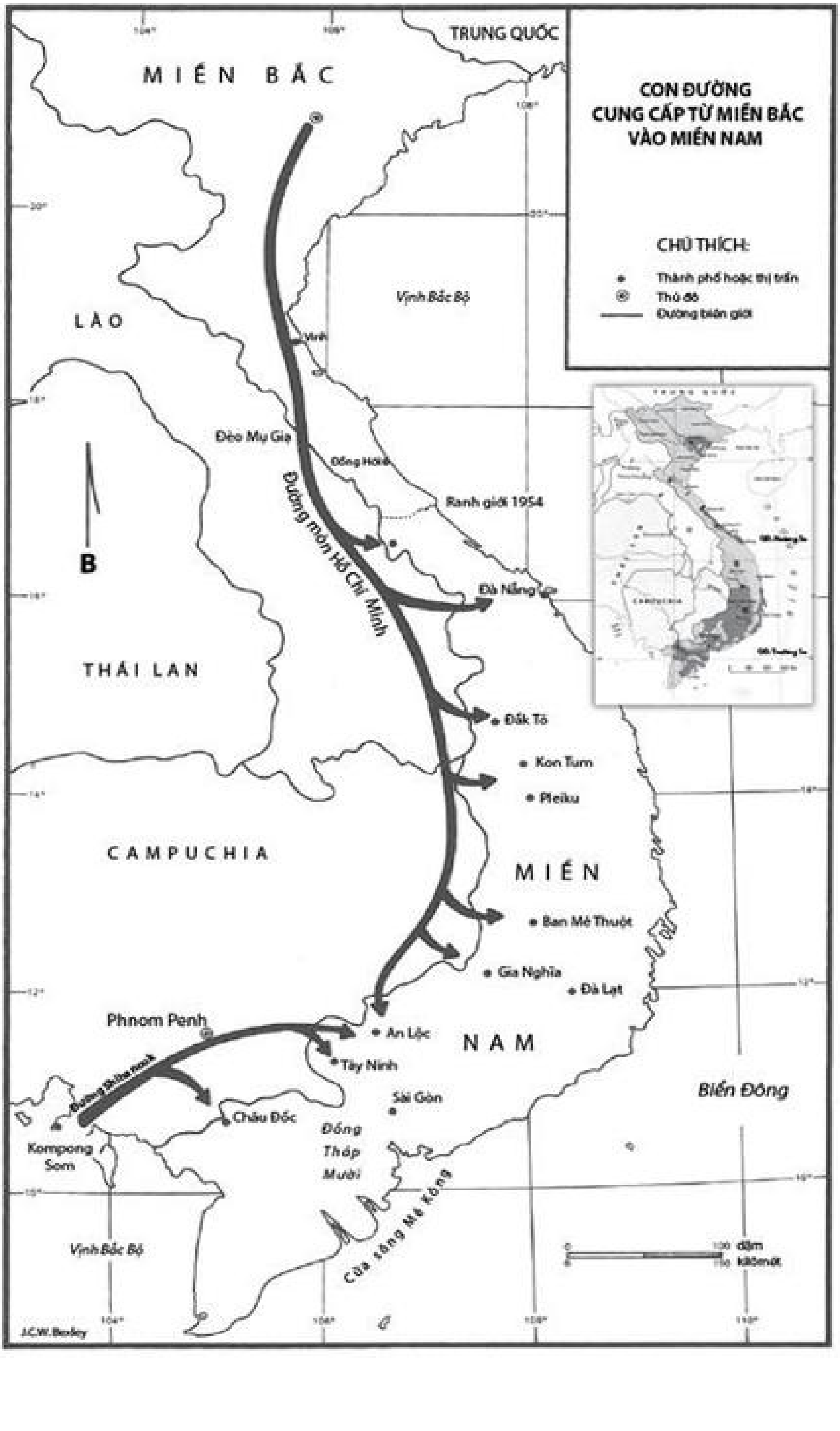




Võ Nguyên Giáp và tác giả tại Hà Nội



MÔ HÌNH SINH HOẠT
NƠI TRÚ ẨN DƯỚI LÒNG ĐẤT
NGỤY TRANG LỐI VÀO
THẢM THỰC VẬT CHỐNG RẮN
KHÓI THOÁT RA Ở KHOẢNG CÁCH XA
CHÂN KHÔNG
TẤM CHẮN BẰNG LIỄU GAI
MÁI CHE NGỤY TRANG
MÁI CHE
NHỮNG CÂY TRE ĐAN THÀNH BỨC TƯỜNG VỮNG CHÃI
DỤNG CỤ SƠ CỨU
ĐẠN DƯỢC
CUNG CẤP LƯƠNG THỰC
CUNG CẤP NƯỚC
J.C.W. Bexley



CON ĐƯỜNG
CUNG CẤP TỪ MIỀN BẮC
VÀO MIỀN NAM
CHÚ THÍCH:
Thành phố hoặc thị trấn
Thủ đô
Đường biên giới
TRUNG QUỐC
MIỀN BẮC
Vịnh Bắc Bộ
LÀO
Vinh
Đèo Mụ Giạ
Đồng Hới
Ranh giới 1954
Đường mòn Hồ Chí Minh
B
Đà Nẵng
THÁI LAN
Đắk Tô
Kon Tum
Pleiku
CAMPUCHIA
MIỀN
NAM
Ban Mê Thuột
Gia Nghĩa
Đà Lạt
Phnom Penh
An Lộc
Tây Ninh
Sài Gòn
Biển Đông
Châu Đốc
Đồng Tháp Mười
Kompong Som
Vịnh Bắc Bộ
Cửa sông Mê Kông
dặm
kilômét

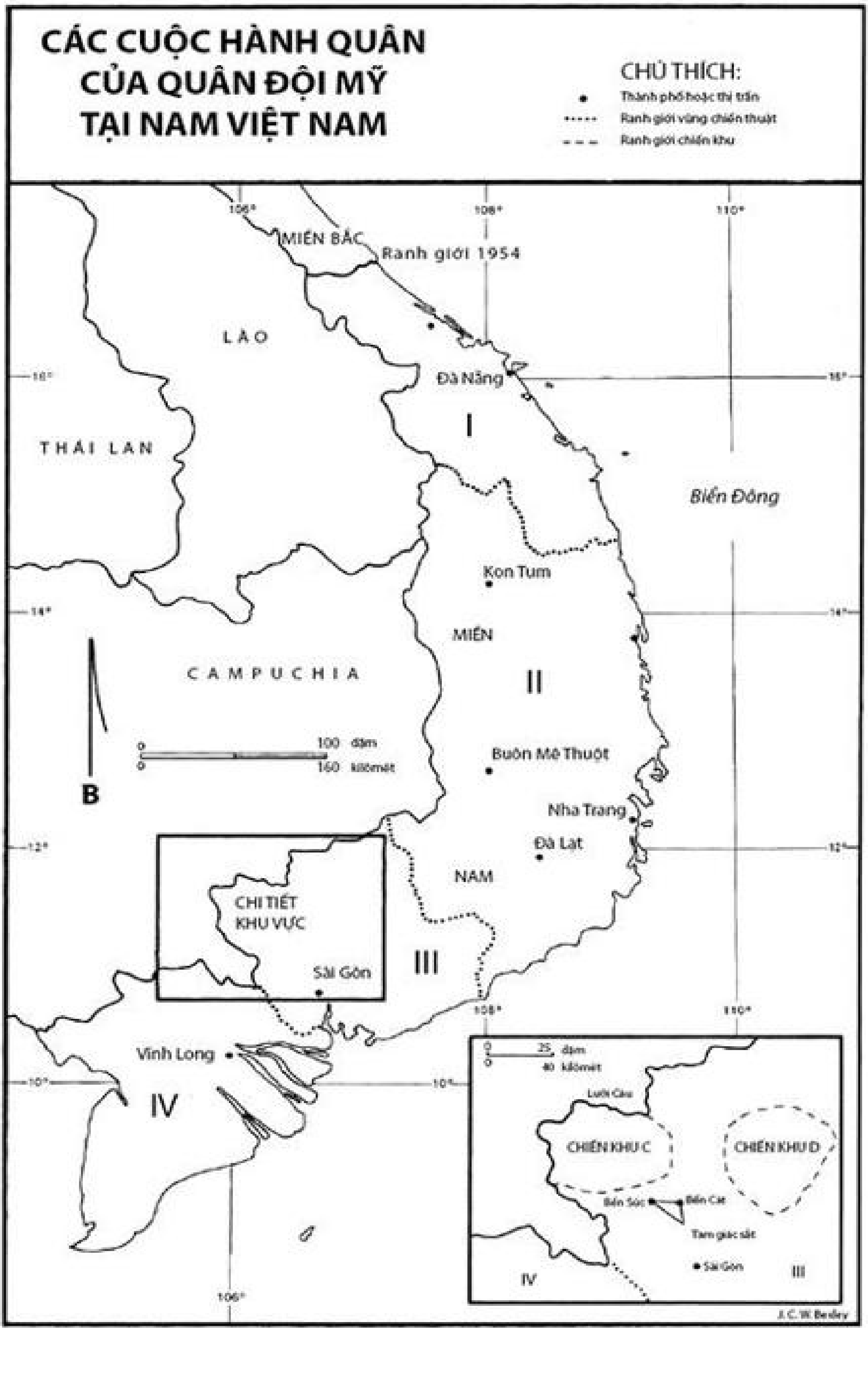

CÁC CUỘC HÀNH QUÂN
CỦA QUÂN ĐỘI MỸ
TẠI NAM VIỆT NAM
CHÚ THÍCH:
Thành phố hoặc thị trấn
Ranh giới vùng chiến thuật
Ranh giới chiến khu
MIỀN BẮC
Ranh giới 1954
LÀO
THÁI LAN
Đà Nẵng
I
Biển Đông
Kon Tum
MIỀN
II
CAMPUCHIA
0
100 dặm
0
160 kilômét
B
Buôn Mê Thuột
Nha Trang
Đà Lạt
NAM
CHI TIẾT
KHU VỰC
Sài Gòn
III
Vinh Long
IV
0
25 dặm
0
40 kilômét
Lưới Câu
CHIẾN KHU C
CHIẾN KHU D
Bến Súc
Bến Cát
Tam giác sắt
Sài Gòn
IV
III
J. C. W. Besley

Table of Contents